**KINH ĐỊA TẠNG BỒ TÁT GIẢNG GIẢI**

**Bài khai pháp**

Nam mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc thế giới Đại Từ Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Mi Đà Phật!

Nam mô Bản Tôn Địa Tạng Vương Bồ Tát tác đại chứng minh.

 Kính bạch chư tôn đức Tăng Ni, kính thưa các quý vị liên hữu phật tử đồng tu. Hôm nay là ngày 10/6 năm Ất Mùi, Đạo tràng Tịnh Tông học hội Việt Nam, chùa Khai Nguyên, chùa Tản Viên, chùa Hoàng Tân chúng ta long trọng tổ chức pháp hội khai kinh, đọc tụng và thụ trì bộ kinh Bản Nguyện Của Bồ Tát Địa Tạng. Pháp hội nguyện cầu cho quốc thái dân an, thế giới hòa bình, chúng sinh an lạc. Chúng ta nương vào bản nguyện của Bồ Tát Địa Tạng, ngưỡng mong Ngài gia hộ để lục thân quyến thuộc của chúng ta hiện đời được bình an, mạnh khỏe, tín tâm kiên cố trên con đường giác ngộ. Đối với những người thân của chúng ta đã quá vãng, nếu các vị đó đang ở trong tam đồ khổ thì nguyện các vị sớm được sinh về cõi lành, được gặp Phật pháp, được gặp pháp môn Tịnh Độ. Từ đó, tin sâu, nguyện thiết, một lòng trì niệm danh hiệu Đức Phật A Mi Đà Phật, cầu vãng sinh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, một đời bất thoái thành Phật.

 Giờ này chắc có người đang khởi tâm phân biệt, thắc mắt rằng vì sao một đạo tràng Tịnh Độ nay lại đi khai Kinh Địa Tạng, mở pháp hội Địa Tạng? Kinh Địa Tạng đâu phải thuộc Tịnh Độ ngũ kinh, tại sao lại không giữ “Nhất môn thâm nhập, trường kỳ huân tu” như Hòa Thượng Tịnh Không - viện chủ Tịnh Tông học hội Thế giới đề ra? Hơn nữa tôi cũng từng nói rằng sẽ “Nhất môn thâm nhập, trường kỳ huân tu”. Hay là Đạo tràng chúng ta thay đổi đường lối tu hành rồi hay ư?

 Chúng ta biết Đức Phật khi còn tại thế, Ngài đã quán xét và thấy biết được tận cùng nghiệp tính của chúng sinh. Chính vì thế nên Ngài mới thuyết ra tám vạn bốn ngàn pháp môn tu, khiến cho phù hợp với tất cả căn cơ của chúng sinh. Căn cơ của chúng sinh không đồng nhau, mỗi người thích một kiểu. Người thích ngồi thiền, người thích học giáo, người muốn chuyên tu các phép quán, người muốn niệm Phật.... Ngay khi Đức Phật còn tại thế, có những vị để tử sau khi tu chứng, họ muốn ở lại thế giới này, phát nguyện kiếp sau tiếp tục làm người để độ sinh; lại có người chỉ mong kiếp sau sinh ra được làm người để đoàn tụ với lục thân quyến thuộc...

 Đối với chúng ta, những người cầu nguyện được vãng sinh về Tây Phương Cực Lạc, ta cũng gặp nhiều người họ không tin vào pháp môn Tịnh Độ, không tin rằng niệm Phật thì có thể vãng sinh. Chúng ta biết niềm tin này không phải dễ dàng mà có được. Trong các quý vị ngồi đây, nhất là những cụ già, cuộc đời đã trải qua nhiều thăng trầm, thấm thía sự thịnh suy, vô thường của cuộc đời. Khi gặp Pháp môn Tịnh Độ quý vị liền có thể tin ngay, liền có thể phát nguyện về Tây Phương. Khi thấy được sự thù thắng của pháp môn niệm Phật, quý vị liền về khuyên bảo con cháu, bạn bè cùng niệm Phật, chỉ mong sao cho họ cũng tin Phật, niệm Phật và cùng được về Tây Phương, sớm thoát ly tinh tử, mau chóng thành Phật. Thế nhưng thật buồn là có vị nói mãi chẳng có ai tin. Vì sao lại thế? Vì trong Kinh Đức Phật có dạy " Pháp môn niệm Phật là pháp môn nan tín chi pháp'', tức là pháp khó tin. Ngay cả đối với người xuất gia tu hành nhiều năm, nhân duyên của họ chưa đủ, cho nên đối với pháp môn Tịnh Độ cũng có người chưa tin, huống chi là người còn đang chìm đắm trong dục vọng luân hồi?

 Hiện nay đã vào thời kỳ Mạt pháp, chúng ta đời này có nhân duyên với Tam Bảo, nghe nói đến niệm Phật cầu vãng sinh, quý vị khởi niệm tin ngay. Nghe nói chúng tôi mở pháp hội tụng Kinh Địa Tạng để tiêu trừ nghiệp chướng, báo hiếu tổ tiên, trả nợ cho oan gia trái chủ... trả hết nợ rồi, báo tận ân rồi chúng ta tự do tự tại vãng sinh về Tây Phương Cực Lạc, diện kiến A Mi Đà Phật để cầu thành Phật, cho nên các vị gác lại hết công việc gia đình, xã hội mà đến với chúng tôi. Chứng tỏ các quý vị đã nhiều đời nhiều kiếp gieo trồng duyên lành với A Mi Đà Phật rồi, với Bồ tát Địa Tạng rồi, cho nên hôm nay vừa nghe nói Chùa Khai Nguyên có pháp hội khai Kinh Địa Tạng các quý vị liền tin theo ngay, liền đến tham dự ngay. Như vậy biết rằng các quý vị đều là người có công đức lớn, đều là người đã từng gieo căn lành với Phật, với Bồ Tát từ vô lượng kiếp trước rồi. Xin chúc mừng các quý vị, vì trong tương lai gần các quý vị đều sẽ được thoát khổ và sẽ sớm được sinh về Tây Phương Cực Lạc; mà sớm sinh Tây Phương Cực Lạc tức là sớm được thành Phật trong nay mai đó thưa quý vị. Chỉ cần tin sâu bộ Kinh Địa Tạng này, trì một câu Phật hiệu A Mi Đà Phật này để cầu sinh Tịnh Độ là chúng ta đã nhất tâm y giáo phụng hành trọn vẹn lời dạy của đức Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật vậy.

 Biết bao đệ tử xuất gia, tại gia của Đức Phật đã tu tập nhiều đời, nhiều kiếp. Họ có nhiều phúc đức, rồi được sinh lên các cõi trời Dục Giới, Sắc Giới và Vô Sắc Giới, hoặc làm bậc vua chúa thông minh, trí tuệ ở thế gian. Thế nhưng khi hưởng hết phúc họ lại phải xuống nhân gian làm người như chúng ta. Cứ xoay chuyển như vậy, khi hưởng phúc ở các cõi trên mà không biết tu học Phật pháp để tiến lên, đến khi hết phúc có khi còn bị đọa vào ác đạo. Trong kinh Đức Phật nói: mất đi thân người rồi, những người được đầu thai làm người lại thì như đất ở trong móng tay, còn đọa vào đường ác thì nhiều như đất ở đại địa. Đến lúc đọa lạc rồi, làm súc sinh thì ngu si, ngã quỷ thì đói khát, địa ngục thì khổ đau không sao tả siết. Chúng ta phải biết được thân người là khó, mất thân người rồi mong được lại càng khó hơn. Khi còn thân người mà chẳng lo tu tập cầu để giải thoát, tới khi chết đi, tinh thần hoảng loạn, ở trong cảnh giới u minh tăm tối, thân tâm phảng phật, vất vưởng đó đây, hoảng loạn rối bời, khổ đau khôn cực thì tu sao được? Trong kinh Địa Tạng có nói đến cá Địa ngục, những nỗi khổ của tội nhân, có kể nhiều đời nhiều kiếp cũng không thể kể hết được. Các quý vị, hôm nay trong đạo tràng đây phải ngay lời nói đó để nhận biết được, ngay lời nói đó mà phát Bồ Đề tâm cầu sinh Tịnh Độ thì chẳng uổng tâm nguyện độ sinh của Phật của Tổ vậy.

Đầu thai vào bụng mẹ, chúng ta quên hết những nỗi thống khổ chúng ta phải chịu trong những kiếp quá khứ. Cứ u mê, tăm tối! Rồi ở cõi Sa Bà làm tốt thì khó, làm ác thì dễ. Quý vị cứ nhìn những mảnh đất hoang ở cõi này, có bao giờ tự nhiên không phải cần mẫn chăm sóc, chúng ta thu hoạch được hoa thơm và trái ngọt, toàn cỏ dại mọc , một khi cỏ đã mọc thì mọc rất nhanh. Tâm địa của phàm phu cõi này có khác gì, nhiều mầm mống của thói hư tật xấu, chúng ta đã gieo trồng quá nhiều, chúng đã in dấu vào tâm chúng ta quá sâu đậm.

Hòa Thượng Tịnh Không không đề xướng tụng trì kinh Địa Tạng kết hợp với trì danh niệm Phật để cầu vãng sinh nhưng trong suốt quá trình giảng dạy của Ngài, Ngài luôn nhấn mạnh sự kỳ vọng của Ngài đối với đồng tu Tịnh Tông là làm được 5 khóa mục: Tam Phước, Lục Hòa, Tam Học, Lục Độ và 10 nguyện Phổ Hiền.

 ***Tam Phước đó là gì:***

*- Một là Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp.*

*- Hai là thọ trì tam quy, cụ túc chúng giới, bất phạm uy nghi.*

*- Ba là Phát Bồ đề Tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng đại thừa, khuyến tấn hành giả.* Hòa Thượng thường dạy cái gốc của người tu hành đó là “Hiếu thân, Tôn sư.” Một người không hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng thì có là hành giả Tịnh Độ, có niệm 10 vạn danh hiệu Phật mỗi ngày thì A Mi Đà Phật cũng không nể tình riêng để mà đón họ. Tây phương Cực Lạc là cõi của các Bậc thượng thiện tụ hội về tu học. Bạn không làm tròn chữ hiếu – tiêu chuẩn của con người, thì bạn đâu có khả năng về đấy được.

Nhắc đến kinh Địa Tạng, người ta nhắc đến đây là một bộ kinh nói về hiếu đạo. Hòa Thượng khi đến bất kỳ Đạo Tràng mới nào, bộ kinh đầu tiên Ngài Giảng ở đó là Bộ kinh Địa Tạng . Vì đó chính là nền tàng của sự tu hành, dạy người ta hiếu đạo, dạy người ta nhân quả và biết bao những giáo lý thâm sâu khác.

 Trong pháp hội tại cung trời Đao Lợi, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni bảo với Bồ Tát Địa Tạng rằng**: *“ Các ông ngày hôm nay, nên nhớ lời Như Lai, ân cần phó chúc cho, tại cung trời Đao Lợi, phải cứu giúp chúng sinh, ương ngạch khổ nạn kia, khiến cho các chúng đó, đang ở cõi Sa Bà, đến khi Bồ tát Di Lặc ra đời, độ cho các chúng đó, thảy đều được giải thoát, và đều được Như Lai, mười phương thụ ký cho.”***

Đối với những ai từng tụng kinh Địa Tạng, quý vị có nhớ hình ảnh của Đức Địa Tạng khi đó không?

***“ Lúc bấy giờ Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, dùng vô lượng hóa thân để thâu lại thành một, nước mắt ngài trào dâng mà bạch với Phật...”****.*

Đã là bậc Bồ Tát có vô lượng vô biên biện tài, trí tuệ rồi mà khi được Đức Phật phó chúc chúng trời người cho, Bồ Tát thương tưởng đến chúng sinh khổ ở các cõi mà nước mắt trào dâng. Có bao nhiều người trong chúng ta cũng không cầm được nước mắt khi lần đầu đọc đến đoạn kinh văn này?.

“ **...*Dù cho có người nào, chỉ làm được việc nhỏ, ví như một giọt nước , hoặc sợi tóc, mảy bụi, hoặc là còn nhỏ hơn , cả lăn vi trần nữa, thì con cũng dần dần, giáo hóa tế độ cho, khiến đều được ở trong chính pháp của Đức Phật.”***

***...”Kính lạy Đức Thế Tôn, xin đừng quá bận tâm, tới các chúng sinh khổ, ác nghiệp đời sau này” Ba lần bạch thế rồi, lại cung kính chắp tay, đi nhiễu quanh ba vòng, đỉnh lễ dưới chân Phật*.”**

Đó là lời của Đức Địa Tạng thưa lại với Đức Thế Tôn khi nhận lãnh lời phó chúc, cung kính đến tột cùng, từ bi đến tột cùng. Chúng sinh dù làm được việc nhỏ, nhỏ như lăn vi trần đi chăng nữa, thì Bồ Tát Đia Tạng cũng sẽ cứu giúp chúng, sẽ giúp chúng đến được bờ giải thoát, an vui... Những trái tim khô cằn nhất chắc cũng được tưới tẩm tươi vui trở lại khi nghe và tưởng tượng ra thấy hình ảnh này. Thảo nào mà trong bức hình Bồ Tát Địa Tạng, mặt đất thì nứt nẻ hoang tàn, nhưng dưới chân Ngài lại có đài sen đỡ gót. Tay cầm minh châu, tay cầm tích trượng, nét mặt hiền từ, miệng khẽ mỉn cười. Có người từng ca ngợi các bậc Bồ Tát mà đi đến đâu, kể cả vào Địa Ngục thì đất ở Địa Ngục cũng phải nở hoa dưới chân các Ngài. Khi tụng đọc Bộ Kinh Địa Tạng này, có lẽ chúng ta cũng sẽ đồng tình với ý kiến đó. Bồ Tát Địa Tạng đã được coi như một vị cứu tinh ở cõi Ta Bà, cứu tinh của các chúng sinh trong ba đường khổ.

Ở đời sau này, có những kẻ khi sống thì chẳng tin nhân quả, họ nghĩ rằng “chết thì hết” rồi việc ác nào họ cũng tạo. Nhân nghĩa chẳng có, nên khi chết đi chắc chắn chẳng thoát ba đường ác. Khi vào đó rồi họ mới ăn năn, bấy giờ mới biết ăn năn, bấy giờ mới biết sám hối những tỗi lỗi mình đã tạo. Họ muốn thoát ra nhưng biết ai làm phúc cho họ bây giờ, biết ai cứu giúp họ bây giờ???

 Do đó, Đức Phật nói kinh Địa Tạng giới thiệu Bồ Tát Địa Tạng, những công đức, hạnh nguyện thù thắng của Ngài. Trong kinh nói nếu lúc đó họ may mắn được gặp thiện tri thức khuyên họ hãy quy y với Bồ Tát Địa Tạng, dù chỉ trong phút giây thôi, thì công đức cũng là vô lượng vô biên. Nhờ những công đức đó thì họ sẽ thoát ba đường khổ.

Ở đời sau này có thiện nam tín nữ nào muốn báo hiếu ông bà, cha mẹ, tổ tiên nhiều đời nhiều kiếp, thì phải làm sao? Chỉ cần được nghe và được thấy kinh Bản Nguyện của Bồ Tát Địa Tạng rồi đọc tụng thọ trì. Khi nhìn thấy tranh ảnh và tôn tượng của Ngài mà biết nhất tâm cung kính cúng dàng, tán thán, khen ngợi... Lấy những công đức đó để hồi hướng, cầu nguyện cho những người thân đã quá vãng từ kiếp xa xưa cho đến kiếp gần đây thì những người thân quá vãng đó cũng được công đức lợi lạc vô cùng. Những người đang bị chìm đắm ở trong đường ác đó liền được Bồ Tát Địa Tạng thị hiện thần thông, vận dụng thần lực hóa ra trăm nghìn muôn ức hóa thân đi vào những nơi khổ nạn, để thuyết pháp độ sinh, dẫn dắt những kẻ mê lầm hồi tâm chuyển ý hướng về điều thiện. Chỉ trong thời gian ngắn sẽ họ sẽ được thoát khỏi cảnh giới địa ngục. Nhẫn đến sự thọ khổ ở trong Địa Ngục A Tỳ, đáng ra còn trải qua trăm nghìn vạn ức triệu năm nhưng khi có người thân nhất tâm đọc tụng thụ trì và hồi hướng cầu nguyện cho thì người đã mất kia cũng sớm được tiêu diệt tội khổ ,sớm được giải thoát.

Đức Phật còn nói rằng: Người thụ trì kinh Địa Tạng không chỉ có công đức để dành cho người đã mất mà người sống cũng được an lạc và lợi ích vô cùng. Nếu người nào trí tuệ kém học mãi không vào thì Phật dạy là đối trước tranh ảnh, tôn tượng của Bồ Tát Địa Tạng lấy bảy chén nước, đặt trước ban thờ rồi nhất tâm thụ trì bộ kinh này, một ngày đủ ba thời, sáng sớm vừa thức dậy, đầy đủ các oai nghi đỉnh lễ xin nước đó, quay mặt về hướng nam mà uống nước đó... cầu nguyện Bồ Tát khai tâm khai trí cho mình và uống nước cúng đó thì sẽ được như nguyện.

Người ở thế gian vì nghiệp chướng lâu đời, lâu kiếp của mình đã tạo, cho nên mới mắc bệnh khổ đến lỗi cầu chết không được cầu sống chẳng xong. Bấy giờ, họ đối trước tôn tượng của Bồ Tát Địa Tạng hay hình ảnh của Ngài rồi tự mình đọc tụng hoặc nhờ người tụng cho, trong bảy ngày hoặc hai mốt ngày. Nếu như mệnh người đó hết thì sẽ nhẹ nhàng ra đi, nếu như phần dương thọ còn thì sẽ gặp thầy gặp thuốc rồi dần dần bệnh tình sẽ giảm.

Người xưa thường nói: “Ông tu ông đắc, bà tu bà đắc”. Nhưng đối với kinh Địa Tạng bằng lòng đại bi, đại trí, đại nguyện của Bồ Tát Địa Tạng và lòng đại từ đại bi của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Khi đọc tụng bộ kinh này âm dương đều lưỡng lợi hay nói các khác là âm siêu dương thái. Đức Phật đã giao cho các vị Bồ Tát, thần linh trong khắp pháp giới, các vị quỷ thần hộ trì kinh này. Các vị đó như là Tứ Thiên Vương, là Bồ Tát Phổ Quảng, là Định Tự Tại Vương Bồ Tát, là Đại Biện Trưởng Giả, là Ác Độc Quỷ Vương, là Chủ Mệnh Quỷ Vương, là Kiên Lao Địa Thần... Các vị ấy đã phát nguyện trước Đức Phật và Bồ Tát Địa Tạng trên cung Trời Đao Lợi, các Ngài sẽ không ngơi nghỉ với hạnh nguyện của mình. Ai biết đọc tụng kinh này thì các Ngài sẽ đến giúp đỡ người đó. Ở những đời sau, khi có người thụ trì kinh này thì khi còn sống nghiệp chướng tiêu trừ và được hưởng phước lớn, khi hết báo thân này còn vĩnh viễn không bị đọa vào ba đường ác đạo nữa. Đọc tụng thọ trì kinh Địa Tạng chúng ta hiểu được lý nhân quả mà Đức Phật đã tuyên thuyết. Giáo lý của Phật Đà trong kinh Địa Tạng rất thâm sâu, rất huyền vi, nhưng cũng rất gần gũi với cuộc sống của mỗi Phật tử chúng ta, nhất là thời kì mạt pháp này.

Vì sao Bồ Tát Địa Tạng lại kể với Thánh Mẫu Ma Gia là thân mẫu của Đức Phật về các Địa Ngục khổ? Vì muốn cho chúng sinh ở cõi Nam Diêm Phù Đề biết rằng sống trên cõi đời này sinh tử chỉ là một màn kịch và chết chỉ là một sự thay đổi thân thể và trạng thái tâm thức sang một cảnh giới khác, dưới một dạng khác mà thôi. Tùy theo nghiệp báo, cái nhân mà chúng ta trồng ngày hôm nay sẽ trổ quả tốt hoặc xấu ở đời sau. Gieo nhân thiện, nhân lành thì sẽ được quả thiện, quả lành. Gieo nhân xấu thì sẽ nhận quả xấu, quả ác. Đó là lý nhân quả. Người học Phật mà không hiểu nhân quả thì sẽ không thành tựu được bất cứ một pháp môn nào. Vì vậy, chúng tôi muốn tăng ni tín đồ Phật tử trong Đạo tràng Tịnh tông chúng ta phải đi từ những điều căn bản, điều căn bản ấy chính là “Hiểu và tin sâu nhân quả”.

Chúng ta còn không chỉ cầu giải thoát cho riêng bản thân mình mà cũng cần phải nghĩ đến ông bà tổ tiên hiện đời và nhiều đời nhiều kiếp về trước, muốn cho cha mẹ, ông bà chúng ta cùng được giải thoát. Vậy nên, song song với việc truyền bá kinh Vô Lượng Thọ, kinh A Mi Đà, Bộ kinh Bản Nguyện của Bồ Tát Địa Tạng này sẽ là chỗ sở y cho các tăng ni và Phật tử mới vào cửa đạo.

Chúng ta biết rằng trong Tịnh Độ tông, phương pháp tín nguyện trì danh niệm Phật, nương vào bản nguyện của A Mi Đà Phật để cầu vãng sinh là một phương pháp thù thắng, thẳng tắt. Vậy mà không phải ai cũng có thể tin được, không phải ai cũng có đủ phúc đủ duyên để nghe được pháp môn này. Thậm chí khi được nghe thấy cũng chưa chắc khởi được niềm tin. Vì sao? Vì thiện căn, phước đức, nhân duyên với A Mi Đà Phật chưa đủ vậy. Cho nên họ không tin, dù người đó học nhiều, đọc nhiều nhưng vẫn không tin được, có những người xuất gia họ cũng không tin, là đệ tử của Phật nhưng chưa tin lời Phật thuyết. Thiện căn giữa họ và A Mi Đà Phật không có, chưa gieo bao giờ. Với những người như thế, mình đem kinh Vô Lượng Thọ trao cho họ, chắc chắn họ sẽ không tin, không nghe. Không tin không nghe họ sẽ không thọ trì đọc tụng, không thọ trì đọc tụng thì họ sẽ không được lợi ích trong đó.

Trong kinh A Mi Đà, Đức Phật Thích Ca nói rằng:***’’Này Xá Lợi Phất, chẳng thể lấy chút ít thiện căn, phước đức mà được sinh về cõi nước kia đâu*”.** Tình thương của A Mi Đà Phật hay của Chư Phật đối với chúng sinh giống như tình cảm của người mẹ thương con vậy, nhưng A Mi Đà Phật cũng không thể vì tư tình riêng mà đưa chúng ta về cõi đó được. Tâm tưởng của chúng ta không tương ưng, có được đưa đến Tây Phương Cực Lạc mà vẫn cứ đem con mắt phàm phu để nhìn cảnh Tây Phương thì cũng sẽ chỉ ra cảnh Ta Bà thôi. Muốn thấy cõi Cực Lạc thì phải có con mắt của người Cực Lạc. Mà để có con mắt của người Cực Lạc thì phải có tâm của người Cực Lạc vậy. A Mi Đà Phật phải chọn, phải xem chúng ta đã đủ tín, nguyện, hạnh để sinh về đó chưa. Nếu chưa thấy đủ tín, nguyện, hạnh thì tuyệt nhiên không có phần về cõi nước của Ngài. Cho nên, quán xét sâu xa ra thì thấy rằng chẳng có mấy người tin được Tịnh Độ thù thắng, chẳng có mấy người hành trì và tu tập phát nguyện được về Tây Phương Tịnh Độ thù thắng.

Hòa thượng Tịnh Không dẫn lời của sư phụ mình là ngài Lý Bỉnh Nam từng nói: “Thời mạt pháp có hàng ngàn người niệm Phật nhưng chỉ có được một hoặc hai người vãng sinh”. Vậy một hai người vãng sinh còn chín trăm chín tám người kia đi đâu? Các vị biết đi đâu không? Xoay chuyển trong vòng luân hồi lục đạo. Mà xoay chuyển trong vòng luân hồi lục đạo thì có được sinh thiên đi chăng nữa khi hết phúc rồi thì vẫn đọa vào trong tam ác đạo. Đây cũng là điều mà chúng ta phải suy nghĩ.

Các Tổ dạy chúng ta, trước khi lâm chung, gặp được thiện tri thức khuyên bảo mà nhất tâm niệm Phật mười câu cũng sẽ có vãng sinh. Đây là nói đến sự thù thắng, là pháp cứu cánh của pháp môn Niệm Phật vậy. Nhưng thử hỏi có mấy người được như thế? Thậm chí cả đời mình tu tập, nhưng đến khi nhắm mắt xuôi tay, nghiệp báo, oan gia trái chủ mới chờ cơ hội đó, kéo đến trùng trùng điệp điệp, những oan gia đó mượn thân thể, mượn lý trí của họ hàng, của người thân mình, áp đặt việc tang gia của mình. Có người chuẩn bị nằm xuống, họ hàng con cháu kéo về, đã làm di chúc muốn tang lễ theo nghi thức Phật giáo là chỉ có niệm Phật niệm Phật và niệm Phật mà thôi, không cần ai than khóc, không cần phải sát sinh hại vật để cúng bái. Nhưng con cái quý vị lúc ấy sẽ nói không. Họ lo chưa ai làm như vậy, họ sợ lời dị nghị, bàn tán khen chê... Có bao nhiêu lỗi khổ, có bao nhiêu lý do cho con người ta không làm được theo lời Phật dạy trong cõi ngũ trược ác thế này... Có những Phật tử làm di chúc rồi, vừa nằm xuống con cháu hủy di chúc đi, không làm theo. Bảo rằng làm di chúc chỉ để cho mẹ, cho cha vui mà thôi, còn họ thì họ sẽ quyết định việc tang sự. Rồi đi gọi thầy cúng về cúng cho cha mẹ mình. Mạng của bao chúng sinh bị giết vì lo tang sự. Lúc còn sống thì ăn chay, phóng sinh, tu phước, kơi thở tắt đi một cái, con cháu đã sát sinh rồi bày đầy trước ảnh thờ của mình rồi. Đó là gì? Đó chính là oan gia trái chủ, là nghiệp báo đang lôi mình lại.

Trong kinh Bồ Tát Địa Tạng bạch với Đức Phật rằng: ***“...Con đối trước Đức Phật, khuyên bảo các chúng sinh, cõi Nam Diêm Phù Đề, hễ khi có người mất, chớ có lên giết hại, để cúng bái quỷ thần, tạo thêm các tội ác. Vì sao lại như thế? Bởi vì sự giết hại để bái tế quỷ thần, chẳng được tý phúc nào, có lợi cho người chết, mà còn thêm gánh nặng, buộc ràng cho người ấy. Giả như phúc người đó, đời này hoặc đời sau, sắp chứng được quả thánh, hoặc sinh trong trời người, nhưng vì lúc lâm chung, họ hàng đem giết hại, gây lên bao ác nghiệp, cản đường đi người đó,vì tội sát sinh kia, mà phải đi đối chứng.”***

Cơ hội đáng lẽ được vãng sinh, đáng lẽ được sinh thiên nhưng mà phải đi đối chấp. Khi gia đình chúng ta sát sinh hại vật chính những con vật kia sẽ kiện lên Diêm Vương, nó đến mười điện Diêm Vương để kêu oan: “ Tại cái người kia mà tôi bị mất mạng”

Bấy giờ Diêm Vương phải cho Ngưu đầu ngục tốt đến lôi quý vị xuống hỏi tội xem có phải quý vị đã bảo con cái quý vị giết những chúng sinh đó không. Cũng giống như ở thế gian khi có án mạng xảy ra, thì bên ngành công an, toà án họ không chỉ bắt một người, mà họ sẽ triệu tập, tra hỏi tất cả những người có liên quan, có mặt ở đó. Cõi dương thế nào thì cõi âm cũng như thế. Cho nên, quý vị phải đặc biệt lưu ý, con hiền, cháu thảo sẽ không làm hại quý vị đến mức vậy. Kinh Địa Tạng là bộ kinh dạy về hiếu đạo. Quý vị đọc tụng thọ trì bộ kinh này ở nhà, làm người hiền thiện, con cháu quý vị sẽ nhìn quý vị coi là tấm gương của chúng, sẽ học tập quý vị. Chúng sẽ biết thế nào là tốt cho cha mẹ . Rồi con cái quý vị sẽ nghĩ “Mình làm tròn bổn phận với cha mẹ, giúp cha mẹ được toại nguyện, về với A Mi Đà Phật!. Sau này con cháu mình cũng sẽ hiếu thuận với mình, cũng sẽ trợ duyện để mình về với A Mi Đà Phật.” Hãy gieo những nhân lành ngay bây giờ, để cho nhân lành đó trổ quả lành càng sớm càng tốt. Đó là điều chúng tôi muốn nhắn nhủ với quý vị.

Nhớ lời Hòa Thượng Tịnh Không dẫn lời của sư phụ mình mà chúng ta phải tự phản tỉnh mình vậy. Và lại, muốn biết chúng ta có thực sự tín tâm và vãng sinh được Tây Phương Cực Lạc được hay không. Trước tiên chúng ta xem mình có xả bỏ được hay không. Xả cái gì? Xả tất cả những gì mà chúng ta đắm chấp cho là của ta: “Đây là nhà của ta, đây là tài sản của ta, đây là con ta, đây là vợ ta, chồng ta, cháu ta, đây là công danh tiền tài của cải của ta đã tích góp cả đời mới được.”

 Cái ngã chưa xả được thì đừng mơ mộng đến việc vãng sinh. Không xả được sự chấp ngã và cái cho rằng thuộc về ngã thì không thể vãng sinh.

Trong kinh nói từ một ngày đến bảy ngày niệm Phật được vãng sinh, nhưng đó là dành cho những trường hợp nào – phải nhất tâm bất loạn. Trong kinh cũng nói mười niệm trước khi lâm chung được vãng sinh, nhưng quý vị phải nhớ những trường hợp như vậy, họ đã trồng căn lành sâu dày với A Mi Đà Phật từ lâu xa rồi. Kiếp này sinh ra chỉ để họ trả hết nợ nần, nghiệp báo của họ thôi. Là sự thị hiện cho chúng sinh thấy lòng đại từ, đại bi của Đức Phật, và công đức của sáu chữ hồng danh Nam Mô A Mi Đà Phật. Hơn nữa, trong lúc niệm mười niệm đó chúng ta phải buông xả được hoàn toàn, hoàn toàn một lòng chỉ cầu vãng sinh. Việc này nghĩ thì dễ nhưng nếu không thực tập một cách thường xuyên thì khó mà có thể đạt được như vậy.

 Nói như vậy để biết, chúng ta không được thấy khó mà không dám làm, nghĩ mình không có khả năng, cũng không thể ỷ lại là chỉ cần mười niệm thôi, dễ ợt mà sinh lòng khinh nhờn, giải đãi.Trong các quý vị ở đây, ai có thể tự tin mà khẳng định, khi cận tử nghiệp đến chúng ta chỉ một lòng cầu vãng sinh? Không ai có thể đảm bảo chắc chắn được điều đó cả. Mà khi đó, có khi chúng ta còn nhớ là còn mấy cây vàng, mấy chỉ vàng để ở trong tủ, không biết các con có biết lấy ra để tiêu hay không? Không biết mà bỏ đấy, mất thì tiếc quá, chỉ cần khởi một niệm đó đang lúc niệm Phật là mất rồi. Coi như dầu hết đèn tắt rồi. Không phải đơn giản đâu các quý vị. Cho nên tu phải tu từ khi còn trẻ, tu phải tu từ khi còn khỏe, biết đến Phật ngày nào thì tu ngay từ ngày đó, lánh giữ hành thiện càng sớm càng tốt.

Trong kinh Địa Tạng cũng nói con người ta nghiệp nặng đến lúc lâm chung, có những quỷ thần, oan gia trái chủ nhiều đời nhiều kiếp về trước hiện giả làm Phật, làm người thân, quyến thuộc đến rủ chúng ta đi. Khi ra khỏi tấm thân rồi, lôi ta đến trước thập điện Diêm Vương để kiện chúng ta. Khi đó chúng ta phải làm thế nào? Chỉ cần gặp được tranh ảnh tôn tượng và kinh Bản Nguyện của Bồ Tát Địa Tạng! Thân bằng, quyến thuộc nhất tâm thọ trì kinh Địa Tạng, hành trì theo những lời dạy trong kinh, lấy công đức đó để hồi hướng cho những người kia, thì đều được thoát ba đường ác đạo, trừ tội ngũ nghịch.

 Tội ngũ nghịch là những tội gì? Đó chính là giết cha, giết mẹ, các vị thánh tăng, làm thân Phật chảy máu( *Bây giờ là đốt đình, phá chùa, hủy hoại tượng Phật, tranh ảnh, kinh sách của Phật. Vào thời mạt pháp này không có Đức Phật, nên những việc trên được coi là đồng với tội làm thân Phật chảy máu*). Tội chuyển pháp luân tăng thì Phật tử tại gia không làm được, tội này trong luật nói chỉ có những người xuất gia thọ đại giới. Tỷ khiêu ni cũng không phạm được mà chỉ có các vị tỷ khiêu tăng mới phạm vào tội này. *(Ví dụ: Đức Phật thì nói rằng: sát sinh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ là có tội. Nhưng người đó nói rằng tôi nghe thấy ở kinh này, kinh kia Phật nói sát sinh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ là không có tội, vẫn làm bình thường đó là chuyển pháp luân tăng. Việc làm ngược lại với giáo pháp của Đức Phật, khiến cho chúng sinh ở đời sau mê mờ , không biết đâu để mà tin, đâu là chính đâu là tà để mà tu hành)*. Những người bình thường thì không phạm được tội mà chỉ phạm vào tội nặng mà thôi chứ không phải là một trong năm tội nghịch.

Thêm một lý do nữa chúng tôi muốn thêm bộ kinh Địa Tạng này vào trong đời sống tu tập của quý vị Phật tử trong đạo tràng của chúng ta. Hòa thượng Tịnh Không có nói rằng: “chúng sinh ở dưới Địa Ngục và cõi Ngã Qủy họ thích nhất là kinh Địa Tạng.” Tụng kinh A Mi Đà có khi họ không nghe, niệm danh hiệu Đức A Mi Đà có khi họ không theo. Nhưng khi trì tụng kinh Địa Tạng họ lại theo ngay và liền nghe ngay. Hòa thượng giải thích rằng đó là nhân duyên đặc biệt của Bồ Tát Địa Tạng với chúng sinh ở cõi này, chúng ta không thể giải thích việc này bằng lời nói hoặc văn tự mà chỉ có các vị Phật, Bồ Tát mới biết. Vì nhân duyên mà! Ví như người Việt Nam, sinh ra rồi trưởng thành xây dựng gia đình, sự nghiệp và sinh sống ở đây nghĩa là chúng ta có những cộng nghiệp, nhân duyên đặc biệt với người trong dân tộc mình. Bây giờ những vị pháp sư người Việt Nam có đạo hạnh, dùng tiếng Việt Nam để thuyết pháp, để dạy chúng ta tụng kinh niệm Phật, chúng ta nghe sẽ rất dễ hiểu. Nếu giờ đây thỉnh một vị pháp sư ở Tây Tạng, ở Trung Quốc hay Đài Loan hay ở phương Tây về chúng ta nghe không hiểu tiếng của họ, phải qua người phiên dịch. Nghe một lần hai lần còn có thể thấy vui... ngày nào cũng đi nghe mà nghe mãi mới được một câu, cần người phiên dịch thì lâu dần dần sẽ chán. Nếu hai bên cùng thuyết pháp mà tài năng của hai vị như nhau thì chúng ta là những người Việt Nam sẽ đến hội trường nơi thỉnh pháp sư là người Việt Nam, còn những người sinh ra ở Trung Quốc, ở Nhật ở Đài Loan... thì họ sẽ đến hội trường có pháp sư nước họ thuyết pháp để thính pháp. Đó gọi là nhân duyên và cũng là cộng nghiệp chung của chúng sinh. Đối với mỗi quốc gia, mỗi khu vực lại có nhân duyên thù thắng riêng nhỏ hơn ở trong nhân duyên của cõi Nam Diêm Phù Đề.

Trong gần một năm nay nhiều gia đình có những vấn đề tâm linh, họ đến chùa bảo có người bệnh tật, ốm đau, gia đình không có được cuộc sống an hòa, hạnh phúc. Trước đây, chúng tôi giới thiệu kinh Vô Lượng Thọ cho họ, họ đọc tụng, một tháng, hai tháng rồi phần lớn bảo rằng không giải quyết được vấn đề. Giáo nghĩa của kinh Vô Lượng Thọ quá cao, bộ kinh này được coi là “trung bản của kinh Hoa Nghiêm”. Mà Kinh Hoa Nghiêm Phật thuyết cho ai, cho các hàng Bồ Tát. Họ tụng đọc không hiểu, không thâm nhập được, do đó không có lợi ích nhiều. Khoảng từ Tết đến giờ, dạy cho họ tụng kinh Địa Tạng, mười vị thì có đến bảy tám vị đi đến nói với chúng tôi rằng gia đình họ, cuộc sống đã cải thiện được rất nhiều. Thậm chí con cái của họ trước kia rất hư nhưng giờ chúng đã trở lại biết yêu thương ông bà cha mẹ, biết tu chí làm ăn... Lại có những người bệnh tật lâu ngày chữa mãi không khỏi, họ đọc tụng một thời gian bốn chín hoặc một trăm ngày, họ gọi điện cho chúng tôi và thưa rằng kinh Bản Nguyện của Bồ Tát Địa Tạng rất mầu nhiệm... Còn rất nhiều những câu chuyện đặc biệt, có những người điên điên khùng khùng bỏ nhà đi lang thang, người thân về nhất tâm đọc tụng bộ kinh, hành trì theo những lời dạy trong kinh, một thời gian sau người bệnh trở về, thân tâm người bệnh tỉnh táo ra nhiều, không còn lơ mơ hồ đồ như trước nữa.

Khi tụng kinh Địa Tạng quý vị nên chuẩn bị thanh bông hoa quả dâng lên ban thờ. Có ban thờ Phật thì tốt nhất, không thì dâng lên ban thờ gia tiên, lấy một bức ảnh của Bồ Tát Địa Tạng treo lên một chỗ trang trọng nhất trên ban thờ gia tiên và đọc tụng bộ kinh này. Nâng cuốn kinh với một lòng thành kính, trang nghiêm. Trước khi tụng kinh giữ thân tâm được thanh tịnh, rồi cung kính chắp tay đối trước ban thờ. Trước khi giở kinh ra thì lễ ba lễ và theo nghi thức trong kinh mà đọc tụng. Mỗi thời được một quyển, chúng ta chia làm ba thời. Nếu ai có thời gian đọc hết ba quyển thượng, trung, hạ trong một thời thì cũng được...

 Từ Tết đến giờ có những trường hợp như vừa kể ở phía trên, thấy lợi ích quá, lại kết hợp với lời của Hòa thượng Tịnh Không nói ở dưới cõi ân họ thích nhất là kinh Địa Tạng. Hòa thượng Tịnh Không là sư phụ của chúng ta về Tịnh tông, sư phụ mà dạy như thế thì phải có nhân duyên đặc biệt rồi. Người Việt Nam chúng ta lúc còn sống phần lớn không hiểu đạo, không tu tập, thích ăn thịt uống rượu, sát, đạo, dâm, vọng... cái gì cũng phạm, mười người thì đến bảy tám người phạm. Nên sau khi chết đi có mấy ai được đến cảnh lành đâu, phần lớn là đọa vào ba đường ác rồi cứ mãi quanh quẩn trong lục đạo. Kinh Địa Tạng được truyền bá ở Việt Nam bây giờ là sẽ phước báu to lớn cho những ai gặp được. Tôi tin tưởng rằng bộ kinh này sẽ được lưu truyền rộng rãi ở nước ta. Sau ba năm thôi thì có rất nhiều tín đồ cả nước trì tụng bộ kinh này.

Vì sao tôi tin như vậy? Vì khi tôi hội tập tôi làm bằng tất cả tấm lòng thành của mình. Hội tập bộ kinh này hết mười hai ngày và ba ngày để chỉnh sửa là hết mười lăm ngày. Tâm huyết của tôi đã dồn cả vào đây, trí tuệ của tôi cũng dồn cả vào đây, kinh nhiệm bao năm tu tập tôi cũng dồn cả vào đây. Trước bản hội tập này có ba bộ kinh Địa Tạng đã được dịch, nhưng mà thường có hai bộ hay lưu hành. Một bộ là của cư sĩ Thiều Chửu dịch từ ngày xưa, bộ này bây giờ ít lắm. Bộ bây giờ lưu hành rộng rãi nhất ở phía nam là bản dịch kinh Địa Tạng của cố Hòa thượng Thích Trí Tịnh – sơ Tổ Tịnh tông Việt Nam chúng ta. Một bộ nữa là của cố Hòa thượng Tuệ Hải, đó cũng là một bản dịch rất hay. Nhưng tôi vẫn chưa ưng vì có một số chỗ văn của các Hòa thượng dịch theo lối văn cổ ngày xưa nên kia đọc tụng vẫn bị vướng. Khi bị vướng thì tâm chúng ta bị chạy ra ngoài. Nếu mà nhiều lần tâm chạy ra ngoài như thế thì buổi tụng kinh đó công đức sẽ giảm đi rất nhiều. Tôi đã nuôi ý chí hội tập lại bộ kinh này theo văn phong của khu vực phía Bắc, hoàn toàn là tiếng miền Bắc. Khi đọc tụng quý vị sẽ thấy trôi chảy giống như dòng nước chảy cứ lối nhau. Từng giọt nước lối nhau tạo thành một dòng nước chảy. Đọc tụng thì quý vị sẽ thấy. Tăng ni ở trong chùa và các Phật tử đọc tụng nửa tháng nay. Tôi hỏi mọi người, kể cả các cụ già sáu, bảy mười tuổi là “Các cụ có đọc được không?”. Các vị bảo đọc rất hay rất hiểu và rất thông. Đặc biệt bộ kinh này gắn liền với sự mầu nhiệm vô cùng. Không phải nói chuyện huyền, chuyện diệu nhưng mà quả thực như vậy.

 Mấy hôm trước khi trời đang nắng to, khi mà tôi cầm quyển kinh Địa Tạng trên tay, tôi bạch Bồ Tát Địa Tạng rằng:

“*Ngày mai, chúng con có buổi lễ khai pháp. Vì đạo tràng chúng con còn thiếu thốn về vật chất cho nên nhà bằng mái tôn rất nóng, nóng đến bốn mươi, bốn hai độ, mọi người không phải ai cũng ngồi trong đó được. Bộ kinh này là tâm huyết do chúng con hội tập, nếu bộ kinh này đúng theo bản ý của Phật và bản ý của Ngài, con xin Bồ Tát kêu các vị Thiên Long, Bát Bộ tối nay cho một trận mưa”.*

 Quả nhiên buổi tối mưa thật. Rồi hôm qua, hôm kia chúng ta thấy trời vẫn còn nắng, sáng nay mưa, tối qua cũng mưa. Khi sáng nay trời mưa tôi bảo với các vị Thiên Long Bát Bộ rằng:

*“ Nếu Bộ Kinh này thực sự đem lại lợi ích cho chúng sinh nhiều đời nhiều kiếp về sau. Không chỉ ở Việt Nam mà cả chúng sinh các nước khác cũng có phần lợi ích, thì các vị có làm mưa thì mưa đến sáu giờ sáng thôi không được mưa quá sáu giờ sáng”.* Mưa to quá các Phật tử không đi được, nghĩ rằng mưa có khi nhà chùa không tổ chức nên không đến, không đến thì họ bị mất một phần lợi ích. Các vị nào ở trong chùa hôm nay thì thấy trời mưa đến đúng sáu giờ sáng và nếu tôi còn giảng kinh Địa Tạng ngày nào trong thời gian này thì trời vẫn còn mát mẻ sẽ không nắng đến bốn mươi độ như hôm trước nữa. Trong vòng hai mốt ngày chúng ta đọc tụng thọ trì kinh Địa Tạng, ở đâu nắng thì nắng nhưng khu vực Sơn Tây này sẽ không nắng đến quá bốn mươi độ. Cho dù ở Hà Nội có nắng đến bốn hai độ thì ở đây cũng không quá ba tám độ. Các vị có tin không? Còn tôi thì tôi tin vì trong kinh Đức Phật nói:  *Ở đâu đọc tụng kinh Địa Tạng từ bảy đến hai mốt ngày thì tất cả các tai nạn trong vòng một trăm dặm do tuần, do quỷ thần, tà ma gây ra sẽ không có và ở trong khu vực đó mọi người được yên vui.*

Tôi y vào trong kinh Đức Phật Thích Ca nói, Bồ Tát Địa Tạng, các vị Bồ Tát cùng các vị thần linh ở trong đó nói. Sự mầu nhiệm và lợi ích của kinh Địa Tạng như thế nào thì qua những ngày tiếp theo chúng ta vừa hành trì vừa lễ bái vừa đọc tụng lại vừa được nghe giảng thì các vị sẽ mở mang rộng ra và sẽ có niềm tin với bộ kinh này sẽ ngày càng kiên cố.

Bài giảng hôm nay xin được kết thúc ở đây. Sau thời giảng pháp chúng ta vào thời tụng kinh Địa Tạng.

------------------------------

***Giảng Kinh Bổn Nguyện Của Bồ Tát Địa Tạng (Tập 1)***

Kính thưa đại chúng, hôm nay chúng ta chính thức bắt đầu học và nghiên cứu bộ Kinh Địa Tạng. Có học, có hiểu chúng ta mới hành trì đúng. Như cây bám rễ sâu thì sẽ vững chắc trong bão táp mưa sa. Nếu không, khi có ai đó nói một vài câu, đưa ra thắc mắc hoặc lập luận phản bác, chúng ta lại dễ dàng bị thoái tâm hoặc sinh tâm nghi ngờ.

 Phần đầu tiên chúng ta tìm hiểu duyên khởi của kinh Địa Tạng hay nhân duyên vì đâu Đức Phật nói kinh Địa Tạng.

Thái tử Tất Đạt Đa vốn là một vị Bồ tát bổ xứ ở nội viện cung trời Đâu Suất, giống như Bồ tát Di Lặc bây giờ. Bổ xứ là một đời nữa sẽ thành Phật. Khi còn ở trên cung trời Đâu Suất Ngài có tên là Bồ tát Hộ Minh. “Hộ” tức là hộ trì còn “Minh” tức là ánh sáng. Bồ tát Hộ Minh chính là vị Bồ tát giữ gìn đầy đủ trí tuệ sáng suốt, từ bi, binh đằng của mười phương chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai.

Nhân duyên hội đủ Bồ Tát quán thấy ở cõi Ta Bà có Vua Tịnh Phạn và Hoàng hậu Ma Gia đã ngoài bốn mươi tuổi mà vẫn chưa có con. Đức hạnh của họ khó có người sánh bằng, không chỉ ở Ấn Độ mà còn trên cả cõi Nam Diêm Phù Đề này. Tuy mang thân thể bằng xương thịt như chúng ta nhưng khi sinh ra Thái tử đã hội đủ ba mươi hai tướng tốt và tám mươi tùy hình hảo cùng một trí tuệ viên mãn.

 Trước khi Thái tử sinh ra, Hoàng hậu Ma Gia đã mơ một giấc mơ thấy voi trắng sáu ngà vòi cuốn hoa sen đi vào hông bên phải của bà. Voi biểu tượng cho sức mạnh; màu trắng thể hiện cho sự thanh tịnh, sáng suốt, không nhiễm ô; sáu ngà biểu thị cho sáu pháp ba la mật của hàng Bồ tát; hoa sen biểu thị cho giác ngộ. Bồ tát đi vào đời, mà sẽ không nhiễm thói đời, như hoa sen sẽ vươn lên tỏa hương dù xuất thân nơi bùn lầy hôi tanh vậy. Đức vua cho họp các vị trưởng lão, họ thảo luận về giấc mơ của hoàng hậu và bạch rằng hoàng hậu sẽ hạ sinh một vị thái tử. Nếu như ở đời thái tử sẽ là trở thành một vị chuyển luân thánh vương, còn xuất gia thì sẽ trở thành bậc thầy mà trời người đều tôn kính hay một bậc giác ngộ vĩ đại nhất.

 Mười hai tháng mang thai, Hoàng hậu hạ sinh Thái tử. Bảy ngày sau khi sinh, Hoàng hậu Ma Gia viên tịch. Quý vị đừng theo suy nghĩ thông thường ở thế gian rồi cho rằng thái tử là người kém phúc, mất mẹ từ khi mới lọt lòng. Trong Pháp Hoa Huyền Tán có giải thích rằng, Hoàng hậu Ma Gia cũng chính là một vị Bồ tát thị hiện. Chỉ có một vị Bồ tát thị hiện mới có đủ công đức để mang thánh thai của một vị Bồ tát. Tròn một tuần thất sau ngày hạ sinh Thái tử, bà thấy sứ mệnh của mình ở thế gian đã viên mãn và bà liền thoát hóa lên cõi trời thứ hai là cõi trời Đao Lợi.

***Dục giới có sáu cõi trời.***

 *Cõi thứ nhất là cõi trời* ***Tứ Thiên Vương****, thọ mạng ở cõi trời này là 500 tuổi.*

***Cõi trời thứ hai là cõi Đao Lợi****, thọ mạng ở cõi trời này là 1000 tuổi.*

***Cõi thứ ba là cõi Tu Diệm Ma****, có thọ mạng là 3000 tuổi.*

***Cõi trời thứ tư là cõi trời Đâu Suất****, thọ mạng ở cõi trời này là 4000 tuổi.*

***Cõi thứ năm là cõi trời Hóa Lạc Thiên****, thọ mạng ở cõi này là 5000 tuổi và cõi trời thứ sáu là cõi* ***Tha Hóa Tự Tại Thiên****, thọ mạng ở cõi này là 6000 tuổi.*

*Cõi Tứ vị Thiên Vương và cõi trời Đao Lợi Thiên là hai cõi hộ trì Phật pháp nhiều nhất.*

*Cõi thứ ba là cõi trời Tu Diệm Ma có sự thọ dụng rất sung sướng, nhưng có ít người học Phật pháp.*

*Cõi thứ tư, cõi trời Đâu Suất còn có Chư Thiên, Bồ tát và các vị A La Hán đồng cư. Trong khu nội viện, các vị Bồ Tát bổ xứ ở cõi Sa Bà thường đến đây để chờ hội đủ nhân duyên thành Phật.*

*Cõi Hóa Lạc có tuổi thọ và phúc báo lớn hơn cõi Đâu Suất, nhưng ít người học Phật pháp do thiên về vật chất và hưởng dục lạc.*

*Cõi Tha Hóa Tự Tại Thiên, có tuổi thọ rất lớn 6000 năm. Một ngày một đêm bằng 600 năm ở nhân gian. Họ thường dùng thần thông để lấy đi công đức của những người tu tập ở cõi khác.*

 Vua cõi trời thứ sáu chính là Thiên Ma Ba Tuần*.* Đức Phật dạy người tu chúng ta phải dùng chính tâm để tu tập. Hết thảy mọi việc mà không xuất phát từ tâm đó mà làm, thì việc của quý vị có lớn lao thế nào, bao nhiêu tài sản mang ra giúp cho người khác, bao giờ công phu tu tập cũng chỉ là trống không mà thôi. Có câu “Người chánh mà hành tà pháp thì tà pháp thành chánh pháp. Người tà mà hành chánh pháp thì chánh pháp cũng là tà pháp”. Vì tâm có nhiễm ô, vì tâm có mong cầu không chính đáng, cho nên ông vua ở cõi trời thứ sáu này có điều kiện cướp hết công đức của những người đó. Bởi thế, cõi trời thứ sáu mới gọi là Tha hóa tự tại.

Thích Ca Mâu Ni Phật giáo hóa chúng sinh hãy dùng chính tâm, trực tâm, chân tâm để tu hành mong thoát ly ba cõi. Nhưng khi chúng sinh thoát ly ba cõi hết thì quyến thuộc của Thiên Ma Ba Tuần sẽ ít đi. Điều này làm cho ông ta phải lo sợ. Khi Thái tử Tất Đạt Đa chuẩn bị thành đạo dưới cội bồ đề, Thiên Ma Ba Tuần sai các cô con gái đến dụ dỗ ngài, nhưng đều bị thất bại. Ma Vương bèn đem binh lính kéo đến với mong muốn hại Ngài . Trận chiến xảy ra, giữa một bên là quyến thuộc của Ma vương mang đầy thù hận, lo sợ. Một bên là một vị tu hành đơn độc, ngồi thiền định vững trãi và bình an dưới cội bồ đề. Kinh sách ghi rằng, khi trăm ngàn mũi tên tẩm độc hướng về về phía vị tu hành đó, thì hết thảy bỗng biến thành hoa rơi xuống. Mũi tên độc vì sao lại biến thành hoa được? Đó là vì sức mạnh từ lòng từ bi của Đức Phật đã chuyển hóa vậy. Trăm ngàn mũi tên của Thiên ma đã trở thành thiên hoa rơi xuống cúng dường vị Phật tương lai. Trong Phật pháp chúng ta thường nghe nếu với tâm thật sự thanh tịnh thì có uống thuốc độc thì thuốc độc cũng trở thành cam lộ là vậy.

 Thất bại vì không đạt được mục đích hại vị sa môn đang tu hành, sắp chứng quả vị Vô thượng chánh Đẳng, Chánh giác, Thiên ma đã dùng thần thông hóa ra một cơn đại hồng thủy. Trong thời gian đó thì vị Địa Thần là Ma Hầu La Già hay Thần Rắn hiện lên để che chở cho Ngài. Thiên Ma một lần nữa lại bị thua và phải trở về. Nhưng trước khi rút về, Ma Vương đã yêu cầu sau khi thành Phật thì Đức Phật phải nhập Niết Bàn ngay, im lặng không trả lời, Thiên ma cho rằng như thế là Phật đồng ý vì vậy nên rút lui. Đó là câu chuyện của Đức Phật và Ma Vương - vua của cõi trời thứ sáu. Sau khi Ma Vương rút lui, vị sa môn đó tiếp tục ngồi quán chiếu cho đến lúc sao mai mọc và Ngài đã viên thành Phật quả hiệu là Thích Ca Mâu Ni Phật.

 Khi thành Phật quả Đức phật đã có ý định nhập Niết Bàn vì Ngài quán xét thấy chúng sinh cang cường, khó độ. Nhưng vua cõi trời Đao Lợi đã khải thỉnh Đức Phật thuyết pháp. Thiên Đế Thích Kiều Thi Ca cùng một số Thiên tử đã hóa hiện thành những người thương buôn, cúng dàng Đức Phật bữa ăn đầu tiên và cầu thỉnh Đức Phật chuyển bánh xe pháp.

 Trong hai mốt ngày đầu, Đức Phật thuyết kinh Hoa Nghiêm, chỉ có các vị Bồ Tát, Thiên Long Bát Bộ, Quỷ Thần có đại thần lực mới đến nghe kinh Hoa Nghiêm được. Còn chúng sinh ở cõi Ta Bà khi đó thì có mắt như mù, có tai như điếc không đủ nhân duyên, phước đức, trí tuệ để nghe Phật thuyết bộ kinh này.

 Sau khi nhận lời thỉnh mời, Đức Phật quán xét ai là người được độ trước nhất, những vị thương buôn là những người đầu tiên quy y với Đức Phật.

Năm anh em Kiều Trần Như là những người từng tu hành khổ hạnh cùng Đức Phật khi ngài chưa thành đạo. Nhớ tới những người bạn cũ ngài đi tới nơi họ đang tu hành – vườn Lộc Uyển. Đức Phật đã chuyển bánh xe pháp tại đây, và từ đó bánh xe vẫn đều đều quay bánh. Ngày nay, Đạo Phật đã được giới thiệu sang các nước phương Tây. Các đệ tử chân chính của Đức Phật vẫn không ngừng đem giáo pháp của Người cứu giúp chúng sinh.

Từ nhân duyên gì mà 5 anh em là những người được độ trước tiên. Trong một tiền kiếp, Kiều Trần Như là một vị vua có tên là Ca Lợi, còn tiền thân của Đức Phật khi ấy là một vị tiên nhân tu hành ẩn cư trong núi. Một hôm, Ca Lợi Vương cùng đám tùy tùng và cung nữ đi săn, khi vua và đoàn tùy tùng mải đuổi theo con mồi thì các cung nữ đi dạo và đã gặp vị tiên nhân, cảm mến vẻ an bình, từ bi toát ra từ Ngài, các cô ngồi nghe vị tiên nhân ấy nói pháp.

 Vua Ca Lợi nghĩ vị tu sĩ ấy đã mê hoặc các cung nữ của mình nên sinh lòng sân giận. Vị vua kia đã cắt tai, cắt tay, cắt chân của vị tiên nhân. Thân thể đau đớn, máu chảy đầm đìa do những vết thương nhưng vị tiên nhân đó không một lời ca thán, không hề khởi tâm oán giận Ca Lợi Vương. Trước tấm lòng từ bi và sự nhẫn nhục tột cùng của vị tiên nhân, ông vua Ca Lợi Vương đã rất bất ngờ và cảm phục . Vua quỳ xuống thành tâm, khẩn thiết xin sám hối, Nhẫn nhục tiên nhân không những không oán trách vua, mà còn nguyện rằng sau khi thành đạo, người đầu tiên Ngài độ chính là vua Ca Lợi . Đó là nhân duyên mà năm anh em ông Kiều Trần Như được Đức Phật độ đầu tiên sau khi Ngài thành đạo.

Thời gian Đức Phật thuyết kinh Địa Tạng có sách nói là sau bảy năm, có sách khác nói mười hai năm sau khi Ngài thành đạo. Có sách lại nói sau khi Đức Phật thuyết kinh Pháp Hoa và trước khi nhập Niết Bàn. Nhưng theo tôi, thuyết sau mười hai năm kể từ khi Đức Phật thành Đạo là hợp lý nhất. Trong luật tạng, có một khoảng thời gian khi bước sang năm an cư thứ 12, có chánh sự xảy ra giữa nhóm lục quần Tỳ Khiêu. Đức Thế Tôn không an cư với chúng tăng. Đây cũng là lần duy nhất trong 49 năm thuyết pháp, Ngài vào trong núi Linh Thứu thiền định một mình. Có thể chính lần này Thiên Đế Thích Kiều Thi Ca đã thỉnh Đức Phật lên cung trời Đao Lợi thuyết pháp tại Diệu pháp đường trong Hỷ Kiến Thành.

*Quý vị có thắc mắc vì sao trên cõi trời vẫn phải xây thành không? Vì cõi trời vẫn còn xảy ra những cuộc chiến tranh. Cõi A Tu La con trai rất giỏi võ nghệ, có sức khỏe nhưng lại nóng nảy, sân hận, hiếu thắng. Còn con gái ở cõi này lại có phước báu rất lớn, tài giỏi, cầm kì thi họa và rất xinh đẹp. Thiên tử cõi Tứ Thiên Vương lại hay muốn bắt con gái cõi Atula. Chúng ta nhớ rằng Cõi Tứ thiên Vương, cõi Đao Lợi thiên cho đến cõi Tha Hóa Tự Tại Thiên là 6 cõi trời Dục giới. Sự ham thích dục lạc của họ chỉ vi tế hơn ở cõi người chúng ta nhưng vẫn còn. Vậy nên trên trời cũng đánh nhau và đánh nhau cũng vì một chữ "Tình" mà thôi. Đức Phật nói "Ba cõi không yên như nhà lửa". Được sinh lên cõi trời, có phước báo lớn nhưng vẫn còn chiến tranh, không hoàn toàn an ổn vĩnh viễn.*

 Trở lại phần duyên khởi của kinh Địa Tạng. Theo thuyết 12 năm, sau khi Đức Phật thành đạo Ngài nhập định và lên thuyết pháp tại cung trời Đao Lợi. Với người bình thường chưa biết đến đạo Phật khi nghe xong việc này rất khó tin. Giờ đây gần 2600 năm sau khi Đức Phật thành Đạo, khoa học kỹ thuật tiên tiến hiện đại như vậy mà việc đưa con người tới các hành tinh khác là rất tốn kém và cần nhiều thời gian luyện tập. Chỉ những nước có khoa học tiến tiến, phát triển bậc nhất mới có khả năng đưa các nhà du hành vũ trụ vào trong không gian. Cung Trời Đao Lợi ở tận đâu đâu ở trên trời vậy, mà Đức Phật vào trong rừng sâu lại có thể nên trên đó thuyết pháp, người trần, mắt thịt chẳng được thấy bao giờ. Chắc quý vị sẽ thấy chuyện này vô lý hay chỉ là thần thoại thôi. Người chưa học Phật chưa tu hành thì đây là câu chuyện thần thoại, còn người đã học Phật, có tu hành đến nơi đến chốn thì đây là việc tin được.

Tôi có lòng tin thâm sâu và kinh điển Đại thừa, vì tôi đã có nhân duyên được học Thiền trong gần bốn năm, năm năm chuyên trì tụng kinh Pháp Hoa cũng có sự cảm ứng. Tôi từng nghĩ rằng mình đã chứng đắc thánh quả, cảm được chư Thiên rải hoa thơm ngát suốt ba tháng. Tôi từng phát nguyện cả đời này chỉ đọc tụng, hoằng truyền kinh Pháp Hoa và ngồi thiền. Nhưng đến năm 2006 khi học xong và tham gia nhiều các công tác Phật sự, tôi thấy những điều cảm ứng của mình trước đây dần dần biến mất. Như vậy, để biết rằng những điều tôi cảm ứng không phải mình thực chứng, mà do công đức tu hành, chư Phật, Bồ tát, chư Thiên gia hộ. Bây giờ, khi đã chuyên sâu vào Tịnh Độ, tôi càng nhận thấy đó chỉ là giả cảnh mà thôi, không phải mình thực chứng có, có được rồi lại mất.

Quý vị cứ nhất tâm tu học. Là người tu pháp môn niệm Phật thì cứ chuyên tín nguyện trì danh mà niệm Phật. Điều cốt yếu các vị cứ tu hành theo lời Phật, lời tổ, lời hướng dẫn của các vị Thầy mà quí vị đã phát nguyện nương theo. Tu tập bằng chính tâm, bằng cái tâm thanh tịnh của mình, buông tham lam, sân si, phân biệt, chấp trước xuống thì quí vị sẽ càng ngày càng thấy kết quả trong sự tu học như vậy, sẽ có niềm tin sâu sắc với Phật pháp đại thừa. Không có gì có thể làm quý vị phải nghi ngờ hay thắc mắc nữa.

Ngài Thiên Thai Trí Giả Đại Sư phân định 49 năm thuyết pháp của Đức thế Tôn thành 5 thời gọi là Ngũ thời phán giáo. Sự phân định đó được trình bày trong bài kệ sau:

*" Hoa Nghiêm tối sơ tam thất nhật.*

*A Hàm thập nhị, Phương Đẳng bát,*

*Nhị Thập, Nhị Niên Bát Nhã đàm,*

*Pháp Hoa Niết bàn cộng bát niên.”*

Thời thứ nhất : Kinh Hoa Nghiêm được Đức Phật nói trong 21 ngày. Khi Ngài mới thành đạo, người ngoài nhìn vào tưởng Đức Phật đang ngồi thiền định dưới cội bồ đề, thực tế là Ngài thuyết kinh Hoa Nghiêm.

A Hàm thập nhị tức là A Hàm được thuyết trong 12 năm.

Trong mười hai năm thuyết kinh A Hàm. Đức Phật thuyết bốn bộ A Hàm là Trung A Hàm,Trường A Hàm, Tăng Nhất A Hàm, Tạp A Hàm. Bốn bộ kinh A Hàm này tương ưng với Trung Bộ Kinh, Trường Bộ Kinh,Tăng Chị Bộ Kinh, Tương ưng bộ kinh trong kinh Nykaya.

Sau khi thuyết kinh A Hàm là kinh tiểu thừa. Từ năm thứ 13 trở đi Đức Phật thuyết kinh Phương Đẳng. Kinh Phương Đẳng được thuyết trong 8 năm. Đây là giai đoạn chuyển từ tiểu thừa lên Đại thừa. Kinh Địa Tạng thuộc kinh Đại thừa.Hơn nữa, trong phần chúng thành tựu của bộ Kinh này cũng không có đệ tử xuất gia Tỳ Khiêu, Tỳ Khiêu Ni lên nghe pháp trên cung trời Đao Lợi cả. Cho nên, thuyết Đức Phật thuyết kinh Địa Tạng trong khoảng 12 năm sau khi Ngài thành đạo tôi thấy rất hợp lý.

**Phân loại tạng thừa.**

Tạng chỉ cho giáo pháp của Đức Phật. Thừa trong chữ Hán đọc là thặng có nghĩa là cỗ xe. Về nghĩa thì chỉ cho thứ lớp..

Đầu tiên là xe dê, xe của hàng Thanh Văn.

Thứ hai là xe hươu, xe của hàng Bích Chi.

Thứ 3 là xe trâu, xe của Bồ Tát và Phật.

Nhân tu theo tiểu thừa chứng quả Tu Đà Hoàn, Tu Đà Hàm, A Na Hàm và A La Hán.

Với các vị dùng xe hươu, tức tu 12 pháp nhân duyên thì chứng quả Duyên Giác hoặc quả Độc Giác. Trong thời không có Đức Phật xuất hiện, vị tu hành hiểu được sự lý vô thường họ vào rừng sâu núi thẳm, ở một mình tu hành. Hoặc vào thời gian giáo pháp của Đức Phật vẫn xuất hiện ở đời, thấy rõ chuyện sinh tử, cuộc sống ở đời đầy rẫy tham, sân, si, tội lỗi. Có những người không còn muốn gần gũi cuộc sống phàm tục, họ vào rừng ở. Khát uống nước suối, đói ăn rau rừng... Họ quán xét 12 nhân duyên. Khi thấu rõ họ nhập luôn Niết Bàn. Những vị đó là những bậc Độc Giác.

Còn nghe 12 nhân duyên cũng độ sinh nhưng không tha thiết thì chứng quả vị Duyên Giác hay Bích Chi Phật.

Hàng Bồ tát thì có rất nhiều, có đến 52 quả vị tu chứng của hàng Bồ tát.Chúng ta sẽ nghiên cứu kỹ trong các bài kế tiếp.

Chúng ta thường nghe đến ngũ thừa Phật giáo. Ngũ thừa Phật giáo gồm: Nhân thừa,Thiên thừa, Thanh Văn thừa, Duyên giác thừa, Bồ tát, Phật thừa.

* ***Nhân thừa*** lấy tam quy ngũ giới, bát quan trai giới và các pháp tu hành ở thế gian như hiếu hạnh làm nhân tu.
* ***Thiên thừa*** phải lấy nhân thừa làm nền tảng, thập thiện làm nhân tu. Thập thiện là các nghiệp lành xuất phát từ thân, khẩu, ý.
* Thân thì không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm.
* Miệng thì không nói dối, không ác khẩu, không nói thêu dệt, không nói hai chiều. Người không nói dối là người chỉ nói đúng sự thật thôi, không có chuyện là không mà lại nói có, là có mà lại nói không. Không ác khẩu tức là không nói những lời làm tổn hại đến tâm tư của người khác, không nói những câu ngôn từ cay độc làm người khác phải đau khổ thậm chí thiệt mạng vì lời nói của mình. Không nói thêu dệt là không thổi phồng, thêm thắt sự việc, việc có một mà nói thành chín thành mười... Không nói đôi chiều tức là ở đâu mình cũng chỉ nói đúng như những gì mình thấy, mình suy tư, chứ không có chuyện đến chỗ A lại nói một đằng, đến chỗ B lai nói một kiểu, làm người khác hiểu lầm, rồi sau này chẳng ai còn tin vào lời mình nói nữa.
* Ba nghiệp lành của ý là không tham, không sân, không si.

Trong kinh Địa Tạng có ghi nếu mỗi ngày đọc tụng thụ trì đủ 1 biến kinh Địa Tạng sẽ được 100 lần sinh lên cõi trời Đao Lợi.

Quý vị nào muốn sinh lên cõi trời thì trên đây là hai cách sinh thiên, quý vị có thể chọn con đường mình đi.

Bản thân tôi tự xét thấy mình vẫn chưa hành đủ thập thiện... Nếu không có thần lực của Chư Phật, chư Bồ tát gia hộ thì rất khó để đủ điều kiện sinh cõi trời Đao lợi. Bởi lòng đại bi, đại nguyện của Bồ tát Địa Tạng, mười phương chư Phật tán thán, Phật Tổ gợi khen, giới thiệu mà chúng sinh chúng ta có một cách dễ dàng hơn nhiều để sinh cõi Trời.

Nhưng nếu quý vị tụng kinh mà cứ nhớ đến con cháu, nhớ đến công việc gia đình, kẻ yêu, người ghét, nhớ đến chuyện trời chuyện biển mà không nhất tâm tụng trì thì quý vị cũng đừng mong có cơ hội để sinh về đó..

Đừng thắc mắc rằng sao con tụng kinh bao nhiêu, bao nhiêu biến như thế mà sao con không được lợi ích như trong kinh đã nói, không có cảm ứng như trong kinh đã nói. Mỗi khi như vậy, hãy nhìn lại chính bản thân quý vị xem mình có nghe lời Phật, lời Bồ Tát dạy khuyên, hành trì theo lời các Ngài hay không.

Chùa chúng ta mở pháp hội hai mốt ngày tụng giảng kinh Địa Tạng lần này với mong muốn ai có duyên lành tham gia pháp hội, dù chưa nhất tâm hoàn toàn, dù không đủ duyên lành để được một nghìn lần sinh lên cõi trời Đao Lợi và cõi Trời Tịnh Cư, thì tôi mong rằng ít nhất cũng là nhân duyên để quý vị được sinh trở lại nhân gian, sinh cõi trời tiếp tục gặp chánh pháp để tu tập, không còn bị sinh vào ba đường ác ngạ quỷ, địa ngục, súc sinh nữa. Mỗi lần đọc tụng kinh điển đại thừa, dù lúc đó trí tuệ, định lực của chúng ta không đủ để ta nhất tâm hoàn toàn và có được những thọ dụng như trong kinh đã nói. Nhưng mỗi câu kinh, bài kệ, mỗi tiếng niệm Phật khi nghe lọt vào tai, chính mắt quý vị nhìn vào kinh, nhìn thấy tôn tượng, hình ảnh của Phật, Bồ tát, chính miệng của quý vị đọc kinh, phát ra tiếng niệm Phật. Tất cả những điều đó là những chủng tử, là những hạt giống thiện nhất, lành nhất hay nói cách khác là những hạt giống giải thoát được gieo vào A Lại Gia thức- mảnh đất Tâm của quý vị. Vậy thì hãy cứ cố gắng gieo “hạt bồ đề” càng nhiều càng tốt. Hạt giống đã được gieo vào đất, rồi một ngày khi nhân duyên hội đủ hạt giống đó sẽ nảy mầm, thành cây, ra hoa kết quả. Ngày đó chính là ngày quý vị được Đức từ phụ A Mi Đà đến đón về với cõi nước của Ngài.

***Thanh Văn thừa*** lấy Tứ Diệu Đế và 37 phẩm trợ đạo làm nhân tu.

Tứ Diệu Đế gồm có : Khổ Đế, Diệt Đế, Tập Đế và Đạo Đế.

Khổ đế: Đức Phật nói đến vô lượng vô biên khổ nhưng tựu chung có 8 khổ. Tám khổ đó là sinh, già, bệnh, chết, cầu mà không được, yêu thường mà phải xa lìa, ghét nhau mà phải ở cùng nhau và ngũ ấm không điều hòa khổ.

Thu nhỏ lại thú có tam khổ: khổ khổ, hoại khổ và hành khổ.

 Khổ khổ: là một cảm giác khó chịu xảy ra trong tâm và thân chúng ta. Trong tiếng Hán là khổ thọ. Những nỗi khổ về thân và tâm có thể nhận thấy rõ ràng bằng chính những giác quan của ta. Khi chân giẫm vào gai, ta có cảm giác đau buốt đó là một khổ thọ. Trời nóng nắng, 40 đến 42 độ C, cảm giác nóng bức khó chịu. Đó là khổ thọ. Khi ai đó không làm theo ý của ta, ta không kiềm chế được tâm mình tức giận rồi đau khổ đó là khổ thọ....

Có cách giải thích khác cho khổ thọ đó là khổ này chồng chất lên khổ kia, đau đớn cùng cực không còn gì để nói.

Hoại khổ: Những thứ vốn không khổ nhưng khi tiêu hoại sẽ khổ. Ta mang sắc thân này, ta mong nó khỏe mãi nhưng cái thân này cứ theo quy luật sinh, lão, bệnh, tử cho nên mỗi một ngày chúng ta già đi, sức khỏe chúng ta yếu đi. Mỗi ngày nó hoại một chút và khiến ta thấy khổ đau.

Hành khổ: Các hiện tượng xảy ra trên cõi đời này. Mọi sự vật, hiện tượng đều vô thường, đã vô thường thì thế nào cũng tan hoại. Sự hoại diệt tan rã sẽ làm những ai bám chấp vào chúng đau khổ.

Đối với pháp của thế gian, mọi việc làm đều đưa đến quả khổ. Chỉ có pháp của Phật, của Bồ tát, A La Hán mới đưa đến nhân lành toàn thiện, toàn mỹ.

 ***Tập đế*** *:* là những thói quen, thói hư tật xấu tích tập lâu ngày, thậm chí nhiều đời nhiều kiếp tạo lên lòng tham, sân hận và sự ngu si trong mỗi chúng ta. Nhà Nho có câu " Nhân chi sơ, tính bản thiện" tức con người khi mới sinh ra vốn là thiện. Đứa trẻ khi mới sinh ra chưa biết sát sinh, chưa biết nói dối, chưa biết ăn trộm... nhưng trong quá trình phát triển, chúng dần dần nhiễm tính cách cả tính xấu, cả những tính tốt từ chính cha mẹ, hàng xóm, bạn bè và xã hội. Tất cả những thứ đó tạo nên tính cách của mỗi con người. Phương Tây thì có câu " Con người là tổng hòa của các mối quan hệ xã hội".

Còn Phật giáo thì sao? Phật giáo có quan niệm "nhân chi sơ, tính vô ký". Đứa trẻ khi mới sinh ra vốn không nhớ được kiếp trước là ai vì phải trải qua thời gian nhập thai cho nên tạm thời quên. Khi sinh ra chúng không mang bản chất thiện,cũng chẳng mang bản chất ác. Hạt giống thiện ác vẫn ẩn tàng nơi tàng thức, theo duyên sẽ phát khởi. Thời gian lớn lên qua 5 năm, 10 năm, 20 năm, các chủng tử thiện, ác gặp nhân duyên sẽ hiện hành. Vì vậy, việc giáo dục trong giai đoạn từ trong bụng mẹ đến khoảng mười tuổi là rất quan trọng. Người từng gieo trồng thiện căn sẽ gặp quả thiện giàu sang, tài đức. Người gieo trồng nhân ác sẽ có cuộc đời nghèo khổ, bần cùng. Vì vậy, mới có câu " muốn biết nhân đời trước hãy xem quả đời này". Nhưng quý vị đừng cho rằng nói thế là con người hãy cứ yên phận vì số của mình đã là thế rồi. Có những người đến với chúng tôi, rồi cứ than trách là mình khổ, Thầy không thương, Phật không thương. Không chịu tu tập rồi đổ cho số của mình là vậy. Rồi nghi ngờ tụng kinh có hết không, niệm Phật có hết không. Họ không làm mà cứ sống mãi với cái khổ của mình, ôm lấy nỗi đau của mình. Nhưng ai đã làm quý vị khổ ngoài quý vị, ai làm được cho quý vị sung sướng ngoài chính bản thân của quý vị đây. Nếu Phật chỉ chỉ ra khổ và nguyên nhân của khổ thôi rồi để nguyên đây. Ngài giảng lý nhân quả rồi để nguyên đây, không có cách giải quyết thì Đức Phật đã không được tôn xưng là bậc thầy của Trời Người, là vô thượng y vương rồi. Nói xong Khổ đế và Tập đế, Đức Phật thuyết về Diệt đế và Đạo đế là sự vắng mặt của khổ và con đường thoát khổ. Và chúng ta phải học tập, tu hành theo lời Phật để thoát được những nỗi khổ ấy.

***Diệt đế*** là sự vắng mặt của khổ đau. Khi đã biết được khổ và nguyên nhân gây đau khổ rồi thì người tu sẽ tu tập để vượt thoát được những nỗi khổ đó.

***Đạo đế*** là con đường tu tập mà dựa vào đó hành giả thoát được khổ đau.

Có 37 phẩm trợ đạo là Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất bồ đề phần, bát thánh đạo Phần.

* ***Tứ Niệm Xứ*** thì có: quán thân bất tịnh,quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã, quán thọ thị khổ.
* ***Tứ chánh cần:***

Các việc ác đã sinh thì chuyên cần đoạn trừ không cho sinh khởi.

Các việc ác chưa sinh thì chuyên cần ngăn chặn không cho sinh khởi.

Các việc thiện đã sinh thì tinh tấn làm cho sinh thêm.

Các việc thiện chưa sinh thì tinh tấn làm cho sinh khởi.

* ***Tứ như ý túc:*** dục như ý túc, Tinh tấn như ý túc, Niệm như ý túc và định như ý túc.
* ***Ngũ căn:***  bao gồm tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn và tuệ căn.
* ***Ngũ lực* :** gồm tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực và tuệ lực.
* ***Thất bồ đề phần*:** Trạch pháp, tinh tấn, hỷ, trừ (đoạn ác), xả, định, niệm.
* ***Bát thánh đạo phần:*** chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

***Pháp tu của Duyên giác thừa*** là 12 pháp nhân duyên. Chỉ cần quán 1 trong 12 nhân duyên, khi chặt đứt được một mắt xích trong 12 nhân duyên này thôi thì cũng chứng được quả vị duyên giác. Ví dụ, một hành giả quán vô minh, chỉ quán nhân duyên này thôi mà có ngày vị đó sẽ đạt đến khai ngộ.

Chúng ta có 1 loại trí tuệ gọi là vô sư trí, trí tuệ này không cần thầy dạy mà vẫn có thể kham nhận lãnh thọ. Trong kinh còn gọi trí tuệ này là thật trí, từ trí này sẽ đến Phật trí.

Ngài Châu Lợi Bàn Đặc đệ tử của đức Phật chỉ vì kiếp trước tiếc pháp, làm thầy mà không dạy hết những gì mình biết. Quả báo là trí tuệ kiếp này rất kém. Học mãi mà không thuộc 1 câu kệ nhưng đến khi khai ngộ thì Ngài lại có khả năng thuyết pháp vô ngại biện tài.

Thật trí chỉ cho trí tuệ của các vị duyên giác - Bích Chi Phật. Phật trí chỉ cho trí của các vị Bồ Tát & Phật.

***\* Bồ Tát, Phật thừa.***

Bồ tát lấy lục độ vạn hạnh làm nhân tu.

Lục độ gồm bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ ba la mật.

Có 2 loại bố thí :

* ***Nội thí****:* là xả thí thân mạng. Ví dụ như trong những kiếp quá khứ đức Phật đã thí máu, thịt cho chúng sinh. Nội thí còn có pháp thí tức là bố thí pháp cho chúng sinh. Bố thí vô uý cũng thuộc về nội thí tức là bạn không sợ hãi cho chúng sinh. Khi là tăng ni, Phật tử tu học chân chính, quý vị có thể ban không sợ hãi cho người khác qua sự hiểu biết hành trì của mình. Có những người khi họ gặp những chuyện đau khổ về tinh thần hay thể xác. Quý vị khuyên họ tìm hiểu phật pháp, khiến họ biết tụng kinh, niệm phật, biết làm lành lánh dữ. Cuộc sống của họ được an bình trở lại vì họ đã hiểu lý nhân quả rồi, tâm họ đã an rồi. Một người an thì cũng sẽ làm người khác an, sẽ dạy được cho người khác an, và thế giới cũng sẽ trở thành nơi an lành và hạnh phúc. Có nhưng người gia đình họ có người thân mất hay trùng tang chẳng hạn, quý vị tụng kinh Địa Tạng, đi nghe giảng kinh Địa Tạng, quý vị gặp những trường hợp như trên và khuyên họ hãy về tụng đọc kinh tu học Phật pháp để hóa giải. Giúp đỡ gia đình họ hàng, bạn bè mình những lúc họ gặp khó khăn như thế. Vậy là, quý vị đã trở thành những người ban vô úy thí rồi đấy. Chắc chúng ta từng nghe câu: "Học Phật là sự hưởng thụ lớn nhất của đời người". Sống một cuộc sống mà sự hưởng thụ cao nhất đã được trải nghiệm rồi thì không còn tham, sân, si, sợ hãi trên cõi đời này nữa.

*-* ***Ngoại thí****:* Là bố thí những gì ngoại thân như tiền bạc, tài vật. Gặp người đói quý vị cho họ ăn, gặp người thiếu, quý vị giúp đỡ họ chút ít về tài chính, dạy họ biết nuôi sống bản thân và gia đình họ. Chúng ta thường nghe “có thực với vực được đạo”. Có khi chính những việc giúp đỡ về ngoại thí, cho ăn, cho ở, cho mặc lại giúp cho những người đó có cơ hội an tâm, có thời gian học đạo. Như thế việc bố thí tài vật của quý vị có ích và công đức lớn lao lắm.

***\* Lục độ vạn hạnh.***

Vạn hạnh là tất cả những pháp lành hàng Bồ Tát nên làm. Khuyến thiện, độ sinh, làm chùa, tô tượng, đúc chuông, tất cả những việc đó đều là những việc Bồ Tát có thể đưa vào ngoài pháp lục độ ra để hành bồ tát đạo.

Vì sao tôi có mong muốn được xây chùa, mà lại là chùa lớn? Trước đây tôi muốn xây chùa lớn một phần cũng muốn để lại một cái gì đó cho đời hàng mấy nghìn năm sau. Bây giờ việc xây chùa lớn đối với tôi lại có mục đích khác đi. Người dân và Phật tử bây giờ để ý đến hình tướng rất nhiều, hay nói cách khác là chấp tướng. Vì họ có suy nghĩ như vậy nên chùa phải to, đẹp. Không cần biết người tu ở đó thế nào nhưng chùa to, đẹp thì sẽ có nhiều người đến.

Nếu chùa thanh tịnh, Tượng Phật, Bồ tát trang nghiêm tố hảo, tăng ni trong chùa tu tập có oai nghi, phép tắc thì sẽ thu hút được lòng người. Không chỉ người ở địa phương mà khách thập phương cũng mong muốn đến chiêm bái, thân cận. Như vậy là gieo duyên cho nhiều chúng sinh đến với Phật pháp. Thêm nữa, con người thời nay đã quen hưởng thụ. Thời xưa, vật chất còn thiết thốn nhiều, con người sống đơn giản. Cho nên đức Phật thuyết pháp dưới cội cây, vua chúa, quan lại ,dân chúng ngồi xung quanh ngài nghe pháp. Trời nắng thì vẫn không hề gì, họ không bận lòng vì họ luôn chú tâm vào bài pháp của Phật. Trời mưa cũng không ảnh hưởng đến họ. Nhưng bây giờ, chúng tôi cũng khó mà ngồi nắng, ngồi mưa mà giảng pháp, và quý vị cũng khó có thể trong điều kiện như vậy để nghe pháp. Vì vậy, một nơi khang trang, thoải mái để quý vị có điều kiện tu học chính là mong muốn của tôi .

Hạnh lành của các vị Bồ Tát thì muôn hình muôn vẻ, tùy cơ mà các ngài thị hiện để độ chúng sinh. Trong kinh Hoa Nghiêm có những vị Bồ Tát bổ xứ rồi mà ngài lại thị hiện thành vị vua cực ác. Những nước không nghe lời các ngài đem quân trinh phạt và tiêu diệt hết. Có vị Bồ Tát lại thị hiện có hàng ngàn người vợ. Tôi đã từng rất bất ngờ vì những hóa thân như thế. Nhưng bây giờ tôi hiểu đó là lục độ vạn hạnh, các vị Bồ Tát hành động gì cũng chỉ là thị hiện để cứu giúp chúng sinh.

Trong kinh Địa Tạng có Chủ mệnh quỷ vương ngài cũng là một vị Bồ Tát mà 70 đời nữa cũng sẽ thành Phật hiệu là Vô Tướng Như Lai. Vì lòng từ bi mà ngài sinh vào cõi địa ngục trong A Tỳ mà răn đe, dạy bảo cho chúng biết biết bỏ ác để quay về đường lành.

Vạn hạnh của Bồ Tát là như vậy, chúng ta không thể dùng con mắt phàm trần để thấy được. Vì vậy, quý vị phải chú ý, đừng phán xét ai, đánh gia ai bất kể người đó là vị tu hành hay xuất gia.

có một câu truyện thiền một vị tăng đến hỏi con chó có Phật tính không. Ngài Triệu Châu bảo có, vì tăng khác đến và cũng hỏi câu hỏi đó, ngài Triệu Châu lại trả lời không. Như vậy, ngài vọng ngữ hay sao? Bằng trí tuệ phàm tình chúng ta nghĩ vậy, nhưng hoàn toàn không đúng. Ta phải nhìn đối tượng đến hỏi ngài Triệu Châu. Ông tăng đầu tiên ngài trả lời có vì ông này đang chấp không. Ông nghĩ thế gian này không có gì là thật cả nên không muốn làm việc thiện lành nào ở đời, chỉ muốn tu hành một đời chứng quả rồi nhập niết bàn, không muốn thành Phật, không muốn độ thoát chúng sinh. Triệu Châu là vị Thầy có con mắt sáng, đại triệt đại ngộ hiểu được tâm của đối phương đến hỏi mình cho nên biết người này đang chấp cái gì. Vì vậy ông trả lời con chó có Phật tính. Con chó có Phật tính vì con chó cũng có thể thành Phật.

Còn vị sư thứ hai thì cái gì cũng chấp, tam quy ngũ giới dẫn đến 250 giới của Tỳ Khiêu, 348 giới của Tỳ Khiêu Ni. Đức Phật thuyết thế nào thì phải giữ y như thế, nói chệch ra luật của Phật thuyết là trái đạo. Ngài Triệu Châu muốn phá sự chấp trước trên nên trả lời con chó không có Phật tính. Vì ông tăng trên chấp cái gì cũng có tướng, mà cái gì cũng có tướng thì phải giữ cho được tướng. Đức Phật bảo giữ gì thì phải giữ cho bằng được. Vì chấp trước có như vậy ngài Triệu Châu dùng từ "không" để phủ đi sự chấp trước đó.

Như một người bác sĩ giỏi biết tuỳ bệnh mà cho thuốc thì các bậc Bồ Tát, các bậc thầy cũng tuỳ căn cơ mà giáo hoá chúng sinh. Như thế gọi là khế lý, khế cơ. Chúng ta chỉ là phàm phu đừng so đo tính toán chuyện đúng, sai của các Ngài.

Các vị nên nhớ những việc làm của các bậc đã vượt xa chúng ta, chúng ta đâu có thể biết được. Tôi không biết được việc làm của các vị Bồ Tát và các vị Phật nhưng tôi có niềm tin vào những lời dạy của các ngài, niềm tin đó là chân thành và tuyệt đối. Niềm tin cuối cùng của tôi là đời này tôi chưa học hết Phật pháp tôi sẽ quyết một đời vãng sinh về Tây Phương gặp A Mi Đà Phật, vị thầy tốt nhất - vị đạo sư tốt nhất. Giữ niềm tin chọn vẹn chân chính, chúng ta sẽ không bị thoái tâm bồ đề của mình chính là cách hành đạo của các vị Bồ Tát.

***Phân loại tạng thừa:***

***- Bộ kinh Địa Tạng là bộ kinh thâu nhiếp cả ngũ thừa.*** Chúng ta vừa học về ngũ thừa là: nhân thừa, Thiên thừa, Thanh văn thừa, Duyên giác thừa, và thứ năm là Bồ tát, Phật thừa.

Nhân thừa: Kinh nhắc nhiều lần đến nếu có thiện nam tử thiện nữ nhân, người mà biết quy y với Phật, Pháp, Tăng mới được gọi là thiện, còn chưa biết thì vẫn chưa được gọi là thiện. Chúng ta cũng là những chúng sinh nhưng trong kinh Địa Tạng thì từ "chúng sinh" phải được hiểu như vậy. Kinh Địa Tạng dạy chúng ta trước nhất là hiếu thân tôn sư. Hiếu là nguồn gốc, là cỗi rễ căn bản cho con người vậy. Mà có mong làm con người hoàn thiện thì quý vị mới có cơ hội lên cõi trời, rồi thành Bồ tát, thành Phật được. Còn không thì giấc mơ thoát khỏi luân hồi còn xa lắm. Giống như có giữ được thân người mới không bị đọa lạc. Không rơi vào cõi đọa đày khổ cực thì mới có điều kiện để mà tu hành.

Kinh dạy nếu khi tụng kinh mà mong có được công đức thì khi đó, người ấy không nói dối, không uống rượu, không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không ăn ngũ tân...Rồi những ngày trai thì nên giữ gìn trai giới, bỏ ác làm lành.... Giữ 5 giới trên chính là điều kiện để cho quý vị đảm bảo không mất thân người. Hơn nữa lại biết đọc tụng kinh điển, niệm Phật, lễ Phật thì còn lợi ích nhiều hơn nữa.

Trong phẩm thứ Tư: Đức Phật bảo với Bồ Tát Định Tự Tại Vương như sau: ***“ Vậy ở đời sau này có người nam, người nữ chẳng chịu làm việc thiện, chỉ ham làm việc ác, chẳng tin có nhân quả, hay báng phá Tam Bảo, giết các loài sinh linh, biếng lười thường trộm cắp,sống hoang dâm vô độ, thường nói lời vọng ngữ, thích say sưa rượu chè, si mê qua tháng ngày. Những chúng sinh như thế, khi sống mọi người khinh, tới khi nghiệp báo đến, chết đọa vào đường ác.”***

Những người này mất hết cả nhân tính rồi, sát, đạo, dâm, vọng họ đều đủ cả, chẳng thiếu thứ gì, khi chết đi chắc chắn bị đọa ác đạo. Khi mất thân người rồi thì muốn có được thân người khó như chuyện rùa mù và bọng cây mà thôi. Đọa ác đạo vô cùng khổ cực, súc sinh thì ngu si, ngã quỷ thì đói khát, địa ngục thì hành hình tra tấn, làm gì được dừng nghỉ mà có lúc mong được thoát ra.

Vậy mà *“* ***Nếu gặp thiện tri thức, bảo cho biết quy y, với Bồ Tát Địa Tạng, dù chỉ trong phút giây, được công đức vô lượng, nhờ những công đức đó, liền thoát ba đường khổ.”*** Phật pháp vi diệu như thế đấy, Thần lực của các Ngài như vậy đấy, chúng ta không có lời nào để diễn tả được, tưởng không còn đường thoát vậy mà chỉ cần biết nương vào từ lực của Phật và Bồ tát thôi mà những chúng sinh trong ba đường ác liền thoát khổ ngay. Quả là “hồi đầu thị ngạn”. Đây chính là nhiếp về nhân thừa.

 Và rồi” ***Nếu dốc lòng quy y, cung kính và lễ lạy, dùng những lời từ hòa, xưng dương cùng tán thán; đem hương hoa y phục, trân châu các thứ báu, cùng thức ăn đồ uống, thì trăm nghìn vạn kiếp, được sinh lên cõi trời, hưởng sự vui vô thượng, thật chẳng thể nghĩ bàn.”***

Không những thoát khỏi đường ác mà còn được sinh lên trời, thọ dụng vô cùng tận, nhiều kiếp chẳng thể nghĩ bàn. Đây chẳng phải bằng chứng để nhiếp về thiên thừa hay sao. Còn rất nhiều đoạn kinh văn khác cũng dẫn chứng những điều trên. Khi đọc tụng kinh văn nhiều lần rồi quí vị sẽ thấy.

Hơn thế nữa: ”***Khi phúc trời hưởng hết, thường sinh xuống nhân gian, trải muôn nghìn ức kiếp, thường sinh làm vua chúa, và nhớ được nhân duyên, quả báo của đời trước”*.** Sinh về cõi trời nhưng quý vị không bị rời vào trường hợp đọa lạc như những vị thiên tử khác khi hết phước báo cõi trời. Ngài Xá lợi Phất khi chứng được thần thông, Ngài nhìn thấy rất nhiều người hết phúc báo ở cõi trời bị đọa vào ba đường ác. Nhưng theo trong kinh Địa Tạng những người trong trường hợp trên sẽ không bị như vậy.

* ***Thanh Văn thừa*:** trong kinh Địa Tạng không nói đến hàng thanh văn dự pháp hội. Nhưng đức Phật nói có người tụng trì kinh Địa Tạng ở đời sau được sinh lại làm người, được gặp Phật pháp sẽ chứng bốn thánh quả là Tu Đà Hàm, Tu đà Hoàn, A Na Hàm, A La Hán.

**“*Nếu người muốn tu đạo,***

***Vượt ra ngoài tam giới,***

***Nên cung kính cúng dàng,***

***Và chiêm bái Địa Tạng,***

***Mọi nghiệp cấu tiêu trừ,***

***Sớm thành tựu sở nguyện.”***

***Duyên giác thừa, Bồ tát và Phật thừa*:**

Trong kinh Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã ân cần phó chúc cho bồ tát Địa Tạng rằng:

***“Như Lai nay ân cần,***

***Phó chúc cho Địa Tạng,***

***Dùng sức đại thần thông,***

***Phá tan địa ngục khổ,***

***Cứu vớt chúng trầm luân,***

***Khiến sinh cõi trời người,***

***Hưởng phúc báo an vui,***

***Tâm thường cầu chính pháp,***

***Tinh tiến chẳng thoái lui,***

***Cho đến chứng Bồ Đề”***

Và Bồ tát Địa Tạng cũng quỳ gối chắp tay mà bạch Phật rằng**:**

 ***‘”Kính lạy Đức Thế tôn, xin Thế tôn đừng lo! Nếu về đời sau này, có thiện nam tín nữ đối với trong Phật Pháp, có một niệm cung kính, con sẽ dùng phương tiện, hóa độ cho người đó, biết bỏ ác làm lành, lánh dữ và hành thiện, một lòng cầu tiến lên, chẳng còn bị thoái chuyển, cho đến thành tựu đạo Vô Thượng Chính Đẳng chính Giác”.***

Thành tựu đạo Vô thượng Chính Đẳng Chính Giác tức là thành Phật rồi. Quả vị Phật mà còn đạt được thì quả vị Duyên giác, Bích Chi Phật cũng thành được rồi. Nói bộ kinh này nhiếp cả ngũ thừa là như vậy. Hình ảnh của Phật và Bồ Tát, Một vị thì ân cần mà phó chúc, một vị thì cung kính, quỳ ngối, chắp tay, cúi đầu mà nhận lời phó chúc. Lòng từ bi của các Ngài vô lượng vô biên như vậy. Quý vị ở trong Phật pháp chỉ cần làm việc thiện như sợi tơ, sợi tóc, như hạt cát, mảy bụi thôi, thì Phật và Bồ tát không bỏ quý vị đâu. Bồ Tát Địa Tạng sẽ mãi ở bên chỉ lối dẫn đường cho quý vị.

Chúng ta đâu có nỡ lòng nào mà phụ lòng các ngài phải không. Các quý vị, tăng ni Phật tử đồng tu, hãy biết trân trọng nhân duyên Phật Pháp này. Mãi y theo lời dạy, nương vào hạnh nguyện, bản nguyện, bản thệ lực của Bồ Tát mà cố gắng, tinh tấn tu hành, không làm Chư Phật, Chư Bồ tát phải vào trong ba đường ác nhọc lòng để cứu giúp chúng ta nữa. Mong quý vị trong đạo tràng Tịnh tông học hội Việt Nam chúng ta sẽ y giáo phụng hành, nhà nhà có quyển kinh Bản Nguyện của Bồ Tát Địa Tạng này, người người tụng trì Bộ Kinh Bản Nguyện của Bồ Tát Địa Tạng này. Như vậy là chúng ta cũng đang đóng vai trò thị giả Phật và Bồ Tát Địa Tạng rồi đó.

***GIẢNG KINH ĐỊA TẠNG BỒ TÁT BẢN NGUYỆN (Tập 2*)**

Hôm nay chúng ta tiếp tục học và nghiên cứu kinh bản nguyện của Bồ Tát Địa Tạng.

***Phần III : Biện rõ tông chỉ - Nói rõ tông chỉ kinh***

Tông chỉ của bộ kinh Địa Tạng lấy hiếu đạo làm đầu. Quan điểm của nhà Phật “Hiếu hạnh vi tiên” hay “Hạnh hiếu là hạnh Phật, Tâm hiếu là tâm Phật”.

Từ ngày còn trẻ thơ chúng ta đã được thầy cô giáo trong trường dạy rằng:

“Công cha như núi thái Sơn

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra

Một lòng thờ mẹ kính cha

Cho tròn chữ hiếu mới là Đạo con”.

Những bài tập đọc đầu tiên, những bài đạo đức đầu tiên chúng ta đã được dạy như vậy rồi, đủ thấy chữ Hiếu ngay tại nhân gian đã là một nền tảng rất quan trọng. Chữ Hiếu rất gần với chữ Hiểu chỉ khác nhau một nét thôi. Có lẽ điều này ngụ ý, người có Hiếu mới là người thực sự “hiểu biết ” vậy. Ở đời thường thì vậy còn ở trong Đạo Phật thì sao?. Trong văn kinh Đức Phật có giới thiệu tiền thân của Địa Tạng Bồ Tát là con ông trưởng giả, một kiếp là thánh nữ Bà La Môn, một kiếp là cô gái có tên Quang Mục. Những câu chuyện đều nói lên hạnh hiếu của Bồ Tát Địa Tạng nói riêng cũng như hiếu đạo trong đạo Phật nói chung.

Ở thế gian nếu người mà có tài nhưng không có hiếu với cha mẹ ông bà tổ tiên, không nhớ đến cội nguồn thì người đó chưa làm tròn bổn phận của một người công dân.

*Có một câu chuyện kể về phú ông rất giàu có nhưng lại vô cùng keo kiệt. Bà mẹ ông ta bị ốm thầy thuốc kê đơn thuốc bổ cho bà cụ. Nhưng khi biết toa thuốc có hai vị rất đắt tiền ông ta liền bảo nhà đã có hai vị thuốc đấy rồi và cắt cho mẹ mình thang thuốc bổ mà không có những vị thuốc bổ chính yếu. Uống thuốc một thời gian bệnh của bà lão không thuyên giảm mà còn nặng thêm, không bao lâu sau bà mất. Người bố của ông ta vì quá thương vợ lại biết được vì con mình quá vô tâm như vậy nên vợ ông mới qua đời. Ông uất hận nhịn ăn mấy ngày rồi đổ bệnh, không bao lâu sau ông cũng mất. Sau đó người con trai duy nhất của ông đi săn trong rừng bị tai nạn và chết. Con trai chết, một thời gian sau bà vợ của ông cũng uống thuốc tự tử và chết. Còn mình ông ta sống ở trên đời với số tài sản rất lớn. Bây giờ, thì chẳng còn ý nghĩa gì với ông nữa khi người thân thì qua đời hết ông ta suy nghĩ quá nhiều cuối cùng phát bệnh và phát điên rốt cuộc với gia tài của mình ông không được hưởng mà lại thành một kẻ lang thang. Chúng ta thấy, từ việc bám chấp vào những gì mình có mà thành người thiếu nhân cách, quên mất lễ nghĩa , hiếu đạo rồi kết cục phải chịu cảnh tang thương như vậy đấy.*

Ngược lại nếu người có hiếu đạo, thì tấm lòng hiếu thảo đó sẽ cảm động cả đất trời.

 *Truyện kể rằng, có cặp vợ chồng này rất nghèo họ sinh được một bé trai mới mấy tháng tuổi. Họ có một bà mẹ già, người mẹ đã hy sinh cả đời nuôi đứa con trai sau khi chồng bà mất, người con trai này hiểu và rất thương mẹ. Lòng hiếu thảo của anh dân làng đều hay biết. Khi đứa cháu sinh ra người bà gặp cơn bạo bệnh không ăn uống được gì chỉ có thể uống sữa. Hai bà cháu đều dùng một nguồn sữa của người mẹ mới sinh. Nhưng sữa của cô cũng chỉ đủ nuôi một người mà thôi, bà mẹ ngày một yếu đi, đứa con ngày một khóc nhiều hơn trước. Trước nghịch cảnh đó người con trai rất đau khổ, anh ta bàn với vợ bỏ lại đứa con nhỏ vào rừng sâu và chôn sống đứa con đó, anh nghĩ con thì còn có thể có lại nhưng mẹ chỉ có một mà thôi. Hai vợ chồng vào rừng, đào chỗ để chôn sống con, bất ngờ chỗ họ đào đó lại có một cái hũ rất nhiều vàng bạc châu báu. Trong thỏi vàng đó lại có khắc tên anh ta, anh được hưởng số châu báu này từ lòng hiếu thảo của mình. Câu chuyện nghe như thần thoại nhưng là một bài học rất sâu sắc về lòng hiếu thảo. Phận làm con có sẵn sàng hy sinh những gì quý giá nhất của riêng mình để dành cho cha mẹ thì mới là có hiếu.*

Chúng ta không chỉ bắt gặp câu chuyện hiếu đạo ở trong chuyện quá khứ, trong những tấm gương hiếu thảo ngày xưa mà những câu chuyện này còn có trong chuyện bây giờ và ở đây.

*Tôi có xem 1 đoạn phim kể về 1 em bé mồ côi cha, mới học lớp 5 thôi mà em chịu thêm một nỗi đau nữa là mẹ em bị bện tâm thần, bà nội cũng bệnh, người cậu của em cũng bị tâm thần. Họ sống chung trong một mái nhà. Cô bé lớp 5 này sáng đi học, chiều đi bán bánh, hàng ngày số tiền thu được dư ra so với tiền gốc chỉ là 10 đến 15 nghìn đồng. Nhưng em lại học rất là giỏi. Sau khi biết đến trường hợp của em. Đài Truyền hình Phú Yên làm một đoạn phim tài liệu. Tôi xem được và đã liên lạc với mong muốn chu cấp tiền học cho em đến khi em học hết lớp 12 và hết đại học nếu em đỗ đại học. Để sau này em có công việc ổn định, nuôi sống được mình và người thân của em.. Khi gọi điện vào thì ban tổ chức thông báo rằng đã dừng việc quyên góp hỗ trợ em từ mấy tháng trước, vì trường hợp của em rất đặc biệt, chỉ trong mấy tháng số tiền hỗ trợ em đã lên tới 3 tỷ đồng. Hiện nay, em đã có một ngôi nhà đàng hoàng để yên tâm học tập, cũng như thuốc thang để chữa trị cho người thân của em. Có lẽ người cha của em cũng đang mỉm cười vì có một người con hiếu thảo như em. Câu chuyện của đời xưa đã cảm động trời đất. Còn câu chuyện của em bé Phú Yên đã cảm động lòng người, là tấm gương sáng cho bao bạn bè xung quanh.*

Còn câu chuyện nữa muốn giới thiệu cho quý vị sau đây là một tấm gương của một cô bé hiếu thảo ở phương Tây. Nền văn hóa khá xa lạ với các cụ ở đây. Một nước tư bản phát triển nhất thế giới, chủ nghĩa tự do cá nhân được đề cao nhưng câu chuyện của cô bé này đã làm lay động biết bao trái tim con người, biết bao người trẻ trên thế giới.

*Câu chuyện này đã được dựng thành phim bộ phim có tên là “ Homeless to Harvard” tạm dịch là “ Không nhà tới cánh cửa Harvard”. Đại học Harvard là trường đại học số một trên thế giới. Những học sinh và cha mẹ họ khi xin học bổng hay đăng ký vào đại học thường có câu ‘vào học được Harvard còn khó hơn lên trời” Lên trời thì dễ thôi có tiền là đi được, còn người vào trường này thì phải vừa giỏi và vừa có kinh tế. Lisa sinh ra trong ra đình có người mẹ nghiện ngập ma túy, và người bố thì thất nghiệp chỉ thích xem các trò chơi trên truyền hình, không quan tâm đến vợ con. Có hôm người mẹ điên cuồng trong cơn nghiện, người bố thì vẫn ngồi xem tivi thờ ơ, vô cảm. Chứng kiến cảnh đó em chỉ biết nhìn và khóc. Nếu không có thuốc người mẹ bới tung đồ đạc và kêu than, em cầm số tiền tiết kiệm của riêng mình, số tiền để em đóng học phí đưa cho mẹ. Người mẹ chộp lấy và chỉ lúc ấy bà mới biết cười với em. Một thời gian sau bà mẹ bị cảnh sát bắt vì dùng ma túy. Nhà bề bộn như một cái ổ chuột, em thường xuyên bỏ học, đi đến lớp thì thì bị các bạn ghét và trêu chọc. Nhưng cô bé này lại thông minh và học giỏi, vẫn được điểm tối đa trong bài kiểm tra, dù hoàn cảnh bất hạnh. Ngày em mang bài kiểm tra về nhà, người hàng xóm báo cho mẹ em đã về . Em cầm bài kiểm tra về và khoe với mẹ. Nhưng một tin sét đánh đến với em. Mẹ em mắc bệnh AISD. Quý vị nghĩ sao khi rơi vào hoàn cảnh này. Vậy mà cô bé vẫn ôm lấy, thương mẹ và không muốn mẹ rời xa hay cách ly mẹ mình. Hội bảo trợ quan tâm và đến bắt em phải đi học, họ mang em ra khỏi nhà. Đến trường bảo trợ thì thật khủng khiếp, bạo lực học đường diễn ra khắp nơi. Em bỏ chốn và đi học trường khác. Vài năm sau mẹ em mất. Cô bé lúc này thực sự trở thành không nhà hay vô gia cư. Nhưng thực sự cô bé này có sức mạnh phi thường. Xin vào làm thực tập, học việc tại tòa báo. Tờ báo New York Times có sáu xuất học bổng vào đại học. Cô quyết định xin học bổng, vừa đi trên tàu vừa học, vừa làm thêm việc rửa bát, vừa học. Ngày xin học bổng, cô không có đến một cái áo tử tế để mặc đi phỏng vấn, phải mượn một người quen. Đến tòa soạn, trước ban hội đồng xét tuyển, cô kể lại câu chuyện về gia đình và cuộc đời mình. Giám khảo xúc động không chỉ thành tích học tập mà vì cả lòng hiếu thảo của cô nữa. Cô nói mẹ tôi là người nghiện ngập, là một người không được coi trọng trong xã hội. Nhưng tôi chưa bao giờ thôi yêu, thôi kính trọng mẹ, chỉ vì bà đã sinh ra tôi, từng chăm sóc và thương yêu tôi. Tôi chưa bao giờ oán trách số phận của mình mà tôi hạnh phúc vì nó.Cô bé ngày nào đã được vinh danh, dành được học bổng và trở thành sinh viên của ngôi trường hàng đầu thế giới. Bộ phim được hơn hai triệu lượt xem, rất nhiều lời khen ngợi và cảm ơn khi được đăng lên mạng. Nhiều người đã thay đổi bản thân khi xem xong bộ phim này.*

*Lòng hiếu thảo ở đâu cũng cảm động được lòng người, và cũng được đền đáp xứng đáng. Dù là quá khứ, hiện tại, hay vị lai. Dù là phương Đông hay phương Tây. Dù là nước nghèo hay nước giàu, dù là văn hóa truyền thống hay xã hội hiện đại. Vì nó là nền tảng của nhân cách hay mọi sự thành tựu. Biết đâu những tấm gương trên là thị hiện của các vị Bồ Tát giữa đời thường trước những suy thoái và những thay đổi trong nhận thức của nhân loại trong thời đại ngày nay.*

Nhiều chuyện tiền kiếp của Đức Phật cũng nói lên tâm hiếu thảo của Ngài. Khi trong bất cứ sự thị hiện nào thì Ngài đều là một người con hiếu thảo.

*Lúc là một chú chim oanh vũ cũng vậy. Oanh vũ cha là tiền thân của vua Tịnh Phạn, Oanh vũ Mẹ là tiền thân của hoàng hâu Ma Gia. Một lần oanh vũ mẹ đi kiếm ăn, trời mưa bão rất lớn, con chim mẹ bị mù mắt và gãy chân, không thể đi kiếm ăn được. Còn nhỏ, nhưng chim oanh vũ con cũng cố gắng bay đi kiếm mồi. Bị bác nông dân hiểu lầm nghĩ rằng đây là con chim tham lam chỉ biết sẵn ruộng của bác nông dân mà xuống mang thức ăn về tổ, không biết đủ, không biết nhường cho các con chim khác. Bị bắt chim oanh vũ kể chuyện của mình với bác nông dân. Bác hiểu ra mà để cho chim oanh vũ thoải mái đến thửa ruộng của mình lấy ngũ cốc nuôi mẹ. Bác nông dân trong câu chuyện này là tiền thân của Ngài Mục Kiền Liên. Nhân duyên cứ nối tiếp từ đời này sang đời khác. Kiếp này khi thành Phật, thì những người thân quen trong tiền kiếp của Đức Phật lại đến để hộ trì Ngài. Chúng ta ở đây, được thọ trì, đọc tụng bộ kinh này cũng là nhờ nhân duyên khi Đức Phật thành đạo muốn báo ân mẹ mình, mong cho mẹ mình sớm viên mãn bồ đề mà thuyết ra bộ kinh này. Đây chính là đại hiếu trong các việc hiếu ở đời.*

Chữ Hiếu trong đạo Phật được chia ra làm đại hiếu, tiểu hiếu, cận hiếu và viễn hiếu.

***Tiểu hiếu*** là đối với cha mẹ ở đời, ta biết cúc cung tận tụy, nhất tâm phụng dưỡng, không để cha mẹ đói, không để cha mẹ lạnh. Không những không để cha mẹ mình bị thiếu thốn mà còn cúng dàng cha mẹ những điều tốt nhất mà mình có thể làm được ở trên đời, khi đứng trước bổn phận của người làm con. Điều trên đã là rất quý nhưng đây vẫn gọi là tiểu hiếu, vì đối với người ngoài tấm lòng hiếu thảo của họ chưa bao trùm chưa phủ khắp được. Họ chưa nhìn được người cao tuổi ở nhà như cha mẹ mình, chưa chăm lo được người ngoài như chăm lo cha mẹ mình. Gặp người ăn xin bằng tuổi cha mẹ mình, có thể họ vẫn cho nhưng cho rất ít. Chưa thể phát tâm bình đẳng như đối với cha mẹ của mình.

Tiểu hiếu ta gặp nhiều trong xã hội. Đặc biệt là những gia đình mà khi người mẹ mang thai, họ biết giữ gìn thai giáo, được nuôi lớn lên bằng tình mẫu tử. Người mẹ trong thời gian mang thai, biết điều hòa tâm ý, chỉ nghĩ đến điều thiện, điều lành, nghĩ đến đứa con mình sinh ra phụ thuộc rất nhiều vào tính tình của mình, họ ít dám sân hận, ít dám nghĩ những điều không tốt. Người cha cũng vì nghĩ đến con mình mà không gây tâm lý khó chịu cho người mẹ. Người ông người bà biết thương đứa cháu tương lai mà tạo điều kiện cho con mình không gian tốt nhất. Người mẹ cũng vì con, muốn dạy con hiếu thuận từ trong trứng nước nên hết lòng giữ hiếu đạo với cha mẹ. Biết giữ tâm thiện lành khi nhìn những người xung quanh. Như vậy, đứa trẻ này may mắn và hạnh phúc làm sao khi được sinh ra từ một môi trường như thế. Đứa bé này sinh ra sẽ có tấm lòng hiếu thảo rất tự nhiên, biết yêu thương quý trọng người khác rất tự nhiên. Trong kinh Địa Tạng phẩm thứ sáu Đức Phật có nói với Bồ tát Phổ Quảng rằng: *“...* ***Nếu có người sinh nở, được con trai, con gái, trong khoảng bảy ngày đầu, mà biết đọc kinh này, lại biết niệm danh hiệu của Bồ tát Địa Tạng, một vạn lần trở lên, thời những đứa trẻ ấy, kiếp trước có nghiệp ác, liền tiêu diệt hết ngay,được bình an khỏe mạnh, và tăng thêm tuổi thọ. Nếu trẻ mới sinh kia mà có phúc đời trước, thì càng được tăng thêm, phúc báo trong nhiều đời****”.*  Như vậy, quý vị Phật tử muốn con cháu mình sau này là bậc tài đức, biết hiếu thuận với gia đình, làm chỗ dựa cho mọi người thì cứ y theo kinh Địa Tạng, vì con, vì cháu mà thọ trì đọc tụng bộ kinh này. Lời Đức Phật nói không sai, đứa bé được sinh ra sẽ được đầy đủ phước báo. Mầm bồ đề được gieo vào a lại da của chúng từ khi còn nhỏ. Quý vị lo gì con cháu mình sau này khi lớn lên không được theo chân chư Phật và Bồ tát...

***Đại hiếu*** thì sao? Đại hiếu là mình cung kính, chăm lo cha mẹ mình như thế nào, thì mình sẽ cung kính, cung phụng cha mẹ mình như thế. Đức Phật dạy những đệ tử của mình phải coi “Hết thảy người nam là cha ta, anh, em trai ta. Hết thảy người nữ là mẹ, là chị, em gái ta”. Người quán được như thế rồi theo đó mà đối xử với người trên, kẻ dưới thì sẽ đi được những bước dài trong quá trình tu học. Mở rộng ra hơn nữa đến chúng sinh trong khắp pháp giới, nhìn ai, nhìn vật gì cũng như nhìn thấy người thân mình, như nhìn thấy cha mẹ mình, cao hơn bước nữa là như nhìn thấy chư Phật, chư Bồ tát. Thì tương ứng với hạnh nguyện “Lễ kính Chư Phật ” của Phổ Hiền Bồ tát. Như tấm gương của hòa thượng Thượng Tịnh Hạ Không, Ngài nhìn vật gì cũng thấy đó là A Mi Đà Phật. Các hành giả tịnh độ mà tu tập được như thế thì lo gì không được A Mi Đà Phật đến đón. Lo gì không được về Tây Phương Cực Lạc...

Đức Phật dạy đem tiền tài của cải để bố thí cho khắp chúng sinh trong pháp giới, cũng không bằng công đức cúng dàng thức ăn cho một vị tu hành, để từ đó vị ấy tu hành thành Phật. Nuôi dưỡng tất cả chúng sinh trên thế gian, cho họ ăn uống, cung cấp đồ đạc đầy đủ. Chỉ ban phát vậy thôi chứ không có ý gì thêm, không gieo duyên cho họ với giáo pháp của Đức Phật, không dạy họ có tâm thiện, phát tâm Bồ đề. Thì dù cho có nuôi họ đến 100 tuổi đi chăng nữa, thì khi chết họ vẫn trong vòng sinh tử chưa chắc đã thoát ly lục đạo. Còn một vị tu hành đắc đạo, thoát ly tam giới, làm Phật, làm Bồ Tát thì các Ngài sẽ độ cho tất cả chúng sinh khổ nạn dần dần chứng Vô Thượng bồ Đề, thành Phật, thành Bồ tát như các Ngài vậy.

Mở rộng ra, quý vị nhìn ai cũng như quý vị nhìn thấy Phật A Mi Đà, nhìn ai quý vị cũng cung kính họ như cung kính chư Phật và Bồ tát. Thì từng miếng ăn, ngụm nước quý vị mời họ với một tâm cung kính như vậy thì cảnh giới của qúy vị là cảnh giới Cực Lạc rồi. Người khác nhìn thấy quý vị sống tốt như vậy, người ta cũng muốn học theo. Cứ nhân rộng, nhân rộng ra như vậy thì Cực Lạc nho nhỏ cũng có tại Trái Đất này rồi. Trong Phật pháp có câu” Phục vụ chúng sinh là cúng dàng Chư Phật”. Tấm lòng của Bồ tát và của Phật bao la rộng lớn, dù chúng sinh có bạc ác, bất nhân thế nào các ngài vẫn tận tụy giúp đỡ, miễn là có duyên, bất luận là thiện duyên hay ác duyên, miễn là duyên thì sẽ hóa độ. Như câu chuyện của Vua Ca Lợi và nhẫn nhục Tiên Nhân vậy. Tấm lòng của Bồ tát thì như vậy đấy. Chúng ta học được gì từ các Ngài. Các Ngài nói không cần cúng dàng ta, phục vụ chúng sinh, cúng dàng chúng sinh thì cũng như cúng dàng ta rồi.

Trong kinh Địa Tạng, Ác Độc Quỷ vương từng bạch Phật rằng:” ***...Nếu thấy có người nào, làm mảy may điều thiện, nhẫn đến treo phan phướn, hoặc cúng dàng hoa hương, cùng tô vẽ tượng Phật, hoặc tụng đọc Kinh này, một câu một bài kệ, thì Quỷ vương chúng con sẽ kính lễ người ấy, như kính lễ đức Phật khắp mười phương ba đời...”*** vị Quỷ Vương này không phải quỷ vương bình thương mà là một vị Đại Bồ Tát vì thương xót chúng sinh mà hóa hiện ra thân như thế. Vì sao các Ngài làm, được những điều phi thường như vậy, nếu như các Ngài không tu Hiếu hạnh viên mãn từ những kiếp lâu xa. Chúng ta ở đây có học được chút ít gì từ các Ngài không?, có làm được chút ít gì như các Ngài không???. Hòa Thượng Tịnh Không từng nói không cần bạn phải làm y như Chư Phật chư Bồ Tát... chỉ cần bạn phát tâm vô thượng, phát tâm muốn cứu giúp chúng sinh khổ nạn. Quý vị thấy đấy, nếu quý vị làm được những điều như vậy, tụng đọc thụ trì Bộ kinh Địa Tạng này thì có bao nhiêu hóa thân của Bồ tát hỗ trợ, bảo vệ quý vị rồi... quý vị còn gì phải lo lắng nữa hay không.

***Cận hiếu***: Cận là gần, kề. Những tấm gương hiếu thảo gần với chúng ta , gần với thời đại chúng ta, để chúng ta lấy đó là tấm gương. Cận hiếu gần với tiểu hiếu là việc báo hiếu trong đời này, cha mẹ, những người gần gũi với chúng ta.

***Viễn hiếu****:* gần giống với đại hiếu lòng hiếu thảo cảm động lòng người, làm con người ta luôn nhớ tới, ghi vào sử sách, mọi người công nhận, qua thời gian năm tháng, sức ảnh hưởng không bị mất đi trong tâm của người đời. Tấm gương hiếu hạnh của Đức Phật, của Bồ Tát Địa Tạng, của Mục Kiền Liên Bồ tát, đã lưu truyền mấy nghìn năm nay vẫn đang khắc sâu trong tâm khảm chúng ta vậy.

Đối với các phật tử có tuổi rồi, các vị nghĩ mình bây giờ không có cơ hội để báo hiếu cha mẹ mình nữa. Nhưng các vị hãy học Thánh Nữ Bà La Môn, hãy học nàng Quang Mục. Mẹ các vị đó đã mất, nhưng các vị không hề bỏ mặc . Ngày đêm Thánh nữ lo âu, báo đáp công ơn sinh thành của mẹ. Nghĩ đến làm việc lành để báo đáp công ơn mẹ. Vì thế mà mẹ thánh nữ, thoát khỏi Địa Ngục A Tỳ được sinh lên cõi trời. Còn mẹ nàng Quang Mục khi hết báo thân làm thì được sinh vào dòng Phạm Chí sau đó lại được sinh vào cõi Phật. Ngày nay Bồ Tát Địa Tạng đã đủ công đức trí tuệ, dùng thần thông vào địa ngục cứu chúng sinh khổ.. Bồ tát Địa Tạng luôn đi lại ở thế giới Sa Bà đặc biệt là cõi Nam Diêm Phù Đề này. Ngài sẽ luôn chứng tri cho tấm lòng hiếu thảo của những người con, người cháu hoặc người thân đang muốn cứu giúp cho ông bà, cha mẹ, thân bằng, quyến thuộc của họ..

Chúng ta bây giờ không đơn độc như tiền thân của Bồ Tát Địa Tạng ngày xưa. Ai nhìn thấy tôn tượng của Ngài mà biết lễ bái, cúng dàng, biết đọc tụng bộ kinh này thì sẽ được Ngài cảm thông và thay người đó đi vào chốn khổ nạn. Trước đây, Thánh nữ Bà La Môn tự đi vào ngục sau khi niệm danh hiệu của Đức Phật Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai. Bây giờ, chúng ta không cần đi vào ngục như Thánh Nữ để tìm người thân của chúng ta. Mà ngài Địa Tạng sẽ vào đó để cứu người thân của chúng ta trong đó.

Vì vậy, khi nói đến viễn hiếu, chúng ta phải nhớ đến công ơn sinh thành dưỡng dục của ông bà, cha mẹ nhiều đời nhiều kiếp để nhất tâm trì tụng kinh Địa Tạng, in ấn kinh lưu truyền khắp ở thế gian. Nếu được như vậy,công đức của quý vị vô lượng vô biên, đem công đức đó hồi hướng cho thân bằng, quyến thuộc cha mẹ tổ tiên nhiều đời nhiều kiếp. Không chỉ ba đời, bảy đời mà vô lượng vô biên kiếp trước. Giúp họ đều được siêu thoát tam đồ khổ, được hưởng an vui mãi mãi nơi cõi trời người nhẫn đến cõi tịnh độ của Chư Phật mười phương.

***Tông chỉ thứ hai trong kinh Địa Tạng là độ sinh.***

***Độ*** là chiếc thuyền dùng để qua sông. ***Sinh*** chỉ cho các loại chúng sinh bao gồm chúng sinh hữu tình – tất cả các hàng trời người cho đến loài vật bò bay, xuẩn động. Và chúng sinh vô tình là cỏ cây, thực vật- các loại này không có tình thức như chúng sinh hữu tình. Cây cối cũng biết nóng, biết lạnh nhưng không biết nói, biết suy nghĩ như chúng ta.

Độ sinh là con thuyền đưa chúng sinh lên bờ giác. Công năng của kinh Địa Tạng, đọc tụng cũng có công đức để giải thoát, lễ bái cũng có công đức để giải thoát, quý vị ấn tống kinh sách rồi đem công đức đó để hối hướng cũng cầu được giải thoát. Kinh Địa Tạng dạy chúng ta bỏ ác làm lành, lánh dữ hành thiện để hướng đến quả vị vô thượng chính đẳng chính giác.

***Tông chỉ thứ ba là Bạt khổ:***

Bạt là dứt trừ, nhổ sạch. Bạt khổ là dứt trừ những nỗi khổ của chúng sinh. Từ đó mà chúng sinh có cơ hội tốt lên.

***Tông chỉ thứ Tư là Báo ân:***

Báo là đền, trả cho. Báo ân là luôn nhớ đến côn ơn cha mẹ, tổ tiên, thầy tổ. Người xuất gia ngoài việc tu tập, phổ độ chúng sinh, báo ơn cha mẹ tổ tiên còn có một việc cần ghi nhớ đó là công ân sư trưởng. Nhà Nho có câu: “Nhất tự vi sư, bán tự vi sư”. Người xưa muốn đề cao đức tính hiếu thảo, sự tôn kính của người trò và người thầy như vậy.

Hình ảnh đức Quán Thế Âm thưa hỏi Đức Phật về công đức, thần lực của Bồ Tát Địa Tạng đã làm tôi rơi nước mắt khi tôi hội tập bộ kinh này. Quán Thế Âm Bồ tát rời tòa ngồi đứng dậy, nhiễu quanh Phật ba vòng, lễ Phật ba lễ rồi mới chắp tay thưa hỏi. Một vị Bồ Tát bổ xứ ở Tây Phương Cực Lạc luôn theo thị giả A Mi Đà Phật đối trước Đức Phật Thích Ca Ngài có hành động cung kính như vậy, đúng là một mô phạm cho chúng sinh đời sau noi theo.

Trong Phật môn, lớp tăng ni trẻ cần học tập ứng xử cho phù hợp với oai nghi, tế hạnh để xứng đáng làm đệ tử của Đức Như Lai. Quý vị hãy học ngay trong kinh sách, suy tư về oai nghi, hành động của các vị Bồ Tát đối với các vị Bồ Tát, của các vị Bồ Tát đối với Đức Phật , các vị thánh đệ tử của Đức Phật đối với nhau như thế nào để học tập. Ngài Xá Lợi Phật khi ngủ thì luôn luôn quay đầu về phía am của Đức Phật, và quay mặt về phía am của Mã Thắng Tôn Giả. Vì Đức Phật là Thầy của ngài Xá Lợi Phất. Còn Mã Thắng tôn giả là một trong 5 đệ tử xuất gia đầu tiên của Ngài nhóm năm anh em ông Kiều Trần Như. Ngày còn đang đi tìm con đường giải thoát, Xá Lợi Phất gặp một người đang cầm bát đi khất thực, nhìn thấy phong độ ung dung và giải thoát của vị đó, Ngài rất cảm phục và nghĩ chắc chắn đây là bậc đã giác ngộ. Xá Lợi Phất bị thu hút trước hình ảnh đó, Ngài đi theo và hỏi ai là người thầy của vị tu sĩ kia. Khi ấy Ngài Mã Thắng nói Thầy của Ngài là Đức Phật. Ngài Xá Lợi Phất hỏi Đức Phật ngài dạy giáo pháp gì...Tôn giả Mã Thắng bèn đọc cho ngài Xá Lợi Phất một bài kệ. Và khuyên hãy đến theo học Đức Phật, vì Ngài Mã Thắng không đủ để tuyên giải giáo pháp của Phật tới cho Ngài Mục Kiền Liên.

Một bài kệ đã làm cho Ngài Xá Lợi Phất bừng tỉnh và là nhân duyên để Ngài đã tìm tới Đức Phật xin xuất gia. Một bài kệ thôi, mà Ngài Mục Kiền Liên nhớ mãi, không bao giờ quên ơn của sư huynh mình, cho dù sau này luôn được kề bên đức Phật và được coi là bậc đại trí. Thì khi đi ngủ Ngài cũng không quên công ơn của Đức Phật và Sư huynh . Quả là một tấm gương, một bài học lớn cho chúng ta nhớ mãi, soi vào và noi theo.

*Còn các vị Tăng, Ni trẻ ngày nay, các vị có nhớ công ơn của người Thầy đã tế độ mình không, có kính trọng các bậc tôn túc đi trước không. Hay khi đã có một chút cúng dàng hay tôn trọng của phật tử chúng ta lại quên đi mất bổn phận của mình. Bài học vỡ lòng đầu tiên sau “Công cha như núi Thái Sơn ...” thì đó là bài “” Anh em như thể chân tay” , hay Chị ngã em nâng. Chúng ta là anh em huynh đệ trong một nhà cùng bỏ hết cái riêng của mình để nay cùng mang họ Thích. Vậy mà, tôi thấy một thực trạng, người đi sau không tôn trọng, kính lễ người đi trước. Đừng bao giờ dựa vào bằng cấp, thế lực, hay tư tưởng bình đẳng ... mà hành xử với các vị tôn túc, các vị Thầy hay sư huynh sư đệ của mình. Phán xét Thầy tổ mình, so sánh Thầy mình và Thầy người. Tất cả những điều đó đều không phải là oai nghi của người xuất gia.*

Người học Phật quan trọng ở vấn đề tầm cầu giáo pháp giải thoát chứ không phải ở việc thế tục nhiều. Nếu ở trong chùa mà lấy đồ của chúng tăng mà đem cho Phật tử và người mà mình yêu quý đó cũng giống như ăn trộm của thường trụ, mà đây là tội đọa địa ngục, cả người cho đến người nhận đều đọa địa ngục. Phật tử đừng nghĩ khi đến chùa mà được sự quan tâm đặc biệt của một vị sư nào đó, thì đây là phước báo và là sự hãnh diện cho mình. Được vị nào đó cho cái này, cho cái kia thì khi nhận quý vị phải biết cái nào được nhận, cái nào không được nhận. Có khi đó là sự lấy lòng Phật tử, mưu đồ lợi ích cá nhân, sai với chánh pháp. Của Tăng chúng là của 10 phương Tam Bảo. Một vị Tăng không nên cho người khác đồ vật một cách quá đáng, kể cả người thân, kể cả cha mẹ. Nếu không hiểu biết là quý vị giết họ đấy. Người phật tử khi nhận cũng phải có hiểu biết không có không biết bao nhiêu kiếp nữa mới trả được món nợ này.

*Chuyện kể rằng bên Trung quốc thời xưa có hai mẹ con rất yêu thương nhau, người con rất có hiếu với mẹ mình. Nhưng khi lớn lên vị này đi xuất gia. Khi người mẹ già yếu, không còn ai chăm sóc, vị tăng ấy hằng ngày đi khất thực và chia nửa phần thức ăn cho mẹ mình. Điều này Đức Phật cho phép, không sao. Nhưng vị này có một sai lầm nghiêm trọng đó là lấy tấm y của mình đắp cho mẹ khi bà mẹ bị ốm. Chẳng bao lâu sau bà mẹ ấy mất đi vị tăng ấy vẫn đắp tấm y đó cho mẹ và đi chôn. Khi vừa lấp mộ xong, mọi người vừa ra về thì một cơn giông tố xảy ra. Sét đánh tung ngôi mộ và thân thể người mẹ văng ra một bên và tấm y sang một bên. Vị sư vì muốn báo hiếu cho mẹ lên tiếp tục một mình chôn cất mẹ. Nhưng khi vừa ra về thì sấm sét lại đánh bật tung ngôi mộ và bà mẹ ông và tấm cà sa lại chia làm hai nẻo khác nhau. Lúc đó vị tăng mới tỉnh ngộ ra rằng, tấm cà sa là Tăng bào, là vật của Chư Tăng, chỉ hàng xuất gia mới được đắp. Ông liền sám hối Chư Phật, Chư Bồ Tát, Tam Bảo mười phương. Mẹ mình không phải là người xuất gia lên không được thọ nhận. Ông liền cởi chiếc áo trong của mình mà cho mẹ rồi mới chôn cất. Từ đó ngôi mộ được yên bình. Qua câu chuyện trên chúng ta thấy rằng vật của thường trụ tăng không phải cái gì cũng cho được. Quý vị nên biết như vậy mà có cách ứng xử hợp lý khi được người xuất gia cho mình một cái gì đó.*

Người học Phật có học đến nơi đến chốn mới biết mình đang trong hoàn cảnh nào. Cái gốc vẫn phải là “Hiếu thân tôn sư”, còn nếu đối với sư trưởng của mình mà mình còn không nhớ nghĩ thì chúng ta có giỏi đến đâu đi nữa thì cũng chỉ là kiến thức bề ngoài và chúng ta cũng khó mà thành tựu được. Giống như Đề Bà Đạt Đa là người rất giỏi, khi còn ở trong hoàng cung ông chỉ thua mỗi thái tử Tất Đạt Đa. Về giữ giới luật ông chỉ vi phạm một lỗi là làm thân Phật chảy máu. Đó là tội ngũ nghịch phải đọa địa ngục A Tỳ. Nhưng ông còn giữ nhiều hơn 250 giới mà Đức Phật đã chế ra. Vì thế mà đã có đến hơn 500 vị ra khỏi giáo đoàn của Đức Phật, theo Đề Bà Đạt Đa và nói tu như vậy mới là chân chính. Đạo Tuyên luật sư nói Đề Bà Đạt Đa giữ giới luật còn nhiều hơn cả ngài. Đề Bà Đạt Đa giỏi như vậy nhưng cái gốc tôn trọng kính lễ Thầy của mình là Đức Phật thì ông lại không có. Chỉ khi bị bệnh cận kề cái chết thì ông mới trở lại, sám hối Đức Thế Tôn và xin quy y lại với Ngài. Đức Phật cũng nói Đề Bà Đạt Đa sẽ chịu quả báo khổ cực nơi Địa Ngục A Tỳ, nhưng sau thời gian đọa địa ngục đó thì cũng sẽ thành Phật hiệu là Thiên Vương Như Lai. Chúng ta thấy, cơ hội thành Phật chia đều cho tất cả chúng sinh kể cả khi bị đọa trong địa ngục A Tỳ.

Chúng ta phải luôn thân cận sư trưởng để học hỏi, và nghĩ đến công ân của sư trưởng đã xúc dưỡng mình mà báo đáp. Trong luận cũng nói rằng nếu sư trưởng có lỗi nhỏ hoặc những lỗi vừa vừa thì mình là người học trò cũng đừng nhìn lỗi của sư phụ. Mà phải luôn nhìn vào những điều tốt đẹp nhất Sư phụ đã dành cho mình. Giống như đứa con với cha mẹ, đừng nhìn vào lỗi của cha mẹ mà phải luôn nhìn vào ân điển cha mẹ thôi. Đứa con đó dần dần mới thành tựu được trên bước đường của mình. Qua những tấm gương hiếu hạnh thì ta đều thấy cả trong đạo lẫn ngoài đời đều như thế.

*Gần 300 năm trước có một vị sư rất nổi tiếng ở Việt Nam, ngài là vị trụ trì và khai sơn một ngôi chùa rất nổi tiếng ở Huế là chùa Từ Hiếu. Năm 19 tuổi khi Ngài vừa thọ giới Sa di, mẹ ngài bị lâm bệnh nặng nằm liệt giường. Vì muốn báo hiếu mẹ, Ngài liền xin Thầy tổ cho phép mình về chăm lo cho mẹ già vì bà chỉ còn có mỗi Ngài là người thân. Đạo Phật là hiếu đạo sư phụ cho Ngài xả giới về chăm sóc mẹ nhưng Ngài vẫn xin được cạo tóc, mặc áo nâu khi về nhà. Một hôm mẹ Ngài nói với Ngài là bà muốn ăn một bữa cá thật tươi ngon. Ngài đã xuống chợ mua con cá tươi ngon nhất về cho bà ăn. Có những người khi nhìn thấy ngài trong hình dạng xuất gia mà lại mua cá, sát sinh như thế trêu trọc, Ngài không giải thích, không phân bua, chịu mọi tiếng xấu về mình, Ngài không muốn mẹ mình phải mang tiếng xấu. Ăn xong bữa cơm đó bà mẹ Ngài mất, nhưng ngài cũng không về chùa ngay mà lập một am tranh bên cạnh mộ của mẹ, rồi tụng kinh, bái sám, lễ Phật, niệm Phật , cứ như vậy suốt ba năm ròng. Đến năm 26, 27 tuổi ngài mới về lại chùa xưa, xin thọ giới lại. Lòng từ bi, trí tuệ, hiếu hạnh của Ngài rất lớn, vua quan thời đó đều quy y tam bảo với ngài. Ngôi chùa của Ngài khai sơn và trụ trì có tên là Từ Hiếu là vậy.*

Như vậy để thấy rằng nền tảng cho sự thành tựu dù là pháp thế gian hay pháp xuất thế gian đều phải bắt nguồn từ hiếu đạo. Chúng ta có một phần cung kính, hiếu thuận với cha mẹ, với tổ tiên, thì thành tựu của chúng ta sẽ chắc chắn được một phần. Mười phần cung kính, hiếu thuận thì thành tựu chắc chắn được mười phần... Làm việc gì cũng nghĩ đến cha mẹ, nghĩ đến Thầy, đến ân Tam Bảo mà làm. Nghĩ đến chữ Hiếu mà chẳng dám làm những điều sai quấy,luôn cố gắng khởi thiện tâm... Có lý nào mà quý vị lại không thành tựu cho được.

**Giảng kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện ( Tập 3)**

Hôm nay, chúng ta tiếp tục nghiên cứu , giảng giải Bộ Kinh bản nguyện của Bồ Tát Địa Tạng.

***IV. Giải thích đề mục Kinh***

Nhan đề của bộ kinh là “Kinh Bản Nguyện Của Bồ Tát Địa Tạng”. Trong kinh Đức Phật giới thiệu bộ kinh này có hai tên gọi khác. Một là Kinh Bản hạnh của Bồ Tát Địa Tạng. Hai là Kinh Bản Thệ Lực của Bồ Tát Địa Tạng. Nhưng tên phổ thông nhất là “Kinh Bản Nguyện Của Bồ Tát Địa Tạng”.

***Chữ Kinh****:* Theo từ điển Thiều Chửu chữ Kinh có nhiều nghĩa. Trong đó nghĩa thứ nhất có nghĩa là Đạo đức, pháp luật đã định không thể đổi được. Nghĩa thứ hai là Kinh sách như Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Phật...

*Trong Giảng Ký Kinh Địa Tạng, Hòa Thượng Tịnh Không có giảng hết thảy các pháp của Như Lai nói, chúng ta đều tôn xưng là Kinh. Khi xưa khi Phật Pháp chưa truyền sang Trung Quốc thì tất cả những điều mà cổ thánh tiên hiền nói đều là kinh. Căn cứ vào tiếng Phạn nguyên văn gọi là “Tu đa la”. Nghĩa của tu đa la là sợi chỉ, vì khi xưa ở Ấn Độ kinh Phật được viết trên lá Bối, viết xong khoét lỗ ở hai đầu rồi dùng dây sỏ lại, thế lên mới gọi là tuyến “chỉ”. Các vị dịch Kinh sách thời xưa do ở Trung quốc không tôn trọng chữ tuyến này lên tôn xưng là Kinh.*

*Chữ “tu đa la” thông thường có năm nghĩa:*

*Nghĩa thứ nhất là “Dũng Tuyền” , giống như nước suối từ mặt đất vọt ra, đây là lấy ý nghĩa thú của Phật nói ra không cùng tận...*

*Nghĩa Thứ hai là “Phúc sinh”, nghĩa là có thể sinh ra hết thảy pháp vi diệu. Khi đọc kinh Phật xong, tâm của bạn sẽ thiện, hạnh của bạn sẽ thiện, tự nhiên sẽ thiện, dẫn dắt tánh đức của bạn hiển lộ, cái thiện này chẳng phải học mới có.*

*Nghĩa thứ ba là “Thằng mặc”: nghĩa là tiêu chuẩn, tiêu chuẩn quyết định giữa chân- vọng, tà- chánh, thị- phi, thiện- ác, lợi- hại.*

*Nghĩa thứ tư là “hiển thị” , có thể hiển thị chân lý.*

*Nghĩa thứ năm là ‘Kết man’, nghĩa là thông suốt (quán xuyến) chư pháp. Dùng cách nói của chúng ta hiện nay gọi là khoa phán, cách học chương cú; tổ chức văn học của nó từ thỉ đến chung một mạch tiếp nối, mạch lạc có thứ tự, là ý nghĩa này, Văn tự có kết cấu nghiêm chỉnh, tư tưởng thế hệ rất rõ ràng.*

Sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn khoảng hơn 100 năm sau, có sách nói là hơn 300 năm sau kinh của Phật mới được ghi chép lại.

 *Khi Đức Phật nhập Niết Bàn, Tôn giả Ma Ha Ca Diếp đang hành hóa ở phương xa. Nghe tin Thế Tôn nhập Niết Bàn, đi bộ mất bảy ngày mới về đến nơi. Trên đường trở về rừng Sala, tôn giả Ma ha Ca Diếp đã gặp và nghe một nhóm vị Khất sĩ trẻ nói cười với nhau: “ Ông già đã tịch rồi, không còn ai kiểm soát và rầy la mình nữa, từ nay trở đi chúng ta có thể thoải mái ăn uống ngủ nghỉ ”. Đại Ma Ha Ca Diếp có lẽ đã rất xót thương những người này. Sau khi làm lễ trà tỳ xong Ngài Ca Diếp thấy những lời dạy của Đức Phật phải được kết tập lại, để những lời dạy của Ngài được thống nhất. Và khi Đức Phật đã nói những điều như vậy thì các đệ tử của Ngài khi trích dẫn, tu học cũng phải học tập như vậy chứ không được nói chệch đi. Tôn giả A Nan là thị giả của Đức Phật trong một thời gian dài. Được tôn xưng là bậc đa văn đệ nhất trong chúng. Trong suốt thời gian thị giả, Ngài được nghe tất cả những điều Đức Phật thuyết giảng, kể cả nhưng điều Đức Phật thuyết khi Tôn giả không có mặt ở đó. Đức Phật đã rất nhiều lần khen gợi cả về trí tuệ cũng như phẩm hạnh của Ngài A Nan.*

*Đức Phật từng khen ngợi: Làm thị giả cho Ngài không ai bằng tôn giả A Nan. Ngài đã lo cho Đức Phật từng ly từng tý, từ việc nhỏ nhất đến việc lớn nhất. Và nếu các Đức Phật trong quá khứ và trong tương lai có một vị thị giả giỏi thì vị ấy cũng chỉ giỏi bằng Đại Đức Anan là cùng. Chăm lo cho Đức Phật rất nhiều, là vị thị giả xuất sắc như vậy nhưng tôn giả A Nan vẫn chưa chứng đắc thánh quả A La Hán. Vì muốn giúp sư đệ của mình, Ngài Ca Diếp đã thông báo là không cho Ngài A Nan tham dự vào đại hội, hơn nữa lại còn rầy la Ngài A nan, mặc dù Ngài Anan lúc đó cũng đã nhiều tuổi và được sự kính trọng của các vị khác trong tăng đoàn. Ngài Ca Diếp nói rằng Thánh Điển của Đức Phật không thể do phàm phu kết tập lại được. Để vào được nơi kếp tập kinh điển trong hang Bối Diệp thì phải dùng thần thông để vào. Đây cũng là lần duy nhất sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn các thánh đệ tử A La Hán của Ngài khai triển thần thông. Thần thông không phải để cho mọi người biết là các Ngài đã chứng đắc thánh quả mà để sàng lọc các vị tôn giả vào trong đại hội phải là bậc đã chứng được thánh quả. Tôn giả A Nan lúc đầu buồn rầu, Phật là người thương ngài nhất vậy mà nay Phật đã nhập Niết Bàn rồi, giờ đây sư huynh cũng rầy la Ngài. Ngài A Nan đóng cửa ngồi thiền trong một cái thất nhỏ trong ba ngày, ba đêm. Có sách ghi rằng ngay trong đêm cuối trước ngày khai mạc đại hội Ngài đã hoát nhiên đại ngộ, lúc đó trời đã mờ sáng, Ngài mới chịu ngả lưng xuống để nghỉ ngơi, chính lúc ngả lưng xuống thì Ngài đạt giác ngộ. Có sách lại kể Ngài đạt đại ngộ khi ngài nhìn dòng nước chảy và hiểu được lý vô thường, khổ, không, vô ngã và liền chứng đắc thánh quả A La Hán. Sáng hôm sau, Ngài gõ cửa để tham gia vào đại hội, nhưng của đã bị đóng chặt, Ngài Ca Diếp nói nếu muốn vào thì Ngài hãy tự tìm cách để vào. Ngài A Nan vào trong hang Bối Diệp bằng thần thông của mình. Khi nhìn thấy người sư đệ, Tôn giả Ca Diệp đã biết việc gì đã xảy ra. Và đại hội kết tập kinh điển được bắt đầu. Trí nhớ của Ngài A Nan thì không phải nghĩ bàn. Ngài được coi là Bậc đa văn bậc nhất trong mười vị đại đệ tử của Đức Phật. Phật đã từng thuyết gì thì Ngài A Nan sẽ nói được lại y như vậy, không thừa một chữ, không thiếu một chữ. Đức Phật từng nói: “Trí tuệ của Như Lai giống như nước ở trong chiếc bình này. Những gì A Nan nghe từ ta cũng giống như rót nước từ bình này sang bình kia vậy, không mất đi một giọt nào cả”.*

*Những gì tôn giả A Nan nói ra phải được bốn trăm chín chín vị A La Hán khác công nhận là Đức Phật từng thuyết như vậy. Lời kinh không thiếu một lời, không thừa một lời so với những gì Đức Phật đã nói.*

*Người tuyên lại luật tạng là Ngài Ưu Ba Ly. Ưu Ba Ly xuất thân trong một gia đình bố là thợ hớt tóc, lớn lên Ngài cũng là thợ hớt tóc vậy. Ngài thuộc giai cấp thấp nhất ở Ấn Độ bấy giờ, giai cấp thủ đà la. Ngài hớt tóc cho các vương tử trong cung. Ngày lăm mươi vương tử trong đó có các vị như Ngài A Na Luật, Đề Bà Đạt Đa, Nan Đà...đi xuất gia thì Ưu Ba Ly tôn giả cũng xin xuất gia theo Phật. Ngài Ưu Ba Ly còn được xuống tóc trước các vương tử. Thực ra, Đức Phật đã thấy rõ căn cơ của tôn giả Ưu Ba ly rồi, người thợ hớt tóc này không phải là người bình thường. Đây là một vị Bồ tát hóa sinh. Ngài thị hiện vào giai cấp bần cùng nhất trong xã hội, đến cõi này để hộ trì Phật Pháp. Ở đâu Đức Phật kết giới thì ở đó có Tôn giả Ưu Ba Ly, và Ngài là người nghe, hiểu và diễn giảng đúng với bản ý của Đức Phật. Tôn giả Ưu Ba Ly hành trì không thiếu một oai nghi nào, không khuyết thiếu một giới luật nào. Vì thế mà Ngài là vị Trì giới đệ nhất trong mười đại đệ tử của Đức Phật.*

*Trên đây là giới thiệu về quá trình kết tập kinh điển của Phật. Giới thiệu như vậy, để quý vị Phật tử có tín tâm với những lời Phật tuyên thuyết.*

Tiếp theo là chữ ***Bản Nguyện.***

**Bản** là gốc rễ, nguồn gốc, những điều cơ bản nhất. **Nguyện** là mong muốn, ước muốn thể hiện qua thân, khẩu, ý của mình. Khẩu thì nói ra, thân thì hành động, ý thì hướng tới.

***Bản nguyện nói lên điều căn bản nhất của mười phương Chư Phật ba đời đã phát ra***. Mười phương chư Phật đã vì chúng sinh phát nguyện như thế nào thì Bồ Tát Địa Tạng cũng vì chúng sinh mà phát nguyện như thế, thậm chí còn sâu hơn thế. Phát từ nguyện căn bản nhất là cứu độ chung sinh, vì thấy chúng chịu quá nhiều khổ đau trong đường ác, quá khổ đau mà quên mất bản tâm, vì thương tưởng như thế mà phát nguyện. Bồ tát Địa Tạng gắn bó với cõi Ta Bà. Vì bản thân cõi Ta Bà, Trung Hoa dịch là Kham Nhẫn là cõi khổ. Và nguyện của Bồ Tát là cứu chúng sinh. Đưa chúng sinh về cõi an lành.

Ở cõi Ta Bà này, người nhẫn được họ mới có thành tựu. Nhưng nhẫn này không phải thứ nhẫn chị để có được tài, sắc, danh, thực, thùy, như chúng sinh ở cõi này vẫn lầm tưởng, rồi lấy cái khổ cho là vui. Nhẫn này là nhẫn trước vinh nhục sương hoa, nhẫn trước ngũ dục, lục trần, những gì làm ảnh hưởng đến cái tôi cá nhân, để mà thành tựu được đạo quả trên bước đường tu hành. Nhẫn chịu được cao tột như Phật và Bồ tát đã nhẫn được thì sẽ đạt được quả vị cao tột như các Ngài. Nhẫn chịu được như hàng Thanh Văn trước cái nóng, cái lạnh, trước trước những ham muốn để mà chăm chỉ thiền quán thì sẽ chứng được thánh quả. Còn nhẫn chịu như chúng ta, các vị có nhân duyên đến đây từ sáng lắng nghe giảng kinh Địa Tạng, thì ít nhất trí tuệ cũng khai mở được một chút, niềm tin cũng vững vàng thêm một chút, công đức cũng sẽ thêm một chút. Tôi biết khi quý vị làm được như thế này thì quý vị cũng sẽ được nhận quả lành nào đó.

Gần 2600 năm trước, Đức Phật Thích Ca và Bồ Tát Địa Tạng biết được có lợi ích nên Ngài đã thuyết ra Bộ Kinh này. Và ngày đó có lẽ ngài cũng thấy 2559 năm sau, tại ngôi chùa Khai Nguyên, nơi mảnh đất Sơn Đông, Sơn Tây này sẽ có tôi ở đây hội tập và thuyết giảng Bộ Kinh Địa Tạng. Chúng ta tu tập, cố gắng xiển dương Bộ kinh này, cùng đồng hành với các vị Bồ Tát, thiện thần khác y giáo phụng hành bản hoài của Đức Phật. Chúng ta phải là những người đầu tiên, thụ trì, đọc tụng bản hội tập này, đọc tụng đến thuộc lòng. Tâm của chúng ta được an tịnh, bao nhiêu phiền não được gột sạch.

 Nhờ vào những việc làm cứ tích lũy hàng ngày, trí tuệ của chúng ta khai mở, đạo hạnh mỗi ngày được tăng cao, oai nghi phép tắc ngày một hoàn thiện. Thấy quý vị đi, đứng, nằm, ngồi, người ngoài nhìn vào họ sẽ sinh lòng cung kính, tôn trọng. Hình ảnh của các vị sẽ đem lại lợi ích cho Đạo pháp và cộng đồng xã hội. Khi những người xung quanh có niềm tin vào chúng ta – những người đang thọ trì, đọc tụng bộ kinh này, thì việc truyền bá bộ kinh này sẽ dễ dàng. Hãy bắt nguồn từ chính chúng ta, thay đổi chính chúng ta, để rồi chúng ta thay đổi được người khác, cùng hướng về nẻo thiện, xây dựng hòa bình an lạc tại thế giới chúng ta đang cùng chung sống.

Sang năm nay, tôi khuyên tín đồ Phật tử tụng đọc thọ trì Kinh Địa Tạng rất nhiều. Từ những trường hợp bất hòa, xung đột trong gia đình, đến những sự việc tâm linh do trước đây theo tà đạo. Tôi đều khuyên hãy về tụng kinh này cả. Con quý vị không nghe lời, bất hiếu ư, anh em, bạn bè bất hòa ư? Hãy xây dựng lại gốc rễ và nền tảng đạo đức trong gia đình mình, y theo kinh mà làm, y theo kinh mà học tập mà xây dựng. Không có lý gì quý vị hành trì theo kinh, quý vị là những người con, người cháu hiếu thảo, là người bạn tin cậy mà con cái quý vị lại là những người bất hiếu. Không có lý nào quý vị trồng cây ngọt cây bùi mà nó lại ra quả chua, quả chát cho quý vị thọ hưởng. Những gì quý vị làm cũng như quý vị ươm mầm, trồng cây, và những gì quý vị nhận được là quả. Con cái, môi trường, hoàn cảnh quý vị sinh sống là những quả do chính cái cây quý vị tự vun trồng sinh ra. Tụng đọc thụ trì kinh Địa Tạng có biết bao thiện thần sẽ gia hộ cho bạn, Bồ tát cũng đến giúp đỡ bạn. Khi tâm đã thiện lành, trong sáng và thanh tịnh rồi. Tướng do tâm sanh, cảnh tùy tâm chuyển, có lý nào quý vị không đạt được những gì mà mình mong cầu.

*Nhiều gia đình trước đây theo tà đạo tôi cũng khuyên hãy về tụng trì Bản kinh này. Họ mong muốn nhà chùa đến giải điện cho họ, không thì họ khổ quá. Chúng tôi thương họ, nhưng cũng sẽ không đến ngay để giải điện cho họ, chúng tôi bảo họ hãy thỉnh Địa Tạng Bồ Tát đến đó trước, hãy mời đưa pháp hội trên cung trời Đao Lợi đến gia đình, quý vị trước. Hãy giới thiệu cho âm binh trong nhà họ đến pháp hội này trước. Đến giải điển chẳng khác gì đuổi họ đi nơi khác, làm họ mất quyền lợi từ lâu nay vẫn được hưởng. Đạo Phật từ bi, giáo pháp của Đức Phật không đàn áp thế lực ma quái mà dung hòa họ, khiến họ bỏ tà, theo chính, biết quy y, biết quay về nẻo thiện, hộ trì chánh pháp. Sau đó, chúng tôi mới đến giải điện cho gia đình họ.*

*Hòa Thượng Tuyên Hóa, hồi còn trẻ ngài cũng hay trì chú, bắt ma, có khi còn giao chiến với quỷ thần. Một lần vì muốn trả thù họ dùng phép thuật dâng nước lên muốn nhấn chìm ngài cũng bốn đồ đệ khác. Biết được điều đó, Ngài cùng các đệ tử của mình trong một am lá để kết giới. Trời mưa từ đêm đến sáng hôm sau. Các ngôi nhà xung quanh gập đến mái, có những nhà bị quấn trôi, nhưng am lá của Ngài vẫn an toàn, nước không thể vào đến bên trong. Như vậy để biết rằng không nên gây chiến với quỷ thần, không lên dùng pháp thuật để đàn áp họ. Nếu được hãy dùng kinh điển, Phật giáo Đại thừa, dùng nhân quả khuyên giải họ. Dĩ hòa vi quý. Hướng họ theo Phật pháp, mở cho họ con đường để họ giải thoát thì còn gì quý hơn.*

*Nhiều người đến chùa cầu giúp đỡ, cầu tôi trừ tà bắt mà cho gia đình họ, tôi bảo họ hãy đến đây làm công quả, hãy sang quét chùa, tụng kinh, niệm Phật cùng đại chúng. Vì sao? Vì “tần tảo già lam địa, thời thời phước huệ sinh”, vì “niệm Phật một câu, phước sanh vô lượng, lễ Phật một lễ, tội diệt hà sa”. Một thời gian sau, những vấn đề của họ được hóa giải. Bây giờ, cuộc sống của họ quay trở lại bình thường, không khốn đốn như trước nữa. Đó là điều vi diệu của Phật pháp mà chúng tôi đã chứng kiến tại đây.*

Như vậy, ***Bản Nguyện*** chính là nguyện gốc mà chư Phật đã phát. “Kinh Bản nguyện” là thuộc về pháp.

***“Của”*** là từ lối.

Tiếp theo là “***Bồ Tát****”.* Bồ tát là viết tắt của cụm từ Bồ đề tát đỏa. Bồ đề đây là bồ đề tâm. Ý nghĩ thiện là Bồ đề tâm, lời nói thiện là Bồ đề quả. Bồ đề tâm và bồ đề quả kết hợp song hành tạo thành hạnh của Bồ tát Địa Tạng.

Chữ “**tát**” dịch đủ là tát đỏa, tiếng Hán là Giác Hữu Tình. Giác có 3 cấp bậc là tự giác, giác tha và giác hạnh viên mãn. Chỉ Phật mới đầy đủ ba nghĩa giác này.

Tự giác là tự mình tu tập, tìm ra con đường chân lý. Đem dạy bảo những gì mình đã chứng ngộ được mong người đó sẽ giải thoát, an vui như mình là giác tha. Điều giác ngộ đó không còn mảy may thiếu xót dù nhỏ như một hạt bụi, như một hạt vi trần thì gọi là giác hạnh viên mãn.

Giác hạnh viên mãn chỉ có Đức Phật mới chứng được. Các hàng Bồ tát vẫn chưa viên mãn nhẫn đến Bồ tát Địa Tạng, VănThù, Phổ Hiền, Quán Âm Thế Chí, Di Lặc Bồ tát mới viên mãn hoàn toàn được giác đầu tiên là tự giác. Chưa viên mãn hoàn toàn được giác tha. Vì vậy, Giác hạnh viên mãn thì các Ngài cũng vẫn còn thiếu xót.

Chúng ta ở đây đã giác được gì chưa? Quý vị tự giác được chưa? Có giác đó, nhưng chỉ giác một chút, vẫn phải nương vào Phật, vào tổ, vào các quý Thầy để học hỏi giáo pháp, bảo cho mới hiểu được, chưa phải tự giác.

Bản thân tôi tại đây, đem giáo pháp của Đức Phật giảng dạy, mong muốn cho các quý vị hiểu biết được một cách chân chính, đúng với chính pháp của Phật thì đó là giác tha. Và các quý vị sau khi nghe được rồi, thấy có phần lợi ích thì thỉnh băng giảng về gieo duyên cho người khác cùng nghe, cùng tu tập thì cũng gọi là giác tha vậy.

“Kinh Bản Nguyện” thuộc về pháp, còn nhân chỉ chung cho các vị Bồ tát. Tất cả quý vị, những ai hay giúp đỡ cho chúng sinh, khuyên họ bỏ ác làm lành, lánh giữ hành thiện, nghiên cứu Phật pháp, tỏ ngộ chân tâm, hướng lên bờ giác thì đều được gọi là Bồ tát cả.

***“Địa Tạng”*** là tên riêng của vị Bồ tát này.

*“****Địa****”* là đất. Vạn sự, vạn vật nương vào đất để sinh khởi. Trong đất có vàng, bạc, châu báu, kim cương...Bao thứ châu báu đều từ đất mà ra cả. Con người chúng ra cũng nương vào đất mà trụ, mà sinh sống. Đất chỉ cho những gì căn bản và bao trùm nhất cho tất cả các chúng sinh ở thế gian chúng ta, thương yêu lấy tất cả, dung dưỡng tất cả, không thiên lệch cũng không chối bỏ bất cứ thứ gì.

*“****Tạng****”* có nghĩa là cái kho, là nơi lưu trữ. Cái kho ở đây chỉ cho A lại da thức của chúng ta. Trong Phật giáo, Tâm được chia ra thành 8 thức tâm vương và 51 tâm sở. Tám thức tâm vương gồm: 5 thức đầu là các thức cảm giác gồm nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức. Thức thứ sáu là ý thức, Thức thứ bảy là mạt na thức hay truyền thống thức. Thức thứ tám là a lại gia thức hay tàng thức.

Địa Tạng Bồ tát là vị Bồ tát mang trong mình tất cả các của báu, công đức, trí tuệ của chúng sinh. Tất cả các hạt giống từ phàm đến thánh đều ở trong kho A Lại da.

Trong cái kho Alạida tất cả các hạt giống Từ, Bi, Hỷ, Xả đều có sẵn ở cái kho này,chỉ có điều chúng ta có tưới tẩm làm chúng phát hiện mà nuôi nấng chúng lớn lên hay không mà thôi. Lấy ra hay cứ để những hạt giống đó cứ mãi vùi sâu trong tâm thức đều thuộc vào quý vị mà thôi. Hay nói cách khác làm phàm hay làm thánh, làm Phật hay mãi luân hồi cũng chỉ do quý vị mà thôi.

Giống như chúng ta ở ngoài đời, nhìn thấy những người xuất gia, rồi nghĩ rằng đây toàn là những người chán đời, vô tích sự, không làm được mới đi tu thì chúng ta vào cái kho và lấy ra toàn đất, toàn bùn. Còn nếu quý vị nhìn thấy người xuất gia, trân trọng nhân duyên Phật Pháp của họ, biết họ đi tu vì có lý tưởng của riêng mình, lý tưởng theo chân Phật và Bồ tát, độ mình độ hết thảy chúng sinh. Hộ pháp cho những người như vậy tu học, hỗ trợ cho tâm nguyện của họ sớm thành sự thật thì quý vị dần dần sẽ gặp được trân bảo. Vì sao, vì họ là một phần của Tăng bảo, mà muốn hiểu được Pháp bảo và Phật Bảo người ta không thể tách rời Tăng Bảo (những đoàn thể tu hành chân chính, thanh tịnh, theo đúng giáo pháp của Đức Phật) được.

Thọ mạng của chúng ta ở cõi này rất ngắn ngủi. Trong kinh nói đời người “như bóng qua khe cửa, gắng chăm tu việc thiện” vì quỷ vô thường có thể đến bất kì lúc nào. Mạng sống ngắn ngủi, hơn nữa lại chẳng được gặp Phật ra đời - đó là một trong những bát nạn. Thế nhưng, chúng ta còn chút may mắn, chút phước duyên gặp được Phật pháp kiếp này thì các vị cố gắng tu tập.

Kinh Kim Cang, Đức Phật dạy :

“*Tất cả pháp hữu vi*

*Như mộng huyễn bào ảnh*

*Như sương như điện chớp*

*Ưng pháp như thị quán”*

Tất cả những thứ có hình tướng chỉ như giấc chiêm bao, như huyễn như hóa, như hoa đốm trước hư không, bảo là thật nhưng không nắm bắt được, bảo là không mà sao vẫn cứ hiện trước mắt mình. Cuộc đời thành tựu, lầu gác, xe hơi nhưng khi hơi thở tắt, chỉ có nghiệp theo mình, chẳng đem theo được bao thứ của cải mà mình hằng yêu quý. Như bong bóng rất đẹp, như sương mai trên đầu ngọn cỏ, đẹp đấy, nhưng nhanh chóng bị tàn mất. Thế mên mới là như lộ diệc như điện. Lớn như trái đất cũng theo quy luật thành- trụ- hoại- không. Thông minh, lanh lợi như con người thì vẫn theo sinh- lão- bệnh-tử. Vậy nên, quý vị hãy luôn nhớ đến vô thường mà phát tâm tu tập mong sớm thoát ly sinh tử, rồi tự tại giúp đỡ người khác, giúp đỡ chúng sinh. Đây chính là đại ý, là bản nguyện của Bồ tát Địa Tạng.

***Giảng kinh Địa Tạng Bản Nguyện của Bồ Tát Địa Tạng (Tập 5)***

Hôm nay, chúng ta tiếp tục học vào phần chính văn của Bộ Kinh Địa Tạng).

Hôm qua, chúng ta đã học vào phần mở đầu của chính thuyết văn kinh. Như chúng tôi đã nói làm thế nào để phân biệt được Kinh của Phật đã thuyết với kinh của ngoại đạo, hay kinh ngụy tạo. Đức Phật đã chỉ dạy các đệ tử của Ngài, đặc biệt là Tôn Giả A nan, đầu tất cả các kinh đều lấy bốn chữ “Như Thị Ngã Văn”, nghĩa Tiếng Việt là chính thực tôi nghe hay tôi nghe như vậy để chỉ cho đích thực tôn giả A Nan đã nghe Phật thuyết như vậy. Tại lần kết tập đầu tiên ở hang Bối Diệp, Ngài A Nan đã trùng tuyên lại và được bốn trăm chín chín vị A La Hán đều chứng nhận đó là điều Đức Phật đã nói.

Chúng ta vào phần kinh văn tiếp theo:

***“...Khi ấy các Đức Phật, khen ngợi xong rồi, liền sai thị giả, đi đến thăm hỏi và đỉnh lễ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni”...***

Đây như một hình thức ngoại giao trong thời hiện đại của chúng ta vậy. Như các quốc gia trên thế giới bây giờ, các nước luôn có sự giao lưu với nhau về kinh tế, văn hóa, chính trị, xã hội. Nguyên thủ, cán bộ cấp cao nước này, sang thăm nước kia, thăm viếng học hỏi lẫn nhau. Rồi mỗi khi đất nước này có sự kiện gì quan trọng, nổi bật, nguyên thủ các nước khác cũng có sự thăm hỏi, chúc tụng... lẫn nhau. Nếu nước nào theo chính sách bế quan tỏa cảng ,thì đất nước đó, rất khó phát triển, nhân dâng trong nước thường sẽ bị thiếu thôn về nhiều mặt, không có điều kiện giao lưu, học tập những gì tốt đẹp từ đất nước khác... Các Đức Phật cũng vậy, khi các Ngài thành đạo ở cõi nước, quốc độ của mình. Các Ngài không chỉ giáo hóa ở mỗi cõi nước đó, lòng từ bi của các Ngài vẫn bao trùm rộng khắp, phổ biến mười phương. Nhưng vì bản nguyện của các Ngài, có đồng có dị. Mỗi Đức Phật có quốc độ riêng của mình, cách dạy bảo chúng sinh cho chúng sớm thoát ly chúng khổ, chứng đắc quả vị an lạc, niết bàn có khác nhau. Các Ngài cũng chia ra mỗi người ở một cõi khác nhau.

*Ví dụ, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni lấy tam thiên đại thiên thế giới làm quốc độ của mình, để giáo hóa chúng sinh. Còn Đức Phật A Mi Đà thì ở trong kinh Vô Lượng Thọ chúng ta thấy Ngài lấy 21 vô số các cõi Phật làm quốc độ của mình. Ở đâu chúng sinh có cầu thì Chư Phật, Chư Bồ Tát có ứng. Như chúng ta đã quen với kinh A Mi Đà, khi có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào phát nguyện niệm danh hiệu Phật A Mi Đà thì Chư Phật các phương khác cũng sẽ trợ niệm cho người thiện nam, tín nữ đó. Bồ Tát Quán Thế Âm, ngài trụ chính ở Tây Phương Cực Lạc thế giới, nhưng Ngài lại có nhân duyên rất đặc biệt với cõi Ta Bà. Quốc độ nào có chúng sinh đau khổ, thì quốc độ đó sẽ có Quán Thế Âm Bồ tát. Thiên xứ cầu, thiên xứ ứng là danh hiệu của Ngài. Đây chính là sự giao thông hòa hợp giữa Chư Phật và Chư Bồ tát. Thích Ca Mâu Ni Phật, thuyết một bộ kinh vi diệu như kinh Địa Tạng, để phó chúc tất cả chúng sinh ở thế giới Sa Bà, đặc biệt ở cõi Diêm Phù Đề cho Bồ Tát Địa Tạng, sau khi ngài nhập Niết Bàn. Do phúc báo của chúng sinh ở thế giới này rất ít, tuổi thọ của họ rất ngắn. Do đó mà Đức Phật khi thị hiện ở cõi này ngài cũng thị hiện theo tuổi thọ của nhân gian khi đó. Ngài vẫn thị hiện có sinh già, bệnh, chết. Nếu thì hiện trên đời quá lâu, chúng sinh sẽ không chịu tu tập , vì vậy sẽ khó mới chứng quả giải thoát vậy.*

 Như Đức Địa Tạng, hóa thân của Ngài là vị thiền sư tên là Quế Sâm, trụ ở núi Cửu Hoa Sơn, Trung Quốc. Ngài là Thái tử của Triều Tiên bây giờ, Ngài sang Trung Hoa, sam thiền, học đạo, chứng đắc đến tột cùng đạo lý rồi, Ngài một mình lên núi Cửu Hoa một mình tu hành, phổ độ chúng sinh ở đó. Khi nhập Niết Bàn ngài lưu lại toàn thân xá lợi bây giờ vẫn được lưu giữ ở bảo tháp trên núi Cửu Hoa. Như Ngài Hàn Sơn và Thập Đắc, Bố Đại Hòa Thượng, các Ngài đều thị hiện và có hóa độ được rất nhiều chúng sinh. Các Ngài có hóa thân thì sẽ cũng theo quy luật sinh- già- bệnh- chết. Đó là quy luật của Nhất thiết hữu vi pháp như đã giảng trong bài giảng trước, có sinh thân thì phải có diệt độ, cho dù tấm thân đó có đủ ba mười hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp đi nữa. Đức Như Lai biết Ngài sẽ nhập Niết Bàn, và khi nhập Niết Bàn Ngài phải giao phó gia tài giáo pháp của Ngài, để cho chúng sinh vẫn còn nơi nương tựa. Và người được giao phó gia tài đó là Bồ Tát Địa Tạng.

 Đức Phật có tới 1250 vị đệ tử đã chứng đắc thánh quả A La Hán luôn kề cận bên ngài. Sao ngài không giao phó cho các vị này mà lại phó chúc cho Bồ Tát Địa Tạng. Trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Ngài cũng đã thụ ký cho 1250 vị A La Hán này sau sẽ thành Phật. Nhưng không có vị nào khi đó phát nguyện ở lại cõi này để giáo hóa chúng sinh cả. Đầu tiên là Ngài Xá Lợi Phật, Ngài bạch với Đức Phật Ngài sẽ đến thế giới khác để hành đạo, để cúng dàng các Đức Phật khắp mười phương, xây dựng bảo tháp, truyền giảng giáo lý của Đức Như Lai cho chúng sinh ở phương khác, khi công đức đầy đủ sẽ được thành Phật. Rồi thần thông như Ngài Mục Kiền Liên, cũng muốn đến thế giới khác, để hóa đạo. Tôn giả Ca Diếp hạnh đầu đà đệ nhất, chẳng sợ khó, chẳng sợ khổ mà Ngài cũng bạch Đức Thế Tôn, Ngài cũng đi cõi nước khác cũng không ở lại Ta Bà. Ma ha Ba Xà Ba Đề, Da Du Đà Na là các vị đại Tỳ Kheo Ni đã chứng đắc thánh quả A La Hán cùng 500 vị A La Hán Tỳ Kheo Ni khác cũng được Đức Phật thọ ký cho thành Phật. Người nữ thì được ví có tình thương rất lớn, nhưng các vị cũng bạch Phật là chúng con sẽ đem giáo pháp của Đức Như Lai hóa độ chúng sinh ở thế giới khác.

Các vị đại A La Hán thấy rằng, ở trong cõi đời ngũ trược ác thế này, thành tựu được quả Phật thật là khó, các Ngài đều không dám ở lại. Vì vậy, trong hội Pháp Hoa, Đức Phật hỏi trong chúng hội đây có ai ở thế giới này để truyền bá Kinh Diệu Pháp Liên Hoa không, thì chúng Tỳ Khiêu không có vị nào đứng lên để đảm nhận nhiệm vụ đó cả. Mà khi ấy, chỉ có các vị Đại Bồ Tát lớn như Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Diệu Âm và các vị Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất phát nguyện hộ trì kinh Pháp Hoa. Các vị bồ Tát Tùng Địa Dũng Xuất lạ lắm, Bồ tát Di Lặc còn chưa thấy các vị ấy bao giờ, các vị ở mặt đất đi lên, có những vị đi một mình, có những vị đi với hàng trăm, hàng nghìn, hằng hà sa số quyến thuộc tới Pháp Hội Pháp Hoa. Chỉ có những vị Bồ tát đó mới thưa rằng : Bạch Đức thế Tôn xin Ngài cứ yên tâm, đã có chúng con đảm nhận truyền bá và hộ trì cho những người thụ trì kinh Pháp Hoa.

Cũng như vậy khi Đức Phật thuyết bộ kinh Địa Tạng, Ngài thấy Bồ Tát Địa Tạng là người có duyên lớn nhất với chúng sinh ở cõi Diêm Phù Đề, đặc biệt là chúng sinh đau khổ trong ba đường ác. Bồ tát Quán Thế Âm thiên về chúng sinh còn đang sống hiện đời này, Bồ tát Địa Tạng thiên về chúng sinh chìm đắm ở cõi U Minh. Người ta thường xưng tôn Ngài là U Minh Giáo Chủ Bản Tôn Đại Nguyện Địa Tạng Vương Bồ Tát. Thế giới chúng ta đang sống bây giờ, khổ đau thì nhiều, an vui thì ít, và như thế chỉ có các bậc Bồ Tát mới có thể kham nhẫn ở lại để giáo hóa những chúng sinh này.

Sau khi các Đức Phật chào hỏi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thì ...

*“...****Bấy giờ Đức Như Lai, mỉm cười phóng ra trăm nghìn áng mây sáng sủa như là: áng mây sáng sủa đại viên mãn, áng mây sáng sủa đaị trí tuệ, áng mây sáng sủa đại từ bi, áng mây sáng sủa đại Bát Nhã, áng mây sáng sủa đại cát tường, áng mây sáng sủa đại công đức, áng mây sáng sủa đại tán thán....”***

Mười áng mây sáng sủa này là đại biểu, tiêu biểu cho vô lượng vô biên áng mây khác. Trong nhà Phật chúng ta thường có câu “Thập phần viên mãn”, tiếng Việt gọi là mười phân vẹn mười, mọi việc đã tròn đủ, không khuyết thiếu gì nữa. Các đám mây như vậy nhiều không thể kể xiết, Mười đám mây này chỉ cho mây công đức, trong chùa hay gọi là những áng Từ Vân, tức là những áng mây lành công đức. Một ngôi chùa cũng có thể được gọi như một “Bóng Từ Vân”. Hòa thượng Hư Vân, năm mười chín tuổi, trong bài thơ “Bài ca túi da” Ngài cũng từng viết “Dám hỏi người đời ai sống mãi/ Chi bằng nương tựa bóng Từ Vân”. Nương tựa những áng từ vân, những đám mây lành thì chúng sinh sẽ không bị héo mòn, thiêu trụi vậy. Những áng mây này xuất phát từ lòng từ vô lượng vô biên của Đức Phật.

* ***Đám mây sáng sủa đại viên mãn***: viên là tròn đầy, không còn khuyết thiếu, lòng từ của Đức Phật tạo thành những đám mây này để chở che cho chúng sinh khắp trời người lúc bấy giờ...Đây chỉ cho công đức của Đức Phật trải qua ba đại a tăng kỳ kiếp nên đã đầy đủ. Nay muốn phổ độ cho chúng sinh nên mới thị hiện ra che mát cho chúng. Che mát song là đem mưa – mưa pháp cam lộ sẽ thấm nhuần thế gian.
* ***Đám mây sáng sủa Đại Trí Tuệ:***Trong nhà Phật có câu”Duy Tuệ thị nghiệp” – chỉ có trí tuệ mới là sự nghiệp của người tu. Nhà Phật phân ra hai loại trí tuệ, trí tuệ hữu lậu và trí tuệ vô lậu. Trí tuệ hữu lậu hay còn gọi là trí tuệ hữu học là loại trí tuệ còn phải học. Chúng ta mới bước vào cửa Phật nên chúng ta đang ở loại trí tuệ này. “Khiêm cung học đạo, chắc chắn sẽ có lối vào”, với những người mới vào cửa đạo chúng ta không thể cho rằng mình đã biết hết. Không thể như đứa trẻ mới học được một ít chữ cái, biết đọc , biết viết, biết cộng trừ nhân chia mà nói rằng tôi không cần học nữa, như thế này là đủ cho tôi sau này làm bác sĩ, giáo sư được. Những trường hợp như thế sẽ bị cho là ngông cuồng, loạn tâm vậy.

Cũng giống như những vị tu hành xuất gia và tại gia cứ tưởng mình đã chứng thánh quả, rồi tuyên bố mình chứng đắc chỉ là cái nhân để mình vào địa ngục. Chúng ta chỉ mới bước vào cửa Phật, tự thấy mình phúc mỏng, nghiệp dày, chướng sâu tuệ cạn, biết vậy để mà trên thì khất cầu giáo pháp của Đức Phật, dưới thì tùy duyên, tùy nguyện giúp đỡ chúng sinh, giúp đỡ mọi loài trên thế gian này thì đó là khiêm cung mà học đạo vậy. Chư Tổ và Đức Phật trong tam tạng, thánh điển cũng dạy mình như thế. Mình đang ở phàm phu, bạc địa thì mình vẫn phải học, vẫn ở trí tuệ hữu học. Vậy chúng ta phải học gì? Các pháp thế gian không phải hoàn toàn là xấu. Chúng ta không thể nói rằng tôi đã biết đến Phật pháp rồi tôi không cần phải học pháp thế gian nữa. Quý vị phải biết cái gì mình vẫn cần phải học và cái gì mình lên tránh. Pháp thế gian quý vị phải biết, phải giỏi hơn cả người thế gian, có cái nhìn thấu triệt tận nguồn cơn, sâu sắc hơn họ thì khi nói họ mới bội phục, mới tin, mới nghe những lời quý vị hướng dẫn dạy bảo họ được.

Mặt khác, chúng ta cũng phải hiểu và thấy có những tiến bộ khoa học, có những phát minh, bề ngoài thì tưởng rằng đó là vĩ đại nhưng cái hại mà nó mang lại cho nhân loại thì gấp trăm nghìn lần cái lợi nó mang về. Thuốc nổ, vũ khí hạt nhân, bom nguyên tử đều là những thứ do tiến bộ khoa học tạo ra, nhưng nó đã cướp đi bao nhiêu sinh mạng, đã mang đến bao đau thương tang tóc cho nhân loại. Có những người có trí tuệ họ mang lại an ninh, hòa bình và phát triển tiến bộ cho nhân loại. Còn có những người, do cái nền tảng đạo đức bị thiếu xót, những gì họ phát minh lại đưa họ vào ba đường ác mà không biết ngày nào họ mới thoát ra được. Chúng ta phải có trí tuệ chân chính, bi trí phải đi đôi với nhau thì mơi mong giác ngộ cho mình và giác ngộ cho người được. Mới xứng đáng là người học Phật được. Còn có những người tự cho mình là thông minh, tài giỏi hơn con vật, thậm chí giỏi hơn người khác, để rồi mạnh hiếp yếu, để rồi giết hại và tiêu khiển trên mạng sống của chúng sinh khác thì những việc làm của họ đưa họ vào nẻo ác mà thôi.

*Thế giới bây giờ thiên tai, tai nạn rất nhiều. Do đâu? Do con người, tâm người không đoan chánh, tham sân si, nên mới tạo ra xung đột, đất mẹ hiền từ nhưng cũng đến lúc phải cảnh báo những đứa con của mình. Chiến tranh, đao binh sẽ hết nếu con người không sát sinh hại vật. Con người không còn ham máu huyết của chúng sinh nữa thì con người sẽ không phải trả nợ máu. Có nhiều nước họ khai thác tài nguyên đất, tài nguyên rừng, tài nguyên biển đến quyệt quệ. Họ quên mất rằng, họ với những gì xung quanh họ là một. Làm hại người khác, vật khác cũng là làm hại chính mình.*

*Có những nơi đánh bắt cá, họ dùng chính sách bắt cùng, đánh tận. Thiên nhiên sẽ giận dữ, chúng sinh sẽ oán thán, và đến lúc con người không thể chở tay kịp với thiên tai, tai nạn. Con người có thể học để có lòng từ bi như Phật, như Bồ tát nhưng khi ác con người là loài ác nhất. Thú ăn thịt không ác như con người, chúng chỉ săn mồi, chỉ tiêu dùng đủ cho chúng, con người thì cứ giết hàng loạt, nghĩ ra đủ thứ để tiêu khiển, Giết một con voi chỉ để lấy bộ ngà của nó để làm đồ trang trí. Giết một con tê giác để lấy sừng.... Hàng triệu năm trước khi khủng long làm loài thống trị thế giới, mọi loài đều sợ chúng, đến thời nay con người thay thế khủng long. Loài nào cũng phải sợ cái ác của con người.*

*Cho nên cái học cũng có cái học thiện, học ác. Ở ngoài đời cũng có những kiến thức có lợi cho nhân sinh, vạn vật. Nhưng có những cái học sẽ đưa người ta thành kẻ hủy diệt.*

Chúng ta phải học giáo pháp từ bi, học cách làm người nhà Nho gọi là Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí, Tín...để làm người hiền thiện ở thế gian. Những trí tuệ này là trí tuệ hữu lậu rồi dần dần chúng ta sẽ học đến trí vô lậu. Trí tuệ vô lậu chỉ cho trí tuệ của những vị chứng quả A La Hán trở lên, rồi đến Bích Chi Phật, Bồ tát thất địa trở lên cho đến thành Phật. Phải hiểu “Duy tuệ thị nghiệp” ở đây là chỉ cho trí tuệ vô lậu trong Phật pháp. Đức Phật phóng áng mây đại trí tuệ, trí tuệ được ví như ánh sáng. Ánh sáng sẽ làm tan đi bóng tối của vô minh, ngu si trong mỗi con người chúng ta.

* ***Áng mây sáng sủa đại tam muội:*** *tam* muội còn được gọi là chánh định, hay sự tư chứng của thiền định. Thiền định là nhân, tam muội là quả, không hai không khác. Khi tâm đã chính định thì không còn loạn động. Đại chúng vân tập về pháp hội Địa Tạng tại cung trời Đao Lợi, tất cả ở đó đều hoan hỷ vì nhìn thấy kim thân của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, kim thân của Chư Phật mười phương về huân tập tại đó. Hoan hỷ đến tột cùng thì không bị loạn tâm nữa. Áng mây sáng sủa đại tam muội được phát ra, đại chúng rất hoan hỷ, ai cũng chỉ có một tâm là mong cầu học chính pháp, mong muốn được nghe pháp,nghe rồi thì y giáo phụng hành. Khi đến đây nghe pháp, quý vị thấy rất hoan hỷ. Tôi chưa có những áng mây lành như của Đức Phật phát ra, nhưng tôi tin quý vị cũng có được nhiều phần lợi ích khi đến đây nghe pháp. Nếu không thì những buổi giảng, những buổi tụng kinh của chúng ta mọi người sẽ không đến đông và chăm chú lắng nghe như thế này.
* ***Áng mây sáng sủa đại phước đức:*** Phúc đức ở đây trong nhà Phật còn gọi là công đức. Phúc là phúc báo, đức chỉ cho việc làm chúng ta đã làm được. Người xưa thường nói có đức thì mặc sức mà ăn. Người có đức độ đối với người trên thì quý kinh, đối với người dưới thì hài hòa., đối với bạn bè thì bình đẳng công bằng. Đại chúng trong đạo tràng khi đó được ở trong đám mây viên mãn, trí tuệ, tam muội rồi thì bây giờ là đám mây phúc đức. Khi được áng mây này che chở thì mọi người ở trong khung cảnh đó đều có được phúc đức và công đức.

Như quý vị việc huân tập, trong mùa an cư này tự việc đó đã là công đức. Nếu không ngồi đây mà quý vị ở nơi khác, nhân duyên đưa đẩy, ai dám chắc mình sẽ luôn giữ được oai nghi. Ai dám chắc mình không sát sinh, ai dám chắc chúng ta sẽ giữ được thân, khẩu, ý thanh tịnh. Nhưng khi ngồi trong đạo tràng này, mắt quý vị nhìn lên bảng, tai quý vị lắng nghe giảng pháp, thân ngồi trang nghiêm, tâm chăm chú theo dõi bài giảng...đó là nghiệp lành của thân, khẩu, ý. Đó chính là công đức, phước đức của quý vị có được trong ngày hôm nay.

* ***Áng mây sáng sủa đại quy y:*** quy y là quay về, nương tựa. Ở đây là nương tựa vào Phật. Tiếng Phạn Phật là Buddha có nghĩa là Tỉnh Thức. Như đã giảng ở lần trước. Phật có đầy đủ tự giác, giác tha và giác hạnh viên mãn. Quay về nương tựa Phật tức là nương tựa vào tự tính giác ngộ trong mỗ chúng ta. Kinh Pháp Hoa Đức Phật nói: “Ta là Phật đã thành, chúng sinh là Phật sẽ thành”. Đức Phật đã thọ ký cho chúng ta rồi, chúng ta còn đợi gì mà không nguyện thành Phật. Muốn thành Phật chúng ta phải đi lên từ cái học hữu lậu rồi đến cái học vô lậu. Cho nên chúng ta nương vào Đức Phật là nương vào tự tánh giác của chúng ta. Luôn ý thức được chúng ta cũng có đủ lòng bi trí như Đức Phật. Muốn giác ngộ, muốn khôi phục lại tự tính giác ngộ như Phật và Bồ tát, “bỏ vọng về chân”, thì chỉ có chúng ta mơi tự mình làm được thông qua ngọn đuốc trí tuệ mà Đức Phật và các vị tổ sư đã để lại cho chúng ta, qua Tam Tạng Kinh, Luật, Luận. Vượt qua các chướng ngại vật dưới ánh sáng của ngọn đuốc , từ chướng ngại địa ngục, rồi đến ngạ quỷ, súc sinh. Rồi chướng ngại vật khi mang thân người này. Dĩ nhiên, có thân người là quý, nhưng nó chỉ quý khi con người biết dùng nó để tu tập, để tu thân tích đức, làm phương tiện để giải thoát cho mình, và giúp đỡ, giải thoát cho người.. Nếu như nói đọa vào tam ác đạo vì mình phải trả những nhân ác mà mình đã gieo,là đi xuống. Còn lên cõi trời là để hưởng phước, là đi lên. Thì cõi người được xem như một giai đoạn trung gian. Đọa lạc cũng trong quá trình nay mà giải thoát, tu tập tích lũy công đức cũng trong quá trình này. Vượt qua chướng ngại vật này cũng cực kỳ khó, vì trong con người trải qua thời gian huân tập lâu dài, vừa có chủng tử thiện, vừa có chủng tử bất thiện. Chủng tử thiện lại có chủng tử thiện thế gian và chủng tử thiện xuất thế gian. Chữ Thiện thế gian như nhà nho dạy là có Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí, Tín, hay còn gọi là “Tam Cương Ngũ Thường” là nền tảng đạo đức của con người, đạo đức xã hội, tạo lên những bậc hiền nhân trong thế gian này. Khi đi theo con đường này thì sẽ có phước báo nhiều đời ở cõi nhân thiên. Nhưng khi phúc báo hết lại trở về luân hồi như thường, vẫn chịu đọa lạc mà thôi. Thiện pháp thế gian chưa phải cứu cánh là vì lý do này vậy. Thiện của thế gian có sức lôi kéo rất lớn mà con người ta khó có thể xả bỏ. Quy y vào thiên pháp thế gian chúng ta sẽ trở thành một bậc hiền nhân, quân tử, thậm chí là một bậc thế gian tôn sùng như một bậc thánh. Điều này đã là rất rất quý. Nhưng đứng trên phương diện Phật pháp điều thiện ấy vẫn thuộc về pháp hữu vi mà hữu vi sẽ có sinh tử. Nếu quý vị nương tựa vào tự tính giác của chính mình, nương vào công đức dạy cho chúng sinh cùng giác ngộ, tiến tới nương vào giác hạnh viên mãn thì chúng ta sẽ đủ công đức , trí tuệ thoát ra khỏi tam giới và chứng đắc viên mãn Phật quả. Đức Phật phóng ra đám mây đại quy y này nhắc nhở chúng ta phải khéo biết nương vào chứ đừng để cho bị lạc đường, lạc lối.
* ***Áng mây sáng sủa đại từ bi***: Đại Từ, đại bi là hai đức tính của Phật và các bậc hiền thánh.

Từ là “năng giữ nhất thiết chúng sinh chi lạc”. Người có lòng từ sẽ ban cho người khác sự an vui.

Bi là “năng bạt nhất thiết chúng sinh chi khổ” tức là trừ hết những lỗi đau khổ cho chúng sinh. Đức Phật phóng áng mây này tức để cứu khổ, ban vui cho chúng sinh. Khi quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng thì sẽ được hưởng an vui trong cuộc sống. Như chúng tôi là người xuất gia, khi đã một lòng theo Phật, cạo bỏ râu róc cũng như là gột bỏ những phiền não, mặc áo nâu sòng - màu của đất mà đối với thế gian chẳng có gì là đẹp cả. Những cái gì thế gian yêu quý, người thế gian theo đuổi thì đối với chúng tôi chẳng còn có ý nghĩa. Vì thế mà những lo toan hằng ngày như người thế gian chúng tôi không vướng phải.

 “Bát cơm xin khắp ngàn nhà

Bước chân đơn độc nẻo xa dặm trường

Chỉ vì sinh tử vô thường

Xuân qua thu lại, hoằng dương độ đời.

Con đường, và lý tưởng của người xuất gia là vậy: Trên thì khất cầu giáo pháp của Chư Phật để minh tâm kiến tánh, dưới thì tùy duyên, tùy nguyện để hoằng hóa, cứu độ chúng sinh. Đó là ý nghĩa cao cả nhất mà người xuất gia hướng tới. Cho nên khi quy y rồi thì sẽ được lòng từ bi của Đức Phật bao phủ, sẽ tự nhiên được cảm thấy an lạc, hạnh phúc. Phật pháp rất nhiệm màu, khi đọc tụng bộ kinh Địa Tạng này chúng ta sẽ cảm thấy an vui, hạnh phúc, thấy muốn dứt trừ những việc xấu mình đang làm, muốn sám hối, gột bỏ những tội lỗi trước kia và muốn làm những điều thiện nhiều hơn nữa. Đó chính là nhờ vào lòng từ của Đức Phật gia hộ vậy.

* ***Áng mây sáng sủa đại bát nhã:*** bát nhã là trí tuệ, nhưng trí tuệ ở đây là trí tuệ ba la mật. Ba la mật nghĩa là đáo bỉ ngạn, nghĩa tiếng việt là bờ bên kia. Bên này là bờ sinh tử, bên kia là bờ Niết Bàn. Nương theo ánh đuốc trí tuệ của Đức Phật chúng ta sẽ vĩnh viễn thoát ly sinh tử và sang được bờ Niết Bàn bên kia. Trí Tuệ ba la mật là trí tuệ cao nhất của Đức Phật. Sáu pháp Ba La Mật gồm: Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ ba la mật. Nếu lăm pháp trên không có ba la mật hay trí tuệ ba là mật thì không được gọi là ba la mật. Pháp thứ sáu trí tuệ ba la mật là mẹ sinh ra tất cả Chư Phật.
* ***Áng mây sáng sủa đại cát tường*** : cát tường tiếng Việt là an lành, tốt đẹp. Những điều tốt đẹp sẽ thuân theo ý mình mà sinh ra. Chúng sinh được che chùm trong áng mây này sẽ được an lạc, một chút đau khổ cũng không còn nữa.
* ***Áng mây sáng sủa đại công đức***: Đọc tụng thọ trì kinh điển đại thừa nói chung và Bộ kinh Bản Nguyện của Địa Tạng Vương Bồ Tát nói riêng sẽ mang lại công đức không thể nghĩ bàn. Trong kinh nói nếu người thiện nam, thiện nữ nào biết chiếm bái, đỉnh lễ tôn tượng, tranh ảnh của Bồ Tát Địa Tạng, in ấn bộ kinh này cho những người hữu duyên cùng đọc tụng thọ trì chúng ta sẽ được vô lượng, vô biên công đức. Lấy công đức đó hồi hướng cầu sớm thành tựu quả Vô Thượng Bồ Đề thì người ấy sẽ sớm được như nguyện. Với những người tu tập theo pháp môn Tịnh Độ như chúng ta,, tụng kinh Địa Tạng để nghiệp chướng tiêu trừ, công đức tăng trưởng, mang những công đức ấy hồi hướng cầu sinh Tịnh Độ. Không có lý do gì Phật không đến đón chúng ta. Nếu không hồi hướng về Tây Phương Tịnh Độ mà cứ sinh tử mãi trong cõi đời này thì có khi chúng ta sẽ bị sơ xẩy mà đọa lạc. Trong kinh cũng nói đến nhiều trường hợp đã được Ngài Địa Tạng cứu ra rồi, nhưng vừa cứu từ ngục ra thì lại vẫn quay trở lại chỗ cũ. Như những người xuất gia tuy đã xuất gia học đạo nhưng nếu ham mê ngủ nghỉ, dần dần mất đi tâm cầu đạo ban đầu, thì cũng bị sa đọa mà thôi. Quý vị Phật tử đến đây cũng vậy, nếu ngày nào quý vị cũng có tâm mến ưa nghe pháp, an vui cùng pháp. Rồi một ngày đủ ba thời khóa công phu, tụng đọc hết một bộ kinh Địa Tạng này thì đạo tâm tu hành của các vị sẽ tăng rất nhanh. Nhưng nếu các vị giải đãi, không đến nghe pháp không đến tụng kinh nữa. Nghĩ rằng nhà chùa in kinh sách, ghi lại bài giảng rồi, thỉnh sau, tụng sau, nghe sau ũng được thì đạo tâm của quý vị bị thoái rất nhanh. Tâm xấu và tập tính ác lổi nên sẽ kéo chúng ta đi. Chủng tử xấu ác vẫn ẩn tàng trong Alaida của chúng ta, chủng tử thiện lành cũng vẫn ở trong a lại da thức chúng ta. Chỉ cần quý vị có tâm hướng thiện thì những hạt giống giác ngộ kia sẽ có cơ hội để lớn mạnh đè nén được sự hiện hành của những chủng tử xấu.

Tụng trì kinh Địa Tạng để hiểu rõ nhân quả, sám hối lỗi lầm, niệm Phật cho nhiều để không quên Đức Phật A Mi Đà, nhớ đến cõi Tây Phương Cực Lạc. Nếu muốn phát nguyện một đời bất thoái thành Phật thì phải nhớ đến những việc trên. Nói thì dễ giữ lễ thì khó, khó thì chúng ta mới phải tỉnh giác để cố gắng mà làm. Cố gắng tu phúc để ngày rời bỏ tấm thân này, chúng ta được tự do, tự tại. Khó nhưng không phải không làm được.

Đức Phật đã huyền ký đạo pháp của ngày tính từ bây giờ chỉ còn 9000 năm nữa thôi, sau đó Phật pháp không còn ở thế gian một thời gian rất lâu dài. Hơn 56 vạn năm nữa Bồ Tát Di Lặc mới xuất hiện ở thế gian. Ai biết sợ thì hãy cố gắng tu học.

* ***Áng mây sáng sủa đại tán thán:*** Tán thán là khen ngợi việc làm tốt mà người khác đã làm. Các đức Phật và Bồ tát thường khen ngợi lẫn nhau. Đầu tiên Chư Phật mười phương đến tán thán Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, ngài đã làm được những việc rất khó. Đức Phật cũng phát ra những áng mây sáng sủa, trong đó có áng mây đại tán thán. Ai đến với pháp hội này cũng chỉ nhìn thấy cái tốt đẹp của người khác, không thấy cái xấu, không thấy cái lỗi của nhau. Các vị đến chùa Khai Nguyên cũng với tâm hoan hỷ, biết tán thán, ca ngợi những việc công đức khi thấy người khác làm được, thì chính quý vị đang góp phần tạo đám mây tán thán, cho chánh pháp trường tồn vậy.

**Giảng kinh Bản Nguyện Của Bồ Tát Địa Tạng phần 6**

Hôm nay, chúng ta nghiên cứu học tiếp vào phân chính văn của Kinh Địa Tạng.

**“*Khi ấy Đức Phật, phóng ra những áng mây sáng sủa như thế, nhiều đến vô lượng vô biên chẳng thể nghĩ bàn, rồi Ngài lại nói ra những thứ tiếng vi diệu như là: Tiếng vi diệu Đàn Na Ba la mật, tiếng vi diệu Thi La Ba La Mật, tiếng vi diệu Sằn Đề ba la mật, tiếng vi diệu Tỳ Lê Gia ba la mật, tiếng vi diệu Thiền Na ba la mật, tiếng vi diệu Bát Nhã Ba La Mật, Tiếng Từ Bi và tiếng Hỷ Xả, tiếng giải Thoát và tiếng vô lậu, tiếng trí tuệ, tiếng đại trí tuệ, tiếng mây sấm, tiếng mây sấm lớn. Có vô lượng tiếng nói như thế...”***

Đầu tiên là ***tiếng vi diệu Đàn Na Ba La Mật***: Phiên âm từ tiếng Phạn nghĩa là tiếng bố thí ba la mật. Bố thí có hai loại là nội thí và ngoại thí. Hai loại bố thí này đã có dịp giới thiệu với quý vị từ bài trước nên giờ không giảng lại nữa.

* ***Tiếng vi diệu thi la ba la mật***: tức là tiếng trì giới Ba La Mật. Người trì giới Ba La Mật, oai nghi tế hạnh của vị này không thiếu một chút nào cả. Chỉ có Đức Phật và các vị thánh đệ tử của Ngài mới có thể giữ được đầy đủ giới luật và oai nghi không mảy may thiếu xót.
* ***Tiếng vi diệu xằn đề Ba La Mật***: tức là tiếng nhẫn nhục ba la mật. Đây cũng là pháp dành cho các vị đại Bồ tát. Sự nhẫn nhục để đưa tới bờ bên kia, bờ giải thoát, niết bàn.

*Trong Kinh Lục Độ Tập có ghi thời quá khứ khi Đức Phật còn đang hành Bồ Tát Đạo, ngài tu tập nhẫn nhục ba la mật. Ngài từng phát nguyện: “Ta thà chịu cái đau đớn của nước sôi, lửa bỏng, cái hoạn nạn bị băm vằm, trọn không hề sân hận, gây độc hại đối với chúng sinh. Phàm nhẫn những điều không thể nhẫn là cội nguồn muôn phước”. Chúng sinh có theo Ngài mắng chửi, đánh đập, cướp đoạt của báu, vợ con, đất nước, nguy thân hại mạng Bồ tát liền dùng phước đức nơi sự nhẫn nhục của Chư Phật để diệt trừ đôc hại của sân hận, luôn từ bi, thương xót, tìm đến để tế độ giúp đỡ họ. Nếu chúng sinh ấy thoát khỏi tội lỗi thì Bồ tát lấy đó làm hoan hỷ*.

 *Thời quá khứ một kiếp Bồ tát làm thân con vượn, sức quản bầy nhỏ, minh triết hơn người, thường mang lòng từ cứu vớt chúng sinh. Một hôm leo cây hải trái, vượn thấy trong hang núi có người rớt xuống, không thể tự lên, suốt ngày khóc thương, kêu trời xin được sống. Nghe tiếng kêu bi ai, vượn rơi nước mắt, nghĩ rằng mình dốc lòng thành Phật để cứu những chúng sinh như thế. Bèn tìm cách vào hang cõng người đó ra. Rồi dặn người đó từ nay phải thận trọng, không nên làm điều ác. Thế rồi mệt quá vượn nằm lăn ra nghỉ. Người kia ở trong hang bị đói khát, nghĩ phải giết con vật này phải ăn thịt để cứu mạng mình. Bèn lấy đá đập vào đầu vượn. Vượn đang nằm, cả kinh đứng dậy, leo lên cây nhưng lòng không ý giận, còn từ bi thương xót người đã mang lòng ác độc. Rồi lúc đó nghĩ: “Sức ta không thể độ được, xin nguyện đời sau , thường gặp Chư Phật, tin theo đạo giáo và tu hành theo đó để được độ, đời đời chớ có niệm ác như người này.” Đức Phật sau khi kể xong chuyện này thì nói : Con vượn là thân Ta, còn người trong hang là Đề Bà Đạt Đa.*

Câu chuyện chúng ta quen biết là tiền thân của Đức Phật là Nhẫn Nhục Tiên Nhân. Vua có đem điều ác vô cùng làm khổ thân Ngài, nhưng lòng Ngài vẫn thương xót như mẹ hiền thương con vậy.Vì có lỗi xót thương của người mẹ hiền nên dòng máu chảy vọt ra thành sữa. Mang những chỗ tay, chân, mũi, tai...đã bị Vua Ca Lợi chém ghép vào chỗ cũ thì vết thương liền lại. Rồi còn phát nguyện khi thành Phật người đầu tiên Ngài độ chính là vui Ca Lợi. Sự nhẫn nhục và lòng từ bi của Đức Phật trong những kiếp quá khứ bao la và rộng lớn như vậy đấy.

Các vị Bồ tát vào đời để độ chúng sinh cũng phải tu nhẫn nhục Ba La Mật như vậy đấy. Tổ Bồ Đề Đạt Ma khi sang Trung Hoa để truyền bá thiền tông, ngài ngội thiền định chín năm, quay mặt vào vách chỉ để chờ một người đệ tử là Huệ Khả. Không cần phải được cung phụng, tôn kính... đến lúc Ngài Huệ Khả biết đến Tổ Bồ Đề Đạt Ma, Ngài quỳ ở ngoài hang không biết bao lâu, tuyết rơi, gió lạnh. Người ta miêu tả dựng một cái chòi tranh cho Ngài Huệ Khả không thì bão tuyết như vậy thì khó sống nổi. Nhưng chỏi tranh sụp đổ xuống còn Ngài Huệ Khả vẫn quỳ...Điều đó cho thấy sức nhẫn lại, tâm cầu pháp của các Ngài như thế nào... Đến lúc gặp tổ, ngài Huệ Khả còn chặt cả cánh tay mình để cầu pháp.

Rất nhiều đệ tử có sức nhẫn nhục lớn, ít nhất các vị phải ở bậc quyền thừa Bồ tát, hay Bồ tát tái lai mới có sức nhẫn chịu Ba La Mật được.

*Tôi từng đọc một câu chuyện, một vị Đại Sư ở Tây Tạng theo phái Hoàng Mạo đã ẩn cư trên núi 30 năm. Khi Ngài xuống núi hoằng pháp, lúc đó dân chúng đang chịu một nạn dịch lớn là nạn bọ chó. Đến hơn nửa người dân đã chết vì nạn dịch này rồi. Trước tình cảnh đó, Ngài phát nguyện thí thân mạng Ngài cho tất cả con bọ chó đó. Ngài đến khi trung tâm của ổ dịch. Ngài trì kinh Bát Nhã và phát nguyện, sau khi phát nguyện thì tất cả bọ chó trong vùng đó đến bu đầy người Ngài. Không một tiếng kêu la, cọ quậy, an an nhiên thị tịch ngay khi đó. Sau đó, thì dân Tây Tạng đã thoát được nạn dịch này. Bồ tát hành đạo có những đại nguyện, đại hạnh lớn như vậy đấy.*

Chúng ta tuy chưa thể hành nhẫn nhục như các Ngài, nhưng noi gương các Ngài, để đương đầu với những chướng duyên, hay khó khăn xảy ra trong cuộc sống. Dần dần khi tâm từ tăng lên, bồ đề tâm được nuôi nấng thì sức nhẫn chịu của mỗi người cũng theo đó mà tăng lên.

*Thế kỷ 12, 13 Phật giáo vẫn có vị thế rất quan trọng ở Ấn Độ, nhưng sau đó Ấ Độ bị nước ngoài xâm lược và họ muốn truyền bá đạo Hồi vào đất nước này. Khí đó thì Phật giáo bị đàn áp. Nhưng tăng ni và tín đồ Phật tử khi đó học hạnh của Phật và Bồ Tát, mình c ó thể hi sinh thân mạng, nhưng không gây chiến hay đáp trả bạo lực bằng bạo lực. Chỉ một thời gian ngắn, Ấn Độ từ một nước Phật giáo phát triển mà sau đó không còn bóng dáng vị Tăng sĩ nào nữa. Học Viên Na Nan Đà, là tu viện lơn nhất, chứa đến 30.000 người sống và tu hành tại đây, mà sau khi bị hồi giáo đàn áp, dấu tích còn lại chỉ là nền móng. Như vậy, để biết rằng tinh thần hi sinh, bất bạo động đã ghi dấu ấn sâu sắc với người con Phật như thế nào.*

* ***Tiếng vi diệu Tỳ Nê Gia Ba La Mật***: tức là tinh tấn Ba La Mật.

Tinh tấn Ba La Mật được phát triển trên Tứ Chánh Cần.

Thứ nhất: tinh tấn phát triển các việc thiện đã sinh

Thứ hai: tinh tấn làm sinh khởi những việc thiện chưa sinh.

Thứ ba: tinh tấn đoạn trừ các việc ác đã sinh.

Thứ tư: tinh tấn ngăn chặn các việc ác chưa sinh.

Mỗi chúng ta từ vô thủy kiếp đến nay, đã tích tụ thói quen tật xấu lâu ngày: ác tâm, ác tính, ác ngôn, ác nghiệp, những chủng tử này ngày càng huân tập và sinh khởi...Cõi Ta Bà ô trược, làm ác thì dễ, làm lành thì khó. Vậy nên phải nương vào Phật pháp để tinh tấn tu hành, cho thiện được tăng lên, cho ác yếu đi và dần dần bị trừ diệt.

Quý vị Phật tử đi chùa, thấy rất có lợi ích, biết đây là con đường chánh pháp cần phải theo. Muốn về thay đổi gia đình mình bỏ ác, làm lành. Hãy tinh tấn để làm việc đó. Nhưng cũng phải tùy duyên, đừng mong có kết quả ngay.Nhiều vị vì mong có kết quả, mong người thân thay đổi ngay theo ý mình, khi không được theo ý thì lại sinh phiền não.

Hơn 2000 năm rồi, Đức Phật mới chuyển cho tôi thành được như ngày hôm nay kia mà. Sự tinh tấn của chúng ta, so vơi sự tinh tấn ba la mật của các vị Bồ tát thì chẳng đáng gì cả. Nhưng chớ nghĩ việc thiện nhỏ mà không làm. Nước nhỏ giọt dần dần cũng đầy lu. Nếu chúng ra cứ lo việc này thiện nhưng ít quá không cần làm thì biết đến bao giờ chúng ta mới có thể thành tựu đây.

*Đức Phật khi Ngài thành Phật rồi, mà có vị Tỳ Kheo đã nhiều tuổi, vị ấy không thể xâu chỉ vào kim. Vậy mà, khi thấy cần giúp đỡ, Đức Phật vẫn giúp, không có phân biệt gì cả. Khi có vị Tỳ Kheo bị ốm, bệnh nặng quá, không có ai chăm sóc vị ấy thì Đức Phật cũng bảo vị thị giả là Ngài A Nan khi ấy đun nước sôi, Đức Phật tự tay rửa ráy cho vị Tỳ Kheo bị bệnh kia. Như vậy, để ta thấy tấm lòng từ bi, bao dung của Đức Phật rộng lớn như thế nào vậy.*

* ***Tiếng vi diệu thiền na ba ba la mật****.*
* ***Tiếng trí tuệ Ba La Mật****:*

Tiếng này chỉ cho trí tuệ của Phật và Bồ Tát, còn trí tuệ của chúng ta hiện giờ mới chỉ là trí tuệ hữu học. Trong pháp hội lần này, chúng ta thấy bốn nẻo trong thập pháp giới không có đó là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh và người. Mà pháp hội lần này vô cùng thù thắng, Đức Phật có hai lần thuyết kinh, một lần là Kinh Hoa Nghiêm, một lần chính là Bộ Kinh Địa Tạng mà đại chúng vân tập thù thắng như thế này. Đủ thấy sự quan trọng của hai bộ kinh. Đại chúng trong pháp hội là các bậc thiên long, quỷ thần và Chư Phật, Bồ tát trong mười phương. Chúng ta thường nghe “Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu”. Tiếng Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thuyết ra ở đây là tiếng vi diệu trí tuệ ba la mật. Những vị đén pháp hội đều là những vị có đầy đủ thiện căn, phước đức, trí tuệ, mới có thể thể hội những điều Đức Phật thuyết. Chư Phật và chư Bồ tát mười phương đều tán thán khi Đức Phật phát ra sáu thứ tiếng vi diệu như vậy.

* ***Tiếp theo là tiếng Từ Bi và tiếng Hỷ xả***. Từ Bi chúng ta đã được học trong bài trước. Còn Hỷ là sự vui mừng, Xả chỉ cho sự chấp trước. Buông xả từ nội tâm cho đến hành động. Đây là một việc rất khó chúng ta phải tu tập dần dần mới có thể đạt được.

*Có những bạn sinh viên khi lên chùa Khai Nguyên tham dự các khóa tu, các bạn sau một thời gian tiếp xúc Phật pháp, gần với những người xuất gia như chúng tôi, các bạn rất muốn xuất gia.*

*Các bạn đến gặp chúng tôi rồi hỏi: Liệu các bạn có thể xuất gia được hay không?”. Tôi trả lời: Được, nếu cố gắng, ai cũng có thể xuất gia và tu tập tốt được cả. Được sự động viên như vậy, các bạn quyết định về xin bố mẹ, nhưng khi bố mẹ không đồng ý, các bạn hầu như khó có thể vượt qua chướng ngại tình cảm gia đình. Thật ra, các bạn vẫn chưa thể nhìn ra được sự thật, chưa nhìn thấu lên chưa buông bỏ và vượt qua được cửa ải này. Nếu có một tâm cầu giáo pháp một cách chân chính và sâu sắc thì tất cả mọi khó khăn sẽ đều dễ dàng mà vượt qua. Chúng ta phải hiểu rằng dù cha mẹ có công lao rất lớn với mình, theo đạo làm con mình phải phụng thờ cha mẹ, hết lòng, hết sức làm cha mẹ vui, không dám làm những điều cha mẹ buồn lòng. Nhưng khi hiểu rằng hiếu dưỡng phụ mẫu không chỉ có như vậy, như vậy mới chỉ là tiểu hiếu, còn cha mẹ bao đời, bao kiếp của mình nữa thì sao? Nghĩ đến lời Phật dạy bao chúng sinh đau khổ trên cõi đời này đều là lục thân, quyến thuộc của chúng ta ở một kiếp nào đó. Và đó cũng là những người mình cần phải đền ơn. Chúng ta không thể tự có, chúng ta được bố mẹ sinh ra, bố mẹ ta lại do ông bà sinh ra...chung quy lại, hết thảy, hết thảy đều có mối liên hệ với nhau. Hiểu được như vậy, rồi thuyết phục được cha mẹ cũng hiểu được như vậy thì cha mẹ cũng dễ thông cảm, và đồng ý cho nguyện vọng của các con.*

Chúng tôi cũng có gia đình như mọi người, cũng có cha, có mẹ,anh em bè bạn. Chúng tôi cũng có khả năng làm việc và nuôi sống bản thân mình, và bước đầu khi xuất gia, những khó khăn cũng đến với chúng tôi. Nhưng khi tâm Bồ đề được nuôi lớn rồi, thì có lẽ chẳng có chướng ngại nào có thể ngăn cản được con đường xuất gia này cả. Xả được thì rất là khó, Hỷ thì có thể được. Có lẽ vậy Từ, Bi và Hỷ được xếp trước Xả trong tứ Vô Lượng Tâm.

Hòa Thượng Tịnh Không cả cuộc đời tu tập, Ngài đúc kết ra hai về đối:

***“Nhìn thấu, buông xả, tự tại, từ duyên, niệm Phật”***

***“Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi”.***

Hoà Thượng Tịnh Không nói một hành giả chỉ cần thức hiện được 20 chữ này trong một đời thì cũng được vãng sinh rồi.

*“****Chân thành****”:* cửa vào đạo đó là sự chân thành. Tâm của bạn chân thành, cung kính bao nhiêu thì sự thọ dụng trong Phật pháp cũng tương đương như thế. Chân thành với giáo pháp của chư Phật, với chư Tăng hay với Tam Bảo, với chúng sinh. Hãy tự hỏi mình, chúng ta đã chân thành hay chưa. Thực sư, những điều trên chúng ta còn thiếu xót rất nhiều. Vì thế mà chúng ta học Phật ít được lợi ích chân thật và thành tựu nhanh chóng vậy.

*“****Thanh tịnh***”: tâm mình hiền thiện đến chỗ cùng cực, đến chỗ cứu kính được coi là viên mãn sự hiện diện của mình, sự thanh tịnh của mình, không khởi một niệm xấu ác với chúng sinh.

*“****Bình đẳng”:*** Như trong kinh Pháp Hoa, Phật nói “tất cả chúng sinh đều có Phật tính. Ta là Phật đã thành, chúng sinh là Phật sẽ thành.” Chúng ta tôn trọng mạng sống của tất cả chúng sinh, như tôn trọng mạng sống của chính mình, không khác. Chúng ta đã bình đẳng chưa? Vẫn còn phân biệt lắm. Quý vị trông thấy một người vừa xuất hiện trước mắt thì tâm yêu ghét đã khởi lên rồi. Cái gì của người khác, chúng ta nhìn vào cũng có thể mang ra phán xét, so sánh. Quý vị thấy một người trước đây làm nghề sát sinh, hay có những tính xấu mà quý vị rất ghét. Bây giờ biết lên chùa tụng kinh, niệm Phật, lễ Phật. Quý vị liền nghĩ: “người đó thì học Phật cái lỗi gì”. Quý vị quên mất họ đã “hồi đầu thị ngạn”, và phải chân trọng họ như một vị Phật tương lai. Con sâu, cái kiến Đức Phật còn bảo nó có Phật tính, nữa là một con người nay đã biết ăn năn. Phải nhìn họ như một vị Phật tương lai, cùng giúp đỡ họ để mình và họ cùng sớm thoát khỏi luân hồi. Độc như con rắn, nhỏ bé như côn trùng chúng ta cũng đều phải thấy đây là vị Phật tương lai. Chính bởi vì chúng ta có tâm phân biệt, vì phân Biệt nên con rắn còn cắn chúng ta.

 *Đức Phật không còn tâm phân biệt nên khi ngồi thiền trong rừng, khỉ biết hái trái cúng dường Ngài, Thần Rắn biết đến che mưa độc cho Ngài. Khi Đề Bà Đạt Đa có âm ưu,cho một con voi rất dữ uống rượu say, đến lúc Đức Phật đi ngang qua thì liền thả voi ra với ý định giết Phật, con voi lao đến trước mặt Ngài, đến đó thì nó dừng lại, và quỳ xuống dưới chân Ngài. Ngay từ bé lúc 9 tuổi tham dự ngày lễ Hạ Điền, ngồi thiền dưới gốc cây hồng táo. Bóng của cây hồng táo cũng ngả theo hướng mặt trời để che mát cho Ngài. Tâm lòng đại từ, đại bi, không phân biết của Đức Phật đã cảm động cả chúng sinh hữu tình đến chúng sinh vô tình như vậy đấy.*

*Ở Việt Nam chúng ta, có những vị thiền sư khi xưa lên núi để tu. Những nơi đó có hổ, có rắn mà Ngài vẫn cảm hóa được. Đọc chuyện Hòa Thượng Thích Thiền Tâm nhị tổ Tịnh Độ Tông Việt Nam, khi Ngài ẩn tu trong rừng, có rất nhiều rắn mà Ngài đã cảm hóa được hết, chúng quy y và tu tập với Ngài. Không con nào làm hại Ngài cả, chúng có linh tính, chúng biết Ngài là vị tu hành chân chính, tâm từ bi, bình đẳng của Ngài chúng cảm nhận được.*

*“****Chính Giác”:*** Chính là chân chính, giác là giác ngộ. Đối với giáo Pháp của Đức Phật chúng ta hiểu một cách chuẩn chỉ, không lầm lạc.

***“Từ Bi”:*** đã được giảng nhiều lần trong các bài trước.

**‘Nhìn Thấu**”: Chúng ta nhìn bằng con mắt này có thể nhìn thấu được không? Nhìn bằng con mắt này chúng ta chỉ thấy những thứ phàm tục thôi, sẽ thấy so đo, phân biệt. Phải nhìn thấu từ những thứ nhỏ nhất thì chúng ta mới làm được những việc lớn hơn. Còn nói những điều cao siêu huyền diệu những điều nhỏ nhặt còn chưa xong thì đó cũng chỉ là lời nói suông mà thôi. Như để phát tâm ăn chay, quý vị phải thấy được những chúng sinh này đều ham sống sợ chết, chúng lại cũng có gia đình của chúng như chúng ta.

*Chúng ta không muốn người thân, ruột thịt của mình chết, bản thân chúng cũng vậy. Hơn nữa khi hiểu rõ lý nhân quả rồi thì biết đâu chính những con vật này là cha là mẹ mình ở những kiếp về trước. Chúng ta có thể ăn thịt mình, nhưng sao có thể ăn thịt cha mẹ mình được. Rồi không chỉ nhìn thấu bằng con mắt này. Mà phải nhìn thấy bằng tâm nữa. Tâm nhìn thấu gì? Nhìn thấu các pháp là khổ, không, vô thường, vô ngã. Nhìn thấu như vậy thì sẽ buông được. Khi được học Phật pháp rồi chúng ta phải ứng dụng được vào cuộc sống, để giáo pháp ăn sâu vào máu thịt chúng ta thì chúng ta sẽ luôn sống trong ánh sáng của Phật pháp.*

***Buông xả*:** Nhìn thấu được rồi thì phải buông xả được. Đó là cả một bước tiến dài vậy. Vì vậy, nên mới có những việc biết là sai mà vẫn cứ làm, biết là đúng mà chẳng nghe theo. Vì chưa buông được mà.

***Tự tại:*** sau khi buông được thì mới được tự tại. Như chúng tôi xuất gia thì cũng được một phần tự tại. Xuất gia có ba nghĩa “Xuất thế tục gia, xuất phiền não gia và cuối cùng là xuất tam giới gia.” Cái đầu tiên chúng ta ra được nhà thế tục rồi, thì những lo lắng thông thường của người ngoài đời đã không phải lo rồi. Nhưng đây mới chỉ là hình tướng thôi, điều quan trọng là tâm cũng phải ra khỏi nà thế tục nữa. Các cô, chú, rồi các Bác phải hiểu điều này, đừng có thỉnh thoảng lại lên xin “Thầy cho con về thăm nhà”.

*Thầy kể cho các con nghe câu chuyện của Thiền sư Triệu Châu vị thiền sư nổi tiếng của Trung Hoa là đệ tử của Mã Tổ. Ngài là người nổi tiếng về đạo hạnh và cách dạy đệ tử của mình. Nhưng vô cùng khiêm cung, hạ mình, 80 tuổi rồi Ngài vẫn còn đi hành cước – tức đi sam phương, học đạo. Trong một lần đi hành cước, nơi đạo tràng Ngài đến rất gần với thôn Ngài từng ở. 68 năm Ngài chưa một lần về thăm gia đình. Vì ngài nói tâm Ngài chưa an, đạo hạnh của Ngài chưa viên mãn, Ngài sợ nhìn thấy người thân sẽ bị động tâm, không tu tập được. Lần đó, người trong gia đình biết Ngài sẽ đi qua nhà, mẹ ngài đã hơn 100 tuổi, Bà nghĩ con mình lần nãy sẽ về thăm mình trước khi mình nhắm mắt xuôi tay. Nhưng khi đi qua nhà, Ngài nhất định không vào.*

*Mẹ Ngài mới sai người cháu viết một phong thư, nói bà mong gặp Ngài lần cuối. Người cháu chạy theo Ngài hai ngày, hai đêm gặp được ngài ở giữa đường. Người cháu đưa bức thư của bà mẹ cho Ngài Triệu Châu, khi biết đó là thư của mẹ. Ngài cầm thư lưỡng lự một chút rồi xé thư và nói: “Việc lớn ta chưa làm xong, cháu hãy nói với mẹ ta rằng để bao giờ làm xong ta sẽ về thăm mẹ ta”. Nhìn theo con mắt thế tục thì thấy Ngài bất hiếu, nhưng theo con mắt xuất thế thì Ngài là một người con đại hiểu thảo, chúng ta cần học theo Ngài. Người chưa đạt đạo mà ngày đêm mong mình chứng đạo và được giải thoát thì khi đó mới độ cho song thân mình được thoát khổ.*

***Tùy duyên*** : khi niệm Phật đến chỗ thành thục rồi, được tự do, tự tại, đi đứng, nằm, ngồi đâu đâu cũng có thể niệm Phật.

 *Giống như đệ tử của Hòa Thượng Tịnh Không đến hỏi Ngài: “Bạch sư phụ, hai ba năm nay con không thấy sư phụ lên tụng kinh mỗi khóa lễ, không thấy cỗ tràng cầm cỗ tràng niệm Phật. Con không hiểu sư phụ đang tu tập như thế nào?”.*

*Hòa Thượng nói với đệ tử: “Mấy năm trở lại đây, khi tôi ăn cơm trong mỗi miếng cơm của tôi đều có A Mi Đà Phật, Tôi uống nước trong chén nước cũng có A Mi Đà Phật, hiện lên ở trong đó. Tôi lên giảng kinh, ngồi đây thấy cái míc ở trước mặt thì cái mic trước mặt tôi cũng là A Mi Đà Phật. Các thiện nam, tín nữ đến tôi cũng thấy đây là A Mi Đà Phật, chứ không phải là thiện nam tín nữ. Trong con mắt, tâm tưởng của tôi đều có A Mi ĐÀ Phật hiện hữu. Thử hỏi tôi còn lễ bái, tụng niệm A Mi Đà Phật ở đâu nữa”*

Đây chính là chỗ tự tại, tùy duyên, niệm Phật vậy. Trong tâm của Hòa Thượng lúc nào cũng có Đức Phật A Mi Đà, lúc nào cũng có A Mi Đà Phật rồi, thì đó chính là chỗ tự tại, tùy duyên cao nhất. Đối với người tu tịnh độ đó là Niệm Phật Tam Muội. Bên thiền tông gọi là đại triệt đại ngộ hay thâm chứng về thiền định. Đi đứng, nằm, ngồi, chỗ nào cũng là Phật, đâu đâu cũng là Phật. Những người như vậy sẽ tự do tự tại vãng sinh, đối với các Ngài, kéo dài tuổi thọ 5 năm hay 10 năm không có gì là khó.

* ***Tiếng sư tử, tiếng sư tử lớn***:

Chúng ta thường nói sư tử là chúa tể sơn lâm. Mỗi khi sư tử gầm lên thì các loại thú khác đều run sợ. Cũng như vậy, Đức Phật là đấng đại Pháp Vương, làm thầy của trời, người trong tam giới. Khi Ngài thuyết pháp thì có sức mạnh như tiếng sư tử lớn vậy. Chính pháp của Đức Phật khi thuyết ra thì thiên Ma run sợ, tà đạo cũng phải run sợ. Nhờ vào tiếng pháp âm ấy mà chúng sinh biết bỏ vọng về chân, bỏ tà theo chính, quay về nẻo thiện”.

***Tiếng sư tử lớn***: Đức Phật nói trong thế giới Sa Bà của chúng ta, phía Nam của núi Tu Di và ở tầng thứ mười ba trong hai mươi tầng Thế Giới Hải giống như hoa sen. Trái đất của chúng ta quay xung quanh tầng thứ mười ba của Thế Giới Hải đó. Trong núi Tu Di có một loại chúa Sơn Lâm có lông màu vàng óng, thân hình rất lớn. Con sư tử này chính là hóa thân của một vị Bồ tát. Vị Bồ tát ấy giáo hóa dạy bảo thú rừng ở núi Tu Di báu đó. Trong đó có cả tượng vượng, bạch hạc, khổng tước,... mỗi khi sư tử lớn gầm lên thì khiến cho các loại thú đều biết phản tỉnh.

***Tiếng mây sấm, tiếng mây sấm lớn***:

Chỉ cho giáo pháp của Đức Phật như mây đến thì sẽ có mưa, có sấm thì sẽ có mưa, mưa ở đây là mưa pháp. Chúng Chư Thiên ở các cõi hãy mau mau vân tập để nghe pháp. Cũng giống như đạo tràng của chúng ta ở đây. Trước khi nghe pháp sẽ có tiếng chuông lớn để huân tập quý vị.

**Giảng kinh bản nguyện của Bồ Tát Địa Tạng Bài số 7**

Chúng ta học phần kinh văn tiếp theo ***“ Bấy giờ Đức Phật nói ra các thứ tiếng như thế nhiều đến không xuể, thể không thể xiết. Rồi có vô lượng vô biên Trời, Rồng, Quỷ, Thần,... ở trong cõi Sa Bà và ở trong các cõi phương khác, đều đến hội họp nơi cung trời Đao Lợi. Những vị Trời, Thần ở trong các cõi ấy như là...”***

Trước tiên là 6 cõi trời Dục Giới:

***Cõi trời Tứ Thiên Vương***. Đây là cõi đầu tiên trong 6 cõi trời Dục Giới, ở lưng chừng núi Tu Di.

 Chiều cao của núi Tu Di là tám vạn bốn nghìn do tuần. Tạm thời theo cách tính của Trung Quốc thì bằng 774144 km. Quanh núi Tu Di có bốn châu thiên hạ là: Đông Thắng Thần Châu, Tây Ngưu Hóa Châu, Nam Thiệm Bộ Châu và Bắc Cu Lô Châu.

Trong bốn cõi này, cõi Đông Thắng Thần Châu cuộc sống của dân chúng thiên về tinh thần.

Cõi Nam Thiệm Bộ Châu coi trọng tinh thần và vật chất gần giống như nhau.

 Cõi Tây Ngưu Hóa Châu, cuộc sống thiên về vật chất, cõi này dùng trâu để làm tiền tệ trao đổi, cuộc sống của họ gần giống như chúng ta.

Bắc Cu Lô Châu thuộc phía Bắc của núi Tu Di, đây được gọi là một Cực Lạc thu nhỏ, tuổi thọ của dân chúng cõi này là một nghìn tuổi. Là một Cực Lạc thu nhỏ, cõi này trang nghiêm thanh tịnh, cuộc sống của dân chúng an vui hơn cả cõi trời Tứ Thiên Vương. Phúc báo thì ngang với cõi trời Đao Lợi Ở đây một ngày một đêm bằng một trăm năm ở cõi chúng ta.

Cõi Tứ Thiên Vương có chiều cao là 42000 do tuần bằng 387072 km. Cõi Tứ Thiên Vương có tuổi thọ là 500 năm, một ngày một đêm bằng 50 năm ở cõi chúng ta.

* ***Cõi Đao lợi Thiên*:**

Tuổi thọ là một nghìn năm, một ngày một đêm bằng một trăm năm ở cõi chúng ta. Chiều cao của cõi này cho đến cõi Dạ Ma- cõi trời thứ ba là tám vạn bốn nghìn do tuần

* ***Cõi Dạ Ma* :**

Trong kinh gọi là cõi Tu Diệm Ma, cõi này có tuổi thọ là ba nghìn tuổi. Một ngày một đêm bằng ba trăm năm ở nhân gian. Chiều cao ở cõi này đến cõi trời Đâu Suất là khoảng một vạn sáu nghìn tám trăm do tuần.

* ***Cõi Đâu Suất Thiên*:**

Ttuổi thọ là bốn nghìn năm. Một ngày một đêm bằng bốn trăm năm ở nhân gian. chiều cao từ cõi này đến cõi Hóa Lạc là ba trăm ba mươi sáu nghìn do tuần

* ***Cõi Hóa Lạc Thiên***:

Cõi này có tuổi thọ là năm nghìn tuổi. Một ngày một đêm bằng năm trăm năm ở nhân gian. Chiều cao từ cõi này lên cõi kế tiếp là sáu trăm bảy mười hai nghìn do tuần

* ***Cõi Tha Hóa Tự Tại*:**

Thọ sáu nghìn tuổi, một ngày một đêmm bằng sáu trăm năm cõi chúng ta.

Trong các cõi này cõi Tứ Thiên Vương và cõi trời Đao Lợi hộ trì Phật pháp nhiều nhất, những người tu theo ngoại đạo thì hay sinh về cõi Dạ Ma. Ở cõi Đâu Suất hiện tại là Bồ tát Di Lặc đang cai quả ở cõi trời này. Cõi Hóa Lạc người tu phúc ở thế gian rất lớn thì được sinh về cõi trời này. Dân chúng cõi này tâm nghĩ đến gì thì vật chất hiện ra trước mắt. Hóa nghĩa là biến hóa ra, Lạc nghĩa là vui vẻ.

* ***Cõi Tha Hóa Tự Tại***

Là cõi cao nhất ở cõi trời trong sáu cõi trời Dục Giới. Trong kinh điển của Đức Phật, cõi này là các vị đại Bồ tát thị hiện ra chứ không phải bình thường. Vua cõi trời này chính là đại Bồ Tát thị hiện là nghịch duyên Bồ tát.

*Như Đề Bà Đạt Đa nhìn trên phương diện Phật giáo tiểu thừa thì Đề Bà Đạt Đa là ác nhân. Người đã phản thầy, phản anh của mình nhưng trong Phật giáo Đại thừa, trong kinh Pháp Hoa Đức Phật nói “ đây là nghịch duyên Bồ Tát. Đức Phật nói: “ Nhờ có Đề Bà Đạt Đa mà ta mới thành Phật nhanh như thế”. Ngài dẫn chứng rồi Ngài kể câu chuyện: “ ở một kiếp lâu xa về trước, ta là một ông vua khi ta phát tâm hiểu và muốn cầu Đạo. Trong cả nước không có ai hiểu và nói pháp cho ta. Bấy giờ có một ông đạo sĩ trong núi. Ông nói nếu trong đời này có ai dám hy sinh thân mạng vì ta thì ta sẽ thuyết pháp yếu cho nghe. Ông vua mời vị đạo sĩ về hoàng cung, vị đạo sĩ nói “ Giáo pháp của ta không phải ai muốn là cũng nghe được. Muốn nghe một câu phải đổi một cân thịt trên mười nghìn. Chúng ta biết vị Bồ tát đại sĩ ( vị vua) quyết định xẻ thịt để được nghe pháp. Vị đại sĩ cứ một lần xẻ thịt thì lại thuyết mọt chữ. Khi thuyết được một câu trọn vẹn:*

*“Chư ác mạc tác*

*Chúng thiện phụng hành”*

*Đạo sĩ nói: đây là câu nói của các Đức Phật thời quá khứ đã nhập niết bàn.*

*Toàn bộ bài kệ này khi Đức Phật Thích Ca thành đạo Ngài mới nói trọn vẹn:*

*“ Chư ác mạc tác*

*Chúng thiện phụng hành*

*Tự tịnh tùy ý*

*Thị chư phật giáo”.*

*Đức Phật nói so bài kệ của Đề Bà Đạt Đa nên ta mới thành Phật được như ngày hôm nay.*

Cũng vậy, vua cõi trời thứ sáu chúng ta gọi là Thiên Ma Ba Tuần. Cũng được coi là một nghịch duyên Bồ tát. Tha Hóa chỉ cho cả cõi trời cũng như cõi người. Cuộc sống ở năm cõi đều chịu sự chi phối ở cõi này. Chúng ta chỉ cần khởi niệm tham, thì sẽ bị cướp mất công đức ngay. Muốn không bị phá, chúng ta phải vượt qua tâm niệm của Thiên Ma Ba Tuần – ông vua làm chủ về nghịch duyên Tham, Sân, Si.

Chúng ta tu để mong cầu giải thoát. Nhưng quý vị lại mong cầu thần thông mong gặp Phật. Thiên ma hiện thân Phật bảo chúng ta học, nhưng phương pháp học này không chân chính mà là pháp học đi theo đường tà. Ai tu hành không theo đúng chánh pháp của Phật, ông ( Thiên Ma) liền lợi dụng người đó để tạo thành năng lượng giúp ông tồn tại lâu dài. Thị hiện là nghịch duyên Bồ tát. Khi chúng ta tu hành không đúng theo lời dạy của Đức Phật. Thiên Ma sẽ đến dạy dỗ chúng ta ngay.

 Tổ sư dạy: “ Chỉ cần tu sai pháp, chúng ta sẽ trầm luân, không biết ngày nào mới có thể ra được”.

Khi chưa xuất gia, tôi có thể nhìn mà biết được kiếp trước, vận mệnh của họ. Khi họ ốm đau, tôi chỉ cần một bát nước đặt lên ban đọc một biến kinh hoặc trì thần trú mà tôi học được thế là họ khỏi. Nhưng ngược lại tâm tu của mình luôn dao động, không trụ.

‘Tôi phát nguyện bỏ, tất cả cái đó không phải của mình, chỉ còn cầu nhất tâm niệm Phật tụng kinh cầu mong trước khi nhắm mắt ra đi được Đức Phật báo trước là tốt nhất, còn không thì nhờ duyên đệ tử và Phật tử niệm Phật trợ duyên. Rồi đức A Mi Đà cũng đến đón. Đó là tâm nguyện lớn lao nhất của cuộc đời tôi từ bây giờ đến mãi mãi về sau. Khi ngồi tu có âm thanh, hình tướng nào đến cho tôi nghe và nhìn. Tôi liền buông ngay nhất quyết không nhận. Tất cả đi lên bằng tự lực là niệm Phật, hoằng Pháp và làm việc thiện, được đến đâu nhất tâm làm đến đó.

Việc tu tập là như vậy xin chia sẻ cùng các quý vị . Mong các quý vị biết nẻo chánh để quay về và vững bước trên con đường đó. Các quý vị tu hành mà không khởi Tham, Sân, Si hết lòng cầu giáo pháp thì không bao giờ cảm ứng để Bồ tát nghịch duyên thị hiện tới các vị cả. Ví như các quốc gia, có quốc gia nào muốn xây nhà tù, đổ bao nguồn lực tài chính và con người vào việc đó đâu. Nhưng vì con người trên trái đất gây đầy tội lỗi. Tạo ra tôi ác lên cần có nhà tù, cần có tòa án, cần có người quản giáo, cần công an để bắt tội phạm. Nếu công dân đều hiền lành và lương thiện, không làm trái pháp luật thì không cần công an, cảnh sát, nhà tù. Ví dụ như đất nước Butan một đất nước Phật giáo là một đất nước không cần tới nhà tù vì con người ở đây không cần tớii nhà tù họ hiền lành và thuần thiện.

Người xây nên nhà tù, bắt tội nhân vào tù, người ở tù thì mất đi quyền công dân, có khi người phạm tội cònbị mất mạng. Người thực hành công lý họ không ác mà điều họ làm là để thứ nhất: là đảm bảo hòa bình quốc gia, thứ hai là để răn đe kẻ tội nhân, thứ ba là mô hình giáo dục bắt buộc để người phạm tội hoàn lương. Mục đích xây nhà tù của quốc gia đó không phải là xấu Thiên Ma cũng vậy. Vì sao mộtt vị Bồ tát phải thị hiện trên cõi trời này để nhìn thấy nếu đi sai đường thì sư phụ tức Đức Phật đã dạy thì đương nhiên sẽ bị chi phối và bị khống chế. Tại sao Đức Phật là thầy lại không cứu được học trò của mình. Vì Đức Phật khôg phải là một đấng ban phúc giáng đọa. Đức Phật là một người thầy giáo đem dạy chúng ta những gì Ngài đã chứng ngộ. Khi chúng ta là học sinh thầy cô cho chúng ta kiến thức, nhưng mình không học, không tập trung rồi làm bài sai, thầy cô không thể cho chúng ta điểm cao được vì nó không thực chất. Cho điểm cao thì chẳng có ý nghĩa, lợi ích gì cho chúng ta, và cho cả thầy cô giáo của bạn. Vì vậy chúng ta phải có là kiến thức thực sự để ứng dụng xây dựng cuộc sống, đất nước. Cái mà người tu hành phải có là phải Bi Trí rộng xâu, phải giải thoát cho mình và người. Bạn tu hành mà tham thần thông, còn sân còn giận thì chẳng khác gì mình bị trượt, bị điểm kém.

***Vì sao lại gọi là cõi Dục?*** Vì nhân dân ở cõi này vẫn còn lòng dục, ham muốn về thể xác. Lòng dục ở cõi người thì còn nặng nề và bất tịnh. Lòng dục ở cõi Tứ Thiên Vương vi tế hơn. Cõi Đao Lợi Thiên còn vi tế hơn nữa. Trên cõi đấy trong kinh Phật nói: Người nam và người nữ khi họ khởi tâm muốn thành vợ chồng. Họ chỉ cần nhìn nhau là đã có con. Nên đến cõi thứ sáu thì vẫn còn dục tâm. Bắt đầu đến cõi Sắc Giới dục tâm đã dần dần được dứt trừ, nó càng vi tế. Họ đã hết dục vọng về thân xác chỉ còn ở thể chất. Họ vẫn yêu thể xác của mình. Từ cõi trời này vẫn còn có hình tướng nhưng không nhìn bằng mắt tục của ta mà phải có thần thông thiên nhãn, con mắt cuả Phật nhãn mới có thể thấy được họ.

***Tiếp theo là hai mười hai cõi trời Sắc Giới. Gồm 22 cõi trời.***

***Sắc giới*** là từ ngữ gọi chung thế giới và chúng sinh có sắc chất thanh sạch, tốt đẹp, là chỗ cư trú của Chư Thiên, một trong ba cõi.

Chúng sinh ở cõi này tuy đã xa lìa dâm dục, không đắm trước các sắc pháp thô xấu nhơ nhớp, nhưng vẫn còn ràng buộc bởi sắc pháp nhỏ nhiệm, thanh sạch, cho nên để phân biệt với cõi Dục ở dưới và cõi vô sắc ở trên mà cõi này gọi là cõi Sắc.. Chư thiên cõi này không phân biệt nam, nữ, y phục tự nhiên, dùng ánh sáng và thức ăn và tiếng nói. Cõi này căn cứ vào nhập định cạn sâu mà chia làm bốn địa.

* **Cõi Phạm Chúng Thiên, Cõi Phạm Phụ Thiên, Cõi Đại Phạm Thiên.**

Ba cõi Trời này là ba cõi trời sơ thiền.

*Sơ thiền* là ly dục, ly sinh hỷ lạc địa, là cảnh giới đã lìa tất cả dục vọng, ngồi thiền mà tâm xa lìa tất cả dục vọng thì đã đạt đến trạng thái sơ thiền.

Tâm đạt đến trạng thái sơ thiền thì đối với mọi của cải vàng bạc, sắc nam, sắc nữ, xanh, vàng, đỏ, trắng chúng ta không sinh tâm đắm chấp, yêu thích nữa. Tâm sẽ ở trạng thái định, xa rời mọi đắm nhiễm. Những người thu thiền định, nhập được sơ thiền, khi mất đi sẽ về ba cõi này.

*Ba cõi này thực ra ở chung một tầng trời, nhưng phước báu hưởng thụ khác nhau. Chữ “Phạm ” nghĩa là thanh tịnh. Cõi “Phạm Chúng” ví như nhân dân, người dân thường. Cõi “Phạm Phụ” ví như đại thần, quan cao, quan lớn. “Đại Phạm” ví như thiên vương phước báo càng lớn hơn.*

* ***“Cõi Trời******Thiểu Quang Thiên, Cõi Vô Lượng Tịnh Thiên, Cõi Quang Âm Thiên.”***

Ba cõi này là ba cõi trời ***Nhị Thiền***. Cõi này Định sinh hỷ lạc địa, ở trong nội tâm của mình. Nhân dân trong ở trong các cõi đều bình đẳng. Tuy bình đẳng nhưng phước báu có khác nhau do công phu có sai khác.

 Ở cõi Nhị thiền, tướng đã bỏ nhưng tính vẫn còn. Oai nghi phép tắc đầy đủ.

*“Trời Thiểu Quang” có ánh sáng nhưng ít hơn so với các cõi khác. “Trời Vô Lượng Quang” thì ánh sáng nhiều hơn. Có tâm thanh tịnh sẽ phóng ra ánh sáng. “Cõi Quang Âm Thiên” dùng ánh sáng để diễn đạt âm thanh. Ở cõi Nhị thiền trở lên không dùng ngôn ngữ, phóng quang để trao đổi ý kiến. Người khác nhìn thấy ảnh quang đều hiểu ý nghĩa chứa đựng trong đó.*

* ***“Cõi Trời Thiểu Tịnh Thiên, Cõi Vô Lượng Tịnh Thiên, Cõi Trời Biến Tịnh Thiên.”***

Đây là ba cõi trời ***Tam Thiền*** gọi là ly hỷ diệu lạc địa, tâm địa thanh tịnh hơn cõi Nhị Thiền. Còn gọi là cõi “Tịnh thiên”.

* *“****Cõi Trời Phước Sinh Thiên, Cõi Trời Phước Ái Thiên, Cõi Trời Quảng Quả Thiên,***

***Tứ Thiền*** *có chín cõi. Ba cõi trên là ba cõi thông thường ở cõi Tứ thiền. Còn gọi là cõi Phước Thiên. Ba cõi này không còn Tam tai. Hỏa tai có thể thiêu đến cõi Sơ Thiền, Cõi Nhị Thiền thì có Thủy Tai và Phong tai, Cõi Tam Thiền tâm địa Thanh Tịnh nhưng vẫn còn chịu Phong tai. Cõi Tứ Thiền mới mà cõi đầy đủ phước báo, chẳng có Tam Tai.*

*Dân chúng cõi này tu Thiền định và tu Tứ Vô Lượng Tâm (Từ, Bi, Hỷ, Xả).*

* ***Cõi Trời Nghiêm Sức Thiên, Vô Lượng Nghiêm Sức Thiên, Nghiêm Sức Quả Thực Thiên, Cõi Trời Vô Lượng Thiên***
* ***Cõi Trời Vô Phiền Thiên, Cõi Trời Vô Nhiệt Thiên, Cõi Trời Thiện Kiến Thiên,Cõi trời Thiện Hiện Thiên, cõi Sắc Cứu Cánh Thiên...***

*Thông thường còn được gọi là* ***“Ngũ bất hoàn thiên”.*** *Còn được gọi là Tịnh Cư Thiên. Tiểu thừa Tam Quả trụ ở cõi này. Tứ thiền được gọi là cõi Phàm Thánh đồng cư độ. Cõi Phước Sinh, Phước Ái, Quảng Quả và Vô Tưởng là trời của của phàm phu, thiên nhân ở bốn cõi trời này chẳng nhìn thấy thiên nhân ở cõi Trời tịnh Cư. Trong Kinh Điển Đại thừa có nói Phàm Thánh Đồng Cư Độ có ba chỗ: Một là thế giới Sa Bà của chúng ta, Phật, Bồ tát, A La Hán, ứng hóa ở cõi này để độ chúng sinh, nhưng chúng ta không nhìn thấy, không nhận ra các Ngài .Thứ hai là Trời Đâu Suất là cõi Trời thứ tư trên cõi trời Dục Giới, nội viện Đâu Suất là đạo tràng của Di Lặc Bồ Tát, thiên nhân ở cõi Trời Đâu Suất chỉ nghe nói, chứ chẳng nhìn, chẳng thấy được khu nội viện. Thứ ba là trời Tịnh cư ở cõi Tứ Thiền.*

* ***Ma Hê Thủ La Thiên***

Cõi trời này được liệt kê riêng, Ma Hê Thủ La là thượng thủ của thiên nhân cõi Tịnh Cư.

* ***Cho đến Phi Tưởng Thiên,***
* ***Phi Phi Tưởng Xứ Thiên***:

 Phi phi tưởng xứ Thiên là cõi trời thuộc cõi ***Vô Sắc Giới***. Vô sắc giới bao gồm bốn cõi trười: vô biên xứ , thức vô biên xứ, vô sở hữu xứ và phi tưởng,phi phi tưởng xứ. Vô sắc giới là không còn hình sắc, chỉ còn tâm tưởng.

* ***Không vô biên xứ:*** ra khỏi sắc giới thì vào không xứ, tâm duyên hư không chẳng có sắc tướng. Lên đến cõi này, tâm tưởng của chúng sinh bao la rộng lớn, trùm vô lượng, vô biên thế giới. Nhưng vẫn trong phạm vi của Thế giới Sa Bà.
* ***Thức vô biên xứ***: cõi này tuổi thọ và phúc báo cao hơn cõi không vô biên xứ. Đây là cảnh giới của ngoại đạo.

Ở cõi này không cũng xả bỏ. Không và sắc là hiển hiện tương đối cho nên hư không, chẳng chắc thật. Họ xả luôn Không, xả Không rồi vẫn còn Thức tồn tại. Chỗ họ duyện vào được gọi là Thức xứ. Thực ra, xả Không là chẳng chấp vào Không, chứ không phải là thực sự xả bỏ Không. Chẳng còn chấp trước tướng Không. Ý niệm Không và Sắc đối lập nhau trong tâm chẳng còn nữa. Lúc đó còn Thức nên gọi là Thức xứ.

* ***Vô sở hữu xứ:*** người tu hành đến mức phát hiện Thức vẫn là chuyện phiền phức, vẫn chưa rốt ráo. Thức chính là phân biệt. Phân biệt cũng xả luôn lên gọi là vô sở hữu xứ.
* ***Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ:*** Thọ mạng của cõi này đến tám vạn đại kiếp. Một đại kiếp bằng hai mười trung kiếp, một trung kiếp bằng hai mươi tiểu kiếp, một tiểu kiếp bằng mười sáu vạn bảy trăm chín mươi tám năm. Như vậy, tám vạn đại kiếp bằng Năm mươi ba vạn, bảy trăm lăm mười ba nghìn, sáu trăm năm. (8 vạn đại kiếp =53.753.600.000 năm.)

Khi Thái tử Tất Đạt Đa ngài xuất gia rồi trở thành một vị Sa Môn, đi tham học từ các vị Thầy giỏi nhất lúc đó. Các vị này đạt đến cảnh giới thiền định cao nhất cũng chỉ là Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ. Thấy rõ rằng đây chưa phải là rốt ráo, vẫn chưa đưa Ngài thoát khỏi luân hồi sinh tử, vẫn ở trong Tam Giới. Dù có thọ mạng đến 8 vạn đại kiếp thì vẫn rời vào luân hồi.

Đức Phật không muốn đệ tử của mình cầu phúc báo nhân thiên, mà phải cầu về Tây Phương Cực Lạc thế giới, hoặc tu chứng quả A La Hán rồi nhập Niết Bàn ngay tại cõi này. Hay ít nhất cũng chứng được Tam Thánh Quả.

Tam thánh quả gồm: Tu Đà Hoàn – Thất Lai tức bảy lần sinh lại nhân gian hoặc sinh ở cõi Trời nữa là sẽ chứng quả A La Hán, nhập Niết Bàn.

Nhị Quả Tư Đà Hàm – Nhất Lai tức chỉ một lần sinh nữa là chứng quả A La Hán.

Tam Quả A Na Hàm – Bất Lai, không phải sinh lại nhân gian, vị này sinh thẳng lên cõi Phi Tưởng, Phi Phi Tưởng Xứ, thọ hết tám vạn đại kiếp rồi chứng quả A La Hán rồi nhập Niết Bàn ở đây.

*Đức Phật ra đời để cứu vớt chúng sinh, khiến chúng sinh nhận được Phật tánh, biết rằng mình cũng có thể thành Phật. Giáo Pháp của Ngài, xét cho cùng, một cách rốt ráo không phải để tu tập rồi trở lại nhân gian hay hưởng phước báo trên cõi trời hoặc thọ đến tám vạn đại kiếp. Giáo pháp của Ngài đưa chúng sinh đến Vô Thượng Bồ Đề. Chúng ta phải ghi nhớ lời dạy của Đức Phật, cầu sinh Tây Phương, nương vào bản nguyện của A Mi Đà Phật rốt ráo thành Phật. Nếu Tam Giới còn chẳng bền vững thì chi bằng về Tây Phương, về đó rồi thì lại quay trở lại cõi này giáo hóa chúng sinh. Có niềm tin chân thành, nỗ lực tu hành, rồi sẽ thành tựu.*

---------------------------

***Giảng Kinh Địa Tạng Bài số 8***

Hôm nay, chúng ta tiếp tục nghiên cứu Bộ Kinh Bản Nguyện Của Bồ Tát Địa Tạng

Khi đã phóng ra các đám mây và các tiếng vi diệu chư Phật Bồ tát ở khắp mười phương huân tập, sau đó là các cõi trời, rồng,... tiếp theo là các vị thần. Chúng ta vào Phần văn kinh:

***“ Lại có các vị thần như: Thần Sông, Thần Bể, Thần Sông Cái, Sông Con, Thần Cây và Thần Núi, Thần Đất và Thần Ngòi, Thần Trầm, Thần Lúa Mạ, Thần cai ngày, cai đêm, Thần trên không, trên Trời, Thần coi sự ăn uống, Thần của các Cây Cỏ... ở các nước phương khác và ở cõi Sa Bà, thảy đều đến pháp hội, một lòng muốn nghe pháp.****”*

Các vị thần này không phải là các vị thần thông thường chỉ có một chút phước báo, công đức. Thưc ra, các vị đều là các Bồ tát thị hiện, ít nhất là quả vị bất thoái chuyển trở lên. Chúng ta nhớ là các đại chúng huân tập về pháp hội ở đây chỉ dành cho các vị có phước báo, công đức lớn. Các vị Thánh đệ tử của Đức Phật còn không có mặt trong pháp hội này. Đủ hiểu nếu là quỷ thật thì không thể nên dự đại hội được. Quỷ thì đâu có phước báo nhiều đến thế.

***Thần sông***: Hà Bá, thường các vị hay hóa thân vào tứ linh, hóa ra rùa và cá chép là nhiều hơn cả.

Tôi từng đọc một bài báo viết về một câu chuyện xảy ra ở Đài Loan.

 *Có một vị phật tử trên đường đi công tác, gặp một người dân chài bắt được một con rùa rất lớn. Ông bỏ hết tiền để mua cứu mạng con rùa đó. Ông viết tên của mình lên mai rùa và còn ghỉ cẩn thận đây rùa phóng sinh, để người khác lỡ có bắt chúng thì cũng phải thả ra , không dám làm hại. Mười bảy năm sau, người con trai duy nhất của ông đi du lịch, không may gặp một cơn gió lốc. Gần như người đi trên thuyền đều thiệt mạng. Riêng người con trai, khi lênh đênh trên dòng nước thì bỗng cảm thấy có một con vật rất lớn cõng mình lấy mình. Khi người ta trông thấy con rùa và người con trai đó, thì anh ta và con rùa đều được cứu lên bờ. Sau khi xem xét, một điều bất ngờ đó con rùa này chính là con rùa bố anh đã cứu mạng năm xưa. Đây là sự linh ứng giữa người và vật. Mười bảy năm, vết chữ không bị phai nhòa mặc dù con vật sống ở dưới nước. Vết chữ ở đây không phai, hay nhân quả không phai nhòa, trồng nhân lành sẽ được gặp quả lành, quả thiện lành có khi không hiện ngay khi bạn làm thiện, mà sẽ đến vào lúc nguy cấp và bất ngờ nhất?. Có lẽ người Phật tử kia chỉ muốn cứu con rùa thoát chết thôi, ông không cần một ngày nào đó ông sẽ được trả ơn cả. Nhưng con rùa đã đến và trả ơn ông khi có tai nạn xảy ra với gia đình ông.*

*Cũng tại Trung Quốc, khi người ta thì công xây đập thủy điện, thì người dân trong khu vực, bắt được con cá rất lớn, nặng đến gần một tạ. Người trong làng đã không phóng sinh chú cá này mà đem về. Ngay đêm hôm đó đường ở núi đó sạt xuống một lớp như hình một con cá chép. Đây là một điềm báo không tốt cho dân làng nơi đó. Như vậy để thấy rằng những loài vật đã sống chung lâu đều có linh tính, đôi khi là hóa thân của các vị thần, thánh mà ta không biết.*

Các vị thần lên cung trời Đao Lợi, họ đều là hóa thân của các vị Bồ tát. Các vị Bồ tát mới đủ phước báo mới sinh lên cõi trời như vậy.

Như trong kinh Diêu Pháp Liên Hoa. Người nào cần dùng thân Phật để độ thoát thì Quan Thế Âm Bồ Tát hiện ra thân đó để thuyết pháp. Và các vị thần Sông, thần Bể, cả các con vật. Khi cùng là sự hiện diện của Bồ tát thị hiện làm thân đó để cứu vớt chúng sinh ở các cõi đó.

***Rồng:*** là loài cũng có phước báu, từ các vị Long vương cho đến các con cháu của loài rồng. Phúc báo của loài này còn nhiều hơn so với con ngườivà gần ngang bằng cõi trời Đao Lợi. Cung điện, lầu gác cũng rất đẹp. Duy chỉ còn nghiệp tham nên loài này có cái khổ khi ăn. Dù thức ăn ngon thế nào, nhưng miếng cuối cùng cũng hóa thành bùn. Loài này rất thân cận Phật, muốn cầu pháp để sớm thoát khỏi cõi này. Trong kinh Pháp Hoa nói: có tám vị Long vương. Cung của Long vương trụ ở cõi khác không cùng cõi người

***Thần Sông cái, Thần Sông con:*** sôngcái chỉ cho sông lớn. Vị thần ở sông lớn này cai quản và có quyền lực hơn các vị thần sông nhỏ.

***Thần Cây và thần Núi:***

Các vị thần cây cũng có những cấp bậc khác nhau. Linh thiêng nhất là các cây đại thụ. Các vị thần này tên là Mộc Tinh, họ tu nhiểu năm có thể hàng nghìn năm có thần thông nhiều, có thể biết được kiếp trước và kiếp sau của người khác.

Thần Núi còn gọi là Sơn thần. Núi lớn có vị thần linh cấp cao, núi nhỏ có những vị sơn thần nhỏ. Như núi Tản Viên thờ Đức Thánh Tản, Ngài là đệ nhất quốc thần ột trong tứ bất tử của Việt Nam. Núi Tản được coi là núi tổ của trong các dãy núi ở nước ta. Đức Thánh Tản gọi là Sơn thần, các vị Sơn thần khác trong nước đều là cấp dưới của Ngài.

***Thần Đất***: chúng ta gọi hay gọi là Thành Hoàng. Các quan lớn từ quan huyện trở lên, đặc biệt khi họ có công với vùng đó thì họ được phong là Thành Hoàng sau khi họ mất đi. Họ thực sự là những bậc có phước báu. Mỗi vị đều có phần chức trách làm những nhiệm vụ của mình, vừa để đảm bảo an ninh, yên ổn ở cả cõi âm và cõi dương vừa để hóa độ chúng sinh giúp chúng sinh dần dần được giải thoát.

***Thần Cai ngày, Cai đêm:*** các vị này bảo vệ an ninh cho chúng sinh

***Thần Trên Không Trên Trời*** : bảo vệ loài người tránh được Dạ Xoa, La Sát.

***Thần Coi Sự Ăn Uống:*** vị thần này coi quản sự ăn uống của các chúng sinh. Ai đã từng đọc Liễu Phàm Tứ Huấn thì cũng nhớ rằng: Khổng tiên sinh đoán số cho Viên Liễu Phàm từng miếng ăn, ngụm nước đều chính xác. Đó là vì phước báo của ông đã được định sẵn như vây. Vị thần coi sự ăn uống ở đây là người phân chia định lượng từng miếng cơm ngụm nước này vậy.

*Trong Phật giáo có một vị coi sự ăn uống Tân Đầu Lâu Tôn Giả. Vị này thời Đức Phật được Chư Thiên cúng dàng rất nhiều ai nhìn thấy cũng đều sinh tâm cúng dàng Ngài. Cúng dàng đồ ăn, thức uống cho một vị A La Hán thì được phúc đức rất lờn. Ngài được Đức Phật giao cho ở lại đời, nhận sự cúng dàng của tín đồ và cai quản sự ăn uống của Tăng Ni phật tử chúng ta. Để cho những ai khi cúng dàng Trai Tăng, cúng vật thực....họ có được công đức lớn. Ngài còn được gọi là Giám Trai.*

***Thần Cây Cỏ*** các vị thần này đều là hiện thân Bồ tát.

***Các Vị Chúa Quỷ:***

***Ác Mục Quỷ Vương:***

Quỷ Ác Mụclà loài quỷ có mắt rất dữ tợn. Trong sách của Hoàng Tán Đại sư có viết: nếu loại Quỷ này tức giận lên thì người bị nhìn sẽ trúng độc. Nhìn cây cây chết, nhìn suối suối cạn. Bồ tát hiện thân làm Ác Mục Quỷ Vương làm thân phẫn lộ, ác độc để phạt và răn đe những người có tội.

*Như quý vị vào trong chùa hai bên Tam bảo có hai ông Hộ Pháp. Một ông rất hiền lành, từ bi. Một ông thì mặt đỏ phừng phừng rất nghiêm nghị. Trong đạo Phật có Từ mà cũng có Nghiêm. Tùy theo căn tính chúng sinh mà Phật và Bồ tát ứng hiện hiền hòa hay dữ tợn để giáo hóa họ. Ví dụ như trong khi điều tra phá án, những cảnh sát điều tra đối mặt với những kẻ giết người cướp bóc rất rã man. Vì tham lam, sân hận mà họ mất hết cả nhân tính. Khi bị bắt họ rất ngoan cố. Họ không chịu nhận tội lúc này công an điều tra tội phạm không thể dùng mãi những lời từ hòa để đối đãi với họ, khi ấy phải dùng cách khác. Những vị dày dặn kinh nghiệm trong phá án, họ có đôi mắt rất tinh tường. Họ biết khi nào phải khoan dung, khi nào phải cứng rắn để đối phó với tội phạm.*

***Đạm Huyết Quỷ Vương***: quỷ Đạm Huyết thích ăn máu huyết của nạn nhân, chúng không ăn theo kiểu uống máu mà chúng ta có thể nhìn bằng mắt thường mà ăn bằng tâm thức. Những nơi thường xảy ra tai nạn giao thông mà chúng ta hay gọi là điểm đen; hoặc những nơi giết mổ đều hay có loại quỷ này trú ngụ.

*Cách chùa chúng ta khoảng 5 kilômét, trên đoạn đường quốc lộ trước đây cũng có một điểm đen về giao thông. Mỗi năm tại vị trí quanh đó xảy ra rất nhiều vụ tai nạn, sau này có vị lập lên một ngôi chùa ở đó. Từ khi có vị Thầy tăng đến lập lên một ngôi chùa ở đó thì tai nạn không còn xảy ra nữa. Một thời gian sau, thì lại xuất hiện một điểm đen khác cách điểm đen cũ khoảng 10 kilômét. Những người bị chết trong tai nạn, những quỷ hút máu khi họ có tập tính và thói quen đã ăn sâu. Họ bám chấp và khó siêu thoát muốn tìm một người để họ thế thân, muốn ngửi mùi máu thì khi chưa biết hướng thiện chưa hiểu nhân quả, họ vẫn tiếp tục tụ tập lại để tạo ra những nơi như vậy.*

*Tôi từng đọc về một câu chuyện trong Thiền tông, kể về một vị thiền sư tu hành đã lâu. Vị ấy có phần tu chứng được Thiên nhãn, Thiên nhĩ, Tha tâm thông. Một hôm khi nhập định, ông nghe thấy hai con quỷ nói chuyện với nhau. Con quỷ này nói với con quỷ kia:*

* *Ngày mai nó sẽ được thoát kiếp quỷ, tầm giờ như thế như thế sẽ có một người đi qua suối. Đầu người đó đội một chiếc chảo. Con quỷ sẽ giết người đó và sẽ thế thân người đó.*

*Vị thiền sư nghe thấy vậy, hôm sau ngài ra bờ suối sớm. Sau khi trời mưa to, ngài thấy một người đầu đội chảo và định lội qua suối. Ngài dùng phương tiện khuyên người kia đừng đi đường đó nữa và người đó được thoát chết. Con quỷ kia thực ra là một người từng bị chết đuối ở chính dòng suối ấy. Đêm hôm đó khi nhập định, vị thiền sư lại nghe thấy hai con quỷ bàn với nhau. Con quỷ là người từng bị chết đuối kia rất tức giận, nó nói sẽ tìm vị thiền sư để báo thù và cần sự giúp đỡ. Vị thiền sư lúc đó nghĩ : nếu hai con quỷ này đều có thần thông thực sự thì khi chúng hợp sức với nhau ngài không đủ định lực để chống lại chúng. Lúc đó vị thiền sứ liền nhất tâm niệm Phật trong am của mình. Hai con quỷ đến tìm ngài chúng đi nát cả cỏ ở ngoài am mà không thể tìm ra cái am và vị thiền sư đó. Sau đó vị thiền sư liền rời am và không trở lại đó lần nào nữa. Chúng ta thấy thế giới tâm linh là như vậy đấy. Khi chưa đủ công đức, định lực tu hành quý vị phải hết sức cẩn thận. Như ở trường hợp trên vị thiền sư thấy tự lực rất khó để thoát nạn, nhưng khi nương vào thần lực cảu Chư Phật bằng câu niệm Phật rồi thì vị sư đó mới được thoát nạn. Trong thời mạt pháp này, tội nghiệp của chúng ta quá nặng nề, căn cơ thì không thuộc hàng thượng căn đại trí. Còn chờ gì nữa mà không nương vào A Mi Đà Phật cầu sinh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới để mau chóng thành tựu quả Bồ đề*.

Vị Đạm Huyết Quỷ Vương trong bản kinh này, tất nhiên cũng là hóa thân của một vị Bồ tát. Và vị này cũng không ăn thịt uống máu của chúng sinh nhưng loài Quỷ Đạm Huyết thì có. Như cùng thì gọi là người, có những người thuần thiện thuần tịnh không bao giờ sát hại, nhưng có những người sát hại chúng sinh vô số để thỏa mãn ham muốn của mình. Đức Phật thị hiện vào cõi người để cứu độ chúng sinh dạy cho chúng ta biết tu nhân tích đức, học đạo giải thoát cứu độ chúng sinh thì vị Đạm Huyết Quỷ Vương này cũng vậy, Ngài thị hiện vào cõi Quỷ để hóa độ cho các chúng sinh.

***Đạm Tinh Khí Quỷ Vương:*** Tinh là dạng năng lượng trong cơ thể chúng ta gọi là tinh khí, khí huyết của con người. Những người ngồi thiền theo ngoại đạo, luyện khí công để chữa bệnh. Tu hành ngồi thiền sai pháp thì sẽ làm miếng mồi ngon cho quỷ ăn máu huyết. Ngồi thiền xuất thần đi nơi khác, chữa bệnh bằng năng lượng. Khi họ tu sai pháp thì cơ thể rất dễ bị mất cân bằng âm dương, người đó dễ rơi vào trạng thái suy kiệt tinh thần sức khỏe cũng bị kiệt quệ. Tu hành nhất là ngồi thiền phải có thầy hướng dẫn nếu không thì sẽ lợi bất cập hại vậy.

***Đạm Thai Noãn Quỷ Vương:***

Trong thế giới chúng ta có bốn loại sinh: thai sinh, noãn sinh, thấp sinh, hóa sinh. Có các loài sinh thai “sinh con’’ như loài người, động vật...Có các loài đẻ trứng như các loài bò sát, loài lông vũ... Các loại thấp sinh thì sinh ở môi trường ẩm ướt, bẩn thỉu....Còn Hóa sinh thì có hai đường, bậc thấp thì có cõi địa ngục, ngã quỷ. Bậc cao thì có cõi Trời.

Mỗi khi có loài vật nào sinh nở thì Quỷ ăn Thai Noãn, chúng có mặt ở đấy vì chúng thích mùi máu tanh hôi...Chúng ta thấy dơ nhưng chúng lại rất thích. Mỗi loại tùy theo nghiệp báo mà có sự khác biệt.

*Trong Kinh Địa Tạng có nói, ở cõi nhân gian, khi có người sinh nở, thì thổ địa nơi đó đến hộ trì khiến cho hai mẹ con được bình an. Nhưng người thân của họ không biết, lại tiệc tùng ăn uống, sát sinh hại vật. Vì đó mà các vị thổ địa tức giận bỏ đi, lúc đó thì loại quỷ trên sẽ đến, thỏa sức gây hại cho mẹ con người đó. Khiến người mẹ không còn bình an mà sinh nở nữa.*

**Hành Bệnh Quỷ Vương**: Ở thế gian, nhiều người có sức khỏe rất tốt, hầu như không bị bệnh tất, đó là phước báo của họ. Nhưng họ lại không biết tận dụng mà dùng sức khỏe của mình áp bức người khác, loại khác. Lúc đó, Hành Bệnh Quỷ Vương- Ngài là một vị Bồ Tát thị hiện sẽ khiến cho người đó phản tỉnh lại. Có thể là một căn bệnh thập tử nhất sinh. Sau khi bị bệnh như thế mới biết tụng kinh, niệm Phật, biết phóng sinh, tu phước, làm việc thiện...Đó là một cách hóa độ chúng sinh của các Ngài. Trong Luận Bảo Vương Ta Muội nói “Đừng sợ đau ốm, vì đau ốm là một phương thuốc thần dược là vậy”.

**Nhiếp Độc Quỷ Vương**: Ngài hút khí độc để cứu vớt chúng sinh.

**Từ Tâm Quỷ Vương**: Vị Quỷ Vương này dùng tâm từ để giúp đỡ, cứu vớt chúng sinh.

**Phúc Lợi Quỷ Vương**: Các vị Quỷ Vương này khi thấy chúng ta làm được việc thiện thì các Ngài sẽ ban phước cho chúng ta trong phạm vi của các Ngài.

**Đại Ái Kính Quỷ Vương**: là vị quỷ vương có lòng yêu thương, kính trọng với tất cả muôn loài, muôn vật. Và cũng đem cái đó truyền dạy cho người khác, mong chúng sinh cũng có sự ái kính, cung kính như các Ngài.

*Ngoài ra còn các Quỷ Vương khác cùng đến tham dự pháp hội.*

**Giảng Kinh Bản Nguyện Của Bồ Tát Địa Tạng Phần 9**

Hôm nay, chúng ta tiếp tục học và nghiên cứu Bồ Kinh Bản Nguyện Của Bồ Tát ĐịaTạng.

Qua tám bài giảng chúng ta đã được nghiên cứu về sáu pháp thành tựu trong kinh.

Thứ nhất là: Tín Thành Tựu.

Thứ hai là : Văn Thành Tựu.

Thứ ba là: Thời thành tựu ,

Thứ tư là Chủ thành tựu

Thứ năm là chốn thành tựu.

Thứ sáu là chúng thành tựu.

Qua hết phần lục chủng thành tựu trên, Đức Phật mới bắt đầu thuyết kinh Địa Tạng.Trước khi vào phần chính Kinh để đại chúng hiểu rõ hơn. Chúng ta sẽ nghiên cứu qua sự thành tựu của các cõi. Trong Kinh Hoa Nghiêm, Đức Phật nói vạn sự, vạn vật đều xuất phát từ Diệu Tâm.

Bốn câu kệ trong kinh Hoa Nghiêm như sau:

|  |  |
| --- | --- |
| *“Nhược nhân dục liễu tri**Tam thế nhất thiết Phật**Ưng quán pháp giới tính**Nhất thiết duy tâm tạo”.* | *Nếu người muốn biết rõ,**Các Đức Phật ba đời,**Nên quán pháp giới tính,**Hết thảy do tâm tạo.* |

***Khi “quán tính pháp giới” thì sẽ thấy “nhất thiết duy tâm tạo”.***

Nếu như quan sát chỉ là sự xem xét, theo dõi bằng mắt thì quán sát là quán chiếu bằng tâm. Quán ở đây là quán tính pháp giới bao la, mênh mông, trùng trùng, điệp điệp, không có khởi đầu, không có kết thúc. Tính của pháp giới là vô tướng. Tất cả đều do Tâm tạo. Quan trọng là Tâm này là Tâm như thế nào. Trong khai thị ở Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm, Ngài Trung Phong dạy có ba tâm. Một là Nhục Đoàn Tâm tức là trái tim bằng máu thịt của ta. Thứ hai là Duyên Lự Tâm, hay vọng tâm, tâm này là tâm theo duyên mà sinh, suy nghĩ loạn động, lúc yêu, lúc ghét, so đo, phán xét...Hầu hết chúng ta đều sống với loại tâm này. Thứ ba là Linh Chi Tâm, hay chân tâm, đây chính là tánh Vô Lượng Quang, Vô Lượng Thọ, Vô Lượng công đức. Nói cách khác, Linh Chi Tâm là Tâm linh minh, sáng suốt, tại thánh không tăng, tại phàm không giảm. Tâm Phật với Linh Chi Tâm chính là một. Mười phương Chư Phật đều từ một tâm này mà thành. Khi thành Phật rồi Chư Phật sẽ đồng một thể, đây là thể tánh thanh tịnh, bình đẳng, bất sanh, bất diệt.

**Vạn pháp duy tâm**: Tất cả các pháp trong tâm, do tâm biến hiện. “Duy Tâm sở hiện, Duy Thức sở biến”.

*Tâm là gốc của sự phân biệt về thế giới hiện tượng, sự vật. Tâm là điểm tựa cho vạn hữu phơi bày. Tâm là một tổng thể bao gồm hai mặt: chân như (thuộc bản thể) và sinh diệt (thuộc hiện tượng). Tâm, Phật, chúng sanh là ba không sai biệt. Mê là chúng sanh, Ngộ là Phật. Ngoài Tâm không có chúng sanh cũng không có Phật. Các sự vật chỉ hiện hữu như một quá trình nhận thức, chứ không phải một vật thể.* (Từ điển Phật học)

Khoa học ngày nay nói: vật chất được cấu tạo từ phân tử, phân tử lại được cấu tạo từ các nguyên tử, nguyên tử lại được cấu tạo từ các hạt mà cơ bản là proton, nơtron và electron. Các hạt cơ bản này đã là những hạt vô cùng nhỏ. Theo khoa học, chúng lại còn được hình thành từ các nhỏ hơn nữa là hạt quark. Một số nhà nghiên cứu cho rằng hạt quark tương đương với thứ cực kỳ nhỏ bé mà nhà Phật gọi là hư trần hay lân vi trần, hoặc gọi là điển quang.Chúng ta từng đọc qua thí nghiệm về nước của tiến sĩ Giang Bổn Thắng, khi cho nước nghe những lời từ hòa, khen ngợi chúng, nói lời yêu thương với chúng, chúng kết tinh rất đẹp. Hướng tâm giận dữ tới chúng, nói những lời mắng chửi, phê phán, trách móc, nghe nhạc kích động, chúng kết tinh vô cùng xấu. Niệm A Mi Đà Phật cho nước nghe, thì chúng kết tinh hình lục giác, như một chiếc bùa hộ mệnh. Thật kỳ diệu! Vì thế mà Đức Phật khuyên chúng ta hãy nghĩ điều lành, nói điều lành, và làm điều lành. Cơ thể chúng ta hơn 70% là nước. Những gì chúng ta nghe, xem, đọc, tiếp xúc hằng ngày rất ảnh hưởng với chúng ta. Việc Niệm danh hiệu Bồ Tát, Phật, việc tụng kinh, lễ sám, thực sự có ảnh hưởng đến tâm thức chúng ta rất lớn. Nếu quý vị trì tụng kinh Địa Tạng nói riêng , hoặc bất kỳ Kinh Điển Đại Thừa nào nói chung, mà trước ban thờ để một chén nước lên, vừa để tỏ tấm lòng chân thành, tâm thanh tịn của mình, vừa coi như để nước đó nghe ta tụng kinh Niệm Phật, thì đảm bảo nước sẽ kết tinh rất đẹp khi được soi lên kính hiển vi. Nếu nước bên ngoài được nghe và kết tinh đẹp như vậy, thì nước trong cơ thể chúng ta cũng được rung động và kết tinh đẹp như không khác. Điều này lý giải vì sao, có những người Niệm Phật mà chữa được khỏi bệnh, ung thư cũng khỏi. Vì câu Niệm Phật, vì giáo lý đại thừa, chuyển hóa thân tâm họ. Khi tâm tịnh sạch, từ bi, hỷ xả thì thân cũng tướng ứng như vậy. Thân tâm là 2 mặt không thể tách rời. Một là tướng, một là tánh. Tánh tướng không hai.

Khoảng hơn 10 năm trở lại đây khoa học đã chụp ảnh được màu sắc, ánh sáng do con người phát ra. Những người bị bệnh, dải màu sắc khi chụp họ sẽ khác với dải màu của người khỏe mạnh. Người bình an, tâm thiện sẽ có màu khác với người sân giận, si mê. Những điều trên chúng ta có thể cảm nhận bằng mắt thường. Nhưng dưới góc độ khoa học, chúng ta có bằng chứng và khách quan hơn. Hào quang của Đức Phật phóng ra, chúng sinh có thể cảm thấy rất an bình, sáng suốt, mát mẻ. Chúng sinh chỉ thấy an vui, mát mẻ.... Đó là do công đức tu hành của Ngài đã viên mãn mà vậy.

Chúng ta khi được tiếp xúc với những vị tu hành chân chính, chúng ta cũng cảm thấy không khí rất nhẹ nhàng, bạn không thây sợ hãi gì cả. Đó là công đức, đó là hào quang của các vị ấy có được. Nụ cười của các vị là nụ cười giải thoát, cái nhìn của các vị có thể tiếp thêm sức mạnh cho quý vị tinh tấn tu hành, lời nói của họ có thể khiến bạn tinh tấn, quyết tâm của mình. Và quý vị thấy chúng bằng sự cảm nhận từ Tâm của mình, điều này rất khoa học, không mê tín chút nào cả.

Trở lại phần hình thành vật chất. Các hạt lân vi trần, hay điển quang chuyển động rất nhanh, nhanh hơn tốc độ của ánh sánh nhiều lần. Chúng ta nhớ lại các nhà khoa học hiện đại cũng khẳng định rằng: “vật chất là năng lượng cô đọng và năng lượng là vật chất pha loãng”. Như vậy, Bảy đại là Địa Đại, Thủy Đại, Hỏa Đại, Phong Đại, Không Đại, Thức Đại, Kiến Đại đều bắt nguồn từ Tâm mà ra.

Tâm đó chỉ cho một phần Nhục Đoàn Tâm, Duyên Lự Tâm và chủ yếu là từ Linh Chi Tâm. Linh Chi Tâm tiến lên thành quang minh, quang minh hay còn được gọi là hào quang. Đức Phật, Bồ tát các Ngài đã quay trở về sống hoàn toàn với chân tâm, tức là cái tâm Linh Minh Trạm Tịch, nên cảnh giới của các Ngài rất thanh tịnh, Trang Nghiêm. Thân thể các Ngài phát ra hào quang. Bài tán Phật Mi Đà có câu: “Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di”. Lông trắng giữa trán của Phật A Mi Đà phóng hào quang lớn như núi Tu Di vậy. Đây là tướng bạch hào, một trong 32 tướng tốt của Đức Phật. Cõi nước của Đức Phật A Mi Đà mới bằng 7 báu trang nghiêm, nước tám công đức vv...Còn chúng ta do sống chủ yếu bằng Vọng Tâm, Tâm phan duyên, tâm đầy phiền não nên cảnh giới của chúng ta mới ô trược.

Khi mới vào trong bụng mẹ, phải có thần thức đi vào thì tinh cha, huyết mẹ mới kết tụ lại để thành bào thai. Bắt đầu như hạt sương, rồi đặc như sữa, sau đó các bộ phận mới được hình thành.

Lông, tóc, móng, xương thì thuộc địa đại.

Máu, chất nhầy....thì thuộc Thủy đại.

Nhiệt lượng trong cơ thể thuộc Hỏa đại.

Hơi thở thuộc phong đại.

Và có khoảng không nên vạn sự, vạn vật mới tăng trưởng được đây là thuộc về Không Đại.

Về Thức đại: lúc nhập thai, A Lại Da Thức vào trước.

Trong thời gian thai được hình thành, khi người mẹ ăn quá nóng, đứa trẻ như trong ngục hỏa thiêu, người mẹ ăn quá lạnh thì như trong ngục băng giá. Mẹ ăn lo thì đứa bé như 2 ngọn núi bị ép chặt....Rất khổ, nhưng muốn ra cũng không thể ra được vì vẫn phải đủ ngày đủ tháng.

Trong Kinh Đức Phật dạy, người mẹ thời gian này phải giữ gìn thai giáo, thế nào là giữ gìn thai giáo. Rất nhiều người không hề quan tâm đến vấn đề này. Thực ra họ không biết, họ cứ nghĩ khám sức khỏe tốt là tốt, cứ nghĩ tẩm bổ nhiều là tốt. Nhưng đôi khi nghĩ là tốt mà lại sai lầm.

Trong kinh Địa Tạng Đức Phật nói nếu thời gian này, Người thân vì đứa trẻ mới sinh mà đọc tụng thọ trì, bộ kinh này trong vòng bảy ngày trước khi sinh, thì nghiệp chướng của đứa bé được tiêu trừ, được tăng thêm phước báo. Sinh ra là người hiền đức, trí tuệ thông minh, sáng suốt. Còn kinh Phổ Môn thì nói, nếu tụng kinh Phổ Môn và trì niệm danh hiểu Bồ Tát Quán Âm thì đứa bé sinh ra là trai thì khôi ngô, khỏe mạnh, tài đức, con giá thì đoan chánh, hiền thảo vì trước kia đã trồng cội đức. Có những đứa trẻ vào gia đình quý vị, chúng báo oán, chúng đòi nợ, nhưng quý vị đã vì chúng mà đọc tụng kinh điển, gieo những chủng tử thiện vào tâm thức chúng từ khi chúng còn trong trứng nước. Thì nghiệp chướng của chúng tiêu trừ rồi, sinh ra chúng sẽ hiếu thảo, biết đền ơn công sinh thành, dưỡng dục của quý vị.

Con người thì như vậy, còn thế giới chúng ta được hình thành thế nào? Chúng ta nên biết.

Từ trong những lớp đại địa, lớp đại địa trên cùng đỡ một ***biển thơm*** tên là ***Phổ Quang Ma Ni Vương Trang Nghiêm***.

Trong đó, có một ***hoa sen*** gọi ***là Chủng Chủng Quang Minh Nhụy Hương Tràng***. Bao bọc xung quanh hoa sen là ***núi lớn*** gọi là ***Kim Cang Sơn Vương***. Từ chân núi Kim Cang Sơn Vương này hướng về hoa sen Chủng Chủng Quang Minh Nhụy Hương Tràng có vô lượng, vô biên thế giới. Có ***một thế giới hải*** tên ***là Liên Hoa Tạng Trang Nghiêm***. Các thế giới chủng hợp thành từng nhóm nhiều không thể kể xiết. Mỗi nhóm có mười thế giới chủng bao bọc xung quanh nhau theo một quỹ đạo. Một trong những thế giới chủng đó là thế giới Sa Bà có Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới. Trong thế giới Sa Bà có một cõi tên là Nam Thiện Bội Châu – chính là Trái Đất mà chúng ta đang sinh sống. Thế giới chủng ấy có tên là ***Phổ Chiếu Thập Phương Sỹ Nhiên Bảo Quang Minh***, nằm trên một ***hoa sen*** có tên là ***Nhất Thiết Hương Ma Ni Vương Trang Nghiêm.*** Xung quanh hoa sen có một ***biển*** tên là ***Hương Thủy*** hay còn gọi ***là Vô Biên Diệu Hoa Quang***. Thế giới chủng ***Phổ Chiếu Thập Phương Sỹ Nhiên Bảo Quang Minh có 20 tầng, thế giới chúng ta đang sống ở tầng thứ 13.***

Trong tầng 13 cũng có hằng hà sa số các thế giới, ở đó có một cõi Phật độ gọi là Sa Bà Thế Giới.Trong Kinh A Mi Đà, Đức Phật nói rằng: Đông phương có A Súc Bệ Phật, Tu Di Tướng Phật, Đại Tu Di Phật, Tu Di Quang Phật, Diệu Âm Phật... hằng hà sa số các Đức Phật. Phương Tây có Đức Vô Lượng Thọ Phật, Vô Lượng Tướng Phật, Vô Lượng Tràng Phật... Bắc phương có Đức Diệm Kiên Phật, Nhật Sinh Phật, Võng Minh Phật... Tầng 13 có vô lượng thế giới nhỏ trong đó, có quốc độ của vô lượng các Đức Phật.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni lấy Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới làm một quốc độ, còn Đức Phật A Mi Đà lấy 21vô số cõi Phật để kết lại thành một.

Một tam thiên đại thiên thế giới bằng một nghìn trung thiên thế giới.

Một trung thiên thế giới bằng một nghìn tiểu thiên thế giới.

Một tiểu thiên thế giới bằng một nghìn thế giới.

Mỗi thế giới gồm có Tam giới : Dục Giới, Sắc Giới và Vô Sắc Giới.

***Biển Phổ Quang Ma Ni Vương Trang Nghiêm*** không bao giờ cạn vì tâm chủng chủng vô lượng vô biên của chúng sinh khắp mười phương thế giới tạo thành. Các Đức Phật cũng được sinh ra từ biển này.

***Núi Kim Cương Sơn Vương*** không bao giờ hoại.

Các thế giới nhỏ cũng có lúc sẽ mất đi như Phổ Chiếu Thập Phương Sỹ Nhiên Bảo Quang Minh tức là thế giới Sa Bà theo quy luật vận hành đó là thành- trụ- hoại- không.

Trong Kinh Hoa Nghiêm Đức Phật nói có những chủng chủng vô lượng vô biên các thế giới. Thế giới như cái đĩa, thế giới như hình tháp, có thế giới như quả trám. Mỗi thế giới có hình thù khác biệt, trong đó thế giới Sa Bà giống như quả táo. Đầu tiên là một khoảng không rộng lớn, bắt đầu có những trận mưa thiên hà, do các địa chủng ở trong khoảng không va vào nhau, nổ tạo nhiều hạt bụi trong không trung. Gặp những trận mưa, trải qua thời gian đầu của 20 tiểu kiếp, kết thành tạo thành một trận đại hồng thủy. Nước mưa ngập lên cõi Nhị thiền, khi nước rút đi, các hạt bụi nhỏ cô vào nhau tạo thành Trái Đất. Tuy nhiên vẫn chưa có sự sống. 20 tiểu kiếp tiếp theo các sự sống, các thảm thực vật dần được hình thành ở Trái Đất. Các sự sống từ đâu mà đến? Lại từ nhân duyên do qua các trận cuồng phong, do mưa Thiên Hà.

*Trong Kinh Đức Phật có nói đến sự hình thành của con người. Từ cõi Trời Đao Lợi và cõi Tứ Thiên Vương, hai cõi gần với Trái Đất nhất. Các vị cõi Trời ấy, khi Trái Đất hình thành, thấy Trái Đất rất đẹp, vén mây họ xuống viếng thăm. Đức Phật nói ban đầu thế giới do biển tâm tạo thành quang minh 🡪 điển quang🡪thất đại, rồi trải qua các nhân duyên tạo thành thế giới. Chúng Chư Thiên ở các cõi trên đi tới, thấy cảnh lạ và đẹp, sinh tâm yêu thích họ ăn cây trái ở đây, dần dần mất thần thông rồi không về trời được. Như vậy, thủy tổ của loài người là cõi Tứ Thiên Vương và Đao Lợi Thiên, Đại Phạm Thiên... Tiếng của người Ấn Độ cổ gọi là tiếng Phạn, đồng tiếng nói của Chư thiên trên cõi Trời.*

*Khi Đức Phật thuyết pháp, các loại chúng sinh khác đều nghe được? Vì Đức Phật dùng tiếng Phạm Âm, tiếng Chư Thiên biến khắp mười phương.*

*Đức Phật nói, thời Trái Đất mới hình thành, thóc, lúa, hoa, quả nhiều như một loại quả hoang. Từng nhóm Chư Thiên xuống đây sử dụng thức ăn đó, họ khởi lòng tham và sinh tâm lười biếng. Các nhóm Chư Thiên tích trữ đồ ăn tạo thành tư hữu từ đó. Những thức ăn tự đó vì vậy mà mất dần đi.*

Sau khi thế giới được hình thành, Đức Phật nói thời gian trụ rồi hoại, rồi không cứ như vậy theo đúng quy luật tuần hoàn của tự nhiên.

***Giảng kinh Đại Nguyện Của Bồ Tát Địa Tạng – Tập 10***

Chúng ta tiếp tục xem phần kinh văn.

...***Lúc bấy giờ, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, bảo với Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi rằng: “Ông xem tất cả Chư Phật và chư Bồ tát, cùng Chư Thiện Long, Bát Bộ, và chúng quỷ thần, ở trong thế giới này, và thế giới phương khác, ở trong quốc độ này và ở quốc độ khác, hiện đang ở nơi đây, tại cung Trời Đao Lợi. Ông có thể biết được, số lượng bao nhiêu chăng?”....***

 Vì sao Đức Phật lại hỏi Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi mà không hỏi vị Bồ tát khác? Sao Ngài không hỏi Bồ Tát Quán Âm, Bồ tát Phổ Hiền. Chúng ta khi niệm danh hiệu của các Ngài: Nam mô Đại Trí Văn Thù Bồ Tát; Nam mô Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát; Nam Mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ tát...Chúng ta thấy mỗi vị Bồ tát, có hạnh nguyện khác nhau, con đường tu tập của các Ngài khác nhau nên các vị trở “thượng thủ” trong những lĩnh vực khác nhau vậy. Trong Phật giáo Bắc truyền, Bồ tát Văn Thù là đại biểu tượng trưng cho trí tuệ viên mãn của Đức Phật. Trong Phật giáo nguyên thủy thì người đại diện cho trí tuệ lại là Ngaì Xá Lợi Phất.

Trí tuệ của Ngài Xá Lợi Phất so với trí tuệ của Đức Phật còn kém xa, nhưng trí tuệ của Đức Văn Thù so với Đức Phật thì như nhau, không khác, viên mãn như Đức Phật vậy.

*Trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Đức Phật Thích Ca giới thiệu với chúng ta Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh. Trước khi xuất gia, Ngài là một vị vua, do có nhân duyên với Phật pháp, Ngài nhường ngôi báu, xuất gia tu đạo và chứng được quả Phật. Khi chưa xuất gia, Ngài sinh được mười sáu vị vương tử, mười sáu vị vương tử này cũng theo vua cha xuất gia. Trong giáo pháp của Đức Nhật Nguyệt Đăng Minh Phật có một vị đại Bồ tát tên là Diệu Quang. Sau khi Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh nhập Niết Bàn, giáo pháp của Ngài được giao phó cho Diệu Quang Bồ Tát. Diệu Quang Bồ Tát chính là Thầy của 16 vị vương tử, và Ngài dẫn dắt mười sáu vị này tù tập theo kinh Diệu Pháp Liên Hoa, và giáo pháp của Phật. Chính vì được Diệu Quang Bồ Tát dẫn dắt theo chính pháp mà mười sáu vị vương tử này đều được thành Phật, và vị thành Phật sau cùng hiệu là Nhiên Đăng.*

*Trong lịch sử Phật Giáo, Đức Phật Nhiên Đăng còn thọ kí cho cả Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Tiền thân của Đức Phật Thích Ca lúc đó chỉ là một thanh niên đi kiếm củi, khi thấy Tăng đoàn của Đức Phật Nhiên Đăng đi khất thực, người thanh niên đó tiến sang và nằm xuống, lấy tóc của mình trải trên mặt đất, để Đức Nhiên Đăng khỏi bị lấm chân. Nhờ sự cung kính đó, người thanh niên được Đức Phật thọ ký cho sau này sẽ thành Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni. Thực ra, thân mà Nhiên Đăng Phật thụ ký cho sau này thành Thích Ca Mâu Ni Phật chỉ là một hóa thân của Đức Thích Ca ở thế giới Sa Bà mà thôi. Còn trong phẩm mười sau Như Lai Thọ Lượng ở Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Đức Phật Thích Ca đã thành Phật từ vô lượng, vô biên kiếp rồi. Chúng ta nhớ trong bài trước, Đức Thích Ca lấy Tam Thiên Đại Thiên thế giới là cõi để Ngài giáo hóa chúng sinh.( Trong đó 1000 thế giới nhỏ mới là 1 tiểu thiên thế giới, 1000 tiểu thiên mới là một trung thiên thế giới; 1000 trung thiên thế giới mới là 1 đại thiên thế giới.)*

Trong Kinh Đại Bảo Tích, Đức Phật nói Ngài Văn Thù Sư Lợi đã là thầy của vô lượng Đức Phật trong quá khứ, vô lượng Đức Phật hiện tại khắp mười phương, đồng thời cũng là thầy của vô lượng các Đức Phật vị lại sau này. Văn Thù Sư Lợi chính là một vị cổ Phật có pháp hiệu là Long Chủng Chủng Thượng Tôn Vương Phật.

Kinh Đại Bảo Tích giới thiệu: Về phía phương nam của thế giới Sa Bà, cách một nghìn cõi Phật có một cõi nước tên là Bình Đẳng. Nước đó hiệu là là Long Chủng Chủng Thượng Tôn Vương Phật, thọ mệnh của Đức Phật đó là 440 vạn tuổi. Và Đức Phật đó đã nhập Niết Bàn từ lâu.

Trong kinh này cũng nói đến Đức Phật Hoan Hỷ Ma Ni Bảo Tích Phật. Trong kinh Đức Phật Thích Ca một hôm cũng nói với Xa Nặc. Các đây rất lâu xa, có một cõi nước tên là Thường Hỷ, ở cõi đó có Đức Phật hiệu là Hoan Hỷ Ma Ni Bảo Tích Phật. Đức Phật này đã giáo hóa cho vô lượng vô biên chúng sinh, và Ngài cũng chính là tiền thân của Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi.

Cho nên mới nói Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát là thầy của Vô Lượng các Đức Phật. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cũng là học trò của Ngài vậy. Bồ tát Văn Thù Sư Lợi đã thành Phật rồi, nhưng Ngài trở lại làm một vị Bồ tát. Quý vị đừng nghĩ Ngài bị tái sinh mà do lòng đại bi, thương xót chúng sinh mà Ngài phát nguyện quay trở lại thị hiện thành một Đại Sĩ Bồ Tát, để giáo hóa chúng sinh, trợ duyên cho giáo pháp của Đức Phật trong khắp mười phương. Khi đã thành Phật rồi thì các Ngài tự do, tự tại, ra khỏi ràng buộc của ba cõi, không bị sinh, già, bệnh, chết chi phối nữa, dùng hóa thân của mình đi giáo hóa, phổ độ chúng sinh.

 *Ví dụ như Tk13,Tk 14, ở Tây Tạng có một vị đại sư rất giỏi, Ngài chính là Đại Sư Tông Khách Ba, Ngài sinh năm 1357 mất năm 1419, lịch sử Phật giáo Tây Tạng nói Ngài chính là người sáng lập ra tông phái mũ vàng hay Hoàng Mạo Phái. Trước khi Ngài sinh ra, thân phụ Ngài mộng thấy Bồ tát Văn Thù Sư Lợi từ bên núi Ngũ Đài Sơn ở Trung Quốc, đi sang thăm Tây Tạng và nói với thân vụ của Ngài là sẽ mượn cửa nhà Ngài để xiển dương chính pháp. Sau giấc mơ đó, không lâu sau, vợ của ông mang thai và sinh ra Ngài. Lớn lên Ngài xuất gia và trở thành một vị sư nổi tiếng sáng lập ra tông phái trên. Ngài không chỉ nổi tiếng ở Tây Tạng mà còn nổi tiếng ở khắp các nước theo Mật Tông. Tây Tạng khi ấy, các vị xuất gia chuyên tu Mật Tông thì Ngài lại thị hiện làm một vị cũng chuyên tu Mật Tông và truyền bá Mật Tông, tuy rằng Ngài vốn là một vị Bồ Tát thiên về Giáo tứ trí tuệ.*

*Ngoài ra Ngài còn hóa thân ở nhiều nơi nữa, có một điển tích còn nói, Ngài hóa thân đi sang du hóa và độ cho đất nước chúng ta. Ngài cũng là người làm cho Phật Giáo Butan được hưng thịnh trở lại, mấy trăm năm sau, sau khi Thế Tôn nhập Niết Bàn.*

***Bồ tát Văn Thù Sư Lợi tiêu biểu cho trí tuệ viên mãn.***

Tên Ngài Văn Thù Sư Lợi Trung Quốc dịch là Diệu Cát Tường, hay Diệu Đức, đầy đủ ba đức lớn là Tín, Hạnh, Trí. Vị Bồ Tát đã thấy rõ Phật tánh, mọi đức đều tròn đầy, không sự ràng buộc nào chẳng dứt.

Chúng ta thấy trên đầu Ngài có 5 nhục kế. Nhục kế là một trong 32 tướng tốt của Đức Như Lai, đây biểu thị cho trí tuệ viên mãn của các Đức Phật. Bình thường các vị Phật được miêu tả có một nhục kế, nhưng Bồ tát Văn Thù có đến lăm. Trên tay Ngài, tay phải cầm kiếm, kiếm này tượng trưng có trí tuệ, biểu thị cho gươm báu, gươm trí tuệ có công năng cắt đứt phiền não. Tay trái cầm hoa sen xanh, chất bằng kim cương. Kim cương thì phá được muôn vật, còn khó có vật nào có thể phá được kim cương, biểu thị cho sự phá tan phiền não, cấu uế trong tâm. Hoa sen còn là biểu tượng của sự giác ngộ, màu xanh biểu tượng cho phương Đông, mỗi khi mặt trời trí tuệ hé lên thì bóng đêm bị xua tan. Ngài cưỡi trên sư tử cũng màu xanh, sư tử là chúa sơn lâm, tượng trưng cho sức mạnh của giáo pháp, đem giáo pháp của Đức Phật xiển dương.

Mỗi khi Bồ tát thị hiện ở đâu, chúng sinh nơi đó đều được thấm nhuần mưa pháp.

*Trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa, trong tất cả các kinh điển từ trước đến nay chúng ta thấy chưa có kinh nào Đức Phật thụ ký cho người nữ thành Phật cả. Nhưng khi Bồ tát Văn Thù dẫn Long Nữ, lúc đó mới có 12 tuổi, còn là một đứa trẻ. Long Nữ mang trong mình một nửa vẫn là súc sinh, một nửa là thần. Loài Rồng là thần trong nẻo súc sinh, có phước báo lớn, có thần thông có thể biến hóa...Khi Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi truyền cho Kinh Pháp Hoa ở dưới Long Cung thì không có ai có căn tính lanh lợi như Long Nữ cả. Bồ tát Văn Thù thuyết đến đâu, Long Nữ thâm nhập đến đó và phát tâm Bồ Đề. Bấy giờ, trong Hội Pháp Hoa Bồ Tát Văn Thù từ Long Cung đem theo cả Long Nữ và họ hàng nhà Long Vương đến cùng đỉnh lễ Phật.*

*Bấy giờ, khi có một vị thắc mắc và hỏi rằng : từ xưa đến nay có mấy điểm chướng ngại của người nữ.*

 *Thứ nhất: người nữ không thể thành Phật.*

*Thứ hai: là không thể thành thân Thiên Đế Thích và Phạm Vương.*

*Thứ ba: người nữ không được làm Chuyển Luân Thánh Vương là vua của bốn châu nhân đạo mà chúng ta đã học từ bài trước.*

*Thứ tư: người nữ không được làm thân Ma Vương.*

*Tôn giả Xá Lợi Phất cũng đứng lên hỏi Bồ tát Văn Thù: tại sao Long Nữ là súc sinh mà lại có thể thành Phật, hơn nữa lại còn là súc sinh nữ nữa. Như vậy, Bồ tát có nói trái với lời Đức Phật đã thuyết hay không.*

*Bấy giờ Long Nữ tiến lên và hỏi Ngài Ngài Xá Lợi Phất rằng: “Ngài xem thời gian tôi dâng viên ngọc quý nhất của mình cho Đức Phật và Đức Phật nhận viên ngọc này có nhanh hay không?” .*

*Ngài Xá Lợi Phất trả lời là nhanh.*

*Long Nữ nói: “Vậy xin Ngài hãy dùng thần thông để xem tôi thành Phật còn nhan hơn thế”. Bấy giờ, Long Nữ đem viên minh châu vô giá lên Đức Phật, Đức Phật hoan hỷ nhận lời. Long Nữ liền trở lại chỗ ngồi và dùng thần thông về cõi nước Vô Cấu rồi thành Phật tại đó.*

*Đại chúng liền thấy rằng đúng là chỉ có Bồ tát Văn Thù mới có thể làm được điều mà những Bồ Tát đó khó có thể làm được*.

Trong Kinh Đại Bảo Tích nói, sau khi viên mãn hạnh nguyện của mình. Văn Thù Sư Lợi Bồ tát sẽ thành Phật ở một quốc độ có tên là Phổ Kiến, và có hiệu là Phổ Kiến Như Lai. Và sự trang nghiêm, thanh tịnh ở cõi Tây Phương Cực Lạc của đức Phật A Mi Đà so với cõi nước đó chỉ như giọt nước ở đầu sợi tóc so với biển lớn.

Như vậy, để chúng ta thấy rằng các vị Phật và Bồ tát tuy có thị hiện nhập Niết Bàn, nhưng không bao giờ các Ngài ngồi an vui trong cõi nước của mình cả. Mà khi ấy vì lòng đại từ, đại bi, thương tưởng đến chúng sinh mà các Ngài lại thị hiện các hóa thân để độ chúng sinh.

Trong kinh Địa Tạng, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni rất trân trọng Bồ Tát Địa Tạng, Ngài muốn xiển dương và khen ngợi công đức của Bồ Tát Địa Tạng, khiến cho chúng sinh ở đời sau biết công đức to lớn của Bồ Tát Địa Tạng. Cho nên, Đức Phật mới gọi ông Văn Thù ra để hỏi. Ngài hỏi một vị Thầy của ba đời chư Phật. Đức Phật có thâm ý nâng cao vị thế của Bồ tát Địa Tạng lên vậy. Nguyện hạnh của Bồ Tát Địa Tạng cao cả không kém gì Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát. Nhưng với hạnh nguyện của mình thì Bồ Tát Văn Thù còn có thể thành Phật. Nhưng với bi nguyện của mình thì Bồ Tát Điạ Tạng mãi mãi cũng chưa thành tựu được.

“Địa Ngục vị không thệ bất thành Phật, chúng sinh độ tận phương chứng Bồ đề”.

Chúng sinh thì cứ mãi si mê, những chúng sinh này thoát được địa ngục thì những chúng sinh kia lại vào. Khiến cho Bồ Tát phải nhọc nhằn bao kiếp số. Địa ngục thì đêm ngày đau khổ. Các loại ở cõi bàng sanh thì thường ăn nuốt lẫn nhau. Loài người chúng ta thì cũng sát sinh rất nhiều, lòng ác cũng nhiều. Vì vậy, phần lớn chúng sinh khi hết thọ mạng lại làm nhọc lòng Ngài Địa Tạng.

Sau khi được Đức Phật hỏi thì Bồ Tát Văn Thù trả lời như sau:

***“...Bạch Đức Thế Tôn, nếu con dùng thần lực, để tính đếm túc số, trải qua trăm nghìn kiếp, cũng không thể biết được, số lượng là bao nhiêu.”***

Một vị Bồ Tát như Ngài Văn Thù còn nói vậy, thì đủ biết Pháp hội trên Cung Trời Đao Lợi thù thắng, quan trọng đối với chúng sinh đời sau như thế nào.

***“..Lúc bấy giờ, Đức Phật lại bảo với Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi rằng: Dù cho Đức Như Lai có dùng con mắt Phật, để tính đếm túc số, cũng không thể hết được, những vị Thánh- Phàm đó đều do Bồ Tát Địa Tạng,ở trong nhiều kiếp số lâu xa về trước đã tế độ cho, hoặc đang tế độ hoặc sẽ tế độ, thảy đều khiến cho thành tựu Bồ đề”.***

Phật là bậc trí tuệ không gì là Ngài không thấy, không gì là ngài không biết, vậy mà đối với đại chúng lần này, Ngài dùng thần lực đi chăng nữa, cũng không thể đếm được đại chúng trong pháp hội là bao nhiêu. Như chúng ta, kiếp này có nhân duyên được tu hành, được gặp bộ Kinh quý giá này, sau này chúng ta thành được Phật quả thì cũng không ngoài sự giáo hóa của Ngài Địa Tạng Bồ Tát. Ngài là người tiêu trừ nghiệp chướng cho cõi chúng sinh ở Nam Thiện Bộ Châu chúng ta. Chúng ta là những người tu Tịnh Độ, Bồ Tát Địa Tạng cũng sẽ trợ giúp cho chúng ta về Cực Lạc với Đức A Mi Đà Phật. Quý vị nhớ là chúng ta chẳng thể dùng một ít thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sinh về cõi đó.

***“Cứ theo kính bản thệ,***

***Của Bồ Tát Địa Tạng.***

***Xem xét các nghiệp nhân,***

***Đui, mù, điếc, ngọng, câm...***

***Đều kiếp trước gây nên,***

***Nay dốc lòng sám hối.***

***Cung kính lễ Địa Tạng,***

***Đọc tụng Đại Thừa Kinh.***

***Được công đức vô biên,***

***Thật chẳng thể nghĩ bàn.***

***Nguyện đem công đức ấy,***

***Cầu sinh về Tịnh Độ,***

***Diệt hết mọi nỗi khổ,***

***Quyết định sẽ thành Phật.”***

Quan điểm của tôi là nhất môn thâm nhập nhưng phải có phương tiện, phương tiện ở đó phải phù hợp với chúng sinh ở quốc độ đó.

*Việt Nam chúng ta, những người trong độ tuổi từ 20 đến 40 tuổi, nhất là khu vực phía Bắc, đại đa số không am hiểu về Phật Pháp, họ đến chùa đôi khi chỉ do truyền thống của gia đình, của dân tộc. Trước kia, bà họ, mẹ họ hay đi chùa vào dịp lễ, tết, mồng một ngày rằm. Hỏi họ đi chùa làm gì? Câu trả lời hầu như là cầu con cái học giỏi, gia đình mạnh khỏe, buôn bán phát đạt, có khi ở nông thôn là cầu chăn nuôi thuận lợi...Toàn sự mong cầu, nghĩ Phật là vị thần linh có thể ban tất cả những điều đó cho họ khi họ đến lễ bái vài ngày trong năm. Chẳng mấy người biết rằng, Phật Thích Ca Ngài là nhân vật lịch sử, Ngài từng thuyết pháp bốn chín năm ở Ấn Độ và Ngài thị hiện trên trái đất này để dạy cho chúng sinh biết chúng sinh cũng có khả năng thành Phật như Ngài. Các bộ phim ảnh, sân khấu thì thường miêu tả, con người ta quá khổ đau, hết nơi để nương tựa lên mới đi nương tựa cửa Phật. Vào cửa Phật để trốn tránh cuộc đời. Chẳng gặp mấy trường hợp có chuyện vui mà họ lên chùa lễ Phật bao giờ. Chúng ta lại có một điểm yếu nữa là còn mê tín nhiều, người ta đến chùa trình đồng, mở phủ nhiều. Nhân quả không hiểu, cũng không hiểu ông Phật là ai, dạy những gì mà ông được tôn kính thế, Bồ tát là ai, làm sao cứ kêu khấn tên Ngài mà lại thoát khổ. Không hiểu mà cứ vẫn được gọi là Phật tử, vẫn cứ lên chùa lễ lạy. Chính vì chúng ta không có đủ những người xuất gia nối dòng huệ mạng của Phật, mà có những hiện tượng như trên vậy.*

*Những người đến chùa chúng tôi, xin nhà chùa đến giải điện cho họ rất nhiều. Nhiều người họ mê tín, khi đi xem bói, thầy phù thủy bảo họ căn cao số nặng, phải trình đồng mở phủ. Sợ bệnh tật, tổn hại sinh mạng, họ cố gom góp tiền để làm theo lời thầy cúng. Khi mới mở điện, họ cũng lễ bái đầy đủ, thường xuyên vì vậy gia đình có vẻ yên ổn. Nhưng khi gia đình họ thiếu thốn về kinh tế, không theo được nữa rồi, họ không thể duy trì như trước nữa, gia đình họ rơi vào lục đục. Khi thấy họ thỉnh cầu, tôi thường nghĩ Phật pháp vô biên, thôi thì gia đình họ biết bỏ tà theo chính, thế thì mừng quá. Tôi để đệ tử của mình đi đến giải điện cũng rất nhiều. Họ chưa biết Phật pháp, âm binh trong nhà họ cũng chưa biết đến Phật pháp. Khi chúng tôi đến giải điện đi,âm binh mất đi nơi nương tựa. Chính nhà chùa khi đó cũng bị ảnh hưởng, đến lỗi đệ tử của tôi một số người bị vong nhập. Họ muốn trả thù, không phá được tôi thì họ phá đệ tử tôi, đôi khi chùa tổ chức khóa tu, họ còn nhập vào sinh viên, học sinh, gây hoang mang khá nhiều. Từ khi nhận ra là chưa khuyên giải họ, chưa để họ biết đến Phật pháp, mà giải điện thì cũng như phá nhà họ và giao chiến với họ vậy, điều này làm gia đình nhà chùa đến làm lễ cũng như chúng tôi cùng bị ảnh hưởng. Từ đó, những người đến xin giải điện, phá phủ tôi đều bảo họ phải tụng kinh Địa Tạng đủ từ hai mốt ngày, bốn chín ngày hoặc một trăm ngày. Qua kinh nghiệm tôi thấy tất cả các trường hợp đã tụng kinh bốn chín ngày trở lên thì khi đến làm lễ ở gia đình đó, mọi chuyện đều suôn sẻ, không còn gặp phải những điều như trước nữa. Từ đâu năm đến giờ đệ tử của tôi cũng không có trường hợp bị nhập như trước.*

Bộ Kinh Địa Tạng là bộ kinh dạy về nhân quả, dạy về hiếu đạo, dạy để thoát ly luân hổi sinh tử...Như chúng tôi đã từng nói giáo lý của kinh nhiếp cả ngũ thừa, phù hợp với mọi căn cơ, từ cạn đến sâu đều bao hàm cả. Tôi thấy căn cơ của người Việt Nam nói chung và đạo tràng Tịnh tông chúng ta nói riêng thì phải thêm đọc tụng, thọ trì bộ kinh Địa Tạng này, song song với bộ Kinh Vô Lượng Thọ và niệm Phật A Mi Đà cầu vãng sinh.

Trong Kinh Bồ tát cũng nói rõ cảnh giới của các Địa Ngục khổ, những tội mà con người ở cõi Diêm Phù Đề dễ mắc phải và những quả báo của Địa Ngục đó. Điều này sẽ rất hữu hiệu, sẽ động đến tận tâm gan của người đọc tụng, động đến những những sợ hại còn ẩn sâu trong tiềm thức. Vì vậy, đối với Phật tử tại gia thâm nhập vào bộ kinh này dễ dàng hơn với Kinh Địa Tạng rất nhiều.

Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh A Mi Đà khó tin, xa xôi đối với nhiều người quá, thiện căn của họ với A Mi Đà Phật còn ít.

Phật A Mi Đà phóng quang, ánh sáng của Ngài sáng hơn cả mặt trời, sáng hơn cả mặt trăng, không nơi nào chướng ngại. Nhưng sao chúng ta không thấy được, vì chúng ta chưa đủ nhân duyên, chúng sinh ở địa ngục cũng chưa đủ nhân duyên vì thế mà Tây Phương Cực Lạc không cấm người về mà chúng ta mãi không về được.

Còn Bồ tát Địa Tạng, Ngài lại có dùng cách khác. Phương tiện thiện xảo Ngài hóa thân để vào hẳn địa ngục để cứu giúp chúng sinh, Ngài dùng vô lượng phương tiện để giáo hóa chúng.

 Đối với nhiều người, cảnh đời còn đang khổ cực, cái buồn, cái khổ, cái nóng cái lạnh nó còn kề kề bên mình, sự an nguy của người thân đang còn kề kề bên mình, cái chết đang đe dọa, còn Tây Phương thì quá xa xôi, họ còn muốn sống lắm, khó mà họ có thể yên tâm mà Niệm Phật đến nhất tâm bất loạn được để về Tây Phương được. Địa Tạng Bồ Tát như vị cứu tinh, hình ảnh của Ngài như cơn gió mát, như cơn mưa lớn trong những ngày khô hạn đến với họ. Khen ngợi lễ bái, trì niệm, cúng dàng khi nghe danh hiệu, thấy hình tượng của Ngài... đúc tượng...những việc trong tầm tay của hầu hết các Phật tử, thì sẽ được 100 lần sinh lên cõi Đao Lợi, lại còn không đọa vào ba đường ác nữa. Những lo âu phiền não của họ được giải quyết ngày khi họ gặp bộ kinh này. Vì vậy, những người chúng tôi khuyên, khi hành trì họ cảm nhận được ngay sự lợi ích, họ nghe theo và rất hoan hỷ. Rồi dần dần họ tin Phật pháp, đến lúc đó mình đem kinh Vô Lượng Thọ truyền cho họ, họ mới có khả năng tiếp nhận được.

Chỉ sau một thời gian rất ngắn phát động ấn tống bản hội tập này thôi, số lượng phát tâm ấn tống kinh đã lên đến gần 10.000 quyển. Đây cũng thể hiện nhân duyên của quyển kinh này với chúng ta. Từ trước đến giờ chưa có trường hợp nào như thế. Công đức ấn tống kinh sách, gieo duyên cho người khác có cơ hội đọc tụng, thọ trì bộ kinh này của quý vị không thể nghĩ bàn.

Kinh Vô Lượng Thọ Đức Phật nói: làm lành một ngày một đêm ở cõi Ta Bà hơn trăm năm tích thiện ở cõi Tây Phương Cực Lạc. Về Tây Phương rồi để tăng được phẩm vị thì rất lâu, nhưng ở cõi này, quý vị phát tâm Bồ đề, muốn cho chúng sinh sớm thoát ly sinh tử, khuyên họ tụng đọc, hành trì, ấn tống kinh này, cúng dàng tượng Bồ tát...quý vị hết lòng, hết sức mà đỡ tay cho Bồ Tát Địa Tạng, đồng hành với các vị Bồ Tát khác để truyền bá bộ kinh này nói riêng, kinh đại thừa nói chung thì công đức của quý vị vô lượng vô biên. Đem công đức ấy hồi hướng về Tây Phương thì quả vị tu hành của quý vị cũng tăng lên rất nhanh.

Trở lại phần kinh văn khi Đức Phật hỏi Ngài Văn Thù Bồ Tát, Ngài Văn Thù không biết được đại chúng trong pháp hội là bao nhiêu. Đức Phật cũng nói đến Ngài dùng mắt Phật để tính đếm túc số cũng không hêt được.

Thiên nhãn thông chẳng ngại,

Nhục nhãn ngại chẳng thông.

Pháp nhãn duy quán tục,

Tuệ nhãn liễu chân không,

Phật nhãn như thiên nhật,

Chiếu dị thể hoàn đồng.

Chúng ta là phàm phu, đôi mắt thịt của chúng ta bị chướng ngại rất nhiều, không có ánh sáng nó không thấy, có vật ngăn che nó không thấy. Vì vậy, những gì chúng ta nhìn thấy chưa chắc đã là toàn bộ những gì đang thực sự hiện hữu, chúng ta không thực sự nhận thức được những gì đang xảy ra. Các vị có thiên nhãn thì thấy thông suốt, xa bao nhiêu cũng thấy, bị chướng ngại gì cũng thấy. Những người có pháp nhãn là những người biết học Phật pháp, đem giáo pháp của Đức Phật về khổ, không , vô thường, vô ngã mà nhìn nhận sự vật, sự việc. Những vị có tuệ nhãn , có được trí tuệ, hiểu được các pháp của đại thừa, thấy được rõ chân không. Phật nhãn như ánh sáng của mặt trời, càng lên cao, càng chiếu rộng các góc ở các nơi. Ngài nhìn thấu hết thảy, biết được cội nguồn hết thảy sự việc, vậy mà Phật cũng không biết được hết đến đại chúng trong pháp hội, huống hồ là Bồ tát dùng con mắt của pháp nhãn, tuệ nhãn thì cũng không thể thấy được. Con mắt Phật thấy hết thảy đều bình đẳng “dị thể, hoàn đồng”.

Xin dùng bài kệ trên để kết thúc bài giảng hôm nay. 5 con mắt dù có khác nhau về tên gọi, tướng của chúng khác nhau, thể khác nhau, nhưng tính thì không khác. Nhục nhãn – con mắt bằng máu thịt của chúng ta bị ngăn che như vậy, nhưng từ nhục nhãn mới tiến được lên thiên nhãn, pháp nhãn, tuệ nhãn và Phật nhãn được.

Chúng ta cũng vậy, chúng ta và những người quanh ta, cả chúng sinh đang ở ba cõi sáu đường, đang ở trôi lăn trong lục đạo chúng ta cách các Ngài xa lắm. Nhưng Phật cũng đã nói, đã dạy chúng ta rồi, chúng ta đồng thể với nhau và cũng đồng thể với Bồ tát với Phật. Quý vị niệm sân thì quý vị ở địa ngục, niệm tham thì làm ngã quỷ, niệm si thành bàng sanh... niệm Bồ tát sẽ thành Bồ tát, còn Niệm Phật sẽ thành Phật vậy.

***Giảng kinh Bản nguyện của Bồ tát Địa Tạng (Tập 11)***

Chúng ta tiếp tục nghiên cứu phần văn kinh tiếp theo:

“***Ngay khi ấy Bồ tát Văn Thù Sư Lợi liền bạch với Đức Phật rằng: Từ bao kiếp đến nay, con do nhờ tu tập, tích trữ các thiện căn, thường theo muôn ức Phật, do đó mà chứng được, trí tuệ vô ngại biện. Con nghe lời Phật nói, thời liền tin theo ngay, nhưng còn có các hàng, tiểu quả của Thanh Văn, Trời, Rồng và Quỷ Thần, nhẫn đến các chúng sinh, ở đời mai sau này, dẫu có được thấy nghe, những lời rất thành thật, của Đức Phật Như Lai, nhưng chắc sẽ có người, sinh tâm niệm hoàn nghi, ví dù có lạy vâng, cũng chưa khỏi nhạo báng. Cúi mong Đức Thế Tôn, chỉ rõ cho chúng sinh, Bồ Tát Địa Tạng đây, tu các công hạnh gì, lập đại thệ nguyện gì, mà thành tựu được sự chẳng thể nghĩ bàn như thế***?”

Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi đã chứng quả vị Viên Giác Bồ Tát hay Đẳng Giác Bồ Tát. Từ bao kiếp Ngài đã tích trữ nhiều thiện căn công đức rồi, trí tuệ của Ngài là trí tuệ vô ngại biện tài, ai nghe thấy Ngài thuyết pháp cũng hoan hỷ, vui mừng, y giáo phụng hành. Khi Đức Phật nói Ngài tin theo ngay, nhưng Ngài cũng biết rõ chúng sinh ở đời sau khó ai mà tin được, dẫu tin cũng sinh niệm hoài nghi...

Công hạnh và thệ nguyện của Địa Tạng Vương Bồ Tát lớn quá, chỉ có Phật mới rõ, các Bậc Đại Bồ Tát như Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm nghe mới tin được, chứ còn các hàng khác thì không thể rõ, không thể biết.

Ở đây, kinh văn có nhắc đến hàng tiểu quả Thanh Văn - những người đệ tử Phật nhờ nghe giảng giáo lý mà được giải thoát.

Các Đức Phật trong mười phương, thì mỗi Đức Phật lại có cách hóa độ khác nhau. Như ở thế giới của Đức Phật Hương Tích cõi Chúng Hương, ai ăn thức ăn ở thế giới của Ngài thì liền được Ngộ đạo và giải thoát. Ngài dùng hương thơm ở thức ăn để cảm hóa chúng sinh. Thế giới của Phật Bất Động, chúng sinh ở cõi này dùng thiền định để đạt đạo, hay dùng thân giáo.

 Ở thế giới Sa Bà phần đông do nghe mà ngộ đạo, nên Đức Phật dùng âm thanh để thuyết pháp. Ngoài ra Ngài cũng dùng thân giáo để giúp sinh sinh ngộ đạo. Ngài thị hiện là một bậc thái tử trí tuệ, từ bé ở trong cung vàng điện ngọc, vợ đẹp con ngoan. Vậy mà Ngài đã khước từ tất cả mà ra đi tìm Đạo, ba y một bát, độ chúng sinh. Tất cả giới luật mà Đức Phật tuyên thuyết trong Tạng Luật nhiếp về thân giáo. Thân giáo mà nhiếp được tốt tức giữ được Giới luật, từ Giới sẽ sinh Định, từ Định mà sinh Tuệ. Bốn chín năm thuyết pháp,Đức Bổn sư chưa từng mỏi mệt, chưa từng phàn nàn vì chúng sinh cang cường khó độ. Khi đi khất thực dù nhận thức ăn ở nhà giàu hay nhà nghèo, Ngài đều nhận với một tâm bình đẳng như nhau.

 *Một năm, Đức Phật đi đến một nước nọ, ông vua trên đất nước đó không hoan hỷ khi Đức Phật đến đó thuyết pháp, đất nước ấy trời hạn hán đến ba năm. Nhân dân ở cả khu vực đói kém khổ cực, vua và quan lại không đến nghe pháp nên người dân cũng không dám đi nghe pháp, nhưng Đức Phật vẫn lán ở lại. Đức Phật trong một thời gian dài phải ăn cám ngựa, vì chúng sinh mà Ngài vẫn ở lại. Ngài nói với Ngài A Nan: “Như Lai xuất hiện ở đời như một đám mây lớn, để đem mưa pháp tưới nhuần cho chúng sinh, chứ Như Lai đâu xuất hiện ở đời để hưởng thụ sự cúng dàng. Lúc gặp khó khăn là lúc chúng sinh cần Như Lai nhất.”*

 *Ông vua nghe được câu chuyện đó, lấy làm lạ đến gặp Thế Tôn và lúc đó ông mới biết những điều mà mình nhìn nhận về Thế Tôn là sai lầm rồi từ đó vua trở thành một đệ tử trung thành theo Đức Phật. Đất nước lại mưa thuận gió hòa, nhân dân được thấm nhuần ân đức của Phật. Đây chỉ là một câu chuyện rất nhỏ kể về lòng từ bi vì chúng sinh của Ngài mà thôi.*

Tiểu quả Thanh Văn như chúng ta học từ bài trước là có 4 quả vị: Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm và A La Hán. Trong 12 năm đầu Đức Phật thuyết kinh A Hàm, đây là một bộ kinh thuộc tiểu thừa. Người tu theo tiểu thừa chứng được bốn quả vị trên. Kinh A Hàm là những bài học Đức Phật chủ yếu dạy đối trị tâm. Sơ tâm học đạo chúng ta sẽ học những pháp như vậy.

Đối trị lòng tham dục Đức Phật dạy quán bất tịnh. Thấy thân mình và thân người đều bất tịnh, bề ngoài thì có vẻ sạch sẽ, mỹ miều. Nhưng thực ra nó như một túi da thối. Thân xác mình không mãi mãi thuộc về mình, cũng như thân của người khác, nó cũng sẽ già, bệnh, chết. Khi bệnh, khi chết thì chúng ta thấy rõ sự hôi thối, bất tịnh của nó. Mình cưng chiều, đắm chấp vào nó, nhưng nó làm gì ngoài sản xuất ra mồ hôi, cáu ghét, máu, mủ, đờm dãi vv...Vì thế, thay vì đắm chấp, muốn sở hữu thì mình và người nên học cách dùng nó, mượn nó để phục vụ chúng sinh, mượn nó làm công cụ giải thoát giác ngộ.

Đối trị tâm sân hận, Đức Phật dạy quán từ bi. Từ bi quán là nghĩ đối phương như mẹ, cha, anh em ruột thịt; người lớn tuổi có thể quán người nhỏ tuổi hơn như đứa con duy nhất của mình. Ai có thể đi giận được cha, mẹ, anh em hay con cái mình. Nghĩ đến những điều người này đã làm cho mình dù là rất nhỏ bé, chăm sóc mình như cha mẹ mình chăm lo, như thế quý vị sẽ vơi được cơn giận rất nhiều. Sau khi bình tĩnh lại mới thấy hóa ra cũng chẳng có gì. Chuyện lớn biến thành nhỏ, rồi từ nhỏ thành chẳng có gì. Cứ dần dần học quán chiếu như thế, các quý vị sẽ đi dần dẫn buông xả và tâm từ được rộng mở rất nhiều.

Các vị Thanh Văn không nhất thiết phải đi tuần tự từ quả vị đầu cho đến quả A La Hán. Như Ngài Xá Lợi Phất khi nghe bài kệ do tôn giả Mã Thắng đọc:

“Muôn sự từ duyên sinh,

Cũng từ duyên mà diệt,

Bậc giác ngộ tuyệt vời

Đã từng như vậy thuyết”

Mới chỉ mới được nửa bài thì Ngài chứng luôn quả vị A La Hán, Ngài Mục Kiền Liên khi nghe tôn giả Xá Lợi Phất đọc lại bài kệ đó cho nghe thì cũng đắc quả A La Hán luôn.

 Ngài Ma Ha Ca Diếp khi nhìn thấy Đức Phật, Đức Phật chỉ vừa nói: “Lành thay Tỷ Khiêu hãy tới đây!”. Thì trên đầu Ngài Ca Diếp tóc liền rụng, mình khoác pháp phục và cũng chứng luôn A La Hán. Ý nói lúc đó Tâm của Ngài Ca Diếp đã thanh tịnh, siêu vượt mà chứng quả A La Hán. Chúng ta thấy nhân duyên và căn cơ của các vị đại đệ tử của Đức Phật sâu dày như vậy đấy.

Trong kinh nói đối với hàng tiểu quả Thanh Văn vào đời sau này khi gặp được bộ kinh Địa Tạng họ sẽ không tin. Họ cho chuyện này là mê tín, pháp hội ở trên cung trời Đao Lợi không có vị A La Hán nào chứng kiến. Kinh này là do đời sau viết ra chứ không phải do Đức Phật thuyết. Như ở Việt Nam chúng ta, cũng nhiều vị không tin bộ kinh này. Nhiều nhà học giả còn cho rằng Đức Phật chỉ thuyết có bốn bộ kinh trong Kinh A Hàm hay Kinh Nykaya mà thôi. Mà không tin vào Kinh điển Đại Thừa, không biết đến “hồi tiểu, hướng đại”, các hàng Bồ tát trách mắng những vị đó là “Ngưu Trâu, Thảo Kế”. Như con trâu chỉ biết ăn cỏ trong bãi cỏ xanh của mình, cho rằng cuộc sống của mình là nhất, tự do tự tại mà không biết các niềm vui khác .

*Bồ tát Vô Trước và Bồ tát Thế Thân là hai anh em, Ngài Vô Trước theo Phật giáo Đại Thừa, Ngài Thế Thân thì theo Tiểu Thừa. Khi còn theo Tiểu Thừa Ngài Thế Thân từng viết 500 bộ Đại luận để công kích Phật giáo Đại Thừa, nhằm chứng minh Phật giáo Đại Thừa là tà đạo. Khi Ngài Vô Trước biết em mình có trí tuệ biện tài vô ngại, nhưng lại chấp pháp thì đã tìm cách để giúp em mình. Một hôm Ngài Vô Trước giả ốm rồi báo cho em là Ngài Thế Thân biết. Tuy một người theo Nam tông, một người theo Bắc Tông nhưng hai anh em vẫn giữ được tình huynh đệ rất sâu đậm. Ngài Thế Thân hay tin anh ốm thì liền thu xếp về thăm anh. Rất hiếu thảo với anh, Ngài ở lại chăm sóc cho anh mình và có ý định khuyên anh mình chuyển về tu theo Phật giáo Nam Tông .*

*Ngài còn nói với anh:*

*- Tại anh tu sai pháp nên anh mới bị ốm như thế này. Anh tu như em thì anh sẽ khỏe mạnh, hoằng pháp lợi sanh được nhiều như em.*

*Vậy mà, dưới sự khéo léo, trí tuệ uyên bác và tài biện luận của mình, sau một tháng chăm lo cho anh, Ngài Thế Thân nhận thấy trước kia mình đả phá đại thừa là một sai lầm nghiêm trọng. Ngài liền sám hối với anh mình, còn quyết định quyên sinh để sám hối, tạ tội với anh, với Đức Phật và với giáo pháp Đại Thừa.*

 *Ngài Vô Trước liền khuyên:*

*- Nếu em quyên sinh tội còn nặng hơn, còn không biết bao giờ mới trả được lỗi lầm. Chi bằng trước đây lấy trí tuệ của mình để phỉ báng đại thừa. Bây giờ, hãy lấy trí tuệ của mình xiển dương Đại thừa để tạ tội. Ngài Thế Thân đã tạo thêm 500 bộ luận nữa, trong 500 bộ luận này có bộ “Khởi Tín” là bộ được các học giả rất yêu thích. Trong bộ Khải Tín cũng nói rất nhiều về pháp môn Tinh Độ. “Vãng Sinh Luận” cũng chính là một tác phẩm của của Ngài Thế Thân. Trong lịch sử cũng chưa có vị luận sư nào viết ra được nhiều bộ luận như thế.*

*Chúng ta thấy, Ngài Thế Thân một bậc trí tuệ như vậy, khi chưa được anh mình giáo hóa cho mà còn báng phá đại thừa. Nên bây giờ khi có các vị tuy đã xuất gia nhưng không tin kinh Đại Thừa chúng ta cũng không lấy gì làm quá bất ngờ. Họ có chửi chúng ta là ma, là không hiểu biết...chúng ta cũng không đến lỗi phải buồn, chỉ thương xót và tiếc cho họ. Mong cho họ sớm gặp mặt trời chánh pháp, biết “Hồi tiểu hướng đại”, biết buông pháp nhỏ mà cầu pháp lớn, không chỉ cầu giải thoát cho mình mà còn tìm cách giải thoát cho người. Không dừng lại ở hàng tiểu quả Thanh Văn mà còn phát Tâm Bồ Đề làm Bồ Tát, làm Phật.*

Vậy Bồ tát thì khác các vị A La Hán và các hàng khác như thế nào mà chúng ta lên phát tâm Bồ tát thay vì chỉ phát tâm Tiểu thừa tu hành cầu chứng quả A La Hán. Trong kinh Duy Ma Cật nói: Bồ tát mới chính là con đẻ của Phật còn các vị Thanh Văn thì không phải, chỉ là con nuôi thôi, chính các vị Bồ Tát mới là những người kế nhiệm gia tài giáo pháp của Đức Phật.

Trong Kinh Phật dạy có 52 quả vị tu chứng của hàng Bồ tát. Nếu tính thêm quả vị Viên Giác thì tổng cộng có 53 quả vị. Đầu tiên là thập tín, sau đó đến thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng, thập địa, Đẳng Giác, Diệu Giác và cuối cùng là Viên Giác.

* ***Thập Tín Bồ tát***:

***1.Tín tâm***: chữ hán Tín ghép từ bộ nhân đứng và bộ ngôn (nói). Tín là niềm tin chân chính. Tín tâm là dùng cả tấm lòng thành của mình, tin vào lời Đức Phật dạy, tin vào nhân quả, tội phúc....Bồ tát sợ nhân, chúng sinh sợ quả vì vậy mà Bồ tát không bao giờ dám gieo nhân xấu. Niềm tin này phải vững vàng, chắc thật.

***2.Niệm Tâm***: học Phật ngay trong thời gian hiện tại, dùng tâm thanh tịnh, tâm cung kính, nhất tâm làm một việc, tập trung vào việc mình làm thì sẽ có kết quả.

***3.Tinh tiến tâm***: sau khi đã có hai tâm trên thì phải nỗ lực, cố gắng vươn lên để đạt kết quả. Dùng tâm cầu học, tinh tiến làm việc thiện, tinh tiến đoạn trừ việc ác.

***4.Định Tâm***: Định tức không tạp loạn, hay tâm an trú trong thân. Công đức của định tâm trong đó có cả giới. Rồi từ đó sinh ra tuệ tâm.

***5.Tuệ Tâm***: là sự hiểu biết, trong tâm mình phát ra.

***Giảng Kinh Bản Nguyện Của Bồ Tát Địa Tạng tập 12***

Bài giảng hôm nay chúng ta nghiên cứu tiếp 53 quả vị tu chứng của Bồ tát Địa Tạng.

***6.Giới Tâm***: các hàng Bồ tát khi tu tập đến quả vị này, thì sẽ có niềm tin sâu sắc vào giới luật của Đức Phật đã dạy, các Ngài trì giới từ trong nội Tâm. Không chỉ giữ giới tướng mà Đức Phật đã thuyết, mà tất cả những điều mà Ngài làm tổn hại cho chúng sinh các Ngài cũng không làm.

*Ngày xưa, bên Trung Quốc có một vị Thiền sư, khi Ngài đang ngồi Thiền thì một tên trộm đến dọa sẽ giết Ngàin nếu Ngài không giao hết tiền cho hắn. Vị thiền sư đó quan xét thấy nhiều kiếp trước ông là quốc vương và đã ra lệnh giết người cận thần của mình, vị cận thần đó kiếp này chính là tên trộm đang đứng cạnh Ngài. Do nghe lời sàm tấu mà kiếp trước người cận thần này đã bị vua giết oan. Vị thiền sư nghĩ nếu mình muốn chứng quả vô thượng Bồ đề thì mình phải trả hết những nghiệp duyên đời trước. Thời xưa các vị tu hành ở Trung Quốc thường ở Thiếu Lâm Tự lên võ nghệ cũng rất giỏi. Với công phu của mình, Ngài dễ dàng phản kháng lại, nhưng nghĩ đến người tu hành dù con sâu cái kiến cũng không dám làm hại. Người này do nhiều kiếp trước mình đã giết oan họ, đã bao đời nay mình có nhân duyên tu hành theo Phật pháp, người này thì cứ mang oán giận trong lòng. Ngài bảo rằng: Của cải ta không có, nhưng có thân mạng này, người có thể lấy. Người kia xuống tay và giết vị thiền sư đó. Đó chính là giới tâm vậy. Bồ tát thà hi sinh thân mạng, thứ nhất là giữ giới, thứ hai khiến cho chúng sinh không bị tổn thương thân mạng vì mình. Xuất phát từ lòng từ bi mà giữ giới.*

***7.Hồi hướng tâm:*** tất cả những việc thiện mà các hàng Bồ tát trụ ở thập tín tu tập được các Ngài đều đem hồi hướng cho chúng sinh. Chứ các ngài không tiếp nhận, cũng như không giữ riêng lại để cho mình hưởng.

*Như một vị trụ trì một ngôi chùa rất lớn, sự cúng dàng cho vị trụ trì rất nhiều, vị đó không giữ riêng cho mình mà dùng để làm Phật sự, đem chia xẻ cho các chùa khác thiếu thốn hơn. Hòa Thượng Thanh Từ, khi có nhiều người cúng dàng các vật phẩm cho Ngài, Ngài đem chia cho tất cả chúng, không chỉ ở chùa nơi Ngài trụ trì mà còn gửi đến các chùa khác nữa. Các vị Bồ tát các Ngài tùy duyên thị hiện ở nhiều hóa thân mà độ chúng sinh. Người xuất gia, không có nghĩa là người đó chỉ tu để chứng quả vị của Thanh Văn. Bên ngoài mang hình dáng xuất gia, giữ gìn giới luật, giữ gìn oai nghi phép tắc, làm mô phạm cho Trời Người, bên trong mang tâm của Bồ tát, từ bi, bình đẳng cứu giúp chúng sinh đó chính là ý chí của các bậc Đại Trượng Phu mang lý tưởng của Đại thừa Phật giáo.*

***8.Hộ pháp tâm***: Nếu vị Bồ tát tu được đến Hộ Pháp vị trong quả vị của hàng Bồ tát, khi là người xuất gia, vị đó giữ giới tinh nghiêm, ngồi trên tòa pháp bố thí cho chúng sinh. Nếu trụ trì một ngôi chùa, có nhiều sự cúng dàng, sẽ thường ấn tống kính sách, băng đĩa giảng giáo pháp của Đức Phật, để bố thí pháp cho chúng sinh. Nhẫn đến không tích trữ tiền tài cho bản thân, một lòng hộ trì chính pháp. Khiến cho chúng sinh nhìn vào vị đó sẽ phát tâm học đạo, Phật pháp được hưng long và trường tồn. Nếu ở ngoài đời, vị đó không tiếc gì cả, một lòng bố thí, cúng dàng chỉ phát tâm hộ trì chính pháp.

***N****ăm1963 khi chính quyền Ngô Đình Diệm ở Miền Nam cộng hòa, họ muốn thay vị thế của Phật giáo trong lòng dân chúng bằng Thiên chúa giáo. Họ không cho dân chúng được tổ chức lễ Phật đản, dùng vũ lực xe Tăng đàn áp. Trước tình hình đó nhiều vị xuất gia tổ chức các cuộc biểu tình ôn hòa để cho tự do tôn giáo. Có những Phật tử họ thấy các vị Tăng Ni tổ chức như vậy, họ cũng xuống đường hộ pháp cho các vị xuất gia, bảo vệ các Thầy. Ở Huế, xe Tăng đã đi chèn vào đám đông biểu tình, và có những người đã hi sinh vì đạo pháp trong thời gian đó. Sau này, những vị đó được phong là Thánh tử Đạo.*

*Sẵn sàng hi sinh thân mạng để bảo vệ chính pháp, đó chính là hộ pháp Tâm.*

*Chúng ta cũng nhớ đến trái tim của Bồ Tát Thích Quảng Đức, Ngài đã tự thiêu để yêu cầu chính quyền lúc đó hãy để cho đạo pháp được bình yên, được sống trong lòng dân chúng.*

*Sau đây là trích toàn văn lời tâm nguyện của Hòa thượng Thích Quảng Đức trước lúc tự thiêu. xin cúng dường quý vị. Để chúng ta biết rằng ở Việt Nam, trong thời gian chiến tranh có những tấm gương như thế. Để cho chúng ta được sống bình an, tự do trong Đạo pháp như ngày hôm này.*

|  |  |
| --- | --- |
| *“* | *Tôi pháp danh Thích Quảng Đức, Hòa thượng trụ trì Chùa Quán Âm Phú Nhuận (Gia Định).Nhận thấy Phật giáo nước nhà đương lúc ngửa nghiêng, tôi là một tu sĩ mệnh danh là trưởng tử của Như Lai không lẽ cứ ngồi điềm nhiên tọa thị để cho Phật Pháp tiêu vong, nên tôi vui lòng phát nguyện thiêu thân giả tạm này cúng dường chư Phật để hồi hướng công đức bảo tồn Phật giáo.Mong ơn mười phương chư Phật, chư Đại Đức Tăng Ni chứng minh cho tôi đạt thành chí nguyện như sau:*1. *Mong ơn Phật Tổ gia hộ cho Tổng thống Ngô Đình Diệm sáng suốt chấp nhận năm nguyện vọng tối thiểu của Phật giáo Việt Nam ghi trong bản tuyên ngôn.*
2. *Nhờ ơn Phật từ bi gia hộ cho Phật giáo Việt Nam được trường cửu bất diệt.*
3. *Mong nhờ hồng ân chư Phật gia hộ cho chư Đại đức Tăng Ni, Phật tử Việt Nam tránh khỏi tai nạn khủng bố bắt bớ giam cầm của kẻ gian ác.*
4. *Cầu nguyện cho đất nước thanh bình, quốc dân an lạc.*

*Trước khi nhắm mắt về cảnh Phật, tôi trân trọng kính gởi lời cho Tổng thống Ngô Đình Diệm nên lấy lòng bác ái từ bi đối với quốc dân và thi hành chánh sách bình đẳng tôn giáo để giữ vững nước nhà muôn thủa.Tôi tha thiết kêu gọi chư Đại Đức Tăng Ni và Phật tử nên đoàn kết nhất trí hy sinh để bảo tồn Phật giáo.**Nam Mô*[*Đấu Chiến Thắng Phật*](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%A5u_Chi%E1%BA%BFn_Th%E1%BA%AFng_Ph%E1%BA%ADt)*Làm tại*[*chùa Ấn Quang*](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%B9a_%E1%BA%A4n_Quang)*, ngày mùng*[*8 tháng 4*](https://vi.wikipedia.org/wiki/8_th%C3%A1ng_4)*nhuần năm*[*Quý Mão*](https://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%C3%BD_M%C3%A3o)*Tỳ kheo Thích Quảng ĐứcKính bạch* |

*Hình ảnh Ngài uy nghiêm, trong tư thế kiết già, không mảy may động đậy giữa ngọn lửa cháy rừng rực đã làm dư luận thế giới phải trấn động. Trái tim Ngài vẫn mang một màu đỏ, dù cho có bị cho vào trong lò thiêu đến 4000 độ thì trái tim không mảy may hư hoại. Hoa sen trong biển lửa thì hoa sen vẫn không bị tàn, hoa sen vẫn tỏa hương trong lòng mọi người, trong lòng dân tộc.*

***9.Xả tâm:*** lòng vị này luôn hoan hỷ vui vẻ, không chấp trước.

Ví như đệ tử hay phật tử ở chùa rồi, có điều gì không vui xảy ra, thì ban đầu cũng thực tập để qua đêm rồi xong, dần dần chuyện gì xảy ra mình chẳng còn để trong tâm, chỉ luôn nhớ đến mình là người tu, điều mình cần là cầu sinh Tây Phương Cực Lạc, là niệm Phật A Mi Đà...

*Như chiếc lá sen kia vậy, nước sạch đổ vào, nước đó cũng trôi,nước bẩn đổ vào, nước đó cũng trôi đi, lá sen không sạch hay bẩn vì nước đó cả. Nó chỉ có công việc là cùng với toàn thể cây sen đó tạo ra những bông sen thơm mát, trong sạch mà thôi. Thành bại, khen chê đối với mình như cơn gió thoảng, có gì mà phải lưu luyến bận lòng.*

Các quý vị Phật tử mình đến chùa cúng dàng, dù cúng dàng nhiều thế nào đi chăng nữa thì cũng đừng lấy đó làm tự hào. Đừng chấp vào cái tướng mà mình đã làm được. Mình chỉ là hạt cát nhỏ trong bãi sa mạc mênh mông. Mình làm cũng chỉ mong muốn cho chánh pháp trường tồn, cúng dàng được ba la mật thì công đức của các quý vị mới lớn. Đức Phật dạy: ta nhận lại được lại những gì ta cho đi, chỉ những gì ta cho đi, đó mới là của cải thực sự của ta. Còn những thứ ta tích trữ thì nó lại bị những nạn như nước, lửa thiêu rụi hoặc cuốn đi mất... Biết được như thế, rồi tiến tới hiểu được, rồi làm được thì cuộc sống của chúng ta sẽ luôn an vui.

*Có những người đến nói với chúng tôi muốn cúng dàng nhà chùa đôi hoàn phi câu đối hay tượng Phật, rồi ngỏ ý muốn ghi tên của gia đình mình ở câu đối đó hay pho tượng đó.*

*Tôi nói nếu ghi như vậy thì công đức các quý vị sẽ bị giảm đi rất nhiều, nhiều người lễ lạy, Chư Tăng chư Ni còn lễ bái, hoành phi câu đối còn được treo cao hơn tượng Phật. Như cậy vô tình quý vị lại còn bị tổn phước. Tôi cũng nói nếu họ không tin tưởng có thể đi chùa khác để cúng dàng.*

*Điều tôi muốn hướng đến là quý vị cúng dàng Ba La Mật. Cúng dàng Ba La Mật sẽ là nhân để mình đến bờ bên kia, đến bờ giải thoát. Cúng dàng cần được khen ngợi, rồi cho người khác biết thì chỉ là phước báo hữu lậu mà thôi. Vẫn là những tịnh tài tịnh vật đó, nhưng quý vị cúng với tâm bao la, rộng lớn, xả thì sẽ hướng đến quả vị của Bồ tát.*

***10.Nguyện tâm:*** vị đó phát nguyện đời đời, kiếp kiếp sinh ra sẽ được gặp và học Phật pháp.Học Phật Pháp để xa rời bến mê, quay về bờ giác. Một ngày qua đi, chúng ta không được sống và hành trì theo chánh pháp như vậy là lãng phí một ngày.

*Nguyện đời đời sinh ra được gặp Phật pháp, được tu hành, nguyện sớm thành Vô Thượng Bồ Đề để cứu độ chúng sinh. Các vị Bồ tát ở ngôi Thập tín phải luôn phát nguyện như vậy.*

Tiếp theo ***Thập tín*** là ***Thập trụ*** còn được gọi là ***Thập giải***

1.***Sơ phát tâm***: còn được gọi là pháp thí trụ. Các vị này thường hiện thân làm cư sĩ, thường khởi ý niệm gần gũi Tam Bảo, thân cận bậc thiện tri thức để học đạo. Hàng sơ phát tâm Bồ tát, mới là chính thức đi vào ngôi nhà Phật pháp.

Mặc dù Phật đã nhập Niết Bàn rồi nhưng công đức, pháp thân của Ngài vẫn trụ thế lâu dài ở thế gian, chúng ta có cầu thì sẽ có cảm, có cảm thì sẽ có ứng. Vì vậy mà gần gũi Phật chúng ta sẽ khởi được tâm cung kính, biết ơn, khiêm tốn, sinh tâm hướng thiện. Khi quý vị đến những ngôi chùa trang nghiêm, tượng Phật tố hảo, tăng ni, tín đồ Phật tử có tu hành chân chính, thì chỉ cần bước vào ngôi chùa đó thôi, tâm quý vị cũng rất bình an rồi. Vào trong chánh điện, nhìn thấy tượng Phật, mình cũng khởi tâm lễ Phật, không cần ai phải khuyên chúng ta làm những việc đó cả. Gần tượng Phật còn được thế huống chi chúng ta còn được sinh về Tây Phương Cực Lạc, thân cận A Mi Đà Phật thì con đường Bồ đề của chúng ta sẽ mãi không thoái chuyển.

Mới đây, chúng ta thấy Tổng thống Mỹ Obama rước một pho tượng Phật và thờ ở nơi rất trang trọng tại nhà trắng. Công đức pháp thân viên mãn của Đức Phật, khiến cho không kể là người Châu Á, châu Âu, châu Úc...họ đều sinh tâm cung kính ngài. Ai có duyên với Ngài chỉ cần nhìn thấy tôn tượng của Ngài là đã khởi tâm cung kính rồi.

Còn gần gũi Pháp là gần gũi với Tam Tạng thánh điển: Kinh, Luật, Luận. Đọc tụng, xưng tán hàng ngày đầu tiên chúng ta sẽ tăng trưởng trí tuệ, công đức, hạt giống giác ngộ sẽ ngày được nuôi nấng lớn lên. Khi trí tuệ tăng trưởng thì dần dần lòng tham ái được tiêu đi, sự đố kỵ tham ái cũng dần dần tiêu trừ nhường lại chỗ cho tâm thanh tịnh.

Gần gũi Tăng Bảo – đoàn thể gồm từ bốn vị sư trở lên, sống hòa hợp, cùng chung một chính pháp, cùng đi trên một con đường, con đường giác ngộ. Tăng chỉ cho sự hòa hợp đại chúng. Gần gũi sự thanh tịnh, hòa hợp của chúng tăng chúng ta học được đức hạnh hòa hợp của Chư Tăng.

Thân cận bậc thiện tri thức hay minh sư. Minh là sáng, sư có nghĩa là vị thầy xuất gia, hoặc bậc thiện tri thức, học giả có đạo hạnh có khả năng hướng dẫn cho mình đi con đường chính pháp. Những vị Bồ tát sơ phát tâm cần cầu những vị tu tập chân chính, giới hạnh tinh nghiêm để chỉ cho mình pháp học và pháp hạnh. Pháp học làm cho mình tiêu trừ sự nghi vấn, sáng tỏ trí tuệ của mình. Pháp hành là phương pháp hành trì giúp mình diệt trừ tham, sân, si, để có được sự thanh tịnh của nội tâm. Một vị Thầy cần phải có pháp học lẫn pháp hành mới chỉ bảo cho chúng ta được.

Ví dụ khi quý vị ngồi thiền, cơ thể như có trăm nghìn mũi kim đâm vào, quý vị trì chú, niệm Phật không thấy hết. Lúc đó quý vị đến bạch Thầy. Nếu người Thầy của Quý vị chưa từng có trải nghiệm này, tức chưa có pháp hành thì không thể giải đáp cho. Trong “Chỉ Quán Tọa Thiền ” của Thiên Thai Trí Giả Đại Sư, ngài có dạy lúc đó chính là do một con quỷ có tên là Thâu Lạp Thác Chi sai trăm nghìn con quỷ nhỏ đến để phá đạo hạnh của người tu. Trước đây con quỷ này cũng là một vị Tăng xuất gia, do phá giới nhưng lại là tu hành tinh tấn. Bị Tăng tẩn xuất, con quỷ này rất hận Chư Tăng. Nó phát nguyện là Đại Thần Lực Quỷ có tên là Thâu Lạp Thác Chi để pháp phạm hạnh của Tăng. Cứ mười người ngồi thiền thì đến chín người sẽ mắc qua giai đoạn này. Lúc đó, có một cách đó là kêu tên và đuổi nó đi. Kêu tên và bảo: “Ta là người xuất gia, không phạm giới. Xưa kia ngươi cũng là một vị Tăng, do phạm giới mà bị đuổi. Người sinh vào loài Quỷ thần có tên là Thâu Lạp Thác Chi. Nay ta đã biết ngươi, ta không sợ ngươi nữa. Ngươi hãy đi đi”. Rồi người đó đọc tụng lăm giới nếu là người tại gia. Nếu các vị là người xuất gia thì đọc những giới căn bản. Cứ đọc như thế một lúc nó xấu hổ và nó sẽ đi. Khi mình đọc giới lên thì các vị hộ pháp sẽ đến và tẩn xuất được người Tăng đã phá giới đó ra khỏi cơ thể mình.

**2.*Trì Địa Trụ*** hay còn gọi là T***rị Địa Trụ***: Vị Bồ Tát này hướng vào trong pháp không để hành trì, làm thanh tịnh nội tâm mình, để cầu liễu giải được tám vạn bốn ngàn pháp môn. Hướng vào kinh điển Đại Thừa, đặc biệt là Bát Nhã. Chỉ cho các vị tu tập “hồi tiểu hướng đạo”.

3.***Tu Hành Trụ*** hay còn gọi là ***Ứng Hạnh Trụ:*** Vị này do được gần gũi thiện tri thức, học được các pháp, thành tựu được nội tâm, rồi sau đó lên được trì địa trụ, có được công đức nhất định, sẽ tiến lên địa vị thứ ba là Tu Hành Trụ. Lúc này vị này có thể đi để giáo hóa chúng sinh. Có thể ngồi trên tòa pháp, tự do tự tại, đem sở học, sở hành, sở kiến của mình giáo hóa chúng sinh. Giúp cho chúng sinh xa rời bến mê, quay về bờ giác, bỏ tà theo chính...

4.***Sinh Quý Trụ***: vị này thường trụ tâm của mình trong chính pháp của Đức Phật. Ví dụ mình tu Tịnh Độ thì luôn niệm Phật, không chỉ niệm bằng môi lưỡi mà còn niệm ở trong Tâm, chẳng rời công đức thực tướng, pháp thân của Phật. Trụ trong một cảnh sẽ được sinh ra vô lượng công đức, vô lượng trí tuệ.

5.***Phương Tiện Cụ Túc Trụ***: chỉ cho các phương tiện để hành đạo. Người này dùng tất cả các phương tiện thiện xảo để dẫn dắt, giáo hóa chúng sinh vào đạo, không phân biệt các pháp nào. Vị này nói năng hay hành động không còn trái lỗi. Biết tùy căn cơ mà có phương tiện để giáo hóa chúng sinh. Các vị này thường hiện thân tướng của các vị Tăng hoặc thân tướng của các vị Đại cư sĩ. Như cư sĩ Lý Bỉnh Nam tuy Ngài là cư sĩ tại gia nhưng có hàng nghìn người đến học với Ngài, hòa thượng Tịnh Không khi còn trẻ, lúc xuất gia rồi cũng đến theo Ngài học đạo. Ở Việt Nam thời xưa có Tuệ Trung Thượng Sĩ, là thầy của vua Trần Nhân Tông. Ngài như một vị Bồ tát tại gia, được coi như cư sĩ Duy Ma Cật của Ấn Độ.

6. ***Chính Tâm Trụ*** hay còn gọi là ***Hành Đăng Trụ***: vị này luôn trụ trong chính tâm, bình đẳng, bác ái của hàng Bồ tát.

7. ***Bất Thoái Trụ:*** Ở trong Phật môn có hai con đường, một là tiến, hai là thoái, bạn không tiến thì đó đã là thoái. Tiến lên thành tựu thì sẽ thành Phật.Còn thoái thì sẽ mãi ở trong luân hồi. Pháp hạnh của Bồ tát vị này không còn bị thoái lui đi xuống nữa.

Ngài Mục Kiền Liên khi còn tu hành Bồ Tát đạo, đã đạt đến ngôi lục trụ, chưa đạt đến ngôi Bất thoái trụ. Ngài phát Bồ Đề Tâm tu hạnh bố thí. Nhưng khi chịu khổ khoét một con mắt cho ngoại đạo, bị họ không dùng, liệng xuống đất, nhổ nước dãi, lấy chân chà đạp lên trên. Ngài còn thối thất Bồ đề tâm. Như vậy, để thấy hành Bồ tát đạo phải phát tâm Bồ đề kiên cố và tu hành Bồ tát đạo là rất khó.

Chúng ta là những người tu Tịnh Độ, quý vị biết là khi được về Tây Phương Cực Lạc thì đã được thành A Duy Việt Trí Bồ Tát rồi, đây là ngôi thất địa tức ngôi vị thứ 47 trong 53 quả vị. Bất trụ mới là quả vị thứ 17, còn như ở cõi này chúng ta có được đến ngôi Lục trụ như Ngài Mục Kiền Liên chưa? Hiếm ai có thể phát tâm như Ngài khoét mắt mà đưa cho người khác. Nói vậy để thấy được rằng lòng bi mẫn của Đức Thế Tôn đối với chúng ta bao la đến nhường nào. Thương đến chúng sanh đời mạt pháp mà Ngài nói ra pháp môn Tịnh Độ, niệm A Mi Đà Phật để cầu vãng sinh, về được Tây Phương liền chứng ngôi Bất thoái. Đó cũng là lý do mà pháp sư Tịnh Không từng giảng đến các hàng Bồ tát khi nghe đến vậy còn khó tin. Trong kinh Vô Lượng Thọ còn có rất nhiều vị Bồ tát ở các cõi nước khác còn không được nghe đến pháp môn Niệm Phật.

*Mới đây, có bạn sinh viên viết thư cho tôi với tâm trạng rất hoang mang. Bạn nhận được một bài viết của tác giả có tên là Hộ Pháp, người này kể chuyện về một người đến hỏi một vị xuất gia theo Nam Tông. Người kia thắc mắc là họ có đọc và xem về những người niệm Phật cầu vãng sanh. Những người đó khi mất đi trong tiếng Niệm Phật, thân thể họ mềm mại, nét mặt hồng hào tươi tắn, có trường hợp khi thiêu còn có Xá Lợi... Vị kia thắc mắc tại sao đã là thời Mạt Pháp, nghĩa là người tu chứng thời này sẽ rất ít, căn cơ chúng sinh không bằng thời xưa mà nay lại có nhiều người Niệm Phật được vãng sinh đến vậy. Nếu mà nhiều người thoát luân hồi, về cõi Phật như thế thì thời này không phải là thời Mạt. Vị sư Nam tông kia trả lời: “Những người đó- tức những người Niệm Phật cầu vãng sinh, không phải tu chánh pháp mà là tu theo tà pháp. Cõi Tịnh Độ là do người tu Tịnh tưởng ra. Do tưởng hoài, rồi đến lúc gần chết tưởng rằng thấy quang minh, tưởng rằng thấy Cực Lạc nhưng thực ra không phải....Rồi ông lấy dẫn chứng từ các bộ Kinh Nykaya ra để phản bác. Bảo rằng pháp môn Tịnh độ là do ông sư là Huệ Viễn ở Trung Quốc sáng lập ra, chứ không phải là của người Ấn Độ....rồi ông còn mang nhiều dẫn chứng khác nhằm đả phá Tịnh Độ...”.*

*Người kia lại hỏi: Vậy vì sao họ chết đi, thân thể lại không hôi thối, cứng đơ như người bình thường.*

*Ông kia lại trả lời là do “tưởng” mà sinh ra như thế, kể cả có Xá Lợi cũng là do “Tưởng” mà ra.*

*Rồi cuối cùng quy cho Tịnh Độ là ngoại đạo. Nếu theo pháp này là theo pháp tu của người Trung Quốc chứ không phải là giáo lý Đức Phật Thích Ca dạy từ xưa.*

*Quý vị nghĩ sao? nghe đến đây quý vị có bị lay chuyển không? Nếu không có chính kiến vững vàng thì thấy họ đưa ra dẫn chứng cũng có vẻ có lý, rồi kinh điển họ đưa ra để dẫn chứng cho Tịnh Độ là ngoại đạo thì họ mang kinh Nykaya tương đương với kinh A Hàm bên Bắc Tông làm dẫn chứng.*

*Nhưng cái có lý của họ chỉ là nhỏ nhặt mà thôi.*

*Người xưa có câu: “Người tà mà hành chính pháp thì chính pháp cũng thành tà pháp”. Tri kiến sai lầm rồi mang cái tri kiến ấy ra, trùm lên kinh điển của Đức Phật để kiến giải, thì kiến giải của họ cũng sẽ sai lầm.*

*Người Việt Nam ta có câu “Ếch ngồi đáy giếng”. Con ếch ngồi đáy giếng nó tưởng rằng khoảng không, bầu trời chỉ to bằng cái miệng giếng. Nhưng thực ra bầu trời, khoảng không không nhỏ như nó nghĩ. Chúng ta là người Việt Nam, chưa được đi đến đâu, nếu bạn chưa từng thấy máy bay, bạn không thể tin được làm sao mà cái vật có khổi lượng gấp trăm lần cái ô tô mà bạn thường hay thấy lại có thể bay trên trời. Quá vô lý...Nhưng khi tận mắt nhìn thấy thì bạn sẽ tin. Người trí thì không cần phải đến tận lúc nhìn thấy máy bay mới tin là máy có thể bay được. Họ sẽ biết so sánh, cái kim khi thả xuống nước, kim sẽ chìm, nhưng thuyền bè nặng hơn kim rất nhiều, thuyền bè lại có thể đi trên mặt nước vv...*

*Mình là người Việt Nam mình không thể cho rằng thế giới chỉ có mỗi Việt Nam và Trung Quốc và Lào, Campuchia...thế giới còn nhiều nước khác. Ngoài Châu Á thì còn nhiều Châu khác. Cuộc sống của ta cũng chưa phải là hạnh phúc nhất, an lạc nhất, tiên tiến nhất...mà còn nhiều nơi phát triển, văn minh hơn ta nhiều. Chúng ta còn phải theo họ đến vài chục, vài trăm năm nữa cũng chưa phát triển hiện đại bằng họ. Như bản thân tôi khi sang Hồng Kông, cái đầu tiên tôi cảm nhận được đó là văn minh đường phố, đường của họ không hề lớn hơn ta, nhưng họ lại văn minh và khoa học hơn chúng ta rất nhiều, ý thức hơn chúng ta rất nhiều...Còn ở Châu Âu, có những nơi, sạp hàng của họ không cần có người thu ngân, người đến mua hàng, tự chọn hàng, tự trả tiền rồi tự lấy tiền thừa...Chúng ta ở nước mình không thể nghĩ ra những chuyện như vậy, nhưng ở nước họ thì có. Tính trung thực rất cao, tính tự giác cũng rất cao...*

*So sánh như vậy, để quý vị thấy mình phải có niềm tin. Niềm tin vào Phật,tin vào A Mi Đà Phật, vào Tây Phương Cực Lạc, niềm tin vào các Tổ đã bao đời truyền lại bằng thực chứng, kinh nghiệm của các Ngài, tin vào vị Thầy đang dạy giáo pháp cho các vị. Có sự chân thành, có tín tâm như vậy thì niệm Phật, Phật mới đến đón quí vị. Nếu không quý vị niệm Phật cũng chỉ đủ làm nhân duyên để lại tu tiếp vào những kiếp về sau thôi.*

*Tôi cũng nói với em sinh viên: “Các con đừng chấp vào văn tự, Nam tông hay Bắc Tông thì đều có những bậc cao tăng, thạc đức để hoằng dương chánh pháp. Và Nam Tông hay Bắc tông cũng có những người lợi dụng Phật pháp và bản ngã của họ lớn hơn tâm cầu đạo.”*

*Thời gian gần đây ở miền Bắc chúng ta đang rộ lên hệ tư tưởng bài xích Tịnh Độ. Rồi tiến lên là bài xích tất cả những người tu theo Phật giáo Đại Thừa. Và chính là một số chùa ở miền Bắc tiếp tay cho có tư tưởng này. Họ mời các vị thầy ở miền Nam ra giảng. Các quý Thầy này lại thường tu theo Nam Tông, còn gọi là nguyên Thủy Phật giáo. Quan điểm của họ cho rằng Đức Phật chỉ thuyết có 4 bộ kinh như bài trên vừa nói là Trung Bộ Kinh, Trường Bộ Kinh, Tăng Chi Bộ Kinh, Tương Ưng Bộ Kinh mà thôi.Còn lại các bộ kinh khác đều là ngụy tạo, do pháp sư Ấn Độ và các vị Tổ Sư xưa của Trung Quốc ngụy tạo ra mà thôi, Phật giáo Việt Nam chúng ta thì đều chịu ảnh hưởng bởi các sư Trung Quốc. Họ cũng lợi dụng giai đoạn bây giờ khi quan hệ giữa Việt Nam,Trung Quốc và các nước ven biển Đông có mâu thuẫn về tình hình biển Đông. Đúng dịp này họ tuyên truyền rất mạnh. Chúng ta phải phân định rõ cái gì đi cái đấy. Như Trung Quốc có lòng tham về Biển Đông thì đã có quốc tế, đã có các tổ chức chính trị, mình là người theo Đạo Phật, mình không nên quá nặng nề đến những vấn đề như vậy.*

*Các vị sư đó còn giảng trên đời này chỉ có duy nhất một Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, ông A Mi Đà là ai,bố ông là ai? Mẹ ông là ai? Ông sinh ra ở đâu? Kinh nào nói như vậy? Thì mọi người nói là Kinh A Mi Đà, là Kinh Vô Lượng Thọ. Ông lại dẫn chứng các Kinh Nykaya ra để giải thích là không phải...Còn nói Hòa Thượng Thích Chân Thiện là tiến sĩ Phật học, là đại biểu của nước ta thì chúng ta không tin, chúng ta còn tin ai. Ông ta dẫn chứng rất khoa học, các Phật tử làm sao có trình độ để mà phản biện lại.*

*Những vị này nói họ tu theo nguyên thủy Phật giáo, nguyên thủy Phật giáo ăn chính ngọ một bữa. Vậy các vị ăn được một bữa chưa? Hay vẫn ăn hai ba bữa. Nguyên thủy Phật giáo là đi khất thực trước chính ngọ, nhưng các vị có đi khất thực trước chính ngọ không? Những người tu nguyên thủy Phật giáo không được nhận tiền tài cúng dường, nhưng khi “giảng pháp” xong các vị vẫn nhận. Nhìn ngay những hành động các vị có tu theo đúng nguyên thủy không để mà xem xét là thấy ngay. Vậy mà các vị này lại cứ đi bài xích tư tưởng Phật giáo Đại Thừa như vậy có đúng không???*

*Ở Miền Bắc chúng ta có ngôi chùa Đậu, thờ nhục thân của hai vị thiền sư Vũ Khắc Minh và Vũ Khắc Trường, rồi ở Hưng Yên có nhục thân của thiền sư Chuyết Chuyết tại chùa Phật Tích tại Thuận Thành- Bắc Ninh bây giờ...Mấy trăm năm nay, nhục thân của các Ngài vẫn tồn tại, nếu không phải là bậc cao tăng đắc đạo, tu đến mức đại triệt, đại ngộ thì nhục thân của các Ngài còn đến bây giờ nữa không.*

*Các vị sư Nam Tông kia giao giảng những người tu theo Bắc Tông là đạo Bà La Môn hóa, pha trộn với văn hóa Trung Quốc. Giờ đây, Việt Nam chúng ta đã đủ lớn, đủ mạnh, không phải dựa vào đó nữa, phải tự lực cánh sinh, học Đạo Phật của Việt Nam. Đạo Phật Việt Nam tức là phải nương vào bốn bộ kinh do Hòa Thượng Minh Châu dịch. Hòa Thượng Thích Minh Châu được coi là một bậc cao tăng của Việt Nam, trước đây Ngài cũng là một người xuất gia theo Bắc Tông Phật giáo, Ngài rất thông minh, trí tuệ và thanh đạm. Sau này, giáo hội ở đàng trong cử Ngài đi học ở Srilanka, bên đó toàn theo Phật giáo Nam tông, lúc đó Ngài cũng đắp y theo Nam Tông. Sau khi học thành tưụ, Ngài thấy ở Việt Nam, bốn bộ Nykaya chưa được hoàn chỉnh. Vì vậy, Ngài đã dịch cho hoàn chỉnh cả Kinh Pháp Cú vv...từ tiếng Pali sang tiếng Việt. Rồi họ nói chỉ có những bộ Kinh trên mới là của Phật giáo Việt Nam, và chỉ có những bài kinh trong Nhật Tụng Thiền Môn, Chư Kinh Nhật Tụng của Hòa Thượng Thích Nhất Hạnh biên soạn mới là giáo lý của Phật giáo Việt Nam. Chúng ta không biết rằng Hòa Thượng Minh Châu là thành viên Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam,trước khi thị tịch Ngài là Phó Pháp Chủ nếu Ngài có sự phân biệt thì làm sao Ngài ngồi cùng với Đệ Nhất Phó Pháp Chủ Hòa Thượng Thích Trí Tịnh, Đức Pháp Chủ Hòa Thượng Thích Phổ Tuệ?*

*Hòa Thượng Thích Nhất Hạnh cũng xuất gia theo hệ phái Bắc Tông, Ngài xuất gia tại chùa Từ Hiếu ở Huế. Đến bây giờ, các vị xuất gia ở những nơi Ngài trụ trì vẫn theo truyền thông Phật giáo Bắc Tông.*

*Nếu Đức Phật thành đạo ở Trung Quốc, Việt Nam hay ở Mỹ chẳng hạn thì tôi tin rằng người ở đó ăn mặc thế nào thì khi thành Đạo Ngài cũng ăn mặc như thế. Người dân Ấn Độ thời đó ăn bằng ba ngón tay, Đức Phật cũng phải ăn bằng ba ngón tay. Trong Luật của chúng tôi, Đức Phật cũng chế khi ăn phải nắm cơm như thế nào, cho vào miệng thế nào. Nhưng ở Việt Nam, người ta ăn bằng đũa, chúng tôi cũng ăn bằng đũa chứ không ăn bằng tay như Ngài dạy.*

*Cho nên chúng tôi muốn nói, Phật pháp không có một tướng nhất định nào, và chính trong kinh Nykaya và kinh A Hàm, Đức Phật cũng dạy đi đến quốc độ nào, phải nghiên cứu truyền thống, văn hóa ở đất nước đó, để dễ dàng thâm nhập rồi hóa độ.*

*Chúng ta không phải chỉ học được những điều Đức Phật dạy trong kinh, rồi đem dẫn chứng, lấy đó để phỉ báng người khác, hệ tư tưởng của những phái khác.... Như thế là một sai lầm lớn.*

*“Y Kinh giảng nghĩa, Tam Thế Phật oan*

*Ly Kinh giảng nghĩa tức đồng Ma thuyết”.*

*Nhờ có văn tự để lại mà chúng ta được tiếp xúc với giáo lý của Đức Phật, nhưng chúng ta cũng không được chấp chặt vào văn tự, từng câu, từng chữ để rồi kết luận thế nào là đúng, thế nào là không, theo tri kiến của chúng ta.*

*Bạn sinh viên sau khi đi nghe bài pháp thoại của vị giảng sư kia, trở về nhà với tâm trạng rất hoang mang. Thầy đó giảng rất logic, phù hợp với những gì từ nhỏ đi học bạn được học, cái gì cũng phải có dẫn chứng, có chứng cứ. Nhưng nếu giờ đây không niệm Phật, em thấy như thiếu một cái gì đó, em không an tâm. Mà nếu giờ niệm Phật thì Thầy đó nói là tiếp tay cho ngoại đạọ.*

*Đi học pháp Phật mà không yên ngày nào thì đó có được gọi là học Phật không. Cho nên, học Phật thời nay khó vô cùng. Chúng ta phải nhìn vào thực tế.*

*Lịch sử Phật giáo Việt Nam thời kỳ hoàng kim nhất là thời nhà Lý và nhà Trần. Đặc biệt là ba vị tổ Trần NhânTông, Huyền Quang và Pháp Loa. Ba vị tổ này đã làm rực rỡ dòng Thiền Trúc Lâm Yên Tử, là niềm tự hào của đất nước. vậy mà, cũng là người Việt Nam, cũng tu theo Đức Phật mà họ bảo là ngoại đạo, là phụ thuộc Trung Quốc. Nếu chúng ta phụ thuộc Trung Quốc, Chúng ta đã không có đến 3 lần đánh thắng trước nạn giặc xâm lăng. Nếu là chính dù thế nào chúng ta cũng theo, không phân biệt trong hay ngoài, không phân biệt nước tôi, nước bạn. Nhưng nếu ảnh hưởng đến đời sống nhân sinh, gây chết chóc, đau khổ chúng ta không được phép quỳ gối. Người theo Phật giáo có làm yếu đất nước hay không? Điều này tự các vị có thể tự chiêm nghiệm được.*

*Học Phật cần có trí tuệ, trí tuệ này cũng không phải là nhìn vào một, hai, ba hay bốn bộ kinh. Mà trí tuệ ở đây là có cái nhìn xuyên suốt về giáo điển của Đức Phật, có cái nhìn xuyên suốt về lịch sử của đất nước cũng như thế giới.Lên bục giảng kinh, giảng pháp nhiều người làm được, nhưng giảng làm sao đúng theo bản ý của Đức Phật, giúp chúng sinh không bị mê lầm đấy mới là điều quan trọng.*

*Kinh Đại Bảo Tích Đức Phật nói: “Thời mạt pháp tà sư thuyết pháp như cát sông Hằng”.*

*Nếu vị nào đã có tâm sáng rồi, đức tin, tu tập đã sáng tỏ thì chúng ta có thể đi các nơi để nghe giảng. Tôi có thể nghe hết các vị Nam tông hay Bắc tông thuyết giảng, tôi có thể nghe các vị không thuộc Phật giáo thuyết trình những vấn đề của họ. Và biết chắt lọc những gì họ nói là có ích để biến trở thành của mình. Nói như thế không phải để chứng minh rằng tôi tài giỏi mà ý tôi muốn nói ở đây là tôi có một niềm tin chân chánh nơi pháp môn tôi đã chọn, niềm tin của tôi không bao giờ bị lay chuyển.*

*Những gì tôi nói hôm nay, cũng không phải vì tôi sân hận mà nói. Những vị đó đều là anh em của chúng tôi. Chúng tôi cùng sinh ra từ một mẹ. Là anh em trong một nhà. Mong các vị có thể quay lại được, khi đã là giảng sư trên bục giảng thì sẽ khác ngồi ăn cơm ở nhà. Lên bục giảng đó chính là thay Đức Thế Tôn để giáo hóa chúng sinh, đem bánh xe pháp truyền bá khắp nhân gian, bây giờ phương tiện truyền thông đại chúng khi đưa lên mạng, thì cả thế giới nghe thấy. Cho nên không cẩn thận sẽ gây những hậu quả rất nguy hiểm.*

*8.* **Đồng Chân Trụ***:* nghĩa là người này nguyện đời đời, kiếp kiếp khi sinh ra, xuất gia học đạo luôn, không vướng vào những sự ô uế, nhiễm ô của ái dục, ái nhiễm của thế gian.

***9. Pháp Vương Tử Trụ***: Pháp Vương nghiã là Vua Pháp, chỉ cho Đức Phật, chữ Tử là con. Các vị Bồ Tát này có thể được Phật thụ ký cho chứng được quả Phật được rồi, nhưng vẫn phải hành đạo để cho trí tuệ và công đức được viên mãn.

10. ***Quán Đỉnh Trụ***: Được Đức Phật lấy nước thụ ký, lấy tay xoa đầu vị đó. Giống người sau khi sinh ra rồi được chỉ định làm Đông Cung Thái Tử hay Hoàng Thái Tử. Cũng như vậy Pháp Vương Tử thì có rất nhiều nhưng để được thành Phật, hay vãng sinh đời này không thì chưa chắc. Như người tu theo Tịnh Độ thì được Đức Mi Đà thụ ký ngày, giờ vãng sinh.

Trên đây là mười pháp Thập Trụ Vị của hàng Bồ Tát.

***Giảng Kinh Bản Nguyện Của Bồ Tát Địa Tạng (Tập 13)***

Hôm nay, chúng ta tiếp tục nghiên cứu về ***Thập Hạnh*** của Bồ Tát.

1.***Hoan Hỷ Hạnh***: là hạnh thứ 21 trong 53 quả vị của Bồ tát. Do đã tu tập ở trong thập tín và trụ tâm trong thập trụ cho nên tâm Bồ tát ở ngôi vị này luôn hoan hỷ. Sự hoan hỷ này không phải từ người khác làm cho mình vui thì mình hoan hỷ, mà đó do công đức tu hành mà có được.

Quý vị thấy các vị tôn túc như Hòa Thượng Thích Thanh Từ, nhìn lúc nào Ngài cũng như cười, rất hoan hỷ, không bao giờ thấy Ngài lộ ra nét mặt phiền não, cau có hay giận giữ. Thiền sư Nhất Hạnh thì luôn trang nghiêm. Hòa Thượng Tịnh Không chuyên niệm Phật, nét mặt Ngài lúc nào cũng hoan hỷ và rạng ngời. Sự hoan hỷ của các Ngài không phải do bên ngoài đưa tới mà xuất phát từ bên trong. Tâm các Ngài nếu tu thiền luôn trụ trong Định, còn tu niệm Phật thì trụ trong câu Niệm Phật.

Thậm chí trong Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm, pháp sư Ngộ Hạnh là đệ tử của Hòa Thượng Tịnh Không có bạch Hòa Thượng là ở Đài Loan có rất nhiều người mắng Hòa thượng Tịnh Không, nói Ngài truyền bá mê tín dị đoan, đi ngược lại với đức tin của Phật giáo. Hòa Thượng đáp rằng: “Họ nói thế nào thì nói, hãy kệ họ.” Đệ tử của Ngài ngỏ ý muốn viết bài đáp trả lại những quan điểm sai lầm của những người kia. Hòa Thượng khi đó nhẹ nhàng cầm tập tài liệu người khác đả phá, chỉ trích Ngài cho vào thùng rác. Hòa Thượng nói: “Họ mắng tôi, tôi chịu được, họ chửi tôi, tôi chịu được. Các ông không phải lo những việc đó”. Và Hòa Thượng vẫn tươi cười, không mảy may phiền não.

*Khi xưa, một Bà La Môn có bao nhiêu đệ tử đều đã đi theo Phật hết cả, ông ta bèn đến chửi rủa Đức Phật, chửi từ sáng đến trưa, từ trưa đến tối. Đức Phật không nói một câu nào. Cuối cùng, ngoại đạo tức quá hỏi:*

* *Cồ Đàm ông điếc sao?*
* *Không .*
* *Sao không trả lời?*

*Đức Phật dịu dàng hỏi lại: giả sử ông đem quà tặng cho người kia mà người đó không nhận, thì quà đó thuộc về ai?*

* *Thì vẫn là của tôi.*
* *Cũng thế đấy, Bà La Môn, ta không nhận thì lời ông nói đâu có dính dáng gì đến ta.*

*Vị Bà La Môn đó sau khi nghe xong liền ngộ ra rồi xin Đức Phật thuyết pháp cho nghe, rồi cũng xin xuất gia làm đệ tử của Đức Phật.*

Chúng ta thấy Đức Phật thị hiện giáo hóa chúng sinh, Ngài có công đức, trí tuệ viên mãn như vậy mà người ta còn đến chửi rủa Ngài. Nhưng Ngài không để trong tâm mình “Tùy duyên mà bất biến”, khi chúng sinh biết sai rồi, xin Ngài chỉ dạy thì Ngài vẫn hoan hỷ thuyết pháp rồi thâu nhận họ làm đệ tử của mình. Đó chính là Hoan hỷ hạnh vậy.

***2. Nhiêu Ích Hạnh:*** đó là làm những việc đem lại lợi ích cho chúng sinh. Các Ngài có thể dùng các phương tiện để cho cúng sinh được an lạc.

 *Ai đã được xem về cuộc đời của Lão Hòa Thượng Hải Hiền, Ngài thọ đến 112 tuổi, 112 tuổi Ngài vẫn trèo lên cây hồng để hái làm quà cho các Phật tử từ phương xa đến thăm Ngài. Ngài đi vào đời thị hiện là không biết đọc, không biết viết. Cả đời tu hành của Ngài từ hơn 10 tuổi đến 112 tuổi chỉ có một câu là A Mi Đà Phật. Ngài không đi thuyết pháp, đổi lại Ngài một mình làm hơn 30 mẫu ruộng, chỉ trồng ngô, lúa, khoai, sắn. Sau đó đem tặng cho chính phủ và chia cho người nghèo. Ngài thuyết pháp không thông qua khẩu giáo mà thông qua hành động thực tế, lòng từ bi thực tế của Ngài, họ theo Ngài, tin Ngài rồi Niệm A Mi Đà Phật theo Ngài. Chúng ta biết hoàn cảnh lịch sử ở Trung Quốc cũng như Việt Nam lúc đó, chiến tranh liên miên, người dân thì thiếu thốn, đói khổ, họ không có thời gian để đi nghe pháp. Nếu Ngài thị hiện làm một người đa văn, thuyết pháp vô ngại thì những người dân kia không được Ngài độ cho như vậy rồi. Chúng ta không thể nhìn Ngài không biết chữ mà đánh giá Ngài không phải là một vị cao Tăng. Dân sống như thế nào, các Ngài thị hiện như vậy đấy, có khi các Ngài còn lam lũ, khổ cực hơn họ. Không có hình tướng nhất định nào cả. Các bậc Bồ Tát khi đi vào đời, các Ngài vì lợi lạc hữu tình mà tùy duyên thị hiện như vậy đấy.*

3. ***Vô Sân Hận Hạnh***: tức là Không còn sân hận nữa. Đã phát nguyện đem lợi ích cho chúng sinh thì dù chúng sinh có chửi, có mắng thì vẫn không giận gì chúng sinh đó. Như người cha, người mẹ chỉ hết lòng thương con, dù con cái mình có như thế nào đi chăng nữa thì cũng không bỏ con mình. Luôn giữ một tâm hoan hỷ.

Kinh Pháp Cú Phật dạy:

*“Với hận diệt hận thù*

*Đời này không có được.*

*Không hận diệt hận thù,*

*Là định luật ngàn thu.”*

Bây giờ, chúng ta bị người khác chửi, mắng đánh, có thể chúng ta vẫn cười. Nhưng đó hầu như cũng chỉ là những cái cười gượng gạo. Để học được như các Ngài cần sự thực tập nhiều lắm, phải tu nhiều đời nhiều kiếp nữa lắm. Nếu không cái nhẫn chịu của mình chỉ là sự đè nén cảm xúc thôi.

Vì vậy chúng ta phải học, gần thiện tri thức khuyên bảo. Chăm chỉ đọc kinh điển Đại Thừa, với đạo tràng chúng ta, chúng tôi đang xiển dương pháp môn Tịnh Độ thì đó là Kinh A Mi Đà, Kinh Vô Lượng Thọ và giờ đây thêm bộ kinh Kinh Bản Nguyện Của Bồ Tát Địa Tạng nữa, rồi quý vị khuyến tấn người khác cũng làm như mình. Niệm Phật, niệm danh hiệu Bồ tát cho nhiều, khi các Ngài luôn sống trong tâm mình, nhớ đến công hạnh, lòng từ bi của các ngài chúng ta sẽ không dám làm ác, không dám sân hận quá nhiều. Và khi những người xung quanh cũng tu tập như mình thì môi trường gây sóng gió cho mình hay chướng báo, ngoại cảnh quanh mình sẽ tốt lên. Mưa dầm thấm lâu, rồi những tật xấu đó sẽ giảm, sẽ bị đè bẹp, ẩn sâu xuống nơi tàng thức. Đến khi đầy đủ nhân duyên, đầy đủ căn lành. A Mi Đà Phật thấy chúng ta xứng đáng để về cõi nước của Ngài rồi, thì Ngài sẽ tiếp dẫn chúng ta.

Đối với những ai là đệ tử của Thầy, các con sau này còn có nhiệm vụ là hoằng pháp, có biết đưa giáo lý của đức Phật đến để lợi lạc cho chúng sinh, giúp chúng sinh đi theo con đường chánh pháp chúng ta mới báo đáp trọng ân của Phật được.

 Chúng ta chọn một Pháp môn là pháp môn Tịnh Độ để tu tập, một câu A Mi Đà Phật niệm đến cùng, nhưng đã là người xuất gia các con cũng phải thông hiểu giáo pháp của Đức Phật, cũng phải học hỏi đi từ thấp đến cao. Lúc đầu mới vào đạo thì đó là oai nghi tế hạnh, những pháp căn bản Đức Phật dạy như Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần, Bát Chánh Đạo phần, Thập Nhị Nhân Duyên vv...Trước kia, Đức Phật từng dạy quán Tứ Niệm Xứ thế nào thì chúng tôi phải học như thế đó, hơn bốn năm ngồi thiền để thực tập những pháp đó, để có kinh nghiệm tu tập thật ở trong giáo pháp của Đức Phật. Sau này, khi ra hoằng pháp đến giáo pháp của Đức Phật đến đại chúng phải có sự trải nghiệm rõ ràng. Lúc đó thì

 “Dù ai nói ngả, nói nghiêng

Lòng ta vẫn vững như kiêng ba chân”.

Rồi sự định tâm đó, chúng ta sẽ luôn hoan hỷ và an trú trong chánh pháp. Niềm vui của chánh pháp đã ở bên mình rồi, thì con đường hành đạo có khó khăn thế nào, chúng ta cũng sẽ không buồn phiền, sân hận, khổ đau nữa. Chỉ còn niềm an vui thôi.

***4. Vô Tận Hạnh***:

Nguyện học và thực hành độ sinh vô tận hạnh của các hàng Bồ Tát.

Đối với chúng sinh không chỉ từ bi vô tận. Mà còn phải phát nguyện gần như noi theo tấm gương của Địa Tạng Bồ Tát, Quan Âm, Thế Chí Bồ Tát, Phổ Hiền, Văn Thù Bồ Tát... học vô lượng pháp môn, độ vô lượng chúng sinh.

***Độ vô lượng chúng sinh:***

Chúng sinh đầu tiên cần được độ chính là vô lượng chúng sinh trong tâm của chúng ta vậy. Đức Phật nói Tâm chúng sinh thể hiện qua ba đặc tính căn bản là Tham, Sân, Si, ngoài ra thì đó là mạn, nghi, tà kiến, kiến thủ, giới câm thủ vv... Ba cái đầu thì được gọi là Tam Độc. Tham, sân, si được ví như ba con rắn độc. Một con rắn độc cũng đủ làm cho chúng ta mất mạng, mà chúng ta hàng ngày Đức Phật nói chúng ta luôn sống với ba con rắn độc vậy. Các loại thuốc độc ở thế gian cũng chỉ giết đi tấm thân cả chúng ta, nhưng ba cái độc kia giết chết giới, thân, tuệ, mạng của mình. Trí tuệ của mình, tánh từ bi, bình đẳng, giác ngộ của mình cũng vì nó mà chết đi. Khiến mình trầm luân mãi trong ba đường, sáu nẻo.

Những thứ ta tham cũng nhiều vô kể. Tham tài, tham sắc, tham danh, tham ăn, tham ngủ. Ba độc cứ gắn kết chặt lẫn nhau, kết thành một khối bền chắc. Vì si mê mà sinh ra tham lam, tham muốn mà không được thì lại sân, sân lên thì lại không tỉnh táo rồi lại si mê. Cứ quanh quẩn như thế, mà tham sân si cứ mãi hiện trên phần tâm thức của mình. Chúng ta phát tâm xuất gia thì sẽ độ nó, biến nó thành trí tuệ của Phật, Bồ tát.

**Học Vô Lượng pháp môn**:

Không phải hôm này chúng ta học Tịnh Độ, ngày mai chúng ta học thiền, học luật, học luận....Mà đó là học một pháp môn cho được thông tỏ, liễu ngộ, chứng nhập...thì khi đó tất cả pháp môn điều hiện rõ trong tâm mình, ở trong tâm mình mà có vậy. Đối với tất cả pháp môn mình đều tự do, tự tại, thuyết pháp nào mình cũng không nghi, mình đều nhận lãnh được, nhưng không vì thế mà bỏ pháp môn mình đang theo.

1. ***Ly Si Hạnh***:

Khi mình đã học được vô lượng pháp môn, độ được vô tận pháp môn trong tâm mình rồi. Si là một trong Tam Độc. Xa lìa si mê thì trí tuệ sẽ luôn soi sáng.

 Si là thê nào? Không biết đọc, biết viết như Hòa Thượng Hải Hiền có phải là si không? – Không! Tâm của Ngài vẫn rờ rỡ sáng suốt, ngài vị độ chúng sinh lúc bấy giờ nên phải thị hiện như họ để dẫn dắt họ.

*Lục Tổ Huệ Năng, tổ thứ sáu của Thiền sư Trung Hoa, Ngài cũng không biết đọc, biết viết, vốn chỉ là người bán củi mà thôi. Đi qua thấy người ta tụng kinh Kim Cang đến đoạn: “Ưng vô sở trụ/Nhi sinh kỳ tâm” mà ngộ đạo. Đến chỗ Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn, Ngũ Tổ đã biết rõ căn tánh của anh thanh niên không biết chữ này khi đối đáp với Ngài. Không muốn để Ngài tu chung cùng đại chúng, sợ mọi người hiềm tỵ, cũng để thử ý chí của Ngài Huệ Năng, mà Ngài được giao cho gánh nước, bổ củi, giã gạo. Chỉ có tám tháng trong chùa, Ngài được Ngũ Tổ truyền y bát. Sau 16 năm trốn trong rừng cùng đám thợ săn, Ngài mới ra đời hành đạo. Và Thiền Tông Trung Hoa từ thời của Ngài trở đi được phát triển rộng rãi.*

***6. Thiện Hiện Hạnh***:

**Thiện** đối lại với ác, **Hiện** chỉ ngay cho thời gian hiện tại này. Những việc làm tốt đẹp trong cuộc sống ngay trong lúc này. Danh từ Phật học bây giờ là công tác Phật sự. Xây chùa để hoằng pháp độ sinh, ấn tống sinh sách, làm từ thiện, dẫn dắt người khác vào đạo chính là thiện hiện hạnh. Còn hơi thở lúc nào thì còn làm thiện đến lúc đó. Hòa Thượng Tịnh Không đã hơn 90 tuổi nhưng ngày nào Ngài cũng giảng kinh hơn hai tiếng đồng hồ cho tín đồ Phật tử tin vào Pháp môn Niệm Phật, để cùng cầu sinh Tịnh Độ cùng đới nghiệp vãng sinh. Hòa Thượng đến 112 tuổi vẫn không nghỉ ngơi, vẫn trồng ngô, trồng bắp cho để cho người nghèo. Đối với hạnh của Bồ tát các Ngài không biết dừng nghỉ.

***7.Vô Trước Hạnh***: còn gọi là Vô Trược Hạnh, không còn chấp trược vào tất cả các hạnh ở trên. Hoan hỷ, nhiêu ích, vô sân, ly si... đã đem lại lợi ích cho chúng sinh rất nhiều rồi, nhưng không để lại dấu vết gì. Như trời đang nổi cơn hạn hán, người, vật, cỏ cây đều cần một trận mưa. Khi cần, mây đen sẽ kéo đến, tưới nước thấm nhuần. Mưa tạnh, mây lại tan, không để lại dấu vết gì cả. Các hàng Bồ tát làm tất cả việc độ sinh, làm tất cả các việc thiện nhưng không chấp vào một việc gì.

Như phép Tam luân không tịch, Bồ Tát khi bố thí thì không thấy người bố thí, người được nhận và vật bố thí. Bồ tát cũng không thấy việc mình làm, cái mình đã làm được và những người được nhận lợi ích từ việc của mình.

Những gì tôi đã làm được đến ngày hôm này, tôi không hề nghĩ đó là những việc lớn lao khiến cho mọi người phải tán dương, khen ngợi tôi. Tôi không hề chấp trược vào đó. Ngôi chùa dù có lớn thế nào, đẹp thế nào cũng sẽ không theo tôi khi tôi dừng hơi thở này. Điều tôi muốn là cúng dàng mình cho Tam Bảo, cùng với Phật tử thập phương góp phần cho chính pháp được hưng long...Tôi mong những pho tượng Phật ở nơi đây, khi khách đến tham quan, chiêm bái, chỉ cần nhìn thấy tượng thôi họ đã chắp tay cung kính, khởi tâm tán thán Chư Phật, Chư Bồ tát rồi. Kinh Pháp Hoa nói, một người biết đến nơi chùa miếu mà bước vào cửa biết xưng câu: “Nam mô Phật” , biết giơ dù chỉ là một bàn tay xá Phật thôi đó cũng là nhân duyên cho người đó ở những kiếp về sau học Phật pháp, tu hành rồi thành Phật. Lòng từ của Đức Phật như thế. Không phải Ngài mong người ta cúng dàng, chiếm bái, tôn sùng Ngài mà là người ta biết đến hướng thiện, hướng về tự tâm thanh tịnh của chính họ. Một người quy y họ phải biết quy y Tam Bảo là Phật, Pháp, Tăng ở bên ngoài, nhưng đồng thời cũng quy y Tam Bảo ở trong TÂM mình, quay về nương tựa nơi chính bản Tâm của mình. Chúng ta phải nhìn vào hạnh của các vị Bồ Tát như vậy mà học tập các Ngài. Dù những việc mình làm còn nhỏ lắm, chưa nhiều, chưa lớn lao như các Ngài nhưng cũng không phải khó quá mà chúng ta không thể làm được. Các Ngài cũng từng là những con người như chúng ta vậy. Các Ngài không quá gần để ta có thể được như các Ngài ngay, nhưng cũng không quá xa để điều đó là không thể. Dù đó là ba a tăng kỳ kiếp như Đức Phật đã tu hành để thành Phật, chúng ta vẫn phải cố gắng giữ Bồ Đề Tâm kiên cố. Như một trong một tiền kiếp, Thường Bất Khinh Bồ Tát đã nhắn nhủ đến hết chúng sinh rồi: “Tôi không dám khinh các Ngài, vì Ngài sẽ thành Phật”.

8. ***Tôn Trọng Hạnh***:

Luôn luôn tôn trọng, quý kính giáo pháp của Đức Phật, không luận pháp đó là Tiểu Thừa hay Đại Thừa. Học Phật chúng ta phải học điều này. Nếu học được điều này, thì trong hàng đệ tử của Đức Phật sẽ không có sự tranh cãi, hơn thua, đâu là chánh pháp, đâu là tà pháp.

Quý vị ở ngoài đời học được hạnh này thì cuộc sống sẽ bình an.

Đức Phật nói: “Bạn nhận được những gì bạn cho đi”. Khi biết tôn trọng những gì quanh mình, dù đó là cây cỏ thì bạn cũng sẽ được những thứ quanh mình đáp lại với thái độ như thế.

Tôi chưa phải là một vị Bồ Tát nhưng tôi luôn biết tôn trọng hết kinh điển của Đức Phật, trên giá kinh của mình, bộ Kinh Nykaya, Kinh A Hàm vẫn được để ở nơi trang trọng. Tôi vẫn đọc, vẫn học và cũng không bao giờ phản pháo các thầy tu khác pháp môn của tôi lựa chọn, khi họ vẫn theo hiến chương của Giáo hội và theo đúng những gì Đức Phật đã dạy. Tôi không bao giờ bảo ai theo Nam Tông là ngoại đạo, là tà pháp.

Người học Phật nếu không có người Thầy lớn dẫn đường, không học hành đến nơi đến chốn thì lạc vào trong biển mênh mông của Phật pháp. Như trong Kinh Kim Cang nói: “Lấy sắc mà cầu ta, lấy âm thanh mà cầu ta người đó hành tà pháp”. Nhưng trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ, Đức Phật lại dạy bà Vi Đề Hy mười sáu pháp quán để cầu sinh Cực Lạc, Kinh A Mi Đà Ngài lại dạy Niệm Phật đến nhất tâm bất loạn, các tổ sư Tịnh Độ lại dạy phương pháp trì danh Niệm Phật....Như vậy, có trái ngược với Kinh Kim Cang không???. Người tu theo Tịnh Độ là tà đạo hay sao?. Rồi có Kinh Ngài là nói: Bốn chín năm qua tôi không nói câu gì cả. Như vậy là sao? Chúng ta phải hiểu thế nào đây??? Đức Phật nói ra 8400 pháp môn để đối trị với 8400 phiền não của chúng sinh. Tùy chúng sinh có bệnh gì mà sẽ được điều trị bằng một phương cách khác nhau. Như nếu một người tham ái, thì Ngài quán bất tịnh, một người sân hận thì quán từ bi. Nhưng quý vị không thể đang tham ái mà quán từ bi, đang sân hận mà đi quán bất tịnh. Nếu không đang ái thì sẽ càng ái nhiễm nặng thêm, sân hận thì sẽ càng ghét người kia mà càng sân thêm.

Các tổ dạy: “Thà chấp có như núi Tu Di còn hơn chấp Không bằng hạt cải”.

Như một người chấp thân này là thật, là thường hằng bất biến nhưng cuộc sống ngày vốn nó là vô thường, vô ngã nên khi thân họ đau bệnh chúng ta có thể dựa vào đó để khuyên bỏ họ, họ sẽ dễ dàng nhận ra và thay đổi mà tu tập. Nhưng nếu một người chấp không, dù nó là nhỏ thôi, không tin nhân quả, không tin tội phước họ tha hồ làm ác thì đọa lạc sẽ dễ rơi vào đọa lạc, đã đọa lạc thì không biết ngày ra. Hơn nữa khi khuyên họ, họ cũng không chịu nghe, vì họ chấp không mà.

Điều cốt yếu là phải tôn trọng giáo pháp của Đức Phật, có cái nhìn thấu đáo vì đó đều là giáo pháp của Đức Phật. Chung một người cha thì anh phải thương em, em phải biết kính trọng, đều làm theo lời cha dạy. Chứ vấn đề không phải xét xem ai là người giỏi hơn, ai mới là con ruột của cha mình. Những tranh luận như thế thì chỉ là hý luận và làm tốn thời giờ mà thôi. Học được như thế chúng ta mới không bị mắc phải tội báng pháp.

***9. Thiện Pháp Hạnh***:

Bồ tát tu với địa vị này luôn thực hành các thiện pháp trong tam tạng Thánh điển để hoàn thiện oai nghi, tế hạnh, đem các thiện pháp đã hành trì được, đem chỉ dạy cho chúng sinh. Cung kính, y giáo phụng hành, không trái với lời của Phật Tổ đó là thiện pháp hành.

Đối với chúng ta, chúng ta không có khả năng để làm hết những hạnh lành như các ở phẩm vị này. Nhưng khi trì tụng bộ kinh Bản Nguyện của Bồ tát Địa Tạng, chúng ta hãy học theo Bồ tát Địa Tạng, theo lời dạy của Đức Phật đó là muốn phổ độ chúng sinh đó là lễ bái, trì tụng bộ Kinh này. Tất cả những lời khuyên trong kinh đều xuất phát từ lòng bi mẫn đối với chúng sinh, mong chúng sinh không bị đọa lạc, được hưởng an vui mà các Ngài nói ra như thế.

***10.Chân Thật Hạnh***:

Trụ trong đệ nhất nghĩa đế mà làm các việc. Thấy tất cả các chúng sinh đều là bình đẳng, vạn pháp vạn vật của thế gian đều là Phật pháp. Ngộ nhập và thâm giải như vậy gọi là trụ trong đệ nhất nghĩa đế. Trụ được trong một pháp nhưng hiểu được tất cả các pháp, nói được tất cả pháp mà cũng hành được tất cả pháp. Hòa Thượng Tịnh Không thường nói: Thấy người làm ác những chúng ta vẫn cung kính nhưng không khen ngợi họ. Nhà Nho có câu: Kính quỷ thân nhi viễn chi - Kính họ nhưng mình không gần họ. Không dám khinh thường ai, nhưng khi chưa đủ đức hạnh, định lực thì không dám gần họ vì sợ nhiễm tính xấu như họ. Vì Ngài trụ trong đệ nhất nghĩa mà nhìn mọi người, bản tánh vẫn là tánh Phật, vì mê nên tạm thời họ mới thành những người kia mà thôi.

*Bồ Tát Thường Bất Kinh khi xưa gặp bất cứ ai Ngài cũng nói: Tôi không dám khinh các Ngài vì các Ngài sẽ thành Phật, vài quỳ xuống lễ họ. Người ta bảo Ngài điên,rồi ném đá vào Ngài. Ngài vừa chạy nhưng cũng vẫn cứ nói: Dù sao tôi cũng không dám khinh các Ngài vì các Ngài sẽ thành Phật. Ngài lễ và cung kính vị Phật tương lai, không thể tìm những vị Phật tương lai khác ở đâu ngoài chúng sinh u tối cả. Chính vì vậy, mà chính những người ngày xưa từng ném đá Ngài, từng chửi Ngài lại chính là 500 vị A La Hán trong hội Pháp Hoa mà được Ngài thọ ký cho thành Phật.*

Chỉ những vị có con mắt trí tuệ, thấu suốt thì mới hành được hạnh như vậy mà thôi. Chúng ta cũng học một phần nào đó hạnh nguyện của Ngài. Người tu Tịnh Độ thì thấy ai cũng là sẽ là bạn hữu của mình ở Tây Phương Cực Lạc trong tương lai. Người đã biết niệm Phật để cầu về Tây Phương thì sớm muộn gì họ cũng trở thành Bồ tát nơi cõi Tây Phương. Biết vậy, thì chúng ta đâu có dại dột gì mà đối xử ác hay không tôn trọng những vị Bồ Tát trong tương lai. Không nhìn được thấy ai cũng là Phật là Bồ tát thì ít ra cũng phải nhớ được rằng: ai cũng như mình, có cảm xúc, cũng cần được hạnh phúc, an vui, cũng sợ đau khổ nơi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nghĩ được như vậy chúng ta chỉ muốn làm lành thôi, không khởi tâm ác, hay âm ưu làm hại người khác. Là da là thịt, bạn đau thì khác gì tôi đau, bạn khổ thì tôi cũng khổ, bạn vui cũng như tôi vui...Dùng tâm chân thành để đối đãi với nhau.

**Giảng Kinh Bản Nguyện Của Bồ Tát Địa Tạng Phần 14.**

Hôm nay chúng ta tiếp tục học bài 14 Giảng Kinh Bản Nguyện Của Bồ Tát Địa Tạng. Tiếp theo là ***Thập Hồi Hướng***.

1.***Cứu độ nhất thiết chúng sinh Ly Sinh Tướng Hồi Hướng***:

Vị Bồ Tát tu đến quả vị này, bắt đầu đem các công đức lành từ việc Phật sự đem hồi hướng cho hết thảy chúng sinh. Đem hết thảy hồi hướng cho chúng sinh nhưng không chấp vào tướng hồi hướng đó. Chúng ta ở thế gian, khi làm được công việc gì tốt thì họ quảng bá về những việc lành của mình như những buổi đấu giá từ thiện, quyên góp từ thiện và những người đó sẽ được đọc tên, vinh danh cho nhiều người biết. Việc này xét về pháp thế gian cũng là việc tốt vì khi những người khác thấy việc lành mà những người kia đã làm được thì họ cũng muốn làm việc tốt. Nhưng đối với các vị Bồ tát đã đến những địa vị này rồi thì các Ngài không còn chấp vào tướng thấy là mình làm được việc thiện.

 Hay như ở trong Bố thí Ba La Mật thì đó là bố thí mà không thấy mình là người bố thí, không thấy người được bố thí, và không thấy vật được đem đi bố thí. Chúng ta biết nguyên nghĩa ban đầu của từ bố thí rất đẹp, bố thí nghĩa là hiến tặng bằng tình yêu thương, vì yêu thương mà đem đi hiến tặng. Và chỉ những bậc Bồ tát mới biết Bố Thí mà thôi. Nhiều người trong chúng ta nghe thấy từ bố thí thì thấy rất kỳ thị, cứ nghĩ như một bên nghèo túng thiếu đi xin, còn một bên dư thừa thì đem thí xả. Nhưng Bố Thí lại là một trong sáu pháp tu hành của Bồ Tát. Bồ tát có tình thương rất lớn, vì thương mà Ngài đem hiến dâng những gì mình có cho người khác. Và khi hiến dâng để làm vui lòng chúng sinh, chúng sinh an vui, các Ngài cũng như mình được hưởng an vui vậy. Và rồi những việc mình làm được các Ngài cũng đem hồi hướng cho hết thảy luôn không giữ lại cho mình thứ gì cả. Hàng Bồ Tát muốn hướng cho chúng sinh thoát ly ra khỏi Tam Giới cho nên các Ngài cũng dãy chúng sinh học Bố thí mà lìa hết thảy các tướng, đem các công đức đó hồi hướng lại cho hết thảy chúng sinh.

Ở nhiều ngôi chùa, trừ những trường hợp người cúng dàng muốn được ghi sổ, khắc tên, còn hầu hết đã hiểu đạo thì đều muốn cúng dàng Ba La Mật. Không cần được vinh danh, không muốn mình chấp vào những gì mình đã cúng dàng cho Tam Bảo.

2. ***Bất Hoại Hồi Hướng:***

 Các thiện pháp mà Bồ Tát tu hành được ở đến địa vị này thì có công đức đã là vô lượng vô biên. Thường hướng cho chúng sinh đến đạo quả Vô Thượng Bồ Đề, hướng dẫn chúng sinh hành Bồ Tát Đạo, trụ ở trong ngôi vị bất thoái chuyển. Tất cả những việc thiện mà các Ngài làm không bị pháp của thế gian làm cho hoại diệt, xoay chuyển nữa.

*Chúng ta thấy như trong Kinh Hiền Ngu kể những câu chuyện về tiền kiếp của Đức Phật và các vị đại đệ tử của Ngài có kể câu chuyện về Tôn Giả Xá Lợi Phất. Khi làm việc bố thí mà Ngài còn chấp tướng mà bị thoái chuyển tâm Bồ đề của mình. Ở một kiếp xa xưa khi Tôn giả Xá Lợi Phất và Đức Phật phát nguyện cùng hành Bồ tát đạo, nhưng do một kiếp Xá Lợi Phất là một vị tu sĩ, Ngài phát nguyện bố thí cho chúng sinh những gì họ muốn. Lúc bấy giờ, có một người ngoại đạo muốn thử lòng người tu sĩ kia, anh ta đi đến mà thưa với vị tu sĩ rằng muốn xin hai con mắt của Ngài để chữa hai mắt cho mẹ mình, vì thầy thuốc bảo rằng chỉ có con mắt của Người tu hành chân chính được thay vào thì mắt của mẹ anh sẽ được sáng trở lại. Khi đó tôn giả Xá Lợi Phất rất vui mừng vì lời nguyện của mình đã thành hiện thực, liền móc hai mắt của mình đưa cho người thanh niên kia, ngỡ rằng đôi mắt của mình sẽ đem lại ánh sáng cho người khác. Nhưng khi nhận được đôi mắt kia thì người thanh niên lại nói : “Tôi tưởng Ngài là vị chân tu, mắt của Ngài phải sáng như kim cương, châu báu. Nhưng không ngờ mắt Ngài cũng không khác mắt của người thế tục bình thường khác”. Nói rồi anh ta nhổ nước bọt vào đôi mắt, lém xuống đất và giẫm đạp lên đôi mắt kia. Đau đớn trước tình cảnh đó Ngài Xá Lợi Phất đã bị thoát Thất Tâm Bồ Đề. Ngài thấy chúng sinh cang cường khó độ, nhất quyết không hành Bồ Tát Đạo nữa. Khi đến kiếp Đức Phật thành đạo rồi thì Ngài khi đó mới chứng được quả A La Hán.*

Trong Kinh Pháp Hoa sau khi được Đức Phật thụ ký cho thành Phật thì Ngài Xá Lợi Phất cũng phát nguyện đi thế giới khác hành Bồ Tát Đạo, chứ cũng không muốn ở lại thế giới này để Hành Bồ Tát Đạo. Còn các vị Bồ Tát khi đã tu đến địa vị này, chúng ta thấy sự hồi hướng công đức của Ngài là bất hoại – không còn thoái chuyển nữa. Như Địa Tạng Bồ Tát Quán Thế Âm Bồ Tát các Ngài đều là những bậc đại Bồ Tát rồi thì nguyện của các Ngài là mãi ở những nơi đau khổ nhất, tăm tối nhất để cứu chúng sinh. Bồ Tát Địa Tạng trải qua kiếp số không thể kể xiết để cứu độ chúng sinh nơi cõi Địa Ngục, Ngài sẽ độ cho hết chúng sinh nơi Địa Ngục thì mới dừng nghỉ vậy.

3. ***Đẳng Nhất Thiết Phật Hồi Hướng***: Đẳng là nhiều. Cả cụm từ trên có nghĩa là hết thảy Chư Phật hồi hướng như thế nào thì các vị Bồ tát ở ngôi này cũng hồi hướng như vậy. Đây cúng như Thầy đi trước làm thế nào thì người trò đi sau cũng nhất tâm mà làm như thế. Thậm chí có những vị phát hạnh nguyện còn rộng lớn hơn như Bồ tát Địa Tạng. Ngài từ kiếp lâu xa về trước từ thời Sư Tử Phấn Tấn Cụ Túc Vạn Hạnh Như Lai, Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai...Bồ Tát Địa Tạng đã phát nguyện thâm sâu từ những ngày đó: “Bao giờ địa ngục hết sạch chúng sinh thì tôi mới chứng Bồ Đề.” Nhưng biết bao giờ Địa Ngục mới hết được chúng sinh tội khổ đây. Kẻ này ra thì kẻ kia lại vào, người nay biết hướng thiện thì người kia lại nhúng tay vào việc ác. Vậy mà Địa Tạng Bồ Tát vẫn không ngơi nghỉ công việc của mình.

***4. Chí Nhất Thiết Xứ Hồi Hướng:***

Hồi hướng đến tất cả các nơi chốn. Như Bồ Tát Địa Tạng, Ngài hướng công đức của mình tới tất cả chúng sinh trong ba cõi, thậm chí những vị đã được ra ngoài Tam giới đang ở các cõi Phật mười phương, những hạnh nguyện, công đức của Ngài cũng hướng tới đó khiến cho các chúng sinh ở các cõi Tịnh Độ của các Đức Phật sớm chứng được quả vị Vô Thượng Bồ Đề.

***5. Vô Tận Công Đức Tạng Hồi Hướng:***

Khi các vị Bồ Tát tu hành lên đến địa vị này – Địa vị thứ 35 trong 53 quả vị của Bồ Tát. Tạng thức A Lại Da của các Ngài là một kho chứa vô lượng vô biên công đức, công đức của các Ngài đã rất sâu dày. Các Ngài lấy công đức đó để hồi hướng cho chúng sinh.

Ở cõi của chúng ta, những gì chúng ta làm được quá ít ỏi, nhưng quý vị khi đã được sinh về Tây Phương Cực Lạc thì Kinh A Mi Đà và Kinh Vô Lượng Thọ đều nói, dân chúng ở cõi đó chỉ trong khoảng bữa ăn có thể đi cúng dàng cho vô lượng vô biên các cõi Phật độ khác. Đó là nương vào công đức của A Mi Đà Phật và công đức của quý vị khi chứng được quả vị A Duy Việt Trí hay Thất Địa Bồ Tát mà được như vậy.

6. ***Tùy Thuận Bình Đẳng Thiện Căn Hồi Hướng***:

Tùy theo chúng sinh cần gì, các Ngài đem những căn lành bình đẳng hồi hướng cho họ.

Chúng tôi rất muốn những bài pháp của Hòa Thượng Tịnh Không hay Hòa Thượng Tuyên Hóa, cùng bài giảng của các bậc cao Đức khác giảng về Tịnh Độ, hay bài giảng về kinh Địa Tạng này sẽ được lưu truyền khắp muôn nơi. Nếu có thể gieo duyên cho mỗi vị một chiếc đài nhỏ cùng thẻ nhớ để quý vị có điều kiện nghe pháp thì các quý nữa. Nhưng công đức tu tập của chúng tôi chưa đủ để làm việc này, kinh phí quá lớn. Số lượng Phật tử quy y với chúng tôi trong những năm qua trong qua và số lượng sinh viên đăng ký làm thành viên câu lạc bộ Phật tử đã lên đến 20.000 người. Chi phí cho một chiếc đài khoảng 250.000. Như vậy nếu muốn gieo duyên chúng tôi cần kinh phí khoảng 5 tỷ đồng. Dù rất muốn nhưng chúng tôi không có khả năng để “tùy thuận bình đẳng được”. Thiện căn của chúng tôi ở thế giới này chưa đủ để làm việc đó. Nhưng đối với các hàng Bồ Tát khi các Ngài đã chứng đến quả vị này thì lại khác. Các Ngài có thể tự do tự tại, chúng sinh cầu gì, muốn gì, nếu đúng theo chính pháp, là việc thiện lành thì các Ngài đều có thể bình đẳng để đáp ứng cho chúng sinh.

***7. Tùy Thuận Đẳng Quán Nhất Thiết Chúng Sinh Hồi Hướng***:

Quán sát xem chúng sinh mong muốn cái gì để hồi hướng cho nó. Chúng sinh mong muốn rất nhiều, mỗi người một kiểu, người thích kinh sách, người thích nghe pháp...các Bồ tát quán xét rồi tùy thuận mong muốn của hết thảy những chúng sinh. Rồi lại đem những công đức ấy hồi hướng hết thảy.

***8. Như Thực Tướng Hồi Hướng*** hay Hồi hướng chân như.

Chân như còn có thể gọi là Bồ đề, chỉ cho Đạo, chỉ cho giáo pháp. Hàng phàm phu không thể làm được điều này mà chỉ có hàng Bồ tát an trụ trong vị thứ tám của thập hồi hướng này trở lên mới có thể viên mãn mà hồi hướng được.

9. ***Vô Phược, Vô Trước Giải Thoát Hồi Hướng***:

Phược có nghĩa là triền phược, trói buộc, buộc ràng. Trược là chấp trước.

Đem công đức tự do, tự tại không bị vướng mắc giàng buộc, tự do tự tại hồi hướng cho các loại chúng sinh.

*Như Hòa Thượng Tịnh Không độ được một người đệ tử rất giỏi, người đệ tử đó là pháp sư Định Hoằng. Đây là một vị tiến sĩ còn rất trẻ, là giảng viên đại học ở Mỹ, vị này thực sự rất giỏi. Nhưng sau khi gặp Hòa Thượng Tịnh Không, nhìn thấy Ngài có phong thái của bậc tu hành, từ bi, trí tuệ. Pháp sư Định Hoằng ngày đó đã phát nguyện ăn chay trường, sau đó là xuất gia theo Hòa Thượng Tịnh Không. Khi con người có tâm vô trược, vô thoát để hồi hướng cho chúng sinh, các Ngài hướng tới đâu thì có thể hóa độ được chúng sinh đến đó.*

Khi phát nguyện làm pháp hội Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm tôi mới đi tìm lại những bài giảng về Trung Phong của Hòa Thượng Tịnh Không để hiểu hơn về pháp Trung Phong này. Sau khi nghe đi, nghe lại những bài giảng của Ngài thì tôi bị trí tuệ, tài thuyết pháp của Ngài chinh phục hoàn toàn, tâm phục khẩu phục. Mỗi khi pháp hội đều mật thỉnh Hòa Thượng giáng lâm, chứng minh cho pháp hội như Ngài đã hứa khi Ngài giảng kinh Trung Phong; “Hòa Thượng là người chủ độ chúng sinh còn con, con chỉ là người học trò từ xa mà làm Phật sự”. Tôi tự cảm thấy ai đến tham dự pháp hội đều được hoan hỷ, đó là nhờ vào đức của Hòa Thượng gia hộ cho mà được như vậy.

 Cho nên có cầu thì có cảm, có cảm thì có ứng. Nương vào công đức vô trược, vô phước của các Ngài để chúng sinh được lợi lạc từ đức hạnh đó. Điều này có thể hoàn toàn xảy ra trong Phật pháp.

10. **Pháp giới vô lượng hồi hướng**:

Pháp giới chỉ cho các cõi ở khắp khoảng không vô cùng vô tận này. Các vị có công đức lớn vô cùng, vô lượng vô biên đủ để hồi hướng cho các chúng sinh trong khắp pháp giới.

Còn như chúng ta có hồi hướng thì chỉ được một phần nho nhỏ thôi, chúng ta không thâm nhập được kinh tạng, không nhất tâm được khi trì chú hay niệm Phật, thì sẽ không có được công đức tướng ưng với công đức của kinh, chú hay danh hiệu Phật đem lại. Những người có tâm khác nhau, mức độ thanh tịnh, khẩn thiết khác nhau ... thì sẽ nhận được công đức và lợi ích ở các bậc khác nhau. Như ở chùa chúng ta hôm qua có trường hợp một người bị oan gia trái chủ nhập vào, một số sư ông, sư bác trì chú Chuẩn Đề, chú Đại Bi để hồi hướng, cho vị kia ra. Nhưng khi nghe nó bảo: làm cách khác đi, Chú đấy nó nghe nhiều rồi, nó không sợ. Chúng sinh cang cường, nhiều người họ còn ghét Phật Pháp. Nếu không có đức lớn thì mình khó điều phục họ. Nhưng như vậy cũng để biết mức độ tu hành của quý vị thế nào. Công đức của chúng ta, nếu ta không tu hành nhất tâm, một lòng cầu giáo pháp thì việc hồi hướng cho quỷ thần sống ở ngay bên cạnh ta thôi cũng ít lắm. Có những bậc chân tu, tu hành thì công đức của họ tất nhiên cũng rất lớn. Lợi ích cho nhân thiên, cứu khổ cho các chúng sinh trong ba cõi, sáu đường đặc biệt là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Trong pháp hội cầu siêu nhiều người, sau khi được nghe tụng kinh, niệm Phât thì họ nhập vào người thân xin cảm ơn, báo họ được siêu thoát. Có những Phật tử trong đạo tràng chúng ta từng chứng kiến những chuyện này.

Còn như các bậc Bồ Tát đã chứng được tới cảnh giới này rồi thì chỉ một câu niệm Phật, một câu trì chú, một việc lành của các Ngài công đức vô lượng vô biên, hồi hướng được cho hết thảy chúng sinh trong pháp giới.

**Chúng ta sang tiếp phần Thập Địa**:

Trong khóa tụng thí thực buổi chiều trong bài tụng có đoạn:

*“...Tứ sinh cửu hữu đồng đăng Hoa Tạng Huyền môn*

*Vạn loại hữu tình đồng đăng Thập địa”.*

Chúng ta sẽ cùng học về mười địa này.

1.***Hoan Hỷ Địa***:

Đây là ngôi thứ 41 và là ngôi thứ nhất của hàng Thập Địa. Các vị này đã chứng đến địa này, trong tâm luôn Hoan Hỷ.

Chúng ta có tu, có quán mới hoan hỷ, như lúc chúng ta nghe pháp, tâm có tập trung, có thanh tịnh, chúng ta hiểu thì như vậy chúng ta sẽ hoan hỷ. Nhưng sau đó không còn nghe pháp nữa, về phòng riêng lúc giải lao chúng ta vẫn nói chuyện thế tục, chuyện thị phi, tâm ái nhiễm thế tục lại khởi lên, chúng ta mất đi sự hoan hỷ, an lạc như trong lúc nghe pháp.

Nhưng đối với các vị Bồ tát ở Địa này, tu hành đã trải qua 41 vị rồi thì tâm trụ trong định vì vậy luôn hỷ lạc.

*Như Bố Đại Hòa Thượng, nhiều người đã được nghe câu chuyện của Ngài, Ngài đi ăn xin và thường vác cái bị rất to. Người cho, người không, cho cái gì Ngài cũng bỏ hết vào bị. Người thì hoan hỷ, cung kính dâng Ngài, người thì lại nói những lời đàm tiếu không hay có khi còn lấy đất, lấy đá để ném Ngài. Nhưng lúc nào Ngài cũng cười. Trên những pho tượng người ta thường tạc, chúng ta thường thấy có 6 đứa trẻ con, đứa móc mắt, đứa móc tai, đứa thì tóm miệng, đứa cưỡi lên vai, đứa thì ngồi bụng... nhưng Ngài vẫn hoan hỷ cười. Sáu đứa trẻ này tiêu biểu cho lục tặc hay sáu căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. “Tặc” nghĩa là giặc hay ăn trộm.*

 Đối với hàng Bồ tát khi đã chuyển được Bát Thức Tâm Vương, 51 thức tâm sở đều thành Bạch Tịnh Thức thì sáu căn không còn là tặc. Nhưng đối với chúng sinh thì khi mắt thấy sắc thì tâm lại chạy theo sắc, tai nghe âm thanh, tâm lại chạy theo âm thanh vv....

Vua Trần Nhân Tông từng viết:

*“Lưỡi nếm vị ngon, tai vướng tiếng.*

*Mắt theo hình sắc, mũi theo hương.*

*Lang thang làm khác phong trần mãi,*

*Ngày tắt, quê xa vạn dặm đường. ”*

6 căn tiếp xúc với 6 trần, tâm chúng ta cứ theo thế mà luân chuyển, mà khởi chuyện tốt xấu, yêu ghét...quên mất bản tâm, quên mất phải tu hành. Vì thế mà mãi không trở về được tới “quê hương”. Đối với người tu Tịnh Độ chúng ta, quê hương này chính là cõi Tịnh Độ của Đức Phật A Mi Đà vậy. Chúng ta đã lưu lạc bao lâu rồi, ta có biết???

Còn các vị Bồ Tát thì tự do tự tại. Mắt thấy chúng sinh khổ mà sẽ tìm cách độ thoát chúng, tai nghe chúng sinh cầu cứu mà phát tâm cứu chúng ra khỏi bể khổ....Dù vất vả, dù sống trong cõi phàm phu mà chẳng trụ ở cõi phàm phu.

***2. Ly Cấu Địa***:

Hay còn gọi là Tịnh Địa. Tâm của các vị Bồ tát đã đến quả vị này, không còn một chút nhiễm ô.

*Xưa kia có một vị Thiền sư. Lúc chưa xuất gia, Ngài đi qua một dãy núi rất đẹp, Ngài khởi tâm yêu thích, rồi bỏ ra hàng chục năm để học làm thơ họa cảnh đẹp của sông núi. Sau khi đã trở thành một nhà thơ nổi tiếng, Ngài nhận ra những việc mình làm cũng không giải quyết được việc gì cả. Mọi người có khen, ai đọc thơ mình cũng khen hay, nhưng điều đó thì để làm gì! Khi thân phụ ngài ốm và chết đi, Ngài mới thấy sự vô thường của cuộc đời, ông phát tâm xuất gia đi tu.*

*Đến chùa, được học Phật, thấy mọi thứ đều theo quy luật thành- trụ- hoại- không, vô thường, không chắc thật. Đúng thời gian đó sườn của dãy núi trước kia ông vịnh thơ bị hỏa hoạn, càng thấy lời Phật dạy là đúng. Ông lao vào tu hành mong sớm thoát ly sinh tử. Sau khi ngộ đạo, ông lại đi qua dãy núi đó. Dãy núi tuy chưa được đẹp bằng ngày xưa, nhưng trong tâm mình ông lại thấy nó rất đẹp. Vẫn dãy núi đó, cảnh đã khác xưa, nhưng với người đã chứng ngộ, cái đẹp rất khác người bình thường. Điều này ngj ý với các vị Bồ Tát, tâm đã ra khỏi nhiễm ô thì dù cảnh có hoang tan, tiêu điều dưới con mắt của người thường đi chăng nữa, thì trong mắt của các Ngài cảnh vẫn sáng sạch, xanh tươi.*

Có lẽ vì vậy, mà đối với các vị Bồ tát nhìn đâu đâu cũng thấy Phật, thấy Bồ tát, còn chúng ta, chúng ta nhìn Phật và Bồ tát thì thấy họ cũng như chúng ta mà thôi. Tâm của các Ngài thanh tịnh rồi nên cõi nước của các Ngài cũng là cõi Tịnh Địa – cõi đất tâm hay cảnh giới tu chứng của hàng Bồ tát.

3.***Phát Quang Địa***:

Còn gọi là Minh Địa. Tâm Bồ tát ở địa vị này đã xa rời hết các nhiễm ô, thường phát sinh trí tuệ vô lậu. Có trí tuệ vô lậu đó chỉ cần khởi tâm muốn biết, muốn nghe, muốn thấy thì sẽ liền biết, nghe và thấy.

*Khi xưa có một vị thiền sư tu rất lâu ở trong rừng. Ngài không xuống núi làm chùa, hay thuyết pháp nhưng đạo hạnh của Ngài cũng rất nhiều người biết đến. Một hôm, có một vị học giả là một vị quan lớn và tôn sùng Phật pháp. Ông có một điều thắc mắc và đã đi hỏi rất nhiều vị thiền sư, pháp sư những chưa có ai giải đáp thỏa đáng được, ông tìm lên núi thỉnh giáo vị thiền sư kia, nhưng vị thiền sư cũng không trả lời câu hỏi của ông, mà nói: Ngài hãy về giở trang đó, dòng đó ở quyển kinh Bát Nhã ra và sẽ tìm được câu trả lời. Vị kia nghe lời theo và đã giải đáp được thắc mắc nghi hoặc của mình. Vị thiền sư tu hành ở trên núi kia không có kinh sách ở bên mình, của cải cũng không... tu hành thiền định, không tụng kinh, nhưng câu trả lời của Ngài cho chúng ta thấy không kinh nào mà Ngài không biết, không kiến thức nào mà Ngài không hay cả.*

**4.Diệm Tuệ Địa**:

Ở Phát Quang Địa trí tuệ đã thường có rồi, nhưng các Ngài phải muốn thì nó mới hiển lộ, phát sáng, còn chưa muốn thì nó vẫn chỉ thường trực ở trong Tâm. Diệm Tuệ Địa thì trí tuệ ngày càng tăng thượng, trưởng dưỡng được lớn lên khiến thiên ma ngoại đạo không thể phá họ.

***Giảng Kinh Bổn Nguyện Của Bồ Tát Địa TạngPhần 15***

Chúng ta tiếp tục học về Thập Địa

***5.Nan Thắng Địa***:

Còn gọi là Cực Địa nghĩa là dùng hai pháp Tục Đế và Chân Đế dung thông với nhau. Các hàng Bồ tát khi vào đời lấy cả hai pháp này để truyền tải giáo lý của Đức Phật đến với chúng sinh mà không có sự chướng ngại.

***Tục đế:*** là các pháp thế gian. Tất cả các pháp hữu vi hay pháp hữu lậu đều thuộc pháp thế gian. Khi quý vị làm các việc thiện, bố thí, cúng dàng mà vẫn cầu phước báo nhân thiên, việc mình làm mình chưa hồi hướng đạo vô thượng bồ đề, thì đây còn thuộc về những pháp thế gian. Tu ngũ giới và thập thiện vẫn chỉ hưởng phước báo trong nhân thiên, đảm bảo cho quý vị không bị đọa đường ác, nhưng đây cũng là nhân để hướng đến quả Vô Thượng Bồ đề.

***Chân đế***: là giáo pháp chân chính và tốt đẹp như Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc, Ngũ Căn, Ngũ Lực....tất cả các pháp này đều hướng cho chúng sinh thoát ly Tam Giới, chứng cảnh Niết Bàn... không phải chịu khổ đau luân hồi nữa, đây là những pháp chân đế.

Hàng Bồ Tát làm tất cả các pháp thế gian nhưng tâm các Ngài buông xả được hết. Các hàng Bồ tát ở Sơ Địa hay Hoan Hỷ Địa, các Ngài thường thị hiện làm các vị quốc vương, vào đời để hóa độ chúng sinh, làm những bậc minh quân.

*Ở Việt Nam chúng ta có những vị vua nổi tiếng như Lý Công Uẩn. Thiền sư Vạn Hạnh một đêm lằm mơ có vị thần hộ pháp thưa với Ngài:*

* *Xin Ngài ngày mai hãy dọn dẹp chùa chiền cho sạch sẽ, gọn gàng vì sẽ có một vị Bồ tát lễ Phật và ở lại nơi đây.*

*Thiền sư nghe vậy liền sai các đệ tử làm theo lời vị hộ pháp cầu thỉnh. Hôm sau, chờ từ sáng đến trưa vẫn không có vị khách quý nào xuất hiện. Đến khi sẩm tối mới có một phụ nữ trên dưới 40 tuổi mang bầu đi đến xin ngủ nhờ ở trong chùa. Thiền sư Vạn Hạnh liền bảo các chú tiểu cho người phụ nữ đó ra ngủ ở gác chuông. Đêm hôm đó, người phụ nữ kia trở dạ sinh ra một hài nhi chính là Lý Công Uẩn sau này. Đêm hôm đó, Thiền Sư Vạn Hạnh lại mơ tiếp một giấc mơ nữa. Vị hộ pháp nói: Hôm nay đã có một vị Bồ Tát đến lễ Phật xin ở lại chùa một thời gian. Cả ngày hôm đó, không có ai ngoài người phụ nữ kia đến chùa, cô ta lại vừa sinh một đứa bé. Có lẽ đứa bé này chính là hóa thân của vị Bồ tát đó. Sau đó, Ngài Vạn Hạnh giữ lại cậu bé để dạy dỗ trong chùa, còn bà mẹ thì ở lại chấp tác. Thiền sư Vạn Hạnh là bậc cao tăng lúc bấy giờ nhưng cũng không tránh khỏi những lời thị phi, nhưng điều đó chẳng làm ảnh hưởng được đến Ngài, Ngài vẫn tiếp tục nuôi đứa trẻ lên đến 6, 7 tuổi, gửi cho sư đệ là thiền sư Khánh Vân để dạy dỗ. Sau khi nuôi Lý Công Uẩn lớn lên, Thiền sư Vạn Hạnh thấy Lý Công Uẩn có tố chất nhà binh hơn là tu hành. Ngài biết nếu Lý Công Uẩn ở ngoài đời thì những việc mà ông làm sẽ có giúp ích được nhiều cho Phật pháp, khiến Phật pháp hưng long. Ngài xin cho Lý Công Uẩn đi lính, là một người văn võ song toàn, được một thời gian, Lý Công Uẩn lên đến chức Điện Tiền Chỉ Huy Sứ. Khi vua Lê Long Đĩnh là một vị vua rất tàn ác, lòng dân oán thán. Khi đó Thiền Sư Vạn Hạnh cùng với Tể tướng đương chiều cùng với một số vị đại thần khác đưa Lý Công Uẩn lên ngôi mà không mất một giọt máu. Sau khi lên ngôi thì Lý Công Uẩn liền rời kinh đô về Thăng Long, một trong những chính sách quan trọng của ông là coi trọng Phật giáo, khiến Phật giáo trở thành Quốc giáo.*

Như vậy chúng ta thấy các hàng Bồ Tát từ hoan hỷ địa đã hay thị hiện thành vua rồi. Nhưng đến hàng thứ năm này thì các Ngài hay thị hiện dung thông giữa đạo và đời. Các Ngài có thể sử dụng những tấm thân là một vị vua, một vị đại thần, một vị cư sĩ....nhưng lại đem được chính pháp của Đức Phật lưu truyền được rộng rãi và có ảnh hưởng rất lớn trong cuộc sống của người dân. Như trong trường hợp trên, nếu không thị hiện thành vua rồi khiến cho Phật giáo thành quốc đạo ở nước ta thì không biết tương lai của dân tộc, tương lai của Phật pháp sẽ ra sao trước một ông vua bạo ngược, ngang tàn như Lê Long Đĩnh. Sự thị hiện với vai trò là một vị minh quân, làm cho Phật giáo thời kỳ này ở nước ta cực kỳ phát triển ít nhất cũng được mấy trăm năm. Chỉ có những bậc Bồ Tát khi vào đời, có sự dung thông giữa đạo và đời, giữa tục đế và chân đế đã mang lại hòa bình, thịnh trị và phát triển Phật Pháp một cách sâu rộng đến vậy.

***6.Hiện Tiền Địa***:

Các bậc Bồ Tát đã lên đến địa này thường trụ trong trí tuệ phân biệt để phát khởi trí vô phân biệt.

Trong Phật giáo có phân ra hai loại trí tuệ là phân biệt trí và vô phân biệt trí hay trí tuệ hữu học và trí tuệ vô học.

Thế nào là trí tuệ hữu học: như các phép tu Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như ý Túc...tất cả những phép này đều cần phải học, cần phải có thời gian để rèn luyện.

Nếu vào chùa làm chú tiểu mà chúng ta toàn nói đến các vấn đề như Không, Vô Ngã, quán giả, quán không hay toàn nói về trí tuệ Bát Nhã mà hàng Đại Thừa Bồ Tát mới chứng được.....mà không học oai nghi, cảnh sách, tam quy, ngũ giới....như thế chẳng khác gì muốn trồng một cái cây mà chúng ta muốn hưởng luôn hoa trái, mà không chăm vun bón, tưới tắn...Như thế thì muốn chỉ là muốn thôi, còn hoa thơm, trái ngọt thì khó mà có được cho chúng ta hưởng.

*Nhiều vị mới vào chùa nhưng ăn thịt, uống rượu và làm những việc rất xấu...Khi Phật tử thắc mắc vì sao các vị đó vẫn ăn thịt uống rượu thì các vị đó lại nói rằng: “Ăn thịt nói ngay còn hơn ăn chay nói dối”, rồi “Con trâu ăn cỏ, con trâu có thành Phật được không???”. Họ cho rằng Thành Phật được hay không, không phải do ăn thịt hay ăn chay, mà quan trọng là ở trong tâm của Người đó thế nào. Nhưng đạo Phật là Đạo từ bi, nhắc đến Phật là nhắc đến một vị từ bi nhất thế gian, ba cõi chẳng ai có lòng từ bị bằng Người, vậy nếu mình là con Đức Phật, phát nguyện đi theo con đường của Ngài, thì làm sao chúng ta có thể ăn máu huyết của các chúng sinh. Thời Đức Phật các Ngài đi khất thực, người dân cúng gì thì ăn đó. Nhưng bây giờ nấu bếp ở tại chùa , đất nước chúng ta là nước thuộc vùng nhiệt đới, cây trái dồi dào, đất đai cũng được cho là phì nhiêu, rất thuận lợi để ăn chay, mà chúng ta vẫn bảo được ăn mặn, vẫn mua thịt, cá về nấu thì đâu có phù hợp.*

Nhiều vị còn dùng những kinh điển phá chấp của Đức Phật để biện minh cho những điều sai trái của mình. Có những người đả phá Tịnh Độ mà họ nói rằng trong Kinh Kim Cang Đức Phật nói: “Ai lấy âm thanh mà cầu ta, lấy sắc tướng mà cầu ta thì người đó hành tà đạo.” Vì thế, họ thấy người Niệm Phật mà cứ hàng ngày niệm: “A Mi Đà Phật! A Mi Đà Phật!” họ cho đó là tà đạo...

Chúng ta phải nhận thấy rằng với các bậc trí như hàng Bồ tát lên đến lục địa rồi, mà vẫn phải trụ ở trong phân biệt trí để phát khởi vô phân biệt trí, nữa là chúng ta khi mới vào chùa, mới biết đến Phật pháp làm sao mà cứ chỉ lý luận xuông về Khổ, Không, vô ngã... mà không chịu rèn luyện, không chịu tu tập từ gốc mà muốn thành tựu được.

Trụ trong phân biệt trí để còn biết phân biệt đúng sai, biết đâu là chánh pháp, đâu là tà pháp. Tà pháp thì phải bỏ, chính pháp thì phải hoằng dương. Phải nhớ và học tập được để sau này là tư lương để truyền đạt, dạy bảo chính pháp của Đức Phật đến với chúng sinh. Để rồi khi nắm chắc được trí tuệ hữu học rồi, thì khi đó mới phát triến trí vô học được. Vô học được gọi là Trí Tuệ Vô Sư Trí, trí tuệ không cần phải học mà vẫn tự phát khởi.

*Có một câu chuyện tại ngôi chùa ở Thái Lan, ngôi chùa này có một pho tượng Phật từ rất lâu, bên ngoài chỉ bằng đất sét. Không ai để ý đến pho tượng này. Một hôm, trời mưa, mái chùa vị dột, pho tượng bị nứt một vệt, khi sư trụ trì soi đèn pin để kiểm tra tượng thì thấy từ vết nứt của tượng phát sáng. Kiểm tra kỹ thì người ta phát hiện ra một điều rằng đây không phải là pho tượng bằng đất sét như từ trước người ta nghĩ mà đây là một pho tượng vàng, vàng nguyên chất. Có thể khi người Mông Cổ xâm chiếm Thái Lan, các vị sư trong chùa muốn cất giấu pho tượng này, nên đã dát đất sét lên trên tượng. Và hơn 1000 năm sau, pho tượng mới được biết đến theo nguyên bản của nó. Trí tuệ Vô Phân Biệt, hay trí tuệ Vô học, vô sư trí cũng đã có sẵn trong chúng ta, như pho tượng kia, bản chất vẫn là vàng nguyên khối vô cùng quý giá cả về giá trị vật chất và cao hơn nữa là giá trị tinh thần, giá trị lịch sử nhưng người ta đã từ rất lâu, do bị ẩn tàng dưới một lớp vỏ bọc không ai nhận ra giá trị thực của nó.*

Nếu ngày đó không dùng đất để dát bên ngoài, biến một pho tượng Phật bằng vàng thành tượng đất thì ngày đó không thể gìn giữ được pho tượng cho thế hệ sau. Có thể pho tượng đó khi rơi vào tay quân xâm lược thì tượng có thể đã bị nấu chảy ra để họ lấy vàng.

Và cũng có khi trí vô ngại được ví như viên ngọc minh châu như ý, dùng cả đời không hết, còn tham sân si như bùn đất che phủ làm minh châu không phát sáng. Nhưng dù sao minh châu cũng như pho tượng kia, chỉ cần gột sạch lớp bùn đất thì ánh sáng cùng sự quý giá sẽ lại phát hiện. Tu tập để mỗi ngày tham sân si được gột đi một chút thì viên minh châu sẽ càng hiển lộ rõ ràng.

***7.Viễn Hành Địa***:

Còn gọi là thâm nhập địa... Viễn tức là xa, sâu xa. Viễn Hành Địa đã rất xa với con đường luân hồi sinh tử, đã rất gần với ngôi vị giải thoát. Trong kinh Vô Lượng Thọ gọi quả vị này là quả vị A Duy Việt Trí hay A Bệ Bạt Trí là quả vị Bất Thoái Chuyển Bồ Tát. Chứng đến hàng 47 trong 53 địa vị Bồ Tát thì đến vị này mới thâm nhập được vào quả vị Bất Thoái Chuyển của hàng Bồ tát. Còn từ hàng hiện tiền địa trở xuống, nếu không gặp Phật, nghe pháp thường xuyên thì vẫn còn thoái chuyển. Chúng ta thường nghe “Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng”, khi đi vào đời để hóa độ chúng sinh sự lôi kéo vào sinh tử, luân hồi rất lớn, như một dòng nước xoáy, nếu con thuyền đi vào dòng nước đó còn nhỏ thì sẽ không đủ sức để chống đỡ. Cho nên con thuyền phải lớn, phải có phương tiện lớn thì mới có thể vượt qua dòng nước đó được.

Hàng Viễn Hành Địa thường tái sinh nơi cõi nước Đức Phật ở đời, hoặc cõi Tịnh độ của Chư Phật để trợ duyên chính pháp, như Quán Âm, Thế Chi, Văn Thù, Phổ Hiền.... các Ngài thường xuất hiện những nơi Đức Phật ở đời, được gần Phật, để trợ duyên cho các Đức Phật đó, đem giáo pháp đó truyền đạt cho chúng sinh, cho chúng sinh không còn chịu cảnh luân hồi sinh tử nữa.

*Vì vậy, Hòa Thượng Tịnh Không mới nói ở thế giới này chúng ta phải tu hành làm sai để được đới nghiệp vãng sinh về thế giới Cực Lạc gặp A Mi Đà Phật, khi đó chúng ta mới thực sự tu hành, thực sự học Phật. Còn ở cõi này, ngũ trược ác thế tu hành rất khó. Hòa Thượng dạy: “Nhất môn thâm nhập trường kỳ huân tu”, có lúc Ngài còn dạy: Chỉ cần câu A Mi Đà Phật thôi, về Tây Phương Cực Lạc rồi mới thực sự học, lúc đó muốn học pháp gì cũng được, muốn học gì, lúc đó A Mi Đà Phật sẽ dạy cho chúng ta, Quán Âm, Thế Chi, Văn Thù, Phổ Hiền Bồ Tát sẽ là sư trưởng dạy bảo cho chúng ta, dạy bảo tận tình cho chúng ta. Vì thế chủ trương của Hòa Thượng Tịnh Không chính là một kiếp này bằng mọi giá nếu không được tự do tự tại vãng sinh thì cũng phải được đới nghiệp vãng sinh. “Đới nghiệp vãng sinh ” là mang theo nghiệp mà vãng sinh. Đáng ra người đó chưa được vãng sinh nhưng do bản nguyện của A Mi Đà Phật khi hành Bồ Tát Đạo đã phát ra nguyện như vậy. Cho nên nay chúng ta tin, nguyện, niệm Phật cầu sinh về cõi nước của Ngài thì sẽ được Ngài tiếp dẫn. Tây Phương Cực Lạc còn có nơi gọi là biên địa, những người sinh về đây ở trong bào thai hoa sen. Hòa Thượng Tịnh Không nói có thể một kiếp, có người hai kiếp, ba kiếp...thì sen mới nở. Tây Phương Cực Lạc không có năm, tháng, ngày giờ, nên kiếp này được tính bằng kiếp người của chúng ta. Tuy gọi là biên địa, nhưng ở cõi này sự sung sướng còn hơn cả cõi trời. Ở cõi Trời kể cả có lên đến phi tưởng phi phi tưởng xứ, hết tám vạn đại kiếp thì cũng chưa chắc được gặp Phật. Nhưng ở biên địa thì khi thân tâm được tịnh hóa, sạch hết trần ai ở cõi thế gian thì hoa sẽ nở, hoa nở thì liền sẽ thấy Phật. Ngoài ra trong thời gian ở trong hoa sen nơi biên địa thì theo trong sách các tổ cũng giảng có Quán Âm Bồ Tát đến thuyết pháp.*

Ở quả vị này hàng Bồ Tát đã tự do, tự tại trong chính pháp của Phật, có thể làm tất cả các Phật sự mà tâm không hề thoái chuyển. Chúng sinh cần bố thí thân mạng các Ngài sẵn sàng xả cả thân mạng bố thí cho nó.

*Như có một kiếp khi còn hành Bồ tát đạo, tiền thân của Đức Phật Thích Ca là một ông vua, yêu nước, thương dân, lòng từ của vua vang tiếng khắp nơi. Vua rất vui thích làm việc bố thí, cứu khổ ban vui cho chúng sanh. Vua Đế Thích vì muốn thử lòng Đức Phật liền biến thành chim ưng còn vị đại thần của Ngài biến thành con chim sẻ. Chim sẻ trả vờ hốt hoảng đến bên vua, vua hỏi có chuyện gì thì chim sẻ nói nó đang bị chim ưng đuổi theo. Vua nói vua sẽ cứu mạng chim sẻ. Chim ưng đến đòi vua trả lại chim sẻ cho mình. Vua nói Ngài sẽ đổi cho chim ưng những thứ chim ưng muốn. Con chim ưng nói muốn đổi thịt của vua với thịt của chim sẻ. Nó nói cân con chim sẻ lên được bao nhiêu, thì cắt thịt của nhà vua bằng từng đó. Nhưng khi cân thì vua cứ xẻo thịt mình thi chim sẻ lại lớn lên. Máu chảy nhiều mà dóc hết tay lại đến chân, mà vua không hề hối hận vì lời hứa của mình. Thà chịu đau khổ nhưng vẫn không nuốt lời hứa. Cuối cùng vua Đế Thích và cận thần của Ngài hiện nguyên hình và sám hối với vua. Vua không một chút oán hận, lòng từ bi giúp cơ thể của vua vẹn toàn lại như cũ.*

***8.Bất Động Địa***:

Các vị Bồ Tát sinh ở vị này thì thường trụ trong trí tuệ vô phân biệt mà chứng được các pháp, tâm lúc đó đã hoàn toàn thanh tịnh. Các phiền não, sân hận và ngu si không bao giờ phát hiện, sinh khởi. Làm tất cả các Phật sự nhưng tâm không hề loạn động. Trong kinh có nói “trong một giờ có thể phân thân đi khắp mười phương cõi Phật” nhưng không hề bị tổn hại đến pháp thân của mình. Thị hiện thân để độ chúng sinh, chúng sinh có mắng chửi, có đánh đập nhưng không bao giờ bị phiền não, nhiễm ô, ràng buộc lôi cuốn nữa.

***9. Thiện Tuệ Địa***:

Còn có tên gọi là Thiện Tại Ý Địa và Thiện Căn Địa: có nghĩa là phát triển trí tuệ một các linh hoạt, khéo léo, nhanh nhạy. Trí Tuệ luôn thường trụ, hàng này thường chứng được bốn cách để thuyết pháp đó là : Pháp vô ngại biện, nghĩa vô ngại biện, từ vô ngại biện và nhạo thuyết vô ngại biện.

*Pháp vô ngại biện*: thuyết pháp vô ngại biện tài, thông tỏ, không bị chướng ngại, các Ngài thường phát khởi trí tuệ một cách nhạy bén.

*Nghĩa vô ngại biện*: khi nó về nghĩa của một câu văn, một chủ đề nào đó thì các Ngài có thể thuyết cả năm không hết. Như Ngài Thiên Thai Trí Giả Đại Sư giảng một chữ Diệu ở trong “Diệu Pháp Liên Hoa Kinh” mà ba tháng chưa hết. Vậy mà bất kỳ ai đến nghe cũng đều hoan hỷ. Tương truyền Thiên Thai Trí Giả Đại Sư là Tiểu Thích Ca Đông Độ, tức hóa thân của Đức Phật Thích Ca, còn Vĩnh Minh Diên Thọ là hóa thân của A Mi Đà Phật.

*Từ vô ngại biện*: từ tức là văn tự. Như một chữ “A” ta thấy rất bình thường nhưng trong kinh Phật Đức Phật nói chữ A là chủ của các từ Vô. Đức Phật cũng nói chữ A có công năng như thế nào vv...Về từ ngữ và chữ nghĩa các Ngài đều thông tỏ, không vướng mắc ở đâu cả.

*Nhạo thuyết vô Ngại biện*: tiếng nói của các Ngài khi đã cất lên, chúng sinh ai cũng vui mừng, ai cũng muốn nghe...nghe xong thì hoan hỷ vui mừng.

***10.Pháp Vân Địa***:

Pháp Vũ Địa chỉ cho mưa pháp hay mây pháp. Vân như chúng ta biết nghĩa là mây. Pháp chỉ cho quy tắc, giáo lý tu hành của Đức Phật. Đây là ngôi vị 50 trong 53 ngôi vị của hàng Bồ Tát. Khi thị hiện trên đời các Ngài thường lấy giáo pháp để cứu độ chúng sinh. Những bậc này thường là những Tam Tạng Pháp Sư. Nếu thị hiện là một vị luật sư thì các Ngài sẽ là một vị Đại Luật Sư lấy thân giáo để giáo hóa chúng sinh. Nếu tu trong Mật Tông thì sẽ là một bậc Đại Pháp Vương, Đại Lạt Ma. Tiếng thuyết pháp cũng như sự xuất hiện của các Ngài như những đám mây lành che chở cho chúng sinh.

*Thời cận đại ở nước ta. Miền Bắc chúng ta có hai vị trưởng lão Hòa Thượng đại tài đó là Hòa Thượng Trí Hải và Hòa Thượng Tố Liên. Hòa Thượng Trí Hải ngài khuyến hóa xây chùa, Ngài đi tới đâu thì chỉ cần Ngài kêu gọi một tiếng thôi, chỉ cần nhìn thấy Ngài thì ai cũng muốn hoan hỷ phát tâm cúng dàng để xây chùa. Ngài Tố Liên khi lên thuyết pháp thì từ các Hòa Thượng, các Thượng Tọa cho đến những người chưa từng tin Phật pháp thì vẫn lắng tai nghe. Giọng nói ngọt ngào, êm ái, lời của Ngài thì biện chứng với nhau mà không ai có thể bắt bẻ. Trăm người thuyết pháp thì trăm người quy y Tam Bảo, nghìn người thuyết pháp thì nghìn người quy y Tam Bảo. Vì đó mà thời đó mới có câu: “Làm chiền thì Trí Hải, thuyết pháp thì Tố Liên”. Hai bậc này được gọi là bậc Long Tượng của Phật giáo nước ta vào thời đó. Hòa Thượng Trí Hải hay Hòa Thượng Trí Tịnh thì các Ngài thuyết pháp ngôn từ mộc mạc, đi sâu vào lòng người.*

Đến nay, chúng ta đã tìm hiểu về 50 quả vị của Bồ Tát. Có thể thấy rõ rằng để đạt tới quả vị này, các vị Bồ Tát đã trải qua thời gian tu tập rất là lâu xa. Thời gian tu tập còn có tiến có lui vậy mà trong kinh Đức Phật nói với Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi:

-“ ***Ví như khắp trong tam thiên đại thiên thế giới có bao nhiêu cây cỏ, lùm, rừng, lúa, mè, tre, lau, đất đá và bụi bặm. Cứ mỗi vật đó là tương ứng một sông Hằng, mỗi một hạt cát trong các sông Hằng là một thế giới, trong các thế giới đó lại đem chia ra thành các hạt bụi, mỗi một hạt bụi tính là một kiếp. Bồ tát Địa Tạng từ khi chứng quả thập địa tới nay, còn nhiều gấp bội con số tỷ dụ ở trên, huống chi là tính từ khi Bồ Tát Địa Tạng còn ở trong bậc Thanh Văn và Bích Chi Phật.*** ”

Như vậy, Bồ tát Địa Tạng có thể thành Phật từ lâu xa lắm rồi, thời gian ấy chẳng thể nói, chẳng thể nghĩ được. Đến ngôi Thập Địa thì chỉ còn qua hai ngôi vị nữa là chứng quả vị Phật. Nhưng đến nay Ngài vẫn chưa chứng quả vị đó. Các học trò của Ngài có lẽ có vô số lượng đã thành Phật rồi, nhưng ngài vẫn trong ngôi vị Bồ Tát để cứu độ chúng sinh, cứu độ chúng sinh với tấm lòng không mỏi mệt, vào trong cõi khổ và nụ cười vẫn hiền dịu an nhiên...Ngài như một bậc cha lành mãi mãi đi tìm để cứu vớt, che chở cho những đứa con lầm đường, lạc lối để cho tham, sân, si lôi kéo quên mất bản tâm mà đọa vào cảnh khổ. Ngài cũng như những đám mây, như những cơn mưa đến vào những lúc khó khăn nhất cứu giúp cho những chúng sinh nơi sa mạc cằn cỗi đang bị nóng nắng thiêu đốt.

 Hạnh nguyện của Ngài là độ chúng sinh thành Phật hết thì Ngài mới thành Phật. Như quý vị ở thế gian này, lo cho con được ấm trước, được no trước, được học hành thành tài trước, dù quý vị khổ nhọc, đói lạnh bao nhiêu cũng được. Chỉ cần con cái mình thành đạt là quí vị vui lòng. Bồ Tát Địa Tạng đối với chúng sinh, còn hơn trăm nghìn vạn lần tình cảm của cha mẹ đối với con cái. Quý vị lo cho con có thể chỉ lo một đời. Còn Bồ Tát Địa Tạng lo cho chúng sinh thoát khổ rồi tiến tới ngôi vị Phật. Khi một chúng sinh nào, được sinh lên cung trời Đao Lợi, rồi mãi không còn đọa đường ác rồi dần dần tiến tới quả vị Phật. Lên đến cõi Trời, hay thành Phật rồi thì ai còn phải lo cho những chúng sinh đó cơm, áo, lo cho học thành tài nữa đâu. Khi thành Phật rồi, vị Phật ấy có thể lại lo cho trăm nghìn vạn ức chúng sinh khác cùng được giác ngộ.

Vì vậy, mà chúng ta nhớ đến những điều vi diệu khác thường khi Đức Phật chuẩn bị thuyết kinh Địa Tạng, và khi đại chúng đón chờ Ngài Địa Tạng xuất hiện.

Thâm ân của Phật tổ, công ơn của Địa Tạng Vương Bồ Tát chúng ta không thể diễn tả bằng lời, cũng như chẳng thể báo đáp. Mà việc chúng ta có thể làm là nghe theo lời dạy của các Ngài, bỏ ác làm lành, lánh giữ hành thiện, tụng đọc Kinh sách, Niệm Phật cầu sinh Tịnh Độ. Là hành giả Tịnh Độ, về Tây Phương Cực Lạc, thân cận A Mi Đà Phật thì chúng ta mới phần nào báo đáp được công ân của các Ngài vậy.

Chúng ta tìm hiểu tiếp về hai quả vị cuối cùng của hàng Bồ Tát.

***Quả vị thứ 51 của các Bồ Tát đó là Đẳng Giác Bồ Tát***:

Đẳng là nhiều, các vị này đã chứng được hằng hà sa số cá thiện pháp của Phật, không thể dùng con số để tính được, sự chứng ngộ của các Ngài là vô lượng, vô biên không phải hàng thanh văn, Nhị thừa có thể hiểu được. Như Ngài Đại Thế Chí, trong Kinh Bi Hoa, Đức Phật cũng nói sau này khi Quán Thế Âm Bồ Tát thành Phật, lúc đó Ngài mới thọ ký cho Đại Thế Chí Bồ Tát ở ngôi vị Nhất Sanh Bổ Xứ và sau này khi Quán Thế Âm nhập Niết Bàn thì Đại Thế Chí Bồ Tát lại thành Phật ở cõi Tây Phương.

Theo trong Kinh Bi Hoa Đức Phật A Mi Đà cũng thị hiện nhập Niết Bàn để Bồ Tát Quán Thế Âm thành Phật. Nhưng thời gian đó phải trải qua hằng hà sa số, a tăng kỳ điển tích kiếp mới xảy ra chuyện đó. Sau khoảng khắc Đức Phật A Mi Đà thị hiện nhập Niết Bàn thì Quán Âm Bồ Tát thành Phật ngay khi đó, khi đến Bồ Tát Đại Thế Chí Bồ Tát thành Phật cũng vậy, không có một giờ một phút nào cõi Tây Phương Cực Lạc không có bậc giáo chủ.

***Diệu Giác Bồ Tát***: “Diệu” là chỉ cho sự huyền diệu, sự tốt đẹp đến vô cùng diễn tả được, không lời nói hay ngòi bút nào chỏ khả năng diễn tả được. Hàng này như đã giới thiệu nhiều lần còn được gọi là Bổ Xứ Bồ Tát. Như Bồ Tát Di Lặc, Bồ Tát Quan Âm đang ở trong hàng này.

***Viên Giác Bồ Tát*** : là bậc bồ tát được nhắc thêm đến trong Kinh Viên Giác. Chính là Phật. Đã vượt ra 52 quả vị Bồ Tát kia, ít kinh điển nhắc đến quả vị Bồ Tát này, mà chỉ nhắc đến 52 quả vị kia. “Viên” là viên mãn. Giác là giác ngộ. Đầy đủ trí tuệ và phúc đức không còn khuyết thiếu. Trong kinh Viên Giác trí tuệ phúc đức đó cũng thể hiện cho cả mười phương Chư Phật.

Hôm nay, tôi đã giới thiệu đủ 52 quả vị của các vị Bồ Tát tới đại chúng khi tôi đang giảng kinh Địa Tạng. Vì trong kinh thường có vị Bồ Tát hay đứng lên hỏi Đức Phật, nếu chỉ nói Bồ Tát, chúng ta nghĩ Bồ Tát nào cũng giống nhau, quả vị nào cũng giống nhau. Nhưng không phải vậy, khi tìm hiểu chúng ta mới thấy các hàng Bồ Tát sơ phát tâm ở Thập Tín chẳng thì chúng ta thấy quả vị tu chứng, công đức trí tuệ khác nhau một trời một vực. Mà chúng ta biết lên đến hàng 47 trong 52 quả vị Bồ Tát mà không được gặp Phật vẫn bị thoái chuyển. Hòa Thượng Tịnh Không mới tha thiết khuyên chúng ta trong thời mạt pháp này muốn tu pháp môn nào cũng được, tùy duyên của mình hợpvới pháp môn nào thì mình theo nhưng phải phát nguyện thân cận A Mi Đà Phật để không còn bị thoái chuyển. Vì vậy, trước đây tôi chuyên tu Thiền, chuyên tụng Kinh Pháp Hoa, được như hôm nay là do những ngày tháng tu tập đó của tôi mà có. Nhưng việc chính của tôi bây giờ là Niệm Phật cầu sinh Tịnh Độ, khuyên người cũng niệm Phật cầu sinh Tịnh Độ. Vì sao? Vì suy nghĩ kỹ tôi thấy rằng Thiên Thai Trí Giả Đại Sư chuyên trì Kinh Pháp Hoa, là tổ sáng lập Pháp Hoa Tông mà Ngài còn cầu sinh Cực Lạc Thế giới. Cho nên, nghĩ mình cũng nên theo gương các Ngài mà cầu sinh Tịnh Độ, thân cận A Mi Đà Phật, làm bạn với Bất Thoái mới là con đường của tôi lựa chọn và hướng dẫn các quý vị tu hành. Loi gương Phật tổ cầu sinh Tây Phương Cực Lạc thế giới mới là thuận theo ý chỉ của Phật vậy. Chúng ta cứ thế mà làm, nếu làm theo lười các Ngài mà vào địa ngục thì các Ngài cũng đã phát nguyện chịu khổ thay chúng ta. Mà cũng không thể có chuyện làm theo lời Phật, lời Tổ mà còn đọa địa ngục. Chân chính y theo lời dạy của các Ngài thì chắc chắn được theo nguyện.

***Giảng Kinh Bổn Nguyện Của Bồ Tát Địa TạngPhần 16***

Chúng ta tiếp tục đi vào phần kinh văn của Kinh Địa Tạng. Phần kinh văn tiếp theo nói về ***công đức của sự cung kính tán thán, khen ngợi, lễ bái, cúng dàng, trì niệm, tô, đắp, vẽ... hình tượng của Bồ Tát Địa Tạng*** trong kinh văn nói người đó sẽ được một trăm lần sinh lên cõi trời Đao Lợi và vĩnh viễn không bị đọa vào tam ác đạo.Tất cả những việc chúng ta làm với mong muốn cúng dàng, tán thán Bồ Tát phải xuất phát từ lòng thành kính.

Bồ Tát Địa Tạng đã phát nguyện vì chúng ta mà vào chốn u đồ, mê tối khổ đau để cứu độ từng chúng sinh một để mong những chúng sinh đó bước lên con đường chính đạo. Sau khi biết đến công hạnh của Bồ tát Địa Tạng rồi, chúng ta sinh lòng cảm mến, kính trọng công hạnh của Ngài từ đó mà tán thán, khen ngợi và khi sự quy kính bằng lời mà không diễn tả hết thì người đó biết cúi đầu đảnh lễ. Ví dụ như ở ngoài đời, theo xã giao gặp ai đó chúng ta chào hỏi đó là chuyện bình thường, nhưng khi gặp một người nào chúng ta yêu mến hơn, kính trọng hơn thì sắc thái khi chào hỏi người đó cũng khác so với người bình thường, chúng ta thường sẽ biểu lộ sự vui mừng, hoan hỉ. Đối với các Phật tử, quý vị có thể tự kinh nghiệm thấy khi gặp những người đức cao trọng vọng thì chúng ta có sự tôn kính, các bậc trưởng lão, các vị chân tu những người dẫn dắt chúng ta, làm tấm gương cho chúng ta học tập, giúp cho chúng ta thoát khổ đau thì chúng ta quỳ lạy, đảnh lễ một cách rất tự nhiên mà không e dè, hay cảm thấy bị bắt buộc. Còn khi đã có sự cung kính với Bồ Tát Địa Tạng rồi, biết đến những công hạnh của Ngài rồi thì cũng không chỉ tán thán, khen gợi chúng ta còn cúi đầu lễ lạy trước hình tượng của Ngài. Có những người cứ nhìn thấy hình tượng, tranh ảnh của Phật của Bồ tát thì như một phản xạ tự nhiên vậy họ cúi lạy với tâm rất thành kính. Chúng ta có thể lập ra những thời khóa để lễ bái, sáng, chiều hay tối tùy vào điều kiện của mỗi người. Như thời khóa buổi sáng ở chùa chúng ta, sau khi tụng quyển Thượng của Kinh Địa Tạng thì đó là Tán Phật, Niệm Phật, và Lễ Phật Y Học. Công đức của lễ bái rất lớn. Quý vị cũng từng nghe:

*“Niệm Phật một câu, phước sinh vô lượng,*

*Lễ Phật một lễ, tội diệt hà sa”.*

 Chúng ta niệm danh hiệu của Bồ Tát, danh hiệu Phật, lễ Bồ Tát, lễ Phật chúng ta buông bỏ được cái tôi, cái bản ngã của mình mà hòa vào lòng từ bi, sự trang nghiêm, tánh đức của các bậc Thánh, lễ lạy bằng tấm lòng thành kính nhất, thanh tịnh nhất của mình thì thực sự công đức đó không thể nghĩ bàn. Nhưng thường khi niệm Phật hay lễ Phật chúng ta lại bị trôi theo nhiều suy nghĩ, lễ Phật mà còn lo chuyện đông chuyện tây, chuyện hôm qua, chuyện ngày mai thế thì công đức của sự lễ bái đó rất nhỏ.

Tiếp theo là **trì niệm**, “***trì***” tiếng Hán là cầm, giữ. Trong từ điển có ghi phàm nói về chữ trì đều có ý chỉ về sự giữ chắc không rời. Trì niệm danh hiệu của Bồ Tát Địa Tạng, đọc tụng thụ trì bộ kinh của Bồ Tát Địa Tạng cũng nghĩa là không chỉ đọc ra tiếng thôi mà phải luôn nhớ đến công hạnh, biện tài, trí tuệ, đại bi, đại trí, đại từ như Ngài.

*Chúng ta phải nhớ rằng tụng niệm không phải để chúng ta trả bài cho Đức Phật, cho Bồ Tát, mà Đức Phật đã thuyết ra bộ kinh này là để chúng ta phải học và làm theo những lời dạy trong kinh.*

Như Phật và các Bồ Tát dạy chúng ta bỏ ác, làm lành thì chúng ta phải thực sự cố gắng bỏ ác, làm lành, luôn hướng tâm mình đến ý nghĩ thiện, hướng thân mình đến hành động thiện, chứ không chỉ luôn nói tôi bỏ ác, làm lành là được. Đức Phật đã thắp cho chúng ta ngọn lửa, đã chỉ cho chúng ta ánh sáng, đó lời dạy của Ngài mà nay chúng ta được thấy qua kinh sách, vậy thì chúng ta phải “tự thắp đuốc mà đi” tức là hành trì theo, làm theo, chứ không thể cứ đọc tụng kinh rồi để đấy mà được. Đọc tụng chỉ là một phần nhỏ, rất nhỏ quan trọng nhất là sự hành trì.

Tiếp theo là biết ***cúng dàng***: như cúng hương hoa, đèn nến...đem đến để cúng dàng trước tranh ảnh, hình tượng của Ngài.

***Trạm khắc, tô vẽ hình tượng của Bồ Tát Địa Tạng***: chúng ta tạo tạc lên hình ảnh của ngài để chiêm bái, cúng dàng Ngài, gieo duyên, lưu truyền hình ảnh của Ngài cho nhiều người biết, đến nhiều nơi. Một bức hình Bồ Tát, hình Phật hay tượng mà trang nghiêm, tô hảo, nhìn vào là người chiêm bái thấy ngay sự điềm tĩnh, bình yên, từ bi hỉ xả của các Ngài, chỉ cần nhìn qua một lần thôi đã lay động đến tâm can của chúng sinh thì đó là một việc gieo duyên rất lớn cho chúng sinh. Có những người khi họ rất đau khổ, nỗi khổ đi đến tột cùng rồi, tưởng như hết chịu đựng rồi, khi họ nên chùa, nhìn thấy tôn tượng của các Ngài, nhìn thấy nụ cười của các Ngài, thì tự nhiên tâm họ được bừng tỉnh, bao nhiêu ưu não cũng theo nụ cười, theo đôi mắt, theo đôi bàn tay, theo hình dáng của các Ngài mà tan biến ngay. Phật thì đã thị hiện vào Niết Bàn, dù các Ngài có thị hiện ở cõi đời này chúng ta cũng rất khó nhận ra. Vì vậy, hình tượng của các Ngài được lưu truyền lại qua tranh, ảnh, qua các bức tượng...để chúng sinh được nương tựa vào, nhớ là các Ngài vẫn còn ở đời cạnh chúng sinh, cứu giúp chúng sinh và nhắc nhở nếu chúng ta tu tập theo các Ngài chúng ta cũng có thể trở lên được như các Ngài, cũng có thể mang lại bình an, giải thoát đến cho chúng sinh như các Ngài.

Chúng ta làm tất cả những việc trên bằng lòng thành kính, có thành có kính thì mới có cảm. Nhiều vị khi tụng đọc bộ kinh này, từng nghe giảng về công đức của bộ kinh này cũng muốn ấn tống, kinh sách, cũng muốn in ấn tranh ảnh, cúng dàng tượng Phật. Nhưng nếu chúng ta nghĩ rằng: “Con cúng dàng Bồ Tát, con lưu truyền, hình ảnh của Ngài đi khắp nơi rồi, giờ thì Ngài ban cho con điều này điều kia đi. Ngài ban cho công việc của con thuận lợi, ban cho gia đình con bình an, hạnh phúc, con cái học giỏi....” Mình làm mà mình đòi hỏi đủ điều từ Ngài. Nhưng chúng ta đừng vội nghĩ vậy, quý vị gieo duyên tranh ảnh Phật, Bồ tát cho người khác, quý vị phải chắc họ là người quy kính Tam Bảo, biết tôn trọng, hình ảnh của các Ngài. Quý vị tặng họ một quyển kinh thì quý vị cũng phải khuyên họ tụng kinh, biết y theo, làm những gì Phật dạy....thì những việc làm của quý vị mới được vẹn toàn. Chúng ta cúng dàng mà không cần đòi hỏi, cúng dàng với suy nghĩ làm thế để con mong Phật pháp được mở rộng, trường tồn, hình ảnh Phật, Bồ Tát sẽ có mặt ở khắp mọi nơi, Tam Bảo sẽ là nơi mọi người quy kính, quay về nương tựa. Nếu cúng dàng với một tâm như vậy thì công đức của quý vị sẽ rất lớn. Tội chướng của chúng ta đã gây tạo từ vô lượng kiếp, phiền não của chúng ta là vô lượng vô biên. Vậy nên chúng ta phải chuyển đổi từ từ, chuyển đổi từ chính chúng ta. Như cùng tiếp nhận một cơn mưa lớn cây có gốc rễ bám sâu, cành lá rộng thì sẽ được nhận nhiều nước hơn một cây cỏ, một cây bé hơn nó. Mưa vẫn đây, hạt mưa ban trải như nhau trên khắp mặt đất, nhưng ở nơi cái cây nó là nhỏ hay lớn mà nó được thụ dụng khác nhau. Cũng vậy mưa pháp của Đức Phật, công đức của Bồ Tát cũng ban rộng rãi, là vô bờ bến cho các chúng sinh nhưng chúng sinh mỗi người khác nhau thì sẽ có cảm khác nhau. Có những người tụng kinh Địa Tạng chỉ trong bảy ngày thôi gia đình họ thay đổi, nhưng như sáng nay có vị chạy theo tôi bảo gia đình con tụng đã 137 ngày rồi mà vẫn chưa yên. Nhưng chúng ta phải xem nghiệp nhân của những sự việc đến với gia đình chúng ta là như thế nào và cách đọc tụng thọ trì của các quý vị như thế nào. Phật pháp độ người có duyên, dù Đức Phật có thần thông nhưng Ngài rất ít khi dùng thần thông để cảm hóa, Ngài cảm hóa chúng sinh bằng đạo đức, bằng những chính sự thân giáo và giáo pháp của Ngài. Đức Phật là bậc trời người cung kính như vậy, bao vị Bồ tát tán thán, mười phương chư Phật cũng tán thán khen ngợi Ngài. Nhưng chính trong Tăng đoàn của Đức Phật, người em, người trò của Ngài là Đề Bà Đạt Đa cũng bao lần hãm hại Ngài, rồi ngoại đạo cũng bao lần hãm hại Ngài. Đề Bà Đạt Đa đọa địa ngục, những người từng chửi mắng, vu oan cho Đức Phật cũng đọa địa ngục nếu họ không biết sám hối kịp thời trước khi nhân quả đến. Đức Phật biết những điều đó, vậy Đức Phật không thương họ sao, sao Đức Phật là người biết rõ quá khứ, hiện tại, và vị lai. Đức Phật sao không hiện thần thông, không dùng phương tiện để ngăn cản họ, để họ không đọa địa ngục. Nhưng chúng ta đâu có thể hiểu thấu mọi chuyện như Ngài.

*Có một câu chuyện là khi xưa Đức Phật còn tại thế, Ngài A Nan theo thị giả Đức Phật. Một hôm, đi khất thực Ngài A Nan thấy một bà lão, bà ta rất khổ. Nghĩ rằng Đức Phật là bậc toàn giác, công đức vô lượng, cúng dàng Đức Phật một bữa ăn, hay lễ Đức Phật một lễ, hay nhìn thấy Đức Phật mà sinh lòng hoan hỷ, tán thán thôi thì công đức của người cúng dàng cũng rất nhiều, họ sẽ được sinh thiên, sẽ nhờ nhân duyên ấy mà những kiếp sau được sống trong chánh pháp, được có cơ hội được Phật thọ ký cho thành Phật. Ngài A Nan thương bà lão kia mà thỉnh Đức Phật độ cho bà ta. Đức Phật khi đó chỉ im lặng. A nan tôn giả nghĩ Đức Phật chưa nghe thấy liền tiến sát lên để thỉnh cầu lần nữa, Đức Phật vẫn im lặng. Ngài Anan liền quỳ xuống dưới chân Đức Phật thỉnh cầu Đức Phật đến lần thứ ba. Đức Phật khi đó mới nói: “Như Lai thấy điều gì cần làm và làm được thì Như Lai tự biết, còn điều gì không làm được và không thể làm được thì Như Lai cũng tự biết.” Bấy giờ, Ngài A Nan tiếp tục năn nỉ Đức Phật đến lần thứ tư, xin Đức Thế Tôn thương mà độ cho bà cụ, trên đời có nhiều người khổ, nhưng bà lão này có gì đó làm A Nan tôn giả rất muốn Đức Phật thương xót độ cho. Đức Phật lắc đầu và nói rằng Ngài đã quán xét bà cụ đó, đã 7 Đức Phật ra đời ở Hiền kiếp quá khứ và hiện tại, bà cụ này không có một chút nhân duyên, thiện căn nào với Chư Phật cả. Tôn giả A Nan liền xin Đức Phật gieo duyên lành cho bà cụ ấy. Sau nhiều lần thỉnh cầu, Đức Phật cũng đi sang mới ý hóa độ cho bà lão, nhưng gọi bà ta thì bà ta chẳng chịu nghe, thuyết pháp thì bà ta bịt tai lại. Đứng trước mặt bà ta thì bà ta quay đi, Thế Tôn lại sang phải, bà ta quay sang trái, Thế Tôn sang bên trái thì bà ta quay sang bên phải, bà ta gẩng mặt lên trời Thế Tôn hiện thân trên trời...rồi cuối cùng bà ta bịt cả tai, nhắm cả mắt vào. Cho nên, Đức Phật nói với Tôn Giả A Nan: Pháp của Như Lai không phải ai cũng lãnh thọ được, không phải ai cũng có thể kham nhận, tin tưởng được. Ở ngay cạnh Đức Phật, vậy mà Đức Phật cũng không độ được họ. Vì vậy, quý vị phải nhớ Đức Phật không phải là đấng thần linh, có thể ban phước, giáng họa, chúng ta cầu gì cũng được. Liệu điều chúng ta cầu có chân chính không, có hợp nhân quả không. Chúng ta đừng nghĩ chúng ta cầu gì cũng được. Nếu suy nghĩ bằng cái tâm phàm phu của chúng ta thì mọi chuyện sẽ lại càng rối thêm mà thôi. Ví như quý vị trông thấy con hổ săn một con hươu, quý vị thương con hươu và mong cho con hươu chạy thoát, khi thấy con hươu bị con hổ ăn, quý vị có thể rơi nước mắt, thương xót cho con hươu và căm giận con hổ rồi nghĩ nó độc ác. Nhưng khi quý vị nhìn thấy con của con hổ đang đói và đang chở mẹ nó, nếu mẹ nó không săn được mồi thì chúng sẽ chết, lúc đó có lẽ quý vị lại thương con hổ và đàn con của nó. Chúng ta không phải đặt câu hỏi là sẽ thương hổ hay thương hươu, cứu ai đây, cứu hổ hay cứu hươu, bảo hổ hãy ăn chay đi ư?. Cái mà chúng ta phải nhìn nhận rằng vòng luân hồi là khổ, kiếp súc sinh là khổ, sự ăn nuốt lẫn nhau là khổ, nhận ra súc sinh mà khổ vậy thì địa ngục, ngạ quỷ còn khổ hơn. Mình tu tập, để mình và những người xung quanh mình đừng đọa vào ác đạo, và cũng tu tập để một ngày nào đó có thể đi cứu chúng sinh trong ba đường ác này.*

Chúng ta thờ Phật, lạy Phật chúng ta phải học theo Ngài, đức tính, lòng từ bi của Đức Phật, sự thanh tịnh, trang nghiêm của Đức Phật, để dần dần hướng đến đạo giải thoát. Đối với Bồ Tát Địa Tạng cũng vậy, chúng ta phải nghe lời dạy của Ngài, làm theo lời Ngài dạy thì đó mới là người trì kinh Địa Tạng. Đó mới là người đọc tụng kinh Địa Tạng. Nếu đọc tụng hằng ngày mà việc ác không bỏ, vẫn thích sát sinh hại vật, vẫn thích tranh cãi, chửi mắng...thì làm sao có sự linh nghiệm được. Có đọc tụng 1000 ngày mà tâm vẫn vậy thì cũng không có được lợi ích bằng người đọc tụng bảy ngày mà chuyên nhất.

Mới mấy hôm nay, có Phật tử ở Hà Nôi ốm nặng đã lâu, đi viện thì không khám ra bệnh, xuất viện ở nhà thì bệnh càng nặng. Tôi khuyên hãy nhất tâm tụng kinh Địa Tạng từ 49 đến 100 ngày. Nhưng chỉ vừa tụng đọc được đến ngày thứ bảy thôi, đi khám lại bác sĩ tìm ra bệnh cho thuốc, đến ngày thứ mười thì từ chỗ không đi lại được nay đã đi xung quanh được trong nhà. Không phải cái gì Bồ Tát cũng ban được hết cho chúng ta, vì chúng ta là theo nghiệp mà thọ sinh, cái thân này sẽ có sinh, già, bệnh, chết. Nghiệp chúng ta đã gieo tạo từ vô thủy kiếp nếu nó có hình tướng thì cõi Nam Diêm Phù Đề này cũng không lớn bằng nó. Nhưng khi biết cách thì nghiệp sẽ nhẹ đi, gặp thầy, gặp thuốc mà bệnh tình thuyên giảm. Đức A Mi Đà được tán thán là Vô Thượng Y Vương, nhưng không có nghĩa là Ngài giúp cho chúng ta bất tử với cái thân này, cái thân này không phải thực có. Ngài chỉ đưa chúng ta về cõi Ngài, cho chúng ta hưởng an lạc khi chúng ta đủ tín, nguyện, hạnh, thực sự buông bỏ cái thân này mà cầu về cõi Ngài. Còn nếu chúng ta cầu cái thân cơm gạo này không già, không chết thì không thể được. Bồ Tát Địa Tạng có thể giúp chúng ta bệnh tình thuyên giảm, gặp thầy gặp thuốc ....nhưng nếu muốn thực sự không còn khổ não thì chúng ta có một con đường duy nhất là thực sự theo, thực sự bước trên con đường mà Phật đã chỉ dạy mà thôi.

Trong kinh nói nếu người làm được những việc công đức như đã trình bày ở trên thì sẽ được 100 lần sinh lên cõi Trời Đao Lợi, và vĩnh viễn không bị đọa vào Ba đường ác nữa. Cõi trời Đao Lợi thọ 1000 tuổi,một ngày một đêm bằng một trăm năm ở nhân gian, 100 lần sinh như vậy, rồi vĩnh viễn không còn bị đọa đường ác nữa. Điều quan trọng ở đây đó là không còn bị sa vào ba đường ác. Vì sinh lên cõi này sẽ thường được gặp Phật pháp, học rồi có cảnh thuận lợi để tiến tu thì sẽ không còn bị đọa ác đạo. Còn những thiên nhân ở cõi Đao Lợi nhiều vị khi hưởng hết phước thì vẫn sẽ bị đi xuống.

Giống như ở nhân gian chúng ta vậy, nhiều người do gieo trồng từ kiếp trước họ rất giàu có, họ có tiêu tiền nhiều thế nào đi nữa thì gia tài của cha mẹ họ để lại cũng vẫn có thể cho họ dùng cả đời, nhưng nếu họ không biết hướng thiện hết phúc họ cũng vẫn đọa lạc như thường.

*Như Tào Tháo là một ông vua thời Tam Quốc, người ta gọi là một bậc “gian hùng”. Giỏi như Khổng Minh cũng không phải trận nào cũng đánh thắng được Tào Tháo, chính Tào Tháo là người thống nhất đất nước. Nhưng vừa thống nhất đất nước chưa được ba ngày thì ông ta cũng chết, rồi hơn 1000 cung tần của mình, con của Tào Tháo là Tào Phi cũng cướp mất. Cả đời xây dựng cơ đồ, nhưng hết thảy mọi thứ của mình lại bị chính con trai của mình cướp hết. Không tên của Tào Tháo còn lưu xấu đến muôn đời. Đến bây giờ sau gần hai nghìn năm thì nhắc đến cái tên ấy người ta cũng chỉ nhớ đến một ấn tượng rất xấu mà thôi. Đời nhà Thanh, thời vua Càn Long, có một người đồ tể chuyên mổ lợn, một hôm anh ta giết một con lợn mà trên lá gan có hai chữ Tào Tháo. Mọi người xa gần đến xem con lợn đó. Người hàng xóm của anh ta thấy rằng kinh Phật nói không sai, có sự luân hồi, chuyển kiếp, quả báo, anh ta liền vội xuất gia và sau này trở thành vị Tăng mà Hòa Thượng Tịnh Không nói có tên là Phật An. Như vậy, đã gần 2000 năm trôi qua, một ông vua mà vẫn đọa làm súc sinh, bị người ta chọc tiết, giết mổ. Không biết Tào Tháo sau khi chết đã phải chịu bao lần làm súc sinh, bao lần bị phanh thây như cái kiếp con lợn vừa rồi. Sự xoay vần ở thế gian, nếu không có nhân duyên để gặp Phật pháp thì dù làm vua của nước lớn rồi vẫn phải đọa vào ba đường ác là chuyện thường tình.*

*Người chỉ tụng trì kinh Địa Tạng chọn một ngày một đêm thôi thì được 100 lần sinh lên cõi Trời Đao Lợi và vĩnh viễn không bị đọa vào đường ác. Lòng từ bi ai mẫn của Bồ Tát của Phật Tổ lớn với chúng ta như thế nào, chúng ta nên chú ý để có thể nhìn nhận. Ngồi tụng kinh Địa tạng dễ dàng biết bao nhiêu so với ngồi bày mưu tính kế như Tào Tháo, nếu Tào Tháo biết dùng tài năng, trí tuệ, của mình mà tụng kinh niệm Phật thì quý hóa cho ông ta biết nhường nào, và cũng bao nhiều người được nhờ cậy ông ta, biết bao người không oan uổng mà chết nơi trận mạc.*

*Rồi ở Việt Nam chúng ta hiện nay, có biết bao những cậu ấm, cô chiêu nhờ phước báo của cha mẹ họ và tất nhiên cả phước báo của họ nữa, họ tiêu tiền như giấy. Quý vị từng nghe đến công tử Bạc Liêu chưa? Có tờ báo viết rằng: ngày xưa người này giàu đến nỗi ông ta và bạn ông ta đi xem sân khấu, khi người bạn làm rơi một vật xuống đất thì để tìm lại cho bạn, vị công tử này đã đốt tiền- tiền dolla, để lấy ánh sáng tìm. Nhưng đến bây giờ khi có nhà báo đi tìm hiểu con cháu của người này ra sao thì cháu nội ông ta, bây giờ làm nghề lái xe ôm, con cháu cũng chẳng được hưởng chút gì từ tài sản của ông ta cả. Và họ còn chụp ảnh người cháu lái xe ôm ngày ngày vẫn chở khách qua khu biệt thự của chính ông nội mình khi xưa. Nói vậy, chúng ta không phải để chê bai người khác, mà là một bài học nhắc nhở mọi người như lời Đức Phật đã dạy: chính những gì mình cho đi, mình hiến tặng cho người khác, cho quốc gia, cho đồng bào mới là thực sự là tài sản của mình. Báo chí viết ở thành phố Hồ Chí Minh có cậu ấm tiêu đến 35 tỷ mỗi tháng, rồi ở Việt Nam những chiếc xe siêu sang vài chục tỷ, có khi trăm tỷ bán được rất nhiều. Trong khi những đồng bào của họ, những em nhỏ vùng cao không có lớp để ngồi học, phải ngồi học trong giá rét. Những thầy cô giáo với đồng lương hợp đồng chỉ có hơn hai triệu mỗi tháng. Nếu biết nghĩ đến từ “đồng bào”, biết đến cùng một thể là con của mẹ Việt Nam người ta sẽ không nghĩ đến việc tiêu pha như vậy. Rồi chính con cháu của họ có lại như con cháu vị công tử Bạc Liêu không, có lẽ thời gian sẽ trả lời tất cả.*

Ba thời tụng kinh cũng đơn giản hơn biết bao nhiêu cho chúng ta so với việc chúng ta phải ngồi phiền não, suy tư, hay nói chuyện, tính toán vì những việc trên trời dưới bể. Ti vi, mạng internet đang đầu độc con người rất nhiều. Những gì người ta nói trên ti vi, trên mạng hầu như không mang tính giáo dục, dạy yêu thương, con người con người, thiên nhiên, đất nước. Toàn là những điều dễ làm người ta chạy theo dục lạc và hưởng thụ mà thôi. Thời mà đất nước chúng ta không có ti vi, không có mạng xã hội nhiều như hiện nay, các vị lớn tuổi ở đây chắc cũng thấy tâm hồn chúng ta thanh tịnh hơn nhiều. Dĩ nhiên, Phật dạy đệ tử của người tu để có bi trí như Người, chứ không phải là tu để thành gỗ đá, vô tri không quan tâm đến người khác. Nhưng khi định lực của mình chưa đủ, quý vị không nên biết và quan tâm đến những việc không cần thiết. Chỉ tập trung tụng kinh, niệm Phật, như thế quý vị tránh gây ra những việc ác từ thân, khẩu ý, hơn nữa lại có được những công đức vô cùng thù thắng.

Rồi Đức Phật nói với Bồ Tát Văn Thù:

***“...Trải qua bất khả thuyết, bất khả thuyết kiếp lâu xa về trước. Tiền thân của Bồ Tát Địa Tạng là con ông trưởng giả, khi ấy có Đức Phật hiệu là : Sư Tử Phấn Tấn Cụ Túc Vạn Hạnh Như Lai. Con ông trưởng giả thấy Đức Phật tướng đẹp trang nghiêm, không ai sánh bằng, mới bạch hỏi Đức Phật ấy tu hạnh nguyện gì mà có tướng hảo trang nghiêm như thế.”***

Khi chúng ta biết được nguồn gốc của Bồ Tát Địa Tạng, chúng ta sẽ hiểu được vì sao mà chiêm bái, lễ lạy, cúng dàng Ngài lại được những phúc đức cùng công đức lớn như vậy. Chính vì muốn phá nghi ngờ cho chúng sinh mà Đức Phật đã kể những tiền thân của Bồ Tát Địa Tạng với Bồ Tát Văn Thù. Đức Phật dùng phương tiện, gọi người có công đức trí tuệ lớn nhất ra để mà nói thì những chúng sinh đời sau sẽ không thể không tin được.

Số kiếp mà Đức Phật nói ở đây là bất khả thuyết, bất khả thuyết hay có cách nói khác trong kinh đó là hằng ha sa số tức là nhiều như số cát sông Hằng. Quý vị có thể tưởng tượng chỉ nắm một nắm cát thôi chúng ta đã không thể tính đếm rồi, mà số kiếp được đề cập ở đây nên tới như số cát của con sông Hằng, một con sông lớn nhất ở Ấn Độ. Thời gian lâu xa thế này, chúng ta không thể biết được, kiếp trước chúng ta còn chẳng nhớ huống chi là những kiếp lâu xa như cát sông Hằng, chỉ có bậc trí tuệ như Đức Phật mới biết mà thôi. Tuy chúng ta không biết nhưng chúng ta phải tin hay chúng ta có lý do để tin tưởng những việc này. Như chúng ta không thể thấy tổ tiên mình nhưng chúng ta biết là chúng ta có tổ tiên vậy. Nếu không tin thì sao? Thì chúng ta quên hết nguồn gốc, quên hết cội nguồn, mà như một cái cây mất gốc thì làm sao có thể lớn lên được. Cũng như không tin vào trí tuệ của Phật, không tin vào việc Phật đã thuyết chúng ta cũng mất phần lợi ích. Kinh Đại Tập Đức Phật đã huyền ký: Thời mạt pháp, có ức ức người tu hành, khó tìm được một người tự giải thoát. Rời pháp môn Tịnh Độ ra thì khó kiếm được một người tự tu, tự giải thoát vô cùng.Như đã nói vài lần trong bài giảng gần đây, nhiều người họ đả phá pháp môn Tịnh Độ, cho rằng người tu Tịnh là tu theo ngoại đạo, nói Huệ Viễn Đại sư là người Trung Quốc, tu Tịnh là tu theo cách tu của người Trung quốc, không thuộc Phật giáo Ấn Độ. Nhưng quý vị nên biết rằng những vị đặt nền móng cho Phật giáo Trung Quốc không ai khác là những nhà truyền giáo Ấn Độ, chính các vị cũng là những người dịch những bộ kinh lớn từ tiếng Phạn sang tiếng Trung.

*Huệ Viễn Đại Sư là đệ tử của Đạo An Pháp Sư, Đạo An Pháp sư từ nhỏ là người có bề ngoài xấu xí nhưng trí tuệ của Ngài ít có người sánh bằng. Có chuyện về Ngài Đạo An như sau. Thời đó trong nước cũng có một người rất giỏi tên là Tập Tặc Xỉ. Người này rất có tài nhưng cao ngạo. Khi nghe danh Ngài Đạo An thì muốn đến thử xem Ngài Đạo An thế nào mà nhiều người ca ngợi như vậy. Khi đến thấy Ngài Đạo An đang thuyết pháp, Tập Tặc Xỉ chỉ đi vòng quanh để xem chứ không cúi đầu chào. Là một người đã chứng ngộ, nhìn thấy rằng con người kia khi được hóa độ sẽ làm được rất nhiều điều cho nhân sinh. Sau thời thuyết pháp Ngài Đạo An sai đệ tử mời Tập Tặc Xỉ vào phòng mời nước. Tập Tặc Xỉ nói với người kia: “Ngôi chùa bé xíu thế này, làm sao có thể dung chứa bốn bể. Phải xây chùa to, cảnh lớn, chứa được nước của bốn bể mới có thể mời được tôi vào”. Là Bậc tu hành, khi nghe nhứ thế Ngài Đạo An vẫn khiêm nhường, đích thân Ngài đi ra mời. Tập Tặc Xỉ vẫn rất cao ngạo, cuối cùng nói với Ngài Đạo An:*

* *Tôi nghe nói, ngài là bậc nhân tài kiệt xuất trong cửa thiền. Nay tôi đến đây, không giấu gì Ngài, tôi muốn xem kiến thức của Ngài thế nào và tiếng đồn của người dân có đúng không. Tôi ra một vế đối, nếu Ngài đối được thì tôi sẽ khâm phục Ngài mà vào uống nước, còn không thì tôi không vào. Điều đó cũng có nghĩa cả gầm trời này, thiên hạ này không có ai bằng tôi cả. Muốn ngồi với tôi thì trí tuệ phải bằng hoặc hơn tôi, tôi mới ngồi.*

*Ngài Đạo An ôn hòa nhân lời.*

*Vế đối là “Tứ Hải Tập Tặc Xỉ”. Ngay khi ấy, Ngài Đạo An không gập ngừng nói luôn vế đôi của mình: “ Di Thiên Thích Đạo An”. Nghĩa là Khắp bốn biển đều là Tập Tặc Xỉ, thì câu kia là Khắp gầm trời này là Thích Đạo An. Biển còn có gằn mé, nhưng chân trời thì không ai tìm ra được bao giờ. Vừa nghe câu đối xong thì Tập Tặc Xỉ liền cúi đầu sụp lạy Ngài Đạo An và xin tạ tội bất kính, rồi xin được vào để hầu chuyện Pháp Sư. Không lâu sau, câu chuyện này được lan đi khắp nước, ông vua nước lớn hơn bên cạnh bằng mọi giá muốn mời Ngài Đạo An về nước mình làm quốc sư. Bấy giờ, cho người đi đến để mới Ngài phiên dịch kinh sách, thuyết pháp độ sinh. Khi đó, vua mời được cả hai người là Ngài Đạo An và Ngài Tập Tặc Xỉ, một vị an dân, hoằng dương Phật pháp, một vị thì làm quan. Sau khi an dân đón được cả hai vị về rồi thì vua nói:*

*-“Ta mới chỉ đón một người rưỡi thôi”.*

*Các quan thắc mắc hỏi: Sao chỉ có một người rưỡi.*

*Vua trả lời:*

*-“Thích Đạo An là một người, còn Tập Tặc Xỉ chỉ có một nửa người mà thôi”.*

*Ngài Thích Đạo An là một vị sư giỏi và danh tiếng của Trung Quốc như vậy đấy. Trong các đệ tử của Ngài có một vị nổi trội nhất đó chính là Pháp Sư Huệ Viễn hay Tuệ Viễn. Và Ngài Huệ Viễn chính là người nương vào ba bộ kinh A Mi Đà, Vô Lượng Thọ, Quán Vô Lượng Thọ và sáng lập ra Tịnh Độ Tông của Trung Quốc. Đi theo Ngài luôn có hơn một trăm vị đi theo để tu tập, Ngài ở trên núi ba mươi năm không hề xuống núi, chưa từng bước ra khỏi cây cầu bắc qua con suối, con suối này có tên là Hổ Khê. Tích truyện kể rằng khi Ngài lên núi, Ngài gặp một con hổ rất lớn và lúc thấy Ngài thì hổ tự tránh đường cho Ngài lên núi. Sau này cái cầu được bắc cho chư Tăng đi lại. Một hôm, có một người bạn tri kỷ đến thăm Ngài, mải nói chuyện, khi tiễn bạn xuống núi, hai người sắp bước qua cầu lúc nào không hay. Khi nghe thấy tiếng hổ gầm, lúc đó chợt nhớ đến lời nguyện khi xưa là ở lại núi tu và sẽ không cất chân xuống núi mà hai người bạn cũng cười ba tràng cười rất lớn. Đó là tích truyện của “Hổ Khê Tam Tiếu”. Ba mươi năm chỉ niệm Phật cầu vãng sinh, ba lần Ngài thấy Tây Phương Tam Thánh hiện đến thụ ký cho Ngài nhưng Ngài không nói với ai. Chỉ lần cuối cùng khi đang tĩnh tọa ngồi niệm Phật ở Bát Nhã Đài, Tây Phương Tam Thánh hiện đến, và Đức Phật A Mi Đà nói rõ ngày giờ sẽ đến đón Ngài. Gần đến giờ ngọ hôm đó Ngài cho đánh kẻng và báo với chúng rằng, hơn ba mươi năm nay ta chuyên tu niệm Phật, đã ba lần thấy Tây Phương Tam Thánh, nhưng lần gần đây nhất, A Mi Đà Phật nói đến giờ Ngọ sẽ đến đón ta. Nay ta cho gọi các đệ tử đến đây để tạm biệt lần cuối, đã đến lúc ta về Tây Phương rồi. Nói xong thì Ngài an nhiên thoát hóa, cả chùa sáng trưng rực rỡ, hương thơm ngào ngạt khắp nơi, hàng tháng chưa tan. Đạo hạnh của Ngài Huệ Viễn như vậy đấy.*

*Thời gian gần đây nhiều người đả phá pháp môn Niệm Phật, họ có những thành kiến, cho đây là của Trung Quốc. Chúng ta biết, Ngài Huệ Viễn là đệ tử của Ngài Đạo An, Ngài Đạo An là đệ tử của Ngài Phật Đồ Trừng là vị có nguồn gốc từ Bắc Ấn.. Vì nhân duyên mà Đức Phật sinh ra và thành đạo tại Ấn Độ. Giáo pháp của Đức Phật được mở rộng, lưu truyền khắp nơi bởi các vị Thánh Tăng, các Ngài cũng vì nhân duyên mà thì hiện thuyết pháp độ sinh. Cùng là con một nhà, vậy mà phân biệt Phật giáo Trung Quốc, Phật giáo Ấn Độ, như vậy chúng ta có làm theo đúng lời Phật dạy không. Nói như vậy, để khuyên các quý vị ở đây, đừng vì những lời bàn tán, những người xuyên tạc, bài bác Tịnh Độ mà sinh Tâm nghi ngờ mà mất phần lợi ích. Chúng ta may mắn vì biết đến Pháp môn Tịnh Độ, lại còn sinh tâm hoan hỷ, nguyện được sinh Tây Phương. Quý vị phải giữ được niềm tin này một cách chọn vẹn, thì mới không phụ lòng Chư Phật, Chư Bồ tát, các vị Tổ sư đã dày công vì chúng ta mà nói, mà lưu truyền pháp môn này.*

Chúng ta trở lại phần kinh văn, Bồ Tát khi ấy là con ông trưởng giả, hay nói cách khác tiền thân của Bồ Tát là con của một người rất giàu có. Là con của bậc trưởng giả thì sẽ được sống trong giàu sang, phú quý, không thiếu thôn vật gì rồi. Vậy mà khi nhìn thấy tôn nhang của Đức Phật, tướng hảo trang nghiêm đã làm cho vị này phải chú ý và muốn mình cũng có được tướng hảo như Đức Phật.

Đức Sư Tử Phấn Tấn Cụ Túc Vạn Hạnh Như Lai, bảo với con ông trưởng giả kia rằng:

“***Muốn chứng được thân tướng tốt đẹp này, phải trải qua kiếp số rất là lâu xa, tế độ cho vô lượng vô biên các loại chúng sinh, đều dứt trừ được hết thảy khổ não và được giải thoát ...”***

Vì sao phải trải qua số kiếp lâu xa? Một đứa trẻ mới lọt lòng mẹ sinh ra, chưa thể tự ăn, tự mặc, phải học nói, học bò, học lẫy...đều chưa tự chủ được. Sau này, qua thời gian chúng mới trở thành những em thiếu niên nhi đồng, rồi mới trưởng thành được. Học để trở thành người bình thường ở thế gian còn như vậy, huống chi là cầu đạo vô thượng Bồ Đề, chứng quả vị Phật. Muốn thành đượcc Phật thì vị đó phải trải ra kiếp lâu xa để giáo hóa cho các chúng sinh đều thoát khổ được vui, lấy công đức đó hồi hướng thì mới được cái thân tướng trang nghiêm, đẹp đẽ như Đức Phật. Chúng ta cũng thấy mặc dù Bồ Tát Địa Tạng chưa được thành Phật, nhưng khi nhìn tranh ảnh của Ngài, chúng ta cũng cảm nhận được những vẻ đẹp của Ngài, sinh ra từ những công đức Ngài vậy. Mỗi khi phiền não, lo âu một việc gì đó, chỉ cần nhìn bức ảnh của Ngài ở đầu cuốn Kinh này thôi lòng tôi lại dịu lại được luôn. Vì sao, chỉ cần nhìn tranh của Ngài, mà diệt được phiền não, thậm chí là hết sạch trong một thời gian ngắn? Vì công đức và bản nguyện của Bồ Tát Địa Tạng vậy. Lòng mình mà đủ sự cung kính, tôn trọng, chỉ cần nhìn tranh ảnh của Ngài thôi, là đã hết phiền não lo âu rồi.

Hòa Thượng Tịnh Không nói: Nếu muốn có thân tướng đẹp đẽ, thì đừng có đi thẩm mỹ viện. Hãy niệm Phật, niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Âm cho nhiều, làm việc thiện, hằng ngày tập sống hoan hỷ, hòa đồng với mọi người... Niệm điều lành thì thân tướng tự nhiên cũng sẽ đẹp, ai nhìn cũng ưa,, ai cũng quý kính.

*Chúng ta là người tu Tịnh Độ, chúng ta cũng có thể có thân tướng trang nghiêm như các Ngài vậy. Chúng ta cũng sẽ đủ ba hai tướng tốt, sắc thân vàng ròng...và có thể mang lại bình an, quy kính, nhiếp hóa chúng sinh như các Ngài. Làm sao được như vậy? Cầu sinh Tây Phương Cực Lạc, sinh sang Tây Phương Cực Lạc quý vị sẽ được như vậy.*

*“Đem thân giả tạm thúy nguy,*

*Sinh già bệnh chết thọ ký bấp bênh.*

*Mà đổi lấy thân Vô Lượng Thọ,*

*Là pháp thân không có động giao..”*

*Bồ tát Địa Tạng lên hàng Thập Địa đã từ những kiếp lâu xa, chúng ta thì vẫn ở địa vị phàm phu, đầy tham sân, nghiệp chướng. Chúng ta liệu bây giờ có phát nguyện được như Ngài không? Mong muốn của chính Bồ Tát Địa Tạng, của Chư Phật là chúng sinh được lên bờ giải thoát. Bồ Tát Địa Tạng ví như người chèo đò đưa chúng sinh ra khỏi bể khổ. Thích Ca Mâu Ni Phật như một người chỉ đường cho chúng sinh vừa lên đến bờ đến được nơi nghỉ ngơi, an lành. Còn A Mi Đà Phật như một người chủ cõi nước ở bờ bên kia, Ngài rất giàu có, rất từ bi, Ngài xây những căn nhà thật lớn, thật đẹp để mời những người khách mới đến ở vậy. Khách khi vào đó rồi thì tự do, tự tại, không phải suy nghĩ, chỉ an dưỡng và tu học để trở thành hiền nhân. Như vậy , nếu đã có nơi đó để về, chúng ta không nên nhảy xuống sông để Bồ Tát lại phải vớt chúng ta lên thuyền, đưa chúng ta lên bờ nữa. Ngài đã cứu vớt chúng ta nhiều lần rồi. Hãy mau mau nghe lời, theo lời chỉ dẫn, đến ngay ngôi nhà của kia mà tới hưởng mọi niềm vui, bình an...Rồi khi nào, đủ sức chúng ta lại trở thành người chèo đò, người dẫn đường để giúp đỡ những chúng sinh còn đang lênh đênh trên bể khổ. Pháp môn Tịnh Độ thâu nhiếp các căn cơ, mầu nhiệm vô cùng. Quý vị phải nắm chắc, đừng bỏ lỡ cơ hội này.*

Sau khi nghe lời Đức Phật khuyên dạy. Con ông trưởng giả liền phát nguyện rằng: “***Con nguyện từ nay trở đi cho đến mãi mãi về sau, đời đời kiếp kiếp xin vì hết thảy chúng sinh, đang chị tội khổ trong sáu đường, mà dùng các phương tiện, khuyên răn, dạy bảo khiến cho chúng đó đều được giải thoát thì con mới tự chứng được vô thượng Bồ Đề.”***

Người con ông trưởng giả nguyện là đời đời, kiếp kiếp, bất cứ sinh ra làm người hay bất cứ thân tướng thế nào thì Ngài đều phát nguyện độ sinh. Chúng sinh trong sáu đường bao gồm Trời, Người, A Tu La, Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sinh, ngài sẽ phát nguyện vào những nơi đó để cứu độ họ. Bao giờ cứu độ được hết thì Ngài mới thành Phật. Còn các Đức Phật khác, các Ngài chỉ phát nguyện độ vô lượng, vô biên chúng sinh, khi viên mãn công đức thì sẽ thành Phật, giống như Đức Phật Thích Ca, Ngài độ cho vô lượng vô biên chúng sinh ở trong khắp Tam Thiên, Đại Thiên thế giới quốc độ của Ngài và khi thành Phật ngài lấy hiệu là Thích Ca Mâu Ni Phật. Còn Bồ Tát Địa Tạng, nguyện của Ngài là bao giờ không con một chúng sinh khổ nào thì Ngài mới thành Phật. Đây gọi là phát đại nguyện, mà sau khi phát đại nguyện rồi thì hành đại hạnh. Nhưng biết bao giờ chúng sinh khổ mới hết? Tất cả chúng ta thành Phật hết, nhưng chúng sinh ở cõi Nam Diêm Phù Đề vẫn chưa hết. Tất cả chúng ta thành Phật hết thì Địa Tạng Bồ Tát vẫn chưa thành Phật. Có nghĩa là Ngài sẽ là người Thầy của chúng ta, cho tới khi nào chúng ta chứng được quả vô sinh và chúng ta thành Phật, thì Ngài lại quay lại, đảnh lễ chúng ta. Như Hòa Thượng Tịnh Không nói bạn đi học, bạn thành đạt trở thành hiệu trưởng của trường, bộ trưởng bộ giáo dục vv... cô giáo đã từng dạy bạn thì vẫn dạy học ở ngôi trường xưa kia. Lúc đó, chức vụ của các bạn cao hơn cô. Điều này cũng không có gì là lạ cả.

Khi chúng ta đã đầy đủ công đức, viên thành Phật quả thì chúng ta lại trở thành Thầy của Địa Tạng Bồ Tát.

*Vào thời Lý, chúng ta có câu chuyện của hai vị thiền sư. Câu chuyện này xảy ra ở chính chùa Vạn Niên nơi tôi xuất gia và sư phụ tôi đang trụ trì. Ngôi chùa này đã từng có hai vị quốc sư đã từng tu tập tại đây. Ngôi chùa này có vị trí rất lớn tại triều nhà Lý. Sách Thiền Uyển Tập Anh có ghi lại câu chuyện về hai Thầy trò. Một vị theo thầy học đạo đã hơn 10 năm, sau đó người trò xin sam phương cầu học. Sau khi cầu học về sư phụ của Ngài mới hỏi:*

* *Trong mấy năm, ông xuất gia tu tập như thế thì ông đã hiểu được những gì rồi?*

*Người học trò trả lời:*

* *Hiểu thì có hiểu nhưng phải đúng như pháp con mới nói.*

*Người thầy nghe thấy vậy, lúc này liền như pháp thỉnh người trò lên tòa. Người trò nghe lời thỉnh, cũng ngồi lên tòa. Vị Thầy theo pháp như Tăng cầu pháp, lễ ba lễ rồi quỳ xuống thỉnh xin chỉ cho vấn đề Tâm yếu của Thiền Tông. Người trò bấy giờ cũng như pháp rồi thuyết cho vị Thầy của mình nghe. Ngay sau khi đó người Thầy cũng ngộ đạo. Người trò sau này trở thành một vị cao tăng nổi tiếng, chính là một vị quốc sư đầu tiên ở chùa Vạn Niên. Nếu không gặp được người Thầy tốt thì làm sao ông có cơ hội phát triển. Mà người Thầy của ông cũng không phải người bình thường. Người Thầy đã nâng vị thế của người trò lên, để sau này người trò đó mới có thể kham nhận trọng trách hoằng dương Phật Pháp. Câu chuyện của hai thầy trò được lan ra. Người ta nghe thì nghĩ rằng chắc chắn người trò kia rất giỏi lên Thầy của ông mới đảnh lễ cầu pháp từ ông. Người Thầy sau đó thị hiện bị bệnh, giao phó lại hết cho người trò. Người thầy sau đó thị tịch, sau đó tiếng tăm của người trò vang khắp nơi. Vua biết được bèn mời ngài về thuyết pháp trong triều đình và phong làm quốc sư.*

***Giảng Kinh Bổn Nguyện Của Bồ Tát Địa TạngPhần 18.***

Hôm nay, là ngày thứ hai trong hai mốt ngày Đạo Tràng chúng ta tổ chức khai kinh và tụng trì Kinh Địa Tạng, song song với các khóa lễ mà chúng ta tụng trì kinh văn, chúng tôi sẽ giảng về ý nghĩa trong kinh để chúng ta được nghe, hiểu biết và mở rộng thêm kiến thức về Phật học của mình, đồng thời qua đó chúng ta cũng thấy giáo lý của Đức Phật được áp dụng trong cuộc sống thường ngày của chúng ta.

Chúng ta tiếp tục đi vào phần kinh văn:

“***Lại có một đời nữa, cách đây không biết bao nhiêu a tăng kỳ kiếp, có Đức Phật Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai, Đức Phật ấy thọ đến bốn trăm nghìn muôn ức a tăng kỳ kiếp. Đến đời tượng pháp có một người con gái dòng Bà La Môn tích phúc sâu dày, ai cũng kính nể, đi, đứng, nằm, ngồi thường có chư Thiên hộ vệ. Bà mẹ của Người mê tín tà đạo, khinh khi Tam Bảo. Dù cho Thánh Nữ đem nhiều phương tiện khuyên nhủ người mẹ, ngõ hầu mong cho mẹ mình được sinh chính kiến. Nhưng mà bà mẹ chưa được tin hẳn, chẳng bao lâu sau bà mẹ ấy chết, thần hồn đọa vào Địa Ngục A Tỳ..”***

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tiếp tục nói với Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi, vị Bồ tát trí tuệ bậc nhất. Đức Phật giới thiệu về Đức Phật quá khứ là Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai, tuổi thọ của Ngài là bốn trăm nghìn a tăng kì kiếp. A tăng kỳ kiếp còn được gọi là đại kiếp. Trong kinh Đức Phật ví dụ có một hòn đá to bằng một con trâu, ở trên trời có một con chim một trăm năm mới bay xuống hòn đá, quyệt mỏ qua, quyệt mỏ lại hòn đá ấy rồi bay đi. Cứ như vậy hòn đá mòn không còn chút nào nữa thì thời gian ấy được tính là một a tăng kỳ kiếp. Kiếp đó gọi là kiếp thạch. Kiếp người thì chẳng đáng là bao cả, như thọ mạng của chúng ta chỉ là 60 đến 70 tuổi, chỉ hơn nửa thời gian con chim kia quay lại quẹt mỏ lên hòn đá. Chúng ta đủ biết phước đức của chúng ta ít ỏi thế nào, thời gian này chúng ta sống chính là kiếp trược như trong kinh A Mi Đà nói.

Chúng ta biết Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã phải trải qua ba a tăng kỳ kiếp hành bồ tát đạo thì Ngài mới thành Phật. Vậy mà thọ mạng của Đức Giác Hoa Tự Tại Vương Như Lai đến bốn trăm nghìn a tăng kỳ kiếp. Nếu so thọ mạng của Đức Giác Hoa so với thọ mạng của A Mi Đà Phật thì thọ mạng của Ngài lại không thể sánh bằng thọ mạng của A Mi Đà Phật – Đức Vô Lượng Thọ. Không chỉ có Đức A Mi Đà có thọ mạng như thế mà tất cả chúng sinh được về cõi nước của Ngài đều có thọ mạng không thể tính đếm. Thế giới đó không có sinh, già, bệnh, chết...nên cõi đó gọi là cõi Cực Lạc vậy.

Nhân địa tu hành của Bồ tát Địa Tạng từ thời Đức Giác Hoa Định Tự Tại Vương, cách đây đã không biết là bao nhiêu a tăng kỳ kiếp nữa. Đức Phật còn tại thế thì là thời chính pháp. Một thời gian sau khi Đức Phật nhập diêt, Chư Tăng xuất gia còn hành trì giới luật, phật tử xuất gia còn hành trì đúng với giáo pháp mà Đức Phật đã dạy thì đó còn là thời kỳ chính pháp. Những người đạt đạo trong thời kỳ này rất nhiều. Đức Phật Thích Ca thời còn tại thế đã huyền ký giáo pháp của ngài tồn tại 1000 năm thời kỳ chính pháp, 1000 năm là thời kỳ chính pháp và 10000 năm là thời kỳ mạt pháp.

Trong khoảng 1000 năm đầu những người xuất gia ở Ấn Độ rất nhiều bậc cao tăng đắc đạo, những phật tử tại gia cũng rất nhiều người thâm tín, hành đúng giáo pháp, giữ chọn tam quy, đầy đủ 5 giới và bát quan trai giới. Cũng có rất nhiều phật ửu chứng đắc sơ quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến chứng được tam quả A Na Hàm, nhiều vị nhập Bồ Tát vị...Cho nên thười kỳ trên gọi là thời kỳ chính pháp.

Sang 1000 năm thứ hai, thời kỳ bấy giờ gọi là tượng pháp. “Tượng ” tức là tượng trưng, na ná giống, tương tự giống nhưng không phải hoàn toàn như thế. Ví dụ 100 người xuất gia chỉ được khoảng 5, 7 người chứng đắc thánh quả, thoát ly sinh tử, 1000 người quy y chỉ được khoảng lăm mươi, bảy mươi đến một trăm người hành đúng chánh pháp còn đâu phần nhiều chỉ là ngoài hình tướng bên ngoài. Chùa to cảnh lớn có được xây dựng lên những có khi không phải để tu tập để hoằng pháp giáo hóa chúng sinh mà lại là vì danh lợi.

Còn thời mạt pháp thì sao? Chùa chiền rất nhiều nơi không có sư trụ trì, không có sư trụ trì, không có người hoằng truyền giáo pháp của Đức Phật thì nơi đó người dân không thực sự được biết đến Đạo Phật, không được học Phật vì thế không hiểu được Phật. Biến đạo Phật không con là Con đường thoát khổ, con đường để thành Phật nữa mà biến thành tôn giáo, có khi tiêu cực còn bị biến thành mê tín dị đoan. Nhiều nơi người dân không biết đến tiếng chuông chùa, không biết đến kinh sách, chỉ biết chùa là nơi thờ một vị là Phật, còn Phật là ai, sinh ra ở đâu, Ngài đã làm gì mà nhiều nơi thờ Ngài thế? Ngài dạy gì mà nhiều nơi tôn kính Ngài vậy thì không ai biết. Ở các miền quê Việt Nam rất nhiều người hiện nay chỉ lên chùa đển lễ bái, cầu xin, rồi trình đồng mở phủ chứ hầu như không hiểu gì về Đạo Phật. Đến lỗi người dân có câu: “Chùa không sư thì hư mất vãi”. Hư không phải là sự hư hỏng , cãi nhau ở trong chùa, mà có nghĩa là họ không được học Phật pháp, không biết đến chính pháp và rồi làm sai giáo lý của Đức Phật. Những người vãi trông nom chùa không thể đảm đang trách nhiệm như những vị Tăng sĩ được, không biết và cũng không thể đưa giáo lý đạo Phật đến cho người dân. Đạo Phật ở nước ta thời gian qua đã rơi vào tình trạng như vậy. Như ở huyện Ba Vì chúng ta có trên 133 ngôi chùa đã được công nhận chính thức, nhưng mới chỉ có khoảng 13 ngôi chùa có sư trụ trì và có khoảng 3, 4 ngôi chùa nữa là có sư kiêm nghiệm trụ trì. Nhưng nhiều nơi, chính quyền thì muốn thỉnh các vị sư về để yên dân nhưng ban hộ tự nhất định không muốn thỉnh. Các vị xuất gia tuy có tâm muốn thay đổi, muốn về giúp đỡ dân, nhưng những người tư lâu được giao trông nom chùa cảm thấy quyền lợi của mình nay đã giảm sút. Họ không thể nghĩ được những điều sâu xa, đến quyền lợi của bao người trong khu vực, đến công đức của việc hoằng truyền Phật pháp, họ mời sư đi nơi khác...”Phép vua thua lệ làng” vậy là dân cư khu vực đó sẽ mất cơ hội, mãi không thể tiếp xúc với ánh sáng Phật pháp. Những người trông nom chùa như vậy, vô tình gây ra những tội rất nặng cho mình vậy. Người trông chùa mà không làm đúng trách nhiệm và nhiệm vụ của mình thì khi chết đi phần lớn sẽ rơi vào đọa lạc vậy. Cứ nghĩ những việc họ làm sẽ cầu phúc được cho mình và cho con cháu mình. Quý vị phải thực sự tỉnh giác về những việc này. Đừng nghĩ rằng : “Ô tiền chùa” mà chi tiêu một cách thoải mái, không suy nghĩ. Nếu chúng ta được học về giới luật của Đức Phật thì một đồng trong Tam Bảo mà tiêu sai với mục đích thì chúng ta cũng phạm tội.

*Chuyện kể vào triều đại nhà Minh bên Trung Quốc, có một vị sư trụ trì, vị này một lần bị trúng gió và chết lâm sàng, ba ngày ba đêm mà các đệ tử vẫn không đem chôn vì thân tướng ông vẫn rất mềm mại, mặt vẫn hồng hào, tươi tỉnh. Trong khi chết lâm sàng, ông thấy có mấy vị ngưu đầu, ngục tốt lôi ông đi, ông chạy nhưng không thể chạy đi đâu được. Ông kêu oan rằng mình là chủ một ngôi chùa lớn trong khu vực, đã xuất gia trên 60 năm, không có lý do gì mà ông lại bị bắt như vậy cả. Ngưu đầu, ngục tốt trả lời rằng vì có người kiện ông.*

*Đối trước điện tiền của Diêm Vương, Diêm Vương tra sổ thì thấy đúng là vị này cũng đã làm được nhiều việc công đức ở đời. Nhưng có một tội là ông sử dụng tiền của Tam Bảo vào ngày, tháng, năm đó là không đúng mục đích. Vị trụ trì kia mới nghĩ lại thấy rằng quả thật mấy năm trước khi còn xây dựng chùa chiền có người đem cúng ông ấy một cái cột chùa, nhưng ông không đem cột đó làm chùa mà lại làm một nhà thất để ông tu tập. Còn việc thứ hai là người ta đem cúng dàn tiền để tạo một pho tượng A Mi Đà để thờ trên chánh điện nhưng ông lại đem đắp tượng các vị A La Hán. Thứ ba là khi tín đồ phật tử đem đến để cúng dàng cho chư Tăng, nhưng ông lại gọi tín đồ thân tín đến để cho phật tử. Nhìn vào thì ta thấy có thể bình thường, tịnh thất ông xây vẫn ở trong khuân viên chùa, làm đẹp cho chùa. Cúng dàng tượng A Mi Đà nay đem làm tượng các vị A La Hán thì vẫn là tượng trong chùa. Các phật tử kia là thân tín với vị trụ trì thì cũng là phật tử mà. Nhưng tại sao ông lại bị tra hỏi như vậy???*

*Đức Phật đã phân chia rõ ràng, cúng cho chư Tăng là làm việc của chư Tăng, cúng cho Pháp bảo là làm việc của Pháp Bảo, cúng cho Tam Bảo thì chia làm ba phần là cúng Phật, Pháp, Tăng. Nếu lạm dụng lấy của Phật, Pháp mà dùng riêng cho cá nhân thì người đó sẽ mắc tội rất nặng. Học luật, hiểu luật mới thấy không phải tiền chùa muốn tiêu gì thì tiêu. Vậy mà thế gian họ lại có câu:”Tiền chùa mà”...*

*Sau khi nghe Diêm Vương định tội vậy, vị tăng nhận lỗi sai của mình. Vị tăng nói với Diêm Vương hãy nể tình vị đó đã làm được nhưng việc công đức, việc lành ở đời khiến cho nhiều người biết đến đạo và nể tình vị đó là đệ tử của Đức Phật mà cho vị ấy về lại dương gian để sửa chữa lỗi lầm. Diêm Vương suy xét thấy hợp lý. Vị sư được trở lại nhân gian và kể lại chuyện cho Tăng chúng, làm mọi người đều sợ và suy xét, cẩn thận trước những việc làm của mình. Câu chuyện đó được lưu truyền đến tận đời sau để kẻ hậu lai làm bài học trong quá trình tu tập của mình.*

*Thời mạt pháp, tu hành rất khó khăn gặp được Phật pháp là khó, gặp được đạo tràng tu tập theo chính pháp còn khó hơn, khi có cơ hội gặp được đạo tràng rồi, được thân cận người Thầy chân chính để chỉ giáo cho mình con đường tu học phù hợp với căn cơ của mình còn khó hơn nữa. Như ở huyện Ba Vì chúng ta, chỉ hơn 10% số chùa là có các các vị Tăng, Ni đến còn gần 90% thì là các vãi quản lý, chăm lom. Quý vị cũng phải thấy mình đã có phần may mắn hơn rất nhiều người, khi mình đủ nhân duyên để được ngồi nghe pháp, quy kính về Địa Tạng Vương Bồ Tát và về Tây Phương Cực Lạc trong điều kiện xã hội như hiện nay.*

Trở lại phần văn kinh, thì thời kì tượng Pháp tức khi Đức Phật đã nhập Niết Bàn rồi, có một người con gái dòng Bà La Môn. Ở Ấn Độ khi xưa chia làm bốn giai cấp, giai cấp Bà La Môn có địa vị cao nhất, nắm về quyền hạn tâm linh, có ảnh hưởng tinh thần rất lớn trong xã hội. Người con gái dòng Bà La Môn này tích phúc sâu dày, ai cũng kính nể, đi đứng, nằm ngồi đều có Chư Thiên hộ vệ...Điều này chứng tỏ công đức tích tập rất sâu dày của cô vậy, có đạo hạnh, có trí tuệ, có lòng khiêm nhường, thường tu tập Bồ Tát đạo từ bao kiếp nên không chỉ người đời mà Chư Thiên cũng đem lòng tán thán, quý trọng cô. Nếu các vị tu tập đúng chính pháp, giữ được ngũ giới thì theo kinh Đức Phật nói sẽ có đến 25 chư Thiên theo ủng hộ, bảo vệ quý vị. Còn khi quý vị làm sai, Chư Thiên sẽ bỏ đi mất. Nếu quy vị ở đây, ai chăm chỉ tụng kinh, niệm Phật, chịu khó làm công việc hộ trì Phật pháp thì lại có chư Thiên đã từng phát nguyện ủng hộ những người làm những việc lành như thế ủng hộ. Chúng ta người trần, mắt thịt không trông thấy các vị, nhưng nếu ai có tâm thanh tịnh và an định đến một mức nhất định nào đó thì sẽ cảm nhận các vị ở bên chúng ta. Bản thân tôi mỗi khi có một ý nghĩ không thiện lành phát khởi thì các Ngài cũng sẽ nhắc nhở: cái đó không được, dừng lại ngay. Thế giới tâm linh cúng giống có khi còn thù thắng, vi tế hơn thế giới chúng ta rất nhiều. Vì thế chúng ta đừng nghĩ làm việc ác thì không ai hay biết nên cứ làm, làm việc thiện thì sợ thiệt thòi, làm thiện mà không người hay nên không chịu làm. Nếu cứ suy nghĩ như vậy chúng ta chỉ làm tổn hại công đức, trí tuệ của mình mà thôi.

Nhưng bà mẹ của cô lại “***bất kính không tin tam bảo***”, bà mẹ cô theo đạo Bà La Môn, đạo này lại hay giết hại để cúng bái quỷ thần. Bà theo tà kiến, cứ nghĩ những việc mình làm là đúng, mình sẽ trường thọ, khi mất đi sẽ được sinh về cõi lành.

Tuy rằng “***Thánh nữ đem nhiều phương tiện khuyên nhủ người mẹ mong cho mẹ mình được sinh chính kiến, nhưng mà bà mẹ chưa được tin hẳn, chẳng bao lâu sau bà mẹ ấy chết, thần hồn bị đọa vào ngục A Tỳ***.”

Thánh nữ là người được học Phật Pháp, quy kính Tam Bảo hiểu rõ nhân quả. Nhìn thấy những việc mẹ mình từng làm ,vì vậy khi người mẹ mất đi cô biết rõ mẹ mình thần hồn sẽ đọa đường ác. Để cứu mẹ cô bán hết đồ đạc, nhà cửa, đem hương hoa, lễ vật đem đến cúng dàng các chùa thờ Đức Phật Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai. Cho nên, bộ Kinh Địa tạng mới được gọi là Bộ Hiếu Kinh, chỉ cần nhìn những việc mà người con gái này làm thôi, ta đã thấy rồi. Đời nay tìm ở đâu ra người làm được những việc như cô. Có mấy người khi cha mẹ mất đi phát được đại tâm nghĩ thương cha mẹ, sợ cha mẹ phải chịu khổ, lạc vào ác đạo mà đi bán hết những thứ quý báu, nhà cửa để cúng dàng Tam Bảo hồi hướng cho cha mẹ mình. Trong đạo Phật chúng ta từng xuất hiện những tâm gương hiếu hạnh rất lớn, như Mục Kiền Liên Bồ Tát, rồi ở Việt Nam tôi từng kể với quý vị về tấm gương của vị trụ trì khai sơn chùa Từ Hiếu ở Huế. Nhưng sự hiếu hạnh của Bồ Tát Địa Tạng thì được coi là đại hiếu trong cửa Phật. Nhiều người cứ nghĩ những người xuất gia là bất hiếu. Đến nỗi từng có câu: “Tu đâu cho bằng tu nhà, thờ cha kính mẹ mới là chân tu”. Người không hiểu chỉ đọc câu này cho rằng đúng, là có đạo lý. Nhưng người xuất gia chân chính vì không có nhà nên mọi nơi đều là nhà, từ giã cha mẹ mà lại hiếu kính, đền ơn được rất nhiều cha mẹ vậy.

Những đệ tử của tôi đến đây tu, nhiều người ra đi trong nước mắt của cha mẹ, của họ hàng. Khuyên nhủ nhẹ nhàng chúng không nghe, vẫn quyết xuất gia, cha mẹ tức giận có khi mắng là sẽ từ con cái mình. Họ hàng, làng xóm thì xì xào bàn tán ra vào đủ thứ chuyện. Nhưng một lòng những vị ấy vẫn đến đây xin tu học. Nhưng một thời gian sau, những người cha, người mẹ ấy lại thương nhớ con, lại lên chùa thăm con cái mình, họ lại gửi gắm con họ nơi cửa Phật xin chúng tôi hãy dạy bảo cho các cháu. Đối với tôi khi nhận các đệ tử của mình, tôi như một người cha, người mẹ rồi làm người thầy, người bạn của chúng. Người cha thì nghiêm khắc, người mẹ thì tình thương, người thầy để dạy bảo, người bạn thì chia sẻ...Các vị đã được cha mẹ ưng thuận cho xuất gia, được Thầy thế phát dẫn dắt trên con đường đạo, các vị phải luôn nhớ đến chí nguyện ban đầu của mình, nhớ đến cái tâm ban đầu khi mình đến cửa Phật để làm gì, nhớ đến cha mẹ mình đã lén lại nỗi đau cho quý vị được toại nguyện để mà cố gắng tu tập. Hiện tại thì học tập chấp tác phước huệ song tu, sau này có thể đưa giáo pháp của đức Phật đến với chúng sinh đền ơn Phật, ơn Tổ, ơn cha mẹ quý vị. Như vậy, cuộc đời xuất gia của mình mới không bị uổng phí.

Khi Thánh Nữ đến một ngôi chùa thấy tôn tượng của Đức Phật đó, tướng hảo trang nghiêm, dung nhan đẹp đẽ. Thánh nữ chiêm bái tôn tượng của Ngài lòng thêm kính ngưỡng và thầm nghĩ rằng:

***“ Đức Phật là đấng Đại Giác đủ tất cả trí tuệ, nếu đức Như Lai còn trụ ở đời, sau khi mẹ ta mất đi, ta có thể đến nơi hỏi Ngài, tất sẽ biết được mẹ ta hiện đang bị đọa nơi đâu. Vừa nghĩ tới đó nước mắt thánh nữ chứa chan hai hàng mà nhìn tượng Phật”***.

Thánh Nữ khi ấy Ngài rất buồn phiền vì Đức Phật đã nhập Niết Bàn, nghĩ đến đó chỉ còn biết rơi lệ, thương cho mẹ mình, thương cho mình mà thôi.

Ngài Tĩnh Am Đại Sư, một trong 13 vị tổ của Tịnh Độ Tông Trung Quốc, là một bậc đại sư rồi mà ngài vẫn còn phải thốt lên:

*“Phật tại thế thời ngã trầm luân,*

*Kim đắc nhân thân Phật nhập diệt.*

*Ảo não tự thân đa nghiệp chướng,*

*Bất kiến Như Lai tịnh pháp thân”.*

*Nghĩa là:*

*Phật tại thế thời, con trầm luân,*

*Nay được thân người, Phật diệt độ.*

*Thương cho thân con nhiều nghiệp chướng,*

*Không gặp thanh tịnh thân Như Lai.”*

Một vị tổ sư mà con phải than lên câu đó huống chi là chúng ta. Cho nên trong kinh Đức Phật khuyên chúng ta thời mạt pháp nên cầu sinh Tịnh Độ chính là thường thấy được pháp thân của Như Lai, gần gũi A Mi Đà Phật, gần gũi chư Bồ Tát thì chúng ta sẽ luôn đi theo chính pháp.

Trong kinh Phật nói, ai mà tụng đọc thụ trì kinh Địa Tạng, người đó sẽ được vô lượng vô biên công đức, nếu biết hồi hướng công đức về đạo Vô Thượng Bồ Đề người đó sẽ được sinh về các cõi Tịnh Độ của chư Phật mười phương. Chúng ta là những người cầu sinh Tịnh Độ, chúng ta tụng đọc Bộ kinh này và hồi hướng cầu sinh Tây Phương Cực Lạc. Khi hội tập Bộ kinh này tôi đã sắp xếp phần lễ cửu bái tức lễ Tây Phương Tam Thánh lên phần đầu. Phần cuối cùng sau khi tụng xong mỗi quyển Thượng, Trung hay Hạ trì niệm danh hiệu Địa Tạng Vương Bồ Tát ba lần con thì là Tán Phật và trì niệm danh hiệu A Mi Đà Phật. Khi vào thời khóa và khi kết thúc thời khóa chúng ta đều không quên Tây Phương Cực Lạc, không quên Phật A Mi Đà. Bài “Khể thủ Tây Phương An Lạc quốc ” được đưa vào cuối cuốn kinh. Nghĩa tiếng việc như sau: “Cúi đầu hướng về nước Cực Lạc, thầy dẫn đường tiếp bước chúng sinh. Con nay phát nguyện nguyện vãng sinh, xin đức từ bi thương tiếp độ...” Nếu có thời gian quý vị có thể đọc bài này, đây là bài hay nhất và đầy đủ nhất phát nguyện về Tây Phương Cực Lạc do tổ sư Liên Trì, một vị tổ của Tịnh Độ Tông Trung Quốc viết ra để cho Tăng Ni thời đó phát nguyện và hành trì theo.

***Giảng Kinh Bổn Nguyện Của Bồ Tát Địa Tạng Phần 19***

Chúng ta tiếp tục vào phần văn kinh của Bộ Kinh Bản Nguyện của Bồ Tát Địa Tạng.

Sau khi mẹ của Thánh Nữ mất đi, biết rằng mẹ mình trước kia không tin Tam Bảo, nghĩ đến những việc quá khứ bà đã làm sẽ đưa bà vào đường ác. Cô bán hết những thứ quý báu của gia đình mình để đem cúng dàng Tam Bảo, mang công đức đó hồi hướng cho mẹ mình được về cõi lành. Đối trước tượng của Đức Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai, Thánh Nữ vô cùng ảo não, xót thương cho mình đã không được gặp Phật, nếu gặp Phật còn tại thế thì có thể hỏi Ngài để biết được mẹ mình thác sinh về nơi đâu và được Ngài chỉ ra phải cứu mẹ thế nào. Đức Phật tuy đã nhập Niết Bàn từ lâu nhưng vẫn cảm được sự thành kính, lòng hiếu thảo của người cô gái. Thánh nữ bỗng nghe trên không có tiếng nói rằng***:***

***“Này Thánh Nữ kia, đừng xót xa nữa, hãy nghe Ta bảo nơi mẹ của con đang bị đọa lạc”. Thánh nữ chắp tay hướng lên trên không mà thưa bạch rằng: Chẳng hay đức thần nào đến giải bớt lòng lo âu cho con như thế, từ khi mẹ con mất đi cho đến hôm nay, ngày đêm thương nhớ, không lúc nào nguôi, không biết giờ này mẹ con thác sinh cõi nào”.***

***Ở trên hư không lại có tiếng bảo với Thánh Nữ kia rằng: Ta đây là Phật quá khứ Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai, mà con đang nhìn và chiêm bái đó. Nay ta thấy con tha thiết nhớ nghĩ về mẹ hơn những người thường, nên ta đến đây bảo cho con biết”***

Chính vì lòng tha thiết nhớ nghĩ về mẹ hơn những người bình thường khác vì vậy Đức Phật mới thị hiện để chỉ bảo cho cô biết. Vậy nay, chúng ta cũng có những người đến chùa, xin chúng ta chỉ bảo cho phương pháp giải trừ nghiệp chướng. Chúng tôi cũng đưa quyển kinh này khuyên họ về đọc tụng hằng ngày, trước tiên cứ đọc tụng hai mốt ngày đi đã. Một thời gian sau họ đến và thắc mắc sao đã đọc hai mốt ngày rồi mà mọi việc chưa được như ý. Chúng ta biết “Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu”, nếu có tâm thành đến cùng cực thì lợi ích mới đến chỗ cao nhất, tâm thành của quý vị chỉ hời hợt bên ngoài, có đó nhưng không đủ sức cảm ứng để nhận được trọn vẹn lòng từ bi của Chư Phật ban phát cho chúng ta. Lòng từ bi, sự cứu độ chúng sinh của các Ngài như cơn mưa từ trời cao ban xuống . Không phân biệt đất ra sao, cao hay thấp, gồ ghề hay bằng phẳng, cây hoa hay cây thuốc, cây to hay cây nhỏ mưa được tưới đều khắp nơi. Nhưng sự thẩm thấu ở mỗi nơi lại khác nhau, sự thọ dụng lợi ích từ cơn mưa lại khác nhau. Cây lớn, dễ sâu sẽ nhận được lượng nước lớn hơn, các cây bé nhỏ lượng nước nhận được chỉ theo khả năng của chúng. Lỗi ở đâu, ở cây hay ở nước. Ở trời mưa không cân bằng hay ở chỗ các cây có khả năng hấp thu khác nhau. Chúng ta cũng thế, tâm thành, sự khẩn thiết không đủ, chúng ta cũng không sẵn sàng để đón nhận. Lòng tin của quý vị đó với bộ kinh này, với lời chư Phật, Bồ Tát là bao nhiêu? Có làm theo lời trong kinh răn dạy không? Hay tuy nói là đã đọc tung hai mốt ngày, nhưng vừa đọc vừa đáng vần, vừa đọc vừa sinh tâm nghi hoặc, nghĩ xem còn bao trang nữa mới xong, đau chân quá, trời lại nóng nắng khó chịu quá...nếu khơir ra những tâm nghi hoặc như thế thì công đức tụng kinh đã bị tổn hại biết bao nhiêu rồi. Có những vị mặt chữ còn chưa thuộc được hết, vừa đọc vừa đáng vần bị vấp rất nhiều, như thế ảnh hưởng đến sự nhất tâm lắm chứ. Người ta có thể chỉ đọc tụng bảy ngày, hai mốt ngày là được cảm ứng rồi, còn với tâm như vừa kể ở trên, quý vị có tụng đến một trăm ngày thì cũng không thể cảm ứng nổi. Tâm còn uế tạp, còn vọng động quá nhiều. Trăng vẫn trên cao nhưng nước thì đục quá làm sao trăng in bóng sáng rõ cho được. Còn Thánh Nữ chỉ có thời gian ngắn thôi mà Đức Phật đã cảm được lòng thành của Ngài rồi.

“***Thánh nữ vừa nghe xong, liền ngã lăn xuống đất, chân tay và mình mảy, thảy đều bị tổn thương. Những người đứng cạnh bên, liền vội vàng đỡ dậy, một hổi lâu về sau thì Thánh nữ mới tỉnh. Sau khi tỉnh lại rồi, liền hướng lên trên không cung kính và chắp tay, trang nghiêm mà bạch rằng: “Con nay đang sắp chết, kính xin Đức Như Lai, từ mẫn chỉ bảo cho, mẹ con hiện bây giớ, đang thác sinh chỗ nào, an vui hay cực khổ.”***

Lòng thương nhớ mẹ khiến cô kiệt quệ, như người sắp chết bao giờ cũng nói lời chân thật, nói tâm nguyện lớn nhất của mình, cô chỉ mong Đức Như Lai thương tình chỉ bảo cho biết mẹ cô hiện đang ra sao, đang ở cõi nào. Mình mảy đã đều bị tổn thương sau khi bị ngất rồi té ngã. Tỉnh lại nhưng cô cung kính chắp tay hướng lên trên không mà bạch Phật những lời cầu xin tha thiết như vậy. Cô biết mình như đang sắp chết rồi, nhưng sự cung kính đối với Đức Phật vẫn giữ chọn vẹn, thần thể đau đớn như vậy rồi nhưng sự trang nghiêm trước Đức Phật vẫn không thiếu xót. Còn chúng ta có thể được như cô không? Nhiều quý vị đến đây tham dự pháp hội, sau giờ nghe giảng pháp và thời khóa tụng kinh thì không còn giữ được trang nghiêm và uy nghi phép tắc nữa. Có vị còn tụ tập bàn chuyện ngoài đời, ra ngồi quán nước vv... Những điều trên các quý vị không nên làm trong thời gian đến đây tu tập thế này. Mình là Phật tử, đã khoác chiếc áo nâu lên người, mặc chiếc áo dài cũng một màu nâu thể hiện cho sự bình dị, khiêm cung, nhẫn nhịn của người con Phật. Vậy thì, phải hành xử làm sao cho đúng, cho xứng đáng.

Có những bạn sinh viên, học sinh lên các khóa tu ở chùa chúng ta, khi đã mặc chiếc áo nâu, áo lam hoặc áo câu lạc bộ Thanh thiếu niên Phật tử Hương từ bi. Có bạn đã từng tâm sự rằng: “Thỉnh thoảng con vẫn thích mặc áo nhà chùa dù hôm đó con không đi chùa để ra ngoài. Mỗi khi mặc chiếc áo này con thấy mình giữ được sự trang nghiêm, uy nghi hơn. Nó giúp con tránh làm những điều xấu”. Các bạn cõi chiếc áo đó như vật hộ thân của mình, đã khoác lên người rồi, thì không đi vào hàng quán để chơi bời, không tham gia giao thông trái quy định...Suy nghĩ của các em thật làm cho nhiều người đã tự cho mình là “phật tử” phải nhìn nhận lại mình.

Quý vị Phật tử khi đã đến đây tham dự khóa tu Địa Tạng 7 ngày, 21 ngày, hay pháp hội Trung Phong 3 ngày, hay đến đây tu tập, chấp tác ở chùa hãy cố gắng sống trong không khí của những câu kinh, tiếng mõ, trong tiếng niệm Phật và tâm thanh tịnh. Đừng giữ tham, sân, si và những thói quen thế tục ít nhất là trong thời gian này khi đang ở trong đạo tràng để giữ được sự yên bình và thanh tịnh trang nghiêm nơi cửa Phật. Quý vị nào chưa quen ăn chay trường cũng đừng lo mình thiếu chất mà sinh tâm mỏi mệt, chán nản rồi phải ra ăn uống thêm nơi hàng quán, thậm chí thuê nhà ở ngoài chùa để vẫn có được sự tiện nghi. Tấm gương của Thánh Nữ Bà La Môn dù có mỏi mệt, đau khổ vì thương người mẹ mới mất của mình như thế nào đi nữa thì vẫn giữ sự trang nghiêm cung kính trước Đức Phật Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai là bài học cho chúng ta. Thời gian đến đây 21 ngày nghe pháp, tụng kinh quý vị giữ được tâm cung kính với Tam Bảo, có được tâm hiếu thảo với cha mẹ, tổ tiên chỉ bằng một phần nhỏ so với Ngài thôi thì lo gì không có công đức, phước đức để hồi hướng cho cha mẹ, người thân và các oan gia trái chủ thoát đường ác, hưởng cảnh lành phải không!.

Đức Phật khi đó liền bảo cô rằng:

“***Con cúng dàng ta xong thì sớm quay về nhà, thân ngồi cho ngay thẳng, và niệm danh hiệu ta, thì con sẽ biết được, hiện giờ mẹ của con, đang thác sinh nơi nào, an vui hay khốn khổ.”***

Đức Phật Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai nói với Thánh Nữ như vậy. Tại sao Ngài lại nói sau khi cúng dàng Ngài xong thì Thánh Nữ quay về nhà? Tại sao không ở tại đó, ở ngay ngôi chùa có tượng của Đức Phật mà niệm danh hiệu Ngài? Chúng ta quy y Tam Bảo, Tam Bảo gồm ba ngôi báu Phật, Pháp, Tăng; nhưng chúng ta cũng có “Tự Quy Y” đó là nương tựa vào ba ngôi báu sẵn có ở bên trong chúng ta. Nếu chúng ta không có sẵn tánh Phật thì làm sao chúng ta có thể thành những vị Phật trong tương lai. Vì thế mà mỗi người khi quy y ngoài quy y Tam Bảo khắp mười phường, còn phải quay trở về nương tựa vào Ta Bảo sẵn có nơi tự thân nữa.

Sau khi về nhà thì “..***thân ngồi cho ngay thẳng***...” Khi ngồi thiền hay niệm Phật thì chúng ta đều phải giữ cho lưng được thẳng, ngồi ngay ngắn thì sẽ giúp tâm Định, Thánh Nữ sau khi ngồi ngay thẳng rồi thì nhất tâm niệm Phật. Từ đó mà Thánh Nữ có khả năng tự tại biết được cảnh giới của mẹ mình đang ở đâu, an vui hay cực khổ.

Chúng ta đi vào phần kinh văn tiếp theo:

“***Lễ Phật xong rồi, Thánh Nữ liền xá chào, vội quay về nhà ngay. Vì lòng thương nhớ mẹ, vậy lên Thánh Nữ kia, thân ngội thật ngay thẳng, một lòng chuyên trì niệm danh hiệu của Đức Phật Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai suốt một ngày một đêm tâm không hề tạp loạn. Bỗng nhiên thấy thân mình đến nơi một bờ biển, nước nóng sôi sùng sục, có thú dữ rất nhiều, thân thể những thú đó, thảy đều toàn bằng sắt, bay nhảy trên hư không, rong ruổi khắp đông tây...”***

Những cảnh giới được miêu tả tiếp theo là những cảnh giới hãi hùng mà trước đây chưa bao giờ cô thấy. Trạng thái của cô là trạng thái thiền định, nếu ai tu thiền định sẽ biết đến những trạng thái này của tâm. Bước đầu thì thấy khoái lạc, khinh an; có những người thấy thân mình to lớn lên và tan biến vào trong hư không, dần dần hơi thở mình cũng không nghe nữa và một chút cảm thọ cũng không còn – trong thiền gọi là “bất khổ, bất lạc thọ”; có khi là khởi tâm đến cõi Trời (thường thuộc Dục Giới Thiên) hay những cảnh giới thần tiên trong nhân gian thì người có được thiền định họ cũng tự tại đến được.

Với công đức nhất tâm niệm Phật, Thánh Nữ hoát nhiên vào được chánh định, cảnh giới đầu tiên cô thấy là được đi qua bờ biển và có nước nóng sôi sùng sục trên biển đó, có rất nhiều thú dữ và các thù này thân thể toàn bằng sắt. Có những bạn sinh viên khi đọc kinh Địa Tạng đã thắc mắc hỏi tôi: “Con đọc đến đoạn này là con cười, tại sao chó, ngựa lại toàn bằng sắt?”. Các bạn thấy nó vô lý, thường thì những gì mình không thấy, không nghe, nó lạ và quá khác với bình thường thì mình sẽ không tin, cho là điều hoang đường, bịa đặt. Nhưng chúng ta biết ở nhà tù phong kiến xưa kia chẳng hạn thì những vật để tra tấn thì được làm toàn bằng sắt hay những đồ cứng. Ở nhà tù Hỏa Lò, trước đây chúng tôi được cố Hòa Thượng Thích Thanh Tứ đưa đi tham quan. Ngài từng là người tham gia hoạt động cách mạng và bị bắt giam ở nơi đây...còng tay, còng chân bằng sắt, máy chém bằng sắt...Dao chém chỉ cần hạ xuống là người bị xử tử đầu một nơi, thân một nơi bên máy chém, rất dã mang mà hãi hùng. Đối với chúng ta, dù có thù ghét ai đến mức nào đi chăng nữa thì có lẽ cũng chẳng ai muốn kẻ thù của mình bị ở trong hoàn cảnh ấy. Vậy mà, sống trên cõi đời, có được thân người mà thân, khẩu ý gây ra nghiệp ác, ta cứ ngỡ sao đâu, nhưng “lửa địa ngục đã đốt dưới chân”, bao cảnh hành hình, tra tấn đã chờ ta ở địa ngục rồi. Cảnh địa ngục trong kinh Địa Tạng kể ra còn khủng khiếp trăm ngàn lần những hình thức tra tấn giết hại thời trung cổ hay phong kiến mà chúng ta được biết. Trâu sắt, ngựa sắt, lừa sắt, chim sắt, rắn sắt vv... toàn là những đồ để hành hình tội nhan dưới địa ngục. Thực tế thì đó là sự chiêu cảm của những tội ác do chúng ta tạo ra cảm lên như vậy. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Nhất thiết do Tâm tạo” là như vậy.

“T***hánh Nữ kia lại thấy có hàng trăm vạn nghìn, đàn ông và đàn bà, thoạt chìm lại thoạt nổi, các loại thú dữ kia tranh nhau bắt ăn thịt. Lại thấy các quỷ dữ, hình thù thật gớm ghê, tay chân chúng lạ lùng. Hoặc loài có nhiều tay, hoặc loài có nhiều mắt, răng nanh sắc chìa ra...lùa hết những người kia đi đến nơi thú dữ. Rồi quỷ kia lại chụp, bắt hết những người đó, quặp đầu và bẻ chân, vứt cho các thú kia, thấy muôn hình vạn trạng nên chẳng dám nhìn lâu***”

 Những hình ảnh trên có lẽ chẳng phải chỉ có địa ngục mới có thôi đâu. Ngay tại nhân gian này như khi quý vị thấy người ta thu hoạch cá chẳng hạn. Những con cá đang tung tăng bơi lội, nó nghĩ cuộc sống của nó thật an lành, hàng ngày đến giừo thì có người cho ăn, ngày này qua ngày khác đều như vậy. Nhưng khi người ta rút nước để bắt cá, những con cá lúc vừa rồi còn nhởn nhơ bơi lội, nay nước cạn thì dồn lại một nơi, lao bên này, lao bên kia, sợ hãi và hoảng loạn. Đứng trên bờ thì người ta hò reo bắt cá. Khi lao khi quẫy mệt rồi thì thoi thóp thở để chờ bị bắt và bị giết. Những con cá chẳng thể hiểu được người ta đang cổ vũ nhau để bắt chúng đâu, chắc ấn tượng của nó chỉ là sự sợ hại, và sự sợ hãi, đau đớn đó lại đi vào tâm thức chúng, để rồi chúng ghi nhớ và đòi nợ những người làm khổ nó trong những kiếp sau.

 Ai ở quê từng thấy người ta giết mổ súc vật, gia cầm thì có thể thấy cách thức người ta giết những con vật. Có lẽ những con vật khi đối diện với người cầm dao sắp cắt cổ, mổ bụng nó cũng chẳng khác gì những hình ảnh trên đây. Đọc đoạn miêu tả này nếu ai biết sợ có lẽ người ta sẽ không dám sát sinh hại vật nữa. Vì sao, vì mình mà sát sinh hại vật để lấy máu thịt chúng nuôi thân mình thì mình cũng chẳng khác gì những con thú dữ và những quỷ Dạ Xoa, La Sát kia cả. Ác giả, ác báo mình sẽ nhận lại quả từ cái cây mà mình gieo hạt. Vậy mong quý vị đừng lo sợ làm việc tốt, chỉ biết ăn chay, niệm Phật quý vị sẽ thiệt thòi. Nhân quả công bằng, nếu cứ làm càn, làm quấy thì tương lai những cảnh giới đau khổ kia sẽ đợi những người có tâm càn quấy. Còn biết tu thân tích đức, biết chán cái khổ của sinh lão, bệnh tử và cái khổ nơi ba đường ác mà nhất tâm tu tập tụng kinh, niệm Phật, phát nguyện cầu sanh Tây Phương thì cảnh giới an lành sẽ chờ chúng ta. Con người ta có thể tu tập để từ bi như ông Phật, nhưng chính con người nếu ác thì không ai có thể ác bằng họ cả, quỷ dữ cũng từ người mà ra nghĩ ra trăm mưa nhàn kế để hại chúng sinh yếu hơn mình cũng hính là con người. Làm Phật hay làm ma đều do mỗi người tự lựa chọn, quý vị hãy có chánh kiến để chọn tương lai cho mình.

Đọc kinh Địa Tạng thế này rồi, chúng ta làm thế nào để tránh được những quả báo xấu đây? Khi tôi còn nhỏ, cứ đến mùa mưa là đi đánh bắt cá, bắt cua rồi bắt ốc. Tôi xuất gia đi tu nhưng nghiệp của mình tôi vẫn phải trả, thỉnh thoảng là đau yếu, bệnh tật. Khi mới xuất gia, có lần tôi mơ thấy toàn ốc vây kín cả mình, trước đây tôi rất thích ăn ốc. Sau này đọc quyển Lục Đạo Tập của Hoằng Tán Đại Sư tôi chuyên phóng sinh ốc. Một thời gian sau thì những giấc mơ về ốc hết, tôi lại mơ thấy cảnh mình bắt cua cá ngoài đồng như ngày mình còn trẻ thơ. Tôi lại phóng sinh thật nhiều cua cá, một thời gian những giấc mơ kia cũng hết. Nếu ai trước kia vi không biết mà đã tạo những nghiệp xấu, giết hại chúng sinh thì ngoài tụng kinh, niệm Phật để hồi hướng, sám hối tội lỗi, quý vị cũng lên phát tâm ăn chay và phóng sanh, ăn chay để tránh sát hại chúng sinh, phóng sanh để hối lỗi với những chúng sinh vì mình mà mất mạng, đồng thời cứu giúp những chúng sinh sắp rơi vào cảnh dầu sôi lửa bỏng.

“***Bấy giờ, Thánh Nữ nhờ vào sức Niệm Phật, nên lòng không lo sợ*** ”

Đối với chúng ta khi mơ thôi mà thấy những cảnh rùng rợn, chém giết, ghê sợ thì chúng ta cũng sinh tâm lo sợ, có những người mơ thấy ác mộng đến lỗi tỉnh dậy trong tiếng kêu, tiếng hét mà mồ hôi thì vã ra như tắm. Vì khi đó, tâm họ bị chạy theo cảnh, không giữ được chánh niệm, nếu ta mơ mà biết đó là giấc mơ thôi thì ta đâu có sợ hại nhường ấy. Người ta thường nói lúc ngủ thì có chiêm bao, chiêm bao đó là chiêm bao nhắm mắt, còn con người ta nếu sống mà không biết tu hành không làm chủ được thân tâm mà cứ để cả thân và tâm chạy theo cảnh thì chúng ta đang mơ một giấc mơ mở mắt. Khi biết an trụ vào câu niệm Phật, biết rằng Phật vẫn luôn ở tại đây, khắp hư không pháp giới, không nơi nào là không có Phật, và tin rằng “Niệm Phật, thành Phật”; chúng ta cũng có khả năng để thành Phật, vậy thì không có chuyện gì, cảnh gì làm ta phải sợ hãi nữa.

Các vị bây giờ phải chịu khó niệm Phật. Bản thân tôi cũng có lúc chiêm bao thấy cảnh xấu, những lúc đó thì tôi sẽ niệm Phật hoặc trì chú thường là Đại bi hoặc Lục Tự Đại Minh Chân Ngôn, chỉ vài câu thì tự nhiên thấy tỉnh lại.

Nếu hàng ngày không có sự chuẩn bị, tụng kinh, niệm Phật thì trong mơ ta không đủ sức để nhớ đến câu niệm Phật hay trì chú.

“***Có một Quỷ Vương tên là Vô Độc đi đến nghinh tiếp hỏi Thánh Nữ rằng : Lành thay Bồ Tát, vì nhân duyên gì mà đến chốn này?”***

Vị quỷ này tên là Vô Độc có nghĩa đây là vị thiện quỷ, có thể cho rằng đây là một ông quan cai ngục hiền lành, từ bi. Trên thế gian không chỉ ở nước Việt Nam mà ở nhiều nơi trên thế giới có những ông cai ngục rất tốt. Các tội nhân vào tù, nơi họ quản giáo được dạy bảo, thay đổi tâm tính rồi sớm hoàn lương. Những người quản giáo đó họ không chỉ có nhiều tình thường mà tình thương của họ đi liền với trí tuệ lớn nữa. Không phải thương người là thấy người ta vào tù, thấy người ta bị mất tự do, ăn uống kham khổ mà tìm cách cho họ sớm ra bằng bất kỳ giá nào. Có những người quản giáo họ mời người đến dạy học cho tù nhân, giảng nhân quả cho tù nhân, giáo lý Đạo Phật cho tù nhân. Từ đó những người đang bị giam họ khôn còn như xưa nữa, không đánh nhau, không chửi tục, không hút thuốc...rồi họ cố gắng cải tạo tốt để có thể sớm được trở về bên gia đình và xã hội.

Trong kinh quỷ Vương Vô Độc cũng vậy, chính là một vị Bồ tát thị hiện để dẫn dắt cho chúng sinh nơi khổ đau trong cõi địa ngục.

Như chúng ta phát nguyện câu sinh Tây Phương Cực Lạc, sinh sang Tây Phương để đạt ngôi bất thoái chuyển để rồi cũng chư Phật chư Bồ Tát đi cứu chúng sinh đang chịu những nỗi khổ bức bách. Nhiều người tưởng rằng cầu sinh Tây Phương rồi ở đó an dưỡng cho đến ngày thành Phật. Con đường thành Phật đâu dễ dàng như vậy! Về Tây Phương để đảm bảo khỏi đọa lạc, khi về đó rồi, chúng ta phải tu tinh tấn hơn so với ở cõi này nhiều lần, phải mang hạnh nguyện cứu độ chúng sinh thì mới có ngày thành Phật đạo. Như ở thế gian chúng ta có những người tuyển thẳng vào Đại học để thành bác sĩ chẳng hạn, như vậy nghĩa là họ sẽ không rớt đại học, họ sẽ tránh được việc bị thi rớt, nhưng họ vẫn phải học để thành bác sĩ. Họ vào trường Y tất nhiên là họ sẽ thành bác sĩ nhưng để thành được bác sĩ thì phải học, phải chuẩn bỉ kiến thức để thành bác sĩ. Về Tây Phương chúng ta cầu thành Phật và chắc chắn sẽ thành Phật nhưng trong quá trình để thành Phật thì phải hành Bồ Tát đạo...Chứ không có chuyện chúng ta về Tây Phương rồi cứ hưởng thụ đủ ngày, đủ tháng rồi sẽ thành Phật đạo. Cho nên chúng ta đang ở cõi người, với đầy đau khổ trước mắt đây thì chúng ta hãy tu tập để tích lũy công đức. việc gì có thể làm thì hãy làm, đừng chờ đợi. Kinh Vô Lượng Thọ nói: “Tu tập một ngày một đêm ở cõi Ta Bà bằng trăm năm tích thiện ở cõi Cực Lạc”. Chúng tôi muốn truyền bá bộ kinh Địa Tạng song song với kinh Vô Lượng Thọ, kinh A Mi Đà để chúng ta thấy rằng chúng ta ở cuộc đời, có tấm thân này tức là có duyên hoặc có nghiệp với thế giới này rồi. Nhưng duyên hay nghiệp đối với chúng ta không còn quan trọng nữa mà quan trọng là phải tranh thủ tận dụng tấm thân đang còn mạnh khỏe này, còn may mắn gặp được Phật pháp này để cùng nhau làm theo lời Phật dạy và giúp nhiều người được biết đến nhân quả, biết đến chánh pháp, để xây nhân gian này vơi bớt khổ đau và vang tiếng niệm Mi Đà Phật. Chúng ta cùng tụng đọc, thọ trì Kinh Địa Tạng, cầu nguyện các Ngài dùng thần lực vào những nơi khổ đau, đưa những chúng sinh đó lên trên này. Trước hết những chúng sinh khổ nạn phải thoát khỏi cảnh địa ngục khổ đã, từ địa ngục mà vãng sinh luôn thì hi hữu lắm. Có được thân người hoặc sinh lên cõi Trời rồi từ nhân duyên đó, các chúng sinh được biết đến phật pháp, tu học, làm các việc công đức, khi đầy đủ thiện căn, phước đức nhân duyên mới có thể vãng sinh, mới có thể cảm được hào quang của Đức Mi Đà được.

Trở lại kinh văn: “***Thánh nữ liền hỏi : Đây là chốn nào? Quỷ vương đáp rằng: Đây là tầng biển thứ nhất ở đằng tây núi Đại Thiết Vi***”.

Trong cõi Ta Bà có hai núi lớn nhất đấy là núi Tu Di và núi Đại Thiết Vi. Núi Tu Di là một núi báu, có nhiều cây thuốc, chim muông quý ở trên đó. Núi này thường phát ra ánh sáng màu vàng kim giống như quang minh của Đức Phật nhưng không nóng như Mặt trời. Còn núi Đại Thiết vi có một màu đen tối như mực và cả các Địa Ngục đều ở trong đó. Nhiều người không tin khi nghe những điều này, khoa học tiên tiến nhất có kính viễn vọng tối tân nhất cũng chưa phát hiện ra, thì núi Tu Di, núi Thiết vi ở đâu? Nhưng con mắt nhục nhãn của chúng ta vì nó làm bằng máu thịt lên nó bị ngăn che đấy thôi. Đức Phật và các Bồ Tát đâu có bịa chuyện để đánh lừa chúng ta!

***Giảng Kinh Bổn Nguyện Của Bồ Tát Địa Tạng Phần 20***

Phần văn kinh tiếp theo:

***“Thánh nữ lại hỏi: Tôi nghe nói trong núi Thiết Vi có địa ngục, việc ấy có đúng thực chăng?***

***Vô Độc đáp rằng: Quả có địa ngục.***

***Thánh Nữ lại hỏi: Nay tôi phải làm thế nào để vào được địa ngục?***

***Vô Độc đáp rằng: Nếu chẳng có uy thần, tất phải theo nghiệp lực, trừ hai sự ấy ra thì chẳng bao giờ vào được***”.

Trước đây Thánh Nữ chỉ nghe nói là trong núi Thiết Vi có địa ngục thôi, chứ không biết việc này có đúng thực không, nay cô liền đem hỏi Vô Độc quỷ vương. Quỷ Vương trả lời là quả đúng có địa ngục. Đây là lời Quỷ Vương đã khẳng định với thánh nữ. Quý vị nào không tin, hay còn nghi ngờ về sự tồn tại của địa ngục thì đây chính là lời giải đáp vậy. Không phải việc gì chúng ta cũng phải chờ có bằng chứng khoa học thì mới tin, mới cho là thật.

*Khi chưa xuất gia chính bản thân tôi đã thực chứng điều này, ngày đó tôi được coi như là đã chết lâm sàng. Năm đó, nhà tôi chuẩn bị làm nhà, bương để ngâm ngoài ao. Nhưng trời mưa rất to, bương nổi lên, vì sợ trôi mất mà phải xuống vớt,vớt gần hết thì thấy người khó chịu, biết có chuyện tôi chạy về nhà. Vừa chỉ kịp thay quần áo cho khỏi ướt tôi chỉ còn sức mà nằm xuống giường và gọi mẹ. Được một lúc thì người sốt cao, tôi chìm vào cảnh giới lúc đầu thì lội trong bùn lấy mà không thấy bờ bến đâu cả. Hết bùn lầy thì là đến nơi rừng núi gai góc, đầy hổ lang, soài báo rắn độc như trong Kinh Địa Tạng đã giảng. Thấy cảnh đó, thì sợ chỉ còn biết lẩn chốn chúng, nhưng chúng cứ đuổi theo không dứt. Bấy giờ có môt con hổ bám theo suốt chặng đường tôi chạy. Hết khu rừng đó thì là một nơi đầy phân rồi qua một cống nước rất hôi tanh và bản thỉu nữa, biết là bẩn nhưng vì muốn chốn thoát con hổ mà vẫn chui vào đó. Khi chui qua ống cống sang phía bên kia thì là một cảnh giới hoàn toàn khác, đó là cây cối, nhà cửa, lầu đài điện các hiện lên. Cứ đi mãi thì đến một cung điện rất lớn, cung điện đó không có người, gọi cũng không có tiếng đáp. Đến lúc vào giữa cung điện đó thì thấy có một chiếc ghế giống ngai của vua chúa thời xưa vậy. Nhìn trên đó thì thấy có cảm giác quen quen như mình đã từng ở nơi đây. Vừa nghĩ tới đó một cậu bé bước ra xá chào và dẫn đi thăm các nơi, được một lúc sau thì tôi tỉnh lại. Mọi người xung quanh ồ lên vì tôi sống lại. Sau thời gian đó, những vấn đề tâm linh tự nhiên tôi có khả năng biết được người khác thế nào....*

Vì đã chứng nghiệm những điều trên nên tôi thực sự có niềm tin sâu sắc với bộ kinh này vậy. Thánh Nữ vì thương nhớ mẹ mà nhập được vào chính định rồi thấy được rất nhiều những sự đau khổ xảy ra ở Địa Ngục.

Chỉ có hai trường hợp để thấy được cảnh địa ngục, một là do nghiệp lực, hai là do nguyện lực. Nếu làm việc cực ác thì khi thần thức chết đi thì liền đọa địa ngục, thời gian chỉ bằng khoảng co duỗi cánh tay thôi. Còn những người thiện, ác chưa phân thì trong kinh nói thường lang thang trong biển nghiệp bốn chín ngày. Thần thức đó trong nhà Phật gọi là thân trung ấm.

*Con người chúng ta được hình thành từ bốn yếu tố: Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Không, Kiến và Thức. Địa chỉ cho những phần rắn trong cơ thể chúng ta như xương, thịt, răng, móng, tóc vv...;Thủy như máu..; Hỏa là hơi ấm; Phong là hơi thở; Không là khoảng không gian, nhờ đó ta mới thở, đi đứng di chuyển được; Kiến chỉ cho nhận thức cái thấy cái biết;Thức là chỉ tâm thức...*

*Khi con người chết đi chúng ta không làm chủ được bảy đại này nữa, mình mất quyền làm chủ với nó. Thần thức mình bắt buộc khi đó phải ra khỏi thân thể. Luận Đại Trí độ nói rõ tùy theo nghiệp báo, phúc báo mà thần thức đi ra ở những nơi khác nhau trên cơ thể. Hơi ấm ra cuối cùng ở lòng bàn chân, người đó chắc chắn đọa địa ngục; người nữ thường ra ở lòng bàn chân biên phải; người nam thì là lòng bàn chân bên trái. Nếu là ở đầu gối thì Luận giải thích là người đó đọa ngạ quỷ. Nếu hơi ấm đi từ trên xuống, đi từ dưới lên và thoát ra ở khu vực eo lưng thì người đó sẽ đi vào cõi súc sinh. Nếu thoát ra ở khu vực ngực thì người đó được sinh trở lại làm người. Còn nếu lạnh từ dưới lạnh lên, từ trên đi xuống và thoát ở hai con mắt mình thì người đó sinh lên trời. Lạnh từ dưới lạnh lên và hơi ấm thoát ra ở đỉnh đầu là huyệt bách hội thì người đó dễ được siêu thoát về cảnh giới tịnh độ của chư Phật mười phương.*

*Trong kinh Địa Tạng có nói nếu người trước khi mất tự mình niệm Phật hoặc được người khác niệm cho thì công đức cũng vô lượng vô biên, thậm chí danh hiệu Phật người đó nghe lọt qua tai thì cũng có công đức để cho người đó thoát khỏi quả báo khổ nơi địa ngục...*

*Những người tu Tịnh Độ có niềm tin nơi Phật A Mi Đà, cầu sinh về Tây Phương Cực Lạc từ khi còn khỏe, còn trẻ, từ đó mà tinh tấn tu hành. Khi những người đó mất đi có công đức chưa đủ để về cõi Phật nhưng do có những thiện căn đã gieo trồng từ lâu, chư Tăng Ni, bạn đồng tu đến trợ niệm cho người đó thì thân trung ấm của người đó sẽ được dẫn đi lên. Những người đó cũng một lòng cầu nguyện thoát ly sinh tử, chán cõi Ta bà ác trược khổ đau này mà phát bồ đề tâm và tha thiết cầu sinh Tịnh Độ thì họ cũng sẽ cảm được quang minh của Đức A Mi Đà, và được sinh về cõi nước của Ngài.*

*Niệm Phật nhất tâm cũng như thắp lên một ngọn đèn sáng trong căn phòng tối. Tâm của người niệm Phật các sáng, càng nhất tâm bao nhiêu thì quang minh của Phật sẽ càng tỏ, càng rõ bây nhiêu. Cho nên các quý vị đi trợ niệm cũng có kinh nghiệm là đối với những người có duyên thì trợ niệm từ 5 đến 10 tiếng đồng hồ cũng đã có kết quả ngay. Thậm chí có những người chết đen, thâm tím cả người nhưng sau một thời gian trợ niệm thân thể, khuân mặt hồng hào trở lại, mùi hôi thối của người bệnh cũng tự mất đi...Công đức của người Niệm Phật thật sự không thể nghĩ bàn...*

Những người vào được địa ngục nữa là các bậc bồ tát, vì một lòng bi nguyện cứu chúng sinh mà các Ngài phát tâm vào nơi đau khổ nhất để độ cho những chúng sinh đó.

***“Thánh Nữ lại hỏi: Vì duyên cớ gì mà nước trong biển lớn kia, thường thấy sôi sùng sục, nóng bức nấu nung người, vì sao nhiều tội khổ, nhiều thú dữ đến thế?***

***Vô Độc đáp rằng: Đấy là những chúng sinh đời trước kia làm ác, họ thảy đều là người, ở cõi Diêm Phù Đề, khi vừa mới chết đi, trong vòng bốn chín ngày, không có ai tế tự, làm các việc công đức để đem hồi hướng cho, cứu trừ các khổ nạn.***

Trong luận nói sau khi mất đi thì thần thức chuyển sang một trạng thái gọi là thân trung ấm. Thân trung ấm này chỉ bằng một thai nhi năm sáu tháng tuổi trong bụng mẹ. Thân trung ấm này ở dạng ánh sáng gọi là quang minh mà mắt thường không nhìn thấy. Cứ bảy ngày thân trung ấm này mất đi một lần rồi lại sinh ra thân trung ấm khác giống như vậy. Vì vậy trong bốn chín ngày kể từ khi mất đi những người thân nên làm những việc công đức để hồi hướng cho người đó, nhất là vào ngày thứ bảy của tuần thất.

***Những tội nhân nơi đó, khi còn sống ở đời, chẳng chịu trồng căn lành, cũng chẳng tin nhân quả, nên khi vừa chết đi liền theo nghiệp mà đọa, trước qua vào biển này, sau mới vào địa ngục.***

Những việc thiện mà người còn sống có thể làm cho người đã mất trong vòng 49 ngày này là rất quan trọng. Vì những công đức đó có thể giúp cho người kia thoát khỏi cảnh địa ngục, ngạ quỷ hay súc sinh. Một khi đã vào ba đường ác này rồi thì cứ u mê không biết đến ngày ra, lúc đó có muốn cứu được người đó ra thì vô cùng khó. Như chuyện Tào Tháo mà dịp trước có kể cho quý vị, Tào Tháo mất đi từ thời Tam Quốc vậy mà đến thời nhà Thanh một người đồ tể giết lợn thấy trong lá gan có rõ hai chữ Tào Tháo...Luân hồi, sinh tử đáng sợ như thế đấy.

“***Về phía phương Đông, cách đây mười vạn do tuần, lại có một biển, các sự khổ nơi đó, còn gấp bội lần hơn. Phía đông của biển này, lại còn có một biển các sự thống khổ còn nhiều gấp bội biển kia.***

Cảnh hành hạ tội nhân ở biển kia đã khủng khiếp và sợ hãi vô cùng rồi, đến mức khi vừa trông thấy mà Thánh Nữ cũng chẳng dám nhìn lâu. Nhưng nó vẫn chưa là gì so với cảnh khổ nơi hai địa ngục phía phương Đông kia cả.

 ***Tất cả những khổ đó, đều do tự mình làm, từ thân, miệng và ý, tạo ác nghiệp xấu xa vì thế mà chiêu cảm vào ba biển khổ này, nên ba biển này còn được gọi là biển nghiệp***.”

Quỷ Vương Vô Độc khẳng định là những khổ ở đó đều do tự mình làm chứ không phải ai gây ra cho mình cả. Ba lỗi ở nơi thân, miệng, ý tạo ra ba biển nghiệp vô cùng khổ sở. Ở thế gian có thể có việc oan sai do chúng ta không có thần thông, không có trí tuệ mà thấy rõ hết thảy sự việc theo đúng như thật đã xảy ra. Dù được đào tạo chu đáo, dù có lòng nhiệt huyết, sự tỉ mỉ cẩn thận nhưng cũng có lúc các phiên tòa xét xử vẫn có oan sai. Nhưng khi mất đi rồi thì nhân quả rõ ràng, chúng ta không thể chối bỏ những điều sai trái mình đã làm. Trên vai mỗi người luôn có hai vị thần câu sinh thức, một vị chuyên ghi các việc thiện, một vị chuyên coi các việc ác mà chúng ta đã tạo tác suốt cả cuộc đời mình. Khi còn sống hai vị này như hai vị thần hộ mệnh cho chúng ta. Tuy hộ mệnh bảo hộ chúng ta nhưng hai vị rất công tâm, không có sự thiên lệch. Gặp Diêm Vương rồi, hai quyển sổ thiện ác sẽ được đem ra đo đếm, rồi theo nghiệp mà thọ sinh. Điện Diêm Vương còn có “Nghiệp Kính Đài” có nghĩa là chiếc gương soi nghiệp cảnh của mỗi người khi mất đi và đối diện với Diêm Vương. Và chiếc kính này sẽ chiếc lại cuộc đời chúng ta khiến chúng ta chẳng thể chối cãi. Quý vị có thể không tin được chuyện này, nhưng trí tuệ của con người chúng ta còn hạn hẹp, theo nghiên cứu của khoa học người bình thường chỉ sự dụng được khoảng tư 2 đến 5% khả năng của bộ não. Vậy mà chúng ta có thể sáng chế ra máy ảnh, máy quay để lưu giữ được các sự kiện. Vì thế các vị thần cai quản chúng ta dĩ nhiên cũng sẽ có những khả năng siêu việt hơn con người phàm tục nhiều lần.

*Chuyện kể Ngài Tế Điên Hòa thượng khi đi qua một đám cưới, Ngài liền nói:*

* *Sao đám cưới cháu mà lại đi giết bà?*

*Thấy lạ mọi người mời Ngài vào để hỏi chuyện, Ngài bảo người ta mang một chậu nước đến, phấy quạt một cái cảnh kiếp sau của người bà trong gia đình sau khi chết được tái hiện rất rõ ràng. Sau khi thần thức bà rời khỏi thân, trong nhà có một con lợn sắp đẻ, do nghiệp chiêu cảm cứ tưởng nơi đó là nơi an toàn để nương náu bà liền tiến tới và mắc vào bào thai con lợn. Sinh ra con lợn do có nhân duyên với gia đình nên được chăm sóc, cho ăn tử tế, nó lớn rất nhanh. Nhưng ngày vui của người cháu cũng là ngày mà con lợn đó được đem ra làm thịt chiêu đãi khách. Kiếp trước có ân tình, ân nghĩa với nhau, thay hình đổi dạng một cái thì chẳng còn nhận ra nhau nữa, còn đoạt mạng của nhau để cầu vui cho mình*.

Vì thế mà các bậc Thánh mới vô cùng thương xót lũ chúng sinh ương ngạnh, khó bảo chúng ta, các Ngài dùng đủ phương tiện để cho chúng sinh được thấy sự khổ đó để mà thoát ra, nhưng có thoát ra hay không lại tùy thuộc vào chính bản thân mỗi người. Bao nhiều người được Bồ Tát Địa Tạng hóa độ đã được lên cung trời Đao Lợi cùng Ngài từ hơn 2500 năm trước rồi, vậy mà giờ chúng ta mới được ở đây mới được nghe giảng, đọc tụng Bộ Kinh naỳ đã thấy mình còn phước duyên và may mắn nhưng cũng nhìn thấy trên đời còn bao cảnh khổ, con người ngày càng làm những điều trái luân lý, đạo đức. Vậy Bồ Tát Địa Tạng còn phải nhọc nhằn đến khi nào nữa đây???

*Quý vị nên biết dù đã biết đến Phật pháp, đến mức xuất gia tu hành có tu có chứng, nhưng khi chưa lên ngôi thất địa thì vẫn không đảm bảo không còn bị thoái chuyển. Trong sử sách có kể về câu chuyện của thiền sư Từ Đạo Hạnh thời nhà Lý mà sau này Ngài chính là vua Lý Thần Tông.*

*Đại Điên là một vị xuất gia tu theo Mật Tông nhưng lại đi sai đường, không phải là người đạo hạnh, ông dùng khả năng của mình giết chết bố của Từ Đạo Hạnh. Từ Đạo Hạnh sau đó xuất gia tu hành và tu theo Mật tông. Sau khi học được Ngài về chùa Thầy, lập am chuyên trì Đại bi thập chú. Một lần Bát Bộ Kim Cương là tám vị hộ trì Phật pháp đến đảnh lễ Ngài, nghĩ rằng mình đã có đủ năng lực. Ngài đi ra sông Tích rồi vứt chiếc gậy tích trượng mình hay mang theo và phát nguyện rằng:*

* *Nếu chiếc gậy này trôi ngược dòng sông thì chứng tỏ thần lực của Ngài đủ để có thể trả thù cho cha. Nếu gậy trôi theo dòng thì công năng của Ngài vẫn chưa đủ.*

*Khi Tích trượng được vứt xuống, cây gậy vẫn đứng thẳng và trôi ngược dòng nước. Ngài cầm gậy và đến thẳng chùa của Đại Điên, đập nhẹ và Đại Điên ốm ba ngày sau thì chết. Thần thức của ông đầu thai làm một đưa trẻ thông minh, chuyện gì cũng biết và được coi là thần đồng thời bấy giờ. Vua Lý khi đó không có con nên lập đàn để cầu. Đứa trẻ kia biết được và nói rằng sẽ bỏ thân đó và đầu thai làm con vua để xây dựng đất nước thái bình, thịnh trị. Câu chuyện đó lại đến tai Từ Đạo Hạnh và Ngài biết rằng Đại Điên khi xưa tuy hình tướng là một vị tăng nhưng hành pháp tà đạo. Nếu ông ta được làm vua thì đất nước sẽ lâm nguy có khi Phật pháp còn bị nguy hại dưới bàn tay người đó. Thiền sư Từ Đạo Hạnh liền đưa bốn là bùa cho người chị gái cũng là tỳ nữ trong cung đem dán vào bốn góc thành. Thần thức của Đại Điên đến để đầu thai thì không tìm được đường để vào do thiên la địa võng đã bao khắp. Ông ta liền nhập vào một người lính gác và nói muốn vào nhập thai nhưng không vào được do có thiên la, địa võng khắp nơi. Vua Lý liền cho người đi xem xét thì quả có 4 lá bùa nơi 4 góc thành. Điều tra ra thì biết chuyện đó là do một người tỳ nữ làm, rồi Ngài Từ Đạo Hạnh bị bắt đem vào trong cung và bị xử tội chết. Khi đó có một vị quan mới nói rằng:*

* *Từ Đạo Hạnh có khả năng làm đứa trẻ kia thần đông kia không thể nhập thai được thì chứng tỏ thần lực còn hơn đứa trẻ kia nhiều. Nhà vua hãy hỏi vì sao mà ông ta lại làm thế, nếu đáng chém thì khi đó hãy đem chém.*

*Vua thấy có lý mới đem Từ Đạo Hạnh hỏi rõ nguyên do. Thấy Từ Đạo Hạnh đúng là bậc đạo hạnh nên vua không giết nữa. Ngài Từ Đạo Hạnh khi ấy còn bảo rằng nếu nhà vua muốn thì Ngài sẽ thoát hóa để đầu thai, nhưng Ngài sẽ đầu thai làm con vị quan đầu triều và khi nào bà vợ của ông quan đó trở dạ thì sai người đến chùa Thầy báo cho ngài biết. Đến ngày vị phu nhân kia lâm bồn, Ngài Từ Đạo Hạnh đã lên trên hang động mà nay là hang Thánh Hóa để thoát hóa. Nếu quý vị lên chùa Thầy bây giờ sẽ thấy di tích này. Tôi từng làm chú tiểu ở đó 1 năm và hay lên bao sái trên đó. Ở đó đúng là có vệt đá hình đầu người ấn vào, hai chân hai tay dang ra đạp và đá và vết lưng bĩ lóm vào. Sau khi Ngài thoát hóa thì bên kia cũng sinh ra được cậu bé mà sau này là vua Lý Thần Tông. Đây chính là trường hợp đoạt thai chứ không phải là trụ thai mà trong sử liệu còn ghi lại.*

Tự do tự tại thoát hóa rồi tự do tự tại để chọn nơi sinh ra như vậy, nhưng theo sử sách thì Lý Thần Tông cũng chỉ là vị vua bình thường của triều đại nhà Lý không có công hạnh xuất sắc hay xuất chúng gì cả. Cho nên chúng ta thấy vào cõi nhân gian này để độ đời không phải là dễ.

Thấy những câu chuyện này tôi nguyện sinh Tây Phương, tôi không nguyện làm vua ở các cõi này dù đó là vua ở các cõi Trời. Vua cõi trời cũng vẫn còn đánh nhau, đánh nhau rồi sẽ tạo nghiệp rồi hết phúc và lại luân chuyển vào những cõi kém phúc hơn, như vậy chẳng đáng nên làm vậy.

Chúng ta tìm hiểu tiếp vào văn kinh:

***“Thánh nữ lại hỏi, thưa Ngài Quỷ vương: Địa Ngục ở đâu?***

***Vô Độc đáp rằng: Trong ba biển lớn đó đều là địa ngục cả, có trăm nghìn muôn thứ, mỗi thứ một sai khác. Nói về địa ngục lớn thời có mười tám loại, còn về loại trung bình, thời có đến năm trăm, còn loại nhỏ bé hơn thời có đến vô lượng,***

***còn loại nhỏ bé hơn thời có đến vô lượng. Tất cả các tội khổ ở các địa ngục đó nhiều vô lượng vô biên, thật chẳng thể nói hết.”***

Nếu muốn biết nỗi khổ nơi địa ngục quý vị có thể tìm quyển Lục Độ Tập của Hoằng Tán Đại Sư, quyển sách này nói rõ về các địa ngục, tên địa ngục mỗi địa ngục là gì, vì sao bị đọa ngục đó, ở ngục đó tội nhân bị tra khảo như thế nào vv...

***Thánh nữ lại hỏi: Chẳng hay mẹ tôi mới chết thần thức bây giờ đang thác sinh chỗ nào?***

***Vô Độc bạch rằng: Thân mẫu của bồ tát khi còn sống ở đời, ưa thích làm việc gì và trồng nghiệp nhân gì?***

Nếu muốn biết quả thì cứ xem nhân, vì vậy mà Quỷ Vương mới hỏi về những việc làm của mẹ Thánh Nữ.

***Thánh nữ liền đáp rằng: “Thân mẫu tôi khi sống thường mê tín tà đạo và khinh chê Tam Bảo, cũng có lúc tin theo song lại bất kính ngay. Tuy rằng mới chết đi nhưng không biết bây giờ thần thức của mẹ tôi giờ đọa vào chỗ nào?”***

Tà đạo chính là những đạo không hướng người ta đến chân, thiện, mỹ, không giúp con người ta tu tập để giải thoát như là những việc sát hại sinh vật, cúng bái quỷ thần vv...Ở nhiều chùa hiện nay vẫn có hiện tượng nhảy đồng. Quý vị đừng nghĩ thờ Thánh mẫu là phải nhảy đồng. Thánh mẫu cũng là người đã quy y Tam Bảo, điện thờ thường được bố trí bên phải nhỏ hơn và thấp hơn so với chánh điện thờ Phật.

 Theo truyền thuyết Thánh Mẫu là công chúa thứ ba của Ngọc Hoàng Thượng Đế. Vào lần hạ sinh thứ ba cô được Bồ Tát Quán Thế âm cứu giúp trong một lần sắp mất mạng bởi một vị đạo sĩ. Cảm ân trước lần cứu mạng đó mà cô đã phát nguyện giữ năm giới và thập thiện nghiệp đạo và trở thành người lương thiện mẫu mực mà sau này được phong là Mẫu nhi thiên hạ, được coi là người có công với dân tộc đất nước. Lúc đầu khi thờ Ngài không hề có chuyện nhảy đồng nhảy cốt như hiện nay, mà phải đến hai, ba trăm năm sau thì mới xuất hiện. Và ngày nay thì càng ngày càng biến tướng mạnh. Người ta còn lên giá nhảy đồng các tổ, Bồ Tát Quán Âm và Phật tổ Như Lai nữa. Người chân chính hành đạo thì ít, kẻ mê tín tà đạo thì nhiều, thậm chí nhiều người còn giữ chức vụ trong giáo hội cũng bị cuốn theo. Ngày xưa khi đọc chuyện của Thiền Sư Hư Vân có kể về những vị sư ở chùa Nam Hoa của Lục Tổ ăn thịt, uống rượu, có vợ và hành tà đạo, tôi đã không tin và nghĩ rằng: “Làm gì có chuyện như vậy. Phật pháp vô lượng vô biên, thần lực của chư Phật và Bồ tát là vô lượng vô biên làm gì mà tà ma, tà đạo có thể hoành hành nơi cửa Phật như vậy được.”

Sau này, khi ra hoằng pháp càng ngày tôi càng nhân thấy không chỉ có Thiền Sư Hư Vân mà bất cứ vị xuất gia nào trong thời kỳ mạt pháp này tu hành theo chính pháp cũng sẽ gặp những sự việc mà thấy phải đau lòng như vậy cả.

Các tổ ngày xưa đã nói thời mạt pháp : “Phật cao một thước, ma cao một trượng. Phật cao một trượng thì ma cao mười trượng .”

Ngay đối với pháp sư Tịnh Không, ở Đài Loan cũng có những vị xuất gia rất nổi tiếng không chấp nhận Ngài. Họ nói tu Tịnh Độ không nương vào tự lực, Đức Phật khi xưa do ngồi thiền mà thành đạo cho nên chư Tăng cũng phải noi theo Phật tổ ngồi thiền mà thành đạo...Rồi bộ kinh Vô Lượng Thọ do Ngài truyền bá cũng là giả.

Người tu hành theo chính pháp là đi ngược lại sức mạnh cuồn cuộn như thác nước của những thói hư tật xấu của chúng sinh, đi ngược lại những gì mà chúng sinh vẫn ham thích và dành giật. Đâu tránh khỏi những sự phản kháng lại! Nếu không đủ đạo lực và hạnh nguyện kiên cố thì thật khó có thể thành tựu vậy.

Đến như xuất gia tu đạo rồi mà suốt ngày chỉ mong cầu thần thông rồi ra tâm trì chú niệm Phật. Người trì chú tâm dễ định nhưng cũng rất dễ lạc vào đường tà. Như những vị tu theo Mật Tông họ muốn thành tựu thì thực sự họ phải có kiến thức Phật học uyên bác và có lòng từ bi rộng lớn. Nhiều vị cứ nghĩ có được thần thông thì sẽ cứu nhân độ thế, nhưng đó là một sự sai lầm rất lớn. Thời xưa Đức Phật còn không cho đệ tử của mình dùng thần thông thì làm gì có chuyện Ngài sẽ đồng ý trì chú, niệm Phật để có thần thông rồi độ chúng sinh bằng cách bắt ma trừ quỷ bằng thần thông pháp thuật. Trì chú, niệm Phật là pháp môn Phật dạy, tất nhiên khi công phu đến mức nào đó sẽ có được thần thông. Nhưng các pháp môn Phật dạy là để tu hành thành Phật chứ không phải cầu thần thông.

*Cứu giúp chúng sinh chân chính là đem giáo pháp của Đức Phật để dạy cho chúng sinh, giúp họ khai tâm tính, tu tập bỏ ác làm lành, lánh giữ hành thiện. Lấy chính công đức, chính sự hướng thiện của họ để thay đổi họ, chuyển nghiệp cho họ...Nếu cứ thấy người bị vong nhập, bị ốm đau do nghiệp lực mà cứ trì chú bắt mà trừ quỷ thì cứu được bên này lại thành gây thù chuốc oán với bên kia như thế không phải cứu cánh.*

Mẹ của Thánh Nữ cũng có lúc tin nhưng khi tin rồi lại do nghiệp chướng mà lại bất kính, quay trở về tà đạo ngay, lại bất kính với Tam Bảo. Quý vị đừng nghĩ là chỉ có mẹ của Thánh Nữ mới vậy, mà chính chúng ta cũng mang một bà mẹ của Thánh Nữ trong tâm mình. Chỉ cần một thời gian không tụng kinh, không nghe pháp thôi cũng đủ làm chúng ta thoái chuyển. Đang phát nguyện tụng kinh Địa Tạng có người đến nói rằng tụng kinh, niệm Phật nhiều tổn khí lắm, tu thiền đi an tĩnh và mau được định rồi thành Phật ngay tại cõi này, việc gì phải tụng kinh rồi phát nguyện sinh Tây Phương cho mệt. Nghe nói thế quý vị lại quay sang tìm hiểu Thiền rồi tu thiền, một thời gian sau nghe nói tu Thiền nhiều người nhập thất bị còn bị điên, tảu hỏa nhập ma vv.. tu Mật tốt hơn thì lại quay sang học Mật tông. Cứ đi vòng vòng mãi, không tìm được nơi dừng chân thì có trải qua nhiều hơn ba a tăng kỳ kiếp thì cũng chẳng thể thành Phật.

Tiếp theo phần văn kinh:

***“Vô Độc thưa hỏi rằng: thế mẹ của Bồ Tát có tên họ là gì?***

***Thánh nữ liền đáp rằng: Cả hai song thân tôi đều dòng Bà La Môn, thân phụ tôi thường gọi tên Thi La Thiện Kiến, còn thân mẫu của tôi tên là Duyệt Đế Lợi”.***

***Vô Độc liền chắp tay, đối ở trước Thánh Nữ cung kính mà thưa rằng: Xin Thánh Nữ trở về, chớ lo âu buồn phiền. Vì bà Duyệt Đế Lợi vừa được sinh lên trời, cách đây không bao lâu vừa mới được ba ngày. Đó là nhờ công đức, hiếu thuận của Bồ Tát. Vì thương nhớ mẹ mình mà dốc lòng tu phúc, thường tới nơi chùa tháp, để cung kính cúng dàng Đức Phật Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai.***

Chính là thời gian Thánh Nữ bán tài sản, nhà cửa mua hương hoa, lễ vật để cúng dàng tượng Phật với tấm lòng trân thành nhất đã cứu được mẹ nàng. Chính lòng hiếu thuận của người đã cứu được mẹ ra khỏi địa ngục.

***“Việc làm của Bồ Tát chẳng những chỉ cứu mẹ mà còn cứu rất nhiều vô lượng chúng sinh khổ trong địa ngục A Tỳ, thảy đều được đầu thai về các cõi an lành.”***

Vì sao vô lượng chúng sinh khổ khác cũng được đầu thai về các cõi an lành. Vi khi đã chịu quá nhiều khổ đau nơi địa ngục bất giác có lúc họ hồi tỉnh chỉ cần khởi tâm niệm hướng thiện thôi thì khi Đức Phật phóng quang cứu giúp theo lời thỉnh cầu, niệm Phật của Thánh Nữ, những tội nhân hướng đã biết hướng thiện kia cũng sẽ nhận được quang minh của Đức Phật chiếu tới và họ được giải thoát khỏi địa ngục.

Vậy nay chúng ta trì tụng kinh Địa Tạng 21 ngày có cứu được những người thân, những vong linh đang địa trong địa ngục, ngạ quỷ không? Tôi khẳng định là cứu được nhưng để nói có sinh được Tây Phương không thì không chắc. Phần lớn chỉ có khả năng về cõi lành, có thể làm người, hơn nữa là sinh lên trời mà thôi. Rồi từ nhân duyên này họ phát tâm tu tập ở những đời kiếp sau này, rồi từ đó cũng chính là nhân duyên để sau này họ sinh về các cảnh giới Tịnh Độ.

Chúng ta tranh thủ cái tấm thân cha mẹ sinh ra này cố gắng đọc tụng thọ trì bộ kinh này song song với niệm Phật cầu sinh Tịnh Độ, hi vọng có thể hoằng truyền bộ kinh và pháp môn này đến nhiều người hơn nữa, không chỉ trong khu vực phía Bắc mà còn ở cả nước Việt Nam và trên thế giới. Đó chính là chung tay góp sức báo ân Phật và Bồ tát, các vị trước đây đã tu thế nào thì giờ đây chúng ta cũng tu như thế. Chúng ta không tu để cầu vãng sinh Tịnh Độ rời bỏ Ta Bà, Ta Bà khổ quá, chán quá để rồi hưởng an vui cho mình chúng ta. Nếu tu như vậy là chưa phát bồ đề tâm, chưa thực sự vì chúng sinh mà cầu vãng sinh, cũng chưa hiểu được mục đích vãng sinh để làm gì. Xin nhắc lại một lần nữa vãng sinh Cực lạc không phải để ăn chơi cho thỏa, cũng không phải để an dưỡng mà về đó để chúng ta đầy đủ công đức, trí tuệ để độ chúng sinh. Và chúng ta muốn được về đó thì cũng phải tạo nhiều công đức, phước báo ở cõi này. Nếu như chúng ta không tạo các công đức ở cõi này, không biết chân thật tụng kinh, niệm Phật làm các việc công đức để hồi hướng cho hết thảy chúng sinh thì chỉ được đới nghiệp vãng sinh hoặc sinh ở biên địa thôi. Nhưng do biết đến tụng đọc bộ kinh này, biết phát nguyện cầu xin Bồ Tát gia hộ cho vô lượng, vô biên các chúng sinh đang chịu khổ, rồi còn niệm Phật cầu họ được sinh về Tây phương Cực Lạc hoặc tịnh cảnh của chư Phật mười phương nữa mà họ được thành công. Thì khi về Tây phương hoa nở thấy Phật, được lên ngay ngôi thất địa bồ tát thậm chí là thập địa vì chúng ta ở ngay tại nhân gian, trong cõi ngũ trược ác thế mà làm được việc khó, việc khổ, mọi người khó làm được mà chúng ta lại làm được.

Trong kinh Đại Tập, Bồ tát Đại Từ nói nếu chúng ta giúp được một người cầu sinh Tây Phương Cực Lạc thì công đức chúng ta vô lượng, nếu giúp cho mười người sinh được về Cực Lạc thì chúng ta là một vị Bồ Tát trong cõi ngũ trược này, còn giúp cho trăm nghìn người sinh về được Tây Phương thì vị đó chính là một vị Đaị Bồ Tát. Ít nhất vị đó đã chứng ngôi Đẳng Giác, Diệu Giác vậy. Cho nên quý vị hãy cố gắng nhất tâm mà làm, đây là một nhân duyên thù thắng. Tôi tin tưởng rằng đây là Pháp Hội có nhiều người đến nghe pháp, đọc tụng bộ kinh này và thời gian hành trì dài nhất từ trước đến nay. Qua nghiên cứu sử sách cũng như qua thời gian học tập và hoằng pháp tôi chưa thấy ở đâu mở Pháp hội tụng kinh Địa Tạng 21 ngày. Nếu có thì chỉ có khoảng 7 ngày và chỉ có khoảng 20 đến 30 người đọc tụng thôi. Ngày đầu tiên pháp hội có khoảng một nghìn người đến tham dự, những ngày sau số lượng luôn duy trì khoảng vài trăm người. Tôi tin rằng chư Phật và chư Bồ Tát hoan hỷ với bản hội tập này và tôi cũng phát nguyện rằng Bản hội tập này sẽ trụ thế chỉ kém kinh Vô Lượng Thọ 100 năm. Tức khi đó mọi người không còn tin vào Phật pháp nữa, họ làm việc ác quá lớn quá nhiều. Khi không còn duyên nữa thì chỉ có nhân cũng không thể làm gì được.

Quý vị hãy thực sự nhất tâm để cảm nhận sự màu nhiệm của Phật pháp. Ánh sáng Phật pháp, ngọc minh châu của Địa Tạng Bồ Tát sẽ luôn soi đường cho chúng ta tìm lại trí tuệ viên mãn đang còn ẩn tàng trong cá nhân mỗi người.

***Giảng Kinh Bổn Nguyện Của Bồ Tát Địa Tạng Bài 21***

Chúng ta tiếp tục nghiên cứu phần kinh văn tiếp theo:

***“Vô Độc vừa nói xong, liền cung kính chắp tay xá chào mà xin lui. Thánh nữ ngay khi ấy như người tỉnh giấc mộng, liền đi đến trước tháp cung kính mà cúng dàng Đức Phật Giác Hoa Định Tự tại Vương Như Lai.***

Trước đây, Thánh Nữ đến chùa tháp vì muốn cầu cho mẹ thoát khỏi cảnh khổ, về nơi an lành. Bây giờ, khi biết mẹ và nhiều tội nhân khác đã được hưởng cảnh an vui, thanh tịnh, không quên ơn Phật, Thánh Nữ liền đến ngay nơi điện tháp cung kính mà cúng dàng. Không phải vì nghĩa vụ mà cúng dàng, vì hình thức, vì lễ nghi mà cúng dàng mà cúng dàng vì tấm lòng cung kính, chân thành của Thánh Nữ tới Đức Phật.

 ***Cúng dàng Phật xong rồi liền phát đại nguyện rằng: Con nguyện từ nay cho đến ở tận cùng ở đời vị lai, nếu có chúng sinh nào mắc vào các tội khổ thì con sẽ lập ra nhiều các trước phương tiện khiến cho chúng sinh đó thảy đều được giải thoát”***

Thấy chúng sinh đau khổ nhiều quá, Người bắt đầu phát đại bồ đề tâm, ban đầu chỉ là thương mẹ, cứu mẹ thôi, nhưng sau đó nhìn thấy chúng sinh khác khổ thì với tấm lòng từ bi bình đẳng, nhìn những chúng sinh khổ khác cũng như mẹ mình chịu khổ. Thánh Nữ liền phát đại nguyện độ hết thảy các chúng sinh khiến cho họ được giải thoát. Là người học Phật chúng ta phải phát ra đại nguyện này.

Tâm bình đẳng được thể hiện như thế nào? Những bài đầu tiên chúng ta được học về Đại Hiếu – Hiếu kính người khác như hiếu kính với cha mẹ mình. Thời nay, người biết hiếu kính với cha mẹ đã được tán thán, khen ngợi rồi. Người mà biết hiếu kính với các chúng sinh khác như hiếu kính cha mẹ thì thật là tấm gương cho người đời, thật xứng đáng làm đệ tử của Đức Phật. Thế giới sẽ thành một nơi vô cùng đẹp đẽ, thanh bình và trong sánh. Nhà Phật có câu “Đồng thể Đại Bi, Vô duyên Đại Từ” - Thương người vì biết người đó cùng một thể với mình, không hề có sự phân biệt, không hề có ngăn cách. Không cần biết trước đây có nhân duyên gì với nhau hay không, không cần quen biết nhưng cũng có thể sẵn sàng trao tặng những điều tốt lành cho nhau. Việt Nam ta có câu: “Thương người như thể thương thân”, hay “Bầu ơi thương lấy bí cùng”. Nhưng trong đạo Phật thì thương người thậm chí phải hơn cả thương mình vậy. Nếu trước đây khi còn tu Bồ tát hạnh, Đức Phật không thương chúng sinh hơn cả bản thân mình thì làm sao Ngài có thể hi sinh cả đầu, cả tay, chân, máu thịt, vợ con ... cho những chúng sinh đang cần được.

Chúng ta là hàng sơ học, chưa đủ bi trí để có thể hi sinh được như các Ngài, nhưng quan trọng là chúng ta phải biết phát tâm trước đã. Muốn có cây Bồ Đề thì hãy biết gieo hạt Bồ đề xuống trước đã, không phải vội vàng nhưng cũng không được lười biếng. Ví dụ đối với đệ tử xuất gia của Đức Phật thì ăn chay trường là điều cần thiết, nhưng với hàng đệ tử tại gia Đức Phật dạy lúc đầu là 6 ngày chay, sau đó mà dần dần tăng số ngày chay lên. Vì sao Đức Phật dạy như vậy? Những con gà, con vịt, con trâu, con bò, con cá...nó có gia đình không? Tất nhiên là có. Chúng ta hãy nhìn con lợn mẹ khi sinh ra những con lợn con nó thương đàn con của mình thế nào. Nó cũng biết chỗ ướt mẹ nằm, chỗ ráo phần con; nó cũng biết nhường con ăn trước; con nó khi lớn lên bị người chủ bắt tách ra nó cũng biết kêu – tiếng kêu rất khác thường để gọi con nó. Có người còn kể rằng có những con trâu con bò khi sắp sinh con, mà nó biết người ta sắp đem nó đi giết. Người ta kéo nó nó không đi, đánh nó nó liền nằm ra mà không chịu đứng dậy; nó chảy nước mắt. Vậy mà người ta vẫn vô tâm không cần biết là nó cũng biết khóc như người thân của họ ở nhà. Có những con quỳ xuống trước những người đang định đoạt mạng nó, nhưng mạng nó và con nó cuối cùng vẫn đều bị sát hại. Con chó con mèo cũng vậy, tình mẫu tử, tình gia đình tồn tại ở rất rõ nét ở cả các loài súc sinh như thế. “Cá chuối đắm đuối vì con”. Tôi từng xem một đoạn video của nước ngoài, có một người đi câu, họ câu được một con cá chuối rất to, đàn con nó chỉ bé xíu và nhiều đến cả nghìn con. Khi mẹ chúng cắn câu chúng vây kín quanh mẹ chúng trên mặt nước. Khi mẹ nó được nhấc lên bờ rồi thì đàn con bơi sát vào bờ, có con còn nhảy lên theo mẹ nữa. Vô cùng là cảm động. Người đi câu khi thấy được tình cảm của những con cá con với cá mẹ như thế, người ta không đành lòng chia cắt chúng, họ liền thả con cá mẹ về với đàn con của mình. Có những người làm được như thế, nhưng lại cũng có những người khi gặp trường hợp trên thì có thể tìm cách vớt cả đàn con ăn luôn được.

Khi phát tâm ăn chay dần dần, từ hai ngày rồi đến sáu ngày, mười ngày. Đến khi ăn chay đã quen rồi, quý vị sẽ không còn thiết đến thịt cá nữa. Có khi nhìn thấy còn thấy sợ. Lòng từ bi được nuối nấng dần dần từ sự tập luyện như vậy. A Lại Da Thức của chúng ta cũng sẽ chuyển biến từ tăm tối u mê thành sáng suốt, thanh tịnh. Tàng thức như cái kho, khi gieo chủng tử thiện vào thì hại giống thiện sẽ nảy nở ra, gieo chủng tử ác thì hạt giống ác cũng nảy nở thêm. Đại Bồ Đề Tâm là Tâm từ bi, thành tịnh, giải thoát tròn đầy viên mãn vậy.

Tụng kinh không phải chỉ dừng lại ở đọc tụng rồi cầu xin Phật và Bồ tát gia hộ, ban phúc lành cho chúng ta. Thực ra Phật Bồ tát vẫn luôn bên cạnh chúng ta, sẵn sàng đưa tay cứu giúp, sẵn sàng đưa đường chỉ lối cho chúng ta nhưng điều cần thiết đó là phải y giáo phụng hành. Những điều gì có thể làm trước, thì hành theo trước, những điều gì cần phải đủ duyên mới có thể làm thì làm sau, đó chính là trì kinh. Chúng ta bây giờ mới ở tại giai đoạn đọc kinh – đọc để hiểu, để biết. Khi đã thuộc, nhìn lướt qua vẫn có thể đọc được khi đó mới bước sang giai đoạn tụng, thứ ba mới là trì kinh hay thụ trì kinh, trì tức là lắm giữ, lắm giữ là làm theo. Đầu tiên là bỏ ác, tiến tới là sẽ làm lành. Làm lành thế nào? Như đã nói nhiều lần đó là bố thí, cúng dàng, phóng sinh tu phúc, đọc tụng đại thừa vv...Cứ tích lũy từng việc nhỏ, việc nhỏ như tích nước trong lu. Cứ dần dần, dần dần như thế nước trong lu đầy lúc nào mà ta cũng không biết.

Người tu học Phật pháp không chỉ tu học cầu giải thoát cho riêng mình mà phải phát nguyện làm Phật pháp hưng long và trường tồn, trên thì khất cầu giáo pháp của Tam Bảo, dưới thì phát nguyện độ chúng sinh; qua những hành động việc làm của minh, thu phục được lòng người, khiến họ phát khởi tín tâm mà quý kính, tán thán, khen ngợi Tam Bảo, nương vào Tam Bảo để tu tập... Đó chính là tu tập Phật pháp chân chính.

Nhìn thấy công hạnh của các vị chúng ta không chỉ ngôi đấy mà tán thán, khen ngợi, mà phải phát tâm học tập các vị, phải nghĩ rằng mình cũng có khả năng làm được như các vị. Tuy chưa làm được nhưng tương lại mình sẽ làm được, Đời này chưa làm được, thì phát nguyện vào những đời sau tiếp tục tu học để có thể độ chúng sinh như Phật, như Bồ Tát vv... Đầu tiên phải bắt nguồn từ đâu, bắt nguồn từ những chúng sinh quanh chúng ta đã. Tham, sân, si chính là cái gốc của chúng sinh, cái căn bản phiền não của chúng sinh. Thệ độ hết thảy chúng sinh chính là dần dần làm giảm tham, sân, si trong con người chúng ta đi. Đó chính là học theo Bồ Tát Địa Tạng, hành trì theo lời kinh đã dạy vậy.

***“Đức Phật liền bảo với Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi rằng: Quỷ Vương Vô Độc trước kia nay là Tài Thủ Bồ Tát, còn Thánh Nữ Bà La Môn kia nay chính là Bồ Tát Địa Tạng.***

Trên cung trời Đao Lợi, lúc này Đức Phật mới khẳng định Tài Thủ Bồ Tát trong hội chúng đây chính là Quỷ Vương Vô Độc trước kia. Trước kia là một vị quỷ vương nơi địa ngục, giờ đây đã thành một vị Bồ tát. Còn cô gái trước kia nay đã trở thành một vị Đại Bồ Tát. Trong kinh Đức Phật nói Ngài đã vượt xa hàng Đẳng Giác nhưng Ngài lại rất khiêm cung học đạo. Trong khắp cả quyển kinh, chưa một lần Ngài nói ở đời sau mọi người nên đọc bộ kinh này, chưa một lần ngài nói chúng sinh phải niệm danh hiệu Ngài. Ngài khuyên chúng sinh niệm danh hiệu Phật, danh hiểu Bồ tát, A La Hán, Bích Chi Phật... và đọc tụng các kinh điển đại thừa. Tất cả sự lợi ích, công đức khi tụng đọc bộ Kinh này và niệm danh hiệu Bồ Tát Địa Tạng đều do Đức Phật thuyết và các vị Bồ Tát nói ra. Các bậc chân tu, tu càng cao họ càng thấy mất đi cái ngã, khi cái ngã của mình không còn nữa thì mọi chuyện sẽ khác, sẽ thấy tất cả chúng sinh thực sự là mình và mình cũng là hết thảy chúng sinh.

Tiếp theo chúng ta đi vào phẩm thứ hai đó là : ***“Phân Thân Hội Họp”.***

***“Lúc bấy giờ, có các phân thân của Bồ Tát Địa Tạng ở khắp trong những nơi có các địa ngục khổ, trăm nghìn muôn ức, bất khả tư nghì vô lượng vô biên các thế giới thảy đều đến hội họp nơi cung Trời Đao Lợi.***

Phân thân của Bồ tát Địa Tạng nhiều đến vô lượng vô biên, Ngài không chỉ hóa độ ở cõi Nam Diêm Phù Đề mà có đến trăm nghìn muôn ức vô lượng, vô biên các thế giới. “Bất khả tư nghì” nghĩ là chẳng thể nghĩ bàn; “vô lượng vô biên” tức là con số chẳng thể tính đếm. Còn có cách nói khác như “nhiều như vi trần”, ‘hằng hà sa số’... đều là cách nói để diễn tả thời gian và những hóa thân mà Bồ Tát Địa Tạng đã trải qua để hóa độ chúng sinh. Nếu suy tư một chút chúng ta cũng thấy rằng chúng ta được ngồi ở nơi đây, được biết đến bộ kinh này cũng là do có nhân duyên với Bồ tát Địa Tạng, Ngài đã từng cứu chúng ta từ Địa Ngục ra. Chúng ta không thể dùng ý thức để hiểu được những công đức, thần lực của Ngài mà chỉ có ngày khi được thành Phật đầy đủ mười hiệu chúng ta mới có thể tin những lời Đức Phật đã nói. Cũng giống như Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi – là thầy của các Đức Phật quá khứ, thầy của Đức Phật thời hiện tại và còn là thầy của các Đức Phật thời vị lai nhưng Ngài cũng chỉ hiện thân là Bồ Tát Diệu Giác mà thôi. Bồ tát Địa tạng phát nguyện độ cho hết thảy chúng sinh thành Phật thì ngài mới thành. Cho nên, muốn làm việc đó Ngài phải có đại thần lực, đại công đức đã tích tụ nhiều đời nhiều kiếp mới có thể làm được.

*Như tôi đi xuất gia đến nay đã hơn 20 năm, số người mà tôi làm lễ quy y cho có đến hàng chục nghìn người, nhưng chắc chỉ có khoảng 500 trong số ấy thường xuyên tu tập, hành trì, đọc tụng kinh và niệm Phật. Rồi bao nhiêu người trong số này có thể được về Tây Phương và thành Phật, hi vọng là khoảng 100 người đã là quý lắm! 100 người sẽ bất thoái thành Phật, rồi từ đó lại trở lại Ta Bà, phân thân khắp nơi hóa độ chúng sinh. Nhưng việc làm của tôi cũng chẳng thấm gì so với việc làm của Địa Tạng Bồ Tát, có lẽ chỉ như sợi tơ, sợi tóc, như một hạt cát so với số cát trong sông Hằng mà thôi. Nhớ, nghĩ được như vậy chúng ta sẽ luôn giữ được tâm kiên cố và tinh tấn mà hành đạo. Bồ Tát Địa Tạng ngài đã thành tựu như vậy rồi mà Ngài còn không ngơi nghỉ thì chúng ta có cố gắng thêm chút nữa thôi có là gì! Để giữ được tâm kiên cố và tinh tấn quý vĩ hãy đọc những câu chuyện của các Tổ. Hầu như con đường của các vị không trải thảm nhung và được bao người tung hô chào đón. Hòa Thượng Hư Vân có lúc bị tù đày, có lúc bị đánh đập, có lúc ngất lịm đi bệnh. Các Ngài có đạo hạnh cao vậy mà còn chịu biết bao oan trái. Đọc những câu chuyện của các Ngài chúng ta sẽ biết nhẫn lại và vượt ra những khó khăn thử thách vững bước trên con đường mình đã mong muốn đời đời đi theo. A Mi Đà Phật khi thấy quý vị ở trong cõi đời ngũ trược ác thế này mà làm được những việc đáng khen như vậy mà lại còn phát nguyện câu sinh về cõi của Ngài vậy thì Ngài sẽ càng hỗ trợ, chư Phật mười phương sẽ trợ niệm cho quý vị để quý vị về cõi Tây Phương nhanh chóng hơn. Cõi Tây Phương Cực Lạc đang đón chờ những vị Bồ tát như quý vị về đó tu tập.*

Bình thường Phật và Bồ tát vẫn làm công việc cứu độ chúng sinh của Ngài, nhưng khi những chúng sinh biết kêu cầu, biết lánh giữ hành thiện, biết nhớ đến các Ngài thì các Ngài sẽ cứu độ được nhiều hơn nữa. Giống như ông trưởng giả giàu có, của cái nhiều không tả xiết, ông muốn tặng cho các con mình, chỉ cần chúng mở lời xin ông sẽ đi mở kho và cho chúng; để chúng tiêu dùng bao nhiêu tùy ý, bao nhiêu đứa xin ông đều có thể cho, xin bao nhiêu ông cũng đều có thể đáp ứng. Đức Phật thương chúng sinh như mẹ thương con đỏ. Chẳng gì là không thể cho, chẳng gì là không thể đáp ứng cả. Nói như vậy không có nghĩa là quý vị đến đây dâng hoa hương cúng Phật, lễ Phật vài lễ rồi tụng một biến kinh rồi về tới nhà tất cả sở nguyện, sở cầu đều như ý. Không phải như vậy! Nếu như quý vị nhịn đói vài ngày, ốm yếu, sút đi vài kí lô, quý vị đi uống sữa dinh dưỡng, người ta quảng cáo sữa tốt lắm, nhưng mới uống được một cốc, quý vị nghĩ mình khỏi được ốm, mình có được cân nặng như bình thường thì có được không? Chắc chăn là không! Cơ thể cũng phải hồi phục dần dần. Tụng kinh cũng vậy, tâm quý vị cũng như bị bệnh như thân bị bỏ đói lâu ngày vậy, nhưng Tâm mình thiếu gì? Tâm thiếu sự thanh tịnh, sáng suốt, thiếu từ bi và trí tuệ, chân thành, bình đẳng vv....Vì vậy cũng cần có thời gian để tâm được gieo trồng, tưới tẩm điều thiện lành qua kinh sách, qua những bài pháp mà các quý vị nghe hàng ngày. Phật pháp chân chính là như vậy.

Nhiều vị đến gặp tôi hỏi tôi phải làm thế nào để cho gia đình con được ấm êm hạnh phúc, tôi bảo họ hãy tụng kinh, nghe giảng pháp để hiểu được kinh văn, làm những gì theo trong kinh đã dạy và niệm Phật. Họ nói họ không có thời gian tụng kinh. Kinh là những lời Phật dạy giúp chúng ta bỏ ác, làm lành, lánh giữ hành thiện, xây cội nguồn phúc đức từ trong nội tâm của mình rồi từ đó sinh ra hạnh phúc trong gia đình. Vậy mà quý vị bảo không học được thì làm sao mà phúc đến luôn được. Có một điều quan trong đó là nếu quý vị còn không thu xếp được thời gian để học tập, để xây dựng cội nguồn phúc đức, cuộc sống tâm linh cho quý vị thì đó cũng chính là nguyên nhân để gia đình quý vị dẫn đến đổ xáo trộn, đổ vỡ. Vì sao? Vì cái gốc đã không tốt thì làm sao có được hoa thơm quả ngọt. Đời sống tâm linh, sức khỏe tình thần của chính mình các vị còn chẳng còn chú ý đến thì làm sao quý vị có thể chăm lo cho gia đình và con cái quý vị đúng cách. Con cái không nghe lời, vợ chồng không hòa thuận âu cũng là điều dễ hiểu. Quay về bản tâm, sửa đổi lỗi lầm, những thờ ơ, giận hờn, nhỏ nhen để hướng tới tình thương rộng lớn thì quý vị sẽ giải quyết được những vấn đề của mình. Quý vị sẽ biết kính quý kinh sách, lời Phật dạy, rồi từ đó hành trì theo, kết quả là hạnh phúc cá nhân hay của cả xã hội sẽ được viên mãn

***“Nhờ vào sức uy thần của Đức Phật Như Lai mà những phân thân ấy cùng với các đệ tử nhiều đến hàng trăm nghìn muôn ức na do tha, đều đem hương hoa quý lại để cúng dàng Phật.***

Tất cả phân thân của Địa Tạng Bồ tát ở tất cả các thế giới lần này đếu đến tụ họp ở cung Trời Đao Lợi, hợp thân lại để đỉnh lễ Đức Phật Thích Ca. Cũng như trong kinh Pháp Hoa, phẩm “Hiện Bảo Tháp” Đức Phật Đa Bảo đã nhập Niết Bàn từ lâu nhưng Ngài phát nguyện sau khi nhập Niết Bàn, toàn bộ kim thân của Ngài vẫn giữ nguyên trong Bảo tháp. Và khi có Đức Phật nào thuyết kinh Pháp Hoa, Ngài liền hiện đến để chứng minh, tán thán, khe ngợi cúng dàng. Nếu Đức Phật nào muốn thấy kim thân của Đức Đa Bảo thì Đức Phật đó phải tụ họp được toàn bộ phân thân của Đức Phật đó về. Khi đó thì mới mở cửa được Bảo Tháp. Đức Phật Thích Ca lần thuyết kinh Pháp Hoa đó Ngài cũng thu hết các phân thân của mình ở trong khăp tam thiên đại thiên thế giới. Khi đã tụ hội đầy đủ thì kim thân của Đức Phật Đa Bảo liền hiện để khắp đại chúng thấy. Ở đây trong Kinh Địa Tạng cũng vậy, vì một đại sự nhân duyên ,Đức Phật Thích Ca xoa cánh tay sắc vàng ròng khen ngợi và phó chúc cho mình cứu độ chúng sinh trong cõi Ta Bà này khi Đức Thích Ca nhập Niết Bàn. Cho nên Địa Tạng Bồ Tát dùng tất cả thần lực của mình để hội họp hết thảy các phân thân về Cung trời Đao Lợi. Trong pháp hội trên cung trời Đao Lợi thì các đệ tử xuất sắc của Ngài Địa Tạng cũng được đi theo và thị giả. Chúng ta thấy Thích Ca Mâu Ni Phật không đem theo vị đệ tử nào lên cung Trời Đao Lợi cả. Nhưng Địa tạng Bồ Tát thì cho các vị đệ tử xuất sắc nhất của Ngài đi theo. Các vị có muốn đi theo Ngài không? Muốn đi theo Ngài thì phải vào nơi Địa Ngục nóng khổ thì có chịu được không? Thầy đi trước thì Thầy chịu được còn trò đi sau thì liệu trò có chịu được không??? Hay chúng ta thấy cảnh địa ngục khổ quá, chúng sinh bị chết rồi bị hành hình thê thảm quá thì liền thoái tâm ngày. Lại bỏ đạo, không dám theo Thầy nữa???

Các vị đó đều đem hương hoa quý lại để cúng dàng Phật. Vì ơn đức cứu độ lớn của Thầy với mình mà Thầy đi đâu thì trò đi theo đấy. Đây cũng thể hiện tình thầy trò giữa các đệ tử của Bồ Tát Địa Tạng với Ngài. Thầy lên đó thì đệ tử cũng tùy tòng theo hầu. Mà trong kinh nói những đệ tử đó là nhiều vô lượng, vô biên.

“Hương hoa quý” là hương hoa như thế nào vậy? Liệu có phải hoa bằng kim cương, bằng châu báu???

Mới đây có Phật tử đến hỏi tôi rằng:

* *Anh trai con không tin Phật pháp và nói rằng: Người ta tin Đức Phật là người có đầy đủ từ bi, trí tuệ, đi chùa cầu xin Đức Phật hết thứ này đến thứ khác. Vậy thì Ngài có thiếu gì đâu mà phải cúng Ngài? Ngài xả bỏ cung vàng, điện ngọc để vào núi tu rồi, mà sao phải cúng dàng nữa? Ngài có dùng đâu? Hay đấy là cúng dàng cho mấy vị sư?*
* *Đức Phật cũng không cho các đệ tử của Ngài đeo vàng bạc, châu báu, tràng hoa vv... vậy mà sao trong kinh lại nói nếu đem cúng dàng tràng phan, hương hoa, các thứ quý báu dâng lên Tam Bảo thì sẽ được công đức vô lượng? Liệu điều này có mâu thuẫn không???*

Tôi đã trả lời cho vị đó rồi nhưng trong pháp hội đây, ai có thể trả lời câu hỏi đó cho Phật tử kia hiểu, để giải đáp cho không chỉ người anh vị đó mà còn nhiều người chưa biết đến Phật pháp hay mới được biết đến Đạo Phật và cũng đang nghi ngờ khác nữa như thế? Quý vị là Phật tử thường xuyên lên chùa, được nghe giảng pháp quý vị phải giải thích được cho bạn bè, con cháu hiểu được điều này.

***“Những chúng hàng đệ tử đến cùng phân thân ấy thảy đều nhờ Địa Tạng giáo hóa và độ cho, trừ hết sách các khổ, tâm an tĩnh khoái lạc đối với đạo Vô Thượng không còn bị thoái chuyển.”***

Tức là các vị này đều chứng được ít nhất là Thất địa Bồ Tát rồi, tương đương với quả vị A La Hán của Tiểu Thừa. Tâm các Ngài đều an tịnh, trụ trong chính định cho nên sinh ra tâm an lạc, vui vẻ.

***Những loại chúng sinh đó từ bao nhiêu kiếp trước, cho đến kiếp gần đây trôi lăn trong sáu nẻo, lặn hụp biển sinh tử, chịu biết bao thống khổ, không giây phút nào dừng. Nhờ vào lòng từ bi, bản nguyện của Địa Tạng, nên đều sẽ chứng được Đạo Vô Thượng Bồ Đề. Các chúng đi theo kia đến cung trời Đao Lợi, ai lấy đều vui mừng, lòng tràn đầy hoan hỷ, cung kính và chiêm ngưỡng, đỉnh lễ các Đức Phật, tâm không chút biếng lười, mắt không hề tạm rời***.

Các vị đệ tử đi theo đó, các vị Thánh Tăng, A La Hán, những vị đã chứng quả bất thoái chuyển thì ở đây nói rằng trong những kiếp trước cũng là những kẻ ở trong con đường trâm luân, cũng từng lặn hụp biển sinh tử như chúng ta vậy. Nhưng các Ngài rất may mắn, được Địa Tạng Bồ Tát vào Địa Ngục cứu độ cho. Những người đó sau khi được giáo hóa rồi thì một lòng cầu giải thoát, lánh giữ làm lành; bỏ ác làm thiện. Tin vào Bồ Tát Địa Tạng là bậc minh sư, là người Thầy giỏi, có đầy đủ trí tuệ và đạo hạnh để dẫn dắt chúng sinh tiến lên bờ giải thoát an vui. Họ đã theo một cách tuyệt đối, không ghi ngờ chính vì vậy mà giờ đây các Ngài đều đã thoát khỏi ba cõi và chứng được quả vị ít nhất là Bất Thoái chuyển và thẳng đến Đạo Bồ Đề, không bao giờ bị lui sụt nữa. Chúng ta bây giờ ở trong đây có khoảng từ 200 đến 300 Phật tử ki lên chùa rồi thì phát nguyện ăn chay, nhưng được khoảng 20 ngày đến 1 tháng khi không nghe pháp thường xuyên, không gặp các thầy sách tấn thì tâm bồ đề có thể thoái ngay. Gặp một vị xuất gia nào nói rằng ăn thịt, uống rượu không chướng đạo, không có hại gì đến cầu đạo cả. Ăn mặn nói ngay còn hơn ăn chay nói dối; rồi họ còn nói “còn trâu, con bò ăn chay chúng có thành Phật đâu?”. Họ biện hộ như vậy để chứng minh rằng ăn chay không thể thành Phật; rồi “Thành Phật hay không là ở Tâm mình vậy”.

Chúng ta phải hiểu rằng ăn chay là thể hiện và phát triển lòng từ bi. Người ta không thể thành Phật vì mỗi một việc là ăn chay, nhưng để thành Phật thì phải từ phải bi.. mà người từ bi không thể đoạt mạng sinh vật khác để nuôi thân mình được. Thời Đức Phật, Ngài và các đệ tử đi khất thực, người ta cúng dàng gì thì các Ngài thọ dụng thứ ấy, dùng với tâm bình đẳng, không kén chọn. Thứ thịt được thọ nhận phải là Tam Tịnh Nhục hoặc Ngũ Tịnh Nhục. Còn chúng ta bây giờ không đi khất thực như đời xưa, đối với người xuất gia thì ở trong chùa có bếp; người tại gia thì cũng nấu nướng ở nhà. Chúng ta tự quyết định việc ăn uống của mình chứ không như thời xưa nữa.

*Người ta biện luận kinh Nykya Đức Phật không bắt phải ăn chay. Chúng tôi thời xưa được học vànghiên cứu 4 bộ A Hàm và đã nghiên cứu rất kỹ. Một thủa nọ Đức Phật đến một vùng để thuyết pháp. Mấy năm liền dân ở đó mất mùa, người dân bản xứ phải giết cả những con vật gần mình nhất để nuôi sống thân mạng qua cơn đói khát đó.*

*Các vị Tỳ Khiêu nói:*

*- Bạch Đức Thế Tôn, mấy ngày nay chúng con đi khất thực không được gì cả.*

*Đức Phật trả lời:*

*- Vì sao?*

*Các Tỳ Khiêu bạch rằng:*

*- Vì người dân ở đây quá đói. Họ không có gì để cúng dàng. Xin Đức Thế Tôn chuyển đi nơi khác.*

*Đức Phật không đồng ý. Ngài nói: Chúng ta đi nơi khác mà nơi khác cũng lại như nơi đây thì sao? Đến một nơi khác nữa ư? Dân chúng khổ thì chúng ta cùng chịu khổ với dân chúng. Nếu có duyên với dân chúng nơi đây thì hãy cứ ở lại.*

*Đức Phật ở đó rồi cảm hóa được vị Quốc vương bỏ tà đạo theo chánh pháp. Đức Vua phát nguyện làm mười điều lành. Ngay lập tức cảm được trời mưa, nhân dân liền thoát được nạn hạn hán. Trong thờigian Đức Phật cho phép đệ tử ở lại nơi đó A Nan Tôn Giả bạch Đức Thế Tôn rằng:*

* *Thời gian ở đây, người ta cúng gì thì chúng con ăn đấy. Họ giết những con vật để ăn, thì họ cũng cúng dàng các vị khất sĩ thịt của các con vật ấy để thọ trai.*

*Đức Phật bảo: Vậy thì họ cho cái gì thì các ông được nhận cái đó. Nhưng với điều kiện: Mắt không thấy con vật ấy chết; Tai không nghe thấy con vật ấy kêu trước khi bị giết; Tthứ ba là không được nhận thức ăn đó khi biết người ta vì cúng dàng mình mà sát hại con vật đó. Đây chính là “Tam tịnh Nhục”. Còn có sách nói Ngũ Tịnh Nhục thì thêm là Thịt con thú con dư lại do loài khác ăn thừa bỏ lại. Đức Phật cho phép đệ tử mình có thể đem thịt đó về để ăn. Con tịnh nhục thứ 5 là thịt con vật đó, khi đi trên đường chúng ta nhặt được thịt đó, nó không có chủ, thì cũng có thể dùng. Còn trường hợp chúng ta mua về để ăn thì không được gọi là Tịnh Nhục nữa. Trong Luật còn nói rằng: Sau thời gian ông vua đã hành mười điều thiện rồi thì trời có mưa thuận gió hòa, nhân dân ấm no trở lại trở lại. Bấy giờ Đức Phật laị cấm đệ tử ăn thịt. Trong kinh a Hàm có kể lại câu chuyện trên. Người ta chỉ vin vào chuyện Đức Phật có cho đệ tử dùng thịt mà họ cũng ăn thịt. Khi quý vị gần những người như vậy thì Tâm Bồ Đề sẽ bị thoái chuyển.*

Bồ Tát Địa Tạng vì sao giáo hóa được các hàng đệ tử đông đến như thế? Mà các đệ tử lại trung thành với Ngài như vậy! Vì Ngài đã kéo họ từ nơi khổ cực nhất. Đó là trong Tam Đồ...Tam Đồ là ba đường khổ Địa ngục, Ngã quỷ, súc sinh. Chỉ có Địa Tạng Bồ Tát là hay qua lại nơi đây thôi. Còn Bồ Tát Quán Âm, Phổ Hiền, Văn Thù thì các Ngài lại thiên về chúng sinh ở các cõi khác. Địa Tạng Bồ Tát được coi là “U minh giáo chủ”, thời gian của Ngài ở những nơi khổ đau cùng cực nhất là giáo hóa chúng sinh ở những nơi đó. Biết đâu trong các vị ngồi đây, có vị đã từng là đệ tử của Ngài Địa Tạng rồi. Thực ra chúng ta đều là đệ tử của Ngài rồi, giờ đây học theo hạnh nguyện của Ngài, noi theo gương của Ngài thì từ hôm nay chúng ta chính là đệ tử của Ngài.

*Tôi ý thức tôi là đệ tử của Ngài đã từ rất lâu rồi. Khi đọc kinh Địa Tạng, cảm động đến trào nước mắt, tôi biết tôi đã có nhân duyên với Người từ rất lâu. Cho nên, khi đọc một bộ kinh nào mà chúng ta có cảm nhận đặc biệt, có niềm tin sâu sắc thì chứng tỏ chúng ta có duyên và từng học bộ kinh đó rồi. Ở đời trước, kiếp trước thậm chí hằng hà sa số kiếp trước chúng ta đã học những bộ kinh đó. Nhưng vì lý do nào đó mà chưa thành tựu, đến kiếp này chúng ta gặp rồi lại học tiếp. Thế còn, khi bình thường chúng ta rất tỉnh táo, nhưng cứ giở kinh sách ra chúng ta lại buồn ngủ thì chúng ta biết cái duyên lành của chúng ta còn ít lắm. Nghiệp chướng chúng ta cũng còn nhiều lắm, cần phải sám trừ cho tiêu bớt. Bản thân tôi từ trước đọc sách viết thì hay bị buồn ngủ, nhưng bây giờ đối với kinh Phật thì tôi lại tỉnh ngay. Đây cũng là nhân duyên mà nhiều đời kiếp đã gieo trồng thiện căn với Tam Bảo vậy. Cho nên chúng ta phải luyện làm sao để gặp được Kinh sách của nhà Phật chúng ta phải vui mừng, hoan hỷ như gặp được những gì trân quý nhất vậy. Nếu mà thấy buồn ngủ, thấy uể oải, mệt mỏi khi đọc kinh thì phải biết sám trừ nghiệp chướng của mình ngay. Nghiệp của chúng ta cứ nặng nề bao đời bao kiếp. Như lúc đầu khi chưa được xuống tóc, mới chỉ làm người tập sự xuất gia, tôi hay bị buồn ngủ, tôi liền lấy 2 que tăm chống vào đôi mắt của mình. Như vậy, cứ nhắm mắt lại tôi sẽ bị đau thậm chí có lần còn chảy máu. Cho nên mọi người nhìn mắt tôi thấy nó có thể rất đỏ như bị bệnh mắt. Chính vì thời gian đầu tôi đã hành nó mấy tháng đầu như vậy.*

Không chỉ nghiệp chướng ở những kiếp trước, mà chính những nhân xấu ở đời này cũng gây quả xấu hiện tiền cho chúng ta. Các oan gia họ từng mất mạng vì mình, như những con cua con ốc mình từng bắt khi còn bé. Thấy mình đi xuất gia, nó sợ mình trốn, chúng sẽ báo thù mình, đòi nợ mình ngay khi ấy. Quý vị tu tập nếu có những chướng nạn thì đứng thoái tâm. Thấy những việc ấy đến thì phải tinh tấn tu hành thêm. Nếu chùn bước thì chứng tỏ mình đã mắc bẫy của Thiên ma rồi. Sai đường một bước thì Biết bao giờ lại có cơ hội làm lại rồi để cầu thành Phật được đây. Tam độc làm chúng ta mê mờ giống như người phù thủy điều khiển âm binh vậy. Chúng ta không học đạo đến nơi đến chốn, không thoát được tham, sân si thì chúng ta chính là những âm binh của Thiên Ma Ba Tuần vậy.

Hãy noi theo các đệ tử của Bồ Tát Địa Tạng. Khởi niềm tin đọc tụng, thụ trì bộ kinh này, dù ai nói ngả nói nghiêng thì ta không có siêu lòng. Họ bảo kinh này do các vị Tổ sư Trung Quốc bịa ra. Chúng ta kệ họ nói. Họ nói thì họ nghe. Họ gieo nhân thì họ gặt quả. Chúng ta chỉ tin một điều là Đức Phật vì thân mẫu mà từ kim khẩu thuyết ra bộ kinh này trên Cung Trời Đao Lợi và trong kinh có rất nhiều giáo lý đi từ thấp đến cao. Tam Tạng của Đức Phật ở trong này, chúng ta tin tuyệt đối vào đó thì dần dần sẽ được viên mãn. Những ngày pháp hội diễn ra ở đây, việc đọc tụng, thụ trì bộ kinh này của chúng ta đã cảm được cả trời đất thế này thì có gì có thể làm lay chuyển lòng tin của chúng ta nữa. Muốn mưa được mưa, muốn tạnh được tạnh. Dù có bậc Tiến sĩ Phật học nào, vị đại biểu Quốc Hội nào nói chúng ta, bảo chúng ra sai đường lạc lối thì chúng ta cũng không bị xao động. Mới đây có bạn sinh viên đưa cho tôi một bài viết, bài đó dẫn chứng ai trì niệm danh hiệu A Mi Đà Phật hoặc A Di Đà Phật cũng là ngoại đạo hết. Và đó chính là vị Tiến Sĩ Phật học một vị Thượng Tọa giữ chức vụ rất cao trong TW giáo hội nói như vậy. Tịnh Độ Tông thì do ông Huệ Viễn là người Trung quốc sáng lập ra. Thiền Tông thì do ông Huệ Năng cũng là người Trung Quốc mở mang và phát triển lên. Đấy chẳng phải là Phật giáo Trung Quốc hay sao. Còn Mật Tông thì là Phật giáo Tây Tạng mà Tây Tạng cũng thuộc Trung Quốc. Cái gì cũng vin vào và gắn mác Trung Quốc. Chúng ta đừng có như vậy khi học Phật. Đừng phân biệt chủng tộc, cũng đừng phân biệt quốc gia. Nếu phân biệt họ thì họ sẽ phân biệt ta, nhân quả rõ ràng. Đức Phật không cho đệ tử của Ngài phân biệt mình là người da trắng, họ là người da vàng, những người kia da đen, da đỏ...Đức Phật và các đệ tử của người đi hành hóa khắp nơi. Nếu Ngài và các đệ tử của Ngài chỉ quan tâm đến Xá Vệ nơi Ngài sinh ra và các người dân nước khác cũng nói rằng: Phật là người nước Xá Vệ, tôi chỉ học giáo lý của đất nước chúng tôi thôi. Vậy thì làm sao mà Đạo Phật có thể tồn tại gần 2600 năm qua và đã lan ra khắp thế giới như bây giờ được.

Trong tất cả các quốc gia, quốc gia nào cũng có kẻ xấu người tốt. Tổ chức nào cũng có kẻ xấu người tốt. Chúng ta không thể chụp mũ tất cả được. Kể cả trong Đạo Phật giờ đây, chúng ta thấy giáo lý của Đức Phật là thuần tịnh, là giải thoát. Nhưng chúng ta thấy Chư Tăng và tín đồ học đạo bây giờ có là thuần tịnh, giải thoát không? Không. Có những vị sư con buôn thuốc phiện, có vị còn chạy theo công nghệ mới nhất, sở hữu điện thoại đời mới nhất... Vậy thì làm sao gọi là thuận tịnh thuần thiện được. Đức Phật phải chấp nhận khi đã thành lập lên tổ chức rồi thì sẽ có những kẻ sẽ phá hoại giáo lý của Ngài. Ngài biết rõ chánh pháp sẽ tồn tại bao nhiêu năm, tượng pháp là bao nhiêu năm, mạt pháp sẽ là bao nhiêu năm. Và con sư tử chúa bị chết là do chính những con trùng trong thân sư tử chứ không phải là những con thú bên ngoài. Vì không có một loài nào có thể dám bén mảng đến con sư tử đó cả. Cũng vậy chính là những người được mang hình dạng của đệ tử Phật mới có thể làm ảnh hưởng đến giáo pháp của Người.

Chúng ta là người ở cõi Ta Bà, bản chất của con người cõi này là tham, sân, si. Tam độc đã huân tập vào ta từ vô thủy kiếp, không thể một sớm một chiều mà trừ bỏ. Gặp duyên một cái là nó bùng nổ lên ngay, không cẩn thận khắc phục thì đệ tử của Đức Phật hay đệ tử của bất kỳ tôn giáo nào cũng bị vướng vào đó. Cho nên, ai khôn khéo hành trì, người đó sẽ thoát ra được. còn người lười biếng, tham lam sẽ bị lôi cuốn vào con đường đó mà thôi.

Trong kinh văn nói: Những chúng sinh trước đây trầm luân, khổ cực, nay đã thành vị bổ xứ bất thoái chuyển.

 Đời này, kiếp này tôi nguyện vãng sinh Tây Phương Cực Lạc đã. Vãng sinh rồi, tôi chắc chắn sẽ dùng một báo thân theo hầu Bồ Tát Địa Tạng bao giờ cho đến ngài thành Phật thì thôi. Các vị có dám làm điều đó giống tôi không? Chúng ta sẽ cùng làm! Khi được vãng sinh rồi thì sẽ phát nguyện với Đức A Mi Đà rằng : Chúng con xin có một hóa thân theo thị giả Bồ Tát Địa Tạng. Ở đâu có hóa thân của Ngài thì con sẽ xin có một hóa thân theo hầu Ngài độ chúng sinh ở đó. Bao giờ hóa thân ở nơi đó của Bồ Tát thành Phật thì hóa thân của con cũng thành một vị Đại Bồ Tát ở bên cạnh Đức Phật đó để hộ trì, trợ duyên giáo pháp cho Ngài. Nếu tôi được vãng sinh Tây phương Cực Lạc trong đời này, chắc chắn tôi sẽ làm được điều đó với Bồ Tát Địa Tạng. Chắc chắn tôi sẽ là một thị giả luôn luôn ở bên cạnh Ngài. Và từ hôm nay cho đến khi nhắm mắt xuôi tay ở thế giới này tôi mãi làm đệ tử của Địa Tạng Bồ Tát. Đem bộ Kinh này khuyến dụ mọi người, khuyên mọi người cùng đọc tụng, thọ trì, cứu độ chúng sinh trong ba đường ác đạo ở cõi này. Và tôi nghĩ Bồ Tát Địa Tạng sẽ chấp nhận điều đó.

Tôi mong các Phật tử ở đây cũng làm được điều đó. Không chỉ 21 ngày này mà mỗi ngày chúng ta tụng được một quyển kinh này thôi thì chúng ta đã được rất nhiều điều lợi ích. Đặc biệt được Bồ Tát Địa Tạng gia trì cho gia đình chúng ta. Còn sống thì được bình yên, thác đi thì vĩnh viễn không còn đọa vào ba đường ác đạo nữa – đó chính là điều quan trọng nhất. Không đọa ác đạo, sống với Tâm Thiện Lành chúng ta không còn khổ đau và cũng sẽ không gây khổ đau cho người khác.

Những ngày còn mang cái thân giả tạm, cái thân nghiệp báo này, ốm đau, bệnh tật chúng ta không quan tâm , điều chúng ta quan tâm nhất là tâm của chúng ta không đau khổ vì điều đó. Có niềm tin sâu sắc như thế thì chúng ta thụ trì kinh của Ngài, chắc chắn sẽ được tốt đẹp.

Các vị đệ tử của Địa Tạng Bồ Tát khi đến cung trời Đao Lợi thì lòng tràn đầy hoan hỷ, cung kính chiêm ngưỡng và cúng dàng các Đức Phật. Các Đức Phật cũng đã hội họp tại trời Đao Lợi chứng minh công đức của Địa Tạng Bồ tát. Chúng ta thấy, nếu trong pháp hội mà có một mình Thích Ca Mâu Ni Phật thì chưa được gọi là tốt mà còn phải có rất nhiều những Đức Phật khác đến chứng minh nữa. Cũng có khi có những Đức Phật đang ở tại đó được thành Phật là do đã được Địa Tạng Vương Bồ tát hóa độ cho. Cho nên nay vị Thầy xưa kia của mình được Đức Phật phó chúc, thọ ký cho thì các Ngài cũng đến đây để chi ân, báo ân với Thầy mình. Tôi chắc chắn tất cả chúng ta hôm nay ở đây sẽ thành Phật trước Địa Tạng Bồ Tát. Vì Ngài phát nguyện “Địa ngục vị không thệ bất thành Phật. Chúng sinh độ tận phương chứng Bồ đề”. Các vị nguyện thành Phật thì quý vị sẽ thành Phật trước Ngài. Như người lái đò tài giỏi, có sức khỏe phi thường, có khả năng phi thường, nếu còn người muốn qua sông thì người lái đó đó không hề từ chối. Người đó không cần phải sang đến bờ bên kia, phải đặt chân đến vùng đất bên kia như những người khách. Người đó vượt trên dòng sông, đi trên dòng sông và bờ này hay bờ kia đều là nhà của người đó rồi vậy.

Bài giảng đến đây tạm dừng chúng ta vào thời tụng kinh Địa Tạng quyển Thượng.

***Giảng Kinh Địa Tạng tập 22***

Chúng ta tiếp tục nghiên cứu phần văn kinh:

***“Bấy giờ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giơ cánh tay vàng, trăm nghìn muôn phúc tướng trang nghiêm và đẹp đẽ, liền làm phép quán đỉnh, xoa đầu mà thụ ký cho các vị hóa thân của Bồ Tát Địa Tạng.”***

 Thế nào là phép quán đỉnh và thụ ký? Tập tục của Ấn Độ thời xưa từ khi Đức Phật chưa xuất hiện thì Đạo Bà La Môn có một phép gọi là phép quán đỉnh. Và chỉ dòng dõi quý tộc mới được làm phép này. Khi Đứa trẻ sinh ra, họ ra lấy nước ởcon sông Hằng và hai con sông lớn khác, rồi nhờ các vị Bà La Môn làm phép rưới lên đầu với ý nghĩa như chúc phúc. Tương tự như ở bên đạo Thiên Chúa thì có lễ là lễ rửa tội. Chính Đức Phật của chúng ta khi mà mới giáng sinh làm thái tử Tất Đạt Đa cũng được các vị Bà La Môn lấy nước ở ba con sông làm phép quán đỉnh cho Ngài.

Nếu ai từng tham giữ các buổi lễ của pháp sư Tây Tạng truyền pháp Mật Tông, thì họ bảo nước của họ được lấy từ những hồ nước thiêng ở trên núi và đã được trì chú bao nhiêu ngày trước khi làm lễ quán đỉnh. Rồi nước đó được các pháp sư vảy lên đầu chúng ta với ý nghĩa là khai mở trí tuệ và ban phước cho chúng ta. Nhưng nếu quý vị chấp vào đó là quý vị đã được khai mở rồi, được ban phước rồi và không chịu tu hành, chỉ ngồi đấy chờ ngày thành Phật thì đó là sai lầm. Hòa Thượng Tịnh Không nói: Nếu chỉ vảy nước như thế mà không chịu tu tập, làm việc thiện thì cứ vài ngày sẽ lại có người thành Phật rồi. Ở đây quý vị phải hiểu đó chỉ là những nghi thức mà thôi.

Trong kinh Địa Tạng này cũng có nghi thức làm phép quán đỉnh đó.

Rồi Đức Phật lấy cánh tay vàng, trăm nghìn phúc tướng xoa đỉnh đầu mà thụ ký cho Bồ Tát Địa Tạng. Chúng ta nhớ Đức Phật có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi tùy hình hảo để trang nghiêm thân thể. Nước da của Ngài thì màu vàng kim, trong Phật giáo duy nhất có hai người có nước da đó là Đức Phật và Ngài Đại Ma Ha Ca Diếp. Cánh tay của Ngài cũng đầy đủ phúc tướng trang nghiêm, khi Ngài giơ tay xoa đầu và thọ ký cho hóa thân của Bồ Tát Địa Tạng. Địa Tạng Bồ Tát sẽ thay Đức Phật giáo hóa chúng sinh khi Ngài nhập Đại niết bàn, dù chúng sinh có cang cướng, ương nghạnh thế nào đi nữa thì Địa Tạng Bồ Tát cũng phải tìm mọi phương tiện để dẫn dắt cho họ tiến tu trên đường đạo rồi được giải thoát.

Địa Tạng Bồ Tát cũng đã nói ra tâm tư và đại nguyện của mình. Đức Phật bảo rằng: Nay đã đến thời, ông cứ nói, nếu ông làm được những việc ấy thì rất tốt. Như Lai sẽ hộ trì cho ông sớm thành tựu những đại nguyện của mình....Đó chính là thọ ký.

Còn có thọ ký cho thành Phật như trong kinh Pháp Hoa, Đức Phật thọ ký cho các vị đệ tử của Ngài. Và cũng chính trong kinh Pháp Hoa chúng ta cũng đã được Đức Phật gầm thọ ký cho rồi. Trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Đức Phật nói: “Tất cả chúng sinh đều có Phật tính, ta là Phật đã thành, chúng sinh là Phật sẽ thành”. Như vậy là hết thảy chúng sinh chúng ta cũng đã được Phật thọ ký cho rồi. Mà trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa Đức Phật nói: Người nào chỉ cần vào nơi chùa tháp Phật mà biết giơ một tay lên, hơi cúi đầu xuống xưng “Nam mô Phật” thôi. Vậy là Đức Thích Ca cũng thọ ký cho những kẻ đó sẽ thành Phật rồi. Một khi chủng tử thiện được gieo trồng trong tàng thức A lại da rồi thì nhân đó sẽ dần dần lớn lên. Đời này, kiếp này vào chùa chỉ khởi được chút tín tâm xưng “Nam mô Phật thôi” đến đời sau thấy người ta đi chùa, sinh tâm tùy hỷ thế là thiện căn tăng thêm một chút. Đời sau nữa lại tăng thêm một chút nữa, khi gia đình hữu sự không may gia đình gặp chuyện rủi ro như có người mất. Nhân duyên đưa họ đến cửa Phật rồi họ tìm hiểu sâu thêm về Phật pháp. Lúc đâu cũng chỉ vì người thân có chuyện nên đến cửa Phật. Khi đến chùa thấy Tượng Phật, Bồ tát tố hảo, cảnh chùa yên bình, họ thấy tâm hồn an lạc khác thường, rồi chư Tăng làm lễ trang nghiêm, lại được gieo duyên đĩa giảng Phật pháp rồi sách Phật giáo....Cứ thế nhân duyên cứ nhiều thêm rồi họ biết quy y Tam Bảo, biết học Phật rồi gieo duyên cho cả những người khác...Tất cả những căn lành đó cứ tiếp tục nảy nở dần trong A lại da của chúng ta. Như có một hạt ngô, gieo được nảy mầm thành cây, rồi cây ra bắp. Cái bắp đó lại gieo ra được nhiều cây khác. Cứ thế từ một hạt bắp ban đầu, bao nhiêu cây bắp được hình thành và vô số hạt bắp được sản sinh. Bồ đề tâm của chúng ta cũng như vậy, nếu chúng ta biết duy trì những chủng tử thiện rồi biết làm lớn thêm thì mỗi kiếp trôi qua chúng ta sẽ có được gần Phật và Bồ tát hơn. Còn nếu tâm chưa kiên cố, chưa đủ phước sinh về các cõi Phật thì có kiếp chúng ta tiến nhưng có kiếp chúng ta lại thoái, đôi khi tiến 1 rồi thoái đến 2, 3. Như câu chuyện của Ngài Xá Lợi Phất thủa móc mắt cho ngoại đạo thì Ngài cũng bị thoát kiểu đó. Mà cũng không cần xen vào chuyện của Ngài Xá Lợi Phất mà chúng ta hãy nhìn lại chính đường tu của chúng ta. Nếu thường gần gũi Chư Tăng mà được nghe giảng, được tu tập với đại chúng tinh tiến, thì tâm Bồ Đề của chúng ta vững mạnh lắm. Cho dù mệt thấy bạn đồng tu lên chùa, chúng ta cũng phải cố lên chùa. Mọi người lên khóa lễ thì chúng ta cũng cố gắng lên khóa lễ. Còn nếu như là ở nhà thì hơi mệt một chút là chúng ta thoái tâm rồi, để tụng kinh sau, để lễ Phật sau. Nhất là mùa đông, trời lạnh chỉ còn 4 đến 5 độ thôi mà phải dạy từ 3 rưỡi, 4 giờ thì thật khó khăn. Rồi thời khóa sáng chuyển thành thời khóa chiều, chiều bận lại đẩy lên thời khóa tối, tối lại thấy truyền hình chiếu chương trình hay lại ngồi xem truyền hình. Ngày này qua tháng khác như vậy ,vậy là chúng ta chẳng thể tiến tu được. Nhưng nếu có đại chúng thì sẽ khác, không lên thời khóa thì không được. Một buổi không lên thì còn được, hai buổi thì vẫn có được châm trước, nhưng đến ba buổi thì Thầy sẽ quở trách, quản chúng sẽ nhắc nhở. Thế nên ở trong chúng cũng có những cái tốt là như vậy, huynh đệ, rồi bạn đồng tu sẽ sách tấn lẫn nhau.

Đức Phật giơ bàn tay trăm nghìn phúc tướng xoa đỉnh đầu Bồ Tát Địa Tạng cũng là thể hiện sự khen ngợi, quan tâm, khích lệ Bồ Tát Địa Tạng. Chúng sinh thời mạt pháp thì càng ngày càng khó độ, cho lên ông phải cố gắng, đừng quên bản nguyện của ông. Đừng thấy khó thấy khổ mà bỏ chúng sinh. Trong thời gian không có giáo pháp của Phật ở đời, Bồ Tát Địa Tạng giáo hóa chúng sinh để dẫn dắt chúng sinh cho đến khi Bồ Tát Di Lặc ra đời thì các chúng sinh đều được giải thoát. Nhỏ thì chứng được quả vị Tu Đà Hoàn, Tu Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán. Lớn thì chứng quả vị Diệu Giác, Đẳng Giác và được thụ ký cho thành Phật.

Sau khi thọ ký xong Đức Phật lại nói rằng:

***“Như Lai từ xưa tới nay, ở trong cõi đời ngũ trược xấu ác, giáo hóa những chúng sinh cang cường, và ương ngạnh, khiến cho họ điều phục, bỏ tà mà theo chính, ước chừng khoảng mười phần, giờ chỉ còn một hai. Như Lai phân thân ra, số lượng nhiều khôn xuể, rộng mở các phương tiện, để giáo hóa chúng sinh”***

Khi Ngài thành Phật ở Ấn Độ thì Ngài chỉ giáo hóa được cho mấy vạn Tăng, Ni xuất gia và phật tử tại gia thôi, còn so với dân số trên thế giới thì cũng chỉ chiếm được một phần nhỏ. Vậy mà sao ở đây Đức Phật bảo đã độ hết tám chín phần rồi, giờ chỉ còn một hai thôi? Chúng ta biết chúng sinh cang cường, ương ngạnh ở đây không chỉ ở mỗi cõi Nam Diêm Phù Đề này mà là khắp trong tam thiên, đại thiên thế giới của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giáo hóa.

Trong Kinh Phạm Võng nói: Đức Phật Thích Ca Mâu Ni của chúng ta cái thế giới mà Ngài thị hiện pháp thân để cứu độ chúng sinh thì gọi là Đức Phật Lô Xá Na, đó mới chính là Bổn môn hoặc bổn tôn của Thích Ca Mâu Ni Phật, đó mới là cõi hóa độ của Ngài. Còn cõi Nam Diêm Phù Đề thì Ngài thấy chúng sinh ở cõi này đau khổ quá, đại đa số chúng sinh đau khổ thì đầu thai về cõi đất của chúng ta. Chúng ta chỉ khá hơn chúng sinh ở núi Thiết Vi mà thôi. Vì núi Thiết Vi thì toàn Địa Ngục, toàn chúng sinh khổ mà nỗi khổ này là từ những nghiệp ác của chúng sinh trong cõi Nam Diêm Phù Đề mà sinh ra vậy. Địa Ngục này chẳng phải do Phật, do Diêm Vương, do Thượng Đế xây lên.

Bổn tôn của Đức Phật Thích Ca chính là Đức Lư Xá Na, mà cõi của Đức Lư Xá Na cũng trang nghiêm, thanh tịnh, bao la rộng lớn không kém cõi Tây Phương Cực Lạc của Đức A Mi Đà. Nơi đó chính là nơi mà các đệ tử được Đức Phật giáo hóa thành tựu rất lâu rồi thì ở thế giới đó. Có hằng hà sa số các hàng Bồ tát từ Bổ xứ cho đến hàng đã chứng được thập địa ở trong đó.

Vậy tại sao Đức Thích Ca không dạy chúng ta cầu sinh về đó, về với Bổntôn của Ngài mà lại dạy chúng ta cầu sinh về Tây Phương Cực Lạc. Vì đây là nhân duyên, nhân duyên đặc biệt mà chỉ Phật với Phật mới biết được. Chúng ta bây giờ có nói thì cũng chỉ là suy đoán thôi.

Một đời thuyết giáo của Thích Ca Mâu Ni Phật không chỉ có 49 năm thuyết giáo, mà trong Kinh Pháp Hoa phẩm Như Lai Thọ Lượng có nói: Đức Phật đã thành Phật từ thời rất lâu xa rồi. Có hằng hà sa số, vô lượng vô biên chúng sinh được Ngài cứu thoát khỏi sự trầm luân, tự do tự tại ngoài vòng sinh tử. Vô số các vị Bồ tát đã được thành tựu. Còn có vô số các vị Tòng Địa Dũng Xuất cũng là đệ tử của Ngài nữa. Học Phật dần dần tìm hiểu, chúng ta sẽ mở rộng ra như vậy. Cuộc đời giáo hóa của Ngài không chỉ có 49 năm chuyển bánh xe pháp ở đây vậy.

Phật thuyết tám vạn bốn ngàn pháp môn để đáp ứng tất cả các căn cơ. Muốn ngồi thiền thì có Thiền Tông, muốn trì chú thì có Mật Tông, Niệm Phật thì có Tịnh Tông, học giáo thì có Duy Thức Học...nhẫn đến người chỉ muốn tu phúc để lên cõi Trời thì có Thiên thừa, Nhân thừa cho họ tu.

*Trở lại câu hỏi của Phật tử trong bài giảng ngày hôm qua về thắc mắc của anh trai Phật tử đó. Đại ý của câu hỏi là :Tại sao lại cứ mang vàng, bạc, tiền tài hương hoa để cúng dàng cho người đã từ bỏ mọi thứ để đi xuất gia, ngay cả khi giờ đây vị đó đã thành Phật rồi, viên mãn mọi thứ rồi, mà vẫn cúng dàng như vậy. Mang của cải, đồ ăn thức uống đến cúng chùa làm gì, Ngài đã xả bỏ hết rồi mà.*

*Quả thật sau khi thành đạo, đức Phật chỉ ăn có một bữa một ngày. Ngài cũng không tiếp nhận vàng bạc, châu báu cho bản thân làm gì cả. Nhưng vì lập chúng, độ tăng, hoằng dương chính pháp, cứu độ chúng sinh. Mà chúng sinh càng ngày càng về thời mạt pháp thì Đức Phật đã thấy rõ rằng họ quan tâm nhiều đến hình tướng. Phải có hình tướng tốt, đẹp đẽ thì mới theo, chứ không có hình tướng thì không theo. Thời xưa nhờ vào nhờ vào đức hạnh của Ngài, mà dù trời có mưa có nắng thế nào thì nếu là giờ thuyết pháp thì các đệ tử của Ngài vẫn cứ ngồi nghe thuyết pháp. Mà không chỉ chúng ngồi nghe mà vào những ngày nghỉ thì tám vị vua ở các nước lớn lúc bấy giờ cũng thường xuyên đến nghe Đức Thích Ca thuyết pháp. Đức Phật gồi dưới gốc cây thuyết pháp thì các vua cũng ngồi bệt xuống đất để nghe pháp. Quốc vương, đại thần cũng ngồi vậy. Còn chúng ta bây giờ nắng cũng không chịu được. Những chiếc ghế trong nhà pháp hội đây nếu cách xa quạt thì không ai ngồi cả. Thời mạt pháp này thực sự tâm cầu đạo không còn tha thiết như xưa nữa. Khi xưa Tổ Huệ Khả cầu pháp tổ Đạt Ma, Ngài quỳ 3 ngày 3 đêm, tuyết phủ lạnh cứng hết người mà Ngài vẫn cứ quỳ. Chiếc lều được người ta dựng lên để che tuyết cho Ngài đổ xuống mà Ngài vẫn quỳ ở đó, không lay động. Nhưng sức người cũng có giới hạn, Ngài cũng đổ bệnh, các vị tăng đem Ngài về chùa chăm sóc, bình phục rồi, tổ lại tiếp tục lên núi quỳ ở đó để cầu pháp. Quỳ đến mấy ngày, tổ hỏi:*

* *Ông đến để cầu gì?*
* *Bạch tổ, con đến để cầu pháp.*
* *Pháp mà cầu dễ dãi thế ư?*

*Ngài Tuệ Khả khi ấy liền chặt đứt cánh tay của mình để dâng lên cúng dàng Tổ Bồ đề Đạt Ma. Sau đó tổ Bồ Đề Đạt Ma chín năm ngồi quay mặt vào vách núi, khi đó mới trở ra và hỏi:*

* *Con cầu gì?*
* *Tâm đệ tử không an, đệ tử đến đây để cầu pháp an tâm.*
* *Con đem tâm con ra đây, ta sẽ an cho.*
* *Con tìm mãi mà không thấy Tâm đâu cả.*
* *Vậy ta đã an tâm cho con rồi đó.*

*Nghe một câu nói vậy thôi mà tổ Huệ Khả đại triệt đại ngộ. Rồi sau này được Tổ Đạt Ma truyền tâm ấn cho và làm tổ tiếp theo tổ thứ 29 của Thiền Tông Ấn Hoa.*

*Chúng ta thấy các Tổ ngày xưa đã cầu pháp một cách tha thiết như vậy đấy. Còn chúng ta ngày nay thì sao?Nóng một chút không chịu được, lạnh một chút cũng không chịu được, mưa gió lại càng lùi bước nữa.*

Cho nên nếu không xây chùa thì không có nơi để thờ cúng, giảng đường để học tập và nơi để tu tập. Mà xây thì phải có kinh tế, nếu Đức Phật không cho tiếp nhận tịnh tài, tịnh vật đó để xây dựng thì Phật pháp tuyệt nhiên sẽ không thể tồn tại được.

Đức Phật còn tại thế thì còn dựa vào uy đức của Ngài, Ngài đi đến đâu thì Phật Bảo có ở đó rồi. Chư Tăng xuất hiện ở đâu thì ngôi Thánh Tăng Bảo ở đó rồi. Nhưng bây giờ Chư Tăng, 1000 người xuất gia chưa được một người chứng quả Tu Đà Hoàn. 1 vạn người xuất gia thì may mới có 1, 2 người chứng được. Hòa Thượng Tịnh Không nói: “Nhìn khắp thế gian bây giờ không được 4 vị tăng thanh tịnh.” Vậy thì làm sao mà có được A La Hán xuất hiện, trừ rằng thỉnh thoảng có những vị A La Hán hoặc Bồ Tát tái thế độ sinh. Các Ngài rất âm thầm, không có gì lớn lao cả. Khi mà cần thiết thì các Ngài mới để cho chúng ta biết mà thôi, như Bồ Tát Thích Quảng Đức tự thiêu để phản đối chính quyền Ngô Đình Diệm và Ngài để lại trái tim xá lợi. Đọc bức thư của Ngài để lại cùng minh chứng Trái Tim Bất Hoại chúng ta mới biết Ngài là một vị Bồ Tát thị hiện để cứu nguy cho Phật giáo Việt Nam và góp phần không nhỏ vào việc giải phóng dân tộc nữa. Thế giới trấn động, báo chí phương Tây đổ xô về Việt Nam để tìm hiểu, đăng tin về Việt Nam, khi ấy người trên thế giới mới có một nhìn nhận khác về đất nước ta, về tình hình quân đội Mĩ ở Việt Nam và chế độ Ngô Đình Diệm lúc đó.

Phật, Bồ Tát và các vị Thánh Tăng ít khi hiện ra trong lúc mạt pháp này, cho nên chúng sinh chỉ thích hình tướng. Đến chùa thì phải chùa to không biết ở đó có phải là nơi tu hành hay không. Như chùa Bái Đính ở nước ta chẳng hạn, đây được xây dựng từ một doanh nghiệp và đầu tư thành một khu du lịch chứ giáo hội không có quyền hành gì cả. Chúng ta biết Tam bảo phải bao gồm cả Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo. Chùa lớn được xây dựng lên nhưng không có Pháp Bảo, không có Tăng Bảo ở đó thì nhân dân đến đó tham quan, du lịch cũng chỉ mang hình thức chiêm lễ. Còn cái chính là linh hồn của Phật giáo đó chính là giáo pháp của Đức Phật thì không tồn tại. Vì là khu du lịch lên các nhà hàng phục vụ thịt thú thì mọc đầy quanh chùa. Đi lễ chùa phải dùng tâm chân thành, thanh tịnh vậy mà còn ăn thịt, uống rượu, bia thì liệu những người đó có chân thành, thanh tịnh và quy y về Tam Bảo nữa không. Đối với những người đi chùa như vậy thì lợi ích không thấy đâu mà chỉ gây ra lỗi lầm thôi. Vậy mà người ta vẫn đến đó thôi, vì đó là ngôi chùa lớn nhất Đông Nam Á mà. Điều này có đúng chánh pháp không, tôi khẳng định là không. Trong Kinh Địa Tạng cũng nói đến những đoạn là lấy Phật pháp để kinh doanh, Đức Phật cũng nói đến có những kẻ lợi dụng nơi chùa tháp, giả làm Tăng Ni, cạ tóc, mặc áo thậm chí thọ giới pháp, đắp y như một vị sư nhưng những điều họ làm hoàn toàn trái với những gì Phật dạy.

*Có những người chỉ nghỉ là xây chùa to, đẹp đã là tuyên dương Phật pháp, xây chùa lên người dân biết đến lễ đó đã là gieo duyên Tam Bảo với họ rồi. Nhưng quý vị có nhớ phim Tây Du Ký chúng ta từng xem không? Có những ngôi chùa mà bốn thầy trò Đường Tăng đi đến, ngôi chùa rất lớn, rất to, tượng Phật, Bồ Tát, A La Hán đầy đủ. Nhưng tượng ở trên lúc thì là Phật, lúc thì là quỷ. Đường Tăng, Sa Tăng, Chư Bát Giới không nhìn thấy được, lễ lạy rất thành kính. Nhưng chẳng thấy Phật và Bồ tát đâu mà thay vào đó những kẻ kia hiện nguyên hình và bắt mấy thầy trò đòi ăn thịt. Tôn Ngộ Không nhìn thấy nhưng không can gián được sư phụ lên phải bỏ chạy rồi đi cầu cứu Bồ Tát mới thắng được rồi cứu được sư phụ. Tác giả Ngô Thừa Ân cũng đã bám rất sâu sát thực tế trong thời Mạt Pháp này vậy, đặc biệt là Trung Quốc lúc bấy giờ.*

*Chúng ta biết trong thời gian vừa qua Thầy Thông Lạc trong miền Nam bài bác những người tu theo Đại Thừa là ngoại đạo. Vì Thầy đó đưa ra toàn những điểm yếu nhất của những người được xem là theo Phật giáo Bắc Tông bây giờ. Sư thì tới hơn 90% là đi cúng để kiếm tiền thậm chí là đi nhảy đồng. Người đi tu thì đa phần ăn thịt, uống rượu...Thầy đó đưa ra toàn bằng chứng như thế và chính những người Phật tử khi đến nhiều chùa họ cũng thấy những sự việc như vậy. Rồi gần như 100% các sư bây giờ ăn hai bữa hoặc ba bữa trong ngày, trong khi thời xưa Đức Phật trì trai, tức là ăn một bữa và không ăn quá 12 giờ trưa. Thầy đó đưa ra dẫn chứng như vậy và nói nếu sư mà ăn hai bữa, ăn quá Ngọ thì đã không phải là người xuất gia nữa rồi. Vậy là Phật tử cứ thế tin theo, sư nào tu theo Bắc Tông là ngoại đạo hết. Ông còn nói ông sẽ là người khôi phục lại Phật giáo Nguyên Thủy tại Việt Nam, để cho mọi người biết đến đạo Phật chân chính như thế nào. Chính vì ông cũng có cơ sở để lý luận cho lên mới nhiều người theo. Nhưng không may là ông đã đi quá đà rồi trở thành báng người khác để mà tôn mình thì đây chính là những điều tối kỵ trong Phật Pháp. Chính vì vậy mà ông cũng không làm được những gì lớn cả. Còn nếu ông chỉ thuyết về khổ hạnh, rồi hành khổ hạnh để mọi người theo, lấy đó là tấm gương thì chắc chắn ông sẽ thành công. Cho nên chúng ta thấy tu hành thời Mạt Pháp khó khăn là ở những chỗ như vậy.*

Trở lại câu hỏi trên thì đó chính là vì Đức Phật muốn dùng phương tiện, khiến cho các chúng sinh biết xả ly, biết bố thí, cúng dàng để gieo phúc. Đức Phật và đệ tử của Người như ruộng phước điền cho chúng sinh gieo trồng những hạt giống tốt đẹp của mình xuống. Nếu Đức Phật không làm ruộng phước điền thì chúng ta đâu có đất mà gieo hạt giống lành với Tam Bảo. Và như thế nếu tham thì cứ tham mãi, sân si thì cứ sân si mãi rồi theo ba con rắn độc ấy mà đời đời kiếp kiếp trôi lăn trong sinh tử nhọc nhằn. Đáng thương xót biết bao nhiêu. Vì vậy, mà người tham lam Đức Phật dạy họ phải biết cúng dàng, từ chỗ cúng dàng rồi dần dần biết bố thí...khiến cho họ dần dần tiến tới xả ly từ vật chất rồi đến thân tâm. Ngôi chùa có trang nghiêm, có bình an, có sáng sạch thì đó chính là sự trang nghiêm của của chính những vị Tăng Ni và Phật tử nơi đó đối với Tam Bảo. Ngôi chùa có sự trang nghiêm thanhtịnh thì chính nhân nhân khu vực đó cũng được lợi lạc rất nhiều. Tín đồ Phật tử thập phương khi đến, nhìn thấy ngôi Tam Bảo như vậy thì cũng khởi tâm cung kính ngay. Rồi dần dần họ tìm hiểu, nếu chư Tăng tu hành tốt thì họ sẽ thường lui tới để lễ bái, tu học Phật pháp. Đó là một trong rất nhiều những lý do mà Đức Phật tiếp nhận sự cúng dàng của thập phương tín thí. Như chúng tôi chẳng hạn, được phép tiếp nhận, nhưng nếu là tiếp nhận rồi để làm tài sản riêng cho mình hay mang về xây nhà cửa cho cha mẹ chúng tôi thì đó là điều không chấp nhận được. Có những ngôi chùa, chánh điện thì đổ nát nhưng phòng của sư trụ trì thì đẹp đẽ, tiện nghi thì vị sư đó tiếp nhận sự cúng dàng đó chắc chắn là sai. Quan điểm của tôi ngôi Tam Bảo luôn phải trang nghiêm và đẹp nhất, bất cứ ngôi chùa nào tôi trụ trì thì đó là nơi tôi quan tâm nhất đó là ngôi chánh điện. Phật Bảo, Pháp Bảo phải được chú trọng nhiều nhất, còn những người xuất gia như chúng tôi phải nhờ có Phật thì mới được xuất gia, chúng tôi chỉ là những người con bước theo chân chư Phật mà nương tựa vào các Ngài mà thôi. Trên thì khất cầu giáo Pháp của Đức Phật, dưới thì phổ độ chúng sinh, hướng chúng sinh biết bỏ ác, làm lành, lánh dữ hành thiện. Từ đó tạo thêm một chút phúc báo cho mình ngõ hầu sớm đạt được quả vị giải thoát, sớm ra khỏi tam đồ lục đạo.

***“Như Lai phân thân ra số lượng nhiều khôn xuể rộng mở các phương tiện, để giáo hóa chúng sinh.”***

Chúng sinh vô lượng vô biên, phiền não là vô lượng vô biến, Đức Phật cũng phải phân thân vô lượng vô biên để giáo hóa chúng sinh. Như vậy để biết, Ngài không chỉ dùng một hó thân này đâu, mà có vô lượng vô biên những hóa thân khác cũng đang giáo hóa chúng sinh.

 ***Hoặc có được những người, lợi căn và thông minh, vừa nghe đã hiểu được, liền tin và làm theo; hoặc lại có những kẻ, căn tính hay chậm lụt, phải dạy bảo nhiều lần, lâu ngày mới thành tựu; hoặc lại có những kẻ, tội nghiệp nặng sâu dày, chẳng tin vào tội phúc, cũng chẳng lòng kính ngưỡng.”***

Ở đây Đức Phật nêu ra ba loại điển hình. Các chúng sinh có nhân duyên sâu dày khác nhau. Người thì dễ dàng giáo hóa, người thì cang cường, khó độ. Có những người từ khi còn nhỏ đã thích lên chùa lễ Phật tụng kinh là người hiền thuận, tài đức. Nhưng cũng có những người vài chục năm không bước chân vào cửa chùa, nhắc đến đi chùa, lễ Phật, cúng dàng là họ khó chịu, cho là mê tín là lạc hậu, nhưng chỉ đến khi họ gặp những đau khổ tột cùng trong cuộc đời thì họ mới chịu lắng đọng tâm tư một chút ít và hướng đến cửa Phật. Chung quanh chúng ta nhiều vô số những trường hợp như thế.

***“Những loại chúng sinh ấy, có vô lượng vô biên, hết thảy đều khác nhau. Như Lai khởi từ mẫn, phân thân ra vô số độ thoát cho hết thảy các loại chúng sinh ấy. Hoặc lại phải hiện ra thân thể của đàn bà, hoặc lại phải hiện ra thân thể của đàn ông; hoặc lại phải hiện ra thân Thiên, Long, Quỷ, Thần; hoặc lại phải hiện ra cảnh Núi, Rừng, Sông, Suối; hoặc lại phải hiện ra các sông cái, sông con; hoặc lại phải hiện ra các giếng nước, ao hồ...Tất cả đều là vì độ thoát cho chúng sinh.”***

Chư Phật, Bồ tát giáo hóa chúng sinh, các Ngài tùy duyên mà hóa độ. Đức Phật không chỉ dùng báo thân Phật mà hóa độ cho chúng sinh. Đọc Quán Âm truyện ký chúng ta thấy Bồ tát Quán Âm cũng vậy. Ngài thị hiện rất nhiều thân để hóa độ chúng sinh.

*Có một câu chuyện kể về Quán Thế Âm Bồ Tát thị hiện ra đời 18 năm trời chỉ để hóa độ cho một vị Tăng mà thôi. Ngài quán thấy vị Tăng này đã nhiều đời, nhiều kiếp tu hành rồi mà vẫn chưa đắc đạo. Vì vị còn dính vào một nghiệp duy nhất là ham sắc đẹp của nữ giới, ngoài ra vị này đã làm được nhiều việc rất tốt. Ngài thị hiện làm con trong một gia đình trung nông. Cô gái này vô cùng xinh đẹp, cầm kỳ thi họa, nết na thùy mị cái gì cũng giỏi cả. Vì vậy mà rất nhiều gia đình quan lại và quý tộc muốn hỏi cô làm vợ nhưng cô đều lắc đầu. Bố mẹ cô rất thương cô nên cô không đồng ý thì cũng không bắt ép. Nhưng có một người ở làng bên cạnh, một hôm đi qua nhà và trông thấy cô rồi đem lòng thương cô tha thiết. Người con trai này gia thế lại nghèo hơn nhà cô gái kia, nhưng cũng thuyết phục cha mẹ sang hỏi để lấy cô về làm vợ. Bố mẹ vì thương con trai mà cũng đánh liều sang hỏi cô làm vợ. Không ngờ cô gái và cả gia đình cô đều vui vẻ đồng ý. Đến ngày đón dâu, cô gái thị hiện ra bị ốm bệnh rồi ra đi với một lời trăn trối rất khéo léo rằng: Thiếp rất yêu chàng, nhưng duyên số của chúng ta đời này, kiếp này chắc không ở được với nhau. Khi mất đi không biết thần thức thiếp sẽ đi về đâu. Xin chàng ở lại làm những điều thiện lành, phúc đức để siêu độ cho thiếp.*

*Nghe vợ trăn trối như vậy, anh ta đau đớn, tìm đến chùa xin làm lễ cầu siêu. Gần thầy trụ trì, tìm hiểu giáo lý của Đạo Phật. Anh ta hiểu rằng Đạo Phật không chỉ có khả năng cứu giúp những người đã chết mà còn cứu độ được cả những người đang sống. Chẳng bao lâu sau, anh xin cha mẹ đi xuất gia. Thương con, cha mẹ anh ta cũng lại đồng ý cho con trai đi xuất gia. Không bao lâu, với lòng chân thành cầu Đạo mà vị này trở thành một vị cao tăng và rồi cứu độ rất nhiều chúng sinh. Chúng ta thấy Quán Âm Bồ Tát chỉ độ có một vị thôi mà Ngài mất 18, 19 năm trời làm hóa thân của một người nữ, sinh vào trong nhân gian để độ cho vị đó.*

*Chúng ta cũng chỉ có con mắt thịt này thôi, nên không thể thấy Phật và Bồ tát hóa hiện thành một người nào đó để trợ duyên cho mình và người khác tu tập. Bồ tát Quán Âm cũng có thể thị hiện là người rất bình thường thôi để hóa độ chúng sinh. Không nhất thiết phải phóng hào quang, không nhất thiết lúc nào cũng phải bi trí như Bồ tát. Chỉ khi các Ngài rời bỏ tấm thân giả tạm này, thì chúng ta mới biết.*

Ngài Hàn Sơn và Thập Đắc là hóa thân của Văn thù và Phổ Hiền Bồ Tát, hơn 30 năm các Ngài chỉ là những người rất bình thường. Một người chuyên nấu cơm, một người chuyên quét chánh điện, trải bồ đoàn cho Tăng Ni ngôi thiền. Khi có người phát hiện thì các Ngài cùng nhau vào trong núi, cười khà khà rồi không bao giờ trở lại nữa.

Phật không chỉ thị hiện ra thân Người, thân hữu tình chúng sinh mà còn hiện ra núi, rừng, sông, suối....

Chúng ta đừng nghĩ chỉ chúng sinh hữu tình mới có Phật tính. Chúng sinh vô tình cũng có Phật tính vậy.

Câu chuyện một vị thiền sư bên Trung quốc, khi Kinh Đại Niết Bàn và kinh Pháp Hoa chưa được các pháp sư Ấn Độ dịch sang tiếng Trung. Ở Trung Quốc vẫn chủ chương là ‘Nhất xiểng đề không thể thành Phật’’.Nhất xiểng đề là chỉ những người phạm tội ngũ nghịch. Đã đọa Địa Ngục A Tỳ thì mãi mãi sẽ không có ngày ra và không bao giờ được thành Phật nữa. Nhưng vị Thiền sư kia tu thiền và có tu có chứng, Ngài chủ trương Nhất xiểng đề vẫn có thể thành Phật, miễn là vị đó biết hồi đầu chuyển ý, biết ăn lăn, sám hối những tội của mình thì vị đó vẫn có thể thành Phật. Khi đó vị Thiền sư này bị cho là ngoại đạo vì đi ngược lại giáo pháp của Đức Phật. Nhiều pháp sư khác tâu với vua là hãy tẩn xuất vị Thiến sư kia ra khỏi quốc gia mà không cho hành đạo nữa. Vị Thiền sư thấy nhân duyên hóa độ của mình chưa tới, Ngài lên ẩn cư trên núi cao và hàng ngày vị đó cứ ra một bãi đá và ngồi thuyết pháp cho đá nghe. Một hôm Ngài thuyết đến đoạn là “Nhất xiểng đề cũng được thành Phật”, rồi nói rằng: Tôi nói như vậy, các ông có tin không? Khi nói như vậy xong thì những hòn đá xung quanh ông đổ xuống và gật đầu. Điều này biểu thị những hòn đá khi nghe thiền sư thuyết pháp thì đều biết hết. Vô tình chúng sinh cũng có thể thành Phật. Khi học Phật đến cao tột rồi chúng ta mới có thể hiểu được điều này.

 Đức Phật còn hiện ra các giếng nước, ao, hồ. Có những dòng sông, dòng suối trên thế giới rất linh thiêng. Nhiều người cho rằng khi được tắm, được uống nước nơi con sống đó thì có thể được khỏi bệnh, rửa sạch tội lỗi, thậm chí dùng nước ở đó còn sớm được đắc đạo vv...Vì họ có niệm tin như thế nên Đức Phật có thể thị hiện ra những con sông hay ao hồ như thế. Để họ cầu gì mà hợp đạo đức và nhân quả thì sẽ khởi tín tâm, khởi bồ đề tâm vv...

Như trên chùa Tản Viên, khi mới đầu lên trên đó rừng thiêng nước độc, ă nước đó vào hay tắm nước ở đó là nổi ngứa. Tôi cũng xin Phật và Bồ tát, sơn thần, thổ địa gia trì: “Nếu con thực sự có nhân duyên xây dựng ngôi chùa để hoằng pháp ở chốn núi tổ này, thì con xin đào được một chiếc giếng nước ở đây.”

Đêm hôm đó ngủ, tôi mơ thấy một vị tóc dài bạc phơ nói rằng: Tôi là sơn thần cai quản núi này, ngày mai Thầy ra đào nước ở chỗ này, chỗ này thì sẽ có nước để cúng Phật, để hoằng pháp. Hôm sau, tôi gọi chú máy xúc và nói hãy đào chỗ này, chỗ này lên. Chú ấy ngạc nhiên hỏi: Thầy có nói đùa không? Là gì có chuyện đạo được giếng ở trên đỉnh núi Ba Vì này?

Đào được khoảng 2 mét thì có một hòn đá rất to, máy đào 2 ngày thì cậy được hòn đá và thêm một chút nữa thì nước bung lên từ đó. Hai ba mạch nước to như ngón tay chảy ra và giếng từ đó không bao giờ cạn. Nhiều trường hợp vợ chồng lấy nhau rất lâu rồi mà không có con cái, hay ốm đau lâu ngày mãi mà không khỏi. Tôi bảo họ hãy đảnh lễ rồi xin nước đó rồi uống. Đầu năm họ xin thì cuối năm họ đến lễ tạ vì những điều họ mong cầu đã thành hiện thực.

Ở chùa Hương có hòn đá như hình một bà mẹ mang bầu, nhiều người cầu con họ đến xoa vào hòn đá với mong muốn họ sẽ sớm có con. Một thời gian sau họ có tin vui thật. Họ tán thán Phật Bà Chùa Hương thật linh thiêng. Chúng ta phải hiểu rằng không phải hòn đá có sức thần, hay nhiệm màu mà đó chính là vì với tâm chân thành, tha thiết. Họ cảm được sự gia trì của Quán Âm Bồ tát đến với họ. Năng lượng từ bi của Ngài tràn ngập mọi nơi, chúng sinh có cầu thì Bồ tát sẽ có ứng. Như trong Kinh Phổ Môn Đức Phật đã nói: Muốn cầu con trai thì liền sinh được con trai, phúc đức trí tuệ, đa văn khỏe mạnh. Muốn cầu con gái thì liền sinh được con gái tướng mạo đoan trang, nết na thùy mỵ. Một niệm quy y Tam Bảo, quy y Quán Âm Bồ Tát, Địa Tạng Bồ Tát, một niệm hồi đầu cũng đủ làm tội chướng cũng được tiêu trừ, tội tiêu thì phúc đến. Trước đây họ không có con vì họ mang tội chướng không có con để lối dõi, hoặc chưa có những người đủ phước đức để được làm con họ. Nay phước đức, nhân duyên của cả hai bên đã đủ thì người muốn có con sẽ được có con, người được thân người tu tập, làm người tài đức sẽ có được thân người. Những hương linh đã được Bồ Tát giáo hóa, họ đã biết quy y Tam Bảo, được ở bên học tập theo hầu Quán Âm Bồ Tát, Địa Tạng Bồ Tát nay đã có phúc để được thân người sẽ đi đầu thai để làm con cái những người cha mẹ kia.

Nhiều trường hợp phải dùng đến phương tiện, phải có sự nhiệm màu thì chúng sinh mới tin tưởng. Nhờ tin tưởng mà họ phát tâm tu tập. Từ những nhân duyên đó mà đem lòng tôn kính Tam Bảo. Đó chính là những nhân duyên để sau này thành tựu trên con đường Bồ đề.

Trong thế giới tâm linh có những sự màu nhiệm mà chúng ta khó có thể hiểu thấu đáo, cảnh giới của Phật và Bồ Tát, hay của các chúng sinh khác chẳng phải là cảnh giới của chúng ta. Chúng ta chỉ có thể tư duy rồi cảm được phần nào thôi.

“***Còn hiện ra thân Đế Thích, Phạm Vương.”***

Đế Thích là vua cõi trời Đao Lợi. Phạm Vương là vua cõi Trời Đại Phạm là cõi thứ ba của cõi trời Sắc Giới.

***“...Thân Chuyển Luân Thánh Vương, thân Cư sĩ, Quốc Vương, Thân Tể phụ, Quan lại. Nhẫn đến thân Tỷ Khiêu và Tỷ Khiêu Ni, thân của Ưu Bà Tắc, thân của Ưu Bà Di, cho đến hiện các thân Thanh Văn và La Hán, thân Bích Chi, Độc Giác, thân Bồ Tát, thân Phật..Như Lai chẳng những dùng, một báo thân Phật này, giải thoát cho chúng sinh, trong các đường ác khổ”.***

Đức Như Lai lại một lần nữa khẳng định rõ, Ngài không chỉ dùng một báo thân này để giáo hóa cho chúng sinh như mọi người nhìn thấy và biết được khi Ngài thị hiện thành Phật tại Ấn Độ mà thôi đâu, mà Ngài dùng rất nhiều hóa thân để độ cho chúng sinh nữa. Chúng ta không thể nhìn bằng con mắt phàm tình mà phán xét mọi người và luôn cho rằng cái nhìn của chúng ta là chính xác. Đúng như Tổ Ấn Quang đã dạy “...Hãy nhìn tất cả mọi người như Phật và Bồ Tát, còn ta chỉ là kẻ phàm phu...” vậy. Nếu cung kính hết thảy mọi người, mọi vật quanh ta như cung kính Phật và Bồ tát thì con đường tu hành của chúng ta dù có vấp phải khó khăn và chông gai thế nào đi nữa thì chúng ta cũng sẽ giữ được nụ cười giải thoát và đôi chân chúng ta sẽ vẫn bước được những bước bình an và vững trãi trên con đường Bồ Đề.

Thời gian đã hết, chúng ta vào thời tụng kinh Địa Tạng quyển Thượng.

**Giảng Kinh Địa Tạng Bài 23.**

Chúng ta nghiên cứu phần kinh văn tiếp theo: ***“Lúc bấy giờ, Bồ Tát Địa Tạng Ma Ha Tát dùng vô lượng hóa thân để thâu lại thành một, nước mắt Ngài trào dâng mà bạch với Phật rằng: Con từ bao kiếp tới nay nhờ Đức Phật tiếp dẫn, khiến con được trí tuệ và thần thông tự tại, nhiều vô lượng vô biên chẳng thể nghĩ bàn được, nên con mới phân thân, biến khắp ở mười phương, như trăm nghìn vạn ức, số cát của sông Hằng.”***

Qua đoạn kinh văn này chúng ta thấy hạnh tu của Bồ Tát Địa Tạng, và chính chúng ta cần phải noi theo tấm gương của Ngài mà tu tập. Học Phật, đọc tụng kinh sách của Phật chúng ta cần phải tìm hiểu, nghiền ngẫm giáo lý ấy để mà tu chứ không phải hằng ngày cứ lên thời khóa, đọc luyến thoắng, sao cho nhanh sao cho “hoàn thành chỉ tiêu” là mình đọc được bao nhiêu, bao nhiêu lần, bao nhiêu bộ kinh. Tất nhiên đọc tụng nhiều lần chúng ta cũng có công đức, có sự huân ướp, gia trì của việc đọc kinh, tụng kinh. Và khi chúng ta biết áp dụng những điều kinh điển đã dạy vào cuộc sống hằng ngày thì lợi ích, phước đức và công đức sẽ được nâng lên gấp bội phần. Trong các bài giảng chúng tôi thường nhấn mạnh đến “đọc tụng, thụ trì” chứ không phải chỉ “đọc tụng” không là vì lẽ đó.

 ***“Bồ Tát Địa Tạng Ma Ha Tát”*** : “Ma ha” tức là lớn. Ngài chính là một trong bốn vị Bồ Tát lớn mà chúng ta thường gặp trong kinh điển đại thừa. Ngài sánh cùng với Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù và Phổ Hiền Bồ Tát. Trong kinh nói Địa Tạng Bồ Tát đã chứng được quả vị Đẳng Giác từ lâu xa, số kiếp đó không thể nghĩ bàn, không thể tính đếm, tức là Ngài đã ở quả vị Diệu Giác và Viên Giác rồi. Bồ Tát Địa Tạng vẫn chưa chịu thành Phật chính vì tâm nguyện độ sinh của Ngài. Chúng sinh còn khổ thì Ngài chưa chịu thành Phật.

Tất cả các hóa thân khi ấy đều thu lại thành một là chỉ cho bản thể nhất như, bất nhị. Sự tu hành đạt đến mức cao tột, có thể phân thân làm vô lượng vô biên, cũng có thể thâu lại thành một ngay tức khắc.

*Tôi từng được đọc đến câu chuyện của một vị Thiền sư là người Trung quốc, một vị thì ở Ấn Độ. Khi các Ngài cho các đệ tử của mình biết là các Ngài chuẩn bị thị tịch. Trong khu vực đó, nhân dân ai cũng quý kính đức hạnh của Ngài nên đều có mong ước cúng dàng Ngài một bữa cơm cuối cùng. 500 gia đình trong vùng đều đến thỉnh mời Ngài với mong muốn mình sẽ gieo được phước báo khi Ngài đến thọ trai ở nhà mình. Ngài đều nhận lời hết thảy các sự thỉnh mời đó. Hôm sau, trong vùng nhà nào cũng làm cơm chay thiết đãi, nhà nào cũng vui sướng khoe với mọi người rằng đã mời được Ngài đến gia đình mình. Lúc đó, mọi người thấy lạ là tại sao vị Thiền sư đó lại có mặt tại hết các nhà trong khoảng thời gian như nhau như vậy. Dân làng họp lại và cùng lên chùa, lên đến nơi thì Thiền sư đã an nhiên thị tịch. Chúng ta thấy các vị tu hành đại triệt đại ngộ thì các Ngài có thể phân thân ra vô số. Nhưng điều đặc biệt là khi các vị Thánh Nhân thị hiện ra đời, khi lộ một cái thì các Ngài đi ngay.*

*Như Ngài Vĩnh Minh Diên Thọ là tổ thứ 6 của Tịnh Độ Tông Trung Quốc và Ngài Hành Tu tai dài đều là các vị Phật tái lai. Chúng ta tổ chức lễ vía Đức Phật A Mi Đà vào ngày 17- 11 cũng xuất phát từ câu chuyện của các Ngài, ngày 17- 11 chính là ngày sinh của Vĩnh Minh Diên Thọ Đại Sư. Từ khi mới sinh ra Ngài đã rất thông minh, đi thi thì đỗ đạt và được làm quan coi kho lương thực, quốc khố cho nhà vua. Ngài đã lấy rất nhiều tiền trong kho để phóng sinh, sau khi sự việc bị vua biết thì Ngài bị khép tội chết. Nhà vua khi ấy có lẽ cũng là một vị minh quân, vua bảo với người đao phủ rằng:*

* *Nếu khi chém mà người đó sợ hãi thì người cứ chém, còn nếu như người đó không tỏ vẻ lo sợ, khác với người thường thì hãy về bẩm báo lại với ta.*

*Khi bị đem ra pháp trường sử trảm thì Ngài Vĩnh Minh thực sự không có một chút sợ hãi, vẻ mặt vẫn hiện rõ nét thanh thản lạ kỳ. Đao phủ thấy vậy thì về tâu lại với vua. Vua thân chinh ra đó và hỏi nguyên do.*

*Lúc đó Ngài Vĩnh Minh trả lời:*

*-  "Tôi tự dụng của công, đáng tội chết. Nhưng toàn số tiền đó, tôi dùng mua cứu được muôn ức sanh mạng, thì dù thân này có chết, cũng được vãng sanh về cõi Liên Bang, vì thế nên tôi không lo sợ"*

*Đức vua nghe thấy thì cảm động, Vua liền ân xá cho Ngài Vĩnh Minh, ngay khi đó thì Ngài xin vua được cho đi xuất gia. Sau khi đi tu thì Ngài chuyên trì kinh Pháp Hoa và niệm Phật. Một lần thì Vua đến lễ và cúng dàng Ngài, Vua liền hỏi:*

* *Thưa Tôn Đức! ngày nay ở cõi thế gian này còn có vị cao Tăng nào nữa không?*
* *Có! Có hòa thượng Hành Tu. Ngài ấy chính là hóa thân của Định Quang Phật đấy. Đức Phật chính vì thương chúng sinh mà thị hiện ở đây để cứu độ.*

*Tổ Vĩnh Minh trả lời.*

*Vua nghe vậy lễ tạ Ngài rồi cùng tùy tùng đến để đảnh lễ, tham vấn ngài Hành Tu. Đi đến đó thì Vua cứ tôn xưng Ngài Hành Tu là Đức Phật Định Quang. Hòa Thượng Hạnh Tu hỏi:*

* *Ai bảo nhà vua tôi là Đức Phật Định Quang?*

*Vua trả lời:*

* *Là Vĩnh Minh Diên Thọ Đại Sư.*

*Hòa thượng Hạnh Tu nói:*

* *Ông Vĩnh Minh thật khéo bày đặt, ông ấy cũng chính là hóa thân của Phật Mi Đà đó. Đức Vua hãy mau mau trở về để đảnh lễ Phật Mi Đà đi.*

*Nói xong thì Hòa Thượng ngồi trên bản tọa mà đi luôn, không ở hề lán lại để nhận sự lễ lạy hay cúng dàng của nhà vua nữa.*

*Vua thấy thế thì sai các quan ở lại lo lễ trà tỳ cho Ngài Hành Tu, còn mình thì về để đỉnh lễ Đức A Mi Đà. Vua tới được chùa của Ngài Vĩnh Minh thì thấy Chư Tăng đang có việc gì đó rất bận rộn. Hỏi ra thì biết là Ngài Vĩnh Minh cũng vừa thị tịch xong.*

*Từ đó thì Người trong nhân gian lấy ngày sinh của Tổ Vĩnh Minh Diên Thọ là ngày lễ vía Đức Phật A Mi Đà.*

Chúng ta thấy tổ Vĩnh Minh là tổ thứ 6 của Tịnh Độ tông nhưng Ngài lại trì kinh Pháp Hoa chứ không trì bộ kinh nào trong Ngũ Kinh Tịnh Độ. Còn có những bậc căn cơ, như là Thiên Thai Trí Giả Đại Sư Ngài chuyên trì Pháp Hoa và là vị tổ của Pháp Hoa Tông, nhưng Ngài cũng niệm Phật và được vãng sinh...Vì vậy, mà người tu Tịnh không bắt buộc phải trì một mình kinh Vô Lượng Thọ hay A Mi Đà kinh ...quý vị phải hiểu rõ điều này. Điều quan trọng với người tu Tịnh Độ luôn là Tín, Nguyện và trì danh Niệm Phật. Vì sao Hòa Thượng Tịnh Không lại khuyên chúng ta chỉ chuyên tụng kinh Vô Lượng Thọ thôi? Vì căn tính chúng sanh thời nay thường chẳng định, nếu tham đọc quá nhiều kinh sách thì chúng ta dễ bị loạn tâm. Kinh của Phật, trăm kinh vạn quyển, mỗi quyển Đức Phật lại dạy những khía cạnh khác nhau, cho những căn cơ khác nhau, tùy vào duyên khởi khác nhau mà Ngài thuyết ra bộ kinh đó để đưa họ đến bờ giải thoát. Như trăm sông đều đổ về biển cả, nhưng mỗi con sông lớn, nhỏ đặc điểm lại là khác nhau vậy. Lòng từ bi của Hòa Thượng muốn chúng ta không bị loạn tâm mà khuyên hãy nhất tâm tụng đọc một bộ kinh mà thôi. Chúng ta cũng không vì thế mà cũng bắt người khác là đã tu Tịnh Độ thì phải y theo như thế, không xem, không nghe bất cứ bộ kinh nào khác. Hiểu sai ý của Tổ, của Hòa Thượng thì chúng ta lại dễ rơi vào chê hay báng những bộ Kinh khác là không cao siêu, vi diệu bằng kinh Vô Lượng Thọ chẳng hạn. Như vậy là không nên, chúng ta cũng có thể đọc và tìm hiểu các bộ kinh khác để hiểu hơn về kinh Vô Lượng Thọ, để biết cách đối nhân, xử thế trong cuộc sống hằng ngày, để biết rằng “Phật pháp thậm thâm rất nhiệm màu” như thế nào; công hạnh của các vị Bồ Tát như thế nào...Hiểu được như vậy đối với nhiều người lại là trợ duyên cho tâm nguyện cầu sinh Tịnh Độ gần Phật và gần Bồ Tát càng kiên cố và lớn mạnh lên.

Tụng đọc thọ trì Kinh Địa Tạng, chắc chắn nhiều người sẽ biết được hạnh nguyện của Ngài như thế nào, biết được để mà học tập và noi gương Ngài. Người làm được ít thì cũng biết rằng mình không nên để Địa Tạng Bồ Tát phải nhọc công vào Địa Ngục mà cứu mình ra nữa, người làm được nhiều thì biết làm lành, còn chút sức lực nào trên cõi đời này thì cũng lấy đó để phục vụ chúng sinh, khiến chúng sinh được an ổn, xiểng dương giáo pháp của Đức Phật mong ngôi Tam Bảo được trường tồn, dần dần hết thảy, hết thảy chúng sinh đều tiến tới quả vị Phật. Đó chính là cách báo ân Phật, và đó cũng chính là những nhân duyên để mình sớm được về cõi Phật hơn vậy.

Bồ tát Địa Tạng khi thâu lại muôn nghìn hóa thân thành một thì:

 “***Nước mắt Ngài trào dâng mà bạch với Phật rằng: Con từ bao kiếp tới nay nhờ Đức Phật tiếp dẫn, khiến con được trí tuệ và thần thông tự tại, nhiều vô lượng vô biên chẳng thể nghĩ bàn được, nên con mới phân thân, biến khắp ở mười phương, như trăm nghìn vạn ức, số cát của sông Hằng. Mỗi trong một thế giới, con hóa muôn ức thân, trong mỗi một hóa thân độ cho muôn ức chúng.”***

Tụng kinh Địa Tạng chúng ta thấy có một kiếp ngài là một vị vua hiền đức, kết thân với một vị vua ở nước bên cạnh. Hai vua đều làm những điều lành khiến cho dân chúng ở cả hai nước đều yên bình, ấm lo và an vui. Nhưng nước lân bang của hai nước thì ông vua nước đó lại chuyên làm điều ác, dân chúng sống trong cảnh lầm than. Trước tình cảnh như vậy hai vị vua đều phát nguyện thành Phật. Một vị nguyện sớm thành tựu để độ chúng sinh mà sau này Ngài là “Nhất Thiết Trí Thành Tựu Như Lai”. Còn tiền thân của Bồ Tát Địa Tạng khi đó thì nguyện ở lại đời sau này, trụ thế lâu dài để giáo hóa chúng sinh khiến cho hết thảy chúng đó không còn xót lại một ai thì Ngài mới chứng quả vị Vô Thượng Bồ Đề.

Như vậy để viết rằng xét về thời gian phát Bồ đề tâm thì Ngài Địa Tạng phát nguyện hành Bồ Tát đạo còn trước cả Đức Thích Ca. Bây giờ Đức Phật Thích Ca đã thành đạo rồi, thì Ngài Địa Tạng lại cung kính nói rằng tất cả thần lực và việc làm của con có được đều là Đức Như Lai gia trì cho con, nếu không có Ngài con không thể làm được. Đây chính là phương pháp tu tập của Địa Tạng Bồ Tát và cũng chính là phương pháp tu tập của nhà Phật chúng ta. Khiêm cung hạ mình hết mức!!!

*Ở Việt Nam cách đây gần 20 năm khi chúng tôi còn theo học tại học tại trường Trung cấp Phật học, có Hòa Thượng Thượng Thanh Hạ Bích, cố trưởng lão Hòa Thượng chùa Hội Xá đã làm ra tấm gương khiêm cung, hạ mình như vậy cho chúng tôi học tập noi theo. Trước đây, Ngài trụ trì chùa Đậu ở Thường Tín nơi có xá lợi toàn thân của hai vị Thiền Sư Vũ Khắc Minh và Vũ Khắc Trường, hai tấm thân vẫn còn mãi hơn 400 năm nay, các Ngài có lẽ vẫn đang nhìn và dõi theo lớp hậu thế chúng ta tu tập như thế nào trong thời mạt pháp nào vậy.*

*Trong đời tu hành của mình tôi chưa thấy ai có đức hạnh nhẫn nhục và khiêm cung như Hòa Thượng. Khi gần chín mươi tuổi rồi biết bao người kính ngưỡng quy y Ngài , mà khi gặp một chú tiểu chỉ vừa mới cạo tóc thôi thì Ngài vẫn xưng “con” với các vị đó. Không bao giờ Ngài xưng tôi với các vị đã cạo tóc. Là hiệu phó của chúng tôi, dịp lễ tết Tăng Ni chúng tôi đến đảnh lễ Ngài, Ngài bảo chúng tôi đến thăm thế này thì sẽ làm tổn phúc Ngài. Thậm chí khi hơn 90 tuổi khi thấy lớp Tăng Ni xuất gia còn rất trẻ, Ngài rất vui rồi hát cho chúng tôi nghe, Ngài nói:*

* *“Chúng con xuất gia vào thời loạn lạc, đất nước khó khăn, không được đi học. Vì vậy chúng con tuổi đã già nhưng không biết gì về Phật pháp, chỉ biết mỗi cầu Nam mô A Di Đà Phật thôi. Các Thầy sau này được học hành sẽ trở thành những cây đại thụ của Phật pháp. Còn chúng con già rồi không còn làm được việc gì. Các Thầy đến lễ, chúng con tổn phúc chết”.*

*Ngài đáp những lời lẽ rất khiêm cung và giản dị như vậy đấy. Lớp trưởng của chúng tôi khi ấy bạch:*

*-“Bạch Hòa Thượng, xin Ngài đừng xưng con với chúng con như thế, chúng con tổn phúc”*

*- Không! Các Thầy sẽ đều là những cây đại thụ của Phật giáo sau này.*

*Ngài vẫn trả lời chúng tôi, động viên, khích lệ chúng tôi như vậy.*

*Khi Ngài thị tịch, trong phòng của Ngài, cái ghế Ngài ngồi từ khi Ngài về chùa Hội Xá bao nhiêu năm thì cái ghế đó vẫn như vậy. Chiếc ghế bằng gỗ xà cừ, chân ghế hỏng thìNgài lấy dây chun buộc cành xoan vào. Túi của Ngài quai khi đứt hết Ngài bện dây cói làm quai. Trước khi thị tịch Ngài di chúc cho đệ tử không được làm linh đình,không được làm xe hoa hay rước sách gì cả. Với một bậc cao Tăng như vậy, cuộc đời của các Ngài chính là bài pháp sống động và chân thực nhất cho hàng hậu sinh noi theo.*

*Các cụ thời xưa nói : “Học Nam tu Bắc”. Ở miền Nam học rộng hơn miền Bắc nhưng nếp tu của người Bắc lại tốt hơn ở trong Nam. Tôi đã gặp nhiều vị xuất gia là người trong Nam nhưng chưa thấy vị nào xưng với vị sư ngang hàng với mình là “con” cả. Toàn xưng “tôi”, thậm chí họ nhỏ tuổi hơn, ít tuổi đạo hơn, nhưng các vị đó vẫn xưng “tôi” rất bình thường. Có thể văn hóa ở trong kia như vậy, nhưng đối với người Bắc đó một nét đặc trưng rất quý thể hiện cho sự khiêm tốn, khiêm cung khi các đệ tử Phật gặp nhau . Đây chính là hạnh của Bồ Tát Địa Tạng vậy.*

Bồ Tát Địa Tạng đã làm tấm gương về “Hiếu thân tôn sư” cho chúng ta xem. Trong tiền kiếp Ngài là một người con Hiếu thảo bao nhiêu, thì nay trong chúng hội tại Cung Trời Đao Lợi Ngài thể hiện tấm gương tôn trọng, quý kính, khiêm cung hạ mình trước người Thầy là Đức Phật Thích Ca bấy nhiêu.

Tôi cũng gửi gắm những điều này đối với những đệ tử của tôi. Có những lúc Thầy mình có mắng mình thì phải biết rằng có thể mình sai sư phụ mới mắng, hoặc có thể sư phục muốn tốt cho mình, muốn dùng phương tiện cho mình tốt hơn, vượt ra khỏi những vị bình thường khác. Muốn vượt ra khỏi những vị khác chúng ta phải có sự nhẫn nhục vượt những vị bình thường khác, phải có trí tuệ, đạo hạnh vượt những người bình thường khác vv...Các Phật tử muốn học đạo, khi đi tiếp xúc với các cụ lớn tuổi, mặc dù các cụ khó tính nhưng chúng ta lại học được nhiều từ các Ngài. Càng chân thành, càng tôn kính người khác bao nhiêu chúng ta lại được học từ Người ấy những điều tốt bấy nhiêu. Đức Phật từng dạy: “Hãy nhớ bạn nhận được những gì bạn đã cho đi” cũng là như vậy.

***“ Dù cho có người nào, chỉ làm được việc nhỏ, ví như một giọt nước, một sợi tóc mảy bụi; hoặc là còn nhỏ hơn cả lăn vi trần nữa, thì con cũng dần dần, giáo hóa tế độ cho, khiến đều được ở trong chính pháp của Đức Phật”.***

Những việc lành của thiện nam tín nữ nhỏ đến như là khi đến chùa trước tôn tượng của Phật, của Bồ Tát họ xưng niệm “Nam mô Đại Nguyện Địa Tạng Vương Bồ tát” thôi; hoặc đến cửa chùa họ khởi tâm cung kính khen ngợi: “Chùa trang nghiêm và đẹp quá” như vậy cũng đủ để gieo duyên với Tam Bảo từ đó mà Địa Tạng sẽ ở bên cạnh dạy dỗ họ*.*

*Chuyện kể rằng thời xưa có người phụ nữ, khi nhìn thấy chiếc áo ca sa của một Tỳ Kheo Ni vị đó khởi tâm rằng: “Chiếc y này mới đẹp làm sao, ta nguyện rằng kiếp sau ta sẽ được đắp chiếc y như thế này”. Chỉ vậy thôi cũng đủ để những kiếp sau bà xuất gia làm Tỳ Kheo Ni và chứng đắc quả A La Hán. Như vậy đủ biết công đức tán thán ngôi Tam Bảo lớn như thế nào.*

 Kể cả việc làm đó nhỏ như lăn vi trần chăng nữa, lăn vi trần là những hạt rất nhỏ như trong những bài trước từng giảng khoa học hiện đại gọi là những hạt điển quang, thì đó cũng là nhân duyên để Bồ Tát Địa Tạng dần dần giáo hóa, tế độ cho họ, khiến cho họ đều được ở trong chính pháp của Đức Phật. Chúng ta nhớ đến hình ảnh của đất, hạt giống của cây lớn hay những hạt giống của cây nhỏ li ti, của các loài rong rêu một khi đã được gieo vào trong đất và được đất giữ gìn thì thể nào cũng mọc thành cây.

Bồ Tát Địa Tạng lại bạch với Đức Phật rằng***: “Kính Bạch Đức Thế Tôn, xin đừng quá bận tâm, tới các chúng sinh khổ, ác nghiệp đời sau này.***

Địa Tạng Bồ Tát bạch Phật rằng xin Phật đừng bận tâm đến các chúng sinh đó nữa. Việc mà Đức Phật giao phó cho Ngài cũng chính là hạnh nguyện của Ngài.

***“Ba lần bạch thế rồi, lại cung kính chắp tay, đi nhiễu quanh ba vòng, đỉnh lễ dưới chân Phật”.***

Một lần nữa chúng ta lại thấy sự trân thành, tôn kính của Địa Tạng Bồ Tát đến Đức Phật. Việc độ chúng sinh trong ba đường ác khổ là việc rất khó nhọc. Vậy mà Bồ Tát Địa Tạng lại hoan hỷ, cung kính vâng theo, y giáo phụng hành. Đời đời ở trong cõi U Minh để giáo hóa chung sinh. Làm việc âm thầm lặng lẽ, mong muốn duy nhất là hóa độ chúng sinh. Mong chúng sớm thành Phật quả.

“***Bấy giờ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni Như Lai liền khen ngợi rằng: Lành thay, Lành thay! Này Bồ Tát Địa Tạng. Như Lai sẽ hỗ trợ cho ông sớm thành tựu.”***

Giao phó cho Bồ Tát Địa Tạng phải cứu giúp chúng sinh ở cõi đời ngũ trược ác thế sau khi Ngài nhập Niết Bàn rồi. Nhưng Đức Thích Ca Phật cũng sẽ không để Ngài gánh vác một mình. Người Thầy sẽ luôn luôn dõi theo người trò. Người trò cần hỗ trợ gì, Như Lai sẽ hỗ trợ cái đó. Đây cũng là lời an ủi của Ngài đối với Đức Địa Tạng Vương.

Tôi xuất gia đến giờ đã là hơn 20 năm, nhưng đi xuất gia được hơn một năm thì sư phụ đã cho đi ở chùa riêng. Tuy vậy gần 20 năm qua, tôi cũng chưa bao giờ tách ra khỏi sư phụ mình. Bất cứ việc gì cần làm là việc lớn thì tôi đều ra bạch sư phụ mình. Chúng ta là người học Phật, đối với Thầy của mình chúng ta càng tôn kính càng khiêm tốn bao nhiêu thì chúng ta được học từ thầy càng nhiều bấy nhiêu.

Chúng ta học những điều này ở đâu, có phải do chúng ta tự nghĩ ra không? Là nhờ Phật và Bồ Tát đã làm cho chúng ta xem, chúng ta chỉ cần noi gương các Ngài mà thôi. Không phải sợ sai pháp, cũng không đi đâu mà trượt cả. Phật và Bồ tát đã đi trên con đường này, chúng ta cứ học các Ngài lại bước trên con đường mà các Ngài đã đi thì sẽ có ngày chúng ta được như các Ngài.

Buổi giảng hôm nay kết thúc phẩm thứ hai của Kinh Địa Tạng. Chúng ta biết được cửa vào đạo đó chính là sự khiêm cung, tôn sư trọng đạo. Ở thế gian chúng ta là người trò, người đệ tử chúng ta chỉ nên nhìn và học theo những cái tốt của sư phụ mình mà thôi. Còn những điểm sai chúng ta không được nhìn vào đó để phán xét, so sánh sư phụ của mình. Biết đâu những việc sư phụ làm là thử thách chúng ta, là thị hiện cho chúng ta thấy mà thôi. Nghĩ được như vậy, hành được như vậy chúng ta mới xứng đáng là đệ tử của Đức Phật, xứng đáng với những gì Phật, Bồ Tát và các vị Tổ, các vị Thầy của chúng ta đã truyền lại cho chúng ta.

Bài số 24.

Hôm nay chúng ta nghiên cứu phẩm thứ 3 của Kinh Địa Tạng. Phẩm này có nhan đề là ***“Nói rõ về những nghiệp duyên của các chúng sinh****.”* Nghiệp chỉ cho tất cả các nghiệp ác, nghiệp thiện mà mình đã gây tạo. Duyên chỉ cho nhân duyên, hạt giống mình đã gieo trồng.

“***Lúc bấy giờ, Đức Phật Mẫu là bà Ma Gia Phu Nhân, cung kính chắp tay mà bạch hỏi Bồ Tát Địa Tạng rằng “Bạch Thánh giả! Có vô lượng chúng sinh, trong cõi Diêm Phù Đề vì gây nghiệp ác gì, nên phải chịu đau khổ, báo ứng cũng khác nhau, sự ấy như thế nào?*** ”

Ma Gia phu nhân là thân mẫu của Đức Phật Thích Ca, sau khi sinh thái tử được bảy ngày thì bà được sinh lên cõi Trời Đao Lợi. Giờ đây khi đã tu hành đạt đạo thì Đức Phật nhớ đến ơn sinh thành mà Ngài lên thuyết pháp để báo ơn mẫu thân của mình. Trong kinh luận nói rằng Ma Gia phu nhân trong quá khứ đã từng là mẫu thân của 1000 Đức Phật. Như vậy, bà cũng chính là hóa thân của một vị Phật hoặc một vị Bồ Tát vì lòng thương tưởng chúng sinh mà thị hiện ở đời, thực tế thì bà đã thoát ly sinh tử từ rất lâu rồi. Giống như Bồ Tát Quán Âm Ngài có thể phân thân ra nhiều thân khác nhau, ứng hiện thành nhiều hình thù khác nhau để độ sinh vậy.

Magia phu nhân khi ấy mới ra bạch hỏi Bồ Tát Địa Tạng: “***Bạch Thánh Giả!”***

Chữ “Thánh” là chỉ cho hàng Bồ Tát, không phải chữ Thánh ở nhân gian chúng ta hay gọi các vị được thờ ở Miếu, Đền hay Phủ. Chúng ta hay thấy từ Thánh Hiền, “Hiền” chỉ cho người tài đức, học rộng biết nhiều; sau khi mất đi được người ta lập đền thờ như Phủ hoặc Miếu thờ. Như Khổng Tử được tôn xưng là Thánh còn các đệ tử của Khổng Tử thì được gọi là Hiền. Còn Phật là bậc đã ra khỏi Tam Giới và có đầy đủ 10 hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

Chữ “Giả” chỉ cho người. “Thánh giả” ở đây là chỉ cho Bồ tát Địa Tạng.

Lời khải thỉnh của Thánh Mẫu Ma gia đã mở rộng ý nghĩa của bộ kinh này đó là nói về nhân quả, tội báo, sai biệt về chúng sinh trong luân hồi lục đạo.

***Ngay bấy giờ, Bồ Tát Địa Tạng liền đáp với Thánh Mẫu Ma Gia rằng: “Trong nghìn muôn ức thế giới, cho đến các quốc độ hoặc nơi có địa ngục hoặc nơi không có địa ngục, hoặc nơi có nữ nhân, hoặc nơi không có nữ nhân, hoặc nơi có Phật pháp hoặc nơi không có Phật pháp, nhẫn đến bậc Thanh Văn, Bích Chi và Bồ Tát...cũng sai khác như thế, chứ chẳng riêng tội báo của các loại chúng sinh khổ đau nơi địa ngục.”***

Cõi có địa ngục như là cõi Nam Diêm Phù Đề chúng ta đang sống, trong cả bốn châu thiên hạ thì cõi Bắc Cu Lô Châu là không có Địa Ngục vì cõi này giống như một Cực Lạc thu nhỏ. Và ở cõi này tuổi thọ của dân nhân là 1000 tuổi, họ không sinh từ thai sinh mà sinh từ hóa sinh. Đức Phật khi thành đạo đã đến đây thuyết pháp, nhưng họ không nghe. Phật thuyết về Khổ, Không, Vô thường, Vô ngã, họ không chấp nhận. Họ từ khi sinh ra đã được sống sung sướng, tuổi thọ, phước báo ngang với cõi trời Đao Lợi. Cứ hết 1000 thì thọ chết đi và hầu hết lại sinh trở lại cõi này. Trẻ em mới sinh ra chỉ cần mút ngón tay của những người đi đường là sẽ tự lớn. Chính vì cuộc sống như vậy lên cõi này không có Phật pháp. Sinh lên cõi này, cũng như được sinh lên cõi trời vậy nhưng lại bị coi như một trong những nạn của con người, bị cảnh gây mê, cảnh gây mê, sống một cách sung sướng, không có Phật pháp dẫn đường thì sống lâu trong tiện nghi, vàng bạc châu báu ở khắp mọi nơi cũng không có gì là thú vị cả!

 Từ cõi Tứ Thiên Vương trở lên cũng không có địa ngục. Nhưng khi hưởng hết phúc báo ở các cõi đó họ vẫn có thể bị đọa địa ngục. Nhưng ở cõi chúng ta thì có cả địa ngục ngay tại nhân gian này, những nhà tù cũng như một địa ngục nhỏ ở nhân gian vậy. Nhà tù là nơi mà để trừng phạt những người đã gây tạo việc xấu, những việc phi pháp làm ảnh hưởng xấu đến xã hội, mất luân thường đạo lý như giết người, trộm cắp, buôn lậu... Ở đó, những người bị bắt không có quyền tự do để đi lại, để ăn mặc, nói chuyện... đặc biệt với những người tội nặng thì còn rất hiếm khi được ra hít thở không khí và để hưởng ánh nắng mặt trời.

 Thời đế quốc Mỹ xâm chiếm Việt Nam, có những nhà tù chính trị đã được xây dựng lên ở Việt Nam để trừng phạt những người chống lại họ. Có những nhà tù gọi là chuồng cọp ở Côn Đảo chẳng hạn, hình thức giam cẩm rất dã man và khủng khiếp. Những chiến sĩ cách mạng một khi đã bị bắt vào đó thì sẽ bị đối xử tệ ác hơn cả những con vật. Vậy mà những địa ngục mà chúng ta chiêu cảm sau khi chết đi còn khủng khiếp hơn trăm ngàn vạn lần. Chúng ta thấy khi bị ốm đau chẳng hạn, nếu phải nằm trên giường bệnh và hay ở trong nhà có một ngày thôi chúng ta đã thấy mệt mỏi và buồn chán đến mức nào rồi. Ngày đêm dường như dài thêm ra, mặc dù thời gian vẫn trôi đi như thế. Vậy mà cảnh địa ngục cứ diễn ra liên tiếp không ngừng nghỉ, tội nhân bị tra tấn, đánh đập đến mức còn chẳng có thời giờ để tỉnh táo để mà nhớ ra. Thế nên mới nói con người khi bị đọa địa ngục rồi thì đời đời, kiếp kiếp không biết ngày ra, họ quá khổ để tỉnh ra mà tu hành; ngược lại với cõi Trời, người cõi Trời thì quá sướng, sáu căn bị gây mê lên khó mà tỉnh táo để tu tập đạo giải thoát vậy.

***“Nơi có nữ nhân, hoặc nơi không có nữ nhân”:***  Trong kinh người nữ được đề cập đến là có những tập tính xấu hơn người nam rất nhiều. Sự tham ái của người nữ đặc biệt mạnh. Vì vậy mà đối với người xuất gia thọ đại giới, bên Tăng chỉ thọ 250 giới, còn bên Ni phải thọ đến 348 giới để đối trị với nghiệp ái của họ. Khi đối trị được những tập tính xấu của mình thì người nữ mới có thể chứng được Thánh Quả như bên nam giới.

Các cõi mà còn có người nữ còn thể hiện cho dục vọng ở những cõi này vẫn còn. Trong cõi Dục giới lên đến cõi Trời Tha Hóa tự tại thì vẫn còn có người nữ. Gọi là Dục giới chính là vì họ còn có tham dục như cõi người chúng ta nhưng có điều là vi tế hơn mà thôi.

***“Nơi có Phật pháp hoặc nơi không có Phật pháp”:***  những cõi như Bắc Cu Lô Châu hay cõi Phi tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, những cõi này tuổi thọ của họ rất dài, hoặc cuộc sống rất sung sướng vì vậy Đức Phật có đến thuyết pháp họ cũng không tiếp nhận.

“***Nhẫn đến bậc Thanh Văn, Bích Chi và Bồ Tát...”:*** Thanh văn là những người tu theo 37 pháp trợ Đạo được chứng quả Thanh Văn.

***“Bích Chi”*** là chỉ cho những bậc Bích Chi Phật đã tu 12 pháp nhân duyên mà thành tựu quả vị. Những vị này chỉ nhìn lá rụng, nước trôi mà nhận thấy sự vô thường từ đó mà ngộ đạo. Tính chất vô thường của cuộc đời cũng giống như chiếc lá kia, là hôm nay còn xanh nhưng mai sẽ rụng như thân thể chúng ta hôm nay có thể khỏe mạnh nhưng ngày mai cũng sẽ mủn tàn như chiếc lá. Từ đó vị ấy không còn khởi tâm tham, sân, si chấp trược và phiền não, vị đó luôn an trú tĩnh lặng của Thiền Định. Từ đó chứng được quả Độc Giác hay Duyên Giác hay còn gọi là Bích Chi Phật. Hoặc người đi vào rừng sâu núi thẳm, biết đến kinh 12 nhân duyên của Đức Phật, nói đến chúng sinh ở nhân gian cang cường, khó độ, thuyết pháp họ không nghe, một người nghe thì vài người chống phá, thậm chí trong Đạo với nhau cũng còn phá nhau. Các vị đó thấy vậy thì nghĩ rằng: Ta phải giải thoát, ta mà tiếp tục ở đây thì sẽ bị lôi vào biển khổ mất thôi. Các vị đó vào rừng ẩn cư, không thuyết pháp, không độ sinh. Hàng ngày tu tập rồi chứng quả, nhập Niết Bàn, không độ cho một người nào đó gọi là chứng quả vị Độc Giác.

“***Bồ Tát***” là những bậc giác hữu tình hay là người đem trí thức, kiến thức học được từ kinh Sách nhà Phật hoặc từ các vị Thầy để tự mình phản tỉnh mình rồi còn đem phản tỉnh cho chúng sinh, giúp họ cũng “làm lành lánh dữ” như mình thì được gọi là các vị Bồ Tát – bậc Giác Hữu Tình. Các quý vị cũng có thể trở thành những vị Bồ Tát. Khi quý vị khuyên được một người biết đến chánh Pháp của Phật, biết học Phật khiến cuộc đời của họ được tươi sáng, an vui lên thì quý cũng chính là một vị Bồ Tát rồi đó. Đạo Phật là con đường thoát khổ mà trên cõi đời này có quá nhiều cảnh khổ chúng ta có thể gặp hàng ngày; họ có thể sung sướng về vật chất nhưng nghèo đói về tinh thần, lại có những người họ không có nơi nương tựa cả về vật chất và tinh thần nữa. Nếu như trong những lúc khó khăn như vậy quý vị dùng những phương tiện để nâng đỡ, giúp đỡ, dìu dắt họ thì quý vị cũng đang hành Bồ Tát Đạo vậy. Ở chùa chúng ta đang tổ chức Pháp hội tụng kinh Địa Tạng kéo dài 21 ngày, mở rộng ra cho các Phật tử đến tham dự, bất cứ vị nào đến với Chùa Khai Nguyên trong thời gian này sẽ được nghe giảng kinh Địa Tạng và tụng 3 thời của Bộ kinh này. Các quý vị biết đến pháp hội này rồi giới thiệu cho gia đình, bạn bè cũng đến tham dự, lực tu của cả đại chúng sẽ là rất lớn, Hòa Thượng Tịnh Không có nói nếu có khoảng 100 người cộng tu trở lên thì sự tác động rất nhiều, và đại chúng cộng tu có khoảng 300 người trở lên thì lực tu là lớn không thể nghĩ bàn được. Lời tụng kinh, tiếng niệm Phật của 300 người sẽ tạo ra sự cộng hưởng phá vỡ chướng ngại về không gian mà lan tỏa ra khắp 10 phương. 21 ngày nay dự báo thời tiết là nóng nắng nhưng chúng ta ở nơi đây dưới mái nhà tôn của nhà Pháp Hội” ở một nơi mà gắn liền với câu “Nắng Sơn Tây, mưa Ba Vì” này mà không khí vẫn mát mẻ thì đó là điều phải nhờ đến công đức tụng đọc bộ kinh này vậy.

Cách đây bốn, lăm hôm Quảng Ninh đón chịu một cơn bão mà 40 năm nay mới gặp. Mưa diễn ra ở ThànhPhố Hạ Long có những nơi gập đến 2m, thiệt hại vô cùng nhiều. Trung tâm khí tượng cũng dự báo đêm hôm qua là đêm 31/ 07 ở Hà Nội cũng có một trận mưa lớn như trận mưa lịch sử ở Hạ Long, cả thành phố chuẩn bị phương án di rời trên 900.000 người khi có mưa to xảy ra như vậy. Nhưng tôi cũng nói với quý vị là đến khi nào Pháp Hội tụng kinh Địa Tạng này còn duy trì thì thành phố Hà Nội sẽ không có những trận mưa to như vậy. Với lực công tu mà ngày nào cũng có hơn 300 Phật tử đến đây tham dự thì không có lý gì lại không hóa giải được những trận giận dữ của thiên nhiên như vậy cả. Phật pháp là bất khả tư nghì, khi xưa các bậc tôn túc trưởng lão ra gõ mõ giữa trời nắng chang chang thì đi đến đâu trời còn mưa đến đó. Năm 2013 khi chúng ta tổ chức Pháp Hội Trung Phong kỷ niệm 35 ngày mất của Đại Tướng Võ Nguyên Giáp, khi đó cơn bão Haian được dự báo là sẽ vào Việt Nam chúng ta. Khi đi qua Philipin cơn bão này đã càn quét làm sập nhà cửa, hỏng đường xá cầu cống và cướp đi sinh mạng của vài nghìn người. Chúng ta có dự kiến dù có phòng chống được tốt thì thiệt hại cũng bằng một nửa Philippin. Pháp hội lần đó cũng có khoảng gần 5000 người, tôi kêu gọi mọi người hãy nhất tâm cầu nguyện cho dân tộc chúng ta, đặc biệt là cư dân ven biển. Chúng ta biết rằng khi vào đến Việt Nam cơn bão này chỉ chạy ven bờ rồi suy yếu thành áp thấp nhiệt đới khi sang đến Trung Quốc. Hòa Thượng từng nói bão là do nghiệp sát chiêu cảm, khi sát sinh nhiều “Cảnh tùy Tâm chuyển” là như vậy đấy. Và những điều đó có Phật, Bồ Tát và các vị thần linh biết rõ, tổ tiên chúng ta ở cõi bên kia mà có thần thông họ cũng biết, chúng ta có niềm tin cũng ta cũng biết nhưng cũng chỉ hiểu được phần nào thôi, còn chúng ta không nhìn thấy. Chúng sinh có cầu thì Phật và Bồ Tát sẽ có ứng, chúng ta cầu Ngài để cứu giúp thì Ngài sẽ ra tay cứu giúp, cốt yếu là ở sự cầu nguyện có thật chính đáng, có vì chúng sinh không mà thôi. Chúng ta ở đây khi đọc tụng bộ kinh này, quý vị không chỉ cầu cho bản thân mình, cho gia đình mình mà đồng cầu nguyện cho quốc thái dân an, cầu nguyện Bồ Tát Địa Tạng ở bên để giúp đỡ, cứu giúp hết thảy chúng sinh ra khỏi biển khổ thì Thiên Long Hộ Pháp và Thiện Thần sẽ ủng hộ, sẽ không để những tai nạn xảy ra đối với chúng ta. Tụng kinh niệm Phật là việc phước báu, là việc thiện lành có thể hóa giải những việc sai trái chúng ta đã từng làm trước đây vậy. Cho nên chúng tôi nói rằng trong Phật pháp khi có niềm tin chúng ta cầu nguyện điều gì thì chư Phật chư Bồ Tát các Ngài cũng hoan hỷ thành tựu cho chúng ta mà thôi, hoan hỷ tác thành chứ không phải là các Ngài phải tuân lệnh chúng ta. Như cha mẹ thương con nếu con cái muốn điều gì mà chính đáng, mà tốt cho bản thân và xã hội thì dẫu có khó khăn thế nào người cha, người mẹ đều cố gắng hết sức để chiều theo ý muốn của con vậy. Ở thế gian còn thế nữa là Chư Phật và Bồ Tát có thần lực không thể nghĩ bàn, có tình thường vô cùng với chúng sanh. Tình thương của cha mẹ đối với con cái, tình thương gia đình là tình thương dựa trên huyết thống, dựa trên sự luyến ái, vì mang nặng đẻ đau, vì nghiệp duyên với nhau. Người xưa vẫn có câu: “Khác máu tanh lòng”, có thể quý vị rất thương con cái hoặc vợ, chồng mình nhưng người thế gian hầu như không thể thương những người ngoài như những người trong gia đình được. Nhưng tình thương của Phật và Bồ tát, của những bậc đã giác ngộ rồi thì không còn thân sơ, không còn dựa trên sự bám chấp thường tình của thế gian. Đó là “Vô duyên đại từ, đồng thể đại bi” vậy. Phát tâm Bồ Tát là phát tâm học Phật rồi độ mình, độ cả chúng sinh, vậy thì chẳng có lý do mình cầu nguyện các Ngài mà Ngài không thương tưởng, giúp đỡ cả.

Bồ Tát Địa Tạng nói với Thánh Mẫu rằng tất cả mọi thế giới, quốc độ, rồi khắp tất cả các cõi thì đều có sự sai khác chứ không chỉ riêng tội báo của các chúng sinh khổ đau nơi địa ngục. Bồ Tát cũng có Bồ Tát lớn, Bồ Tát nhỏ. Có Bồ tát nguyện cứu chúng sinh khổ nạn ở thế gian như Bồ Tát Quán Âm, có Bồ Tát nguyện cứu giúp chúng sinh trong tam đồ khổ như Bồ Tát Địa Tạng, có Bồ Tát chuyên đem trí tuệ giáo hóa chúng sinh như Văn Thù Sư Lợi Bồ tát, còn Bồ Tát Phổ Hiện luôn hộ trì cho những người thực hiện các công việc làm trong Phật pháp được vẹn toàn vv...

***“Bà Thánh Mẫu Ma Gia lại bạch với Bồ Tát Địa Tạng Đại Sĩ rằng: Ý tôi nay muốn hỏi về nghiệp báo chúng sinh chịu khổ trong đường ác nơi cõi Diêm Phù Đề...”***

Đại sĩ ở đây chỉ cho những vị Bồ Tát có lòng từ bi, trí tuệ và đại nguyện rộng lớn, cứu độ chúng sinh mà các vị Bồ Tát khác khó có thể làm được.

Thánh Mẫu bạch với Bồ Tát rằng Ngài chỉ muốn biết trong phạm vi của chúng sinh khổ nạn đọa vào đường ác ở cõi Diêm Phù Đề, không cần nói rộng ra. Đây cũng vì lòng thương tưởng của Thánh Mẫu đối với chúng sinh nơi cõi này vậy.

***“Bồ Tát Địa Tạng liền đáp rằng: “Thánh Mẫu xin lắng nghe, tôi sẽ nói lược qua”.***

***Thánh Mẫu liền bạch rằng, xin Bồ Tát cứ nói, tôi một lòng chờ nghe.”***

Bồ tát Địa Tạng tùy thuận yêu cầu của Ma Gia Thánh Mẫu, Thánh Mẫu cũng một lòng tập trung đề nghe và tiếp nhận. Hai bên đều hết lòng, hết sức để hoàn thành ý nguyện của mình. Giống như tôi ở đây mang tâm huyết của mình, hiểu biết của mình để giảng giải Bộ kinh này cho quý vị được hiểu. Quý vị cũng phải có tâm học hỏi tìm cầu giáo pháp mà ở dưới chăm chú, cung kính lắng nghe. Còn nếu như tôi lên giảng chỉ vì phải giảng, giảng lấy lệ, quý vị đi nghe vì trách nghiệm phải nghe thì chỉ làm khổ cho nhau mà thôi, không đem lại lợi ích gì cho mình, cho người khác cả. Vậy thì đi ngủ có khi còn tốt hơn phải không? Quý vị phải nhớ rằng chướng ngại lớn nhất của chúng ta đó là “Tài, sắc, danh, thực, thùy” nếu cứ đắm chìm vào trong ngũ dục này mà không chịu tu hành thì chỉ trải rộng con đường cho chúng ta vào địa ngục mà thôi. Vì sao quý vị đến đây nghe pháp lại buồn ngủ, tại người thuyết giảng ư? Hay tại tập khí, nghiệp chướng của chúng ta quá nặng nề? Quý vị nên tự kiểm điểm lại mình thì sẽ rõ. Nếu thật sự sai xót là ở phía mình thì cần chăm chỉ thành thật mà tụng kinh, niệm Phật, làm việc thiện thì trí tuệ khai mở, khi trí tuệ khai mở rồi thì chướng ngại có đến chúng ta cũng có thể dễ dàng vượt qua, ma ăn, ma ngủ... chúng ta cũng sẽ tìm được cách đối trị. Có người hỏi: nhưng người thân của con không cho con tụng kinh thì con phải làm sao? Quý vị không tụng được kinh A Mi Đà thì quý vị chỉ niệm Phật; không được cho niệm Phật ra tiếng thì niệm thầm trong tâm. Quý vị không được tụng cả quyển Kinh Địa Tạng thì hãy gói gọn vào câu “Nam mô Đại Nguyện Địa Tạng Vương Bồ Tát”. Chỉ niệm danh hiệu các Ngài thì trong kinh nói như vậy đã có công đức vô lượng rồi. Khi chúng ta biết khéo léo, uyển chuyển trong tu hành thì những dù có bị phá đi nữa thì con đường về cõi Phật vẫn mở rộng cho chúng ta vậy.

Thời gian đã hết, bài giảng hôm nay xin được tạm dừng tại đây.

**Giảng Kinh Địa Tạng Bài số 25**

Chúng ta nghiên cứu phần kinh văn tiếp theo:

***“Ngay bấy giờ, Bồ Tát Địa Tạng liền thưa với Thánh Mẫu Ma Gia rằng: Tên của những tội báo ở cõi Diêm Phù Đề, xin được kể lược qua, Thánh Mẫu hãy lắng nghe: Nếu có chúng sinh nào bất hiếu với cha mẹ, hoặc mắng nhiếc đánh đập, nhẫn đến cho giết hại thì những kẻ ác đó, đọa địa ngục A Tỳ, trải qua muôn ức kiếp, không biết kì nào ra.”***

Một lần nữa Bồ Tát Địa Tạng lại khuyên Thánh Mẫu hãy lắng nghe, không phải Thánh Mẫu hỏi thì Ngài trả lời riêng cho Thánh Mẫu nghe thôi. Mà chúng ta những người được nghe Bộ Kinh Địa Tạng sau gần 2600 từ khi Đức Phật thuyết trên cung trời Đao Lợi cũng đang phải lắng nghe những lời này. Nghe để mà biết, biết để hành trì theo và khuyên răn những chúng sinh khác rồi làm mọi việc cho đúng.

Tội nặng nhất mà Bồ Tát Địa Tạng đề cập đến là tội bất hiếu với cha mẹ, tiếp đó là mắng nhiếc đánh đập người, kế đó là giết hại các loại sinh linh ... thì cánh cửa A Tỳ Địa Ngục đang chờ những người đó.

Trong Phật Pháp có đề cập đến tội ngũ nghịch mà trong các bài giảng trước chúng tôi có giới thiệu cho quý vị. Tội nặng nhất đó chính là “Giết cha, giết mẹ.”

Giết cha mẹ cũng có rất nhiều cách. Không phải trực tiếp giết mới là giết mà có khi sự ngược đãi hàng ngày còn đau đớn hơn trăm nghìn lần. Có những người con phải chăm sóc cha mẹ mình, nhưng những đứa con đó không còn nhân tính nữa, nhốt mẹ ở trong phòng tối, vài ngày mới cho ăn, để mong cho mẹ mình sẽ sớm chết đi cho mình được nhẹ gánh. Rồi có những đứa con phải chăm cha mẹ bị bệnh liệt giường, liệt chiếu hoặc chăm cha mẹ trong bệnh viện, lòng thương với cha mẹ không có, họ có thể nói ra những điều làm cha mẹ họ tủi thân, đôi khi những câu nói đó làm người bệnh uất hận mà chết. Họ có thể chăm lo cho chồng, cho vợ, cho con hết mực, nhưng lại quên ân nghĩa của cha mẹ với mình. Vì sao? Vì lúc cha mẹ họ chịu đắng nuốt cay, chịu đau đớn để sinh ra họ họ không hề biết, không hề nghe và cũng không hề nhớ. Để đến khi cha mẹ chết đi rồi thì lúc đó có hối hận cũng không thể kịp nữa hoặc khi chính họ phải chịu quả báo nằm trên giường bệnh như cha mẹ thì lúc đó khổ không nói được và cũng chẳng biết kêu ai. Con mình nó từng nhìn thấy mình đối xử với ông bà nó như thế, thì bây giờ nó cũng đối xư với mình như vậy. Cứ dần dần đạo đức gia đình, đạo đức xã hội sẽ bị băng hoại vì đó. Không phải chăm lo cho cha mẹ, không phụng dưỡng cha mẹ đó là một sự “nhẹ nợ” hay là một thiệt thòi cho chúng ta?. “Mẹ già như chuối ba hương, như xôi nếp một, như đường mía lau”, vậy khuyên quý vị hãy biết trân quý thời gian còn có cha có mẹ để mà biết yêu thương và phụng dưỡng, đừng để mất đi “quyền được làm con, quyền được hiếu thuận” của một người con. Có thế chúng ta học Phật mới có thành tựu được. Đạo Phật là Đạo Hiếu mà. Có hiếu được với cha mẹ, những người đã dứt ruột đẻ ra mình thì mới mở rộng ra là có hiếu với Phật, có hiếu với chúng sinh được. Nhiều người dễ dàng quỳ lạy trước Phật rồi xin Phật đủ điều được nhưng họ về nhà vẫn còn làm khổ cha, khổ mẹ lắm. Đức Phật dạy rằng khi Ngài không còn tại thế thì phụng dưỡng cha mẹ cũng chính là phụng dường Đức Phật vậy. Quý vị cần nhớ điều này để làm xứng đáng là người Phật tử và làm gương cho những người thế gian nữa. Giết cha giết mẹ là tội ác làm cho những đứa con bất hiếu phải đọa A Tỳ Địa Ngục, là Đại Bất Hiếu. Nhưng ngược lại là Đại Hiếu, nếu quý vị muốn làm thì đó là việc khuyên được cha mẹ lúc đã về già niệm Phật cầu sinh Tây Phương để thoát khỏi luân hồi sinh tử. Cha mẹ quý vị tin tưởng niệm Phật rồi thoát luân hồi sinh về Tây Phương, gặp Phật Mi Đà thì đó mới là đại hiếu chân thật vậy. Không phải về nhà cứ khuyên: “Cha mẹ niệm Phật đi, để về được Tây Phương Cực Lạc với Phật A Mi Đà hưởng phúc, thành Bồ Tát. Con đi chùa, thầy trên chùa bảo khuyên cha mẹ niệm Phật mới là đại hiếu, chứ không phải cho cha mẹ ăn ngon, mặc ấm mới là đại hiếu.” Thế rồi cứ nghĩ mình đã làm tròn nghĩa vụ rồi. Nhưng có mấy người nói vậy mà có hiệu quả luôn được. Nhiều người đến rồi than vãn với chúng tôi cha mẹ họ không tin Phật pháp, không niệm Phật...Thực ra quý vị đã báo ơn hết lòng với cha mẹ mình chưa? Quý vị có đáp ứng được những mong muốn của cha mẹ như đáp ứng mong muốn của đứa con kháu khỉnh đáng yêu của mình không??? Muốn cha mẹ tin, phải biết dùng phương tiện khéo léo, phải biết làm cha mẹ hoan hỷ, tin tưởng mà niệm Phật. Ân cần khuyên và chăm lo cho cha mẹ như ngày xưa cha mẹ đã chăm lo và khuyên bảo mình thì tin rằng trên 90% quý vị sẽ được như ý nguyện. Làm được như vậy, Diêm Vương sẽ không bắt quý vị vào ATỳ Địa Ngục, mà thay vào đó cảnh giới an lành sẽ hiện ra với con người có tâm hiếu thảo và hiền thiện như vậy. Thêm vào đó lại biết tinh tấn niệm Phật hết lòng cầu sinh Tịnh Độ thì Phật và Bồ Tát sẽ đến đón về cõi của Ngài. Còn nếu là người con bất hiếu thì A Tỳ mở cửa, không hẹn ngày ra, mong quý vị hãy tự phản tỉnh.

Khi được biết đến bộ kinh Địa Tạng này để rồi đọc tụng thọ trì, biết được đến nhân quả thì các quý vị sẽ phải cố gắng để làm lành, lánh dữ. Còn không chúng ta sẽ lại rơi vào vòng luân hồi đau khổ, lại vào địa ngục rồi Địa tạng Bồ Tát lại phải nhọc công vì chúng ta. Sống ở cõi đời này, làm việc lành thì khó, làm việc ác thì dễ, vì đây là cõi ngũ trược, ác thế, người ta quen làm các việc ác, những tính xấu đầy rẫy trong tâm thức của con người. Nhiều người họ không tin nhân quả, nghĩ rằng chết là hết, vì vậy mà thỏa sức làm ác để có được tiền tài, địa vị... Đâu biết rằng một khi hơi thở đã tắt rồi thì có hối tiếc cũng quá muộn màng. Con người khi có quyền sinh sát trong tay thì việc ác nào họ cũng tạo cả.Trong Kinh Địa Tạng khi Vua Diêm La bạch Đức Phật rằng Bồ Tát Địa Tạng đã trải qua bao kiếp số độ thoát chúng sinh, vậy mà tại sao chúng sinh vừa thoát tội khổ. Vì chúng ta còn mê, lúc được Bồ Tát cứu từ Địa Ngục ra, được đi đầu thai thì quên hết cả kiếp trước, chẳng nhớ khổ ở ba đường vì thế chẳng còn sợ. Người thế gian bị “Tài, sắc, danh, thực, thùy” lôi kéo. Đặc biệt là thực và thùy hay là tham ăn và tham ngủ. Con người thì để nuôi dưỡng thân thể mình, mong mình khỏe mạnh, thỏa mãn cho cái miệng mà cái gì cũng ăn, đến những con vật gần gũi mình nhất như con chó, con mèo cũng mang nó đi làm thịt. Đâu biết rằng nó có nhân duyên với mình, có thể là cha mẹ, thân bằng quyến thuộc của mình đầu thai lại đây, để gần nhà cửa, gần con cái như lúc họ đang còn sống. Đến con trâu, con bò cả đời cày ruộng cho ta mà khi cần ta cũng mổ thịt, cũng bán để lấy tiền, đâu có gì là thương xót nó đâu. Một người nội trợ ở Trung Quốc mua thịt bò tron siêu thì, con bò đó thật không biết giết từ bao lâu rồi, nhưng khi cô mang miếng thịt về nhà, để trong tủ lạnh. Đến lúc mang ra định chế biến thì thấy miếng thịt giật giật. Nghĩ rằng miếng thịt không đảm bảm an toàn vệ sinh thực phẩm, có sán bên trong, cô ghi hình lại bằng điện thoại rồi gọi đến cục Quản Lý Thị Trường. Khi kiểm tra thì miếng thịt không có vấn đề gì cả. Vì sao miếng thịt lại vậy? Vì oán giận chất chồng, bao nỗi đau đớn khi bị mổ giết làm con vật quyết bám vào tấm thân của mình để trả thù. Thần thức của nó trụ vào và ở trong miếng thịt. Người khi ăn phải thì oán khi sẽ tích tụ trong người. Đó cũng chính là lý do thời nay có nhiều căn bệnh quái ác, lạ kỳ vậy. Có người khi vợ mình mang thai, vì thích ăn thịt chó, mà cũng cho vợ ăn vì nghĩ rằng làm thế để bồi bổ, nào ngờ khi con sinh ra, đứa con đó trên lưng có những túm lông như con chó con vậy? Quý vị giải thích điều này như thế nào đây? Nếu không phải là nghiệp, là báo oán do sát hại thì là gì đây? Những gia đình chuyên sát sinh bây giờ cũng vậy, họ giàu có rất nhanh, nhưng quý vị có thể tận mắt chứng kiến gia đình đó rơi vào đổ vỡ như thế nào, không bị bệnh thì con cái cũng phá tiền của cho đến cạn kiệt thì thôi, có người thì bị giết giống như cách mà mình từng giết các con vật vậy ...Thế nên là người học Phật, đã biết những chuyện nhân quả, nghiệp duyên như vậy quý vị phải luôn nhớ cái khổ sinh tử, nhớ đến sự mê lầm, những sai xót mình dễ dàng vướng phải khi quay trở lại cuộc sống luân hồi mà phát nguyện Niệm Phật cầu sinh Tây Phương Cực Lạc vậy. Rồi sau đó có được khả năng để cứu độ nhân thân và chúng sinh khổ. Bồ Tát Địa Tạng cứu chúng ta từ Địa Ngục khổ, không phải để cho chúng ta lên cõi trần gian hay lên trời để hưởng vui một thời gian, để rồi lại gặp chúng ta lại ở nơi đường ác. Ngài mong chúng ta sẽ tiến được quả vị Bồ Đề, và còn gì vui hơn khi lúc đó chúng ta có thể chung tay, đỡ sức cho Ngài cứu độ những chúng sinh khổ khác. Biết bao nhiêu đệ tử của Ngài đến cõi Trời Đao Lợi khi đó cũng như chúng ta giờ đây, cũng từng bị vô minh lôi kéo mà sa vào hầm lửa, nhưng các vị ấy đã tỉnh rồi, còn chúng ta vẫn lưu lạc nơi đây. Mong rằng tất cả những ai có duyên với Bộ Kinh Địa Tạng này cũng sớm được tỉnh ra, được thành tựu như các bậc tiền nhân.

Những người đã đọa địa ngục thì: ***“...trải qua muôn ức kiếp không biết kỳ nào ra...”***

Thời gian một năm ở địa ngục bằng thời gian cả 1000 năm ở nhân gian chúng ta. Thời gian chịu khổ cứ tùy theo tôi mà lên dần,lên dần đến 80 vạn đại kiếp như ở cõi trời phi tưởng, phi phi tưởng xứ. Có ai muốn thử không? Tôi không muốn nữa, ở một kiếp lâu xa về trước, Bồ tát Địa Tạng đã cứu tôi từ đó ra. Còn quý vị nghĩ tôi không từng ở địa ngục ư mà cười tôi, các quý vị cũng từng ở đó, chúng ta cũng từng ở đó và được Địa Tạng Bồ Tát cứu giúp mới được có ngày ngồi đây như hôm nay. Vì vậy, hãy cố gắng tu tập cho tốt, chúng ta không tu tốt là chúng ta cũng làm Ngài lâu thành Phật đấy. Ngày xưa khi tụng kinh Địa Tạng, lần nào tụng là lần đó tôi lại chảy nước mắt. Vì tôi nghĩ rằng: Vì con mà Ngài chưa thành Phật được, cho nên bây giờ con sẽ cố gắng về phần mình, con sẽ góp phần để Ngài mau thành Phật hơn. Con sẽ tu hành để sớm thành Phật, vì nếu con còn làm chúng sinh thì Ngài sẽ không thành Phật được.

Quý vị hãy cứ tu tập đi, mình có bị chửi, bị nói là mê lầm, thì mình vẫn phải nhẫn lại để tu tập. Đến lúc quý vị nhắm mắt xuôi tay, đến lúc những người mắng chửi quý vị cũng nhắm mắt xuôi tay thì sẽ biết được ai đúng, ai sai; ai mê, ai tỉnh. Thời gian sẽ trả lời cho quý vị và cho họ thấy rõ. Khi quý vị tu tập theo đúng chánh pháp, quý vị thành tựu, nhìn lại thì sẽ thấy những kẻ từng nói mình đang bị đọa trong cảnh khổ. Lúc đó, quý vị sẽ lại phát khởi lòng thương và mong muốn cho họ sớm thoát ra mà thôi.

Phật, Bồ Tát nhìn chúng ta cũng như chúng ta nhìn con giòi trong đống phân vậy. Thấy bẩn quá, ta muốn cứu nó ra, muốn nó được sống ở nơi nước sạch, thanh tịnh nhưng bỏ vào nước sạch nó sẽ chết, nó sẽ lại hướng về nơi nó cho thiên đường còn chúng ta cho là ô uế. Vì sao? Tâm nó không tương ứng, nghiệp chướng của nó, tập khí của nó bắt nó phải như vậy. Nó không có sự lựa chọn nào khác cả. Dù dạy cho nó biết, nó cũng không nghe. Vì vậy, mà Phật và Bồ Tát biết cõi này là cõi uế mà các Ngài vì thương chúng sinh nên các Ngài phải hóa thân để độ chúng sinh. Nói vậy, để chúng ta thấy rõ lòng từ bi của các Ngài, nhớ biết để mà báo ơn các Ngài vậy.

Gần 2600 năm về trước, Địa Tạng Bồ Tát nói những điều tội báo nơi địa ngục cho Thánh Mẫu Ma Gia, liệu Thánh Mẫu có biết không mà phải hỏi? Chỉ là phương tiện, chỉ vì dùng phương tiện để cứu độ chúng sinh mà phải có người hỏi, người đáp. Chứ Thánh Mẫu cũng là một vị Đại Bồ Tát, là cổ Phật tái sinh, từng là mẹ của hàng nghìn Đức Phật thì làm sao mà bà lại không biết được.

***“ Nếu có chúng sinh nào, làm thân Phật chảy máu, giết hại cả Thánh Tăng, lại hủy báng Tam Bảo, không tôn trọng kinh Phật, những kẻ ác như thế đọa địa ngục A Tỳ, trải qua muôn ức kiếp, không biết kỳ nào ra.”***

Nếu như công đức cùng phước đức khi cúng dàng Phật, cúng dàng các bậc Thánh Tăng, ấn tống, gìn giữ kinh sách lớn thế nào thì ngược lại việc hủy báng Tam Bảo, làm thân Phật chảy máu sẽ tạo ra tội vô cùng lớn. Đó là đọa A Tỳ Địa Ngục mà không biết ngày ra vậy.

*Đề Bà Đạt Đa khi xưa vì muốn thống lĩnh Tăng đoàn đã cấu kết với thái tử A Xà Thế, cùng tạo tội ác. Theo Quán Vô Lượng Thọ Kinh, Vua Tần Bà Sa La cùng Hoàng Hậu Vi Đề Hi đã cầu nguyện từ lâu nhưng không có con lối dõi, đến khi có một người thầy bói nói rằng: Có một vị tiên nhân tu hành trên núi, ba năm nữa sẽ chuyển sinh đầu thai làm con vua. Quá nóng lòng muốn có con vì thế mà vua lên núi tìm vị tiên nhân ấy rồi xin vị đó hãy xả bỏ báo thân sớm hơn để vua sớm có con lối dõi.Vị tiên nhân không đồng ý. Vua Tần Bà Xa La liền sai người giết hại vị tiên nhân. Trước khi chết vị tiên nhân nguyện rằng sau khi chuyển sinh sẽ trả thù người đã giết mình. Khi hoàng hậu Vi Đề Hy mang thai, một lần đức vua bị chảy máu ở tay, bà liền chạy đến để hút máu đó. Đứa con được dự báo rằng người con sinh ra sẽ gây bất lợi cho quốc vương. Từ đó thái tử có tên là A Xà Thế nghĩa là “Kẻ thù chưa được sinh ra”. Đề Bà Đạt Đa khi ấy muốn thay thế Đức Phật liền xúi giục A Xà Thế cùng mình để đạt được âm mưu. A Xà Thế muốn lên làm vua, liền nghĩ ra âm mưu giết cha, nhưng cũng không nỡ giết trực tiếp, liền đem bỏ vua cha vào ngục. Khi được lên ngôi vua, Đề Bà Đạt Đa cùng A Xà Thế thỉnh Đức Phật và Tăng đoàn đến thọ trai. Bấy giờ, qua cổng thành, họ làm một hầm chông ở dưới với âm ưu khi Đức Phật đi tới thì Ngài sẽ bị ngã xuống. Đức Phật biết trước sự việc nhưng vẫn nhận lời thính mời của vua A Xà Thế. Khi đến trước thành thì Đức Phật đi đến đâu thì có hoa sen đỡ gót đến đó, các vị đệ tử của Ngài cũng vậy. Khi dâng thức ăn để Đức Phật và Tăng đoàn thọ trai, thì Đề Bà Đạt Đa lại sai người tẩm thuốc độc vào thức ăn. Nhưng thuốc độc không thể làm hại được người có công đức lớn như Đức Phật vì vậy mà sau khi ăn xong Đức Phật và chư Tăng thọ trai cũng vẫn được bình an.*

*Không thể hãm hại Đức Phật, họ lại cho voi chiến uống rượu say, rồi chờ khi Đức Phật đi qua đó thì thả voi ra hại Người. Voi xông tới, các bậc đệ tử của Đức Phật khi ấy dùng thần thông để bay lên, duy có Ngài A Nan và Đức Phật không dùng thần thông để bay lên như vậy. Ngài A Nan vì chưa chứng được quả A La Hán lên không có thần thông để bay lên được. Ngài A Nan thấy Đức Phật gặp nguy hiểm thì liền chạy lên trước che cho Đức Phật. Quý vị nghĩ Ngài A Nan có thể cản được con voi dữ đó không? Thân thể của Ngài không chống được với con voi đó, nhưng sức mạnh từ lòng hiếu thảo của Ngài đối với Thầy thì có thể làm nên điều kỳ diệu vậy. Dù biết là mình không đủ sức, nhưng vẫn sẵn sàng hi sinh thân mạng để bảo vệ sư phụ. Mình chết thì có thể không sao! Nhưng sư phụ ra đi rồi thì chúng sinh nương vào đâu! Đức Phật khi đó từ từ kéo A Nan lại, ngài giơ cánh tay phải về phía trước, 5 con sư tử trên 5 đầu ngón tay Ngài hiện ra, gầm những tiếng long trời, nở đất, đàn voi dữ khi ấy liền dừng lại. Đức Phật cũng đã dùng thần thông để cứu đệ tử của mình. A Xà Thế thấy như vậy liền suy nghĩ lại, hiểu được rằng vì sao cha mẹ mình đều quy y với Phật và kính trọng Phật nhường ấy, sau đó vua không còn ý hại Đức Phật nữa.*

*Lần cuối cùng Đề Bà Đa lên núi, nấp sau một tảng đá, chờ khi Đức Phật đi qua rồi lăn đá từ trên núi xuống. Nhưng như đã nói Đức Phật là một bậc có đức hạnh lớn rất lớn, vị sơn thần ở đó dùng thần lực làm hòn đá vỡ ra khi lăn xuống. Một mảnh đá nhỏ khi ấy đã bắn vào chân Đức Phật và làm chân Ngài chảy máu.*

 *A Xà Thế từ khi lên được ngôi vua thì thì bị bệnh nặng, luôn bất an, chỉ khi được em trai mình là thái tử Kỳ Đà giới thiệu đến Đức Phật và sám hối trước Đức Phật thì bệnh tình mới thuyên giảm. Từ đó A Xà Thế lại trở thành một người tích cực ủng hộ Phật pháp, và trong kinh Vô Lượng Thọ có đoạn A Xà Thế cùng các vị vương tử đem hoa báu đến cúng dàng Đức Phật và cũng nguyện được sinh về cõi Cực Lạc của Đức Phật A Mi Đà. Còn Đề Bà Đạt Đa chết trong bệnh tật và bị đọa Địa Ngục A Tỳ vì đã có âm ưu giết Phật và làm thân Phật chảy máu.*

Đức Phật là bậc toàn năng, toàn trí, toàn tài, quanh Ngài luôn có chư Thiên hộ vệ, vì vậy mà không ai có khả năng giết được Đức Phật cả. Nên trong kinh chỉ nói đến việc “làm thân Phật chảy máu” mà thôi.

Tội “***Hủy báng Tam Bảo***” là tội rất nặng, khi mắc tội này sẽ cũng phải đọa A Tỳ Địa Ngục. Tam Bảo là ba ngôi báu Phật, Pháp, Tăng. Nhờ nương vào Tam Bảo mà những chúng sinh đã trôi lăn trong sinh tử dần dần sẽ được giải thoát. Vì vậy, hủy báng Tam Bảo sẽ làm đoạn diệt, mất đi căn lành của người khác đối với Tam Bảo, cũng tức làm mất đi cơ hội giải thoát của họ. Như vậy tội này lớn biết bao nhiêu, làm mất đi cơ hội giải thoát, cơ hội giác ngộ của một người thôi ta đã mắc tội nặng rồi, không chỉ đắc tội với Phật, với giáo pháp của Phật, với các vị Tăng, với người bị ta ngăn cản, mà ngay cả chính bản thân ta, ta cũng đắc tội với mình, với tổ tiên mình... Vạn sự vạn vật có liên quan mất thiết với nhau chỉ, quý vị mắc tội với một người là đồng nghĩa mắc tội với bao người khác vậy; nói xấu làm một người không tin Tam Bảo cũng đồng nghĩa làm nhiều người khác cũng bị liên lụy. Vì nếu người đó có thể nhờ nhân duyên biết đến Phật, Pháp, Tăng ở đời này mà họ được giác ngộ, rồi họ có thể giáo hóa, cứu giúp bao nhiêu chúng sinh khác. Cứ dần dần mà tính ra thì tội của mình cũng tăng lên như thế. Vì vậy, phải hết sức cẩn thận giữ gìn ba nghiệp thân, khẩu, ý. Cần nghiên cứu học tập, có thực tu và có những sự tâm đắc trong việc tu tập của mình để góp phần tán dương Tam Bảo, xiển dương giáo pháp của Phật thì những nhân lành được gieo trồng và quả lành sẽ hiện ra trong tương lai cho quý vị. Đó là hoa trái của giải thoát nơi cõi Tịnh của các Đức Phật chứ không phải là quả báo nơi địa ngục khổ đau.

Tội “***Không tôn trọng kinh điển”: Kinh*** sách ghi chép lại những lời Đức Phật giảng dạy. Đức Phật không còn tại thế, nhưng những lời giảng dạy của Ngài mà vẫn còn, giáo pháp của Ngài vẫn còn thì nương vào đấy chúng sinh vẫn như được Đức Phật thuyết pháp cho nghe. Vì vậy, nhìn thấy kinh sách thì phải cung kính như khi thấy Đức Phật. Thời xưa có một vị vua vì muốn thử một vị xuất gia tu hành, nhà vua mời vị xuất gia vào trong cung, nhưng lại bí mật cho chôn một cuốn Kinh Kim Cang dưới đất ở nơi cửa vào. Muốn bước vào vị kia phải bước qua cánh cửa đó. Vị xuất gia nhận được lời mời của vua rồi vào cung, nhưng đi đến trước cửa thì dừng lại không bước nữa. Khi được hỏi vì sao thì vị xuất gia nói: dưới đất có Kinh Kim Cang, làm sao mà tôi dám bước qua được. Kinh sách có uy lực lớn như vậy đó, Thiên Long Hộ Pháp bảo về bộ kinh ấy và những bậc thật sự chân tu cũng có khả năng để nhận biết Pháp bảo ở nơi đâu dù đã được cất dấu. Vậy mà, nhiều người trong chúng ta có được Pháp Bảo trong tay lại không biết gìn giữ, có được những lời vàng ngọc của Đức Phật từng tuyên thuyết mà không hề biết trân trọng Các vị Tổ ngày xưa đã mất bao tâm huyết để giữ gìn Pháp Bảo, lưu truyền dành cho hậu thế đến tận ngày nay nhưng chúng ta lại không biết cung kính với Kinh sách cho đúng. Dùng tay bẩn để nâng kinh, dở kinh cũng là không tôn trọng, cầm cuốn kinh không trang nghiêm, không cung kính cũng là không tôn trọng, để kinh nơi có nhiều tạp vật, cùng tranh ảnh thế tục, để chỗ quá thấp vv... cũng là không tôn trọng. Vì vậy, khi chúng ta phải hết sức cẩn thận, lưu ý chớ mắc những sai lầm theo thói quen cẩu thả mà gây tội, hủy hoại việc tu hành của mình.

Nhiều vị nghe nói ấn tống Kinh sách thì có công đức rất lớn, có tâm ấn tống nhưng lại tìm nơi in rẻ nhất, dùng giấy không tốt, mực in không tốt để in rồi đem phát cho người khác. Nhưng một quyển kinh không đẹp có gây được ấn tượng tốt với người được nhận không, đặc biệt nếu đem gieo duyên với người chưa biết về Phật pháp, liệu họ có trân quý không? Nếu họ thấy quyển này bình thường quá, không đẹp bằng nhiều sách họ có, hay sách ở thế gian, họ sẽ sinh tâm không kính trọng, không quan tâm đến kinh sách thì công đức của quý vị ấn tống cũng không nhiều, mà có khi còn tạo tội cho người nhận kinh sách kia, vì họ thỉnh kinh, có kinh sách của Phật trong tay mà lại không hành trì, tụng đọc rồi để bừa bãi. Như vậy phước đức chẳng có đâu mà lại mang tội. Nhiều nơi ở nước ngoài như ở Đài Loan, Hồng Kông, Trung Quốc, Nhật, Hàn Quốc và nhiều nước trên thế giới kể cả các nước phương Tây... họ in kinh sách rất đẹp. Trình bày bìa sách rất tao nhã, có khi nhìn bìa thôi là muốn có muốn đọc cuốn kinh đó ngay, muốn thỉnh ngay, rồi giấy in bằng chất liệu giấy lụa, tranh ảnh Phật và Bồ Tát trong kinh được in rất rõ nét, trang nghiêm. Nâng cuốn kinh trên tay mà như nâng một bảo vật, một bông hoa thanh khiết vậy, không dám đắc tội, không dám để bừa, không dám không cung kính, không dám không đọc tụng, hành trì.

**Giảng Kinh Địa Tạng Bài 26**

Hôm nay, chúng ta tiếp tục tìm hiểu và nghiên cứu Kinh Địa Tạng.

Chúng ta đọc đoạn kinh văn tiếp theo:

“***Nếu có chúng sinh nào xâm chiếm của thường trụ, làm nhơ hạnh Tăng Ni, ở ngay trong chùa tháp mà túng tứ buông lung, cùng nhau hành dâm dục, làm các việc trái đạo, hoặc đánh mắng giết hại Tăng Ni chúng đồng tu, những kẻ ác như thế, đọa Địa Ngục ATỳ, trải qua muôn ức kiếp không biết kỳ nào ra.”***

Qua đoạn văn kinh này chúng ta thấy Địa Tạng Bồ Tát tiếp tục dạy về những tội nặng dẫn đến đọa vào địa ngục A Tỳ.

***“Xâm chiếm của thường trụ”:***  của thường trụ tức là của Tam Bảo. Cách đây vài chục năm về trước có rất nhiều trường hợp người dân lấn đất của chùa để làm đất nhà mình. Đến bây giờ, sau nhiều năm gia đình lục đục, họ tìm hiểu ra rồi lên chùa xin hóa giải, nhưng thực sự sau khi đã phạm những việc này rồi thì khó hóa giải vô cùng. Thời xưa những khu đất được chọn để xây, chùa, đình, miếu mạo, đền đều là những nơi đất tốt, có vượng khí, có linh khí rất tốt. Nếu gia đình nào phúc mà kém phúc thì khi ở đó sẽ không phát mà ngược lại còn suy tàn. Đặc biệt là nếu lại làm những việc bất thiện thì nhà đó lại càng tổn phúc nhanh hơn, chuyện không hay không tốt sẽ xảy ra.

Hiện nay, lại có rất nhiều trường hợp mua bán đồ cổ, mà đồ cổ thì có rất nhiều vật được ăn trộm ở đình chùa, miếu mạo, thậm chí rất nhiều những tượng Phật cổ người ta cũng dám trộm để buôn bán.

Chúng ta là người học Phật, quý vị không được mua những thứ đó về để làm của riêng, có thể chuộc lại để cung tiến trả lại đền chùa, còn giữ cho mình thì tuyệt đối không được.

Tôi có một người Phật tử, hơn 30 năm nay rồi gia đình họ xảy ra nhiều chuyện mà không biết nguyên nhân từ đâu cả. Mới đây khi đi xem thì người xem bói cho họ nói trong gia đình có vật của chùa và là vật rất quý. Quý vị cần biết trong đạo Phật không khuyến khích xem bói, nhà Phật khuyến khích tích phúc, tu thiện, làm những việc công đức, tụng kinh, lễ sám, cúng dàng Tam Bảo làm việc phước điền. Nhưng ở thế gian người ta đi xem bói rất nhiều, và nhiều người họ thực sự có khả năng tâm linh tốt, họ có thể đoán đúng và chính xác nhiều việc. Gia đình về tìm trong nhà thì không thấy có vật gì, trừ ở trên nhà tổ có một tảng đá trước bậc lên xuống ở hiên. Thì ra khi xưa, ngôi chùa ở làng bị phá, ông trưởng họ đó thấy có tảng đá ở chùa to và đẹp thì thấy tiếc, liền đem tảng đá đó về kê ở đó làm bậc lên xuống. Vì vậy mà gia đình mới xảy ra nhiều chuyện như vậy.

Lại có một gia đình nữa, trước kia đem cói giã gạo ở chùa về dùng, đến khi máy sát gạo xuất hiện nhiều thì gia đình đem bỏ cối đó xuống ao rồi lấp đất lên chồng cây trái. Đến lúc gia đình gặp chuyện thì mới đi coi bói, người thầy bói nói rõ là gia đình trước kia đã ăn trộm cối đá của chùa nay phải mang trả và làm lễ tạ thì mới yên được. Gia đình về tìm thì không có cối đá nào cả, đến khi hỏi lại bố của mình thì ông bố mới nói là có và đã lấp đất từ 10 năm nay rồi. Khi đó họ phải thuê máy xúc đào đất lên để lấy tìm lại chiếc cối cho Tam Bảo, từ đó gia đình mới bắt đầu ổn định lại.

Chúng ta thấy đã là của của thường trụ, thần linh, quỷ thần thì không thể sử dụng một cách bừa bãi. Tiền chùa mà tiêu không đúng dù một đồng cũng rất nguy hiểm. Có thể tiêu xài thoải mái bây giờ đấy, nhưng nhân đời sau thì khổ vô cùng.

Hoặc trong chùa mà làm việc tà dâm, giết hại Tăng Ni... thì tất cả các tội trên đều phải đọa vào địa ngục.

Nhưng trong Kinh Địa Tạng cũng nói nếu làm ác mà biết ăn năn, từ đó mà chuyên tâm sám hối, tụng kinh, niệm Phật thì tất cả các tội đều được giảm nhẹ, chỉ trừ những tội ngũ nghịch. Điều này cũng làm nâng vị thế và thần lực của Bồ Tát Địa Tạng và sự cứu độ của Bồ Tát có thể giải quyết hết oan trái, nghiệp chướng và sự mê lầm đó.

***“ Nếu có chúng sinh nào giả bộ là Tăng Ni kỳ thật mình chẳng phải, nếu là người xuất gia, mà lợi dụng chùa tháp, chẳng trì trai giữ giới, ăn bám của thường trụ, sống tâm chẳng ngay thật, lừa gạt hàng bạch y, tạo vô lượng tội lỗi, chẳng một chút ăn năn, những kẻ ác như thế, đọa địa ngục A Tỳ, rải qua muôn ức kiếp, không biết kì nào ra...”***

Những người “giả bộ làm tăng Ni” bây giờ rất cũng xuất hiện rất nhiều, họ chỉ bỏ một vài trăm nghìn, đến những cửa hàng pháp phục Phật giáo rồi mua tấm y, đắp lên người, mua thêm một bình bát rồi giả làm người xuất gia. Giả vờ đi khất thực làm nghề mưu sinh cho mình, đến nỗi trên tờ báo Giác Ngộ phải lập một đường dây tiếp nhận thông tin khi nghi vị nào là sư giả. Ở các ngôi chùa nổi tiếng có nhiều khách tham quan, du lịch như chùa Hương hay Yên Tử cũng có những tình trạng trên. Họ đứng để xin tiền, khi cho họ thức ăn họ không nhận họ chỉ xin tiền thôi. Và xin khẳng định với quý vị ở đây những trường hợp như vậy là sư giả. Giáo hội Phật giáo Việt Nam mới đây đã ra quyết định rằng sẽ không đi khất thực nữa để giải quyết nạn sư giả như trên. Trừ vào những trường hợp đặc biệt như vào mùa an cư, các vị bên phái khất sĩ Nam Tông muốn làm sống lại truyền thống khất thực thời xưa của Đạo Phật vì vậy vẫn còn đi khất thực vào những ngày nhất định để các Phật tử mong muốn được cúng dàng tổ chức cúng dàng mà thôi. Còn bình thường, những Tịnh xá , tu viện vẫn có bếp và nấu ăn như chúng ta.

Một trường hợp giả dạng Tăng Ni lừa đảo nữa là bán hương giả, xảy ra rất nhiều. Họ giả vờ chụp ảnh nhà chùa làm hương để bán, rồi nói trụ trì đang xây chùa nên cho đi hóa duyên. Phật tử thấy thương, thấy kính, thấy quý thì muốn mua nhiều nhưng họ rất biết lắt léo, họ nói: Nhà chùa chỉ bán ba bó thôi, chỉ mang hình thức hóa duyên chứ không để kinh doanh. Thế là người Phật tử lại càng tin, nếu là giả, là tham, là lừa đảo thì đã không thế. Vậy mà hóa ra chúng ta lại bị lừa một cách trắng trợn. Bó hương giá chưa tới 5000, họ bán 1000 nghìn, nhiều người lại còn cung tiến thêm. Thật là tội lỗi khi kinh doanh trên lòng tin của người khác với Đức Phật, với Tam Bảo. Tội lỗi đó nếu không thực sự sớm ăn năn thì bao giờ mới trả hết tội của mình.

Còn đối với người Phật tử chúng ta có tâm sẵn sàng cúng dường là quý, là tốt nhưng cũng phải tỉnh táo để có con mắt nhìn nhận đúng đắn, vừa để phản tỉnh họ kịp thời cho họ hiểu được nhân quả mà bỏ tà về chính, vừa để cúng dàng những bậc, những nơi xứng đáng được nhận cúng dàng. Như vậy chúng ta cũng góp phần để Phật pháp trường tồn và hưng long được. Nếu không chúng ta sẽ tiếp tay cho kẻ xấu làm ảnh hưởng đến Phật giáo chân chính.

Những người sống ở trong chùa là người xuất gia, nhưng chỉ xuất gia trên hình tướng, cạo bỏ râu tóc, đầu tròn áo vuông nhưng lại “lợi dụng chùa tháp, chẳng trì trai, giữ giới, ăn bám của thường trụ, sống tâm không ngay thật, lừa gạt hàng bạch y...” , (hàng bạch y ở đây là chỉ cho những Phật tử tại gia). Những người tạo tội như trên sau khi mất đi sẽ đọa trong địa ngục A Tỳ mà không biết ngày nào mới thoát ra khỏi.

“***Nếu có chúng sinh nào trộm cắp của thường trụ hoặc tiền tài lúa gạo, cùng thức ăn đồ uống, nhẫn đến các vật dụng, cho đến một vật nhỏ, không cho mà cứ lấy, những kẻ ác như thế, đọa Địa Ngục A Tỳ, trải qua muôn ức kiếp, không biết kỳ nào ra”***

Chúng ta thấy có những thứ dù rất nhỏ thôi nghĩ là không đáng là bao cả, nhưng đã là đồ của thường trụ Tam Bảo, chúng ta lấy trộm thì hậu quả thật khôn lường.

Như chúng tôi nói ở những bài trước, kể cả đồ vật được cúng cho Tăng, nhưng người tri chúng, tri sự, kể cả thầy Trụ Trì mà lấy để cho riêng người mình yêu quý thì cũng mắc tội.

*Cách đây bảy, tám năm có một trường hợp xảy ra ở Sơn Đông, gia đình này có người đã bị bệnh một thời gian, người này cứ sốt cao và nói nhảm, đi khám bác sĩ cho thuốc nhưng bệnh không thuyên giảm, họ bèn sang chùa lễ Phật rồi gặp tôi xin tìm cách chữa. Khi đó tôi cũng lấy một chai nước cúng rồi bảo họ đem về cho người nhà uống, nếu là bệnh về đường âm thì sẽ qua khỏi, còn không thì lại phải đưa đi bệnh viện khám lại cẩn thận. Tôi bảo họ đi lấy cành ngâu mà rảy nước đó. Khi đó ngoài cổng chùa có một cây ngâu, gia đình họ bẻ luôn cành ở cây ngâu đó đem về. Về đến nhà, vừa rảy nước được một lúc thì người kia họ kêu gào rồi bảo: “Sao lại đi ăn trộm của chùa Sao lại đi ăn trộm của chùa?...”*

*Họ đang sốt nặng như vậy mà tự dưng cứ chạy nhảy rồi nói thế. Gia đình kia lại sang gặp tôi kể lại chuyện đó.*

*Tôi nghĩ: Nước thì mình đã khấn Phật, khấn Bồ Tát rồi cho họ hẳn hoi. Sao lại có chuyện như vậy được! Tôi hỏi thế gia đình có lấy gì nữa không?*

*Họ trả lời: Con chỉ ngắt thêm cành ngâu về để rảy nước thôi.*

*Thì ra là vậy! Tôi liền vào khấn Phật, Bồ tát, Đức ông tha hoan hỷ tha thứ cho họ.*

*Quả nhiên, khi họ về nhà thì người bệnh đã khỏi, khỏi luôn sốt, khỏi luôn nói nhảm. Có những điều kỳ diệu, lạ lùng như vậy đấy. Thế nên từng cây kim, ngọn cỏ, chiếc lá, nếu chẳng phải là của mình, hoặc chưa được đồng ý cho phép dùng thì quý vị đừng lấy. Đồ ở chùa thì là của thường trụ Tam Bảo, ở đình là của Thánh, ở Miếu thì là của Quỷ thần, ở ngoài rừng là của Sơn thần thổ địa. Muốn xin thì phải báo trước chứ chúng ta không được tự tiện lấy.*

*Khi đi vào chùa, quý vị muốn lấy gì thì phải hỏi những người được giao nhiệm vụ trông coi, không thể tự tiện được. Trước đây chùa chúng ta còn nhỏ, chỉ có tôi và mấy đệ tử, công việc trong chùa thường có các vãi sang trông nom. Giờ đây, hai chúng xuất gia đã gần 50, 60 người, công việc cũng dần dần giao cho các sư làm cả, các vãi thì chỉ ngày rằm, mồng một mới sang chùa viết sớ, làm công quả. Vì đã giao việc trông nom các ban bệ cho các đệ tử của tôi rồi nên các Vãi trong chùa cũng không được tự ý hạ bánh kẹo, hoa quả, sôi chè vào các ngày lễ như xưa nữa. Tất cả hạ gì đều phải hỏi các vị có trách nhiệm. Mới đây có Vãi khi hạ lễ mà không hỏi người được phân công trực ban hôm đó, khi ấy đệ tự tôi có ra nói: Các cụ không nên tự tiện hạ lễ, trước khi hạ phải được sự đồng ý của người trực đã, nếu không cụ mắc tội ăn trộm đó.*

*Cụ kia nghĩ từ trước đến nay mình vẫn làm, chẳng cần hỏi ai, thời khóa xong rồi hạ, có sao đâu. Nay lại bảo mình mắc tội ăn trộm, thế là khóc bù lu, bù loa lên. Tôi đang đi vắng, vậy là cũng gọi điện cho tôi kể lể. Khi về tôi lại phải gọi người trực ban lên để hỏi đầu đuôi, hôm nay cũng nói lại rõ cho các quý vị để quý vị hiểu rõ.*

*Là Phật tử, là người đến chấp tác làm công quả quý vị muốn lấy gì, hạ gì thì đều phải hỏi trước, được sự đồng ý được làm. Kể cả tôi có bảo đi lấy vật gì cho tôi, thì khi đến nơi đâu để lấy, Tam Bảo, nhà Tổ, phòng bốc bát hương, phòng phát hành kinh sách, phòng thông tin... các quý vị đều phải hỏi người đang trực ở đó. Hỏi để cho họ biết. Và người đã được giao trách nhiệm làm việc cũng phải làm đến nơi chốn, không được tự ý cho, tự ý nhận. Ngay cả những thứ người khác mang đến cúng dàng cho chùa, nếu không được sự đồng ý của tôi cũng không tự ý nhận. Nhiều người họ bảo cúng dàng kinh , cúng dàng sách, nhưng nhiều sách không phù hợp, đôi khi còn là tài liệu phản động, chống phá dân tộc. Nếu nhận bừa bãi, tùy ý thì thật nguy hại vậy.*

*Trước kia có người đến chùa, họ bảo là họ được bề trên báo cho là có bậc vĩ nhân, là chân mệnh thiên tử xuất hiện ở đất Sơn Tây, người này có khả năng mang lại thái bình, thịnh trị cho đất nước, cho dân tộc. Người đó hoặc là người tu hành hoặc là bậc tài năng, đức độ ở ngoài đời. Họ nói đi nhiều nơi tìm khắp mà không tìm ra, vừa nhìn thấy tôi, qua cách tôi đi đứng, nói chuyện họ nhận ra tôi ngay. Tôi cũng ngồi nghe và để cho họ nói. Khi ra về họ để lại một tập tài liệu, xem qua vài trang tôi nhận ra là tài liệu chống phá nhà nước, chia rẽ đoàn kết dân tộc. Để họ về tôi giao tài liệu cho bên chính quyền địa phương để các bác giải quyết, mấy tháng sau một đường dây chống phá nhà nước bị bắt ở miền Trung.*

*Hòa Thượng Trí Tịnh kể có vị Hòa Thượng ngày xưa cũng rất giỏi, cũng rất đức độ, khi quân Ngụy quyền đến nói với vị đó là : Ngài là bậc xuất chúng, bậc thiên tử cứu độ chúng sinh; lúc đầu Ngài không nghe, không tin. Nhưng sau đó bên kia họ dùng tiền của xây chùa rồi làm nhiều việc khác cúng dàng Ngài rồi Ngài cũng theo bên đó. Sau này, vị đó cũng bị thiệt mạng, thiệt mạng theo dòng quyền bính, chính trị.*

Vì vậy, mà Đức Phật không cho người xuất gia làm chính trị. Khi xưa Đức Phật còn tại thế, các vua 8 nước đều quy y với Ngài và Đức Phật cũng không cũng để cho Tăng đoàn phải chịu ảnh hưởng của vị quốc vương, hay thế lực chính trị nào cả. Nơi nơi đều cung kính Tam Bảo. Tất cả mọi mối quan hệ giữa Tăng đoàn với bên ngoài Đức Phật đều dung hòa được hết và luôn luôn ở trong một mức độ nhất định, chừng mực, khéo léo như vậy đó.

***“Bồ Tát lại bảo rằng : Xin Thánh Mẫu lắng nghe, nếu có các chúng sinh, tạo những tội như thế, tất sẽ đọa A Tỳ, chịu khổ không dừng nghỉ, dù chỉ là một giây, vì thế địa ngục kia, còn gọi Ngục Vô Gián”***

***Thánh Mẫu lại hỏi rằng: Vì sao địa ngục ấy lại gọi Ngục Vô Gián?”***

***Bồ Tát liền đáp rằng: “Thánh Mẫu hãy lắng nghe, tất cả các địa ngục đều ở trong núi lớn, tên gọi Đại Thiết Vi”***

Núi Đại Thiết Vi là núi lớn thứ hai sau núi Đại Tu Di. Núi Đại Tu Di là núi lớn nhất trong giải ngân hà thuộc tam thiên, đại thiên thế giới. Dãy Tu Di là núi báu, núi công đức có sắc vàng và luôn tỏa hào quang, thường tỏa ra cây thơm, cỏ lạ, trong đó có các loài thú quý hiếm, các vị thần linh cũng tụ họp ở trên đó rất nhiều. Ngược lại với núi Tu Di là núi Thiết Vi, núi Đại Thiết vi thì toàn một màu đen.

***“Những Địa Ngục lớn có tất cả mười tám nơi, những địa ngục nhỏ hơn tổng cộng có năm trăm, kế dưới có một nghìn, tên gọi đều khác nhau. Trong mỗi mỗi ngục đó lại có các ngục nhỏ, nhiều đến muôn ức nghìn thật chẳng thể đếm được. Trong các Ngục vừa kể, có ngục tên A Tỳ, chu vi rộng lớn một muôn tám nghìn dặm, tường ngục kia dày chắc, cao tới một nghìn dặm, do nghiệp cảm tạo lên, được làm toàn bằng sắt.”***

Nếu muốn rõ các Địa Ngục quý vị có thể tìm đọc quyển Lục Đạo Tập của Hoằng Tán Đại Sư. Biết được các cảnh giới địa ngục, các loại địa ngục ghê sợ và khủng khiếp như thế nào, chúng ta sẽ phản tỉnh mà chẳng dám làm điều ác nữa. Kinh Hoa Nghiêm nói : “Nhất thiết duy tâm tạo”; cảnh địa ngục này cũng là do Tâm ta tạo tác, tại ta làm ác mà chiêu cảm cảnh ác. Cảnh Cực Lạc cũng là từ Tâm mà có, nhớ Phật, niệm Phật hiện tiền tương lai nhất định thấy Phật. Thấy Phật rồi được Phật đưa về cõi nước của Ngài để tu tập, để một đời bất thoái thành Phật. Quý vị chon đường nào, quý vị phải xác định. Phật thương chúng sinh, nhất định Phật sẽ không bỏ những ai đã thật sự biết ăn lăn, đã thực sự hồi đầu, phát bồ đề Tâm cầu sinh về cõi Ngài đâu. “Hồi đầu thị ngạn” mà, chúng ta phải tu tập tinh tấn đừng để mất cơ hội về Tây Phương trong đời này, hoặc phải theo Kinh Địa Tạng mà hành trì, đời đời kiếp kiếp không bị thoát lui, luôn được Ngài dẫn dắt cho đến ngày viên mãn Bồ Đề vậy. Còn không, lại muốn hưởng phúc rồi đến ngày “ăn hòn sắt nóng, uống nước đồng sôi” thì khổ cực trăm bề, tường sắt, vách sắt, khủng khiếp như vậy, tối tăm như vậy quả là đáng thương.

Có Phật tánh, có thể thành Phật thì cớ sao lại cứ lặn hụp trong sinh tử làm gì, như người có của báu trong nhà mà không biết, cứ đi lang thang như người cùng tử, để Phật phải thương xót, Bồ Tát phải rơi lệ vì chúng ta. Đừng phụ lòng, phụ công các Ngài nữa quý vị ạ.

Cảnh địa ngục lại được tả tiếp như sau:

***“Lửa cháy tuôn rừng rực, suốt cả ngày lẫn đếm, thông từ trên xuống dưới, bốc từ dưới lên trên. Lại ở trên ngục đó, có chó và rắn sắt, phun lửa cắn đuổi nhau, chạy khắp trên mặt thành ”***

Khiếp quá! bị đuổi thế này thì quá sợ hãi, chỉ mong trốn thoát thời giờ đâu mà nhớ đến niệm Phật. Dù hào quang của Phật A Mi Đà chiếu khắp cả các cõi, nơi địa ngục cũng không trừ nhưng làm sao chúng ta tỉnh được mà niệm Ngài. Vì vậy, lúc nào còn ngồi buôn dưa lê, nói chuyện trời chuyện biển, Thầy nọ, cô kia thì quý vị hãy tranh thủ trân quý thời gian, trân quý nhân duyên Phật pháp đời này thành thật mà niệm Phật.

***“Trong ngục có chiếc giường biến hiện muôn nghìn dặm, một mình người tội nhân, nằm cũng chật cả giường, nhẫn đến muôn ức người, nằm cũng chẳng khuyết thiếu”***

Một người cũng chật giường, nhiều người cũng vừa đủ. Chiếc giường đó là do nghiệp cảm của chúng sinh vậy. Hễ ai cứ làm điều ác, đáng bị tội như vậy thì cũng đều có phần cả.

Quý vị thấy đấy, làm lành được quả lành, làm ác sẽ bị quả ác; quả báo tơ hào không sai. Vì vậy mà hãy nỗ lực làm lành thay vì làm ác, như giọt nước tích dần sẽ đầy lu, lu nước ấy sẽ đủ cho quý vị được sinh trong ao nước tám công đức, hóa thân trong hoa sen chứ không phải là nằm trên chiếc giường khủng khiếp kia.

***“Vì nghiệp cảm gây lên, có quả báo như thế. Lại có những tội nhân, chịu mọi lỗi thống khổ, bị trăm nghìn quỷ dữ, Dạ Xoa và La sát, móng vuốt nhọn như gươm, mắt sáng như điện chớp, răng nanh dài chìa ra, cắn ngoạm và cấu xé. Lại có quỷ Dạ Xoa, cầm cây kích sắt lớn, đâm vào người tội nhân, hoặc đâm thẳng vào miệng, hoặc đâm vào mắt mũi, hoặc đâm thẳng vào bụng, hoặc tung lên trên không, hoặc ném xuống giường sắt, đâm nhiều lần như thế, không lúc nào dừng nghỉ”***

Quá là ghê rợn, chúng ta chỉ bị kim đâm, hay giẫm phải gai thôi là đã đau rồi, vậy mà cảnh địa ngục thống khổ đến mức kia. Nhưng hãy tưởng tượng đến cảnh giết hại trong các lò mổ, hãy tưởng tượng đến các lò mổ công nghiệp trên khắp thế giới, hãy nghĩ đến lễ hội đâm trâu hay chém lợn. Chẳng phải cũng giống cảnh địa ngục hay sao? Và trong mắt những con vật bị chết, bị giết, bị vặt lông, bị lột da, đánh vảy, mổ bụng thì người làm khổ nó có khác gì như quỷ Dạ Xoa và La Sát không??? Quý vị có thể tự suy ngẫm và trả lời.

Hòa Thượng Tịnh Không giảng vì thời cổ binh khí chỉ có những loại trên nên trong kinh chỉ nói đến những cách hành hạ này. Còn nếu là thời hiện đại thì nhất định cảnh giới địa ngục sẽ có vũ khí hạt nhân, bom nguyên tử, mìn, vũ khí hóa học vv...

Nếu người sống ở trên đời làm những việc bắn giết, sát sinh, hại vật, xem phim ảnh bạo động, đặc biệt giới trẻ hiện nay thích xem phim kinh dị, chơi game bạo lực thì tất cả những điều trên sẽ gieo vào A Lại Da Thức của người đó, đến khi đọa A Tỳ những cảnh đó sẽ tái hiện lại với chính mình.

Vụ án Nguyễn Văn Luyện làm chấn động cả nước, là một thanh niên có 16, 17 tuổi thôi mà giết người không ghê tay. Báo chí nói Nguyễn Văn Luyện nghiện game bạo lực, có thể chơi thâu đêm suốt sáng. Và những cảnh giết hại Luyện tiếp xúc hằng ngày khiến luyện mới có thể thẳng tay tàn sát như vậy.

Năm 2015 cũng có vụ án Nguyễn Hải Dương, cũng giết người một các dã man đến lỗi các chiến sĩ điều tra nghĩ đó là sự trả thù của xã hội đen chứ không phải là người bình thường mà có thể tàn ác đến vậy. Từ đâu mà xã hội lại có Nguyễn Văn Luyện, có Nguyễn Hải Dương, truyền thông, mạng internet liệu có trách nhiệm không?

Hòa Thượng Tịnh Không vì vậy đã khuyến cáo rằng: Không nên coi khoa học khủng bố, phim ảnh giả tưởng, tuy có đọa địa ngục thì cũng bớt đi không ít hình phạt.

Ngài còn dạy nếu người chân chính tu học thì phải giữ gìn sự trong sáng của đôi mắt của đôi tai vậy. Mắt không thấy cảnh ác, tai không nghe lời ác, hết thảy cảnh giới ác liệt chúng ta đừng tiếp xúc, đừng tiêm nhiễm là tốt nhất. Nhất định là sẽ có lợi ích to lớn cho có quý vị.

***“Lại có các loài chim, thân mỏ đều bằng sắt, dùng mỏ sắc cứng ấy, moi mắt của tội nhân. Lại có loài rắn sắt, quấn chặt đầu tội nhân, mà cắn mà phun độc, khiến đau đớn vô cùng. Hoặc mình mẩy chân tay, đều bị đóng đinh sắt. Hoặc dùng móc sắt dài, lôi kéo lưỡi dài ra, rồi dùng dao cày kéo, xới cắt lưỡi tội nhân. Rồi dùng nước đồng sôi, đổ vào miệng bắt uống. Lại dùng thanh sắt nóng, đem áp sát vào mình, khiến chết đi sống lại, trải qua muôn nghìn lần. Các tội báo như thế, đều do nghiệp tạo ra, không biết đến bao giờ, mới mong thoát ra được. Dù cho thế giới này đến thời kỳ hư hoại thì chúng tội nhân ấy chuyển sang thế giới khác. Khi thế giới ấy hoại lại chuyển sang phương khác, cứ lần lượt như thế không biết lúc nào dừng.”***

Chúng ta thấy Bồ Tát Địa Tạng đã kể một cách tổng quan những cảnh trong địa ngục mà chúng sinh phải chịu sau khi chết mà đọa địa ngục. Chúng tôi xin nói sơ qua những loại địa ngục đó.

***Thứ nhất: Bạt thiệt địa ngục*** là địa ngục kéo lưỡi. Quý vị từng bị nhiệt miệng hay nhiệt lưỡi chưa, rất là khó chịu, ăn không ăn được, nói cũng có cảm giác rất khó chịu. Vậy mà ở địa ngục này Ngưu đầu, ngục tốt dùng móc sắt kéo lưỡi dài ra, kéo vậy nhưng lưỡi không bị đứt mà do nghiệp cảm lưỡi sẽ dài và rộng ra, sau đó thì dùng dao để cày xéo, hay kéo cày trên lưỡi vậy.

Những người tạo ra khẩu nghiệp: vọng ngữ, nói lưỡi đôi chiều, ác khẩu...nói những lời phỉ báng Tam Bảo, Thánh Hiền, thần linh sẽ bị đọa vào ngục này. Biết như thế này, trong cuộc sống hằng ngày, những việc gì im lặng được thì hãy im lặng, cần nói thì mới nói, chúng ta phải cố gắng làm được những điều như vậy, nói lời lương thiện. Hãy để cho cái lưỡi, cái miệng ta tạo công đức để cho nó Niệm Phật, tụng kinh thì tương lai ta sẽ không phải gặp cảnh khổ này.

***Thứ hai là Tiễn đao địa ngục:*** những tội nhân ở trên đời làm những việc xấu ác sẽ đọa ngục này. Ngưu đầu, ngục tốt cứ lấy những con dao sắc bén mà đâm mà cắt, đầu tiên là cắt ngón chân, ngón tay, rồi cắt dần dần thịt trên cơ thể. Giống như tội tùng xẻo ngày xưa vậy, cứ đánh một tiếng trống tùng một cái thì tội nhân bị xẻo một miếng thịt. Đau đớn và khổ sở vô cùng vậy. Ấy thề mà không chỉ một ngày, hai ngày là xong, mà ngày nào cũng thế, kéo dài đến trăm nghìn, vạn năm vẫn cảnh hành hình ấy cứ tái diễn, cứ chết rồi thì nghiệp cảm lại làm người đó sống lại. Vì con người ta khi ấy không sống bằng thân mà sống bằng tâm thức mà chiêu cảm như vậy.

***Thứ ba là Thiết thụ địa ngục:*** những người sống ở trên đời thường hay chia rẽ cốt nhục, làm chia lìa phụ tử, phu thê, huynh đệ của người khác sẽ đọa ngục này. Những móc câu sắt nhọn hoắt sẽ móc vào mình, rồi treo ngược lên, ở dưới thì lửa cháy, đầu tiên tội nhân bị cháy tóc, rồi cháy đầu, rồi đến thân. Chết đi rồi, gió phong đao nổi lên lại sống lại rồi lại phải chịu khổ như thế.

Hiện nay, trên thế giới nạn khủng bố diễn ra ở nhiều nước, những người gây ra khủng bố họ dã man vô cùng vậy. Và những cảnh khủng bố đó chính là hiện tướng của địa ngục. Nhóm khủng bố hồi giáo IS chẳng hạn, họ nhốt con tim họ bắt được trong chiếc lồng sắt rồi cho chiếc lồng lên cao, lửa thì đốt ở dưới. Cứ thế rồi từ từ hạ lồng sắt xuống. ở dưới kẻ chủ mưu thì cứ khoái chí cười còn người bị giam thì kêu la thảm thiết trong lồng sắt.

Nếu quý vị cứ yêu thích cái cõi Ta Bà này, rồi lại muốn trở lại đây sống cuộc sống của con người cõi này, thì có lẽ đó là một ước muốn cần xem xét lại, cần phản tỉnh lại. Nghiệp đâu có đồng nhau để các quý vị có thể cùng có được thân người để hội tụ nhau, thứ nữa là nếu chẳng may sinh ra ở những nước có khủng bố, gặp phải những nhóm cực đoan như IS thì chúng ta có trốn thoát được không. Không phải đời nào cũng được sống ở một quốc gia yên bình đâu quý vị ạ, hơn nữa lại còn được gặp Phật pháp để tu hành nữa, phải có duyên lành, biết bao nhân duyên tốt hội tụ để ta có thể ngồi đây mà nghe pháp. Quý vị đâu có pháp nhãn, có huệ nhãn mà nhận ra được cơ hội quý báu này.

Thế giới bây giờ như một thúng thuốc súng vậy, 2 cuộc chiến tranh thế giới đã diễn ra rồi, bây giờ tuy các nước có giao lưu kinh tế, văn hóa, nhưng nước nào cũng phải chuẩn bị đủ các loại vũ khí để đề phòng, để chuẩn bị chiến tranh với các nước khác. Bạn để dành tiền để sau này chữa bệnh thì bạn sẽ bị bệnh, chuẩn bị vũ khí để đề phòng chiến tranh thì sẽ có chiến tranh. Cuộc sống ở cõi giả tạm này thật vô thường, bình yên chẳng bền chắc, vậy nên hãy chuẩn bị cho ngày lâm chung của mình, đừng tham luyến điều gì cả để rồi lại trôi lăn trong sinh tử. Quý vị hãy tin lời Phật mà nhất tâm niệm Phật để cầu theo chân Phật về Tây Phương thắng cảnh, nếu không thì ít nhất cũng tụng đọc, thọ trì Bộ Kinh Địa Tạng này để được 100 lần sinh lên cõi Trời Đao Lợi. Mỗi kiếp sống 1000 năm, mỗi ngày đêm ở trên đó lại bằng 100 năm ở nhân gian chúng ta. Hết thời gian đó, quay trở lại cõi này, có thể được gặp Di Lặc Bồ tát dưới cội Long Hoa, chúng ta xuất gia theo Ngài để chứng Thánh Quả thì cũng là muôn phần tốt đẹp cho chúng ta rồi.

***Thứ tư là nghiệp kính địa ngục:*** Diêm vương có một chiếc kính gọi là Nghiệp Kính Đài, chiếc kính này sẽ tái hiện toàn bộ những việc làm thiện, ác của chúng ta lúc còn sống. Vì vậy mà chúng ta chẳng thể chối cãi được những tội xấu mà mình đã gây tạo. Sau khi Diêm Vương soi xét những tội của tội nhân rồi thì thì y theo đó mà bị đưa dến các địa ngục khác để thọ khổ báo.

***Thứ năm là Chưng nung địa ngục:*** kẻ làm ác trên đời sau khi chết đi mà địa ngục này sẽ bị nung trong một cái thùng sắt, sau đó lại bị lột ra rồi bị vứt vào một ngục nhỏ hơn , là nơi lạnh giá vô cùng. Trước thì chịu nóng sau thì chịu lạnh. Địa ngục nhỏ này còn gọi là Ngục A tra tra, do những tiến rên vì lành của tội nhân trông đó mà gọi tên địa ngục này vậy.

***Thứ sáu là Đồng trụ địa ngục***: người ở thế gian đã có gia đình mà còn ngoại tình, mắc tội tà dâm thì khi chết sẽ đọa địa ngục này. Họ cứ ôm cái cột đồng bị nung đỏ mà thọ khổ. Do nghiệp tà dâm của họ mà tạo nghiệp như thế.

***Thứ bảy là Đao Sơn địa ngục:***  nếu ở thế gian mà coi khinh Tam Bảo, các vị thánh thần; rồi những kẻ giết hại chúng sinh. Sau khi họ chết đi sẽ bị bắt chèo lên các núi đao để chị tội. Chèo đến đâu, dao sắt lại cứu đến đó.

***Thứ tám: Băng sơn Địa Ngục:*** những người khi còn sống ở đời lập mưu giết cha mẹ, giết vợ, giết chồng, phá thai... thì sẽ đọa vào địa ngục này. Địa ngục này thì lại là những núi băng lạnh lẽo. Có lẽ khi còn sống, đến những người thân thiết nhất của mình mà họ còn giết thì khi chết họ phải theo nghiệp mà chịu cái lạnh giá, cô đơn vậy. Đúng là nghiệp như bóng theo hình, tự làm thì tự chịu.

***Thứ chín là Dầu oa địa ngục:*** Những người ở trên đời sát sinh, hại vật, nấu nướng chiên rán các sinh vật để ăn hoặc làm nghề mưu sinh, thì sẽ vào trong địa ngục này. Trong ngục này có dụng cụ tra tấn là những chảo dầu nóng sôi sùng sục vậy, nếu như nước chỉ sôi ở 100 độ, nhưng dầu mỡ nóng hơn rất nhiều vậy.

Chúng ta đã tu hành, biết đến những cảnh địa ngục như trên thì cố đừng đọa vào để cho đỡ khổ. Quý vị đia chùa, người thân có hủy bán quý vị thì cũng phải an nhẫn mà trả. Mình không phải buồn lòng hoặc đôi co với họ. Đôi có với họ mình vừa mất phần tu tập, mà họ càng tạo thêm nghiệp chướng. Họ bất tín Tam Bảo, bất tín Phật pháp để rồi sống không có nơi điểm tựa tâm linh để nương về, sống mà không được hưởng thụ Phật pháp đó đã là điều thiệt thòi quá lớn của họ rồi.

*Có một Phật tử đến chùa hay gặp rồi kể nể với tôi rằng mình rất khổ, rất buồn khi chồng không thích cho cô lên chùa, cô em dâu lại cũng khó chịu vì chị dâu đi chùa nhiều.*

*Còn nói với anh trai mình rằng: Anh lấy vợ mà không biết dạy vợ, có thời gian thì ở nhà chơi cho khỏe, có tiền thì mua quà ăn cho sướng. Sao lại cứ mang lên mà cúng mấy ông sư trên chùa.*

*Tôi nói với Phật tử đó là thôi, cứ an nhẫn mà chịu. Ấy vậy mà gần đây chồng cô em bị chết, cô ta mời thầy phong thủy đến nhà làm lễ. Từ đó tất cả người trong nhà đều thấy lạnh lẽo, ở nhà của mình mà còn không dám ở. Lúc đó mới đến cầu cứu chị mình, xin chị đưa lên chùa. Cô ta lên đây, xin tôi giải bùa, tôi nói cứ về tụng kinh Địa Tạng trong 21 ngày trước đã. Cô ta nghe lời và về nhà tụng, còn không dám ra khỏi nhà, chỉ ở nhà tụng kinh thôi. Mới được có 1 tuần tụng quyển kinh Địa Tạng này thôi thế mà nhà bây giờ đã thấy ấm áp và không con sợ như trước nữa. Cô ta nói với chị mình: Đúng là Phật pháp nhiệm màu chị ạ.*

*Đấy quý vị thấy khôngĐức Phật nói rồi: có ba điều không thể che giấu mãi được đó là mặt trời, mặt trăng và sự thật. Thánh Đạo là con đường đúng đắn và là con đường thoát khổ cho chúng sinh. Vậy với những người tín căn chưa có, chúng ta không cần giải thích nhiều, đến lúc họ chịu đau khổ, với biết hồi đầu, họ sẽ phải cầu cứu vào Tam Bảo, sẽ cần có điểm tựa tâm linh để nương tựa. Vì vậy quý vị cứ vững tin vào con đường mình đã chon lựa, an nhẫn tu hành, sẽ có ngày thành tựu rồi độ được cả mình, độ được cả chúng sinh.*

**Giảng kinh Địa Tạng Bài Bài 27**

Chúng ta cúng nghiên cứu tiếp về 18 Địa Ngục.

***Địa ngục thứ mười: Ngưu khanh địa ngục***, Ngưu tức là con trâu. Những người ngược đãi giết hại các loài động vật sinh linh, sinh vật nhỏ bé thì sẽ đọa địa ngục này.

Quý vị biết thời nay con người tâm tính rất động loạn, có những trò tiêu khiển rất kỳ dị vậy. Họ giết hại động vật rồi cho đó là thú vui, rồi còn quay để cho lên mạng xã hội. Nghĩ ra đủ cách để giết những con vật trong tay họ. Làm những điều đó chứng tỏ họ chẳng còn tình thương, chẳng còn lòng trắc ẩn nữa rồi.

Lại nữa, chúng ta nuôi chim cảnh ở trong lồng có phải là ngược đãi động vật không? Người ta giải thích rằng nuôi như vậy là thương yêu động vật chứ không phải là ngược đãi. Còn hơn là để con chim kia bay nhảy rồi bị thú bắt, người bắt để ăn thịt! Như vậy có lý không? Thử hỏi quý vị bị nhốt trong một ngôi nhà kín, đói thì được cho ăn, khát thì được cho nước uống. Không bạn bè thân thích, không người trò chuyện, thương yêu quý vị, mình nói mình nghe, quý vị nghĩ như vậy có chịu được không. Một ngày, hai ngày quý vị chịu được nhưng tập tính của người thường thì chắc chắn không thể kéo dài cả đời như thế. Chính vì vậy mà nhiều đứa bé ngày nay, từ khi còn rất nhỏ, bố mẹ bận đi làm, không có thời gian trông nom chăm sóc chúng. Chúng bị cho ở nhà với cái ti vi, với cái máy tính, và căn bệnh tự kỉ trở lên rất phổ biến. Như con chim có đôi cánh dùng để bay, có đôi chân để chạy nhảy mà bây giờ quý vị kìm hãm sự bay nhảy của nó, rồi mong nó cất những tiếng hót hay cho mình nghe thì quá vô lý phải không. Những đứa trẻ lớn lên bị thiếu tình yêu thương của cha mẹ, chỉ biết bốn bức tường rồi đến trường, đến lớp học và học và điểm số và thi đua; không hề được dạy yêu thương thiên nhiên, đất nước, cỏ cây thì làm sao có thể trở thành bậc hiền đức và sống vì chúng sinh...

Ở Trung Quốc mới đây có trường hợp giết mẹ của mình mặc dù đã tốt nghiệp đại học và làm giáo viên dạy nhạc. Chính vì cả thời thơ ấu cậu ta được sống như một con chim trong lồng vậy, chỉ biết học, thi đua và điểm số. Không học tốt thì bị mẹ đánh. Điểm cao để làm gì, thành tích để làm gì khi luôn bị gò ép. Biết bao em học sinh dù không có điều kiện tốt để học hành, nhưng vẫn có thành tích rất tốt đấy thôi, tốt một cách tự nhiên. Học tốt, học giỏi cũng chỉ để có cuộc sống tốt. Vậy sao phải hi sinh cả thời thơ ấu cả thời thanh niên đầy sức sống để gò ép bản thân mình. Càng uốn mình thì cuộc sống càng ngột ngạt, càng khó khăn, trắc trở. Đến lúc áp lực, cuộc sống không được như mong muốn, không chịu được nữa rồi thì vì một phút nông nổi mà giết chết mẹ mình vậy.

Bác Hồ từng nói: “Không có gì quý hơn độc lập tự do”. Vì có câu nói đó mà chúng ta đứng lên theo Bác, nghe theo Bác.

Tự do quý như thế thì quý vị cũng hãy tôn trọng quyền tự do của các chúng sinh, đừng tạo thêm ra những con chim trong lồng, hay những con người “trong lồng” nữa. Hãy tạo lên một thế giới tự do, biết chia sẻ, thương yêu, đùm bọc nhau, cùng tạo các việc lành; như vậy thì trái đất này sẽ tươi đẹp hơn nhiều. Cùng tạo việc lành, thì sẽ cùng được về cõi lành vậy.

Địa ngục thứ mười một gọi là ***Thạch ác địa ngục***: Trong kinh nói rằng những người sống ở trên đời thường cố tình bỏ rơi con mình sẽ đọa vào địa ngục này. Hai quả núi lớn sẽ kẹp vào người tội nhân, làm thân người tội sẽ nát ra. Mà chết không phải chết luôn mà lại là chết từ từ, chết rồi gió Xảo Phong lại thổi đến, rồi sống lại mà lại chịu hành hình. Cứ thế đời này sang đời khác phải chịu cảnh tra tấn đó vậy.

Báo chí bây giờ có vô số những người bỏ rơi con mình. Nước ta là một trong những nước có tỷ lệ nạo phá thai đứng đầu ở Đông Nam Á, còn có những người vì lầm lỗi sinh con ra rồi bỏ con nơi cổng bệnh viện, trại cô nhi...tất cả các nước đang phát triển trên thế giới đều mắc phải thực trạng này. Và có khi đến 1/ 3 các vị ngồi ở đạo tràng nơi đây đã bỏ con của mình. Bỏ rơi con thì khác nào tội ác giết người. Nạo phá thai nhiều sẽ gây lên oán khí rất lớn, nếu phải trả oán ở ngay đời này thì người mẹ có thể bị mắc phải những căn bệnh quái ác chẳng hạn, hoặc gia đình tan vỡ, có rất nhiều cách để các thai nhi bị cha mẹ từ chối đi báo oán. Nếu có ai từng lầm lỗi mà mắc phải tội này thì phải biết ăn năn, sám hối để hóa giải, nếu không khi chết đi mà đọa ngục này thì hình phạt rất khủng khiếp và ghê rợn vậy.

Đoạt mạng người thì sẽ bị người đoạt mạng lại. Đức Phật nói: có được thân người khó như chuyện con rùa mù lênh đênh trên biển. Câu chuyện này đã nhiều lần kể với quý vị Phật tử rồi. Nếu không sớm biết tu hành, sớm biết sám hối thì đến lúc hơi thở ra mà không thở vào nữa thì đọa lạc là điều chắc chắn.

*Nhưng làm sao để tu hành có lợi ích bây giờ, làm sao để có niềm tin chân chính và kiên cố, để việc tu tập của chúng ta được lợi ích và để chúng ta sám hối được những lỗi lầm của mình. Hòa Thượng Tịnh Không dạy chúng ta ngoài thời gian niệm Phật, tụng kinh chúng ta phải nghe pháp từ 2 đến 4 giờ đồng hồ mỗi ngày. Vì sao Ngài khuyến khích chúng ta nghe giảng nhiều vậy, vì Hòa Thượng thấy định hướng, tín tâm của chúng ta còn yếu ớt và mê lầm nhiều lắm. Nay có thể nói rằng: ‘con tuyệt đối tin vào Pháp môn Niệm Phật’, nhưng ngày mai nghe nói có pháp môn khác nhanh thành Phật hơn thì lại chuyển, lại lung lay ý chí.*

*Thời Mạt pháp “tà sư thuyết pháp như cát sông Hằng”, con cháu của Ma Vương lũng loạn chúng sinh rất nhiều. Rồi đến khi chúng ta nhắm mắt xuôi tay chúng ta có muốn quay đầu lại cũng không được nữa, muộn quá rồi. Như rắn vừa lột xác, như rùa vừa bị lột mai làm gì có sức lực mà lật người tình thế được nữa đâu. Bởi vậy, quý vị phải nghe pháp nhiều, nghe đi nghe lại để tín tâm được kiên cố thì Phật đạo mới sớm viên thành được. Có thể nghe pháp lần đầu thấy sao thời gian lâu và khó tiếp thu thế, nhưng nghe đến lần thứ hai, thứ ba thôi là chúng ta sẽ thấy thích, rồi bằng lòng thành kính cộng với tâm cầu pháp thì trí vô sinh sẽ được lưu xuất ra vậy. Từ đó lòng tin sẽ kiến cố rồi sau này quý vị sẽ biết đi con đường đúng đắn và sẽ có sự tâm đắc và thành tựu. Trước đây chưa học Phật pháp thì cứ nghĩ mình đang làm việc thiện nhưng học Phật rồi thì mới biết đó chỉ là việc tốt so với thế gian, còn theo pháp xuất thế thì lại là tạo nghiệp. Như trước đây có chương trình VAC chẳng hạn, rất được khuyến khích ở các địa phương, rồi những trang trại nuôi ếch, nuôi rắn, nuôi cá sấu... nghe thì có vẻ tốt, người dân tự kiếm tiền trên sức lao động của mình mà, đâu có trộm cắp đâu. Nhưng quý vị lại thấy sự mưu sinh đó lại xây dựng trên nền tảng là mạng sống của sinh vật khác, dựa trên sự sát hại, và ham muốn ăn uống mà đôi khi là những thức ăn rất độc địa của con người. Vì vậy lên mới nói là gây tội. Quý vị đọc Liễu Phàm Tứ Huấn thì thấy rõ: Nếu trong mạng ta mà giàu có thì ta sẽ giàu có, nếu mạng là nghèo khổ mà không biết cách đổi số mang thì sẽ nghèo khổ vậy. Mạng quý vị có tiền tài thì quý vị làm việc gì cũng ra tiền, thề thì hơn đâu mà đi làm việc sát hại, việc bất chính mà tạo tội. Còn nếu quý vị có mệnh nghèo khổ thì càng phải nghĩ thiện làm thiện để cải hóa vận mệnh của mình.*

***Địa ngục thứ 12 là Hung Cữu Địa Ngục***: những người sống trên đời mà phung phí đồ ăn thức uống thì khi chết sẽ đọa địa ngục này. Đời này chúng ta được hưởng mọi thứ đầy đủ thì phải biết được rằng đây là những nhân lành mà đời trước, kiếp trước chúng ta đã gieo trồng nên đời này mới được hưởng như vậy. Thế nên phải biết kiệm phúc, đừng phung phí, đừng chi tiêu một cách vô độ để rồi đến khi tiêu hết phúc rồi thì quả báo sẽ không lường.

*Vì sao nhiều nơi trên thế giới họ bị đói khát như vậy, biết đâu trong những kiếp quá khứ họ đều là những người giàu có nhưng tiêu sài phung phí, không biết tiếc kiệm cũng chẳng biết chia sẻ cho người khốn khó, cứ mặc tình bừa bãi tiêu pha phúc đức mà mình đã dành dụm từ những đời kiếp trước. thế nên mới có câu kiếm củi ba năm, đốt trong một giờ là như vậy đó.*

*Trước đây, khi còn ở chùa Vạn Niên với sư phụ, tôi từng chứng kiến cảnh trường hợp của một người, trước đây người đó được coi là giàu nhất nhì quận Tây Hồ, quý vị phải biết là 1 quận chứ không phải một xã đâu nhé. Một bữa, tôi thấy anh ta vào chùa, thân hình tiều tụy, trông rất lôi thôi, nhếch nhác, xăm trổ đầy mình, thần kinh còn không bình thường. Vậy mà trước đây ông bà cha mẹ để cho anh ta một khối lượng tài sản rất lớn, vài căn biệt thự, đất đai thì cũng bát ngát. Nhưng anh ta không tu chí làm ăn mà ngày nào cũng ăn chơi, có những ngày có hơn trăm người bạn bè đến tụ tập ăn uống, ăn xong thì cầm súng đi bắn chim, rồi săn thú, rồi câu cá. Thậm chí thuê cả những chuyến xe lên tận miền núi để đi săn. Tiêu pha như thế qua vài năm thì tài sản trong nhà cứ đội nón mà ra đi. Còn mỗi ngôi biệt thự cuối cùng cũng bán đi, để chuyển sang sống ở ngôi nhà 5 tầng, mấy tháng sau ngôi nhà kia cũng bán đi, tiền hết bạn bè cũng ra đi và anh ta trở thành người lang thang. Thỉnh thoảng thì anh ta lại vào chùa, lúc thì chửi, lúc thì nói nhảm. Quý vị thấy từ một người con nhà đại gia giàu sang phú quý mà sau có vài năm ăn chơi xa đọa mà thành người cầu bơ cầu bất, điên điên khùng khùng, quả thật là đáng sợ.*

Địa ngục thung cữu hành hạ tội nhân thế nào vậy? Tội nhân sẽ được cho vào trong lông sắt rồi đem đốt, đem lung, rồi còn bị vứt vào trong hố phân, rồi bị chết ngạt ở trong đó mới thôi.

Không chỉ người ở thế gian mà người ở trong chùa khi phung phí tài vật của đàn na tín thí cũng sẽ bị đọa vào trong địa ngục này. Dùng điện, dùng nước các quý vị cũng không được hoang phí một các vô độ, quả báo sẽ sinh về các nơi sa mạc thiếu thôn vô cùng.

***Địa ngục thứ 13 là Huyết trì địa ngục*** hay A Tỳ địa ngục, Vô Gián Địa Ngục. Tội nhân bị hành hình nhiều nhất, đau đớn nhất đến lỗi máu chảy ta thành sông nên gọi là “Huyết trì”. Còn vì sao lại gọi là Vô Gián địa ngục? Trong kinh Bồ Tát Địa Tạng nói: ***“...ngày đêm thường chịu khổ, nấu nung chẳng tả xiết, những tội khổ như thế, do ác nghiệp tạo ra, ai làm thời nấy chịu, chẳng ai thế thân được...”***

Tức ai làm thì người lấy chịu, cha có thương con, con có thương cha thì cũng không thể thay thế cho nhau được.

***“Lại có năm nghiệp cảm nên gọi là Vô Gián: Một là trải ngày đêm, lâu xa bao đời kiếp chịu khổ báo không dừng nên gọi là vô gián;***

Vô tức là không; gián là gián đoạn. Vô gián tức là không gián đoạn, cảnh tra tấn cứ diễn ra liên tiếp không lúc dừng nghỉ vâỵ.

 ***Hai là: một tội nhân nằm gường sắt cũng chật, hoặc là nhiều tội nhân, nằm cũng thấy vừa đủ, bởi thế địa ngục kia còn gọi ngục Vô Gián;***

Một người tội nhân nằm vào thì thân hình mình to lên mà vừa với giường đó. Rồi trăm nghìn người cũng thấy vừa vậy. Đó đều do nghiệp cảm tạo lên mà thấy như thế.

 ***Ba là những dụng cụ để hành hình tội nhân như giáo, côn, chim sắt, rắn sắt và chó sắt, cối xay cùng cối giã, cưa, đục, dao, cày kéo, vạc dầu và lưới sắt... đói thời ăn sắt nóng, khát uống nước đồng sôi, thống khổ nhiều như thế, trải qua vô số kiếp nên gọi là Vô Gián;***

Đồ hành hình để hành hình tội nhân ở địa ngục Vô Gián là nhiều nhất và khổ nhất trong các địa ngục.

***Giáo***: là cái gậy dài, đầu làm bằng sắt nhọn, thường dùng ở nơi chiến trường thời xưa.

***Côn***: có thể làm bằng gỗ hoặc bằng sắt.

***Chim sắt***: vì sao gọi là chim sắt, nó moi mắt, tim gan, rút tỉa thịt tội nhân.

***Rắn sắt***: rắn bình thường đã đủ làm cho chúng ta sợ rồi, rắn sắt lại càng làm ta kinh hãi thêm nữa. Rắn này vừa cắn vừa phun độc vào tội nhân. Trên đời thích ăn thịt rắn gâm rượu rắn, khi chúng ta đến thì những loại này sẽ đến trả thù.

Rồi chó sắt cũng vậy, đến cắn xé người tội nhân làm tội nhân khổ cực, đau đớn vô cùng.

***Cối xay cùng cối giã***: những cụ già thì thường hay quen với các loại này, dùng để xay và giã gạo.

Thế nhưng ở địa ngục có cối xay và cối giã này để xay và giã thân thể tội nhân. Thử tưởng tượng xem quá đau đớn phải không? Trên đời những người sát sinh, hại vật, rồi cho những chúng sinh vào đó giã như giã cua, xay giò chẳng hạn thì chết đi sẽ bị đọa địa ngục này. Thích ăn giò, thích ăn canh cua thì sẽ bị xay, bị giã trở lại.

*Trước đây còn nhỏ tôi thích ăn canh cua, rất hay bắt cua rồi giã cua, đến khi xuất gia thời gian đầu thì thấy toàn cua đến cắp mình. Khi đó thì mấy tháng trời chuyên phóng sinh cua, sau đó thì không còn thấy mơ những giấc mơ đó nữa. Bao công đức niệm Phật, giảng kinh thuyết pháp cũng hồi hướng cho họ, mong cho họ được siêu sinh Tịnh cảnh cả.*

*Chúng ta biết một câu niệm Phật tiêu 8 muôn ức kiếp sinh tử. Vậy vì sao chúng ta niệm Phật mà mãi không tiêu nghiệp vậy? Vì chúng ta còn trả nợ, bao nhiêu tội mình đã gây ra cho chúng sinh, chúng ta phải trả chứ. Hòa Thượng Tịnh Không nói vì sao lại có những người càng tu càng đổ nghiệp, với những trường hợp như vậy cũng đừng có lo lắng quá, vì chúng ta có một chút công đức thì oan gia trái chủ sẽ đến đòi nợ chúng ta. Cứ hoan hỷ trả nợ đi, để rồi không bị trả những tội nghiệp này nữa.*

*Những khi bị bệnh tôi cũng an nhẫn mà trả, không sao cả. Còn sức khỏe thì còn giảng kinh, thuyết pháp cho Phật tử, còn niệm Phật, còn làm Phật sự, nếu sức khỏe không còn thì theo Phật! Không sao cả! Như vậy thì cũng sẽ chẳng còn phải lo lắng hay suy nghĩ về nó cả.*

*Thời đi học, lúc đó tôi có 37, 38 kg, bị ốm phải nhập viện, các bác sĩ bảo : Thầy phải ăn các chất bổ vào, có sức khỏe thì chúng con mới chữa được cho Thầy, Thầy bị suy dinh dưỡng nặng quá. Mà chất bổ là gì? Là canh xương hầm, là thịt, là cá, là tim...Lúc đó tôi nghĩ có mất thì mất cái thân mạng này cũng chẳng sao cả, chứ để thân khỏe mà Tâm không khỏe thì có cần gì. Xuất gia đâu phải vì miếng cơm manh áo, xuất gia để cứu độ chúng sinh mà bây giờ lại ăn thịt chúng sinh sao được! Ngày đó chỉ mong học được hạnh của Phật Bà Chúa Ba chùa Hương mà mong xuất gia. Tôi cảm động tấm lòng của Người, rồi nghĩ: trên đời lại có những người làm được việc phi thường vậy ư? – Chặt tay, móc mắt để làm thuốc cứu cha, dù trước kia vua cha không cho mình đi tu, còn muốn giết mình, còn đốt cả chùa mình đang tu tập nữa.*

*Vào chùa được đi học mới càng thấy giáo lý của Đức Phật càng thấy giáo lý của Phật còn vượt xa những gì mình nghĩ về Phật pháp trước kia rất nhiều.*

Trở lại bài chúng ta thấy nếu khi xưa mình đã vì gia mình hay vì người thân, vì mưu sinh cuộc sống mà dùng những dụng cụ thế nào để sát hại chúng sinh thì đến lúc chết, những dụng cụ ấy cũng sẽ thành dụng cụ để hành hình chúng ta nơi địa ngục vậy. Nếu như chúng ta cứ mãi ương ngạnh không chịu sám hối, không chịu bỏ ác mà tu thiện thì biển khổ sẽ chờ chúng ta .

*Vì sao lại có ngựa sắt, trâu sắt...vì để hành hình những người khi còn sống làm những nghề sát sinh những con vật ấy vậy. Nhìn cảnh tượng người ta giết trâu, bò mà nhiều người chúng ta phải rơi nước mắt. Lấy búa đập, lấy dùi cui điện làm nó ngã lăn ra, rồi mổ thịt, phanh thây nó, đau xót, và thương tâm vô cùng. Không chỉ đau xót thương tâm cho những con vật đó, mà còn thương cho những chúng sinh vì mưu sinh, vì mê lầm mà tạo nghiệp ác rồi để sau này quả bảo đối với họ cũng là những hình ảnh như họ đã làm với chúng sinh kia vậy.*

*ở Trung Quốc có lễ hội ăn thịt chó, mỗi khi lễ hội diễn ra thì vài ngàn con chó bị mất mạng. Rồi ở Nêpan cứ 3 năm một lần có lễ hội chém trâu để tế thần, lễ hội này mỗi khi được tổ chức thì vài chục nghìn con trâu bị thiệt mạng. Khi tổ chức bảo vệ động vậy thế giới gửi thư yêu cầu thủ tướng Nêpan bỏ lễ hộ này thì Thủ Tướng từ chối vì nó đũa tồn tại đến 400 năm. 400 năm, 3 năm một lần, đã bao con trâu đã bị chết vì lễ tế thần đó ! Cho đến khi Nêpan bị 2 trận động đất kép, xác người tràn lan trên đường phố, trong các ngôi đền, trong các ngôi nhà đổ nát thì lệnh Lễ hội chém trâu mới được giỡ bỏ. Đức Phật đã được sinh ra ở Nêpan, vườn Lâm Tỳ Ny ở đó. Và có một điều là khi bao nhiêu công trình ở Nêpan bị phá hủy thì tượng Phật Thích Ca vẫn ngồi uy nghiêm, lặng lẽ.*

*Quý vị biết Nhật Bản cũng là nước đánh bắt hải sản rất nhiều, trong trận động đất sóng thần năm 2011, bao công trình cũng bị phá hoại, đường quốc lộ còn bị lứt đôi vì động đất, nhưng có một bức ảnh được đăng trên báo Giác Ngộ, tượng Bồ Tát Địa Tạng vẫn đứng sừng sững giữa đống đổ nát hoang tàn, không mảy may tổn hoại. Thấy những hình ảnh đó niềm tin của nhiều người vào Phật pháp chắc chắn được củng cố lên rất nhiều. Và cũng biết sợ hãi trước những việc ác mà con người đã gây ra cho các chúng sinh khác. Những năm gần đây thì nước đứng đầu thế giới về đánh bắt hải sản lại là Trung Quốc, và Trung quốc hiện nay phải chịu thiên tai cũng rất lớn. Không biết nếu họ cứ tiếp tục là nỗi sợ hãi cho các loài thủy tộc như thế, thì thế giới sẽ phải chứng kiến sự giận dữ của biển cả như thế nào nữa đây.*

***“Đói thì ăn hòn sắt nóng, khát thì uống nước đồng sôi” :*** có ai muốn ăn sắt nóng, uống nước đồng sôi đâu, nhưng khi đã vào đó rồi thì bắt buộc phải nuốt, không nuốt không được, do nghiệp cảm mà tạo ra như thế. Như bà Thanh Đề mẹ của Ngài Mục Kiền Liên chẳng hạn, Ngài Mục Kiền Liên thương mẹ ở trong Địa Ngục, thấy mẹ khổ quá, đói quá thì mang cơm cho mẹ. Nhưng vì tiền căn bà bỏn sẻn chưa dứt lên khi đưa cơ đến miệng thì cơm biến thành than đỏ: “Cơm đưa vừa tới miệng đà, hóa thành than đỏ nuốt mà đặng đâu”.

 ***Bốn chẳng luận đàn ông, cũng chẳng luận đàn bà:*** *gái hay trai, nam hay nữ thì cũng phải chịu nghiệp bao như nhau hết, không có ngoại lệ.*

 ***“Thổ, mán, mường, mọi rợ”***

 *Trong nguyên bản chữ Hán thì là Khương Hồ Di Địch. Khương là chỉ cho những người không phải là người Hán, sống ở vùng Tứ Xuyên, Tây Tạng. Hồ là những người không phải người Hán đến từ phía Tây Trung Quốc; Di là những dân tộc không thuộc Hán Tộc đến từ phía Đông Trung Quốc; còn Địch chỉ dân du mục ở phía Bắc như Mông cổ, Mãn Châu.*

*Khi dịch sang tiếng Việt để sát với văn hóa và dân tộc ta thì dịch là “Thổ, Mán, Mường, mọi rợ”.*

***Thổ*** chỉ cho người Kinh.

***Mán*** là dân tộc Dao.

***Mường*** là dân tộc của tôi đó.

***Mọi rợ*** chỉ cho những bộ tộc ở sâu trong rừng. Ở Việt Nam cách đây mấy năm trước chúng ta tìm ra một dân tộc, chỉ có mấy trăm người dân, họ không có quần áo, chỉ lấy lá cây, vỏ cây để che thân. Sau đó thì chính phủ cũng làm làng, làm ấp cho họ, mang điện, con chữ đến cho họ rồi.

Đoạn kinh văn này ý nói dù là bất cứ ai đi chăng nữa, cứ tạo tội là sẽ phải chịu quả báo, không hề có ngoại lệ. Xuống gặp Diêm Vương mình không thể đổi tại vì nguyên do này, hay nguyên do kia được.

***“Già trẻ, sang hay hèn*** : cũng phải chịu tội nếu làm sai, không có sự sai biệt.

***“Chư Thiên Long Quỷ Thần, cùng các loại chúng sinh, đã gây ra tội ác, tất phải theo nghiệp báo, bởi thế nên ngục kia, mới gọi là Vô Gián;***

Dù có thần lực, dù làm tiên trên trời, làm Long Vương, làm Quỷ Thần thì nếu gây ra tội ác vẫn phải chịu những tội trong địa ngục như thế cả.

*Lần trước đã kể cho quý vị câu truyện về Ngài An Thế Cao độ cho người bạn làm thần trong một ngôi Miếu. Miếu rất thiêng, ai đi qua sông mà muốn cầu gì, cứ đem phẩm vật đến cúng dàng mà được như ý. Ở trong kiếp trước, người bạn này và tiền kiếp của Ngài An Thế Cao tu hành cùng nhau, khi người bạn kia ngồi thiền, xuất thần lên tới cõi trời, thấy các Thiên Nữ quá đẹp rồi khởi niệm dâm. Ngài An Thế Cao biết được thì mới nói trêu bạn. Người bạn ngại quá liền thâu thần tịch diệt luôn. Biết mình lỡ lời trêu nghẹo bạn, người bạn này lại nóng tính, nếu không thay đổi tất sẽ bị sa vào đường dữ. Tiền kiếp của Ngài An Thế Cao họp chúng và nói rằng Ngài sẽ đi cứu bạn của mình, rồi cũng thoát hóa đi đầu thai. Chúng ta thấy các Ngài tự tại trong sinh tử rồi thế mà người bạn kia thì thành một vị thần trông coi một ngôi Miếu, tuy là thần nhưng lại mang một thân hình của con rắn rất lớn, rất xấu xí. Ngài An Thế Cao thì là thái tử nước An tức, lớn lên nhường ngôi lại cho chú rồi đi xuất gia, ngài tu hành biết được quá khứ của mình, thì sang bên Trung Quốc để gặp lại bạn cũ. Khi đi đến dòng sông nơi có miếu thờ bạn mình thì thuyền không đi được. Ngài biết là bạn mình giữ lại rồi vào trong Miếu nói chuyện. Ngài nói: “Tôi tưởng ông thoát hóa rồi đi làm việc Phật sự gì? Hóa ra ông ở đây để mê hoặc lòng người hay sao”. Ngài yêu cầu bạn ra gặp thì ở sau có tiếng nói rằng: thân hình tôi to lớn và quá xấu xí, không dám ra gặp ông. Những đồ mọi người cúng ở đây xin ông bán đi rồi làm lễ cầu nguyện cho tôi. Ngài An Thế Cao đồng ý. Hôm sau, thì phía đầm sau Miếu có xác của 1 con rắn rất lớn. Và từ đó Miếu không còn thiềng nữa.*

*Chúng ta thấy dù người đã tu hành như bạn cũ của Ngài An Thế Cao đạt đến những năng lực như vậy rồi mà vẫn phải đọa lạc, tuy được phúc làm thần những vì nóng nảy nên không thoát được thân hình xấu xí. Khi hưởng hết phúc thì sẽ phải đọa đường ác. Vậy mà hiện nay, có rất nhiều những người tuy gọi là xuất gia không biết có chút ít năng lực gì không mà lại làm những việc mê hoặc người dân, ấy thế mà vẫn có những Phật tử tin theo. Ở Nam Định có một vị sư cô, cô này khuyên Phật tử không phải tu hành gì cả, cứ đến chùa cô: mua một quả trứng ăn thì sẽ được “chứng đắc”; ăn hành thì tức là “pháp hành”, ngủ thì hãy ngủ trong nhà tiêu thì sẽ được “tiêu nghiệp”, đắp chiếu đi ngủ thì đấy là “quán chiếu”. Ấy vậy mà cũng có rất nhiều người đến ngôi chùa đó, bỏ thời gian, bỏ công sức mà làm theo điều “Sư Cô” đó nói. Quả là đảo điên.*

*Lại Phật tử nói với tôi là có vị tu bên Campuchia tên vị này là Trần Tâm, lúc thì đắp y giống bên Phật giáo Tây Tạng, lúc thì mặc quần áo bình thường... mà bài giảng của người này quý vị cũng có thể gặp trên You Tube. Vị này cũng bảo tín đồ là không phải tu hành, nếu nhà có người mất thì cứ gửi ảnh sang, vị này chỉ cần nhìn vào ảnh là vong linh nhà đó sẽ được về Cực Lạc. Nhiều ngươi bỏ ra mấy chục triệu để sang đấy, gửi ảnh rồi đưa tiền cho người ta. Tôi không hiểu các vị tu hành và gọi mình là Phật tử kiểu gì nữa. Như vậy mà quý vị cũng tin, chẳng nhẽ người kia tu hành còn hơn cả Phật hay sao. Nếu nhìn vào ảnh của vong linh mà được vãng sinh thì hơn Phật rồi còn gì, mỗi năm quý vị mất tiền sang bên đấy cho ông ta sờ đầu một cái rồi về Việt Nam cả năm không phải tu, sau này chết đi, gửi ảnh sang đó cho ông ta thì quý vị cũng được về Tây Phương. Những người theo pháp môn đó họ không thấy buồn cười và vô lý hay sao. Phật muốn đưa hết những chúng sinh thoát khổ, được hưởng cảnh an vui, nhưng Phật không thể đón nếu họ không chịu tu hành kia mà. Thế nên Phật Thích Ca xuất hiện hơn 2500 năm nay rồi, mà thế gian vẫn còn biết bao người mê mờ, mặc tình tạo nghiệp. Phật Mi Đà thành Phật ở cõi Cực Lạc 10 kiếp rồi, mà bao người từng có nhân duyên được biết đến pháp môn này do không thực tu mà vẫn trôi lăn. Thời Mạt Pháp là như vậy đấy. Gặp được vị Minh Sư để theo, để dẫn đường cho mình đi đúng hướng đâu phải là dễ dang đâu. Tôi khẳng định trường hợp trên là Ma vương, quỷ sứ hiện hình tướng Tăng mà phá đạo đó. Chúng ta cần phải học giáo lý Phật cho có căn bản, có vững chắc thì mới mong không bị lầm đường, không bị lừa gạt được.*

***Năm nếu đọa Ngục ấy, chịu khổ báo vô cùng, chết đi rồi sống lại ngày đêm cả vạn lần, trải qua nhiều kiếp số, thật chẳng thể nghĩ bàn, trừ khi nào nghiệp tiêu tội hết mới đầu thai, bởi thế nên ngục ấy mới gọi là Vô Gián”***

Đó là lý do thứ năm vì sao địa ngục đó gọi là Ngục Vô Gián.

***Thứ 14 là Uổng Tử Địa Ngục***: những người sống ở trên đời mà không biết quý tiếc thân mạng của mình thì sau khi chết đi sẽ vào địa ngục này. Tử tử đó là một tội đại bất hiếu vậy. Thân mạng này do cha mẹ sinh ra, có cõng cha, cõng mẹ cả đời đi vòng quanh núi Tu Di thì mình cũng không đền đáp được công ơn sinh thành. Thế mà bạn đi giết nó. Chẳng phải là bất hiếu với cha mẹ hay sao.

Nếu người đó do tự tử bằng thuốc độc mà chết thì cứ tiếp diễn cảnh tử tử bằng thuốc độc rồi dãy dụa hằng ngày. Nếu thắt cổ mà chết, thì cảnh đó cứ hiện ra mãi trong tâm thức vậy...Thử hỏi cha mẹ người đó mà thấy được thì họ đau khổ thế nào.

Tự tử đâu phải là hếtkhổ đâu, còn khổ sở gấp trăm ngàn vạn lần.

***Thứ 15 là Trách hình địa ngục***: người sống ở đời hay phá mộ phần của người thì sẽ bị đọa địa ngục này. Người đó sẽ bị Ngưu đầu ngục tốt chặt chân, chặt tay, chặt đầu.

***Thứ 16 là Hỏa Sơn Địa Ngục***: Những người khi còn ở đời chuyện nịnh trên, khinh dưới, tham ô hối lộ sẽ bị đọa địa ngục này. Lửa cháy cả ngày lẫn đêm, trải qua sự khổ này không biết đến bao giờ mà kể.

***Thứ 17 là Thạch Ma địa ngục***: kẻ còn sống ở đời cậy khỏe hiếp yếu, sau khi chết đi sẽ vào địa ngục này. Thạch ma là núi chông, tự mình cứ nhảy vào đó, thân thể cứ nát bét ra, rồi lại sống lại, lại nhảy vào núi chông đó hết thời khắc này sang thời khắc khác mà không dừng nghỉ.

***Thứ 18 là Đao cư địa ngục:*** kẻ sống ở trên đời, cân đo đong đếm trái phép, lừa dối người thì sẽ đọa ngục này. Buôn hàng quốc cấm, hàng giả, biết sẽ hại sức khỏe người khác thì cũng vào ngục này. Mưa đao từ trên không xuống, từ dưới đất chồi lên, băm chặt người tội nhân ra thành trăm nghìn mảnh.

Chúng ta muốn không đọa những ngục này thì phải cố gắng bỏ ác làm lành, lánh dữ hành thiện thì hãy nhớ lấy những cảnh khổ ở địa ngục như thế này. Để rồi làm động lực tu hành, một đời cầu thoát ly sinh tử. Trì tụng kinh Địa Tạng, xin Bồ Tát gia hộ để mà vĩnh ly ba đường ác. Còn những vị đã đầy đủ căn lành rồi thì tin sâu nguyện thiết, một lòng trì danh cầu sinh Tịnh Độ vĩnh viễn thoát ly sinh tử.

***Giảng kinh Địa Tạng Bài 28.***

Chúng ta nghiên cứu phần kinh văn tiếp theo:

***“...Lúc bấy giờ, Bồ Tát Địa Tạng lại thưa với Thánh Mẫu rằng: Đấy vừa mới chỉ là nói lược qua các khổ của những tội nhân kia trong Địa Ngục Vô Gián. Nếu mà nói rộng ra thêm tên các khí cụ dùng hành hình tội nhân chịu báo trong ngục đó, dù cho có nói ra một kiếp cũng không hết...”***

Phiền não của chúng sinh là vô lượng vô biên chẳng thể nào có thể tính đếm. Vì vậy, những ác nghiệp từ thân, khẩu, ý chúng sinh gây lên cũng là vô lượng vô biên. Tất cả đều do Tâm của chúng sinh ở cõi Nam Diêm Phù Đề này tạo ra mà thôi. Chúng ta gieo nhân nào thì sẽ gặp quả đó. Giống như kinh nhân quả thường nói “Trồng đậu được đậu, trồng dưa được dưa” vậy, gieo nhân nào thì sẽ gặp quả ấy. Nhưng biết gieo trồng rồi tạo ra hoa thơm trái ngọt mà sau này được hưởng đó là điều đáng khen gợi, con tốt hơn là tạo cỏ trong khu vườn Tâm của mình. Cho nên, quý vị là những người tu hành, cầu thoát ly sinh tử, không muốn cứ mãi trôi lăn trong sáu nẻo luân hồi thì chúng ta phải dừng hết thảy nhân xấu ác ngày hôm nay, và gieo những nhân thiện lành để tích công lũy đức, mong giờ phút lâm chung có thể được Đức Phật Mi Đà cùng Thánh Chúng đến tiếp dẫn như ý nguyện hàng ngày của chúng ta. Quý vị đến đây tu tập cũng được gọi là gieo những nhân lành rất tốt đó, đặc biệt là trong những ai tham dự được đầy đủ khóa tu 21 ngày đọc tụng và thụ trì Bộ Kinh Địa Tạng này, nó cũng như là quý vị được đi tập sự xuất gia 21 ngày vậy, có mỗi là quý vị không cạo tóc mà thôi. Vì sao? Vì khi ở đây quý vị nếu biết hết lòng tu tập thì thân không trộm cắp, tà dâm, uống rượu, ý không khởi tham, sân, si, miệng không nói dối , nói lời thô ác vv...Môi trường tu tập này khiến quý vị ít gặp duyên để phát khởi những việc xấu đó. Một ngày 6 thời lễ tụng cộng thêm một thời nghe pháp nữa là bảy. Hết thời khóa sáng thì đi dùng bữa sáng, hết bữa sáng thì nghe giảng, hết nghe giảng là tụng kinh, hết tụng kinh thì đi nghỉ...Sự ăn uống của quý vị được nhà bếp chuẩn bị đầy đủ, chu đáo. Cơm áo gạo tiền, giao tiếp xã hội chẳng còn là gáng nặng trên đôi vai mình nữa thì tâm sẽ đỡ vướng bận để tu hành, để buông xả. Đức Phật nói trong kinh: “Công đức của người xuất gia tu một ngày một đêm bằng 100 năm tu của người tại gia.” Sự chuyên tu của quý vị cũng chính là việc gieo những hạt giống Bồ đề vào A lại da vậy. Một kiếp nào đó, khi đủ duyên lành, chúng ta cũng sẽ được xuất gia, gặp được giáo lý vô hành, vô thượng thậm thậm của Đức Phật, kế tiếp là hành Bồ Tát đạo để phổ độ chúng sinh. Quý vị đừng cho việc xuất gia là dễ dàng, nếu một người chẳng có căn lành lâu xa nhiều đời nhiều kiếp thì cũng chẳng dễ để mà cạo đầu xuất gia được. Trong kinh A Hàm Đức Phật dạy, người Phật tử tại gia chỉ có thể chứng được đến quả vị A Na Hàm là cao nhất, còn không thể chứng đắc quả A La Hán. Môi trường tại gia không thể tạo điều kiện cho việc chứng đắc A La Hán hay quả vị Phật được. Còn những trường hợp các vị Bồ tát hóa thân trong nhân gian để hành Bồ tát đạo, phổ độ chúng sinh thì đó lại là một chuyện khác.

Trong bộ kinh này Đức Phật đã nói rằng người có thể trong vòng một ngày, một đêm tụng đọc hết bộ Kinh này thì sẽ được 100 lần sinh lên cõi Trời ĐaoLợi. Trên cõi Đao Lợi Thiên có một khu nội viện trong đó có Thiện Kiến Đường; Thiện Kiến Đường là nơi mà ai nhìn vào đó cũng thấy hoan hỷ. Trong Thiện Kiến Đường lại có Diệu Pháp Đường, Thiên đế Thích Kiều Thi Ca thường thỉnh Phật, Bồ tát và các vị Thánh Tăng thuyết pháp tại đây. Nếu được lên đến đó, chúng ta cũng cố gắng để được nghe pháp, với tâm hoan hỷ nghe pháp, tâm an vui cùng pháp, việc tu hành ở cõi đó đỡ chướng ngại hơn so với ở cõi này rất nhiều.

Mặc dù quý vị ở đây chưa nhất tâm đọc tụng được 100% nhưng những nhân lành mà các vị gieo trồng được trong thời gian Pháp Hội này cũng vô cùng nhiều. Sau khi kết thúc pháp hội 21 ngày lần này rồi, trở về nhà quý vị lại tiếp tục hành trì bộ kinh này và cố gắng ăn chay, niệm Phật thì công đức lớn vô cùng, rất nhiều người sẽ tán thán các quý vị. Ít nhất là Tứ Thiên Vương, là các vị Quỷ vương, tiểu quỷ nhẫn đến các bậc Bồ Tát mà khi đọc tụng kinh này chúng ta đã thấy, các vị đó đã phát nguyện trước Đức Phật và Địa Tạng Bồ Tát hộ trì cho những ai đọc tụng, thọ trì bộ kinh này kia mà. Càng xa thời Đức Phật tại thế, càng có ít người được sinh về các cõi Trời, vì vậy để đảm bảo sự vững mạnh ở cõi mình, các vị Thiên Chủ cũng phải tuyển mộ thiên nhân về cõi các vị chứ. Khi thấy quý vị ở thời Mạt Pháp mà vẫn làm được những việc khó làm, thì các vị đó sẽ mời quý vị về cõi của họ. Câu hội cùng với những người thiện, tài đức, người siêng tu Phật pháp thì ai chẳng muốn phải không!

Tiếp tục vào phần kinh văn, sau khi nghe Địa Tạng Bồ tát trả lời thì: ***“...Bà Ma Gia Thánh Mẫu, vừa được nghe đến đó, lòng ảo não cảm thương, cung kính và chắp tay, đỉnh lễ mà thoát lui...”***

Nếu chúng ta là người tu hành thực sự, thấy chúng sinh khổ não, chúng ta có động lòng không các quý vị? Đi ở ngoài đường chúng ta thấy những người buôn bán họ vận chuyển đầy một xe nào xe chở gà, nào xe chở cá, nào xe chở lợn... biết rằng chỉ sớm mai thôi, những sinh vật kia sẽ bị cắt cổ, mổ bụng hay đập đầu để làm thức ăn cho đồng loại của chúng ta. Quý vị có buồn không? Buồn chứ, thương chứ, buồn thương cho thân phận những con thú đang sắp chết rồi mà không hề hay biết, bị mổ thịt, chết đi rồi lại đầu thai chuyển thành kiếp thú cho đến khi hết tội báo của chúng thì thôi, biết bao giờ chúng mới lại được làm người, mới lại có nhân duyên để tu tập. Chúng ta chẳng thể mua cả một ô tô lợn để phóng sinh cho chúng, vài chục, vài trăm triệu chứ có ít gì, tiền đâu mà mua chúng, mua rồi thả vào đâu? Hết xe này lại có xe khác, giải quyết phần ngọn, phần bề mặt thôi thì có thấm vào đâu. Rồi buồn, thương thay cho cả những người đang vì miếng cơm manh áo, vì cuộc sống mưu sinh, vì thiếu hiểu biết mà tạo những nghiệp chẳng lành, có được thân người mà chẳng tu tập, sau này vào địa ngục, theo nghiệp báo đầu thai thành những con vật kia thì biết bao giờ mới thoát được đây. Rồi oan oan tương báo, cứ tìm nhau mà đòi nợ thì biết bao giờ sẽ hết đây. Nhân tiện đây cũng xin kể cho các quý vị nghe một câu chuyện, câu chuyện này là duyên khởi một của một bài kinh Pháp Cú.

*Thủa xưa, tại Ấn Độ có gia đình đôi vợ chống này, họ rất thương yêu nhau. Nhưng lấy nhau đã mười năm rồi mà chưa có con. Cô vợ nghĩ là phận làm dâu thì phải sinh con cho gia đình nhà chồng để nhà chồng còn có con lối dõi, thế là cô ngỏ ý sẽ cưới vợ lẽ cho chồng. Người chồng không đồng ý, không có con thì thôi, chứ cũng không muốn phản bội vợ của mình, làm người vợ mình thương yêu bao lâu nay phải đau khổ. Thấy chồng như vậy, cô vợ càng kiên quyết cưới vợ mới cho chồng, để chồng mình còn có con lối dõi. Thế là người vợ kia đích thân đi tìm một cô gái phù hợp về nhà . Nguời chồng nghĩ vì trách nhiệm nên cũng đồng ý nhưng cũng nói với vợ là : dù thế nào thì đây cũng là việc làm cho tròn trách nhiệm với tổ tiên, còn anh cũng chỉ coi duy nhất có cô là vợ của mình mà thôi.*

*Cưới người vợ thứ hai về, thời gian đầu anh chồng vẫn yêu thương người vợ của mình, không có gì thay đổi cả. Nhưng khi người vợ thứ hai có thai thì người chồng tự nhiên quan tâm, chăm sóc người vợ kia nhiều hơn, không còn đoái hoài gì đến người vợ cũ nữa. Cảm thấy bị phản bội, sinh tâm hận thù, ghen ghét, tật đố với người vợ thứ hai kia. Vợ cũ của ảnh ta lén cho thuốc vào để người kia bị xảy thai. Lần đầu bị xảy, cô vợ kia cũng chưa sinh tâm nghi ngờ gì cả. Đến lần mang thai thứ hai, cô vợ hai đề phòng không cho chị biết trước, khi cái thai đã lớn, cô vợ cả mới phát hiện ra là cô kia mới có thai, lại tiếp tục muốn phá đứa bé kia. Lần này cô lại cho thuốc bỏ thuốc độc vào trong đồ ăn của cô kia. Khi cô vợ hai ăn phải thức ăn có thuốc độc, thì do thai đã quá lớn, lại bị độc như thế mà người vợ hai bị đau, kêu la và cầu cứu chồng. Người chống dùng mọi biện pháp để cứu chữa cho người vợ, nhưng cả 2 mẹ con người kia đều chết. Trước khi chết thì cô nói mưu đồ của người kia thì anh chồng vì tức giận mà giết cả bà vợ đầu của mình.*

*Người vợ hai trước khi chết thì thề độc: Đời đời kiếp kiếp, dù cho có làm thân loài gì cũng sẽ hại chết con của người vợ cả.*

*Khi người vợ cả bị chồng giết thì cũng thề: Dù anh ở bất cứ nơi nào, tôi cũng đời đời theo anh để không bao giờ anh được hạnh phúc.*

*Chết đi trong hận thù và những lời thề độc, hai người vợ kia lúc thì đầu thai làm trong các loài súc sinh chồn, cáo, mèo, rắn, hổ, gà, heo vv... cứ ăn qua, ăn lại con của nhau đến nhiều lần để báo oán lẫn nhau...*

*Cho đến thời của Đức Phật, bà vợ hai biến thành quỷ Dạ Xoa, bà vợ cả biến thành người phụ nữ rất nghèo khổ và xấu xí tại xứ Ấn Độ. Khi hai vợ chồng đó có đứa con đầu lòng, đứa con vừa sinh ra thì người chồng phải đi làm không thể ở nhà chăm sóc vợ mãi, người vợ ở nhà một mình thì nghe một tiếng hú, gió thổi tới ào ào, và đứa con bị cướp đi mất. Biết không thể ở lại nơi cánh rừng kia, hai vợ chồng chuyển đến thành Vương Xá ở. Đến khi sinh được đứa con thứ hai, thì theo nghiệp Quỷ Dạ Xoa kia lại tìm đến con của người kia để ăn thịt. Nghe tiếng gió rít như lần đầu, bà vợ biết ngày là Quỷ Dạ Xoa lại đến bắt con mình, người vợ kia liền chạy đến Tinh Xá để cầu cứu Đức Phật. Quỷ Dạ Xoa cũng theo để đuổi bắt nhưng không thể vào được Tinh Xá. Đức Phật biết rõ tiền kiếp của của hai người này như vậy rồi, liền cho gọi cả hai đến và thuật lại chuyện tiền kiếp để hai người. Và dạy rằng hãy xóa bỏ ân oán, nếu cứ giữ mãi hận thù thì sẽ khổ đau mãi đời này sang đời khác. Nhân chuyện này mà Đức Phật có nói về câu kinh:*

*“Với hận diệt hận thù, đời này không có được*

*Không hận diệt hận thù, là định luật ngàn thu.”*

Cuộc đời như một bộ phim do mình làm đạo diễn, là người viết kịch bản mà mình cũng là diễn viên chính của bộ phim đó nữa. Nếu quý vị ở đây đang sống trong đau khổ vì oán hận một người nào đó, thì phải biết mở lòng và xả đi. Ta không có may mắn được Đức Phật trực tiếp, để Ngài nói cho ta tiền kiếp của ta như thế nào, ta đã gây ra những lỗi lầm gì với người khác. Nhưng kinh điển của Đức Phật, lời dạy của Đức Phật vẫn còn đây mà. “Nhất thiết duy tâm tạo”, mình diễn vai diễn mà mình đã viết lên vai diễn đó thôi.

Kinh Địa Tạng nói làm phúc thì người làm phúc được hưởng đến 6 phần, gia tiên nhà ta chỉ được hưởng có 1 phần thôi. Và cũng như vậy, mình hại người khác, người thiệt thòi đầu tiên cũng là chính ta mà chẳng phải là người khác đâu quí vị. Vậy thì con đường về Tây Phương hay đi xuống địa ngục nằm ở ngay dưới chân chúng ta. Bước theo con đường nào tùy ta quyết định, trên con đường đó chông gai thế nào, thử thách ra sao Phật và tổ cũng đã hướng dẫn. Nhớ đến Phẩm kinh này, với các cảnh giới Địa Ngục như vậy mà chúng ta phải biết tu tập như thế nào. Bồ Tát thì vẫn ở bên để cứu giúp chúng ta, nhưng chúng ta có theo bước Ngài màvĩnh viễn thoát ly Chư khổ không thì đó là dựa vào chính chúng ta vậy.

Chúng ta sang phẩm thứ 4 ***“Nghiệp cảm của chúng sinh trong cõi Nam Diêm Phù Đề”.***

***“Lúc bấy giờ, Bồ Tát Địa Tạng liền bạch với Đức Phật rằng: Kính bạch Đức Thế Tôn! Con vì nhờ vào sức uy thần của Phật, nên mới phân thân ra, đi khắp mười phương cõi, trăm nghìn vạn ức na do tha các thế giới, cứu vớt những chúng sinh, đang bị nghiệp báo ác; Nếu không có sức lực của Đức Phật Thế Tôn, nếu không có quang minh công đức trí tuệ Phật, thì con sẽ chẳng thể phân thân được như thế***

Qua đoạn văn kinh này, chúng ta thấy tính khiêm nhường, cung kính, tôn trọng của Bồ Tát Địa Tạng đối với Đức Phật.

Địa Tạng Bồ Tát đã phát nguyện từ hằng hà sa số bất khả thuyết, bất khả thuyết vi trần a tăng kỳ kiếp về trước. Đức Phật cũng đã nói: Bồ Tát Địa Tạng đã phát nguyện hành Bồ Tát Đạo và đã thành tựu vượt xa hàng Đẳng Giác, Diệu Giác, ở trong ngôi vị Bổ Xứ Bồ Tát từ lâu rồi. Nhưng vì bản nguyện của Ngài vì muốn độ hết thảy chúng sinh cho nên Ngài chưa thành Phật thôi, còn nếu Ngài muốn thành Phật thì chỉ trong một đời, Ngài sẽ thành Phật. Nếu muốn thành Phật ngay ngày hôm nay thì Ngài cũng có thể thị hiện thành Phật ngay ngày hôm nay được, nhưng Ngài lại muốn ở trong địa vị Bồ tát như vậy thì làm công việc Phật sự sẽ dễ dàng hơn vậy.

Như tôi là người trụ trì, có những việc tôi nói tốt hơn, nhưng có những việc đệ tử của tôi nói sẽ tốt hơn, còn có những việc thì Phật tử tâm huyết, gần gũi với nhà chùa, với ngôi Tam Bảo làm lại phù hợp hơn so với chúng tôi làm.

Cũng vậy, Bồ tát Địa Tạng có thể dùng vô số phân thân của mình vào địa ngục để cứu độ chúng sinh. Nhưng Đức Phật lại chỉ phóng quang minh vào đó thôi, còn nếu hiện vô lượng thân hình vào trong địa ngục thì lại khác. Nếu muốn vào trong địa ngục lại phải dùng hóa thân của Bồ Tát để vào đó, Địa Tạng Bồ Tát ở trong hàng Bổ xứ, dùng thần thông nguyện lực, công đức, trí tuệ của mình để vào trong các địa ngục để cứu độ chúng sinh.

Trong kinh chúng ta thấy Bồ Tát Địa Tạng dù ở thời có Phật ra đời, hay không có Phật ra đời thì Ngài vẫn ở cõi Nam Diêm Phù Đề này để hóa độ chúng sinh. Cách đây hơn 2500 năm về trước khi Đức Phật Thích Ca chưa giáng thế, chưa xuất gia, chưa thành đạo, chưa chuyển pháp luân, thì Bồ Tát Địa Tạng đã ở thế giới này từ rất lâu, từ hằng hà sa số a tăng kỳ kiếp về trước để cứu độ chúng sinh trong ba đường ác rồi.

Nay trong pháp hội trên cung Trời Đao Lợi này khi Đức Phật Thích Ca thì hiện là Phật để cứu độ chúng sinh thì Ngài Địa Tạng thì hiện là người học trò trung thành với thầy của mình. Cho nên chúng ta mới nói càng tôn trọng người Thầy bao nhiêu thì đức độ và tiếng tăm của người trò các tốt đẹp hơn thế nữa. Đoạn kinh này thể hiện rõ điều ta cần học. Địa Tạng Bồ Tát bạch Phật rằng: Tất cả những điều mà con làm được hôm nay đều nhờ vào công đức thần lực của Đức Phật cả. Nhờ Phật từ bi giúp đỡ nên con mới có thể làm được nhưng việc như thế; không có Ngài, không có quang minh công đức, trí tuệ của Ngài thì con không thể làm được. Nhưng thực tế thì Đức Thích Ca chưa xuất gia thành đạo thì Địa Tạng Bồ Tát đã thường trụ ở cõi Nam Diêm Phù Đề này từ lâu rồi, hằng hà sa số vi trần điển kiếp rồi. Thế nhưng giờ đây khi Đức Phật đã thành tựu quả Phật thì Bồ Tát Địa Tạng lại cung kính, tán thán Thích Ca Mâu Ni Phật vô cùng vậy.

 Đã tôn Đức Thích Ca là thầy, là sư phụ của mình rồi, thì tất cả những gì Địa Tạng Bồ Tát đã làm được thì Ngài đều cúng dàng Thầy mình hết.

Tất cả đều là các Ngài thị hiện để dạy chúng ta, dạy chúng ta Hiếu thân, tôn sư; dạy chúng ta biết khiêm cúng, biết tôn kính, cúng dàng Đức Phật. Và Đức Phật là bậc toàn giác, toàn năng rồi Ngài có nhận những thứ mà ta cúng dàng để hưởng cho Ngài không?

*Ta nhớ trong Phẩm Phổ Môn, khi Ngài Vô Tận Ý thấy kính phục Bồ Tát Quán Thế Âm vì hạnh nguyện của Bồ Tát Quán Âm, lòng từ bi của Bồ Tát Quán Âm lớn quá. Vô Tận Ý Bồ Tát cởi chuỗi ngọc ở nơi cổ giá trị trăm nghìn lạng vàng để cúng dàng Quán Âm Bồ Tát, Bồ Tát Quán Âm không nhận. Đến lúc Đức Phật bảo Quán Âm Bồ Tát: “Ông nên thương Bồ Tát Vô Tận Ý đây cùng hàng tứ chúng Trời, Rồng, Quỷ Thần, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lâu La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân và phi nhân mà nhận chuỗi ngọc đó. ”*

*Tức thì Quán Thế Âm Bồ Tát vì lòng thương tứ chúng, trời rồng, nhân và phi nhân... mà nhận lấy chuỗi ngọc.*

*Nhưng Bồ Tát Quan Âm lại chẳng dùng chuỗi ngọc cho bản thân mình, Ngài lại đem cúng dàng Đức Phật Thích Ca và Phật Đa Bảo.*

*Quý như vậy nhưng Bồ Tát cũng chẳng giữ lại cho mình. Vì thương mà nhận, và rồi vì cung kính mà lại cúng dàng.*

*Lại trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, tất cả chư Thiên ở các cõi Trời đều đem những thứ quý báu cung điện, lầu vàng cung kính, cúng dàng Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Đức Thích Ca nhận rồi Ngài cũng không ở, ngài vẫn ở rừng, vẫn ở am lá. Đức Phật chỉ tiếp nhận tấm lòng của họ để họ tăng phúc, tăng thọ mà thôi, để họ thâm nhập vào đạo giải thoát mà thôi.*

*Huống hồ thời nay, khi Đức Phật đã nhập Niết Bàn, chúng ta cúng dàng Đức Phật, Ngài cũng đâu có dùng đến, nhưng Đức Phật khuyến khích cúng dàng để chúng ta học hạnh xả ly. Từ vô thỉ kiếp đến nay chúng ta chẳng thể đắc đạo, đó chính là vì tâm tham chấp; tham chấp tấm thân này là của ta, cái tên này là Thầy,là cha mẹ đặt cho ta, ai động đến cái tên đấy là động đến ta, là không xong với Ta vậy. Cái “Ta” và “cái của Ta” cứ lôi chúng ta mãi vào vòng luân hồi – một vòng sinh tử, tử sinh vô cùng vô tận.*

*Mới đầu đi chùa thì cúng Phật hoa trái, phẩm oản. Dần dần khi hiểu rồi thì biết được để ngôi Tam Bảo trường tồn thì nên “làm chùa, tô tượng, đúc chuông”; rồi biết cúng dàng để các vị xuất gia có điều kiện để học tập, tu hành vv...Quý vị biết quyển kinh này tiền in ấn là 18500đ một quyển, nhưng không phải ai khi nghe chúng tôi vận động ấn tống Kinh Địa Tạng thì họ cũng tùy hỷ ấn tống ngay. Nhiều người nghĩ: “Bằng cả một bữa ăn sáng, sao phải nhịn một bữa để in ấn kinh cho một người nảo, người nào ta chẳng quen biết làm gì”. Thế nhưng khi hiểu rằng đây chính là Pháp Bảo, cúng dàng để in kinh chính là gieo trồng công đức cho chính bản thân mình, thì họ hoan hỷ cúng dàng vài trăm quyển một lúc. Có những người khi đến chùa Khai Nguyên, nhìn thấy ngôi Tam Bảo, nhìn thấy các công trình của nhà chùa họ hỏi: “Ai đứng đằng sau giúp thầy trụ trì xây dựng chùa này? Có người nào ở nước ngoài giúp đỡ không?”. Ngôi chùa này có sự đứng sau, có sự ủng hộ của tất cả các Phật tử vậy. Có những bà lão bán rau, cả đời chỉ gom góp được 1 chỉ vàng để sau này đưa cho con cháu lo hậu sự cho mình, khi nghe nhà chùa xây dựng ngôi Tam Bảo, trong ngôi Tam Bảo có hơn 1700 bức tượng A Mi Đà nhỏ thì họ cũng mang ra cúng nhà chùa, mong góp phần nhỏ bé của mình vào đây. Ngôi chùa Khai Nguyên hay Tản Viên, hay Hoàng Tân... đều có những “đại gia” như thế đứng đằng sau để xây dựng lên vậy. Một ngôi chùa được xây dựng lên, mà Tăng Ni và tín đồ Phật tử ở đấy tu tập đúng theo chính pháp, một quả chuông được đúc ra và tiếng của nó cứ vang đều mỗi sáng mỗi chiều thì ngôi chùa đó, quả chuông đó sẽ làm thức tỉnh bao chúng sinh. Lúc đó công đức thuộc về ai, thuộc về chúng ta cả mà. Cúng dàng Phật nhưng thực ra đó chính là vun trồng cội đức cho chúng ta, để cho chính quý vị trở thành một vị Phật tương lai vậy, chứ chư Phật mười phương đâu thọ dụng hoa quả, đồ ăn thức uống của chúng ta đâu. Cúng xong chính chúng ta lại mang về, hạ xuống thọ dụng mà.*

 *Quý vị có cúng cả núi vàng để xây tượng Phật thì Ngài cũng không vì thế mà sinh tâm vui mừng, quý vị có không tin Ngài, không cung kính Ngài thì Ngài cũng chẳng vì thế mà buồn lo. Vì Phật là “Vô duyên đại từ, đồng thể đại bi” vậy.*

*Khi quý vị ở trong Phật Pháp biết bố thí cho người bần cùng, cúng dàng cho Phật, Bồ tát chính là gieo trồng nhân duyên cho quý vị ở những đời sau. Nhờ duyên đó mà quý vị sẽ được độ thoát và thành tựu ở những kiếp về sau vậy.*

***“ Con nay thật may mắn, được Phật phó chúc cho ở lại đời sau này, đợi cho đến khi nào, Đại Bồ Tát Di Lặc, tu hành được thành Phật, thì con phải độ thoát, hết thảy người có duyên, ở khắp trong ba đường, sáu nẻo của chúng sinh, con nay xin kính nguyện, vâng lời Đức Như Lai, cúi xin Đức Như Lai đừng lo lắng bận tâm ”.***

Chúng ta là phàm phu, trôi lăn trong sinh tử, những khi nhận thấy được cái cảnh khổ của Ta Bà thì nguyện sanh Tây Phương Tịnh Độ cùng Đức Phật Mi Đà, cùng các vị Bồ Tát bất thoái. Ở cõi này, có khi ai động đến mình, mắng chửi mình dù hiểu trên lý là không được sân, không được giận mà phải lấy tình thương ra để báo đáp. Vậy mà vẫn còn giận, vẫn muốn xin Phật: “Phật cho con mau mau về Tây Phương đi, con không muốn ở đây, ở đây khổ quá, chúng sinh cang cường quá”. Vậy thôi, nhưng đến khi gặp cảnh vui thì thôi quên mất cả Phật, phải chơi với con, với cháu, đi du lịch đã, để nhớ đến Phật sau.

Còn Bồ Tát Địa tạng thì sao? Ngài nói với Phật là con thật là may mắn vì Phật đã phó chúc cho con ở cõi Sa Bà này cho đến khi nào Bồ Tát Di Lặc ra đời. Bồ tát vẫn hoan hỷ, vẫn thấy mình may mắn vì Bồ Tát như bông hoa sen ở nơi bùn nhơ mà vẫn tỏa hương thơm ngát, hôi tanh đâu động được đến hoa sen. Vậy thì tham, sân, si của chúng sanh cũng đâu động tới tâm Đại từ, Đại Bi, đại Hỷ, đại Xả của Bồ Tát.

Còn chúng ta nay đang học Phật, có lẽ chúng ta chỉ là củ sen mới nhú mầm, hay mới ra chồi non, lá non có lúc muốn ngoi lên mặt nước để tỏa hương như hoa sen đấy, nhưng có lúc cứ lưỡng lự thôi ở với bùn cũng vui vì thế mà bao đời, bao kiếp chưa một lần được tỏa hương vậy.

... ***thì con phải độ thoát, hết thảy người có duyên, ở khắp trong ba đường, sáu nẻo của chúng sinh,***

Hết thảy những người có duyên sẽ được độ trước. Giống như hoa sen khi nở, nếu ai ở gần thì sẽ được chiêm ngưỡng vẻ đẹp và thưởng thức mùi thơm của hoa sen trước vậy.

Những người có duyên với Bồ Tát Địa Tạng thì sẽ được ngài độ trước, khiến họ được thoát khỏi ba đường ác đã, khiến họ được sinh lên cõi trời đã, sinh về các cõi Phật trước đã.

Trong kinh nói ai đọc tụng thọ trì Kinh Địa Tạng thì muốn sinh về cõi Phật của mười phương thì đều được cả. Vì Bồ Tát Địa Tạng được mười phương Chư Phật khen ngợi và ở phương nào thì Ngài đều có hóa thân ở cõi đó cả. Thậm chí ở Tây Phương Cực Lạc cũng có hóa thân của Ngài ở đó, đi theo gần gũi, thị giả Đức Phật A Mi Đà. Ngài dẫn dắt chúng sinh ở ba đường ác, nhẫn đến chúng sinh ở 6 nẻo về Tây Phương Cực Lạc Thế Giới.

Chúng ta muốn về Tây Phương Cực Lạc thế giới Ngài dẫn chúng ta về Tây Phương Cực Lạc thế giới; chúng ta muốn về cõi Tịnh Lưu Ly của Đức Phật Dược Sư ở phương Đông thì Ngài dẫn ta về cõi tịnh Lưu Ly; chúng ta muốn về cõi Chúng Hương của Phật Hương Tích thì chúng ta cũng được về với Phật Hương Tích...

Cho nên Địa Tạng Bồ Tát có thần thông, công đức chẳng thể nghĩ bàn. Cho nên, chúng ta tu theo pháp môn Tịnh Độ, cầu sinh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới mà lại đọc tụng, thụ trì Kinh Địa Tạng thì có sai pháp không. Tôi khẳng định là không, mà ngược lại làm tốt thêm nữa.

Khi còn tấm thân này thì chúng ta còn gieo duyên với chúng sinh, hồi hướng công đức cho chúng sinh đang ở trong biển khổ, đặc biệt là tri ân báo ân ông bà tổ tiên chúng ta, cha mẹ nhiều đời, nhiều kiếp, người thân của chúng ta đã quá vãng... Các bộ kinh khác ít bộ kinh có công năng như bộ kinh Địa Tạng này vậy.

***“...người có duyên...”*** trước hết là chúng ta đã. Khi tụng bộ kinh này chúng ta thấy hoan hỷ. Một niềm hoan hỷ mà chưa bao giờ chúng ta có khi đọc tụng các bộ kinh khác trước đây. Chúng ta ngồi đây chắc chắn là có duyên với Bồ Tát Địa Tạng từ nhiều đời nhiều kiếp rồi, kiếp này may mắn được có thân người lại được gặp Bồ Tát Địa Tạng thì phải biết tu tập để xứng đáng với công ơn của Ngài đến với chúng ta vậy. Rồi kiếp này chúng ta muốn thoát ly sinh tử, niệm Phật A Mi Đà cầu sinh Tây Phương thì chắc chắn Địa Tạng Bồ Tát sẽ góp phần không nhỏ đưa chúng ta về đó.

***“...con nay xin kính nguyện, vâng lời Đức Như Lai, cúi xin Đức Như Lai đừng lo lắng bận tâm ”.***

Một lời lời khẳng định, cũng như một lời hứa với Đức Như Lai, với Thầy của mình: Thầy không phải bận tâm nữa đâu, con xin cung kính và nguyện vâng theo lời Thầy. Có một người trò xuất sắc như Bồ tát Địa Tạng thì Đức Phật không phải lo lắng cho chúng sinh ở đời sau này nữa. Như ở ngoài đời các Thầy cô giáo tin tưởng những người học sinh xuất sắc nhất của mình vậy.

*Đức Phật tuy nhập Niết Bàn không có nghĩa là không bao giờ Ngài còn xuất hiện ở thế gian để cứu giúp chúng sinh nữa. Ngài lại đi làm Phật sự ở cõi khác, thành Phật ở cõi khác để cứu độ chúng sinh có đủ nhân duyên. Cõi Ta Bà này để lại cho Bồ Tát Địa Tạng, Bồ Tát Quán Âm..và để sau này Bồ Tát Di Lặc sẽ thị hiện thành Phật ở cõi này. Như chúng ta cũng biết, tuy Đức Thích Ca đã nhập Niết Bàn, nhưng Thiên Thai trí giả Đại Sư được tán thán là Tiểu Thích Ca Đông Độ, Vĩnh Minh Diên Thọ Đại Sư là hóa thân của Phật Mi Đà kia mà...và các vị Bồ Tát cũng vậy, hóa thân của các Ngài cũng xuất hiện ở rất nhiều nơi mà nếu nhìn bằng con mắt phàm phu chúng ta không thể thấy được các Ngài.*

Những người có duyên sẽ được Bồ Tát Địa Tạng độ trước, những người vô duyên Ngài sẽ độ sau. Cứ để cho họ phải biết khổ, biết sợ, vài phen qua Địa Ngục nữa, cái đau khổ nơi Địa ngục sẽ khắc sâu vào trong A Lại Da thức, Bồ Tát Địa Tạng sẽ xuất hiện vào đúng thời điểm thích hợp. Từ đó mà khi có được thân người, tự nhiên tâm quy kính Tam Bảo, tâm làm lành lánh giữ sẽ lưu phát ra vậy. Người đời có câu: “Món ngon nhớ lâu, đòn đau nhớ mãi”; cái khổ nhiều khi lại là nhân duyên để người ta tinh tấn tu hành, phát bồ đề tâm cầu thành Phật.

Trong đời sống hằng ngày cũng thế, chính những người mà trước đây ghét chúng tôi, chúng tôi đi qua họ còn nói chọc, nói khoáy, nói rất khó nghe vậy. Những khi gia đình họ gặp chuyện, lúc đó họ mới biết tìm đến chúng tôi. Lúc họ ghét chúng tôi, nói những điều khó nghe về nhà chùa thì mình không thể đem giáo pháp ra mà giáo hóa họ được, không thể khuyên họ ăn chay, niệm Phật, bỏ ác làm lành được. Nhưng khi họ gặp chuyện thì làm những việc trên quá đơn giản phải không. Lúc đó bảo gì họ nghe đấy. Gia đình họ trùng tang, họ sợ là người tiếp theo mất mạng ư? Cứ ăn chay, niệm Phật, phóng sinh, tu phước này; bảo gì họ nghe đấy cả, nghe răm rắp luôn. Độ chúng sinh phải đúng thời cơ như vậy đấy.

Bồ Tát Địa Tạng dùng biết bao phương tiện để độ cho chúng sinh, như tôi ngồi ở đây có thể thuyết giảng, nói mãi mà chẳng cạn lời, quý vị ở đây cũng hoan hỷ ngồi nghe, thời tiết bên ngoài thì cũng ủng hộ, đất nước yên bình để chúng ta có thể tự do tôn giáo, tự do nghe tín ngưởng... Những điều kiện đó đều là nhờ công đức, nhờ trí tuệ của Địa Tạng Bồ Tát giúp cho chúng ta đó, nhờ sự gia hộ của Bồ Tát đó.

***“Bấy giờ Đức Phật liền bảo với Bồ Tát Địa Tạng rằng: Hết thảy các chúng sinh khi chưa được giải thoát, tính tình không an định...”***

Có lúc thì chúng ta rất tinh tiến, nhưng có lúc lại rất lười biếng, có lúc muốn được thành Phật ngay đấy, nhưng có lúc lại muốn sống cuộc sống của loài ma quái, của một chúng sinh. Người xuất gia cũng vậy, có lúc chỉ muốn ngày một bữa trai giới, rồi thời gian còn lại chỉ tu hành, tụng kinh, niệm Phật. Nhưng có những lúc cơ thể lại mệt nhoài, chỉ muốn được nghỉ, nhìn thấy đồ ăn thì muốn ăn thật nhiều, thậm chí bụng lo căng rồi mà vẫn muốn ăn thêm nữa. Khi thời gian để quá nhiều vào ăn và ngủ thì sẽ không có thời gian học và tu nữa. Vì sao lại vậy? Vì tính tình chúng ta không an định, tâm như con ngựa chạy ngoài đồng cỏ, như con vượn chuyền cành vậy.

***“ thường làm các việc ác, kết thành các cấu nghiệp rồi chịu quả báo khổ...”***

Nghiệp của chúng sinh là vậy đó, đã sinh ra ở cõi Sa Bà này, những chủng tử xấu ác trong A Lại Da rất nhiều, cõi Sa Bà lại có nhiều duyên thuận lợi làm cho những duyên xấu xuất hiện, làm ác quả càng sớm hình thành.

***“”...hoặc cũng có những người, biết làm các việc thiện, cứu giúp cho chúng sinh, thì được quả báo tốt...”***

Ngoài những chủng tử xấu, thì Tâm của mỗi người cũng có những chủng tử thiện, như đất cất giữ hết thảy những hạt giống, cả hạt giống của cỏ dại, cả hạt giống của cây trái trong mình vậy.Người biết nhổ cỏ,làm cỏ để cho cây ăn quả, cây lúa lớn lên, biết chăm sóc để chúng ra hoa kết trái, thì sẽ được nếm những hương vị rất ngon, rất ngọt. Cũng vậy Tâm mình mà biết nghĩ việc thiện, làm việc thiện thì những thiện quả tức là cảnh giới tốt đẹp an vui sẽ thị hiện ra cho chúng ta hưởng.

***“...Làm thiện hay làm ác, tùy theo cảnh nghiệp khởi, luân chuyển theo sáu đường, không lúc nào dừng nghỉ...”***

Biết làm thiện sẽ được ở trong đường lành là Người, A Tu La và Thiên Nhân. Nhưng trong quãng thời gian được hưởng phước mà không biết tu tập, rồi còn tạo tác những việc không lành thì khi hết phước sẽ bị đọa đường ác vậy. Làm thiện mà vẫn thuộc thế gian pháp, vẫn còn hình tướng thì sẽ vẫn bị lưu chuyển trong sáu đường. Phước đức mà quý vị có được không thực sự bền chắc.

Thế nào là làm thiện mà vẫn còn chấp tướng: như là việc quý vị bố thí mà quý vị thấy vẫn có người cho, có người nhận và vật được nhận, vẫn còn được khen thì đó vẫn là chấp tướng.

Quý vị làm việc gì, dù giá trị quý vị cho đi có lớn thế nào cũng đừng mong lời khen ngợi, cũng đừng phải để cho hết thảy mọi người đều biết. Chỉ một lòng mong cho việc làm của mình có thể giúp đỡ, làm vơi bớt khổ cho ai đó, để người ta đưởng hưởng một cuộc sống an lành mà thôi. Dù cho người khác được một bữa ăn để người ta bớt đói được một bữa thế là được vui rồi, an lạc rồi vậy. Làm được những việc như vậy rồi hồi hướng rằng: hết thảy những điều con làm, con đều hồi hướng cầu sinh Tịnh Độ, sau này thành Phật sẽ độ hết thảy chúng sinh khổ nạn, hồi hướng như vậy chính là hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề.

Còn những người làm ác, khi chết sẽ đọa vào ác đạo: địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Chịu hết tội, hết quả báo xấu hết làm thân ma đói, làm thân súc sinh thì lại được sinh làm người, hoặc sinh lên Trời. Vòng đời cứ luân chuyển như vậy đó.

*Vì sao mà ở Ấn Độ có những đạo họ tu hạnh con chó, hạnh con bò, tu ép xác, lõa thể chỉ ở trong rừng ăn rễ cây và uống nước suối ...rất lạ. Bởi vì, Hòa Thượng Tuyên Hóa giảng có những người tu theo ngoại đạo họ cũng chứng được thiên nhãn, khi họ nhìn thấy có con chó chết đi nó được sinh Thiên thì họ nghĩ rằng sống như con chó thì chết đi sẽ sinh thiên, nên họ tu theo hạnh con chó. Lại có ngoại đạo họ nhìn thấy một con bò chết đi, thần thức của nó được lên trời, thì họ nghĩ là tu theo hạnh con bò thì sẽ được sinh thiên. Họ đâu biết đến nguyên nhân sâu xa mà Đức Phật đãy dạy. Quả đâu trổ ngay cho chúng ta thấy. Vì vậy, đối mới trường hợp ngoại đạo như thế chúng ta gọi là tà kiến. Sinh lên trời, hay đọa địa ngục đều nhờ vào nhân mà người đó gieo trồng mà thôi.*

*Nan Đà Tôn giả là thái tử con vua Tịnh Phạn, em cùng cha khác mẹ với Đức Phật, hồi đầu khi được xuất gi rồi mà vẫn còn nhớ cô vợ mới cưới Tôn Đà Lợi. Vì vậy, mà không tiến tu được. Đức Phật biết vậy, liền cho Ngài líu vạt áo rồi Phật dùng thần lực đưa Ngài lên thăm cõi Trời. Các cô Thiên nữ thì vô cùng sinh đẹp, Tôn Đà Lợi phải kém xa. Khi đi đến một cung điện rất đẹp mà lại không có vị Thiên tử nào cả, Ngài A Nan hỏi đây là nhà của ai. Các cô thiên nữ nói:*

* *Của Ngài Nan Đà.*
* *Tôi chính là Nan Đà đây. Tôi sẽ ở đây luôn.*

*Nan Đà Tôn Giả trả lời.*

* *Không! Ngài phải tu đã, khi tu đủ phước thì mới được sinh về đây.*

*Thế là Ngài Nan Đà xuống hạ giới và tinh tấn tu, vì Ngài muốn được lên Trời để các cô Thiên Nữ hầu hạ mà.*

*Sau đó, Đức Phật lại dùng thần thông, đưa Ngài xuống địa ngục. Thấy vạc dầu nào cũng có người, chỉ có một cái không có ai. Ngài Nan Đà lại hỏi tên ngưu đầu, ngục tốt.*

* *Ông đang chờ tội nhân nào ở đây?*
* *Chờ ông Nan Đà, đợi khi nào ông ấy hưởng hết phước ở trên Trời thì sẽ phải chịu tội ở đây.*

*Ngài Nan Đà thấy được sự vô thường, siêng tu mà được lên trời, hưởng phước ở trên đó rồi đến lúc hết phước lại đọa địa ngục thì cũng thật vô nghĩa.*

Ngài nói bài kệ:

Đời người không đủ quý,

Thọ hết Trời cũng tiêu,

Địa ngục khổ chua cay,

Chỉ Niết Bàn là sướng.

 *Từ đó, Ngài trở về tinh xá, thực sự tinh tấn tu hành và chứng được Thánh Quả A La Hán.*

Như vậy, để chúng ta thấy rằng muốn hưởng sự an lành tịch tĩnh, muốn được thực sự thoát khổ hưởng an vui, muốn vòng luân chuyển trong sáu đường chấm dứt lại hẳn, thì chỉ có con đường tu theo chánh pháp của Đức Phật mà thôi.

***“...trải qua nhiều kiếp số, giống như hạt bụi trần, thường mê hoặc chướng nạn như cá kia trong lưới, cứ theo dòng nước chảy, thoạt vào lại thoát ra...”***

Kiếp luân hồi sinh tử, tử sinh cứ mãi xoay vần, nhiều như số hạt bụi trần vậy, không có đường mà thoát ra. Như con cá đã mắc kẹt trong lưới, cứ bơi sang trái, bơi sang phải, nhảy lên trên, chui xuống dưới, cứ nghĩ mình đã đi được đoạn xa rồi, chắc là thoát rồi đó. Nhưng than ôi! Nó vẫn ở trong lưới mà thôi. Đã là cá mắc lưới, cá cắn câu thì sẽ phải chết, rồi chết trong oán hận, khổ đau thì những kiếp sau mình vẫn tiếp tục làm thân cá hoặc thân một con vật nào đó, chẳng thể ngóc đầu lên được. Tuy được cứu ra nhưng ai mà biết được là nó sẽ không quay lại làm thân súc sinh nữa đâu. Làm thân súc sinh mê mờ chướng ngại, làm gì đủ trí tuệ mà học Phật mà tích phước tu thiện. Là con người, được coi là có trí thông minh mà giáo hóa cho họ còn khó thì huống hồ là con vật.

*Ở chùa chúng ta hay có lễ phóng sinh, nhưng có điều chúng ta phải xem xét cho kỹ. Chúng ta rất hay phóng sinh cá, nhưng khi quý vị phóng sinh những con cá lớn, nhất là những con cá phàm ăn, thì quý vị có biết các con cá khác ở trong ao cũng sẽ là mồi của chúng không? Và chính ta lại hỗ trợ cho chúng thành đối tượng mà những con cá khác phải khiếp sợ vậy. Cá chuối, cá trê chẳng hạn, rất phàm ăn, mỗi con có khi phải ăn từ 2 đến 5 lạng cá con mới vừa bụng chúng. Những con cá nhỏ ở trong ao chắc là phải phát khóc với những con cá kia mất. Như quý vị đang sống ở một nơi rất yên bình mà nghe tin là có kẻ khủng bố đến. Dù vẫn biết họ thì vẫn là người, vẫn có Phật tính, nhưng quý vị có sợ không?. Có gia đình thả cá giống để nuôi trong ao, đến khi vớt cá lên chẳng còn thấy con nào ngoài một con cá trê lai, thì ra khi vét nạo ao họ bỏ xót một con cá trê đó, và nó xơi tái hết cả số cá kia. Rồi có những vị phóng sinh, họ phóng sinh rùa tai đỏ, cũng là loại phàm ăn và hay ăn thịt. Rồi có những người thành phố họ không biết, họ mua ốc bươu vàng để phóng sinh ra các con sông lớn. Để rồi khi nước về ruộng đồng của nhân dân, ốc cũng theo đi, thể là mùa màng cũng bị ảnh hưởng. Hạnh phóng sinh rất quý, rất được tán dương, nhưng hãy là người từ bi có trí tuệ các quý vị ạ. Đừng để khi các quý vị mang những con cá thật to, thật bự đó đi thả, quý vị niệm Phật ở trên thì bọn cá nhỏ ở dưới nó nháo nhác sợ hãi. Vì sao? Vì những lần trước khi nghe tiếng chuông, tiếng khánh và tiếng ồn ào như thế, một lúc sao “dân chúng” ở dưới sông được đón tiếp toàn các “đại ca đầu bò, đầu bướu” rất là hung hăng, vừa xuống sông là đã bắt đi bao anh em, đồng loại của chúng. Nên chúng sợ lắm, không biết lần này, kẻ làm mồi cho những “đại ca” kia có phải là mình không nữa. Vả lại, phóng sinh không có nghĩa là phải phóng sinh hàng ô tô, không có nghĩa là phải ngày nào cũng phóng sinh. Người dân ở quanh đây, nhiều gia đình còn không đủ ngày 3 bữa cơm, vậy mà ngày nào họ cũng thấy nhà chùa đi hàng công nông đi phóng sinh, gây ồn ào. Họ đâu có hiểu đâu, họ ở ngoài đời mà. Họ nghĩ: sao bảo chùa nghèo thế mà ngày nào cũng phóng sinh. Có mà giàu không biết để đâu cho hết tiền nên mới tiêu bớt ấy. Thế mà các vãi toàn đến nhà dân quyên góp gạo để cúng lên chùa. Như vậy thì có hay không thưa quý vị? . Tôi không cấm các vị phóng sinh, nhưng các vị phải làm cho đúng pháp. Hãy tùy thời mà phóng sinh, mua chim và những con cá nhỏ hiền hiền thôi, đừng để việc làm của mình gây sợ hãi cho những loài khác, làm ảnh hưởng đến sinh môi, đến sự cân bằng sinh thái. Ban không sợ hãi được, thì chính quý vị cũng đang hành Quán Âm hạnh là Bố thí vô úy rồi đó.*

*Thêm nữa, vì sao chúng ta phóng sinh? vì muốn cứu mạng con vật kia, để hôm nay nó tránh được cảnh dầu sôi, lửa bỏng, tránh bị cắt cổ mổ bụng vậy. Thế nên, chúng ta cứu được là phải cứu ngay, chứ không được tính toán đắt rẻ. Ấy thế mà nhiều người đi mua đồ phóng sinh họ cứ phải mặc cả, mặc cả đi mặc cả lại, nhấc lên rồi lại hạ xuống. Như vậy, là làm mất đi một phần nào đó hình ảnh đẹp của hạnh phóng sinh rồi. Nếu như chỉ vì lòng từ bi mà quý vị chuộc mạng những con vật kia, có khi quý vị còn cảm hóa được cả người bán hàng đó. Họ sẽ nghĩ “Vì sao người kia lại mua mà chẳng cần chần chừ, chẳng cần do dự chút nào cả?”. Và rồi sẽ có sự chuyển biến trong tâm thức họ,trong tâm thức nhiều người, một ngày nào đó có đủ nhân duyên họ lại bỏ nghề bán cá kia đi và làm một nghề thiện lành hơn thì sao. Cứ thành tâm mà làm, có nhiều làm nhiều, có ít làm ít. Làm được như vậy chẳng hạn, chẳng những quý vị cứu được những con cá kia mà còn cứu được cả người bán hàng, cả con cái họ nữa.*

Tóm lại thì đã bị đọa ác đạo thì lỗi thống khổ rất vô cùng, Đức Phật và Bồ Tát dù có lòng Đại từ, Đại bi muốn cứu nó đi nữa thì cũng phải mất thời gian rất là lâu xa nữa, không phải là chuyện một sớm một chiều mà độ được. Vì thế mà số kiếp mình mình đã trải qua như hạt bụi trần rồi, có khi còn nhiều hơn số hạt bụi trần rất nhiều lần nữa ấy.

 ***“...Vì những chúng sinh ấy, vậy nên Đức Như Lai, thương xót mà tế độ, cùng phó chúc cho ông, ông đã từ bao đời, thường phát ra đại nguyện, cứu giúp khắp chúng sinh, độ thoát cho hết thảy, thì nay Đức Như Lai, còn gì lo lắng nữa...***”

Vì những chúng sinh ấy mà Đức Như Lai hóa hiện ra cõi đời ngũ trược ác thế này mà tế độ cho chúng, và cũng vì những chúng sinh ấy mà nay Đức Phật một lần nữa phó chúc cho Địa Tạng Bồ Tát những chúng sinh ở cõi Diêm Phù Đề. Các chúng sinh đời mạt pháp về sau, phải nương vào Bồ Tát Địa Tạng, nương vào bản nguyện, bản hạnh và bản thể lực của Ngài để cầu được giải thoát. Đại nguyện đã được phát ra từ bao đời, và cũng từ đó đến bây giờ, không một chút xao nhãng, không một chút ngơi nghỉ để cứu giúp chúng sinh. Thương xót chúng sinh mà trước Đức Phật nước mắt Ngài trào dâng, nhưng cũng vì thương chúng sinh mà nghĩ mình thật may mắn khi được Phật giao phó chúng sinh cho mình dẫn dắt họ ra khỏi biển khổ. Và cũng vì vậy mà Đức Phật có thể yên tâm vào Bát Niết Bàn mà không phải lo lắng gì nữa. Đức Phật đã yên tâm rồi, vậy chúng ta còn gì phải nghi ngờ nữa mà không quy y với Bồ Tát Địa Tạng và đọc tụng thụ trì Bộ Kinh này!

Bài giảng tạm dừng ở đây, chúng ta vào thời khóa tụng Quyển Thượng của Kinh Địa Tạng.

Bài 29.

Chúng ta vào phần kinh văn tiếp theo:

***“Vừa nói đến đây, ở giữa trong pháp hội ngay tại lúc bấy giờ, có một Đại Bồ Tát, tên Định Tự Tại Vương”***

Vị Bồ Tát đứng ra hỏi Phật được giới thiệu trong phẩm thứ tư này là Bồ Tát Định Tự Tại Vương. Trong phẩm thứ nhất chúng ta cũng được biết đến một Đức Phật có tên là Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai. Vì sao vị Bồ tát này lại là Định Tự Tại Vương chứ không phải là một vị Bồ tát khác? Tên của Đức Phật và tên của các vị Bồ tát thường được đặt theo hạnh tu, hạnh nguyện, hay một phẩm chất đặc biệt của các vị đó.

Như Đức Quán Thế Âm Bồ Tát chẳng hạn. Quán tức là lắng nghe, xem xét; Ngài dùng thiền định để xem xét lắng nghe yêu cầu của chúng sinh. Thế: chỉ cho tất cả các cõi nước 10 phương. Âm : tức là âm thanh.Ngài xưa kia đã phát đại nguyện lớn đó là bất cứ ai niệm danh hiệu của Ngài, Ngài sẽ lắng nghe, xem xét âm thanh đó, rồi cứu độ họ, ban cho họ những điều an vui, những điều họ mong cầu.

Tên của các vị Bồ Tát vì sao lại có? Vì do các Đức Phật đặt cho là như thế, chứ không phải là muốn là được đâu.

Như ở truyền thống phương Đông chúng ta, cái tên bao giờ cũng có một ý nghĩa rất quan trọng. Khi cha mẹ đặt tên cho con cái, tức là họ đã gửi gắm bao mơ ước, mong muôn của mình vào người con vậy. Đôi khi một cái tên nghe rất giản dị lại chứa đựng những ý nghĩa lớn lao.

Còn các vị Thầy khi đặt tên cho các đệ tử của mình thì cũng muốn cho đệ tử của mình sẽ theo tính cách, hạnh nguyện, theo căn cơ của các vị đó mà có được tên như vậy.

*Như tôi có tên tại gia là Bùi Xuân Kiều chẳng hạn, thoạt nghe thì như tên con gái, yểu, điểu thục nữ, tên chẳng hay, chẳng kêu chút nào cả. Ấy vậy mà nó lại thể hiện rất nhiều sự gửi gắm của ba mẹ tôi đối với tôi. Khi xưa, bị trêu nhiều tôi không thích cái tên đó tẹo nào cả. Tôi hỏi Ba tôi:*

* *Sao ba đặt tên con là Kiều?*
* *Kiều không phải là tên xấu đâu con. Kiều trong chữ Hán có nghĩa là cây cầu. Mong rằng sau này con sẽ giống như một cây cầu, để mọi người bước qua một con sông.*

*Ngày đó tôi đâu có hiểu gì! Sao ba lại muốn mình là cái cầu, để người ta bước qua, người ta dẫm đạp lên mình. Như thế thì vừa đau vừa nhục nhã quá. Liền nói với ba tôi.*

* *Ba đổi cho con tên khác đi, vừa hay, vừa kêu kêu một chút.*

*Ba tôi trả lời:*

* *Thôi tên đã đặt rồi, đăng ký khai sinh rồi, bây giờ đổi khó, tên đó đẹp rồi, cứ dùng tên đó thôi.*

*Tôi nghe lời ba mình mà quả thực vẫn không thích cái tên đó chút nào cả.*

*Tôi lại sang hỏi mẹ tôi:*

* *Sao mẹ đồng ý cho ba đặt tên con như thế?*

*Mẹ tôi nói khi sinh tôi ra, tôi khác tất cả anh chị mình, tôi rất nghịch, nên muốn đặt cho tôi cái tên hiền hiền, để sau này tôi bớt cái tính quậy phá của mình đi.*

*Quả đúng thực như vậy, ngày nhỏ tôi rất nghịch, vườn chuối của nhà lát bét ra vì tôi học võ. Nhưng khi lớn lên khoảng 12, 13 tuổi tôi hiền đi rất nhiều. Rồi không uống rượu cũng không hút thuốc. Khác hẳn với con trai ở quê tôi. Duy nhất có lần uống 3 chén rượu thì ngủ liền 3 ngày, 3 đêm mới tỉnh. Sau đó thì tôi thề không động đến 1 giọt rượu trở lại nữa.*

*Rồi khi đi xuất gia, lại một lần nữa tôi có cái tên khác. Thú thật lúc đầu tôi cũng chẳng thích cái tên là Thịnh chút nào. Tôi thích tên là Chiếu, vì vậy mà tôi lấy pháp hiệu của mình là Thường Chiếu nghĩa là luôn sáng, luôn đem giáo pháp của Đức Phật để tự mình soi rọi cho mình và dạy bảo cho chúng sinh. Thích tên là Thường Chiếu lắm nhưng mà Pháp danh Thầy đặt cho đâu dám không nhận tên của Thầy trao cho mình.*

*Sau này, tới 7,8 năm sau khi đi học ngoài Học Viện rồi, tôi hỏi Thầy:*

* *Sao Thầy đặt tên con là Đạo Thịnh, sư đệ con là Đạo Thuần và sư đệ thứ ba là Đạo Vượng.*

*Thầy tôi trả lời vì Thầy tôi thích thế. Nhưng một lúc sau thì Thầy cũng giải thích. Vì cha mẹ nào sinh con ra cũng muốn con thành tựu, người Thầy nào nuôi đệ tử thì cũng muốn đệ tử của mình làm được cái gì đó cho Đạo pháp, cho dân tộc, cho tín đồ Phật tử sau này. Thầy nói rằng tôi có thể giáo hóa độ sinh, có thể mở mang, kiến lập đạo tràng nên tôi được đặt tên là Đạo Thịnh. Tức là đem giáo pháp của Đức Phật để làm cho Đạo Phật của Việt Nam phát triển, ít nhất là duy trì được tông phong của các tổ đã tu tập và xiển dương. Ngày đó, tôi chưa có ý tưởng gì nhiều cả, nhưng nghe sư phụ nói thì thấy yêu cái tên của mình hơn rất nhiều. Còn cái tên đối khi có thể thật hay, nhưng nếu mình không làm được thì tên lúc đó cũng chẳng để làm gì cả. Còn sư đệ tôi thì tên là Đạo Thuần, vì tính cách của sư đệ tôi rất khó để điều phục. Tên là Thuần để mong rằng tâm của Thầy ấy có thể chuyển hóa, rồi lại được những điều lợi ích cho Đạo Pháp vậy. Còn ông thứ 3 tên là Đạo Vượng vì Thầy tôi nói vị này có hạnh tu rất tốt, có thân giáo rất tốt, và mọi người sau này có thể nhìn vào đó để mà tu. Quả thực như vậy, sư đệ tôi chuyên tu nhập thất, không làm bất cứ việc gì cả, việc chùa chiền mặc cho các vãi, nhân dân làm thế nào thì làm. Chỉ về của khoảng 15 ngày vào Têt, lễ Vu Lan và lễ Phật đản. Vậy mà các vãi nghe rắp rắp, chùa lúc nào cũng sạch tinh tươm, lúc nào trong chùa cũng vang tiếng Niệm Phật, rất ấm cúng. Và tôi thực sự rất khâm phục con mắt nhìn học trò của Thầy tôi vậy.*

Quay trở lại bài với tên của Bồ Tát Định Tự Tại Vương.

***Định Tự Tại*** tức là do Thiền định, nhất tâm bất loạn mà đạt được sự tự tại. Tự do tự tại, muốn các định nào hiện lên thì chỉ trong một niệm tâm thôi thì ngài liền trụ trong Định đó.

Thiền Định theo tiếng Phạn là Samatha Tam ma Bát Đề. Samatha còn dịch là Chỉ. Tam ma bát đề còn dịch là Quán. Do tu tập chỉ quán mà đạt được Đại Định Tâm, khi Tâm Định trí tuệ sẽ sinh ra, các công đức cũng được sinh ra. Định ở đây chẳng phải là Định Bình Thường mà là Định Tự Tại – tự do tự tại trong Định. Có hằng hà sa loại Định, có hằng hà sa Tam Muội mà Định Tự Tại Vương Bồ Tát đều chứng hết.

***Vương*** ở đây có nghĩa là Vua, như Đức Phật được gọi là Đấng Pháp Vương, hay vua của tất cả các Pháp. Trong tất cả Tam giới thì Phật là người Thầy trên hết. Phật còn có tên là Đại Y Vương. Thầy thuốc ở thế gian chỉ cứu được chúng sinh trong một đời, còn Đức Phật thì giúp chúng sinh thoát được hết thảy khổ đau, từ đời này sang đời khác. Còn Đức Phật A Mi Đà thì là Vô Thượng Y Vương.

Vị Bồ Tát này không phải là một vị Bồ Tát bình thường và là đệ tử của một Đức Phật mà thôi. Vị Bồ Tát này từng là đệ tử và học với hằng hà sa số các Đức Phật và đã thành tựu từ rất lâu rồi. Lần này, khi Đức Phật Thích Ca thuyết kinh Địa Tạng thì Ngài đến đây nghe pháp, nhưng khi cần phải xuất hiện giữa chúng pháp hội thì Ngài cũng xuất hiện. Ngài xuất hiện vì chúng sinh đời sau, Ngài biết rằng chúng sinh đời sau sẽ có những thắc mắc như thế này hay như thế kia, từ đó mà Ngài đứng lên bạch đức Phật. Cùng một câu hỏi nhưng một vị Chư Thiên, một vị Bồ Tát khác ra hỏi thì mang nghĩa khác, còn Bồ Tát Định Tự Tại Vương hỏi thì lại có một nghĩa khác vậy. Xuất hiện những vị Đại Bồ Tát thưa hỏi thì vị thế của Bồ Tát Địa Tạng được nâng thêm tầm cao nữa. Bồ Tát bạch rằng:

***“...Kính Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát Địa Tạng, từ bao nhiêu kiếp trước, phát ra đại nguyện gì, chứa nhóm các công đức, tu tập hạnh nghiệp gì? Mà trong ngày hôm nay, được Đức Phật Thế Tôn ân cần và ngợi khen, phó chúc cho như thế? Kính xin Đức Thế Tôn, vì chúng hội nơi đây, mà nói sơ lược qua, cho chúng đều được biết ”***

Bồ Tát Địa Tạng được Đức Phật đặt sự quan tâm đặc biệt vào Ngài. Học trò của Đức Phật có bao nhiêu là vị xuất sắc. Trong những câu chuyện tiền kiếp của Đức Phật, Đức Phật đã bao đời làm bạn hữu, dẫn dắt các vị đại đệ tử của mình, đặc biệt là A Nan, Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên Tôn Giả...nhưng lần thuyết pháp này, đi cùng Đức Phật các Ngài cũng không đi cùng, mọi sự quan tâm lần này đặc biệt hướng về Bồ Tát Địa Tạng vậy. Việc phó chúc chúng sinh ở cõi Ta Bà này Đức Phật cũng ân cần giao cho Địa Tạng Bồ Tát, chứ không phải bất kỳ vị đệ tử nào của Ngài cả. Đủ biết sự quan trọng của Bồ Tát Địa Tạng đối với những chúng sinh đời sau.

Vì thế mà Định Tự Tại Vương Bồ tát mới hỏi tại sao mà Đức thế Tôn lại ân cần ngợi khen, phó chúc cho Bồ tát Địa tạng như thế? Tại sao không phải là Quán Âm Bồ Tát, Văn Thù Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát, các vị ấy cũng đều là những vị Bồ Tát lớn và cũng hết lòng vì chúng sinh ở các cõi mà? Tại sao Đức Phật không thuyết kinh này ở cõi Nam Thiệm Bộ Châu mà Đức Phật lại lên Đao Lợi Thiên mới thuyết? ??

Với những câu hỏi của một vị Đại Bồ Tát như thế, Đức Phật chẳng thể chẳng trả lời. Những câu trả lời đó cũng là nút mở cho những thắc mắc của chúng ta bây giờ. Giống như Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát hỏi Phật ở phẩm đầu, Bà Ma Da hỏi Bồ Tát Địa Tạng ở phẩm thứ ba, các Ngài hỏi cũng chỉ vì chúng sinh đời sau này nên mới có những câu hỏi như thế mà thôi. Nếu không có các Ngài hỏi, thì những thắc mắc của chúng sinh vào thời sau này, biết ai là người giải đáp cho đây. Định Tự Tại Vương thừa biết công hạnh của Bồ Tát Địa Tạng thế nào rồi, thậm chí trước đây các Ngài còn là những người bạn chúng đường với nhau , cùng nhau vào cõi ngũ trược ác thế này để độ vô lượng chúng sinh nhưng nay Ngài lại phương tiện mà hỏi để giáo hóa, chỉ dạy cho chúng sinh đời sau. Chúng sinh vô biên thì Bồ Tát là vô lượng, lấy cái vô lượng độ cái vô biên, nếu như trên đời này chỉ có mỗi Địa Tạng Bồ Tát thôi thì sự phân thân của Ngài cũng không thể xuể để độ chúng sinh được, cho nên cần có sự xuất hiện của những vị Đại Bồ tát nữa chung tay góp sức để làm công việc khó khăn đó.

“***Ngay khi ấy, Đức Phật liền bảo Bồ Tát định Tự Tại Vương rằng: Ông nay hãy lắng nghe, và suy nghĩ cho khéo, ta nay sẽ vì ông, mà phân biệt cho rõ.”***

Để hiểu được câu trả lời, thì phải lắng nghe, lắng nghe rồi không phải để đấy mà phải suy nghĩ cho khéo trước những câu trả lời đó thì mới có thể hiểu được. Học Phật là phải suy nghĩ, chứ không phải Phật nói như thế nào chúng ta cũng gật gù cho là thế được. Như tôi ngồi đây giảng cho quý vị, hoặc quý vị bật bài giảng của tôi lên nghe ở nhà, cứ gật gù nghe từ sáng đến trưa, từ trưa đến tối, đến lúc cuối cùng hỏi hôm nay thâu nhặt được gì, tâm đắc nhất với điều gì, chúng ta trả lời là: tôi cũng không biết, tôi cũng không nhớ, thì chúng ta cũng chẳng được mấy phần lợi ích. Chúng ta phải biết tư duy, những gì trong bài giảng hôm nay mình có thể ứng dụng ngay trong cuộc sống hiện tại chẳng hạn.

*Tâm của chúng ta hợp với pháp nào, chúng ta có thể làm được pháp nào hoặc chưa làm được pháp nào chúng ta phải tự biết. Khi xưa đi học, chúng tôi được các vị Hòa Thượng, Thượng Tọa nổi tiếng dẫn dắt chỉ bảo. Đức Pháp Chủ là hiệu trưởng của chúng tôi, Cố Hòa Thượng Thích Viên Thành, viện chủ động Hương Tích là hiệu phó, trực tiếp dạy chúng tôi, ngày rất giỏi và truyền về Mật Tông, chúng tôi cũng đã được thọ pháp về Mật Tông, tu tập về Mật Tông. Nhưng sau khi chắt lọc ra, thì thấy căn cơ của mình chưa đủ để học về Mật Tông. Mật Tông dành cho các bậc căn cơ Thượng thượng mới thành tựu được. Căn cơ chẳng phải thượng căn, thượng chí, nếu chẳng kham thọ được Mật Tông, thì tu hành được một thời gian cũng sẽ bị lầm đường lạc lối, chưa chứng mà cứ ngỡ là mình đã chứng, chưa đắc cho rằng mình đã đắc, dần dần đi vào đường ma, bắt ma trừ quỷ, rồi dần dần chúng ta đi vào đường ma lúc nào chúng ta không biết. Chúng ta cứ nghĩ rằng mình giỏi rồi, nhưng đến khi “con Ma” dựa vào chúng ta chán rồi, bỏ đi thì chúng ta mới biết là chúng ta bị lừa. Lúc đó lại không quay lại được nữa, trở lên điên điên khùng khùng mất rồi.*

*Chúng ta bây giờ cứ nghe đến các vị Pháp Vương ở Mật Tông sang Việt Nam để truyền đạo, để làm phép Quán đỉnh cho Tăng Ni ở Việt Nam, những người có duyên muốn học Mật Tạng – Mật Giáo Tây Tạng. Các vị đó được gọi là Đại Pháp Vương, có những vị còn được báo chi ghi là Đại Pháp Vương nữa. Nhưng quý vị phải hiểu, đó chỉ là cách dịch, và danh xưng của các nước thôi chứ đừng chỉ nhìn vào danh hiệu, danh xưng mà nhầm lẫn.*

*“Pháp Vương” chữ Vương trong tiếng Hán thì có nghĩa là vua, còn có một nghĩa nữa là Chủ nữa. Hệ thống ngôn ngữ của chúng ta dùng từ Hán Việt rất nhiều, nên khi dịch thuật thì dịch là Pháp Vương, nhưng do trong ý thức của người Việt cứ nghĩ Vương phải có nghĩa là Vua, chứ không phải là Chủ, nên cứ nghe thấy từ “Pháp Vương” là nghĩ vị thế của vị này rất cao vậy. Chúng ta biết, trong kinh văn Đức Phật được tôn xưng là Pháp Vương, như khi tán thán Ngài chúng ta có bài kệ:*

*“Đấng Pháp Vương Vô ThượngBa cõi chẳng ai bằng,*

*Thầy dạy khắp trời người, cha lành chung bốn loài”*

*Còn khi nhắc tới Văn Thù Sư Lợi thì Ngài được tôn xưng Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử, tức là con của Vua Pháp. Phải phân biệt hai chữ “Vương Tử” trong hai trường hợp trên là khác nhau.*

*“Pháp Vương” trong trường hợp thứ nhất chỉ nên được hiểu là bậc Pháp Chủ, mà bậc Pháp Chủ này là người lãnh đạo một tông phái trong Phật giáo bên xứ Tây Tạng mà thôi. Giống như trên thế giới có vị là Pháp Vương Kamarpa thứ 17, vị này được coi là hóa thân của Kamarpa thứ 16 và là người đứng đầu của dòng truyền thừa mà Việt Nam hay gọi là Tông phái Mũ Đỏ.*

*Còn “Pháp Vương” trong trường hợp thứ hai thì là chỉ cho Đức Phật, tức là Bậc Vua Pháp.*

*Trên thế giới, khi dịch danh xưng trên sang Tiếng Anh chẳng hạn thì cụm danh từ mà chúng ta gọi là Pháp Vương thì họ dịch tương đương với “Thánh Cha”, hay “Đức Giáo Hoàng” bên Thiên Chúa Giáo, chứ họ không dịch là “Chúa”.*

*Còn những vị tu hành sang Việt Nam xưng là Pháp Vương, hay Đại Pháp Vương thì quý vị nên hiểu cho đúng đó là danh xưng, không hiểu là do lỗi phiên dịch chưa thật chính xác hay vì lý do nào khác mà thôi. Vị trí của các vị ấy chỉ ngang với Đại Đức giảng sư, Hòa thượng rồi Thượng Tọa ở nước ta mà thôi. Còn để được gọi là “Pháp Vương” trong nhà Phật, trong Phật giáo chỉ có các Đức Phật.*

*Còn các vị mà tôn xưng là “Phật sống Tây Tạng”, hay “Ban thiền Lạt Ma” thì đó là vì trí tuệ, sự thông thuộc Tam Tạng Kinh Điển của các vị ấy, mà hàng hàng đệ tử vì kính trọng mà gọi như thế. Phong tục, tập quán ở Tây Tạng họ như vậy. Chúng ta không hiểu nghĩa từ Phật này như từ Phật như trong Thích Ca Mâu Ni Phật, A Mi Đà Phật được...*

*Như ở Miền Nam nước ta, nếu được gọi là Sư Ông thì vị đó phải là vị được hết sức tôn trọng, tài năng đức độ mà mọi người kính trọng, các bậc Hòa Thượng, Thượng Tọa thì mới gọi là Sư Ông, còn không thì thường gọi là Đại Đức hoặc Thầy. Nhưng ở miền Bắc từ Sư Ông lại được dùng rất phổ biến, những vị Tăng vừa thọ giới cụ túc thì cũng gọi là “Sư ông” luôn rồi. Đó là sự khác nhau giữa các vùng miền. Cùng thì một danh từ nhưng không thể hiểu như nhau. Giảng thêm những điều trên đây, để quý vị có cách nhìn đúng đắn, tránh gây hiểu lầm, hiểu sai.*

Trở lại văn kinh, khi ở trong Pháp Hội toàn bậc thành tựu cả thì chúng ta biết, Ngài thuyết pháp trên cung Trời Đao Lợi, nếu là bậc vô sinh chưa chứng được bất thoái chuyển, vẫn còn là bậc hữu lậu thì không thể lên đó được, giống như hàng Bồ Tát, cùng Pháp thân Đại sĩ, chư Thiên Long là những người từng gieo nhân duyên với các vị Phật quá khứ, Phật Thích Ca nhiều đời rồi mới có mặt trong hội này. Các vị thần cũng không phải Quỷ thần bình thường, đều là những vị pháp thân Đại Sĩ thị hiện ra ở đường quỷ thần đó để độ chúng sinh thì mới có mặt ở Pháp Hội này.

Quyển kinh Địa Tạng này sánh ngang với kinh Hoa Nghiêm, kinh Pháp Hoa, kinh A Mi Đà, Vô lượng thọ không có khác. Bản thể thì giống nhau, nhưng chỉ khác nhau phương tiện mà thôi. Học Phật chúng ta nên biết và phải biết điều này.

Với Bồ Tát Định Tự Tại Vương thì các pháp thiền định ông là vua rồi, tự do, tự tại. Nhưng Đức Phật cũng bảo Ngài là phải “lắng nghe” và “khéo suy nghĩ” thì ông mới biết được. Định Tự Tại Vương còn phải khéo suy nghĩ như vậy thì chúng ta cũng chẳng thể lơ là, lãng xao.

***“Nguyên về ở đời trước, cách đây đã rất lâu, không thể nào tính đếm, là bao nhiêu kiếp số. Khi ấy có Đức Phật, xuất thế trụ trên đời, Đức Phật ấy hiệu là: Nhất Thiết Trí Thành Tựu Như Lai...”***

“***Nguyên”*** là cội nguồn, khởi thủy, nguồn gốc xa xưa.

*Khi mới về chùa này, tôi đặt chùa có tên là Khai Nguyên, khi đó có rất nhiều người dân, họ không đi chùa bao giờ lên họ phản đối. Có lẽ do họ không thích sự thay đổi vậy. Tên chùa này khi xưa là “Cổ Liêu Tự”; Cổ là xưa, cũ. “Liêu” nghĩa là cái gò, bãi tha ma, mảnh đất trống, khu đất xa dân cư, nghe rất buồn tẻ, vắng vẻ, như trong từ “cô liêu” vậy, nghe rất chênh vênh, cô liêu và lạnh lẽo; Tự là chùa. “Cổ Liêu Tự” nghĩa là “ngôi chùa cổ trên bãi tha ma”. Khi xưa tôi về đây xung quanh toàn mồ mả, thậm chí trước cửa Tam Bảo bây giờ thì có 2 ngôi mộ, còn ao phóng sinh có 10 ngôi ở đó, trên sân thì đến 7,8 cái...Năm 1945 khi nạn đói xảy ra, nhiều trẻ em bị chết, các cụ ở đây kể rằng cứ sau một đêm nhìn sang đây thì thấy trên gò ở đây lại đầy khăn trắng, mỗi chỗ có khăn trắng là có một người được chôn ở đây vậy. Chùa này còn gọi một tên khác là “chùa Cheo”, cheo trong cheo leo. Mấy trăm năm trời, chùa này này được gọi với hai tên như vậy. Một ngôi chùa có hưng vượng, có phát được không thì tên cũng rất quan trọng. Khi ấy tôi họp dân, xin đổi tên, đổi hướng chùa, ngôi chùa này có lịch sử trên 400 năm nhưng chưa có ngôi chùa nào ở đây chọn vẹn cả. Trước đây khá lâu thì có một sư bác cũng đến đây mấy năm, nhưng sau đó thì cũng phá giới rồi đi về, rồi năm 1943 có một sư cô cũng từng ở đây, ở được mấy tháng rồi cũng ra đi, rồi từ đó đến nay chùa do các Vãi trông lom. Vì phong thủy ở đây không được, khu đất này đằng trước có cái đồi thì gọi là “Tiền Chu Tước”, có bờ đê đằng sau là “Hậu Huyền Vũ”; tả thì có con sông Đáy thì là “Thanh Long”; Hữu thì xa một chút có dãy núi Ba Vì thì là “Bạch Hổ”, có đầy đủ hết cả phong thủy mà sao ngôi chùa này không phát và cũng không có sư??? Nghiên cứu một chút thì tôi thấy ngôi chùa này sai hướng, trước đây quay về phía Đông Đông Nam, bao nhiêu tụ khí chảy hết cả mà không tụ một chút nào cả. Cái chùa vì nhìn sai hướng nên sư về đây cũng không bao giờ trụ và phát triển được. Nếu các cụ mà không đồng ý chuyển hướng chùa thì một vài năm tôi cũng sẽ lại ra đi mà thôi, tôi không ở đây được.*

*Các cụ nói: Thầy nói thì chúng tôi tin Thầy, nhưng Thầy làm thế nào thì làm, chứ đừng động đến dân làng chúng tôi.*

*Tôi phải cam kết với các cụ là yên tâm, có gì tôi xin chịu; khi đó chùa được chuyển về hướng Đông nam, nhìn thẳng về quả đồi đó là hướng Chu Tước.*

*Thứ hai là đổi tên chùa, nếu không thì nghe tên chùa buồn lắm. Vì thế mà tên chùa cuối cùng được đổi tên là Chùa Khai Nguyên. Khai nghĩa là Mở, tức là mở cảnh cửa Đạo, Nguyên là nguồn. “Khai nguyên” ở Trung Quốc khi xưa mà được vua ban thì không có bộ chấm thủy; mà Nguyên đó chỉ có chữ Nhị và Bộ Nhân đứng thẳng. Nhưng từ Khai Nguyên của chùa chúng ta, thì Nguyên có thêm bộ chấm thủy tức là cái nguồn nước. Khai Nguyên là đem giáo pháp của Đức Phật để mở bày nguồn tâm các quý vị. Đức Phật nói: Ta là Phật đã thành, chúng sinh là Phật sẽ thành; tất cả chúng sinh đều có Phật tính và cái bản tính ấy là chính là bản tâm và những gì nguyên sơ của chúng ta, là Như Lai tàng thức của chúng ta vậy, để trở lại Nguồn Tâm của chúng ta.*

*Từ ngày thay đổi hướng chùa, thay đổi tên chùa, chùa trở lên khác nhiều. Ngày nay, ngôi chùa này không phải chỉ mở cửa vào rằm và mồng một nữa, mà ngày nào cũng có rất đông Phật tử đến đây, tụng kinh, niệm Phật, học Phật pháp...Mong ước của tôi cũng được thành hiện thực phần nào vậy.*

***“Nguyên về ở đời trước, cách đây đã rất lâu, không thể nào tính đếm, là bao nhiêu kiếp số...”***

Thời gian này rất lâu xa rồi, Đức Phật còn chẳng thể tính đếm được, nên chúng ta cũng chẳng thể lấy ý thức của mình ra mà tính đếm được.

***“...Khi ấy có Đức Phật, xuất thế trụ trên đời, Đức Phật ấy hiệu là: Nhất Thiết Trí Thành Tựu Như Lai...”***

“Nhất thiết” là hết thảy, tất cả. Nhất thiết gì vậy? Là Nhất Thiết Trí. Trí này là trí tuệ, trí tuệ đó cũng chẳng phải bình thường, mà là Nhất Thiết Trí Thành Tựu.

Vị Bồ Tát khi xưa đã tu tập thành tựu, chuyển Thức thành Trí. Chúng ta thường nghe thấy Tâm trí và Tâm thức. Cùng thì là Tâm, nhưng khi mê thì gọi là Thức khi tỉnh ra rồi thì gọi là Trí. Thức gồm có Bát Thức Tâm Vương và 51 tâm sở. Bát Thức Tâm Vương chuyển thành Tứ Trí viên mãn (8 thức thành 4 Trí). Bát Thức thì có Tiền Ngũ Thức (5 thức đầu), Ý thức, Mạt Na Thức và A Lại Da Thức.

***Tiền Ngũ Thức -> Thành Sở Tác Trí.***

*Tiền ngũ thức* gồm có: Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân thức Tâm Vương.

*Thành sở tác trí*: trí tuệ nhìn nhận vạn pháp theo tính như thật của nó. Không bị bám chấp về thân - khi xúc chạm các Ngài chẳng khởi một niệm tà. Dù nóng hay lạnh thì cũng một “Tâm bình thường” mà đối đáp. Còn chúng ta nóng hay lạnh thì chẳng thể chịu được, thời tiết bên ngoài chi phối chúng ta nhiều lắm.

Còn Nhãn thức tâm vương thì sao? Chúng chi phối ta nhiều lắm. Vì con mắt nhìn thấy cảnh bên ngoài, thế nên sinh tâm yêu, ghét. Thế rồi vì yêu ghét mà sinh ra trăm ngàn thứ chuyện trên đời. Yêu thích thì muốn chiếm giữ về mình; có được thì tham, không được thì sân. Cứ theo đó mà vòng quanh trong luân hồi mãi chẳng dừng nghỉ.

*Con mắt nhìn thấy hình sắc Nữ thích sắc Nam, Nam thích sắc Nữ thế rồi tìm hiểu, tìm hiểu rồi lên vợ lên chồng, rồi sinh con, con sinh cháu. Cứ thế mà bám chấp đây là nhà ta, đây là gia đình ta, đây là con ta, cháu ta. Có những thứ của ta như thế rồi, đến lúc bảo buông xả để mà tu tập thì khó vô cùng. Miệng vừa niệm Phật mà vừa nhớ đến đứa cháu ở nhà, miệng nguyện sinh Tây Phương mà Tâm thì nghĩ Trời đang mưa, nhà mình đang thế nào nhỉ? Bao nhiêu là chướng sẽ chướng ngại ta, mà chính những người ta yêu thương, ta lại nhớ nhiều nhất. Chính vì thế mà đã biết bao đời nguyện sinh Tây Phương mà chúng ta chẳng thể thành Phật vậy.*

Phật, Bồ tát nhìn thấy chúng sinh thì thương, thì muốn cứu giúp chúng được giải thoát. Thương chúng sinh như mẹ thương con, còn chúng ta nhìn thấy chúng sinh thì khởi tâm yêu, ghét, phân biệt, si mê, giận hờn... Con mắt trí tuệ của những người đã giác ngộ thì khác chúng ta nhiều như thế đấy. Phần trên là nói đến cái thấy của ta khác với cái thấy của Phật, Bồ Tát. Vì cái Thấy là khác nhau nên đã có những hành động khác nhau vậy.

Nhãn Thức rồi đến Nhĩ Thức, cái thấy của ta như thế thì “cái nghe” của ta thì sao? Cũng sai lầm luôn. Nhĩ là cái tai, là Nhãn Căn của chúng ta. Người bình thường phải có cái Tai không hư (tai lành lặn, không bị bệnh) thì mới có thể nghe được; cái tai không hư đó được gọi là Nhãn căn. Khi tai tiếp xúc với âm thanh thì sinh ra Nhãn Thức (cái thấy của tai), rồi từ cái Thấy này ta cũng khởi tâm phân biệt yêu ghét. Người ta nói lời khen thì vui, thì thích; người ta nói lời chê thì buồn, thì giận. Chúng ta luôn bị cái cảnh giới bên ngoài chuyển, âm thanh đã chuyển ta. Vì thế mà chẳng bao giờ để ý đến Tính Thấy, Tính Nghe của mình. Phật và Bồ Tát các Ngài nghe để thuyết pháp, độ sinh; các Ngài lắng nghe để hiểu chúng sinh rồi tìm phương tiện để đem giáo pháp truyền vào và thâm nhập vào trong Tâm của chúng sinh, giúp cho chúng được giác tỉnh như mình. Một bên nghe rồi thì bám chấp vào cái mình nghe được, một bên nghe để mà cứu giúp chúng sinh.

*Cái nghe của chúng ta, thì ta nghe để “ngóng” mà thôi, “ngóng” để xem cái gì mà động đến ta, ta sẽ sẵn sàng phản pháo, đáp ứng lại. Khi bị Thầy quở, Thầy trách thì nghĩ Thầy không thương mình, thầy muốn làm nhục mình trước bao nhiêu người. Phàm tình sẽ là thế, nhưng nếu là người hết lòng cầu Đạo, cầu giáo Pháp của Đức Phật thì phải nên lắng lòng lại mà suy nghĩ. Người ấy sẽ biết sai, biết cảm ơn vì Thầy đã chỉ bảo lỗi cho mình. Thì ra là con sai, trước đây con cứ nghĩ là điều gì con làm cũng đúng, con nghĩ rằng như vậy là con tốt rồi, như vậy là con đã giúp chúng sinh. Bầy giờ nhờ thầy Khai thị cho con, con biết là mình sai rồi, con cảm ơn Thầy đã chỉ cái sai cho con, bao nhiêu năm, bao nhiêu đời, bao nhiêu kiếp con cứ sai như vậy mà con chẳng biết, hôm nay Thầy nói con mới nhận được ra. Từ đó mà hoan hỷ, y giáo phụng hành mà bỏ tính xấu của mình đi. Đó mới là người học Phật chân chính, từ đó Tâm thức chúng ta mới chuyển hóa được viên mãn vậy.*

*Chúng ta phải đọc, phải nghe, phải nhìn, phải thấy để tăng thêm sự hiểu biết cho mình, nhưng sự hiểu biết này phải góp phần làm sáng tỏ con người chân thật, ẩn sâu trong ta, đó là con người của trí tuệ viên mãn, của lòng từ, bi, hỉ, xả vậy. Chứ không phải là “tầm chương tích cú” để chỉ lỗi người; chất chứa kiến thức để đi phản bác, đi tìm lỗi sai của Người khác để mà tranh đua, hý luận; đó không phải là sự học chân chính.*

*Nhiều người có đọc tụng Bộ kinh Địa Tạng do tôi hội tập này đi đến hỏi tôi, họ thắc mắc bản kinh này sai, sai so với bản dịch của Hòa Thượng Thích Trí Tịnh, hoặc sai so với bản dịch mà họ đã từng đọc ở đâu đó. Tôi nhắc lại đây là bản “hội tập” chứ không phải là “bản dịch” từ nguyên bản chữ Hán. Tôi chắt lọc từ 3 bản dịch trước đây của Hòa thượng Thích Trí Tịnh, Hòa Thượng Thích Tuệ Hải, Cư sĩ Thiều Chửu, bài giảng của Hòa Thượng Tịnh Không, bài giảng của Hòa Thượng Tuyên Hóa, và nguyên bản chữ Hán. Thế nên mới có một số chỗ có sự khác nhau như thế, nhưng ý kinh thì không thay đổi, lời dạy của Đức Phật không thay đổi.*

Kế đến là Tỵ thức; Tỵ là cái mũi ; chúng ta muốn gửi mùi thịt nướng, thịt kho vv...Mũi chúng ta quen ngửi “mùi thơm bất tịnh” là ở chỗ ấy.

*Dù ở nhà hay đến chùa nào sạch sẽ, thì muốn làm, còn bảo đi quét nhà vệ sinh, dọn nhà vệ sinh thì lắc đầu quầy quậy “Tôi phải làm những việc đó ư?”, Quý vị đến đây, vào pháp hội lớn có khoảng mấy nghìn người, pháp hội nhỏ thì vài trăm người, bên nữ có 40 phòng vệ sinh, bên Nam thì có khoảng hơn 20 phòng. Nếu không có người quét dọn, thì có thể dùng được không? Vậy mà chẳng mấy khi có người người phát tâm dọn dẹp; Đệ tử của tôi có người xin cho con chuyên dọn nhà vệ sinh. Nhiều người cứ nghĩ là làm việc đó là hèn kém, là thấp kém, nhưng không có khu nhà tắm sạch, quý vị cũng đâu được trang nghiêm, sạch sẽ mà lên pháp hội Tụng kinh phải không! Vì vậy, khi đến chùa, mỗi người phải có ý thức, phải giữ gìn sự sạch sẽ chung, đừng chỉ biết sạch cho mình, không giẫm xuống bùn hôi tanh để trồng sen, thì cũng chẳng có sen thơm cho mình thưởng thức. Vì vậy, phải vượt qua những sự chấp trước của mình, mà sự chấp trước đó đến từ những cái “thức” mê lầm rồi sẵn sàng làm nơi cho người khác nhờ cậy, sẵn sàng chịu thiệt thòi cho người khác được lên cao, được thành tựu vậy. Cứ tưởng mình “chịu thiệt thòi” thôi, nhưng đó lại là sự thành tựu chính mình đấy. Tôi mà bất chợt đi kiểm tra hai khu nhà Tắm nhà vệ sinh Nam và Nữ, thấy bẩn là tôi cho đi quỳ hương hết đấy. Quý vị biết, nhiều người có cách gì để để xem người trong nhà kia như thế nào không? rất đơn giản nhiều người họ chỉ cần vào nhà tắm, nhà sinh là biết ngay, chẳng cần tìm hiểu đâu xa, chẳng cần dò hỏi nhiều làm gì cả. Quý vị cứ thử để ý mà xem đúng đến 80 đến 90%, ngăn nắp gọn gàng không cũng ở đó, cẩu thả lôi thôi hay không cũng ở đó.*

Tu là phải chuyển đi, học thì phải hành, nếu không chuyển thì dù có trăm năm đi nghe pháp mà không hành động gì cả, không thay đổi thì cũng chỉ là ở bên ngoài, như Hòa Thượng Tịnh Không nói chỉ được một chút “Phật học thường thức” thôi các quý vị ạ.

Tiếp theo là phải chuyển Thiệt thức, vì Thiệt căn tức lưỡi tiếp xúc với “Vị” thì sinh ra Thiệt Thức. Cái thức nó thấy chua, cay, mặn, ngọt. Rồi mới có thích món ăn này, ghét món ăn kia. Trong mâm cơm mà không có thịt, có cá, có hành, có tỏi hay có ớt là không chịu được. Bảo ăn chay thì nhạt mồm nhạt miệng như là nhai rơm ấy. Nhiều gia đình đánh chửi nhau, tan vỡ cũng chỉ vì người vợ nấu cơm chẳng vừa ý chồng. Nhưng đâu có biết rằng, cái *gai ở lưỡi hay gai vị giác của* mình nó quyết định mình, thay đổi mình nhiều lắm, mình nhận thức sai lầm, gây ra những nghiệp xấu rồi vào đường ác, cũng vì cái thứ mà “lắt léo không xương kia”. Vì muốn vị ngon mà ăn trứng vịt lộn này, ăn thịt nướng này, ăn gỏi cá này...Nếu biết rằng thức ăn qua họng thì thành đồ nhơ bẩn, thì ta đâu có chấp trược như thế. Nếu biết rằng chỉ là huyễn hóa, ăn chỉ để qua ngày,giữ cái thân mạng này để sống tốt, để tu hành thì đâu có chuyện giết hại mạng sống chúng sinh khác như thế giới chúng ta đang sống phải không? Thay vì theo cái lưỡi mà khởi tâm yêu, tâm ghét, hãy lấy nó mà nói điều thiện lành, khuyên bảo người khác, tụng kinh niệm Phật. Như trong Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm nói “hãy mang cái lưỡi của đại chúng mà chuyển Pháp luân” bằng câu niệm Phật thì đó là đại phước báu quý vị ạ. Khi xưa ở Trung Quốc có con chim sáo, được Hòa Thượng trong chùa dạy niệm Phật, nó cứ A Mi Đà Phật hằng ngày đến lúc nó chết. Đến khi các vị trong chùa mang nó đi chôn, một thời gian sau nơi mộ có mọc lên một bông hoa sen. Đào lên thì gốc bông sen đó ở phần lưỡi. Câu chuyện được lưu truyền từ đó khuyên được rất nhiều người niệm Phật.

Vua Trần Nhân Tông có bài thơ sau:

*“Lưỡi vướng vị ngon*

*Tai vướng tiếng,*

*Mắt theo hình sắc,*

*Mũi theo hương,*

*Lang thang làm khác phong trần mãi*

*Ngày tắt quê xa vạn dặm đường”*

Sáu căn cứ đuổi theo sáu trần, rồi mãi là cứ là một “kẻ phong trần” lang thang mãi.

Với những người tu Tịnh Độ chúng ta, quê hương mà chúng ta xa cách mãi đó chính là “Quê hương Cực Lạc”. Đã được Phật dạy cái gì cũng là giả, là huyễn, chúng ta còn chờ gì mà không cầu sinh Tây Phương mà sớm quay trở về nhà – “Thanh Thái Cố hương” của chúng ta. Nơi Đức Từ Phụ A Mi Đà vẫn đang đợi.

Chúng ta được tự do nghe pháp thế này là vì còn may mắn được sinh ra trong thời bình, biết bao người hi sinh để cho chúng ta được an ổn như thế này, mà chúng ta không cố gắng tu tập thì còn phải chờ đến khi nào? Nếu chẳng may mất đi thân người thì bao giờ có lại, mà có lại thì có may mắn được gặp Phật pháp nữa không? có gặp Phật pháp thì có may mắn mà được biết đến A Mi Đà Phật để cầu sanh Tịnh Độ nữa không? Thế giới càng ngày càng động loạn, sinh trở lại vào cõi này về sau rất dễ gặp phải nạn đao binh, chiến tranh. Thực sự thì tình hình thế giới đang rất căng thẳng, tình hình giữa các nước biển Đông, trong đó có Việt Nam chúng ta cũng rất căng thẳng. Nếu chẳng may, vì để bảo vệ hòa bình dân tộc mà hàng triệu, hàng triệu đồng bào của chúng ta lại hi sinh như trong hai cuộc chiến tranh vừa rồi, thì đau khổ, thảm khốc biết bao. Hi vọng quý vị ở đây gắng công, thật sự tinh tấn tu hành, sớm được toàn tụ nơi Cực Lạc, rồi trở thành các vị Bồ Tát bất thoái cứu vớt chúng sinh khổ nạn sau này.

Tiếp theo là chuyển ***Ý thức*** tức là Tâm niệm lăng xăng của chúng ta (còn gọi là TâmViên, Ý Mã) chuyển thành ***Diệu Quan Sát Trí***. Đó là một tâm bình đẳng, không chấp trược vậy. Thế nào là Tâm chấp trược? Như khi quý vị đi nghe pháp quý vị có sự phân biệt, Thầy này giảng không hay bằng Hòa Thượng này, không hay bằng Hòa Thượng, vị Đại Đức kia...hoặc Thầy này giảng hay hơn vị này, vị kia, thì đó là Tâm phân biệt. Khi nghe bằng Tâm phân biệt như vậy thì mình không thể thâm nhập, không thể cảm nhận được những bài pháp kia được. Nếu biết dùng ***Diệu Quan Sát Trí*** mà xem xét quý vị sẽ biết rằng: “À! Hòa Thượng Tịnh Không chuyên về Tịnh Độ, Ngài giảng về Tịnh Độ hay quá. Rồi Hòa Thượng Thanh Từ chuyên giảng về Thiền, Ngài giảng thật sâu sắc, ai mà tu Thiền mà nghe những bài giảng này thì rất quý...” Biết tán thán mà không hề so sánh, phân biệt thì quý vị sẽ học được vô cùng nhiều, bất cứ bài pháp của ai mình cũng có thể học được từ những bài giảng đó. Pháp môn nào mà chúng ta đã xác định đi theo, thì chúng ta sẽ quyết theo con đường đó đến cùng. Còn những gì chúng ta học được, biết được từ pháp môn khác thì chúng ta có thể nói, giới thiệu cho người khác khi họ cần. Đó chính là chuyển Thức thứ sáu thành cái nhìn bình đẳng, chân chính vậy.

Tiếp theo là chuyển ***Mạt Na Thức*** thành ***Bình Đẳng Tính Trí***.

Không còn phân biệt đây mới là Thầy của ta còn kia thì không phải; không còn thấy đây là pháp môn ta theo học, còn pháp môn kia thì không; cũng chẳng chấp rằng Pháp môn của Ta tu hành phải đọc bộ Kinh này chứ không phải bất kỳ một bộ kinh nào khác, ngoài bộ kinh này ra ta sẽ không động tới bất kì Bộ kinh nào khác... Đối với mọi thứ đều thấy bình đẳng. Cái nhìn của những bậc Thánh, Bồ Tát, La Hán nhìn thấy chúng sinh ác, các Ngài cũng chắp tay lễ. Phật, Bồ Tát khác với chúng sinh ở chỗ đó. Chúng ta thấy người xấu vào chùa thì bảo phải để ý họ, nếu không họ lấy xe, lấy đồ của Phật tử đấy. Nói như thế nhưng không có nghĩa là các vị bảo thôi con muốn nghe theo lời thầy dạy, con muốn đạt được bình đẳng tính trí, cứ mở cửa, không cần khóa xe để cho trộm mang đi. Nhưng mà khi quý vị tụng kinh xong, bị mất xe ra về thì buồn, khóc, than thân trách phận. Sao không lấy xe của người khác mà lấy xe của con, xe nhà chùa nhiều như thế sao không lấy mà lấy xe của con...

Vậy cho nên, khi chúng ta chưa thực sự đạt được bình đẳng tính trí thì đừng cố gắng mà thể hiện cái bình đẳng tính trí với mọi người. Chúng ta phải tu làm sao để đạt được sự bình đẳng tính trí đó từ trong tâm mình. Phật, Bồ Tát đã đạt được từ trong tâm của các Ngài, không phải các Ngài cố ý tỏ ra vẻ bên ngoài như thế. Còn chúng ta, còn là phàm phu chưa làm được điều đó, thì cố gắng tu làm sao để xả dần đi, trải tấm lòng từ yêu thương của mình ban dần ra tới mọi người. Đầu tiên, những người mình yêu quý thì mình gần gũi, bảo ban nhiều hơn. Người nào mình ghét thì cũng đừng ghét họ nữa, mà dần dần cũng gần gũi để bảo ban, chia sẻ với họ. Dần dần thì cũng phải trải qua nhiều đời, nhiều kiếp mình mới chuyển được, không phải một sớm, một chiều mà chuyển được luôn đâu quý vị ạ.

Nếu chuyển được thưc thứ bảy là Mạt Na Thức thành Bình Đẳng Tính Trí là tốt rồi, nhưng quan trọng nhất là chuyển thức thứ tám là A Lại Da thức hay Tàng thức thành Đại Viên Cảnh Trí mới viên mãn.

Cuối cùng là chuyển **A Lại Da Thức** thành **Đại Viên Cảnh Trí**.

Thế nào là Đại Viên? Đại là to lớn, viên là cái gương tròn. Đại Viên Cảnh Trí là cái gương tròn sáng chiếu rờ rỡ. Vạn vật đi qua đều có thể chiếu sáng tỏ được hết vậy. Đây là chỉ cho trí tuệ của Phật, Bồ tát. Tất cả các sự nhìn, nhận, thấy, biết của mình đều rõ rành như thật, không bị nó lôi cuốn, mê hoặc thì gọi là Đại Viên Cảnh Trí.

Ở đây, Ngài Nhất Thiết Trí Thành Tựu Như Lai nghĩa là Ngài đã chuyển được Bát thức tâm vương và năm mốt thức tâm sở thành bốn trí vô ngại đó chính là Sở Tác trí, Diệu Quan Sát Trí, Bình Đẳng Tính Trí, Đại Viên Cảnh Trí. Vậy nên vị đó thành Phật, hiệu là Nhất Thiết Tri Thành Tựu Như Lai.

 ***“...Công đức Ngài viên mãn, có đầy đủ mười hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chính Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn...”***

Thế nào gọi là Như Lai? Như Lai nghĩa là không từ đâu đến và cũng không đi về đâu. Bản thể của Ngài vốn như như thế, đó là chỉ cho Pháp thân của Phật. Trong Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm, pháp sư Trung Phong nói là tự tính đó tại thánh không tăng, tại phàm không giảm, đó chính là bản tính của Như Lai.

Ứng Cúng có nghĩa là đáng được sự cúng dàng của Nhân, Thiên, của các Chư Phật và Bồ Tát ở khắp mười phương thì đó gọi là Ứng Cúng.

Chính Biến Tri: Chính chỉ cho sự chân chính, hiểu biết, nhìn nhận các Pháp Smột cách chân chính. Biến Tri nghĩa là biến khắp tam thiên đại thiên thế giới, biến khắp mười phương thế giới không có chỗ chướng ngại. Nhẫn đến tất cả các loại chúng sinh đều hiểu được lời Phật thuyết Pháp thì gọi là Chính Biến Tri.

Minh Hạnh Túc: Minh nghĩa là sáng rõ, Hạnh là những công năng, việc làm, Túc là đầy đủ. Minh Hạnh Túc nghĩa là làm đầy đủ, viên mãn tất các các hạnh nguyện của Ngài. Khi hành Bồ Tát Đạo, Ngài phát ra các hạnh nguyện độ sinh như thế nào thì khi thành Phật thì các hạnh ấy đã được đầy đủ thì gọi mà Minh Hạnh Túc.

Thiện Thệ: nghĩa là đem những bản thệ nguyện lực của mình để tu tập, hành trì, hành Bồ Tát Đạo đã được viên mãn. Nay thành Phật rồi, không chỉ dừng lại ở sự viên mãn đó mà còn thệ nguyện độ tất cả chúng sinh giống như Đức Từ Phụ A Mi Đà Phật, Đức Thích Ca Mâu Ni Phật... đó gọi là Thiện Thệ.

Thế Gian Giải nghĩa là đối với tất cả các pháp thế gian và pháp xuất thế gian, Ngài đều hiểu biết rõ ràng, không bị khuyết thiếu, không bị nhầm lẫn một chút nào thì gọi là Thế Gian Giải. Chúng sinh thì người giỏi Toán thì chỉ giải được Toán thôi, nếu không giỏi Văn thì không giảng được về Văn, người chuyên Lý thì chỉ giảng được Lý... Nhưng Đức Thế Tôn, Ngài giải được tất cả các Pháp của thế gian, thậm chí Ngài còn biết được tâm niệm của chúng sinh. Chúng sinh nghĩ gì thì các Ngài đã biết rồi nên gọi là Thế Gian Giải.

Vô Thượng Sỹ: nghĩa là không còn ai cao hơn Ngài nữa, chỉ cho một trong mười danh hiệu của Đức Phật.

Điều Ngự Trượng Phu: Điều ngự có nghĩa là điều ngự, chế phục được tất cả những tham, sân, si, phiền não làm chủ được. Tự do, tự tại, làm vua trong tất cả các pháp, đối với tất cả chúng sinh thì Ngài là bậc trượng phu. Trượng phu là chỉ cho nhữn người có tài, đức và trí tuệ vẹn toàn.

Thiên Nhân Sư nghĩa là thầy của cả Trời, người.

Phật nguyên âm tiếng Phạn là Budda, dịch sang tiếng Hoa là Phật, Bồ Đề, là Giác. Giác có ba nghĩa: tự giác, giác tha và giác hạnh viên mãn.

Thế Tôn cũng giống như Phật, là một tên hiệu. Thế là cõi thế, Tôn là sự tôn nghiêm, tôn kính, không có vị Bồ Tát, Thiên nhân, thần linh nào hơn Ngài. Trong cõi Thế này Ngài là bậc tôn quý nhất, không ai sánh bằng.

Như vậy là đầy đủ mười hiệu của Phật rồi, đồng nghĩa với việc bài giảng hôm nay chúng ta sẽ dừng lại ở đây.

***GIẢNG KINH BẢN NGUYỆN CỦA BỒ TÁT ĐỊA TẠNG***

***Bài giảng thứ 30***

Hôm nay, chúng ta tiếp tục học và nghiên cứu Kinh Bản Nguyện Của Bồ Tát Địa Tạng. Đoạn kinh văn tiếp theo.

***“...Thọ mạng của Đức Phật ấy, trải qua sáu vạn kiếp. Khi Ngài chưa xuất gia, Ngài là một vị vua cai trị trong một nước rất an lạc vui vẻ. Bấy giờ, nước lân bang cách đó không bao xa, cũng có một vị vua, tài đức đều vẹn toàn, hai Vua liền kết bạn, nguyện tu mười điều lành, đem các việc lành đó, khuyên dạy cho chúng sinh.***

Qua đoạn văn kinh này, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni bảo với Bồ Tát Định Tự Tại Vương, cách đây nhiều kiếp lâu xa về trước, có Đức Phật là Nhất Thiết Trí Thành Tựu Như Lai xuất hiện ở đời. Thọ mạng của Phật đó là sáu vạn kiếp. Kiếp chỉ cho kiếp ba hay còn gọi là đại kiếp. Khi Ngài chưa xuất gia, Ngài vốn là một vị vua cai quản đất nước bằng thiện pháp, khiến nhân dân được an lạc, thái bình. Nước bên cạnh cũng có một đức vua, dùng các thiện pháp giáo hóa chúng sinh nên nhân dân trong nước cũng được hưởng một cuộc sống an vui. Hai vị vua kết bạn, nguyện hướng dẫn cho dân chúng tu hành thập thiện.

Thập thiện như đã giảng trong các bài giảng trước là mười nghiệp lành của thân, khẩu, ý.

Ba nghiệp thiện nơi thân là: không sát sinh, không trộm cắp và không tà dâm.

Bốn nghiệp thiện nơi miệng là: không nói dối, không nói sai sự thật, không nói lưỡi đôi chiều và không nói lời thô ác.

Bốn nghiệp thiện nơi ý là: không tham, không sân, không si.

Hai vị vua đem mười điều lành này, dạy cho dân chúng cả nước ai cũng phải hành trì. Chúng ta biết rằng, nếu người người hành thiện, nhà nhà hành thiện thì quốc gia đó chắc chắn sẽ thái bình thịnh trị. Như trong vườn hoa, cây nào cũng được chăm sóc kỹ lưỡng, cũng trổ bông rồi chúng ta sẽ một vườn hoa đẹp. Đối với Phật tử, người nào cũng biết lấy Phật Pháp để tu tập, hành trì thì khi mỗi gia đình là một tế bào của xã hội, chúng ta sẽ có một xã hội khỏe mạnh, biết thương yêu nương tựa vào nhau mà sống, an lạc và vui vẻ; anh em bốn bể là một nhà, chẳng có trộm cắp, chẳng có cãi vã, đánh nhau. Tuy chưa được về cõi Phật, nhưng được sống với những người hiền thiện thì đó cũng là niềm vui ở cõi tạm rồi.

 *Thời tôi còn nhỏ, ở trong quê chẳng nhà nào ở quê tôi phải có tường bao hay xây cổng. Tường bao là những hàng cây rồi, còn cổng thì chỉ có hai cây bương làm như là đánh dấu nơi ra vào thôi, có những nhà chẳng cần cổng. Vậy mà chẳng bao giờ bị mất gì, bây giờ đời sống xã hội, ti vi, máy tính, điện thoại tràn đầy, cứ nghĩ rằng khoảng cách giữa con người với con người sẽ gần nhau hơn nhưng không phải thế. Mỗi nhà, mỗi nhà đều kín cổng cao tường, đều sống trong thế giới riêng của mình, đôi khi những người gia đình cũng chẳng còn thân thiết với nhau nữa. Thêm vào đó, mặt trái của xã hội là khi có những người chẳng thể hòa vào guồng máy của xã hội họ lại càng dễ bị tách ra khỏi xã hội nhanh hơn. Vì vậy, mà tệ nạn xã hội ở các nước đang phát triển cũng có rất nhiều. Càng ngày, con người càng bị tách rời khỏi nhau, và xa rời đời sống tâm linh, mạnh ai người ấy sống vậy. Ở cõi Sa Bà của chúng ta thì được gọi là cõi Thánh phàm đồng cư, người thiện có ít, người chưa thiện thì rất nhiều. Các quý vị ở đây có thể chiêm nghiệm, cuộc sống của xã hội của mình bây giờ so với những năm mình còn bé, khoảng trên 40 năm về trước. Ai có con cái ở thành phố thì không muốn ở thành phố với con, vì cứ đóng cửa suốt ngày, vào trong nhà lại sống với cái thế giới khác qua tivi, máy tính, “thế giới của công nghệ”; nhưng công nghệ mà để con người với con người xa nhau thì đó có phải là hiện đại???*

*“...****Bấy giờ ở bên cạnh, cũng có một nước nhỏ, ông vua trong nước ấy, thường làm các việc ác, khiến cho cả dân chúng sống điêu đứng lầm than. Hai vị Vua hiền kia, bèn dùng các phương tiện, khiến cho cả vua tôi ở trong đất nước đó, biết bỏ ác làm lành, biết lánh dữ hành thiện...”***

Khi Đức Phật Nhất Thiết Trí Thành Tựu Như Lai và tiền thân của Bồ Tát Địa Tạng là hai vị vua, các Ngài đều là những bậc minh quân, là những bậc thương dân như con vậy. Nhưng đối lập với điều đó, quốc gia cạnh hai nước là một nước nhỏ hơn, ông vua nước này lại thường làm các việc ác, khiến cho dân chúng “sống điêu đứng lầm than”. Thấy cảnh đó, hai vị vua hiền kia vì thương xót những chúng sinh ở quốc gia bên cạnh mà dùng các phương tiện để khiến cho dân chúng ở nước láng giềng mình cũng được như dân chúng ở nước mình vậy. Chúng ta thấy lòng từ bi của cả hai vị vua này lớn như vậy đó. Nếu hai vị đó nghĩ rằng: thế này là tốt rồi, dân chúng nước mình không bị khổ như dân chúng nước kia, mình cứ hưởng thái bình ở nước mình là cũng đủ rồi thì lòng từ bi của các Ngài chẳng được gọi là xuất thế, chẳng được gọi là hiếm có.

*Cứ nhìn hoàn cảnh của thế giới bây giờ chúng ta cũng thấy được mà. Khi xưa Pháp xâm chiếm Việt Nam, quân Pháp lúc đó cũng đưa ra khẩu hiệu là : Khai hóa cho người dân An Nam; thế nhưng họ vào Việt Nam trồng cao su, mang súng đạn đến và sẵn sàng bắn và đàn áp những người chống lại họ. Rồi An Nam không còn, dân chúng điêu linh khổ cực, triều đình nhà Nguyễn sụp đổ, rồi Nhật Bản cũng vào Việt Nam; sau này lại đến Mỹ. Mỹ đem quân sang Việt Nam, ngay cả những người dân bình thường ở Mỹ họ cũng nghĩ quân đội của họ sang Việt Nam để cứu Việt Nam, để giúp miền Nam Việt Nam tái thiết đất nước. Nhưng Mỹ lại sa lầy ở Việt Nam, và bây giờ báo đài cũng hay nói Mỹ đang sa lầy ở IRắc như sa lầy ở chiến tranh Việt Nam vậy. Vì sao mà Pháp và Mỹ bị người dân Việt Nam khi ấy gọi là “kẻ xâm lược”, là “thực dân” và “đế quốc” vì họ sang nước ta vì mục đích khác, chẳng phải vì mục đích an dân, chẳng phải vì muốn giúp người Việt Nam tái thiết đất nước, chẳng phải khuyên người Việt hãy “hành thập thiện” như hai vị vua kia. Người Việt khi đó đã có chính phủ của mình rồi mà, đã có Đảng lãnh đạo rồi mà. Vì chẳng phải xuất phát từ lòng từ bi, từ tâm muốn giúp đỡ mà cuối cùng Mỹ phải về nước, và thất bại trong chiến tranh Việt Nam vậy.*

Nhưng hai vị vua hiền kia lại khác, nghĩ cách làm sao để giúp dân chúng ở nước kia đây? Họ khổ quá rồi! Hình thức giúp thế nào, có thể là cứu trợ, có thể là giúp người dân bên nước kia học hành...và cũng có khi phải dùng đến vũ lực, để nhiếp phục những người quan tham lam và ông vua bạo ngược nước láng giềng vậy. Ông vua xấu ác ở nước nhỏ kia cùng với các quan đại thần kêu gọi dân chúng đứng lên chống lại hai nước bên cạnh thì cũng chẳng được, người dân không ai nghe theo. Vì đối với nhân dân, họ cần một người lãnh đạo có thể đem đến an vui, hạnh phúc, thái bình cho đất nước, cho dân tộc. Nhà Nho xưa có câu nói rằng: “Nước có thể chở thuyền, nước cũng có thể lật thuyền”. Cũng như nhân dân có thể xây dựng lên triều đại đó, cũng có thể lật đổ triều đại đó nếu như triều đại đó bị mục nát, không đem lại hạnh phúc cho người dân.

*Các triều đại từ xưa tới nay kể cả phong kiến hay bất cứ quốc gia nào trên thế giới đều như vậy. Khi những vị lãnh tụ đứng đầu đất nước lo cho nhân dân, sống gần dân thì được nhân dân rất yêu quý và bảo vệ; còn ngược lại nếu vua không yêu nước thương dân, lãnh đạo không vì dân thì người dân cũng sẽ đối xử như vậy đối với họ mà thôi.*

*Trở lại thời chống Pháp và chống Mỹ ở Việt Nam ta Bác Hồ và các học trò của Bác đi đến đâu, đều được dân tình yêu thương, đùm bọc, che chở, thậm chí ngày mai không còn gì để ăn thì hôm nay cũng sẵn sàng mang thức ăn chia sẻ cho các chiến sỹ bộ đội. Đất nước có giải phóng thì cuộc sống mới được ấm no hạnh phúc lâu dài. Còn nhiều những câu chuyện cảm động khác nữa, ví như câu chuyện của Ni Sư Đàm Thìn – trụ trì chùa Khánh Tân ở dưới chùa Thầy. Ni Sư đã hơn 10 năm liên tiếp nuôi các cán bộ cao cấp ở trong gầm Tam Bảo của chùa. Có lúc giặc Pháp kéo đến, vào khám xét chùa, đánh và dọa Ni Sư bắt Ni Sư phải giao các chiến sỹ bộ đội ra. Nhưng họ tìm mãi không thấy bằng chứng nên phải bỏ đi. Khi mà những người làm chính trị quan tâm đến đất nước, đến cuộc sống của nhân dân thì người dân ủng hộ đến thân mạng cũng không tiếc.*

Trong Kinh Địa Tạng, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni kể về tiền thân của Bồ Tát Địa Tạng và tiền thân của Đức Phật Nhất Thiết Trí Thành Tựu Như Lai như vậy rồi. Khi hai vị vua đó hợp quân lại để diễu phạt ông vua xấu ác kia, nhân dân đều hoan hỷ. Bình định nước nhỏ đó xong, hai vị vua thấy chúng sinh khổ quá. Mặc dù hai ngài mang lại sự yên vui, hạnh phúc cho họ trong 1 đời này, nhưng khi chết đi sẽ có vị vua khác về sau này lại không lo cho dân, lại giống vị vua ác kia thì dân chúng sẽ lại sống trong cảnh điêu đứng lầm than! Hai ngài suy nghĩ, tìm thứ gì đó trường cửu, đem lại sự an lạc hạnh phúc, giải thoát mãi mãi.

***“...Nên hai vị vua kia, mới phát thành đại nguyện: Một vị phát đại nguyện, cầu mong sớm thành Phật, để độ cho chúng đó, đều sẽ được giải thoát...”***

Hai vị vua phát thành đại nguyện, một vị phát nguyện xuất gia tu hành thành Phật để độ cho chúng sinh thoát ly sinh tử... Vị vua đó là tiền thân của Đức Phật Nhất Thiết Trí Thành Tựu Như Lai.

***“...Một vị thì phát nguyện, ở lại đời sau này, trụ thế thật lâu dài, để giáo hóa chúng sinh, khiến hết thảy chúng đó, không còn sót một ai, tất cả được giải thoát, mới chứng quả Bồ Đề...”***

 Một vị phát nguyện đi vào những nơi khổ cực, có những chúng sinh đau khổ, cho đến địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh Ngài cũng không từ để độ thoát hết thảy chúng thì Ngài mới chứng Bồ Đề. Thời gian độ thoát có lâu xa như thế nào cũng được, nơi độ thoát có tối tăm, bẩn thỉu thế nào cũng chẳng sao, chỉ vì một lòng bi nguyện mà hành đạo, mà giúp chúng sinh.

 *Ví như, con bọ hung và những con ròi ở trong đống phân, nó muốn độ thì Địa Tạng Bồ Tát có thể dùng hóa thân vào làm loài ròi, loài côn trùng để độ cho chúng sinh ấy.*

 *Bồ Tát Quán Thế Âm trong phẩm thứ 25 của kinh Diệu Pháp Liên Hoa; khi chúng sinh cần thân nào để độ, thì Quán Thế Âm Bồ Tát Ngài hiện ra thân đó để độ cho họ. Chỉ có những vị Đại Bồ Tát mới làm được những việc như vậy. Còn những vị Bồ Tát sơ phát tâm đến các vị Bồ Tát từ hàng Thất Địa trở xuống chưa làm được điều này.*

*Địa Tạng Bồ Tát, Ngài là một Đại Bồ Tát. Trong kinh Đức Phật cũng nói là Ngài từ lâu đã chứng được ngôi vị Bổ Xứ Bồ Tát nhưng vì tâm nguyện muốn cứu độ chúng sinh nên Ngài vẫn chưa thành Phật. Vậy nên, dù loài côn trùng nhỏ bé, bẩn thỉu Địa Tạng Bồ Tát cũng dùng một hóa thân thị hiện rồi thuyết pháp cho nghe. Nhưng cũng đừng vì thấy tấm lòng bi mẫn mà chúng ta tùy tình tạo ác, tùy tình tạo nghiệp, buông lung thân tâm các quý vị ạ. Đừng nghĩ rằng: dù thế nào thì Bồ Tát cũng sẽ đến cứu ta mà. Ngài chẳng thành Phật nếu ta chưa thành Phật, vậy nên cứ yên tâm đi. Nếu nghĩ như vậy thì quá sai lầm rồi. Các vị muốn làm ròi, làm bọ để nghe pháp hay sao? Đừng có làm ròi, làm bọ nghe pháp. Nay làm người để nghe pháp rồi thì hãy cố gắng. Nếu được sinh về Tây Phương Cực Lạc trong một đời để nghe pháp là tốt nhất. Không thì đời sau ít nhất cũng được làm người và làm người tốt hơn, của cải sung túc, phúc báo trang nghiêm, tướng tốt đầy đủ, trí tuệ viên mãn, tiếp tục được học Phật cho đến ngày về Tây Phương. Hoặc cũng được sinh lên các cõi Trời do công đức đọc tụng và hành trì Kinh Bản Nguyện của Bồ Tát Địa Tạng. Làm người nghe hiểu Kinh pháp còn khó huống chi loài súc sinh. Súc sinh nghe pháp cũng không biết phải trải qua bao nhiêu kiếp mới được thân người. Vì vậy, cần cố gắng làm người rồi thì nghe pháp một đời vãng sinh.*

Ấn Quang Đại Sư nói rằng: đây là một cơ hội hiếm có khó gặp ở trên đời. Đức Phật đã nói rằng: được thân người khó, gặp Phật pháp càng khó hơn. Gặp Phật pháp rồi, gặp những bậc thầy chỉ dạy cho chúng ta tu tập đúng chính pháp còn khó hơn nữa. Tinh tiến, chọn được pháp môn phù hợp với căn cơ và công đức của mình để một đời được thoát ly sinh tử khó hơn nữa. Gặp rồi, cố gắng xả bỏ những ái nhiễm của thế gian, nhất là tâm hành trì pháp môn đó để giải thoát là việc cực khó. Phật dạy như thế, các tổ làm rồi, các vị đi trước đã làm được rồi, họ niệm Phật đã được vãng sinh tự do tự tại, biết trước được ngày giờ. Thậm chí có người lưu lại xá lợi, có những cư sĩ còn an nhiên, ngồi tĩnh tọa mà thị tịch như chư tăng, sau khi trà tỳ (hỏa thiêu) lưu lại rất nhiều xá lợi. Chúng ta nay đã bước theo con đường này thì phải học tập các Ngài.

Tinh tiến tu hành nhất định một đời vãng sinh. Các Phật tử cũng có thể tự do tự tại như Hòa thượng, Thượng tọa, các bậc xuất gia tu hành. Xưa nhà Nho nói rằng: “Bỉ trượng phu, ngã diệc trượng phu” nghĩa là: người là bậc trượng phu, ta cũng có thể là bậc trượng phu. Người tu hành phải phấn đấu, không chấp ngã và cũng không được tự ti, coi mình là kẻ kém phúc, kém duyên không tu được như các thầy các Tổ... Chẳng được khoa chương, tự cao tự đại, cũng chẳng được tự ti cho mình không làm được, cho mình không xứng đáng mà mất phân lợi ích.

Đại Sư Ấn Quang dạy: Lúc rảnh cũng một câu niệm Phật, lúc bận cũng một câu niệm Phật. Ngài muốn hướng chúng ta vào một phép tu chuyên nhất để vãng sinh Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa nói thế giới mà chúng ta sống giống như ngôi nhà lửa. Ngọn lửa trong đó chỉ cho sự vô thường và chết chóc, có thể lấy mạng chúng ta bất cứ lúc nào. “Sinh tử trọng đại” làm sao có thể lơ là được; Vì vậy dù phải lo cho cơm áo, gạo tiền khiến quý vị chẳng thể xuất gia để an tâm tu học thì cũng phải nhớ quý trọng từng phút giây, tu trong bận rộn, tu từ khi con trẻ, còn minh mẫn, còn sức lực. Đừng để đến khi hấp hối trên giường bệnh mới mong quy y, mới mong Niệm Phật, liệu có phúc, có nhân tu để mà lúc đó niệm Phật vãng sanh được không? Đó là điều phải suy nghĩ cho thấu đáo.

Làm kinh tế cũng tu được, tham gia công tác xã hội cũng tu được. Ngài Ấn Quang dạy các phật tử còn bận nhiều công việc phương pháp thập niệm. Dùng mười hơi niệm Phật, ít nhất một ngày hai lần. Buổi sáng đứng chắp tay quay mặt về hướng Tây hít vào thật sâu bằng mũi và thở ra bằng miệng và nhẹ nhàng niệm “Nam Mô A Mi Đà Phật. Nam Mô A Mi Đà Phật. Nam Mô A Mi Đà Phật...”; xong lại hít vào hơi thứ hai niệm ra như thế cho đến hơi thứ mười. Xong rồi đứng dậy đọc bài phát nguyện vãng sinh Tây Phương.

“Nguyện sinh Tây Phương Tịnh Độ trung

Cửu phẩm Liên Hoa vi phụ mẫu

Hoa khai kiến Phật ngộ vô sinh

Bất thoái Bồ Tát vi bạn lữ”.

“Nam Mô Tây Phương Cực Lạc thế giới đại từ đại bi tiếp dẫn đạo sư A Mi Đà Phật”. (3 lần)

Cuối cùng đọc Tam Tự Quy là viên mãn một thời công phu. Buổi tối, trước khi đi ngủ cũng làm như thế.

Ngài còn khuyên: cố gắng bỏ các việc ác lớn, người đó sau khi xả bỏ báo thân đủ duyên được vãng sinh Tây Phương Cực Lạc gọi là đới nghiệp vãng sinh.

Hòa thượng Tịnh Không cũng dạy một phương pháp nữa là: một hơi niệm Phật một lần. Một ngày chia làm mười lần, mỗi lần niệm mười câu Nam Mô A Mi Đà Phật... Nam Mô A Mi Đà Phật... Nam Mô A Mi Đà Phật... Hòa Thượng nói rằng: bắt đầu ngủ dạy niệm một lần, trước khi ăn sáng niệm một lần, phải nhiếp tâm không để cho tán loạn hay bất cứ ý niệm nào xen tập vào, niệm càng nhanh tâm càng không bị tán loạn. Trước khi đi làm niệm một lần, đến nơi làm việc niệm một lần. Trước khi ăn trưa niệm một lần, đi ngủ trưa niệm một lần, bắt đầu giờ làm việc buổi chiều niệm một lần, trước khi ra về niệm một lần là thứ tám. Về đến nhà niệm một lần nữa là thứ chín. Đi ngủ niệm một lần là mười. Một ngày duy trì mười hơi niệm Phật như thế. Hòa thượng khi hoằng pháp ở bên Úc, châu Mỹ, người phương Tây họ rất bận, ham công việc. Vậy nên dạy cho họ phương pháp mỗi ngày niệm Phật mười lần, mỗi lần niệm mười câu. Như vậy sau một thời gian hành trì phương pháp này, các phật tử bạch với Hòa thượng rằng: do thực hành pháp mười lần niệm Phật nên công việc của họ rất trôi chảy, sức khỏe được tốt lên, trí tuệ cũng minh mẫn, mọi việc tốt đẹp hơn.

Phương pháp tu trên không mất nhiều thời gian, không làm ảnh hưởng đến bất kỳ công việc nào, chỉ kéo dài khoảng 15- 20 giây là xong một khóa lễ. Vẫn có công đức và phù hợp với Kinh Vô Lượng Thọ; Nguyện thứ 18 của Pháp Tạng Tỷ Khiêu là: ***“ Nguyện sau khi thành Phật, nếu có chúng sinh nào ở khắp mười phương thế giới nghe danh hiệu con mà tín mộ, ái kính một lòng trì niệm danh hiệu con từ một niệm đến mười niệm mong muốn về thế giới của con mà không được như nguyện thì con thệ không thành chính giác. Trừ những người tạo tội ngũ nghịch phỉ báng chính Pháp.”***

 Pháp môn Tịnh Độ tu hành phổ cập dễ dàng. Chúng ta nếu mà không vận dụng ở trong đời này, trong kiếp người này để mong sớm được thoát ly ra khỏi ngôi nhà lửa tam giới thì khổ cực vô cùng và lãng phí kiếp được có thân người vô cùng vậy.

Chúng ta may mắn sinh ra trong thời bình, có đủ điều kiện vừa học, vừa làm, vừa tu. Đảng và nhà nước cho tự do tôn giáo, tự do tín ngưỡng; chúng ta phải cố làm được những việc thiện đừng lãng phí thời gian, mải chơi bời theo tà đạo. Theo tà đạo là khởi tà kiến, biết là tà mà vẫn theo đúng là chui đầu vào rọ vậy chẳng khác gì con thiêu thân.

Người xưa nói rằng, kẻ ngu biết sai mà cứ lao vào do tập khí, do sự ngu muội, bảo thủ. Người bảo thủ thì không biết bao giờ mới ra được đường sinh tử, còn người ngu dốt mà biết tiếp thu còn có cơ hội để giải thoát.

*Chúng ta tụng Kinh A Mi Đà có biết đến Ngài Tu Bàn Đặc, ngài đã chứng quả A La Hán. Khi xưa lúc ở nhà cũng như khi được xuất gia rồi, Ngài học kém lắm, đến mức học hai chữ quét rác cũng không được. Nguyên âm chữ Hán là « Tẩy Trần » . Học được chữ Tẩy thì quên chữ Trần, học được chữ Trần thì quên chữ Tẩy. Đức Phật muốn độ cho ông ấy vì ông ấy dốt đến nỗi học mãi hai chữ không thuộc. Lòng từ bi và công đức của Đức Phật có thể độ được người như thế, nếu người đó có niềm tin và nhất tâm tu hành. Đức Phật bảo học không thuộc thì thôi, đưa cho cái chổi, ngày ba thời sáng trưa tối cứ quét cửa từ chính điện ra sân và ngõ của tinh xá Trúc Lâm. Cứ như vậy, trải qua sáu, bảy năm ông vẫn chưa học được cả hai chữ tẩy trần. Dốt như thế, nhưng bằng tâm thành kính ông vẫn làm, làm với niềm tin vào Đức Phật, nghe lời Đức Phật.*

*Cho tới một hôm khi Ngài Tu Bàn Đặc đang quét thì có chiếc lá rơi từ trên xuống. Ngài lại quét, sau có lá rơi ngài lại tiếp tục quét. Cứ như vậy, cứ quét thì lá lại rơi. Ngài nhìn chiếc lá rơi từ trên xuống và nghĩ rằng cuộc đời là vô thường giống như chiếc lá kia. Thân ta cũng là vô thường, vạn sự vạn vật có hình có tướng ở thế gian cũng như chiếc lá kia vậy. Ngay lúc đó ngài hiểu ra rằng: Đức Phật bảo quét sân hằng ngày không phải chỉ quét sân đất này mà Đức Phật muốn ta quét sạch tâm của ta, quét sạch đi sự tham lam, sân hận, ngu si thì trí tuệ sẽ bừng sáng. Nhìn chiếc lá rơi như vậy, trong lòng của Tu Bàn Đặc cứ tiếp tục nghĩ như dòng nước chảy, trí tuệ tự nhiên khai mở. Ngài liền vào bạch Đức Thế Tôn con đã hiểu đạo rồi. Nhờ Đức Thế Tôn dạy quét rác mà con đã quét sạch rồi, xin Đức Thế Tôn chứng minh cho con. Đức Phật hoan hỉ và nói rằng: Đó là do tâm thành mà Tu Bàn Đặc đạt được quả thánh và được ấn chứng thánh quả A La Hán giống như Mục Kiền Liên, như Xá Lợi Phất vậy.*

Qua câu chuyện của ngài Tu Bàn Đặc, chúng ta thấy rằng chỉ cần nhất tâm, tín mộ, ái kính, tin tưởng tuyệt đối vào Đức Thế Tôn mà chứng được thánh quả. Trí tuệ của Ngài do công đức tu hành mà có, trí tuệ này gọi là vô sư trí, ở trong bản tính thanh tịnh đồng một thể với mười phương chư Phật. Vậy nên khi học Phật chúng ta phải khởi tâm chân thành, thành kính để mà học.

Bồ Tát Địa Tạng, Ngài đã vì chúng sinh mà phát nguyện trụ thế lâu dài, nơi nào có chúng sinh đau khổ, nơi đó có hóa thân của Địa Tạng Bồ Tát. Ngài dẫn dắt chúng ta từng bước giống như người mẹ dạy bảo đứa con thơ. Ở cõi Nam Thiệm Bội Châu, Đức Phật Thích Ca đã phó chúc cho Bồ Tát Địa Tạng cứu giúp cho chúng sinh trong cõi đời xấu ác, ngũ trược này. Vậy nên, hãy nương vào Ngài, nương vào công đức tu hành và uy thần của Ngài để tu cho bạt nghiệp. Đem công đức tu hành đó để hồi hướng, tri ân ông, bà, cha mẹ, quyến thuộc nhiều đời, nhiều kiếp. Ngoài ra, còn tạo duyên, gieo duyên công đức với chúng sinh trong ba đường ác đạo, với chư Thiên, Long, Bát Bộ, Qủy, Thần, A tu la, người... đều có lợi ích khi chúng ta hành trì, tu tập theo Kinh Địa Tạng. Hoằng truyền, in ấn và khuyến hóa mọi người đọc tụng, thọ trì Kinh Địa Tạng. Công đức đó rất lớn, chỉ có Phật mới biết hết được. Quán Âm Bồ Tát, Văn Thù, Phổ Hiền cũng chưa biết hết được công đức đó lớn như thế nào.

Nay chúng ta đã gặp và tu theo pháp môn Tịnh Độ, kết hợp với việc đọc tụng, thọ trì, phát nguyện truyền bá Kinh Địa Tạng để chúng sinh thoát khổ. Khi công đức lớn sẽ trả được cái nghiệp oán mà chúng ta nợ hay còn gọi là oan gia trái chủ ở nhiều đời, nhiều kiếp trước để tự do, tự tại thẳng bước về Tây.

Vì sao trước đây chúng ta niệm Phật mà tâm không an? Vì oan gia trái chủ làm chúng ta không định tâm được. Vợ, chồng, con cái cũng có thể là oan gia trái chủ của chúng ta. Yêu thương quá cũng là chướng ngại vãng sinh của ta vậy.

Vô thường chợt đến, chúng ta niệm Phật có vãng sinh được không nếu như tình ái quá nhiều? Trong Kinh A Mi Đà, Đức Phật nói rằng: ‘***Này Xá Lợi Phất, chẳng thể dùng chút ít thiện căn, phúc đức, nhân duyên mà được sinh sang cõi nước kia đâu.’’***

 Khi thiện căn, phúc đức, nhân duyên chưa đủ thì A Mi Đà Phật sẽ không tiếp bước chúng ta. Điều này đã nói ở nhiều bài giảng trước, nay nhắc lại với quý vị một lần nữa rằng : Hòa Thượng Tịnh Không dẫn chứng lời sư phụ là Ngài Lý Bỉnh Nam ***‘Thời Mạt Pháp, một ngàn người niệm Phật, chỉ có một, hai người vãng sinh’’***. Niệm Phật, muốn vãng sinh phải xả bỏ được ngũ dục, lục trần của thế gian. Muốn vậy phải tập từ bây giờ. Yêu thương nhưng phải xả được, không được đắm chấp. Ví dụ, vợ hoặc chồng muốn đi chùa, gặp ông thầy chính đạo hướng dẫn chúng ta tu tập tốt và về mình thay đổi tốt lên thì nên tạo điều kiện ủng hộ nhau tu tập, đó mới là mối quan hệ tình cảm tốt. Nếu không theo được, thì chúng ta cũng phải lo cho cuộc đời chúng ta về sau. Đời này có thể là vợ, chồng, con của nhau, nhưng đời sau cũng có thể là kẻ thù của nhau.

*Vì sao? Ví như trong nhà sống với nhau rất vui vẻ, hạnh phúc, nhưng cuộc đời vô thường, đến chiều, đến tối, chẳng còn gặp lại người thân nữa ! Quý vị xem truyền hình thì biết một ngày có đến khoảng 30 người chết vì tan nạn giao thông ; rồi biết bao hoạn nạn khác như trúng gió, trượt chân té ngã, đột quỵ...thế là mất đi mạng sống. Chúng tôi gặp một số trường hợp như thế này rồi. Người nhà mất đi, người trong gia đình đi xem ông thầy phù thủy nói chết ngày xấu, giờ xấu, trùng tang... và trong hoang mang sợ hãi họ nhờ ông thầy đến trấn yểm trên mộ. Khi nhập quan, các thầy phù thủy thường dùng một con dao rồi ‘ba hồn bảy vía nếu là con trai, ba hồn chín vía nếu là con gái tên là... địa chỉ... mau mau về đây nhập quan.’’ Sau đó, gõ ba tiếng và chỉ vào trong quan tài. Đậy nắp quan lại và dán bùa vào, lúc đó vong linh kia muốn ra cũng không ra được, bốn lá bùa ở bốn góc giống như sợi dây trói buộc chân, tay vào miếng gỗ rắn chắc kia rồi. Đậy nắp quan tài lên và đóng đinh vào nữa khiến cho người chết kia có nhà mà không được về. Chúng ta còn tấm thân này thì còn có thể nhờ người khác giúp đỡ, nhưng khi mất thân này thì không kêu ai được nữa, chỉ có ôm hận trong lòng.*

Trong Kinh Địa Tạng nói nếu trong 49 ngày không có người làm việc thiện, hướng thiện cho tâm lúc nào cũng nghĩ ác thì 49 ngày cũng không đi đầu thai được phải chịu làm quỷ đói. Dần dần kết thành oán khí mới quay về trả thù. Vậy nên, nếu không hiểu Phật Pháp, vô tình chúng ta đã biến những người thân thành kẻ thù chỉ trong một đời kiếp vậy, chỉ trong một ngày không xa vậy. Nếu người hiểu Phật Pháp thì cũng hiểu lời Đức Phật có dạy rằng, khi có người mất đừng vội chạm vào người ấy. Để ít nhất từ 8 – 12 tiếng, niệm Phật cho họ, để thần thức của họ có chỗ dựa tinh thần đó là Quang minh và công đức của Đức Phật. Khi có đại chúng niệm Phật, tạo ra một từ trường, Phật giáo gọi đó là quang minh công đức xung quanh người chết kia. Họ thấy không đau khổ và nhất tâm niệm Phật theo những người đó. Quang minh Đức Phật là vô hình, thân trung ấm của họ cũng là vô hình, hai bên tác động gặp gỡ nhau rất dễ. Vậy nên, lúc đó họ rất dễ tiếp nhận Phật Pháp. Trước, trong và sau khi lâm trung nên niệm Phật cho họ, sau 8 – 12 tiếng thần thức ra khỏi tấm thân thì thiêu cũng được, chôn cũng được, còn dưới 8 tiếng đem chôn, thần thức của người ta vẫn chưa ra khỏi tấm thân ấy, nếu chôn cạn người chết rồi sẽ cảm thấy bị chết ngạt, chôn dưới nước người đó sẽ thấy như bị chết đuối, thiêu thì cảm thấy bị chết cháy, chết nóng. Vì thế, chuyện này là có thật, nhiều gia đình không muốn đi thiêu người đã mất vì nghe nói có những trường hợp người đã bị thiêu thì có khi họ về hiện trong giấc mơ của người thân, có khi gia đình người đó tìm đến những nhà ngoại cảm, nhà tâm linh rồi vong linh kia than trách rằng họ bị thiêu rất nóng. Người bình thường chẳng giải thích được chuyện này, rồi hoang mang và sợ hãi. Nhưng nếu được học Phật pháp rồi, chúng ta biết Đức Phật đã từng nói, trong kinh điển cũng có đề cập về thân trung ấm, rồi cảnh giới sau khi mất này.

Trong Kinh Địa Tạng nói rằng: Người con nào muốn báo hiếu cha mẹ thì hướng cho cha mẹ biết đến Phật Pháp và tu hành đó mới là hiếu chân thật . Chúng ta học Phật, phải biết vận dụng vào cuộc sống để tu tập, sau khi mất đi không biết đến bao giờ mới được tấm thân người trở lại nếu như không biết tu tập. Cố gắng làm vệc thiện, phải bỏ các việc ác lớn ngay trong cuộc sống này, nhất là việc sát sinh phải bỏ ngay. Tránh kết oán nghiệp với chúng sinh. Muốn vãng sinh Tây Phương Cực Lạc, những việc ác lớn phải dừng lại trước: không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, nói sai sự thật, nói sai lệch, không uống rượu...

Học theo lời Đức Phật dạy, hành theo lời Phật dạy, đem điều đó áp dụng vào trong cuộc sống hằng ngày đấy chính là tu. Tu ngay ở nơi môi, nơi cái lưỡi của chúng ta, phát ra lời nói ái ngữ, chính ngữ gọi là tu ở lời nói. Luôn luôn làm chủ thân tâm, hành động của mình, không làm những điều mà pháp luật không cho phép... đấy chính là tu.

Làm được như vậy thì công đức, nhân duyên, phúc đức đều từ đó mà sinh ra. Rồi tụng một biến Kinh Địa Tạng tiêu diệt vô lượng tội lỗi, niệm một câu Phật hiệu tiêu tám muôn ức kiếp sinh tử, lấy công đức đó cầu sinh Tây Phương Cực Lạc thế giới thì sẽ được như nguyện, các Phật tử phải cố gắng tu tập và hành trì như lời Phật dạy.

Học kinh là để chuyển kinh thành những hành động thiết thực trong cuộc sống đó là tu. Còn học kinh chỉ để đi tranh luận với nhau thì gọi là bị kinh chuyển. Các tổ xưa nói rằng, người bị kinh chuyển là người chấp pháp vô cùng.

*Xưa Lục Tổ Huệ Năng sau thời gian mai danh, ẩn tích trong rừng, sống cùng đám thợ săn rèn luyện thân tâm mình. Sự hợp nhất giữa sự chứng ngộ và hành động của mình gọi là thân tâm hợp nhất, oai nghi tế hạnh đầy đủ. Khi Ngài mới ra thuyết Pháp, có một vị Thiền sư nghe tiếng của Tổ, liền đến thăm. Nghe nói Ngài được truyền tâm ấn từ Tổ Hoàng Nhẫn, vị Thiền sư ấy đến xá chào và đi nhiễu quanh. Ông đến cầu Pháp, nhưng Lục Tổ Huệ Năng nhìn thấy khi lễ đầu vị Thiền sư ấy không chạm đất, sau đó ngồi vào bồ đoàn cùng đại chúng. Sau đó bạch Tổ rằng: con đến cầu Pháp, xin Tổ khai thị, chỉ bảo cho con.*

*Lúc bấy giờ, Lục Tổ Huệ Năng Ngài hỏi :*

* *Ông muốn cầu Pháp gì?*

*Vị thiền sư ấy bảo :*

* *Con muốn cầu Pháp minh tâm kiến tính.*

*Tổ nói :*

* *Muốn cầu Pháp minh tâm, kiến tính mà tâm ông không thành kính thì sao minh nữa?*

*Không thành thì sao mà sáng được? Không kính thì làm sao có giác ngộ, có giải thoát? Phải có thành kính thì mới có giác ngộ được, mới giải thoát được.*

*Lục Tổ lại hỏi rằng :*

* *Hằng ngày ông tu tập Pháp môn gì, hành Phật sự gì mà tâm của ông vẫn còn cống cao như thế?*

*Vị ấy bạch Lục Tổ :*

* *Hơn ba mươi năm qua, con chỉ trì tụng Kinh Diệu Pháp Liên Hoa và đã trì được hơn ba mươi nghìn bộ rồi*

*Lúc bấy giờ, Tổ mới bảo rằng : Công đức đó rất lớn, đúng là một bậc chân tinh tiến trong thời Tượng Pháp này, nhưng lòng thành kính của ông chưa đủ. Ông đến cầu Pháp và khi ông lễ thì đầu của ông không chạm đất. Đó là do lòng kiêu căng, ngã mạn của ông vẫn còn nên ông không thấy đạo. Hơn ba mươi năm qua, ông chưa thấy đạo vì ông chưa diệt trừ được bản ngã. Nay nếu ông diệt trừ được bản ngã thì tâm ông sẽ sáng, đạo ông tự nhiên sẽ tỏ không cần cầu nơi tôi, tự ông viên mãn đầy đủ.*

*Nghe Tổ nói như vậy ông mới ngộ ra, ông lễ Tổ ba lễ, sám hối từ trong tâm rồi cười. Tổ ấn chứng cho và cũng cười, hai người nhìn nhau cười.*

*Bấy giờ, vị Thiền sư ấy lễ Tổ định ra về, thì Lục Tổ nói với vị ấy rằng:*

* *Việc lớn đã làm xong rồi, vội vàng gì? Hãy ở lại đây một đêm.*

 *Vị Thiền sư đó liền ở lại, cả đêm hai người nói chuyện với nhau. Sau này, vị sư ấy được gọi là Nhất Túc Giác - một đêm mà giác ngộ. Nhưng thực tế, Ngài đã giác ngộ ngay sau khi được Tổ khai thị cho rồi.*

Xưa các Tổ nói rằng: người học đạo phải giống như người vào rừng cỏ lan, cỏ chỉ. Tuy không ngắt lan, không dật nắm cỏ chỉ nhưng khi vào đó đi ra, mùi hương của loài cây ấy thấm vào quần áo nên cũng được thoang thoảng mùi thơm.

Khi đọc các câu chuyện của các Tổ, các vị Bồ Tát, Phật, tuy rằng chưa làm được như các Ngài, nhưng tâm mình cũng hướng thiện nhiều hơn. Không nên đọc sách báo ở ngoài đời quá nhiều, đọc những câu chuyện tình cảm quá nhiều thì chúng ta sẽ suốt ngày bị phiền não. Người nào thích đọc những tiểu thuyết ủy mị thì tâm người đó rất yếu mềm, có thể bị tự kỷ. Những người thích chuyện kiếm hiệp thì tâm của người này rất chính trực, nhưng lại rất nóng tính. Đối với các Phật tử nên siêng đọc kinh sách của nhà Phật nhiều một chút, nghe pháp nhiều một chút, nhưng đọc và nghe thì không được chấp Pháp. Chấp Pháp thì không biết đến bao giờ mới giải thoát được.

Qua đoạn văn kinh trong kinh Địa Tạng chúng ta thấy chư Phật, chư Đại Bồ Tát, dùng tất cả các phương tiện để dẫn dắt chúng sinh, cứu độ chúng sinh. Khiến tất cả thoát được sông mê, hướng về bờ giác. Đó là tâm nguyện, hành động của Phật, của Bồ Tát vậy.

Nay chúng ta học Phật, chúng ta phải noi theo tấm gương của các Ngài, đấy mới là chân đệ tử của Phật, của Bồ Tát, đấy mới là người học và hành đạo thực sự. Các Phật tử nên cố gắng, mỗi người cố gắng một chút thì sẽ góp phần làm cho Phật giáo ngày càng được hưng thịnh.

Có đầy đủ tín tâm kiên cố, đi đúng chính pháp. Người tu Phật thì không nhìn lỗi của người, không nói lỗi của người nhưng phải biết phân biệt đâu là tà, đâu là chính. Đức Phật dạy phải Tồi tà phụ chính, nghĩa là trừ bỏ, xô ngã tà kiến làm cho điều tốt đẹp được tăng lên, nhiều người biết. Không nhìn, không nói lỗi của người không có nghĩa là ai làm xấu, làm ác chúng ta không nhận ra và không biệt được đâu là thiện, đâu là ác, đâu là chính, đâu là tà...

*Ngày xưa, khi Đức Thế Tôn còn tại thế, Ngài độ cho các đệ tử đi vào con đường chính đạo. Trước đó, đa phần các đệ tử theo các tôn giáo khác như: Bà La Môn, Kỳ Na giáo. Bây giờ, Ấn Độ vẫn còn đạo Kỳ Na - họ chủ trương cuộc sống tu hành phải khổ hạnh. Họ cho rằng nguyên nhân mà có khổ đau, có địa ngục là do kiếp sống quá buông xả, phóng túng và hưởng hết phúc nên họ tu hành khổ hạnh. Có một điều đặc biệt là tôn giáo này từ trước tới nay vẫn không mặc quần áo. Họ nói rằng khi con người sinh ra vốn không mặc quần áo, sau này lớn lên vì bản thân mình mà mặc hết quần áo này, quần áo khác và cho rằng như vậy là đang hưởng hết phúc...*

*Năm 2008, Thượng Tọa Chân Tính ở chùa Hoằng Pháp đi sang thăm Ấn Độ, Ngài có quay một video về người Kỳ Na giáo, họ không mặc quần áo mà tự do lên đàn làm lễ, tự do khất thực - như thế là khổ hạnh, là diệt trừ bản ngã.*

*Đức Phật khi Ngài thành đạo, Ngài thuyết Pháp và độ cho những người đó. Ngài nói rằng, không mặc quần áo nghĩa là không có tàm quý. Tàm là biết hổ với mình, quý là biết thẹn với người.*

*Người xuất gia mà không biết tự hổ với mình, không biết thẹn với người, ra ngoài đường như thế mà gọi là tu sĩ hay sao? Các ông bảo khổ hạnh là thành đạo. Nhưng khổ hạnh không thể thành đạo được. Giống như cây đàn, căng dây thì cũng sẽ đứt, trùng quá thì tiếng đàn không kêu. Người tu hành cũng như cây đàn vậy. Dây đàn lười chỉ cho sự biếng lười không chịu tu hành, căng quá thì dây sẽ đứt hoặc là tiếng cũng không hay ví như những người tu khổ hạnh, ép xác quá. Đức Phật dạy, tu thì phải theo con đường trung đạo, nghĩa là không quá tu khổ hạnh và cũng không biếng lười. Lúc nào cần tinh tiến thì nên tinh tiến, cần nghỉ thì phải nghỉ. Ngài đem con đường tu trung đạo ấy ra nói và phản bác các ngoại đạo là ngu si, đần độn. Ngài dùng phương tiện trách mắng để cho họ tỉnh ra và quay về đạo vậy.*

Chúng ta phải biết phân biệt đâu là chính, đâu là tà, đâu là đi nói xấu, đâu là đang tồi tà phụ chính - dẹp bỏ cái xấu ác, tà kiến để hiển bày chính pháp góp phần làm cho Phật Pháp hưng thịnh.

**KINH BẢN NGUYỆN CỦA BỒ TÁT ĐỊA TẠNG ( Tập 31)**

Chúng ta tiếp tục nghiên cứu phần tiếp theo Kinh Bản Nguyện Của Bồ Tát Địa Tạng.

Trong văn kinh, Đức Phật Thích Ca lại tiếp tục nói rằng:

 **‘..Lại về một đời xưa, cách đây vô lượng vô biên A tăng kì kiếp, có một Đức Như Lai, khi xuất hiện ở đời, cứu độ khắp chúng sinh, pháp hiệu của Ngài là: Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai... ’’**

Đức Phật Thích Ca lại tiếp tục giới thiệu về nhân địa tu hành, nhân duyên phát đại bồ đề tâm của Bồ Tát Địa Tạng. Nhân duyên đó như thế nào? Từ rất lâu A tăng kì kiếp trước, có Đức Phật hiệu là Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai. ‘Thanh tịnh’ chỉ cho sự không nhiễm ô. ‘Liên Hoa’’ chỉ cho hoa sen. Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai chỉ cho Đức Phật có con mắt sáng, bình đẳng và thanh tịnh, nhìn được khắp mười phương thế giới. Do nhân địa tu hành Bồ Tát đạo, phát nguyện phổ độ chúng sinh, công đức viên mãn nên Ngài được muôn phúc tướng trang nghiêm, đẹp đẽ.

« ..**Thọ mệnh của Phật đó, lâu tới bốn mươi kiếp... »**

Thọ mệnh của Đức Phật đó là bốn mươi kiếp ; Đức Phật Thích Ca khi thị hiện ở cõi đời này, Ngài chỉ trụ thế 80 năm ; Đức A Mi Đà ở cõi Tây Phương Cực Lạc thì thọ mạng vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp. Vì sao cùng là Phật mà các Ngài có tuổi thọ khác nhau như vậy ? Các Ngài thị hiện, độ chúng sinh do nhân duyên, cũng khế lý, khế cơ mà thuyết pháp. Cõi Ta Bà chúng ta thọ mạng của chúng sinh ngắn ngủi, chúng ta đang ở trong thời kỳ kiếp giảm – thời mạng trược. Nếu Đức Thích Ca ở cõi này mà Ngài thị hiện sống trường thọ, thì chúng sinh lại chẳng chịu tu hành. Như trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa vậy, có người Thầy thuốc rất giỏi, bệnh gì cũng chữa được, các con của ông cậy mình có người cha tài giỏi, vì vậy khi bị bệnh chúng chẳng chịu uống thuốc. Cha liền trả vờ đi xa, và để lại phương thuốc ở nhà bảo rằng nếu các con bị bệnh thì phải uống thuốc này sẽ khỏi. Người cha đi rồi, một thời gian sau nhờ người báo tin cho các con là mình đã chết. Các con lúc đó mới sợ quá, mới nghĩ nay cha đã mất, nếu không uống thuốc cha cho, nhất định ta bị mất mạng. Vì thế, các con người Thầy thuốc kia mới chịu dùng thuốc cha đã cho. Chẳng bao lâu sau khỏi bệnh, người cha lại trở về.

Đức Thích Ca cũng phải thị hiện theo tuổi thọ, phước báu của chúng sinh cõi này. Đức Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai thọ mạng lâu dài chứng tỏ thọ mạng của chúng sinh thời Ngài cũng rất dài vậy.

Nhưng Đức Phật Nhất Thiết Trí Thành Tựu Như Lai thọ 6 vạn kiếp, đến thời Đức Phật Thanh Tịnh Liên Hoa Mục tuổi thọ giảm xuống chỉ còn 40 kiếp. Như vậy, là đang trong thời kì kiếp giảm. Giống như 4 Đức Phật trước khi Đức Phật Thích Ca thành đạo, Đức Phật đầu tiên là ở kiếp trụ, xuống dần đến Đức Phật Ca Diếp là Đức Phật thứ 3, và Đức Phật Thích Ca là Đức Phật thứ 4 cũng đang ở trong thời kì kiếp giảm.

Qua thời kì Chính Pháp, Tượng Pháp và Mạt Pháp của Đức Phật Thích Ca, con người làm nhiều việc ác khiến cho tuổi thọ bình quân giảm dần và giảm xuống còn 10 tuổi. Phần lớn là do chết yểu, chiến tranh, bệnh tật... nên tuổi thọ giảm. Sau đó, lại hướng thiện và làm thiện nên tuổi thọ bình quân tăng lên. Cứ 100 năm, thì tuổi thọ bình quân tăng thêm 1 tuổi. Cứ như vậy, đến khi nào tuổi thọ trung bình của thế gian là 84000 tuổi thì khi đó Đức Phật Di Lặc mới hạ sinh. Các quý vị có muốn thọ đến 84000 tuổi không? Tôi thì không, tôi muốn thọ vô lượng vô biên ở Tây Phương Cực Lạc, muốn được vô lượng thọ như Đức Phật A Mi Đà. Đức A Mi Đà thì thọ mạng Vô Lượng Vô Biên a tăng kỳ kiếp, chúng ta nếu được sinh về đó thọ mạng cũng vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp, một đời mà bất thoái thành Phật vậy. Phước báo tuổi thọ của chúng ta sẽ còn hơn phước báo, tuổi thọ của dân chúng thời Đức Phật Thanh Tịnh Liên Hoa nhiều lần, hơn cả thời Đức Phật Nhất Thiết Trí Thành Tựu Như Lai nhiều lần. 8400 tuổi vẫn có giới hạn, vẫn bị chết, 84000 tuổi ấy vẫn đọa lạc, luân hồi.

Giả sử khi đó Đức Phật Di Lặc thành Phật ra đời, Ngài thuyết pháp, chúng ta lại sinh ra là người giàu có, vì tiền tài của cải nhiều nên chúng ta không xuất gia học đạo được. Hoặc sung sướng quá, nhiều người hầu hạ nên cũng không tu được. Thậm chí có thể chúng ta sinh ra không cùng một quốc gia với Đức Phật Di Lặc, thì chúng ta cũng không quy y và không tu tập được. Như vậy là đã đánh mất đi cơ hội giải thoát, Hết tuổi thọ 8 vạn 4 nghìn tuổi đó vẫn đọa lạc trong vòng luân hồi không biết khi nào mới ra.

Hết thời Chính Pháp, Tượng Pháp và Mạt Pháp của Đức Phật Di Lặc thì tuổi thọ lại dần dần đi xuống, cứ 100 tuổi thọ bình quân lại giảm một tuổi. Tuổi thọ ở cõi Nam Thiệm Bội Châu cao nhất là 8 vạn 4 nghìn tuổi, khi đó cõi chúng ta thuần thiện, thuần tịnh và có sự thay đổi về thế giới.

Theo sự nghiên cứu của các nhà khoa học Phương Tây, Trái Đất tồn tại được hơn 4 triệu năm, có rất nhiều nền văn minh lên được đỉnh cao, xong lại diệt đi. Một số nhà khoa học nghiên cứu nền văn minh Maya, nền văn minh Hy Lạp, nền văn minh Ấn Độ cổ. Đến bây giờ, các nhà khoa học vẫn chưa tìm được câu trả lời cho việc xây dựng kim tự tháp bằng cách nào? Đây vẫn là một câu hỏi gây nhiều sự tranh luận vì ngày đó chưa có các loại thiết bị để cẩu được những tảng đá to như thế, không chỉ là một Kim Tự Tháp mà nhiều Kim Tự Tháp. Ở giữa sa mạc như thế, họ lấy đá từ đâu? Vận chuyển bằng cách nào? Có rất nhiều câu hỏi xung quanh việc xây dựng Kim Tự Tháp. Các nhà khoa học cũng đưa ra rất nhiều các giả thuyết chứng minh, nhưng cũng chưa giải quyết được những vấn đề này.

Như vậy, thấy rằng có những nền văn minh phát triển rất mạnh, nhưng đến 1 lúc nào đó cũng sẽ diệt đi. Nền văn minh con người chúng ta bây giờ đang phát triển rất mạnh, khoa học công nghệ kỹ thuật cũng rất phát triển. Nhưng 1 lúc nào đó cũng chính nền phát triển của con người, giết chết con người chúng ta.

Bây giờ, công nghệ, kỹ thuật phát triển cần rất nhiều loại khoáng sản, quặng làm nguyên liệu chế tạo cũng như nhiên liệu phục vụ cho cuộc sống của con người. Dân số ngày một đông, nhu cầu khai thác tài nguyên ngày càng lớn mà trữ lượng khoáng sản thì có hạn do đó sự cân bằng sinh thái bị thay đổi rất nhiều. Khí hậu bây giờ cũng thay đổi rất nhiều theo thời gian. Ngày xưa, mùa đông, mùa hạ, mùa thu, mùa xuân, cứ đến tháng đó là giao mùa, chuyển mùa và có những đặc trưng riêng. Nhưng thời tiết bây giờ không theo quy luật như thế nữa, vì chính con người đã tác động rất nhiều đến thiên nhiên. Khi chúng ta khai thác tài nguyên quá mức, rồi bơm các loại hóa chất vào trong lòng đất đó là nguyên nhân gây ra động đất, sóng thần.Vừa qua chúng ta thấy, hai trận động đất chết vô số người ở quê hương của Đức Phật, bây giờ là Bu Tan , nơi Ngài Đản sinh. Do nghiệp và sự tạo tác của con người.

Chúng ta muốn thành tựu được quả vị giải thoát, muốn không bị trong sinh tử lâu dài, phải cố gắng học tập và tu hành để một đời cầu thoát ly sinh tử. Chẳng mong cầu sống thọ mạng 84000 tuổi để đợi Di Lặc Bồ Tát. Chúng ta muốn gặp Bồ Tát Di Lặc, có thể gặp được. Nhưng không phải gặp trong tấm thân 84000 tuổi do nghiệp báo phải sinh ra ở thế giới này. Mà khi đó chúng ta vâng mệnh Đức A Mi Đà Phật, tùy tòng Quán Âm, Thế Chí đến cúng dàng Đức Phật Di Lặc. Khi đó, các đệ tử của Di Lặc Tôn Phật ở thế giới này chứng được quả A La Hán, thì chúng ta ít nhất cũng ở hàng Thất Địa Bồ Tát. Từ giờ cho đến thời gian đó - hơn 56 vạn năm nữa mà chúng ta tinh tiến tu hành thì còn có thể lên hàng Thập Địa, Đẳng Giác... và còn được Đức Phật Di Lặc khen ngợi giữa hội chúng nơi đó: Lành thay, Lành thay Diệu Âm Bồ Tát... Có hằng hà sa số các vị Diệu Âm Bồ Tát ở thế giới Tây Phương Cực Lạc về thế giới Sa Bà để thính pháp - chúng ta là một trong số các vị Diệu Âm Bồ Tát đó có mặt trong buổi Pháp thoại của Đức Phật Di Lặc.

Vậy nên, phải biết rằng tất cả các việc làm của chúng ta nếu muốn một đời thoát ly sinh tử thì đều cần hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề - hồi hướng vãng sinh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới.

Hòa Thượng Tịnh Không nói: tu mà vãng sinh Tây Phương Cực Lạc khi đó chúng ta mới thực sự tu hành đúng trong chính pháp của Phật. Còn bây giờ chỉ nguyện cho sớm được vãng sinh Tây Phương Cực Lạc Thế giới. Vãng sinh rồi mới thực sự tu hành, giờ thì chưa phải thực sự tu hành vì thời Mạt Pháp này rất khó. Hãy giữ tâm mình, ý chí và nguyện của mình để tu theo phương pháp phù hợp.

‘***Trong thời kì Tượng Pháp, có một vị A La Hán có công đức và trí tuệ siêu thắng hơn tất cả và phát ra đại nguyện cứu độ chúng sinh.’’***

***A La Hán*** dịch là ***Sát Tặc***. Các Ngài đã tu tập giết hết các giặc phiền não trong tâm mình không còn một chút tham, sân, si nào nữa.

Ở đây, chúng ta còn tham, sân, si không? Có.

*Còn tham, còn sân, còn si, ngu si không có chính kiến. Khi các vị nghe thầy giảng, thì hoan hỷ, phát nguyện tu theo pháp môn Tịnh Độ, một lòng chí nguyện cầu về Tây Phương. Một thời gian sau, khi nghe các thầy khác giảng về tu Thiền, tu Mật. Tu Thiền thì trực chỉ nhân tâm kiến tính thành Phật, không cần phải đi đường tắt. Niệm Phật còn cầu sinh Tây Phương, gặp Phật A Mi Đà mới chứng quả. Tu thiền thì chứng quả ngay trong đời này, nhập Niết Bàn ngay tại cõi Sa Bà này. Đây là pháp môn chỉ thẳng tâm người, thấy tính thành Phật thế là bỏ tu Tịnh Độ sang tu Thiền. Các thầy dạy mình ngồi kiết già khoảng 2 tiếng, nhưng được khoảng 15 - 20 phút thì ngồi không yên. Thân còn cựa thì tâm không thể định được. Khi thiền định, thân mà động thì tâm cũng động. tâm không định thì trí tuệ không khai phát được, không thể giải thoát được. Do đó, không thể thấy đạo được, không thấy tính được, tu mãi cũng không có thành tựu.*

*Bây giờ, các vị Pháp Vương Tây Tạng cũng thường sang Việt Nam truyền pháp môn Mật Tông. Qúy vị nghe các vị Pháp Vương và các thầy tu Mật Tông giảng đây là một pháp môn nhanh thành tựu nhất, là pháp môn dành cho bậc thượng căn đại thừa nhất, có nhân duyên thù thắng đặc biệt nhất. Tu hành chỉ cần một thời gian trì chú là thành tựu, tiêu hết nghiệp chướng. Thân kết ấn, miệng trì chú, tâm thì quán tưởng, đây là một phương pháp tu hành cao mau thành Phật. Đặc biệt, là các Ngài dùng nước 3 con sông ở Tây Tạng đã trì chú, rưới lên đầu quán đỉnh và thọ kí cho quý vị thành Phật, thành Bồ Tát. Khi đó, các vị cũng bỏ tu Thiền và bước vào tu Mật. Tu được một thời gian, mong chứng đắc được thần thông, Thiên Ma Ba Tuần nắm bắt được cơ hội đó. Vì quý vị có tâm mong cầu nên ông Thiên Ma này đến giả làm Phật thuyết pháp cho nghe, giả làm Bồ Tát, làm Thiên Long, Bát Bộ đến bảo cho chúng ta biết trước được mọi việc. Qúy vị nghĩ mình đang tu đúng đường nên cứ ra sức trì chú. Nhưng thực sự, đó là do thiên ma, quỷ thần khai nhãn cho mình, mượn thân xác của mình để nói, không phải do quý vị thực chứng được.*

*Các Tổ xưa cũng nói rằng tu Mật Tông thực sự tiêu nghiệp rất nhanh. Công năng trì chú, tay kết ấn, miệng trì chú, tâm quán tưởng phá nghiệp rất nhanh. Nhưng chúng ta không có công đức lớn, không có trí tuệ, không có bản lĩnh thì rất dễ đi vào đường tà.*

*Vậy nên, xưa người ta đúc kết lại rằng khi nào mà Mật Tông phát triển đến cực điểm thì cũng là lúc Phật giáo bắt đầu suy tàn. Ở Trung Quốc và Việt Nam đều có những chứng nghiệm đó.*

*Lịch sử Phật giáo Trung Quốc ghi lại rằng có 2, 3 thời kì Mật Tông ở Trung Quốc rất hưng thịnh, các Pháp sư Tây Tạng sang Trung Quốc truyền bá đạo pháp Mật Tông rất nhiều. Khi Mật Tông phát triển đến đỉnh điểm thì đến lúc Phật giáo đi xuống. Vì sao? Vì khi đó, người ta chỉ nương vào sức trì chú, kêu gọi quỷ thần, bắt ma... khiến cho các Phật Tử lười tu. Đa phần học Mật Tông không phải vì để minh tâm kiến tính, mà học để lập đàn tràng cho Phật tử để tín đồ làm ăn phát tài rồi lại mang tiền đến cúng mình. Từ đó, dần dần đưa Phật giáo đến chỗ bị suy đồi vậy.*

*Cố Hòa Thượng Chùa Hương - có thể nói là một ông Tổ Mật Tông Việt Nam ở thế kỉ 20, Ngài rất giỏi, có thể cảm nhận được dưới mặt đất và xung quanh mình có gì. Khi Ngài nói, thì các vị lãnh đạo cấp cao như Tổng Bí Thư, Chủ Tịch Nước, Thủ Tướng Chính Phủ...ở đất nước chúng ta thời đó còn tin và đến quy y với Ngài. Đạo hạnh, công đức và trí tuệ của Ngài rất lớn. Nhưng khi Ngài truyền pháp Mật Tông cho các đệ tử, có cả các Phật tử tại gia, thậm chí có cả chú lái xe. Từ đó, mỗi Phật tử theo Mật Tông đều có một thất Mật tông ở nhà. Tu hành được 1 thời gian, thì các Phật tử lập ra từng nhóm, cũng lập đàn cầu nguyện cho người khác tại nhà và lấy tiền của họ. Chú lái xe của Thượng tọa cũng đi lập đàn được. Khi Thượng Tọa tịch thì bây giờ trở thành ông thầy xem phong thủy, và nói rằng học được từ Thượng Tọa. Bản hoài của cố Hòa Thượng là truyền pháp cho người ta để tu, nhưng sau này bị biến tướng đi thành lập đàn kiếm tiền.*

*Tôi nhận thấy điều đó, nên tôi không phát triển con đường Mật Tông, vì tôi sợ các đệ tử của tôi và các Phật tử sau này đi sai đường sẽ biến pháp tu thành pháp kiếm tiền. Vì vậy, tôi không theo. Còn chính Mật tông là một trong những pháp môn rất nhiều người kính trọng, dành cho các tầng lớp có trí tuệ và công đức cao mới có thể tu được, mới đi đúng đường và giải thoát được trong pháp của mật tông, không thì rất dễ nhầm đường, lạc lối.*

A La Hán là những bậc đã giết sạch hết giặc phiền não, các Ngài nương vào các Pháp tu của Đức Phật đã thuyết ra và tu tập, hành trì. Diệt sạch giặc phiền não, tham, sân, si ở trong tâm mình, các kiếp sử phiền não đều diệt được hết thì gọi là Lậu Tận A La Hán.

***A La Hán*** ngoài nghĩa dịch là Sát Tặc thì cũng có nghĩa là ***Ứng Cúng***. Khi đã giết sạch hết giặc phiền não rồi thì đáng làm thầy của Trời, Người, được tất cả nhân, thiên kính trọng và cúng dàng. Có thể nhận được tất cả sự cúng dàng của chư Thiên và loài người mà không bị tổn phúc. Vậy nên, A La Hán còn được gọi là Ứng Cúng.

***A La Hán*** còn dịch là ***Vô Sinh*** - không còn chịu sự trầm luân sinh tử trong lục đạo nữa. A La Hán còn khiến cho Ma Vương, Qủy Sứ phải sợ, Thiên Ma Ba Tuần cũng không làm gì được các vị A La Hán. Không có bất cứ loại ma nào trong tam giới phá được thiền định và trí tuệ của các vị A La Hán, nên A La Hán còn được gọi là Bố Ma, Phá ác.

Vị A La Hán ấy tu tập trong thời Tượng Pháp của Đức Phật Liên Hoa Mục, chứng được quả vị Đại A La Hán - hàng Lậu Tận A La Hán giống như Ngài Đại Ma Ha Ca Diếp, Đại Xá Lợi Phất, Đại Mục Kiền Liên... Cũng có những vị gọi là tiểu A La Hán - công đức và trí tuệ vừa phải, đem lại lợi ích cho nhân gian và chư thiên, thần linh, quỷ thần ít hơn các vị Đại A La Hán có công đức lớn, trí tuệ lớn.

***« ..Nhân chuyến đi giáo hóa, gặp một người con gái dòng dõi Bà La Môn, có tên là Quang Mục. Quang Mục gặp La Hán liền cung kính cúng dàng. La Hán kia hỏi rằng: "Con muốn cầu nguyện gì?"***

Học và nghiên cứu Kinh Địa Tạng chúng ta thấy đa số Bồ Tát Địa Tạng phát tâm đều từ thân nữ. Trong các kiếp quá khứ, chỉ có một kiếp Ngài là vua, còn các kiếp khác đều là từ thân nữ và xuất thân từ dòng Bà La Môn mà phát tâm.

Thời Chính Pháp, khi mà Đức Phật còn tại thế thì phần lớn các vị để tử xuất gia của Ngài là nam, nữ ít hơn, người nam dễ phát tâm Bồ Đề hơn người nữ. Đến thời Tượng Pháp khi Đức Phật đã nhập Niết Bàn thì người nam xuất gia nhiều, nữ xuất gia ít, nhưng số lượng cư sĩ nữ đã tăng lên rất nhiều. Thời Mạt Pháp thì người Nữ dễ phát tâm Bồ Đề hơn và nhiều người nữ xuất gia hơn.

Theo thống kê của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam, ở khu vực phía Bắc cứ 12 vị Ni xuất gia thì mới có một vi Tăng xuất gia.

Thời Tượng Pháp và Mạt Pháp, Bồ Tát Địa Tạng thường hiện thân nữ để phát tâm Bồ Đề cứu độ cho chúng sinh.

Ngài thị hiện là một cô con gái dòng dõi Bà La Môn có tên là Quang Mục - là một người con rất hiếu thảo, thông minh và có trí tuệ.

Khi nhìn thấy vị A La Hán thì Quang Mục tiến lại đỉnh lễ và cung kính cúng dàng. La Hán kia hỏi rằng: "Con muốn cầu nguyện gì?"

***Quang Mục liền thưa rằng: "Hôm nay nhân là ngày húy kị của mẹ con, con muốn nhờ phúc Ngài, cứu giúp cho mẹ con, không biết hiện bây giờ, mẹ con thác chỗ nào?".***

Sau khi nhận sự đỉnh lễ và cúng dàng của Quang Mục, Ngài hỏi Quang Mục muốn cầu nguyện điều gì? Quang Mục liền thưa muốn nhờ phúc của Ngài để biết mẹ đang thác sinh chỗ nào, an vui hay khốn khổ.

***«  ...Đại A La Hán kia, chạnh lòng và thương cảm, liền nhập vào chính định, quán thấy mẹ Quang Mục, đang đọa trong đường ác, chịu cực khổ vô cùng. ’’***

Vị A La Hán liền nhập định, quán thấy mẹ Quang Mục đang chịu khổ ở trong cảnh giới của địa ngục.

Hàng Bồ Tát từ Đẳng giác trở lên, các Ngài muốn thấy các cảnh giới nào thì cảnh giới đó liền hiện ra trước mắt. Còn bên dưới hàng Đẳng giác các Ngài muốn thấy được thì phải nhập định, thường phải ngồi thiền, vì công đức và thiên nhãn của các Ngài chưa viên mãn. Vị A La Hán liền vào chính định, quán thấy mẹ Quang Mục đang chịu khổ báo dưới địa ngục.

***« ...Đại A La Hán hỏi lại Quang Mục lúc mẹ con còn sống làm việc gì và gieo nhân gì mà nay đang ở trong đường ác kia? »***

Gieo nhân nào sẽ gặp quả đó, hiện này mẹ cô đang chịu khổ vô cùng trong đường ác. Trước đây mẹ cô quen làm nghiệp gì mà nay phải chịu khổ đến như vậy ? Bậc A La Hán này có thể nhập định để thấy nhân duyên đó, nhưng Ngài lại hỏi Quang Mục. Có lẽ là để chúng ta thấy rõ nhân quả mà mẹ nàng Quang Mục đã làm.

**‘...Quang Mục liền thưa rằng: "Mẹ của con xưa kia, khi còn sống ở đời, thường thích ăn thịt cá, ba ba, chim, thú rừng... không chỉ là như thế, mà còn thích ăn trứng, của các loại chúng sinh, con vừa kể ở trên. Hoặc rán, nấu, chiên, xào khởi tâm thích mà ăn, mạng những chúng sinh ấy, kể ra nhiều vô số. Xin Tôn Giả thương xót, từ mẫn chỉ bảo cho, con biết cách cứu mẹ, sớm thoát khỏi đường ác".**

Mẹ của Quang Mục bị đọa lạc như bấy giờ là do khi xưa đã thỏa sức giết hại chúng sinh để thỏa mãn sự ăn uống của mình. Đủ các loại chúng sinh bị giết dưới tay bà, và cũng đủ cách chế biến mà bà đã dùng để làm sao cho thịt chúng vừa miệng bà nhất. Nhưng các bài trước chúng ta cũng được học về các cảnh Địa Ngục rồi. Trước đây mình hành hạ, làm khổ chúng sinh khác thế nào thì nay mình phải chịu hình phạt còn gấp trăm nghìn lần như thế. Cắt cổ, mổ bụng chúng sinh ư ? Bây giờ quỷ sứ cũng cắt cổ, mổ bụng, moi tim gan mình ra để cho thú dữ, cho Quỷ Dạ Xoa ăn. Chiên xào chúng sinh ư ? bây giờ vạc dầu sôi cũng đang chờ mình vậy.

Đức Phật dạy rằng, muốn biết được kiếp trước như thế nào thì hãy nhìn vào tấm thân, thọ mạng, vận mệnh của chúng ta ở kiếp này. Đẹp hay xấu, giàu hay nghèo tất cả đều do chúng ta gieo trồng từ nhiều đời nhiều kiếp trước. Nếu xấu là do kiếp trước gieo nhân xấu: tham lam, keo kiệt hay sân hận. Kiếp này xinh đẹp là do gieo trồng nhân tốt. Một trong những nhân mà Đức Phật có nói trong Kinh Dược Sư đó là người đó kiếp trước đem hoa tươi cúng Phật thì kiếp này được xinh đẹp, tướng hảo. Tạm gác câu chuyện về mẹ cô Quang Mục, xin kể một câu chuyện về công đức của người biết lễ Phật, biết sám trừ nghiệp chướng để các quý vị tin sâu hơn về nhân quả từ những việc thiện lành.

*Câu chuyện này kể về Quốc Sư Ngọc Lâm ở triều đại nhà Thanh, Trung Quốc. Kiếp trước của Ngài Ngọc Lâm có khuân mặt rất xấu, thêm vào đó người đó còn có một cái bướu ở sau lưng nữa. Ngài cao khoảng 1m2 nhưng vì có cái bướu như thế nên nhìn Ngài chỉ khoảng 90 cm. Nhưng trước đây do cũng có nhân duyên đặc biệt với Phật pháp nên được xuất gia tu hành. Tuy có hình dáng xấu xí, nhưng tiền kiếp của Ngài Ngọc Lâm là một người rất giỏi, đặc biệt là chữ viết của Ngài thì không ai có thể sánh bằng được. Các chùa xung quanh đều đến xin chữ viết của Ngài để đem về làm hoành phi, câu đối treo trong chùa.*

*Một hôm, có 1 tiểu thư, con của một quan đại thần, đến chùa lễ Phật. Vị tiểu thư này rất xinh đẹp ;hơn thế lại cầm kỳ, thi họa. Cô nhìn thấy bức hoành phi treo trong chính điện của chùa, chưa thấy ai có nét chữ đẹp như thế, kể cả nét chữ của cô cũng không thể sánh bằng. Những người hiểu về thư pháp thì họ nhìn chữ là biết lòng người như thế nào. Nhìn chữ trên đó cô biết rằng phải là người có tâm cực kỳ an định thì chữ viết mới đẹp như vậy. Lễ Phật xong cô hỏi thăm mọi người ở chùa về người viết chữ trên bức hoành phi ấy, rồi khởi tâm quý mến.*

*Từ hôm đó, cô thường xuyên đến chùa lễ Phật và mang đồ đến cúng dường. Mọi người trong chùa ai cũng quý vị tiểu thư ấy, bởi là một tiểu thư xinh đẹp, nết na lại biết phát tâm Bồ Đề nữa chứ. Một thời gian sau, qua Thầy trụ trì cô ngỏ ý muốn gặp người viết chữ trên bức hoành phi để học hỏi vì cô cũng có biết một chút về thư pháp.*

*Vị Hòa Thượng tỏ ý không muốn cho gặp vì kiếp trước của Ngài Ngọc Lâm rất xấu, ai nhìn cũng thấy cũng phải sợ. Nhưng cô gái vẫn khăng khăng muốn gặp bằng được, vì thấy vị tiểu thư nết na, tài hoa, và cũng có tâm ý tốt nên Trụ trì cũng đồng ý để cho gặp. Khi nghe thấy Thầy gọi tên, vị Tăng viết bức hoành phi kia ở nhà sau đi vào mang nước hầu thầy. Vừa nhìn thấy vị tăng ấy cô gái đã thấy thất kinh, cô đã nhìn thấy nhiều người nhưng chưa ai xấu như vậy. Cô đã từng nhìn thấy nhiều người bệnh ghê gớm, nhưng chưa từng thấy ai nhìn ghê gớm như vị này. Chưa kịp định thần lại, thì vị Trụ Trì lại nói thêm đây chính là người viết chữ trên bức hoành phi mà tiểu thư muốn gặp.*

*Mọi việc quá khác với những gì mà bấy lâu nay tiểu thư đã tưởng tượng, sốc quá nên cô bị ngất lịm đi. Các tùy tòng đi sau liền đưa tiểu thư về. Về nhà thì cô bị bệnh và không đến chùa nữa. Một vị tiểu thư đài các, đến chùa lễ Phật rất thành kính và thường xuyên cúng dàng nên ai cũng quý. Chỉ vì nhìn thấy vị tăng ấy mà bây giờ sợ không dám đến nữa, nên đại chúng trong chùa ai gặp cũng trách mắng và xua đuổi cái con người xấu xí kia. Vị tăng ấy bị phiền não rất nhiều. Một buổi chiều khi lễ Phật xong, Ngài ra phía sau Tam Bảo có một cái cây to, Ngài định dùng một sợi dây để kết liễu đời mình. Tự trách bản thân mình, vì mình mà vị tiểu thư ấy bị bệnh, vì mình mà chư tăng không nhận được sự cúng dàng từ vị đại thí chủ ấy, thế là ông quyết định tự tử. Khi vừa trèo lên, thì thầy Phương trượng đi ra và nhìn thấy bảo dừng lại. Thấy sư phụ, vị đó liền từ từ bước xuống, khóc dưới chân sư phụ và sám hối.*

*Phương trượng mới nói về nhân quả cho vị đệ tử ấy nghe, do nghiệp của con đã tạo từ đời trước nên kiếp này mới xấu xí như vậy.*

*-Hòa Thượng bảo con có biết vì sao con có cái bướu kia không?*

*-Đó là do kiếp trước, con cũng là một vị tăng, nhưng do lòng tham, cái gì cũng mang về cho bản thân mình. Vậy nên, kiếp này con sinh ra được làm tăng nhưng trên thân có cái bướu như hế. Cái bướu kia chính là do lòng tham kết tụ thành.*

*- Vì sao mà con xấu xí?*

 *-Vì đời trước con hay sân hận, con làm trụ trì 1 ngôi chùa, có rất nhiều đệ tử xuất gia và đệ tử tại gia, con hay sân rồi mắng mọi người nên đời này có tướng mạo xấu xí như thế. Nhưng cũng vì con có công đức rất lớn từ đời trước nên đời này con có trí tuệ, đặc biệt là chữ viết đẹp trong nước không có ai sánh bằng. Tất cả đều do nhân con đã gieo trồng từ trước. Vậy nên con muốn giải nghiệp từ đời trước thì con phải tu, nếu tự vẫn thì con sẽ mãi không thoát được cái nghiệp đó mà còn lại tạo thêm nghiệp mới - nghiệp sát sinh. Quan điểm của Đức Phật tự mình đoạn mạng sống của mình đồng với việc sát hại mạng người. Sau khi chết đi đọa địa ngục, cảnh tự tử cứ lặp đi lặp lại không biết đến bao giờ mới thoát ra được.*

*Nghe sư phụ giảng giải như thế ngài bắt đầu tỉnh ngộ. Sư phụ bảo :*

* *Muốn được thân tướng trang nghiêm, đẹp đẽ, thì ta cho con làm công việc nhang đăng. Lúc nào cũng bao sái ban thờ cho sạch, chăm đọc kinh Dược Sư và thường lấy hoa thơm cúng dàng Phật.*

*Mấy năm sau, vị tăng ấy qua đời. Vị tiểu thư ấy cũng do bệnh lâu ngày mà chết. Hai người cùng đi đầu thai trở lại. Cô gái do nhân lành làm việc thiện, cúng dàng Tam Bảo và thường đi chùa lễ Phật nên tiếp tục được sinh làm con của một vị tể tướng đầu triều. Vị sư xấu kia thì chính là tiền thân của Ngọc Lâm Quốc Sư, trí tuệ thông minh, chữ đẹp. văn phong tuyệt vời. Do kiếp trước nghe lời sư phụ thường dâng hoa cúng Phật và chăm tụng Kinh Dược Sư nên ở kiếp này Ngài có tướng hảo, trang nghiêm giống Tôn giả A Nan khi Phật còn tại thế vậy, ai nhìn thấy cũng phải sinh tâm quý mến. Cũng chính vì thế mà cuộc đời xuất gia tu hành của Ngài rất vất vả, trải qua nhiều cửa ải khó khăn để đến được Ngài thành tựu. Nhân duyên đưa đẩy, một lần vị tiểu thư, đến chùa lễ Phật nhìn thầy Ngài Ngọc Lâm sinh tâm yêu mến, về nhà không ăn không ngủ, đổ bệnh rồi ốm. Cha mẹ cô rất lo lắng, hỏi ra mới biết là con gái mình đã đem lòng yêu một vị Tăng trong chùa. Thương con, người cha dùng nhiều biện pháp chùa và bắt Ngài Ngọc Lâm phải hoàn tục lấy con gái mình. Nếu không sẽ cho quân lính đốt phá chùa, chúng tăng cũng không được tu tập nữa. Thấy vậy, Ngài Ngọc Lâm xin ý kiến của sư phụ. Sư phụ nói đây là nghiệp của con, ta không giúp được. Ngài Ngọc Lâm quyết định dùng phương tiện để độ cô tiểu thư này, Chẳng phải Ngài không động lòng trước cô, không quý mến cô, nhưng đã là người xuất gia thì mọi nhân duyên, ân oán cũng phải gác một bên. Phải theo con đường Đạo đến cùng, phải độ mình rồi độ cả chúng sanh bằng được. Ngài xin hoàn tục để lấy tiểu thư ấy. Nhưng lại có một yêu cầu rằng đêm tân hôn phải làm theo nghi thức Phật giáo. Vị tiểu thư biết tin này rất vui mừng, nghe rằng Ngọc Lâm đã đồng ý hoàn tục lấy mình thì liền khỏi ốm. Nàng cũng đồng ý tất cả cá điều kiện mà Ngọc Lâm pháp sư khi ấy yêu cầu.*

*Đêm hôm đó, ngài chuẩn bị 3 cây hương lớn từ trước thắp lên. Ngài nói rằng nghi thức kết hôn của Phật giáo là đêm tân hôm phải đợi cho 3 nén hương này cháy hết. Khi hương đang cháy thì phải đi kinh hành, niệm Phật. Cô tiểu thư đồng ý, nhưng mà cô không biết rằng 3 cây hương đó cháy 3 ngày, 3 đêm mới hết được. Hai người bắt đầu đi kinh hành, niệm Phật. Đến khoảng 1, 2 giờ sáng, cô gái mệt quá mới ngồi xuống nghỉ. Ngọc Lâm liền nhẹ nhàng đến bên cạnh và nói rằng hãy cố gắng đứng lên đi kinh hành tiếp đi, dừng lại như thế chẳng khác nào muốn hạnh phúc bị đứt gánh giữa đường. Vì cô rất thương Ngọc Lâm nên tiếp tục đi, đến 3, 4 giờ sáng. Đi kinh hành nóng khiến cho đồ trang điểm bị loang trên khuôn mặt cô gái, đầu tóc thì rối xù, bấy giờ Ngài Ngọc Lâm lấy một chiếc gương ra cho tiểu thư xem. Cô gái nhìn vào gương, giật mình và thốt lên :*

*- Ai thế này?*

*Ngọc Lâm nhân đó thuyết pháp cho côi nghe, một bài pháp ngắn nhưng đánh thẳng vào tâm lý của cô.*

* *Mới buổi sáng còn vui vẻ cười đùa, nhan sắc của nàng không ai sánh bằng, nhất là khi trang điểm thì nàng càng trở nên lộng lẫy hơn. Nhưng chỉ mới qua một thời gian ngắn mà thân thể nàng đã tiều tụy, xơ xác như thế này, khuân mặt đã thành thế này. Mấy năm nữa, hoặc lâu hơn nữa thì nàng sẽ như thế nào ? có mãi được như lúc còn trẻ nữa không ? Ngài yêu ta vì tướng hảo của ta, nhưng theo thời gian thì ta sẽ còn xấu hơn nàng bây giờ rất nhiều. Ngọc Lâm tiếp tục dùng giáo lý của Đực Phật thuyết cho cô nghe. Đến rạng sáng, sau khi nghe Ngọc Lâm thuyết pháp, nàng đã ngộ ra và đồng ý để chồng tiếp tục quay lại chùa tu hành, còn nàng cũng sẽ lựa lời xin bố mẹ cho xuất gia cầu đạo.*

*Cuộc đời là vô thường, sự đẹp đẽ ở thế gian này, tấm thân này là không trường cửu, chỉ vài tiếng đồng hồ vị tiểu thư ấy đã ngộ ra điều này và hoan hỷ buông xả. Ngài Ngọc Lâm là một vị tăng tài đức đều vẹn toàn, tướng hảo trang nghiêm. Ngài cũng có một sư huynh tên là Ngọc Lam - rất hay ngủ nhưng mà chuyện gì Ngài cũng biết. Khi Ngọc Lâm sắp quay về thì Ngài Ngọc Lam đã nói với chúng, bảo mọi người chuẩn bị dọn phòng cho sư đệ Ngọc Lâm sắp quay về. Ngọc Lam chính là một vị Bồ Tát có thần thông và biết được mọi việc xảy ra. Ngọc Lâm trở về chùa tiếp tục tu hành, một thời gian sau Ngài bạch với sư phụ đi du phương cầu đạo và được sư phụ đồng ý. Ngọc Lam nói với sư đệ chuyến đi này gặp rất nhiều khó khăn nhưng Ngài sẽ thành công và hóa độ được rất nhiều chúng sinh. Trước khi đi, Ngọc Lam đưa cho ba chiếc túi và dặn rằng khi nào gặp 3 hoạn nạn nguy hiểm tới tính mạng mới được mở túi ra.*

*Trên đường đi, đến sông Giang Nam, gặp một trận mưa lớn. Ngài và rất nhiều người đang đi thuyền qua sông thì gặp mưa bão lớn có thể sẽ bị lật thuyền. Ngọc Lâm nhớ đến lời dặn của sư huynh trước khi đi, Ngài lấy chiếc túi màu đỏ ra, trong đó có một mẩu giấy chỉ viết hai chữ ‘Bãi Triều’’. Trời đang mưa bão như thế, nhưng khi Ngài đọc to hai chữ ‘Bãi triều’’ này lên thì gió im, sông lặng ngay. Ngọc Lâm là một người có công đức lớn và chuyến đi này sẽ thành tựu đạo nghiệp nên các vị Thiên Long đến cúng dàng và hộ trì ngài vậy nên tạo ra mưa bão lớn. Khi Ngài nói lên hai chữ bãi triều nghĩa là ngài đã chứng minh rồi nên các vị Thiên Long liền rút lui, mưa tạnh và sóng dừng, tất cả đều thoát cơn hoạn nạn. Ai đi trên thuyền đó đều cảm ơn Ngọc Lâm và cho rằng Ngài có thần thông. Nhưng thực tế là nhờ Ngài Ngọc Lam biết trước và đã chuẩn bị cho từ trước.*

*Một lần nữa, trên đường đi, Ngài gặp một toán cướp muốn giết Ngài. Khi đó, Ngọc Lâm mở tiếp chiếc túi thứ hai. Trong đó có kế sách đối phó với toán cướp này, Ngài liền làm theo và cảm hóa được toán cướp khiến cho họ quy y Tam Bảo và trở thành đệ tử của Ngài.*

*Khi Ngài trở thành Quốc Sư thì Ngài lại gặp một nạn lớn nữa, Ngài liền mở chiếc túi còn lại và qua được chướng ngại đó, được bình an. Đấy là câu chuyện của Pháp sư Ngọc Lâm, một người trước kia rất xấu xí do những nhân xấu từ kiếp trước gây lên. Vì biết lễ bái cúng dường Đức Dược sư, rồi có nhiều duyên lành từ xa xưa nên kiếp sau lại là người đoan nghiêm, trí tuệ rồi trở thành một bậc Quốc sư rất nổi tiếng thời nhà Thanh.*

Chúng ta đời này biết đến Phật Pháp thì hãy học theo lời Đức Phật dạy, hành theo lời Phật dạy, đem những điều gì Ngài đã dạy, áp dụng vào trong cuộc sống hàng ngày. Các Phật tử nên cố gắng, dừng tất cả cả việc ác lớn lại, chăm làm các điều thiện đem công đức đó hồi hướng về Tây Phương, quyết định vãng sinh trong một đời - chấm dứt luân hồi, chấm dứt khổ đau, vĩnh viễn thoát ly được ba đường ác đạo. Lúc đó thân tướng sắc vàng ròng, ba hai tướng tốt, tám mươi tùy hình hảo, cuộc sống gần Phật A Mi Đà, gần Bồ tát, gần bậc thượng thiện nhân, lại còn tự do tự tại, đầy đủ thần thông cứu độ chúng sinh, đó chính là an vui bậc nhất, cuộc sống ở Tây Phương Cực Lạc vậy.

**GIẢNG KINH BẢN NGUYỆN CỦA BỒ TÁT ĐỊA TẠNG**

 **( Bài giảng 33)**

Hôm nay, chúng ta tiếp tục nghiên cứu vào phần chính văn kinh Bản Nguyện Của Bồ Tát Địa Tạng.

Hôm trước, chúng ta đang học về đoạn hội thoại giữa vị A La Hán và Quang Mục. Hôm nay, chúng ta nghiên cứu và tìm hiểu đoạn văn kinh tiếp theo.

***Đại A La Hán kia, thương xót mở phương tiện, khuyên bảo Quang Mục rằng: "Con nên trang nghiêm thân, giữ tâm cho thanh tịnh, dốc một lòng chí thành, mà cung kính trì niệm, danh hiệu của Đức Phật Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai. Lại tô vẽ tượng Ngài, và cúng dàng chùa tháp, thì được công đức lớn, chẳng thể nghĩ bàn được. Kẻ còn và người mất cả hai đều lợi lạc, con đem công đức ấy, để hồi hướng cho mẹ, thì khiến mẹ của con, mau thoát địa ngục khổ".***

Đại A La Hán bảo Quang Mục muốn cứu mẹ thoát khỏi địa ngục khổ thì nên giữ tâm cho thanh tịnh, dốc một lòng chí thành, chí kính trì niệm danh hiệu của Đức Phật Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai. Lại tô vẽ hình tượng, xây chùa tháp và mua đồ cúng dàng đem công đức đó hồi hướng cho mẹ.

Chúng ta biết rằng, thời gian sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn thì đến thời kì Tượng Pháp. Đức Phật nhập Niết Bàn, thế gian không còn được nhìn thấy kim thân của Ngài nữa, mà chỉ thông qua chiêm bái xá lợi, chiêm bái tôn tượng và tranh ảnh của Ngài. Nhìn thấy tranh ảnh, tôn tượng, xá lợi của Ngài cũng giống như nhìn thấy kim thân của Đức Phật khi Ngài còn tại thế vậy. Đức Phật nói công đức giống nhau vậy.

Người khởi được tâm quán tưởng rằng tranh ảnh và tôn tượng của chư Phật, chư Bồ Tát cũng giống như kim thân của chư Phật, chư Bồ Tát thì người đó đã có tín tâm, nhân duyên, đã gieo được nhân lành với Tam Bảo từ nhiều đời, nhiều kiếp. Vậy nên, việc xây dựng, tôn tạo tượng, vẽ tranh ảnh của Phật, của Bồ Tát, của Hiền Thánh Tăng để cung kính, chiêm bái, đỉnh lễ và cúng dàng thì công đức lớn vô cùng chẳng thể nghĩ bàn được. Vị Đại A La Hán nói khuyên Quang Mục làm được như thế rồi đem công đức đó hồi hướng cho mẹ thì có thể khiến cho mẹ của cô mau thoát khỏi địa ngục khổ.

***‘Quang Mục vừa nghe xong, liền xả bỏ tài vật, sở thích của bản thân, đem bán đổi lấy tiền, để sưu tầm đắp vẽ, hình tượng Đức Phật kia, mà cung kính cúng dàng. Lại dùng một lòng thành, trì niệm danh hiệu Phật, đem hồi hướng cho mẹ, mong sớm được giải thoát. Giữa khoảng đêm hôm ấy, bỗng nhiên trong mộng thấy, Đức Phật sắc vàng ròng, như núi Đại Tu Di, phóng quang minh chiếu khắp, bảo với Quang Mục rằng :“ Chẳng bao lâu sau nữa, mẹ con được đầu thai, ở ngay trong nhà con, làm con người hầu gái, khi vừa mới sinh ra, đã liền biết nói ngay.”***

Quang Mục rất tín tâm với Tam Bảo, vâng lời chỉ dạy, cô nhất tâm trì niệm danh hiệu của Đức Phật, lại xả bỏ tài vật, sở thích của bản thân để lấy tiền sưu tầm, đắp vẽ tôn tượng của Đức Phật Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai, mong rằng sẽ cứu mẹ thoát khỏi địa ngục khổ.

***Sưu tầm*** là đi tìm những bức tượng trang nghiêm, tướng hảo, sau đó nhờ những người thợ tạc, đắp vẽ cho giống như thế để cho bất cứ ai nhìn thấy cũng đều khởi lên được niệm cung kính. Các Đức Phật ở các thế giới thanh tịnh như Phật A Mi Đà, Đức Phật Dược Sư các Ngài thị hiện vô lượng tướng, vô lượng tùy hình hảo để trang nghiêm thân thể. Ở thế giới Sa Bà thì Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện 32 tướng tốt và 80 tùy hình hảo – như vậy đã là người có tướng hảo trang nghiêm nhất ở thế gian này. Đức Phật thị hiện ở đời là một bậc trượng lục. Theo đơn vị đo của Trung Quốc thì cao khoảng 2m55 – 2m7, nhưng Ngài cũng thị hiện ra các tùy hình hảo để trang nghiêm thân thể, ai nhìn thấy cũng khởi tín tâm, thành kính.

Bây giờ chúng ta đến một số ngôi chùa, đặc biệt là các ngôi chùa mà không có sư, do bà con nhân dân xây dựng lên. Vì điều kiện kinh tế, cộng thêm sự thiếu hiểu biết và không cầu thỉnh các vị Tăng ni chỉ dạy, hướng dẫn cho, nhân dân tự vận động làm nên ngôi chùa. Nhưng vì tham rẻ, nên khi gọi thợ đến đắp tượng lại mặc cả… Vì cuộc sống nên những người thợ kia vẫn nhận lời đắp tượng, nhưng do kinh phí thấp, hoặc những nơi có tiền nhưng tiếc tiền, không một lòng khát ngưỡng nên khi đắp một pho tượng lên gần như không có tướng hảo nào. Các ngôi chùa cổ, gần như không có sư bao giờ, nhìn các pho tượng trông không tố hảo, rồi họ còn bảo rằng tôn tượng đó cổ mấy trăm năm rồi, không cho sửa chữa. Những tôn tượng như thế nhìn vào rất khó khởi tâm cung kính, chiêm bái.

Làm tượng, thế nào gọi là tượng ? Tượng nghĩa là tượng trưng, phải có nét giống với Đức Phật khi Ngài còn tại thế, phải trang nghiêm, phúc tướng đầy đủ.

Vậy nên, sau này nếu chúng ta có điều kiện, muốn cúng dàng tượng chùa nào, hay có thỉnh tượng về thờ tại ban thờ tại gia thì phải phát tâm làm cho trang nghiêm, tướng hảo. Mình không có đủ kinh tế để làm một pho tượng riêng, thì hãy góp của, góp công, vùn phước cùng với các Phật tử khác để làm nên một tôn tượng trang nghiêm. Không có điều kiện để làm tôn tượng to, thì chúng ta có thể làm tôn tượng nhỏ, không nên nghĩ rằng mình phải cúng pho tượng to nhất trong khi điều kiện kinh tế thì vừa phải, lại đi mặc cả với thợ là làm pho tượng rẻ nhất nhưng lại vẫn được pho tượng to nhất. Chắc chắn pho tượng đó khi được làm ra, thẩm mỹ và chất lượng của pho tượng đó sẽ không có giá trị, mọi người nhìn vào sẽ không thành kính.

Vào ngôi Tam Bảo của chùa chúng ta, không có ai bước vào ngưỡng cửa của Tam Bảo mà không khởi tín tâm. Vì sao ? Vì vừa bước vào sẽ nhìn thấy hai Ngài Hộ Pháp, chúng ta đã thấy có tín tâm rồi. Hai ngài với vẻ mặt rất uy nghiêm, nhưng vẫn toát lên vẻ từ bi. Ai có tâm không tốt, nhìn thấy Ngài Hộ Pháp cầm kiếm hay còn gọi là Ác Hữu Thái Tử là thấy sợ rồi. Xung quanh cả bốn bức tường, đi vòng quanh chỗ nào cũng phải giữ tâm thanh tịnh, thành kính vì chỗ nào cũng có tôn tượng của Đức Phật. Đó cũng là một phương pháp làm cho tín đồ Phật tử và chúng sinh khởi tâm thành kính.

Sau khi Quang Mục đem xả bỏ tài vật và sở thích của bản thân, đổi bán lấy tiền để sưu tầm, đắp vẽ tôn tượng của Đức Phật Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai, thành kính cúng dàng và một lòng trì niệm danh hiệu của Đức Phật ấy, đem công đức có được hồi hương cho mẹ.

Trong một giấc mộng, Đức Phật Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai liền ứng. Khi Quang Mục nhất tâm cầu nguyện, lòng thành kính đến tột độ nên Đức Phật liền có cảm – có người đang mong được Ngài đến cứu giúp cho họ. Vậy nên, Ngài xuất hiện trong giấc mơ của Quang Mục và bảo rằng :

***“Chẳng bao lâu sau nữa, mẹ con được đầu thai, ở ngay trong nhà con, làm con người hầu gái, khi vừa mới sinh ra, đã liền biết nói ngay.”***

Quang Mục khi đó chưa có chồng, còn người hầu gái trong nhà thì chuẩn bị sinh. Nếu người hầu gái đó còn một, hai tháng nữa là sinh thì trường hợp này gọi là đoạt thai. Thần thức của một chúng sinh nào đó đã nhập vào thai của cô hầu gái rồi, nhưng gần đến ngày sinh thì bị chết lưu thai. Khi vừa mới chết đi thì thần thức khác tiếp tục nhập vào để tiếp nhận thân thể đó, làm cho mạng sống trong bào thai đó được tiếp tục sống trở lại. Đó gọi là đoạt thai hay tiếp nhận bào thai.

*Các vị nghe thấy chuyện đó bao giờ chưa ? Nghe thấy một xác, hai linh hồn bao giờ chưa ? Không chỉ là nghe, mà tôi đã từng phải xử lý trường hợp đó rồi.*

*Cách đây hai năm, có một bạn sinh viên quê ở Yên Bái, năm lên đây, cũng khoảng 19 – 20 tuổi và đang đi học Đại Học rồi. Nhưng từ năm lên ba tuổi, trong một lần đi với mẹ qua nghĩa địa, tự nhiên cháu bé đó khóc ré lên một tiếng, người nhà không biết bị làm sao. Nhưng từ hôm đó, bé không được bình thường. Cầu cúng khắp nơi mà không khỏi. Trước khi sinh cô bé này, thì vợ chồng nhà đó cũng đã từng sinh được một bé gái và mất trước đó hai năm. Sinh được một thời gian, thì người bé gái đó bị chết, đem chôn ở nghĩa địa. Năm năm sau, nghĩa là khi đứa bé gái thứ hai được ba tuổi thì người mẹ có việc đi qua nghĩa địa, và cho đứa bé đi cùng. Đi qua đó, thì đứa bé khóc ré lên về nhà thì thấy tinh thần của bé đó có sự thay đổi. Từ đó cho đến nay, trong tâm thức của bé gái đó vẫn tồn tại hai linh hồn hoàn toàn khác nhau.*

*Khi thần thức trong đó là của cô bé ấy thì học hành, sinh hoạt bình thường, mà còn học rất tốt, rất chững chạc. Nhưng lúc sau lại thay đổi, sắc mặt cũng thay đổi và mút tay. Khi đó, lấy kẹo ra cho nó ăn thì lại trở lại bình thường. Có hôm đang học cũng bị như thế, các bạn học biết, đưa kẹo cho ăn thì lại bình thường ngay. Trước khi đến chùa này, thì gia đình cũng đã từng nhờ một sư Thầy là người miền Nam nhưng ra Bắc tu tập và trụ trì ở một ngôi chùa dưới Quốc Oai làm lễ cho. Thầy ấy cũng có khả năng đặc biệt về tâm linh, nên thầy đó biết rằng trong con người này tồn tại hai linh hồn. Một linh hồn là của cô bé, còn một linh hồn khác là của người chị gái. Người chị ấy bị chết khi còn nhỏ nên vẫn thích ăn kẹo và uống sữa, nói thì chưa rõ tiếng. Nếu bây giờ xuất hồn cô chị gái ra thì cô bé kia cũng gần như bị chết, nên đành phải cho vào và tồn tại hai linh hồn trong một thân.*

*Nếu dùng thần chú của Phật và công lực của người tu thì có thể đẩy ra được, nhưng bé gái kia cũng chỉ còn thoi thóp hơi thở nên bắt buộc phải cho vong của người chị vào. Đó là trường hợp một xác hai linh hồn.*

*Nói chuyện với thần thức của người chị đó thì bảo không hại gì nhưng vì nó thương em nên mới trụ trong thân xác của em như thế. Đáng ra em nó bị chết hôm đi qua nghĩa trang rồi. Vì hôm đó có một con quỷ bắt mất linh hồn của cô em, linh hồn của người chị bắt buộc phải đi vào giữ gìn thân thể người em không bị chết. Chưa đầy một ngày sau, con quỷ đó lại thả linh hồn của người em ra và về được từ đó đến nay hai chị em vẫn chung một thân. Cậu chuyện đó là có thật, không thể giải thích được bằng khoa học biện chứng được.*

*Thế giới vô hình, thế giới tâm linh có những điều rất kỳ lạ, chúng ta chẳng thể dùng con mắt phàm tình mà xem xét, phán đoán được. Hòa thượng Tuyên Hóa giảng trong một chuyến đi hoằng pháp cùng với các đệ tử, Ngài nhìn thấy một gốc cây có hình thù rất giống hai người đang ôm nhau. Hòa Thượng khẳng định với các đệ tử đi theo rằng đây không phải là một gốc cây bình thường, mà gốc cây này đã thành tinh rồi. Với nhiều người có khi thấy cái gốc cây như vậy, họ xem là lạ rồi có khi còn cho về nhà làm cảnh, hay mang đi trưng bày. Nhưng dưới con mắt của một người tu, một người có con mắt trí tuệ thì Hòa Thượng lại thấy khác. Ngài nói : Xưa có một đôi nam nữ, họ không đoan chính thường ra đây làm việc lén lút, ngoại tình. Sau khi chết đi, thần thức của hai người đó đều làm quỷ trong gốc cây này, coi cái cây là mạng sống của mình vì vậy mà có hình thù như vậy.Hòa Thượng Tuyên Hóa là một cao tăng, Ngài là đệ tử của Hòa Thượng Hư Vân. Hòa Thượng Hư Vân là hóa thân của Bồ Tát Quán Thế Âm ở thế kỉ 19. Hòa thượng Tuyên Hóa là một đệ tử xuất sắc, Ngài cũng đã tu chứng và có thần thông.*

*Một hôm, có một đệ tử xuất gia người Mỹ ở chùa đã được mấy năm, có lần nhảy tường trốn ra ngoài chơi bời. Mặc dù khi đi và khi về không có ai nhìn thấy, nhưng đến thời Pháp thoại, Hòa thượng gọi vị tăng đó lên, nghiêm khắc trách. Vì sao xuất gia rồi mà lại vì dục vọng khởi lên trốn ra ngoài chơi như thế. Ban đầu, vị ấy không nhận và một mực chối cãi vì nghĩ rằng Hòa thượng nhập thất, không đi quản chúng bên ngoài, đến giờ giảng thì Hòa thượng lên giảng thì làm sao Hòa thượng có thể biết được. Nhưng khi Hòa thượng nói rõ ngày, giờ, địa điểm và mọi hành động của người đệ tử ra thì vị tăng ấy liền ra lễ lạy và sám hối Hòa thượng. Ngài phải là người đã chứng được thần thông, tha tâm thông, thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông mới biết được những sự việc ấy.*

*Hòa thượng Tuyên Hóa cũng là một vị tăng đầu tiên giảng giải về ý nghĩa của chú đại bi và chú Lăng Nghiêm. Giảng thần chú của Phật, không ai có thể giảng hết ý nghĩa được, nhưng Hòa thượng cũng giảng được căn bản cho người ta biết trong thần chú đó Đức Phật muốn nói gì, các vị Bồ Tát nói gì. Còn không ai có thể hiểu được hết ý nghĩa của thần chú, chỉ có Phật mới hiểu được. Hàng Bồ Tát, Đẳng giác, Diệu giác cũng không thể hiểu được hết ý nghĩa của thần chú.*

*Hòa Thượng là một Thiền sư nhưng cũng đồng thời tu cả Tịnh Độ và cũng đồng thời là một vị Kim Cương Đại Sư – Hòa thượng thông cả Mật Tông , Tịnh Độ Tông và Thiền Tông. Sự chứng ngộ của Ngài thật sự cao sâu, huyền diệu vô cùng. Nghe bài giảng của Hòa Thượng cũng khởi được tín tâm và học được rất nhiều điều ở trong đó. Hòa Thượng cũng đã giảng kinh Địa Tạng. Khi hội tập Bộ Kinh Địa Tạng này, bài giảng của Ngài là 1 trong 6 nguồn tư liệu để tôi hội tập.*

Trở về văn Kinh : Có cầu, có cảm thì nhất định sẽ có ứng, Quang Mục cũng thế. Trong đoạn văn kinh này, Đức Phật nói chẳng bao lâu nữa, mẹ con sẽ được đầu thai. Cô thành tâm cầu khẩn nên có cảm ứng. Mẹ được đầu thai làm con người hầu gái, trường hợp này có thể là đoạt thai, vì nếu nhập thai thì phải trải qua thời gian lâu dài. Ở thế gian, có những chuyện chúng ta phải tận mắt thấy tai nghe, được chứng kiến chúng ta mới tin rằng trong thế giới tâm linh cũng có trùng trùng điệp điệp nhiều chuyện không thể giải thích bằng khoa học được, mỗi thấy mỗi nghe một khác nhau đến vô lượng vô biên.

Trường hợp mà Đức Phật Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai bảo với Quang Mục, đứa trẻ vừa mới sinh ra đã liền biết nói ngay. Trên thế giới, cũng có những trường hợp mà đứa trẻ sinh ra một, hai tháng đã biết nói rồi và được gọi là thần đồng. Cũng có những đứa trẻ, mới ba tuổi mà đã giải được các bài toán của chương trình Đại Học. Ở Việt Nam, xưa cũng có trường hợp mới ít tuổi mà đã đỗ Trạng Nguyện tên là Nguyễn Hiền. Đó là những trường hợp tái sinh trở lại, họ không quên kiến thức đời trước của họ, họ học mà có được.

Trong văn kinh có nói rằng:

“**Quả nhiên chẳng bao lâu, đứa hầu gái trong nhà, sinh ra một em bé, chưa đầy ba ngày tuổi, đã biết nói rõ ràng”.**

Chưa đầy 3 ngày tuổi đã biết nói rõ ràng quý vị có tin không? Đức Phật của chúng ta vừa mới sinh ra đã nói được rồi mà. Khi bà Ma Da vừa sinh ra Ngài liền đứng dậy, bước đi 7 bước, tay phải chỉ trời, tay trái chỉ xuống đất và nói: “Thiên thượng, thiên hạ, Duy ngã độc tôn”.Trong lịch sử có ghi lại như thế! Ở đây chúng ta thấy có gì lạ đâu. Do công đức của Quang Mục nhất tâm cung kính cúng dàng tôn tượng Đức Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai mà bà được thoát từ trong địa ngục ra và được làm người. Tuy nhiên, tuổi thọ cũng chỉ có 13 năm.

***“Nghiệp báo ta gây nên, thật rõ ràng chẳng sai, ai làm thời nấy chịu, như bóng đi theo hình. Ta xưa là mẹ con, nhưng không biết làm lành, chết đi đọa địa ngục, chịu khổ báo vô cùng, ở trong chỗ tối tăm, ăn năn mong thoát khỏi. Nay nhờ phúc của con, mẹ mới được đầu thai, nhưng thọ mạng không lâu, sinh làm người hèn hạ. Đến năm mười ba tuổi, thì liền bị chết non, khi thân ấy chết đi, liền đọa vào đường ác. Con có biết cách gì, cứu giúp mẹ được chăng”.***

Đó là lời của mẹ Quang Mục. Mới được ba ngày đã biết nói rõ ràng ta chính là mẹ con. Không chỉ như thế mà đứa trẻ đó còn biết được là chỉ sống được mười ba năm, mong con tìm cách giúp cho mẹ sau mười ba năm nữa không bị đọa vào 3 đường ác. Bởi khi còn sống làm quá nhiều việc ác : sát sinh, hại vật, khởi tâm thích mà ăn uống…đáng bị đọa và địa ngục mãi mãi. May nhờ lòng hiếu thảo của con mà tội nghiệp được giảm. Vì sao mà giảm ? Vì Quang Mục cầu Phật thì không chỉ có mình mẹ được sinh lại làm người mà có rất nhiều chúng sinh ở trong địa ngục khổ, đặc biệt là những chúng sinh mà ta đã giết hại trước đây, Đức Phật cũng độ cho được siêu thoát hết rồi. Vì nó được siêu thoát nên ta mới được giảm tội và đầu thai lại làm người. Lòng hiếu thảo của Quang Mục có thể cứu được rất nhiều chúng sinh như thế. Chúng ta bây giờ đọc tụng, thọ trì Kinh Bản Nguyện của Bồ Tát Địa Tạng ở đây cũng vậy. Chúng ta muốn cứu được gia tiên, cửu huyền thất tổ của chúng ta thì chúng ta phải cầu nguyện Đức Phật gia hộ cho các oan gia trái chủ của gia tiên chúng ta và những oan gia trái chủ của chúng ta vậy.

*Mỗi khi tụng kinh các vị để ý tôi thường hồi hướng cho tất cả. Đầu tiên là hồi hướng cho chân linh cửu huyền thất tổ nội ngoại gia tiên của chúng ta có mặt trong đạo tràng này, tiếp đến là hồi hướng siêu độ tri ân, báo ân các anh hùng liệt sỹ, chiến sỹ trận vong, đồng bào tử nạn qua các chiến nạn, thiên tai, tai nạn nơi biên cương Tổ Quốc và hải đảo xa xôi…qua các thời kỳ chống giặc ngoại xâm và bảo vệ Tổ Quốc. Đồng thời cũng hồi hướng về các vong linh thai nhi, sút xảo, hoạnh tử, uổng tử cùng với hồi hướng cho hương linh của các quý liên hữu Phật tử đồng tu an trí nhục thân tại Tháp Báo Ân chùa Khai Nguyên, xã Sơn Đông, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.*

*Vì sao tôi hồi hướng cho họ ? Vì đấy đều là những đệ tử của tôi, những người tin tưởng tôi, những người mà sau khi mất đi họ chưa chắc chắn rằng sẽ được vãng sinh về với Phật hay không, hay còn ở trong thân trung ấm trong bốn chín ngày. Thậm chí khi chưa đủ phúc để đi đầu thai trong bốn chín ngày, sau bốn chín ngày họ vẫn phải nương vào hũ tro cốt của họ và họ coi đó là ngôi nhà chính của họ. Vì ngôi nhà ở gia đình thì họ không về được thường xuyên nữa, xương cốt ở đâu đó là nhà của họ khi chưa giải thoát. Nếu chôn ngoài nghĩa địa sẽ sống chung với tất cả các loại ma. Nếu nhập tháp trong chùa sẽ sống chung với sư và các Phật tử. Ở ngoài họ vẫn còn ăn thịt, vẫn uống rượu, đánh nhau…nhưng ở trong chùa h*ọ *được ăn chay, tụng kinh, niệm Phật, nghe Pháp hàng ngày. Trên ban thờ lúc nào cũng sạch sẽ, thanh bông hoa quả… đầy đủ*. Bữa trưa, các chú tiểu mang cơm lên cúng, bữa sáng cũng vậy. *Chiều cúng thí thực-cúng cháo, như vậy ngày ba bữa có bị đói không ? Thần thức nếu chưa giải thoát, chưa được vãng sinh thì cũng không ngày nào bị đói cả. Ngày nào cũng được lên tu, tu sẽ có công đức và không bao lâu thần thức sẽ được giải thoát về các cõi trời. Họ tụng ngày một bộ Kinh Địa Tạng họ cũng được công đức một trăm lần sinh lên cõi trời Đao Lợi. Ở trong này có Phật, Bồ Tát bảo hộ, có chư tăng gia trì, có đại chúng cùng tu tập, lợi ích rất nhiều.*

*Những Phật tử mất rồi tôi cũng không quên họ? Chúng ta phải nhớ tới họ và cầu nguyện cho họ giữ vững được chính kiến, niềm tin cùng tu. Tháp báo ân chỉ dành cho các Phật tử, chứ không phải dành cho những người có tiền. Vì sao lại nói là dành cho Phật tử ? Vì bắt buộc phải là người đã Quy Y Tam Bảo rồi thì mới có thể nhập tháp. Chưa Quy Y Tam Bảo nghĩa là chưa phải Phật tử mà cho vào chùa ở, thì họ không có niềm tin với Tam Bảo, sớm muộn họ cũng sẽ làm loạn cõi âm. Chùa phải là nơi thanh tịnh, nơi để cho tín đồ Phật tử cầu đạo vậy. Tất cả chúng ta vẫn noi gương và học theo tâm nguyện của Đức Phật là từ, bi, hỷ, xả độ tất cả chúng sinh. Vẫn cho họ cơ hội, nhưng khi loạn dưới cõi âm thì khó giải quyết vô cùng. Họ chưa Quy Y Tam Bảo, nghĩa là khi còn sống, họ chưa có niềm tin với Tam Bảo, cho vào nhập tháp chắc chắn họ sẽ phá. Các cụ khi chưa được giải thoát, cũng giống như các Phật tử ở đây vậy, cũng còn hay chấp lắm, cũng còn tham, sân, si lắm đấy.*

*Tiếp đến là hồi hướng cho chân linh chúng sinh khắp trong ba đường, sáu nẻo : ba đường đó là địa ngục, ngã quỷ, súc sinh. Sáu nẻo luân hồi đều được lợi ích như nhau, rồi mới đến hồi hướng cho oan gia trái chủ của chúng ta.*

Hồi hướng như vậy, rồi cầu nguyện mười phương chư Phật, chư Bồ Tát – đặc biệt là Bồ Tát Địa Tạng – Ngài không quên bản nguyện độ sinh của mình, dùng thần lực phân thân vô số để vào trong địa ngục cứu độ chúng sinh. Những chúng sinh nào trước kia, người thân của chúng ta đã giết họ, đã kết oán với họ thì nguyện Bồ Tát Địa Tạng cứu độ cho họ trước. Họ được giải thoát khổ đau trước, họ sẽ hoan hỷ, khi đó nếu như người thân của chúng ta cũng đã biết ăn năn, sám hối thì cũng sẽ sớm được thoát khỏi cảnh khổ đau nơi địa ngục.

Thân mẫu của Quang Mục cũng tương tự như thế. Nhờ vào lòng hiếu thuận của con gái mà sớm thoát được tội khổ nơi địa ngục, được đầu thai làm người. Trước đây, làm bà chủ, bây giờ thì làm con người hầu gái. Trước có phúc làm bà chủ, hết phúc rồi thì đọa vào trong địa ngục, may có chút công đức con gái hồi hướng cho và nhờ sự gia hộ của chư Phật mà được sinh lại làm người – làm con của người ở.

Khi đứa bé nói như vậy thì *‘****Quang Mục vừa nghe xong, biết chính là mẹ mình, không một chút nghi lầm, nghẹn ngào mà khóc thương, liền thưa với đứa trẻ kia rằng :“Nếu quả là mẹ tôi, chắc biết rõ tội căn, xưa kia tạo nghiệp gì, mà bị đọa đường ác ?”***

Con của người ở kia liền thưa rằng:

***“Vì hai nghiệp giết hại, cùng chửi rủa mọi người, bởi thế nên hôm nay, phải chịu mọi đau khổ. Nếu chẳng nhờ vào con, tu phúc giải trừ cho, thì hai nghiệp xưa kia, bao giờ mới thoát được.”***

Khi còn sống mẹ Quang Mục đã gieo nhân quát mắng, chửi rủa mọi người nên tạo nghiệp khẩu, cộng thêm việc sát sinh ăn uống cho ngon miệng mà sau khi chết đi phải chịu quả báo đó là khổ đau nơi địa ngục.

Bây giờ, chúng ta là người tu rồi, nhìn tấm gương này mà phản chiếu lại mình, phải bỏ hẳn những lời ác khẩu đó đi. Nói nhẹ nhàng hơn, tuy nhiên cũng phải có lúc cứng rắn với con cháu, nhưng đừng mắng chửi quá thậm tệ đối với nó. Đối với mọi người xung quanh, phải yêu quý, tôn trọng, chẳng muốn làm ác, chẳng muốn mình phải khổ và người khác cũng phải khổ vi mình nữa. Nếu làm được như vậy thì chúng ta sẽ sớm thành tựu tâm nguyện của mình thôi.

**BÀI GIẢNG KINH ĐỊA TẠNG 34**

Hôm nay, chúng ta tiếp tục học và nghiên cứu vào phần tiếp theo của Kinh Bản Nguyện Của Bồ Tát Địa Tạng.

Hôm qua, đang học đến phần chính văn trong kinh đoạn nói về mẹ Quang Mục đầu thai làm con người hầu gái, nói với Quang Mục và tất cả mọi người xung quanh rằng nghiệp mà bà gây tạo trước đây chính là nghiệp sát sinh và chửi rủa mọi người. Sát sinh hại vật là nghiệp về thân xong cũng để phục vụ cho cái miệng vậy nên cũng thuộc vào khẩu nghiệp, nghiệp của miệng rất lớn.

Xưa các cụ có câu: “Họa tòng khẩu xuất” là họa từ miệng mà sinh ra. Sát sinh cũng chỉ bồi bổ cho tấm thân này, qua miệng mà vào. Nói những lời vọng ngữ, ác khẩu, ỷ ngôn, lưỡng thiệt… đều từ miệng mà ra. Vậy nên, khi Quang Mục hỏi đứa trẻ kia sự thể ở dưới địa ngục như thế nào? Đứa trẻ ấy đáp rằng những nỗi khổ dưới địa ngục thật nhiều vô lượng, vô biên không thể nói ra hết, dù trải qua trăm nghìn muôn ức kiếp cũng không thể kể hết được, khổ đau thật vô cùng.

Nếu kể ra những khổ đau, sợ hãi nơi địa ngục thì không thể nào mà kể ra được. Không những khổ về thể xác mà còn có nỗi khổ về tinh thần. Sự sợ hãi, lo âu trong tâm hồn mới giết người ta một cách đáng sợ nhất.

Như một bệnh nhân đi khám, bác sỹ bảo bệnh nhẹ, điều trị một thời gian sẽ khỏi thì người ấy thấy vui, vì có cơ hội chữa trị được. Còn nếu như bảo bị ung thư thì gần như tinh thần của chúng ta bị suy sụp, không còn niềm tin vào điều gì nữa… Vậy nên, cái khổ về tinh thần còn gấp trăm nghìn lần cái khổ về thể xác. Chúng ta bắt đầu suy nghĩ tiêu cực nhiều hơn, kêu trời trách đất… Nếu là người học Phật, thì chúng ta phải biết về nhân quả, hiểu và tin sâu nhân quả. Vì sao bây giờ mà chúng ta ốm? Vì đời trước sát sinh hại vật, không phóng sinh tu phúc, không giúp đỡ mọi người…Ở trong văn kinh con người hầu gái kia bảo rằng khổ đau thật vô cùng không thể nào kể hết được.

Quang Mục vừa nghe xong, lòng bi thương ảo não, hai ngấn lệ tuôn trào, khóc nấc hướng trên không, chắp tay mà bạch rằng:

***“ Xin nguyện cho mẹ con, thoát khỏi địa ngục khổ, được hưởng vui nhân thiên, và hưởng vui Niết Bàn. Hết kì mười ba tuổi, không còn đọa đường ác. Xin mười phương chư Phật từ bi thương chứng cho, con vì mẹ phát nguyện, thề độ hết chúng sinh. Nguyện mẹ con sau này, vĩnh viễn xa đường ác, mãi mãi chẳng bao giờ, phải thụ thân nữ nữa. Xin Đức Phật Thế Tôn Thanh Tịnh Liên Hoa Mục, chứng biết cho tâm con, con phát đại thệ nguyện: Nguyện từ nay trở đi, đến muôn nghìn ức kiếp, hễ có thế giới nào, còn chúng sinh chịu khổ, ở trong ba đường ác và các chỗ tối tăm, thì con còn ở đời, để cứu độ hết thảy, khiến cho các chúng đó, đều được lên bờ giác, bấy giờ con mới chứng, đạo Vô Thượng Bồ Đề”.***

Lại một lần nữa tiền thân của Bồ Tát Địa Tạng vì mẹ mà phát tâm Bồ Đề. Khi nghe mẹ kể nỗi khổ dưới địa ngục nhiều vô lượng, vô biên không thể nói hết được, không chỉ riêng mình mẹ của Ngài chịu khổ mà còn có hằng hà sa số chúng sinh phải chịu khổ dưới địa ngục, Vì vậy mà Ngài phát tâm bồ đề. Vì lòng thương mẹ mà Ngài đã khóc nấc lên, Ngài đã thực sự khóc bằng tâm của mình. Chúng ta bây giờ khóc bằng nước mắt bên ngoài, tâm chỉ một chút thôi. Vì sao? Vì chúng ta khóc không hành động, còn Địa Tạng Bồ Tát, Ngài khóc trong hành động. Chúng ta khóc trong nước mắt, trong sự đau khổ, trong sự chia lìa và sợ hãi. Sống thân gần nhau, khi bất chợt có người ra đi, thì chúng ta đau buồn, khổ sở, nhưng hành động của chúng ta không được là bao. Còn Địa Tạng Bồ Tát – Ngài hướng lên trên không, nước mắt chảy hai hàng, chắp tay mà bạch rằng: Xin nguyện cho mẹ con, thoát khỏi địa ngục khổ, được hưởng vui nhân thiên, và hưởng vui Niết Bàn. Hết kì mười ba tuổi, không còn đọa đường ác. Xin mười phương chư Phật, từ bi thương chứng cho, con vì mẹ phát nguyện, thề độ hết chúng sinh.

Quang Mục phát nguyện vì mẹ mà thệ độ hết chúng sinh, Ngài nguyện làm tất cả các việc thiện… đây là một tấm gương đại hiếu.

*Ở thế gian cho rằng những người xuất gia là bất hiếu. Quan điểm của nhà Nho là: cha mẹ sinh ra, ban cho chúng ta hình hài, chúng ta phải biết trân trọng, yêu thương và quý kính nó. Bởi đây là tấm thân mà cha mẹ ban cho, hiếu thảo với cha mẹ thì phải giữ gìn tấm thân cho cẩn thận, không bị tổn thương. Quan điểm của họ cho rằng dù nhỏ như sợi tóc, trước khi cắt đi cũng phải xin phép cha mẹ vì đó là của cha mẹ cho chúng ta. Nay người tu hành cạo bỏ râu tóc, thay đổi y phục, trái với lẽ thường ở thế gian, khiến cho cha mẹ phải buồn rầu, lo âu… họ cho rằng đó là những kẻ đại bất hiếu. Đến thân hình cha mẹ cho cũng tự ý đem hủy đi, thay đổi hình hài, đi ngược lại với thế tục, khiến cho cha mẹ đau khổ..Tuy rằng, bây giờ Nho giáo không còn tồn tại như trước nữa, nhưng tư tưởng của thế gian vẫn còn chịu ảnh hưởng một phần nào đó tư tưởng, văn hóa của Nho giáo. Họ vẫn cho rằng những đứa con của họ phải lấy vợ, lấy chồng đó mới là niềm vui trọn vẹn cho cha mẹ, có cháu nội, cháu ngoại, sáng tối vui đùa đó mới là đạo hiếu thực sự của người đời. Vậy mà nay đi tu, cạo bỏ râu tóc, thay đổi hình hài cha mẹ ban cho đã là bất hiếu rồi, lại không làm được điều mong muốn của cha mẹ đó là bất hiếu hơn nữa. Khi thấy hàng xóm có cháu nội, cháu ngoại, vui vẻ sum vầy… nhà mình thì lúc nào cũng tiêu điều, vắng vẻ thấy phiền não, buồn lắm…*

*Bình thường, chúng ta có thể là người rất tin Phật Pháp, đi chùa lễ Phật, thậm chí là còn theo bà, theo mẹ đi từ bé, có niềm tin với Phật từ bé như thế. Sau này lớn lên, khoảng 30 – 40 tuổi có đứa con, hoặc khi 50 – 60 tuổi có đứa cháu biết tìm hiểu Phật pháp và thấy rằng giáo lý của Đức Phật mang đậm bản sắc trí tuệ và hướng con người ta đến sự giải thoát, giác ngộ, đồng thời cũng giải thoát và giác ngộ cho chúng sinh. Theo quan điểm chung của nhà Phật thì người xuất gia không phải là bất hiếu, ngược lại còn là đại báo hiếu. Khi đứa con, đứa cháu đó mong muốn xin ông bà, cha mẹ đi xuất gia thì khi đó chúng ta lại ngăn cản ngay. Vì cho rằng như thế là đi trái lại với luân thường, đạo lý của cha ông, trái với bản sắc văn hóa của dân tộc.*

*Nếu xưa kia không có những người chịu hi sinh, biết hi sinh cái hạnh phúc trước mắt như Thích Ca Mâu Ni Phật, như mười phương ba đời chư Phật, đặc biệt là như Quang Mục – tiền thân của Bồ Tát Địa Tạng, thì biết đến bao giờ các quý vị có thể ngồi đây nghe pháp như thế này. Ai lưu giữ kinh Tạng của Đức Phật, lời giảng của Đức Phật, đời sống của Tăng đoàn, chùa chiền... trong suốt hơn 2500 năm qua. Là những người học theo hạnh Phật, hạnh của Bồ tát mà phát tâm cầu đạo giữ gìn hay là ai khác? Trong văn kinh này, nếu như Quang Mục – người không phát ra đại nguyện đi vào trong tất cả các địa ngục để cứu độ chúng sinh, thì vô số chúng sinh phải chịu khổ trong địa ngục, ngã quỷ. Súc sinh không biết bao giờ mới thoát ra được. Chúng ta không may bị đọa vào trong đó một đời, thì không biết phải trải qua bao đời kiếp mới thoát ra được? Vì sao chúng ta được ngồi đây? Chính là nhờ vào Bồ Tát Địa Tạng vậy. Tất cả chúng ta đều nhờ vào Bồ Tát Địa Tạng đã từng cứu chúng ta ra khỏi địa ngục khổ. Chúng ta được thân người như bây giờ cũng là nhờ Bồ Tát Địa Tạng đã giáo hóa cho chúng ta, nói với Diêm Vương giải thoát cho chúng ta khỏi địa ngục khi chúng ta bị đọa lạc trong đó. Trong bốn vị Bồ Tát lớn, có duy nhất Bồ Tát Địa Tạng mang hình tướng xuất gia. Nay chúng ta được thân người, lại quên mất ân tình của Bồ Tát Địa Tạng, mà lại đi nói rằng những người xuất gia là những người đại bất hiếu, không theo truyền thống văn hóa dân tộc uống nước nhớ nguồn của Việt Nam…những người tu theo Phật giáo là những người bi quan, làm ảnh hưởng đến sự phát triển của xã hội. Vì đạo Phật dạy Từ, Bi, Hỷ, Xả và bất bạo động mà. Thế mới biết chúng ta khổ thế nào, chúng ta cứ quên, cứ đi đầu thai là quên, chẳng còn nhớ đến kiếp quá khứ. Có khi chính khi xưa ở cảnh khổ nhiều quá, lúc Bồ Tát cứu ra thì nghĩ :  Nếu lần này được thoát ra, con sẽ làm thiện, con sẽ đi tu, con không vướng vào ngũ dục lục trần nữa. Nhưng nhập thai một cái là quên hết, có khi nhân ác từ rất rất lâu xa lại phát khởi, lại còn ghét người xuất gia nữa.*

 *Rất nhiều người đến chùa, họ cứ nói: Nếu biết trước thế này thì khi còn trẻ con sẽ đi xuất gia. Thực sự nếu mà cuộc đời được làm lại thì có mấy người thay đổi được đây. Hay chỉ là lời nói đâu môi cho qua câu chuyện, qua lỗi muộn phiền mà thôi.*

*Ngày xưa, Đức Phật Thích Ca đi tu thì vua cha là Tịnh Phạn Vương cũng ảo não, buồn rầu. Nhưng cuối cùng Thái tử Tất Đạt Đa vẫn quyết chí xuất gia. Không có cách nào ngăn cản được ý nguyện của Ngài, vua Tịnh Phạn bảo rằng muốn xuất gia thì phải lấy vợ trước, sinh cho hoàng tộc một đứa cháu đích tôn để kế vị ngai vàng của hoàng tộc Thích Ca sau này. Nghe vua cha nói như vậy, thái tử bắt buộc phải vâng theo để cha mẹ vui lòng. Trải qua ba năm chung sống, đến năm Ngài 19 tuổi thì Da Du Đà La hạ sinh một thái tử đặt tên là La Hầu La. Ngày mà cả hoàng cung vui mừng trong sự chào đời của La Hầu La cũng là lúc mà Thái Tử quyết tâm từ bỏ ngai vàng, vợ đẹp, con khôn… để xuất gia cầu đạo. Vào khoảng canh 3, canh 4 lúc mọi người đi ngủ sau một ngày nhảy múa, đàn ca trước sự ra đời của La Hầu La thì thái tử dắt con ngựa, cùng người hầu Xa Nặc rời thành xuất gia.*

*Do ý chí của Ngài, dám bỏ sau lưng tất cả, không quan tâm tới suy nghĩ của người đời nói mình là đứa con bất hiếu, không trọn đạo làm con, thậm chí còn là người bất trung với dân vì Ngài đã bỏ lại giang sơn, xã tắc trốn đi tu.*

*Trải qua mười một năm tu hành, Ngài độ cho vô lượng chúng sinh, cả nhân, thiên đều được lợi ích, chúng sinh hữu tình, chúng sinh vô tình… tất cả đều được lợi ích. Suốt 49 năm thuyết pháp, các bài pháp của Đức Phật như những cơn mưa tưới mát, thấm nhuần cho tất cả vạn vật ở thế gian, tùy theo chủng tính, từng loại mà hấp thụ nước mát đó để sinh trưởng và lớn lên.*

*Sau khi thành Phật, Ngài quay lại Hoàng cung thuyết pháp độ cho cha và rất nhiều người dòng họ Thích Ca được giác ngộ, sau hơn 12 năm, lên cung trời Đao Lợi độ cho mẹ. Ngài thuyết Bộ Kinh Địa Tạng này chính là để độ cho thân mẫu của mình. Quý vị thấy đó là hiếu hay bất hiếu? Đại hiếu chứ không phải là hiếu. Mẹ Ngài được sinh lên cung trời Đao Lợi, tức là Chư Thiên rồi, nhưng Ngài muốn cho mẹ mình chứng được quả vị Bồ Tát, thành Phật nên Ngài đã thuyết kinh Địa Tạng để độ cho hoàng hậu Ma Da tại cung trời Đao Lợi.*

Bộ kinh này nhiếp tất cả các thừa, nhân thừa, thiên thừa, thanh văn thừa, duyên giác thừa, Bồ Tát thừa, Phật thừa, không những thế mà còn nhiếp cả những chúng sinh trong địa ngục nữa. Trong Phật giáo, chúng ta thấy có ngũ thừa, nhưng ở đây tất cả các chúng sinh đều có thể được Bồ Tát Địa Tạng cứu độ mà thoát ly sinh tử. Các nhà học giả, các vị pháp sư đều khẳng định rằng bộ kinh Địa Tạng này là kim chỉ nam cho sự hiếu thảo đối với người con Phật. Những người tu Phật, bất luận là xuất gia hay tại gia muốn tri ân, báo ân, báo hiếu ông bà, cha mẹ, tổ tiên không chỉ một đời, hai đời, ba đời… nhẫn đến vô lượng đời kiếp thì hãy đọc tụng, thọ trì Kinh Bản Nguyện Của Bồ Tát Địa Tạng. Tô, vẽ, sơn, thiếp, chạm, khắc tượng Bồ Tát Địa Tạng để chiêm bái cung kính cúng dàng, lấy công đức đó để hồi hướng. Nguyện Bồ Tát Địa Tạng đi vào trong ba đường khổ địa ngục, ngã quỷ, súc sinh, thị hiện vô lượng, vô biên thân hình để phóng đại quang minh, thuyết pháp và dẫn dắt cho những tội nhân ở trong ba đường ác đạo. Khiến cho những chúng sinh đó dần dần được thoát ly sinh tử. Giống như Ngài đã cứu mẹ từ trong địa ngục khổ ra, được làm người, rồi tu hành đến bây giờ đang ở trong ngôi vị Bồ Tát. Không chỉ là như vậy, chúng ta đọc tụng thọ trì kinh Bản Nguyện Của Bồ Tát Địa Tạng, niệm danh hiệu Ngài, cúng dàng Ngài… còn tiếp thêm động lực cho Ngài cứu độ chúng sinh. Nếu như chúng ta không trì niệm danh hiệu Ngài, không cúng dàng Ngài thì Ngài vẫn cứu độ nhưng những chúng sinh có duyên thì Ngài sẽ cứu độ trước. Nếu chúng ta hoan hỷ, nhất tâm tạo tượng, vẽ tranh, cung kính cúng dàng, thọ trì kinh… thì chúng ta đang tạo duyên trước cho ông bà, tổ tiên của chúng ta, nếu họ đang bị đọa trong địa ngục thì sẽ được Ngài Địa Tạng cứu độ trước.

Ví như người thân của chúng ta làm ác bị đọa vào địa ngục, nếu tội nặng bị đọa vào địa ngục A Tỳ, thì trong cuốn Lục Đạo Tập của ngài Hoàng Tán Đại Sư nói rằng phải trải qua 80 vạn đại kiếp chịu khổ đau ở trong đó. 80 vạn đại kiếp – thời gian đó kéo dài đến bao lâu? Địa chủng này, có thể thành, trụ, hoại, không đến hàng trăm nghìn lần rồi, nhưng một chúng sinh chịu khổ báo trong địa ngục A Tỳ vẫn chưa có ngày thoát ra được. Nếu chúng ta không tu phước, không gieo duyên, không cầu nguyện Bồ Tát Địa Tạng vào trong đó thuyết pháp, dẫn dắt, thì họ ở trong đó đau khổ lại thêm hận thù. Còn nếu được nghe pháp, thì từ chỗ đau khổ họ có thể hồi tâm, chuyển ý, ăn năn sám hối nghiệp chướng… Do đâu mà họ bị ngưu đầu, ngục tốt trong địa ngục phanh thây, kéo lưỡi, do đâu mà có giường sắt nằm vào khiến đau đớn vô cùng… Tất cả nhữung tội khổ ở trong địa ngục đó nếu họ được Bồ Tát Địa Tạng thuyết pháp cho nghe thì họ sẽ hiểu đó là nhân đời trước mà họ đã gieo nay mới có quả khổ như thế. Muốn thoát khổ kia phải mau ăn năn, sám hối, dừng những suy nghĩ ác. Ở thế gian thì có cả hành động và suy nghĩ ác, nhưng vào địa ngục rồi thì không còn được tự do giết người, hại vật nữa… nên những hành động ác không thể làm được. Tuy nhiên, suy nghĩ ác vẫn còn vì còn hận thù, vì sao mà ngưu đầu ngục tốt hành hình mình?.. Khi Bồ Tát Địa Tạng dùng kim thân vào đó phóng quang minh tiếp dẫn, thuyết pháp cho họ nghe, lúc đó họ hiểu ra rằng cái khổ mà họ đang phải chịu không phải do ngưu đầu, ngục tốt, không phải do chó sắt, chim sắt… làm họ đau khổ, mà chính là do tâm mình tự cảm ra vậy. Khổ báo trong địa ngục cũng không có thời gian nhất định nào, cũng do tâm của mình cảm ra như thế.

Nay được nghe Pháp và họ hiểu rằng tất cả là do tâm tạo ra, bởi ở đó họ không bị tấm thân ngũ uẩn vướng bận, chỉ cần ăn năn, sám hối, phát nguyện hướng thiện thì tội nghiệp được giảm đi rất nhiều.

Còn chúng ta, thì vướng bận bởi tấm thân này nên còn bị cả tâm thức và thân nên chúng ta không ngừng tạo nghiệp. Trong địa ngục thì chỉ có dạng tâm thức, đói thì cảm nếu được thì đó là ứng. Nhưng chúng ta có chướng ngại về tấm thân ngũ uẩn vật chất, sắc, thọ, tưởng, hành, thức… Nên chúng ta đọc tụng, thọ trì kinh Bản Nguyện Của Bồ Tát Địa Tạng chính là đang gieo duyên với Bồ Tát Địa Tạng vậy.

Phật Pháp độ những người có duyên trước, những người không có duyên thì phải đợi cho đến lúc nào nhân duyên chín muồi thì các Ngài mới độ cho. Các Ngài bình đẳng thuyết pháp cho chúng sinh, các Ngài có đầy đủ sáu phép thần thông: thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông, thần túc thông, túc mệnh thông, lậu tận thông nên các Ngài biết được chúng sinh nào đã đến lúc các Ngài hoá độ cho, không phải thấy chúng sinh nào các Ngài cũng thuyết pháp cho nghe.

Một vị pháp sư giỏi, thực sự có kinh nghiệm tu hành, khế thời, khế lý, khế cơ, nhìn thấy chúng sinh nào đến chùa có tâm học Phật và có thể nghe thuyết Pháp thì các vị pháp sư đó mới thuyết pháp cho nghe.

Tu tập trong thời mạt pháp khó vô cùng so với thời Chính pháp. Dù sao đi nữa thì chúng ta cũng phải cố gắng, chúng ta luôn luôn phải hiểu và tin rằng bên cạnh chúng ta lúc nào cũng có Bồ Tát Địa Tạng luôn luôn ủng hộ, dìu dắt chúng ta trên con đường tu tập. Mỗi khi làm việc gì sai trái, Bồ Tát Địa Tạng cũng ở bên để nâng đỡ, giống như người mẹ vậy. Đứa con dù thế nào đi nữa thì người mẹ cũng vẫn thương con. Mẹ thương con một phần thì Bồ Tát Địa Tạng thương chúng sinh hàng trăm, nghìn lần hơn thế.

Chúng ta tin tưởng, thọ trì đọc tụng kinh điển của Ngài, dẫu cho cuộc đời của chúng ta còn làm nhiều việc sai trái với chính Pháp của Phật, với nhân quả đạo đức thì chúng ta tin tưởng Bồ Tát Địa Tạng luôn luôn dìu dắt chúng ta.

*Hoà thượng Tuyên Hoá có giảng trong bài giảng giải kinh Địa Tạng rằng : Có người hỏi Hoà Thượng rằng:*

*- Thưa Ngài, Ngài nói đọc tụng thọ trì kinh Địa Tạng sẽ được Bồ Tát Địa Tạng cứu giúp và gia hộ. Vậy tại sao con không thấy Bồ Tát Địa Tạng đến cứu giúp và gia hộ cho con?*

*Hoà thượng hỏi :*

* *Tại sao con lại nói Bồ Tát Địa Tạng không gia hộ cho con?*
* *Vì khi con đến nghe pháp, con vừa bị tai nạn giao thông.*
* *Đó là một sự may mắn đấy. Nếu con không đến đây nghe pháp mà đi chơi, ăn uống thì hôm nay nặng thì con bỏ mạng ngoài đường, nhẹ thì cũng mất chân, mất tay. Nay con khởi tâm đến đây để nghe pháp và có tâm học Phật nên cũng là một tai nạn giao thông xảy ra với con nhưng con chỉ bị trầy xước chân tay một chút thôi. Một điều may mắn nhất với con là ta khẳng định Bô Tát Địa Tạng đã cứu giúp con lúc đó nên giờ này con mới có mặt ngồi ở đây…*

Chúng ta phải có niềm tin, chúng ta không phải tu cho một đời này mà cho nhiều đời, nhiều kiếp về sau. Chúng ta đọc tụng, thọ trì kinh Bản Nguyện Của Bồ Tát Địa Tạng không phải chỉ cho riêng bản thân mình mà còn là nền tảng đạo hiếu trong Phật môn. Thọ trì đọc tụng kinh Địa Tạng là nền tảng đạo hiếu bậc nhất vì Bồ Tát Địa Tạng là một Bồ Tát tiêu biểu cho hạnh hiếu trong nhà Phật. Hiếu hạnh của Ngài còn hơn cả Tôn giả Mục Kiền Liên. Ngài Mục Kiền Liên còn là học trò của Bồ Tát Địa Tạng. Bồ Tát Địa Tạng từng là thầy cho vô lượng các Đức Phật, bởi có vô lượng các Đức Phật đã từng được Bồ Tát Địa Tạng cứu ra từ trong địa ngục khổ, rồi được làm người, được làm chư thiên và tiếp tục tu hành thành Phật ở khắp mười phương. Tôn giả Mục Kiền Liên mới phát tâm Bồ Đề và chứng được quả vị A La Hán.

Trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Đức Phật thọ kí cho Tôn giả Mục Kiền Liên, phải trải qua hàng hằng ha sa số kiếp, hành bồ tát đạo, theo hầu các Đức Phật, khi công đức và trí tuệ viên mãn bấy giờ mới thành Phật. Thọ mệnh 40 tiểu kiếp, chính pháp 20 tiểu kiếp, tượng pháp 20 tiểu kiếp. Bồ Tát Địa Tạng – Ngài đã lên ngôi vị Nhất sinh bổ xứ, chỉ một đời nữa sẽ thành Phật, nhưng vì đại nguỵên độ sinh nên Ngài vẫn trụ trong ngôi vị Bồ Tát.

Hiếu hạnh của Ngài Mục Kiền Liên chỉ ở trong phạm vi cứu mẹ của mình là bà Thanh Đề, lời nguyện của Ngài cũng chưa được sâu sắc như Bồ Tát Địa Tạng. Tôn giả Mục Kiền Liên mới chỉ hơn 2000 năm nay – là đệ tử tu chứng thần thông đệ nhất của Đức Phật Thích Ca. Còn Bồ Tát Địa Tạng, Ngài đã phát ra đại nguyện, từ hằng hà sa số kiếp về trước, công đức rất lớn không thể nghĩ bàn.

Trong văn kinh, Đức Phật Thích Ca cũng ấn chứng và nói với chúng hội trên cung trời Đao Lợi, Bồ Tát Địa Tạng Ngài đã tu chứng được siêu vượt hàng Thập Địa, Diệu Giác, Đẳng Giác từ lâu xa về trước rồi, chứng ngôi vị Bổ Xứ - một đời thành Phật giống như Bồ Tát Quán Âm và Bồ Tát Di Lặc bây giờ. Nhưng vì đại nguyện của Ngài nên Ngài chưa thành Phật, Ngài muốn trụ trong tấm thân của Bồ Tát để độ cho chúng sinh. Bồ Tát Địa Tạng đã phát đại thệ nguỵên rằng:

***“Nguyện từ nay trở đi, đến muôn nghìn ức kiếp, hễ có thế giới nào, còn chúng sinh chịu khổ, ở trong ba đường ác và các chỗ tối tăm, thì con còn ở đời, để cứu độ hết thảy, khiến cho các chúng sinh đó, đều được lên bờ giác, bấy giờ con mới chứng, đạo Vô Thượng Bồ Đề”***

Còn chúng sinh đang khổ não ở trong các đường ác đạo thì Ngài nguỵên chưa thành Phật. Ngài muốn ở ngôi vị Bồ Tát để độ cho chúng sinh thành Phật thì Ngài mới chứng được đạo Vô Thượng Bồ Đề. Ngài không chỉ độ cho mẹ mình thành Bồ Tát, thành Phật mà Ngài phát nguỵên độ tất cả chúng sinh, vì Ngài thấy được nhân duyên với chúng sinh từ nhiều đời, nhiều kiếp.

Mỗi một đời, một kiếp sinh ra lại kết một nhân duyên quyến thuộc khác, trải qua hằng hà sa kiếp số như vậy thì cũng có hằng hà sa chúng sinh đã từng là quyến thuộc của Ngài, Ngài cứu độ cho họ cũng chính là đem tâm báo hiếu với người thân của mình vậy.

Nay chúng ta noi theo Bản Nguyện của Bồ Tát Địa Tạng, đọc tụng văn kinh và dùng thanh bông, hoa quả cung kính cúng dàng tôn tượng của Ngài, nhất tâm, tín kính và quy y theo Ngài. Ngài dạy như thế nào thì chúng ta hãy cố gắng mà y giáo phụng hành, lấy bộ kinh Địa Tạng này làm căn bản đạo hiếu cho Phật giáo Việt Nam.

Ở Trung Quốc có bản sắc văn hoá riêng khác với người Việt Nam, nên ngài Ấn Quang Đại Sư là tổ thứ 13 của Tịnh Độ Tông Trung Quốc, Ngài lấy nền Phật pháp căn bản dạy cho Phật tử là bộ Liễu Phàm Tứ Huấn - dạy về nhân quả cho tín đồ Phật tử ở Trung Hoa đại lục. Khi họ đã hiểu về Liễu Phàm Tứ Huấn thì sau đó Ngài mới cho thọ Tam Quy và truyền ngũ giới, tiến tới hành Thập Thiện đạo nghiệp và cuối cùng mới đến niệm Phật cầu vãng sinh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới.

Còn Hoà Thượng Tịnh Không – Ngài chủ trương đối với Phật tử tại gia phải học và hành đầu tiên đó là học Đệ Tử Quy. Đệ Tử Quy là do một nhà nho nổi tiếng, có đạo hạnh đó là Ngài Lý Dục Tú ở Trung Quốc biên soạn. Người mới học Phật, trước hết phải học Đệ Tử Quy. Đệ Tử Quy dạy về đạo đức làm con, từ khi còn nhỏ đã được học Đệ Tử Quy thì được thấm nhuần nền tảng đạo hiếu, phép tắc, sau này mới truyền Tam Quy, ngũ giới, Thập Thiện đạo nghịêp cho và tu tập Tịnh Độ chắc chắn sẽ thành công.

Tịnh Độ Tông Việt Nam không nhất định phải học nguyên văn Tịnh Độ Tông Trung Quốc bởi bản sắc văn hoá giữa các nước là không giống nhau. Văn hoá của người Việt Nam chúng ta có điều đặc sắc hơn đó là tục lệ thờ cúng tổ tiên. Bây giờ chúng ta còn sống, chúng ta khởi tâm niệm khi chết đi sẽ được con cái thờ cúng hết đời này qua đời khác. Do khi sống, chúng ta đã khởi niệm này nên chúng ta rất khó được siêu thoát trong 49 ngày. Nếu như khi còn sống ở đời tạo nhiều nghiệp ác, thì chết sẽ bị đọa vào ba đường ác đạo. Nếu như tội nặng, thì ngay trong giây phút mất thân ấy liền đọa ngay vào địa ngục A Tỳ không phải nghĩ bàn nữa, không phải trải qua thời gian ở trong ba biển nghiệp nữa và cũng không có cơ hội trụ trong thân trung ấm nữa.

***Sau khi chết 49 ngày***, thì tất cả phải đi đầu thai làm người, làm súc sinh hoặc sinh lên các cõi tốt hơn, tùy theo phúc và nghiệp báo của người đó, gọi là đi đầu thai. Còn bị đọa vào ngã quỷ hay địa ngục thì gọi là chuyển kiếp. Do truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam cho rằng, chết đi sẽ được con cháu thờ cúng, nên qua 49 ngày không muốn đi đầu thai. Đáng lẽ, chúng ta đã được đi đầu thai, được sinh lên các cõi Trời, cõi Người, nhưng vì muốn nhận sự thờ cúng của con cháu, đắm chấp vào những thứ gọi là của ta: nhà này là ta xây, vợ ta, con ta, cháu ta… chắc chắn sẽ cúng cho ta ăn hàng ngày… vì thế mà không nỡ buông ra mà đi đầu thai. Qua 49 ngày, thân trung ấm không còn sinh ra nữa. Khi thân trung ấm thứ 7 – thân trung ấm cuối cùng đó chết đi thì bắt buộc thần thức phải có chỗ nương vào. Trong Luật Chí Độ, Bồ Tát Long Thọ giải thích rằng, nếu qua 49 ngày mà chưa đi đầu thai thì lúc đó trong ngôi mộ phát ra ánh sáng, thần thức người đó thấy toàn bộ khung cảnh ngôi nhà, cha mẹ người thân ở trong ngôi mộ đó và bước vào. Khi đó thân trung ấm vụt tắt, hiện lại thành tấm thân quỷ thần. Trước khi chết nó cảm thấy như thế nào thì bây giờ ở trong mộ nó cũng cảm thấy y như thế. Thế gian gọi đó là ma. Trong Kinh Phật gọi đó là cô hồn, ngã quỷ.

Nguyễn Trãi có bài tế văn Thập Loại Cô Hồn hay còn gọi là thập loại chúng sinh. Còn trong văn cúng cháo hàng ngày có thập nhị loại cô hồn nghĩa là mười hai loại cô hồn. Bởi có thêm hai loại cô hồn đó là Lỵ Mị và Võng Lượng.

Vậy nên, sau 49 ngày đa số thần thức không siêu thoát được mà ở dưới cõi âm như thế. Nay chúng ta là người con Phật, chúng ta hiểu Phật. Thấy rằng văn hóa của Việt Nam có khác biệt như thế nên chúng ta không lấy Đệ Tử Quy làm nền tảng cho Phật tử vào đạo. Không cứ phải lấy Liễu Phàm Tứ Huấn để dẫn dắt vào đạo, mà đó chỉ là sách để chúng ta tham khảo trên con đường tu tập của mình.

Tăng, Ni, Phật tử trong Đạo Tràng Tịnh Tông Học Hội Việt Nam chúng ta quyết định sẽ lấy chính bộ kinh Địa Tạng này làm nền tảng cho chúng ta vào đạo. Vì Địa Tạng Bồ Tát – Ngài đã được Đức Phật Thích Ca phó chúc trông nom và cứu độ tất cả chúng sinh khổ trong cõi Nam Diêm Phù Đề. Nay chúng ta học theo Địa Tạng Bồ Tát, Ngài là một tấm gương đại hiếu, chúng ta hãy nhất tâm tụng đọc, thọ trì văn kinh của Ngài và cầu nguyện ngài cứu giúp gia tiên chúng ta, thì chắc chắn Ngài sẽ có cảm và có ứng giải thoát cho gia tiên cửu huyền thất tổ của chúng ta. Gieo duyên lành với Bồ Tát Địa Tạng ngài độ cho gia tiên của chúng ta trước. Khi chúng ta đọc tụng thọ trì kinh thì sóng âm của chúng ta tác động tới gia tiên rồi.

Chúng ta không nên nghĩ rằng trong vòng 49 ngày lúc nào cũng sẽ được gia đình cúng cho mà bỏ lỡ cơ hội được đầu thai. Bởi có những nhà, bỏ đến ngày giỗ mới thắp nén hương trên ban thờ. Thậm chí có đứa con, đứa cháu bất hiếu đến ngày giỗ, ngày tết nó cũng bỏ quên việc thờ cúng luôn. Tâm của người con, người cháu ấy không khởi niệm cúng thì làm sao cái vong kia nhận được. Về nhìn thấy hương lạnh, khói tàn, ban thờ mốc meo mà tủi hờn quay lại ngôi mộ. Đói thì lang thang đầu đường xó chợ nên mới gọi là cô hồn, ngã quỷ, nơi nơi đều có cả.

Cô hồn, ngã quỷ đó có thể là người thân của chúng ta cũng đang ở trong đó do kém phúc. Vậy nên, bộ Kinh Địa Tạng này chính là nền tảng cho Đạo Tràng Tịnh Tông Học Hội Việt Nam, làm cửa ngõ để vào đạo, là pháp môn báo hiếu thù thắng nhất.

Nếu chúng ta đem truyền bá Kinh A Mi Đà và Kinh Vô Luợng Thọ cho những người mới vào chưa hiểu đạo, bảo họ đọc tụng, cầu sinh Tây Phương thì họ sẽ không tin, không tiếp nhận. Nhưng khi đọc tụng kinh Địa Tạng ví như họ đang khổ, đang đói được chúng ta đem thức ăn, tiền bạc giúp đỡ họ và dần dần dẫn họ vào đạo thì chúng ta sẽ thành công.

Ở dưới cõi âm, hàng ngày bị tra khảo, bị đói khát. Khi chúng ta đọc tụng thọ trì kinh Địa Tạng, thì Bồ Tát Địa Tạng sẽ đến tận nơi địa ngục khổ đó thuyết pháp cho họ nghe, đem đồ ăn, thức uống trao cho họ. Diêm Vương nhìn thấy Bồ Tát Địa Tạng thì cung kính đỉnh lễ. Khi Bồ Tát Địa Tạng Ngài bảo những trường hợp này đã biết ăn năn, sám hối rồi, ông hãy xem xét mà giảm bớt hình phạt cho họ.

Cứ như thế số hình phạt được giảm dần, cứ như thế được Ngài thuyết pháp và những thần thức kia biết hối cải, biết hướng thiện. Diêm Vương ngài cũng có thần thông nên Ngài có thể biết được mà. Diêm Vương không phải vì nghiệp mà bị đọa làm quỷ vương mà cũng là một vị Bồ Tát thị hiện để cứu độ chúng sinh, dạy cho chúng sinh biết khổ đau nơi địa ngục như thế nào, từ đó mà từ bỏ việc ác.

Tâm nguyện của Bồ Tát Địa Tạng cũng như tâm nguyện của Diêm Vương, những người đã thực sự biết ăn năn, sám hối thì Ngài cũng sẽ hoan hỷ giảm án phạt và cho họ thoát khỏi cảnh khổ nơi địa ngục. Như vậy, chúng ta đã thành công trong việc báo hiếu đầu tiên giúp cho người thân thoát khỏi địa ngục giống như Quang Mục vậy. Quang Mục Bồ Tát - ngài cung kính cúng dàng tranh ảnh, tôn tượng của Đức Phật Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai, đem bán đổi đồ dùng, sở thích của bản thân để lấy tiền tạo tượng, đem công đức ấy hồi hướng cho mẹ và cứu được mẹ ra khỏi cảnh địa ngục khổ. Địa Tạng Bồ Tát đã làm được rồi.Tại sao chúng ta chưa làm được. Địa Tạng Bồ Tát nương vào Đức Phật Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai để làm, còn chúng ta hãy nương vào Địa Tạng Bồ Tát để làm việc đó.

Sau khi được Đức Phật Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai mở phương tiện cứu giúp cho mẹ Ngài thoát khỏi cảnh địa ngục khổ, thì Địa Tạng Bồ Tát rất cảm động và phát ra đại nguyện trước Đức Phật Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai: con nguyện ở đời để cứu độ hết thảy các chúng sinh đang chịu khổ ở trong ba đường ác và các chỗ tối tăm, khiến cho chúng đó đều được lên bờ giác.

Nay chúng ta hãy nương vào Bồ Tát Địa Tạng bằng cách tụng đọc, thọ trì và truyền bá kinh Địa Tạng. Ngài không chỉ là một tấm gương hiếu thảo lớn cho chúng ta noi theo, mà trong văn kinh còn chứa rất nhiều bài học, đầy đủ triết lý của nhà Phật. Trong Kinh Bản Nguyện Của Bồ Tát Địa Tạng dạy chúng ta từ hạnh hiếu đến hạnh viễn ly giải thoát, về nhân quả cũng rất rõ ràng. Nhân mà mẹ Quang Mục đã gieo đó là hai nghiệp sát sinh và chửi mắng mọi người khiến cho bà phải chịu quả báo sau khi chết đi phải đọa vào địa ngục. Giáo lý trong Kinh Địa Tạng đầy đủ, chúng ta không cần phải học hay đọc sách nhiều. Chúng ta cần nhất tâm trì tụng hàng ngày, dần dần chúng ta sẽ hiểu được nghĩa lý cao siêu của bộ kinh.

Chỉ cần một bộ kinh này và câu hồng danh A Mi Đà Phật cầu nguyện sinh Tây Phương. Vì Bồ Tát Địa Tạng đã nói trong kinh ai đọc tụng bộ kinh này, Thích Ca Mâu Ni Phật và các vị Bồ Tát cũng đã nói muốn sinh về thế giới thanh tịnh của mười phương chư Phật thì đều được như nguyện. Chúng ta chỉ cần chọn thế giới nào chúng ta muốn sinh về, thì Bồ Tát Địa Tạng, Ngài sẽ đưa chúng ta đến thế giới đó. Nếu đọc tụng bộ kinh này và phát nguyện sinh về cõi Tịnh Lưu Ly của Đức Phật Dược Sư cũng được, chỉ cần chúng ta nguyện thì Đức Dược Sư sẽ tiếp nhận. Nguyện Bồ Tát Địa Tạng đưa con về thế giới đó, thì Bồ Tát Địa Tạng sẽ dẫn chúng ta đến tận nơi trao cho Đức Phật Dược Sư, xin Ngài từ bi hoan hỷ tiếp nhận. Đức Phật Dược Sư sẽ không từ chối quý vị đâu, và đối với cảnh thánh Tây Phương Đức Từ Phụ A Mi Đà Phật cũng vậy. Nếu chúng ta đọc tụng kinh Địa Tạng mà nguyện vãng sinh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới thì chắc chắn cũng được như nguyện.

Chúng ta đọc tụng, thọ trì thì chúng ta đã gieo trồng được vô lượng công đức, vô lượng nhân duyên, vô lượng phúc báo. Lấy công đức, nhân duyên, phúc báo vô biên đó để hồi hướng trang nghiêm Tây Phương Cực Lạc, chắc chắn chúng ta sẽ được như nguyện.

Vậy nên chỉ một bộ kinh này, chúng ta thọ trì hàng ngày cũng được toại nguyện một đời cầu mong thoát ly sinh tử rồi. Mặt khác, còn báo đáp được thâm ân sâu dày của ông bà, tổ tiên nhiều đời, nhiều kiếp, noi gương hiếu hạnh của Quang Mục – tiền thân của Địa Tạng Bồ Tát.

Trong văn kinh Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói rằng:

Lời nguyện vừa dứt xong, liền nghe trên hư không Đức Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai, lớn tiếng mà bảo rằng:

***Này con Quang Mục ơi!***

***Con thật có lòng từ.***

***Lòng bi mẫn của con,***

***Duy Như Lai biết được.***

***Con vì mẹ thiết tha,***

***Mà phát đại thệ nguyện.***

***Độ cho khắp chúng sinh,***

***Đồng thành ngôi Chính Giác.***

***Vì đại nguyện của con,***

***Mà mẹ con thoát khổ.***

***Hết mười ba năm nữa,***

***Mẹ con bỏ báo thân.***

***Được sinh dòng Phạm Chí,***

***Thọ lâu cả trăm tuổi.***

***Hết báo thân đó rồi,***

***Được sinh cõi Vô Ưu.***

***Thọ mệnh vô cùng tận,***

***Trải hằng hà sa kiếp.***

***Rồi tu đến thành Phật,***

***Độ hết thảy chúng sinh.***

Bài kệ này thuộc vào lối văn trùng tụng. Tụng lặp lại lối văn trường hàng trước nên gọi là trùng tụng.

Trong kinh Phật, các bậc Tổ Sư, các vị học giả đã thống kê tất cả các kinh điển mà Đức Phật thuyết trong suốt 49 năm được chia ra làm 12 loại kinh:

* Tu Đa La (khế kinh): được viết theo lối văn xuôi.
* Kì Dạ: được thuyết theo lối văn từ cú và văn biền ngẫu mang tính văn chương, câu trước đuổi câu sau.
* Hòa Gìa Na La (thọ kí): Đức Phật thọ kí cho hàng Bồ Tát và Thanh Văn thành Phật.
* Già Đà (phúng tụng): Đức Phật dùng những bài kệ để thuyết pháp, ví dụ như Kinh Pháp Cú.
* Ưu Đà Na (tự thuyết): Những bộ kinh thuộc vào loại vô vấn tự thuyết, ví dụ như Phật Thuyết A Mi Đà Kinh – không ai hỏi, không ai biết để hỏi, nên Đức Phật cho họp chúng. Ngài thấy pháp môn Tịnh Độ trong thời mạt pháp thù thắng và lợi lạc vô cùng, nên Đức Phật lấy Tôn giả Xá Lợi Phất – đệ tử thanh văn trí tuệ bậc nhất mà bảo cho bộ kinh A Mi Đà này.
* Ni Đà Na (nhân duyên): Đức Phật nói về các nhân duyên hóa độ của Phật, của Bồ Tát.
* A Ba Đà Na (thí dụ): trong Tam Tạng thánh điển của Phật có bộ kinh được thuyết bằng cách lấy thí dụ. Ví dụ như kinh Bách Dụ: Đức Phật lấy hình ảnh của bước chân voi để ví dụ cho Tứ Diệu Đế. Lấy nước biển mặn vì có chất muối từ đó, Ngài thuyết ra cách tu tập như thế nào…

Trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa cũng có một phẩm nói về các pháp thí dụ: ba cõi không yên giống như vào nhà lửa, Đức Phật như ông thầy lương y, chúng sinh như đứa con bỏ cha ra đi 50 năm mới trở về…

* Y Đế Mục Đà Gia (bản sự): nói về nhân tu hạnh Bồ Tát của chư Phật đã thành, nhân tu hạnh Bồ Tát của ba đời chư Phật.
* Xà Đà Gia (bản sinh): nói lại các công hạnh của các Đức Phật quá khứ. Ví dụ như trong kinh Địa Tạng phẩm nói về Quang Mục có Đức Phật Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai, Đức Nhất Thiết Trí Thành Tựu Như Lai… những đoạn như thế được gọi là Xà Đà Na – nói về nhân tu của các Đức Phật quá khứ.
* Tỳ Phật Lược (quảng thuyết): các bộ kinh lớn như: Kinh Hoa Ngiêm, kinh Đại Bát Nhã… rộng nói các pháp môn tu tập.
* A Phù Đà Đạt Ma (vị tằng hữu): chưa từng có ở trên đời, chỉ xảy ra một lần duy nhất. Có một bộ kinh như thế, trong đó có rất nhiều những bài kinh. Mỗi bài kinh là một câu chuyện về tiền thân của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và các vị Bồ Tát. Nhân tu của các Ngài ở đời trước chưa bao giờ có, và chỉ có duy nhất một lần.
* Ưu Bà Đề Xá (luận nghị): Kinh này làm sáng tỏ các pháp mà Phật đã nói.

Tất cả Tam Tạng thánh điển của Đức Phật, nhất là Tạng Kinh thì không ra ngoài 12 bộ kinh này.

Trở về chính văn kinh, đoạn văn kinh trùng tụng mà Đức Phật Thanh Tịnh Liên Hoa Mục đã khen ngợi Quang Mục khi Ngài vừa dứt lời nguyện xong. Chúng ta thấy rằng cách đọc tụng cũng có sự thay đổi về giọng đọc và tâm thức của chúng ta cảm thấy vui vẻ hơn.

Khi nghiên cứu, chúng tôi thấy rằng cách đọc tụng này duy nhất chỉ có ở Đạo Tràng Tịnh Tông Học Hội chúng ta mới có. Kể cả Phật giáo Trung Quốc cũng không có cách đọc như thế.

Việc kết hợp âm nhạc vào đọc tụng khiến cho mọi người thấy vui hơn và nhất tâm hơn. Đọc kinh mà không được tỉnh táo, không vui thì tâm không an, bị tán loạn. Sự thay đổi cách đọc này là do sự nghiên cứu và chắt lọc mà thành. Tịnh Tông Học Hội Thế Giới của Hòa Thượng Tịnh Không cũng không có cách đọc tụng giống như thế này. Cách đọc tụng của Đạo Tràng chúng ta là sự kết hợp giữa cách đọc tụng của Tịnh Tông Học Hội và sự suy nghĩ, chắt lọc nên có được cách đọc tụng hoàn chỉnh này.

Qua bài trùng tụng này, thì Đức Phật Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai khen ngợi Quang Mục, tán thán và động viên Ngài vì phát đại nguyện rộng lớn như thế mà mẹ được thoát khỏi cảnh khổ nơi địa ngục. Rồi Ngài khẳng định lại một lần nữa đó là sau năm 13 tuổi thì mẹ của Quang Mục không bị đọa vào đường ác nữa, mà được sinh vào dòng Phạm chí – dòng dõi quý tộc, quyền thế, thọ lâu cả trăm tuổi. Khi hết báo thân đó thì được sinh cõi Vô Ưu của Đức Phật hiệu là Bất Động Như Lai, tuổi thọ của Đức Phật ấy cũng vô lượng, vô biên như Đức Phật A Mi Đà. Thân mẫu của Quang Mục được sinh về cõi trời đó nay là Bồ Tát Giải Thoát và đến dự trong Pháp hội Địa Tạng này. Bồ Tát Giải Thoát ngài ở thế giới Vô Ưu. Nhưng khi Đức Phật thuyết kinh Địa Tạng trên cung trời Đao, nhớ ân tình mà Địa Tạng Bồ Tát cũng đã từng cứu độ mình nên Bồ Tát Địa Tạng cũng về Pháp hội để chứng minh và cảm ơn đối với con mình – là tiền kiếp của Bồ Tát Địa Tạng từ hằng sa số kiếp về trước. Thọ mệnh của Bồ Tát Giải Thoát vô cùng tận, và tiếp tục tu đến ngày thành Phật.

***GIẢNG KINH ĐỊA TẠNG BÀI 35***

Hôm nay, chúng ta tiếp tục học và nghiên cứu vào phần tiếp theo Kinh Bản Nguyện Của Bồ Tát Địa Tạng.

Sau khi Đức Phật Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai khen ngợi Quang Mục qua bài kệ đó là sự tán thán, động viên và thọ kí để cho Quang Mục có động lực tinh tiến hành đạo cứu độ chúng sinh. Đó là nhân địa lúc Quang Mục mới phát Bồ Đề Tâm.

Đoạn văn kinh tiếp theo là lời Đức Phật Thích Ca bảo với Bồ Tát Định Tự Tại Vương rằng:

***“Vị Đại A La Hán xưa, lấy phúc độ cho Quang Mục, nay trong chúng hội đây, là Bồ Tát Vô Tận Ý, mẹ Quang Mục xưa kia, nay là Bồ Tát Giải Thoát, còn Quang Mục xưa kia, nay là Bồ Tát Địa Tạng. Biết bao nhiêu kiếp trước, Bồ Tát Địa Tạng đây, đã tu tập công đức, chứa nhóm lòng từ bi, phát đại thệ nguyện sâu, trải muôn nghìn ức lần, như cát của sông Hằng, khắp đại thiên thế giới, rộng độ các chúng sinh, dần dần cho thoát khổ.***

Đoạn văn kinh này là đoạn được Đức Phật Thích Ca nói trên cung trời Đao Lợi, Ngài bảo với Bồ Tát Định Tự Tại Vương rằng:

**Vị Đại A La Hán xưa, lấy phúc độ cho Quang Mục, nay trong chúng hội này là Bồ Tát Vô Tận Ý.**

Thế nào là Bồ Tát Vô Tận Ý?

 “Vô Tận” là không cùng tận, “Ý” là tâm ý thanh tịnh. Tâm thức của chúng ta ( Ý thức, Mạt Na Thức, A Lại Da thức, 5 thức đầu mà chúng ta đã học từ những bài trước và 51 thức tâm sở ) còn vọng động. Khi tâm thức còn vọng động, chấp trược, tham đắm mọi thứ trần cảnh, dục nhiễm của thế gian thì ý đó, tâm đó thuộc về chúng sinh tâm, do từ tham, sân, si, phiền não mà khởi. Do đó tâm ấy có hạn lượng.

*Tham, sân, si càng lắm, lòng kiêu căng ngã mạn càng nhiều thì trí tuệ và lòng từ bi của người đó càng ít, tâm của họ còn hạn hẹp. Người nào tham, sân, si lắng đọng, thậm chí diệt trừ sạch thì tâm của người đó rộng lớn vô lượng, vô biên bao trùm tất cả tâm chúng sinh. Chúng ta bây giờ cũng có lòng từ bi, nhưng lòng từ bi ấy có hạn lượng. Chúng ta mới chỉ phát tâm bồ đề, lòng từ bi mới chỉ đối với người thân trong gia đình. Thậm chí có những người, anh em ruột thịt chúng ta vẫn còn chưa thương được hết, vẫn chưa trải được lòng từ bi, bao dung hết được… Lòng từ bi hữu hạn, trí tuệ của chúng ta cũng hữu hạn. Chúng ta học đâu, mới biết đến đó, thậm chí học trước quên sau… còn ở trong cảnh giới hữu vi, hữu lậu nên còn có sự sinh ra và diệt đi.*

Bồ Tát Vô Tận Ý do tu tập các thiện pháp, thành tựu viên mãn 6 pháp ba la mật: bố thí ba la mật, trì giới ba la mật, nhẫn nhục ba la mật, tinh tiến ba la mật, thiền định ba la mật, trí tuệ ba la mật… rộng độ tất cả chúng sinh, tâm ý bao trùm tất cả các cõi giống như Bồ Tát Địa Tạng nên Ngài được gọi là Bồ Tát Vô Tận Ý. Tâm từ bi bao trùm tất cả, chúng sinh cần hóa độ thì Ngài liền thị hiện để hóa độ.

Mẹ Quang Mục xưa kia nay ở trong chúng hội này là Bồ Tát Giải Thoát. Sau khi được sinh về cõi Vô Ưu của Đức Phật Bất Động Như Lai cho đến nay, khi Đức Phật Thích Ca ra đời và đã thành Phật đạo ở thế giới Sa Bà thì Bồ Tát Giải Thoát là một vị Bồ Tát bên cạnh Đức Phật Bất Động ở cõi Vô Ưu vì nhớ đến ơn hóa độ của con gái mình, chính là tiền thân của Bồ Tát Địa Tạng. Nay Đức Phật Thích Ca tại cung trời Đao Lợi nói về công đức và trí tuệ chẳng thể nghĩ bàn của Bồ Tát Địa Tạng, nên Bồ Tát Vô Tận Ý cũng vân tập về cung trời Đao Lợi để cung kính, đỉnh lễ và cúng dàng Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và các Đức Phật khắp mười phương vân tập về pháp hội. Mặt khác, cũng để chứng minh tán thán, khen ngợi công đức của con gái mình từ hằng hà sa số a tăng kì kiếp về trước, tu tập đến nay đã trở thành một đại Bồ Tát ở trong ngôi vị nhất sinh bổ xứ. Được Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tin tưởng, phó chúc tất cả chúng sinh trong tam đồ, lục đạo ở cõi Nam Thiệm Bội Châu, nhẫn đến trong khắp Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới, trước khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện nhập Niết Bàn.

Xưa Chư Tổ thường nói rằng: khi một Đức Phật xuất thế thì có hàng ngàn các Đức Phật thị hiện để trợ duyên giáo pháp, có hàng ngàn, hàng vạn các vị đại Bồ Tát khắp mười phương có duyên với các Ngài cũng thị hiện để trợ duyên giáo pháp. Các Ngài là các vị Phật, Bồ Tát nhưng vì muốn rộng độ chúng sinh và trợ duyên giáo pháp nên thị hiện làm một người phàm phu, có người thì xuất gia, tu hành để làm đệ tử của Đức Phật đó; Có người lại thị hiện làm ông vua để hộ trì Đức Phật đó truyền bá giáo pháp, có vị lại thị hiện làm cư sĩ một lòng học tập kinh điển, tin tưởng theo lời Phật dạy, y giáo phụng hành, làm tấm gương sáng cho chúng sinh noi theo… Một Đức Phật xuất thế, cò hàng ngàn vạn ức các Đức Phật và Bồ Tát ở khắp mười phương thị hiện để trợ duyên giáo pháp.

Ngày xưa, ở Việt Nam có một phong tục rất hay, bây giờ thì ít hơn và ở các thành phố thì gần như không còn nữa. Ở nông thôn xưa, khi trong làng có bất kì gia đình nào làm nhà thì cả cả xóm đi đến làm giúp, không có phải tính công, chỉ ăn với nhau một bữa cơm thân mật, ấm áp tình làng nghĩa xóm như thế. Đối với nhà nào cũng thế, khi gia đình có việc hàng xóm đến giúp tận tình như công việc nhà mình – tình làng nghĩa xóm xưa gắn kết như thế. Bây giờ, thì ít rồi khi muốn người khác đến làm giúp nhà mình thì phải đi mời và có trả công, tất cả đều quy ra đồng tiền. Tình làng, nghĩa xóm ngày xưa quan trọng lắm. Ngày nay, nếp văn hóa của phương Tây ngày càng du nhập vào thành thị, văn hóa thành thị truyền tới nông thôn, nên cái gì bây giờ cũng tính bằng kinh tế. Ở nhân gian, khi xưa chúng ta còn giúp đỡ, trợ duyên nhau trong những công việc lớn như thế. Thì chư Phật, chư Bồ Tát muốn cho giáo pháp của mười phương ba đời chư Phật được lưu truyền rộng khắp và được trụ thế ở nhân gian lâu dài không bị đoạn tuyệt, thì các Ngài cũng phải thị hiện ra các hóa thân để giữ gìn chính pháp.

Từ giờ cho đến tám, chín nghìn năm nữa là hết thời kì mạt pháp của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Không phải trong thời kì đó, Phật giáo lúc nào cũng đi xuống, cũng có thời gian các vị Phật, Bồ Tát cũng thị hiện các pháp thân ở nhân gian, ở một quốc gia nào đó… Khi nào có nhiều chúng sinh có nhân duyên với Phật, với Bồ Tát thì các Ngài sẽ thị hiện một hóa thân đến đó. Các Ngài cũng thị hiện nhập thai, trụ thai và xuất thai như những người bình thường như chúng ta. Điều đặc biệt đó là khi lớn lên, các Ngài liền phát nguyện xuất gia tu đạo hoặc có thể thị hiện là một vị đại cư sĩ – như ngài Lý Bỉnh Nam – sư phụ của Hòa Thượng Tịnh Không vậy.

Ở cuối thế kỉ 19, ở Việt Nam chúng ta cũng có một vị đại cư sĩ có tên là Thiều Chửu - là một cư sĩ nổi tiếng và tâm huyết với Phật giáo Việt Nam trong thời kì kháng chiến chống Pháp. Ngài rất giỏi về chữ Hán nên Ngài đã mở các trường học và dạy chữ Hán cho rất nhiều Tăng, Ni. Nhờ đó mà sau này các Tăng ấy dịch được rất nhiều Tam Tạng thánh điển của Phật từ tiếng Hán ra tiếng Việt.

Thời nhà Trần, có một vị thiền sư, tuy ngài tu tại gia nhưng rất nổi tiếng. Đó chính là thầy của vua Trần Nhân Tông tên là Thượng Trung Đại Sĩ – Ngài được coi là Bồ Tát Duy Ma Cật của Việt Nam. Ở Ấn Độ khi Đức Phật Thích Ca còn tại thế, có một vị Bồ Tát tại gia nổi tiếng, sánh ngang với Bồ Tát Văn Thù và Bồ Tát Phổ Hiền tên là Duy Ma Cật Bồ Tát. Ở Việt Nam thì có Thượng Trung Đại Sĩ – chúng ta thấy rằng các Ngài có thể thị hiện các hóa thân khác nhau để độ cho chúng sinh và trợ duyên giáo pháp.

***Quang Mục xưa kia, nay là Bồ Tát Địa Tạng. Biết bao nhiêu kiếp trước, Bồ Tát Địa Tạng đây, đã tu tập công đức, chứa nhóm lòng từ bi, phát đại nguyện sâu, trải muôn nghìn ức lần, như cát của sông Hằng, khắp đại thiên thế giới, rộng độ các chúng sinh, dần dần cho thoát khổ.***

Cát của một sông Hằng đã nhiều rồi, nhưng nghìn muôn ức lần thì còn nhiều gấp bội. Ai tính được hết cát của một con sông Hằng, huống chi là ngàn muôn ức sông Hằng. Đó chính là chỉ cho sự phát tâm rộng lớn của Địa Tạng Bồ Tát – Ngài vì chúng sinh mà hành Bồ Tát đạo, vì các chúng sinh đang phải chịu đau khổ trong lục đạo luân hồi, đặc biệt là những chúng sinh trong ba đường ác đạo. Nhất tâm cầu nguyện thì Ngài sẽ có cảm và có ứng để cứu độ người đó.

*Có một Phật tử kể lại rằng, trong gia đình có một người con trai bị ốm lâu ngày, không tự chủ được ý thức. Nhưng Phật tử đó nói, sau khi lên chùa tu tập mấy ngày, trì tụng kinh Bản Nguyện Của Bồ Tát Địa Tạng với chư Tăng và đại chúng, khi về nhà cũng nhất tâm đọc tụng, thọ trì kinh. Các vị biết không, Phật tử nói rằng Phật pháp thật là nhiệm màu, Bồ Tát Địa Tạng thật nhiệm màu. Vị đó nói:*

* *Con trai trước kia của con, gần nó còn chẳng được, mà hôm nay con đi chùa tự nhiên nó lại hỏi mẹ đi chùa Khai Nguyên à? Mẹ đi chùa Khai Nguyên thì cứ đi đi, mọi việc ở nhà để con lo cho.”*

*Từ một người không ý thức được, nhưng khi người mẹ nhất tâm trì tụng, cầu nguyện Địa Tạng Bồ Tát thì có sự chuyển nghiệp. Nghiệp mà anh ta đã gieo trồng ở đời trước, kiếp trước quá nặng, may mắn là còn được sinh ra làm người chưa bị đọa vào ba đường ác. Nếu ở ngoài đời, không có người tín Phật thì đời này đã khổ như vậy, thì đời sau cũng như thế, thậm chí là còn khổ hơn.*

*Nhưng có được người mẹ biết đọc tụng, thọ trì Kinh Địa Tạng nên anh ta đã chuyển được như thế. Nếu như Phật tử kia tiếp tục hàng ngày tụng kinh và làm theo trong kinh đã dạy. Lấy bảy chén nước lên ban thờ, để đối trước tranh tượng của Bồ Tát Địa Tạng, trì tụng văn kinh này một ngày đủ ba thời, đợi qua đêm lấy nước đó cho con uống. Bảy chén thì dùng sáu chén cho con uống, còn một chén thì vẩy khắp nhà cho mát mẻ thì còn tiêu nghiệp nhanh hơn nữa, thậm chí còn lấy lại được ý thức, không được khôn ngoan như người bình thường khác nhưng cũng tự lo cho bản thân mình được. Khi tụng kinh là phải nhất tâm, tâm ý của mình chỉ một lòng một dạ đọc kinh và cầu nguyện Địa Tạng Bồ Tát từ bi gia hộ tiêu nghiệp chướng, giải thoát oan gia trái chủ bên cạnh con trai mình đi. Phải dùng phương pháp của Phật là hóa độ chúng sinh: lấy ân trả oán, không lấy oán trả oán. Thế nào là lấy ân trả oán? Nghĩa là chúng ta lấy lòng từ bi để diệt oán hận. Chúng ta phải hiểu vì sao họ theo mình, vì sao họ hành hạ con trai mình. Vì kiếp trước có lỗi với họ quá lớn vậy, hoặc giết hại, hoặc lừa đảo hoặc làm cho họ quá đau khổ. Nên đời này, kiếp này sinh ra làm người nhưng họ theo để báo oán. Nay chúng ta không được lấy oán trả oán mà phải lấy ơn trả oán. Lấy công đức tu tập cầu nguyện chư Phật, bồ tát Địa Tạng gia hộ, độ cho họ được siêu thoát. Họ được siêu thoát thì mình được bình an. Chúng ta là người học Phật, chúng ta phải biết được rằng Phật pháp có công năng bất khả tư nghì. Nhưng điều quan trọng, đức Phật và chư Bồ tát yêu cầu chúng ta phải dùng tâm thanh tịnh để thọ trì đọc tụng kinh điển, dùng tâm thanh tịnh, lòng từ bi để hồi hướng siêu thọ cho oan gia trái chủ, không dùng đao to búa lớn để chống lại họ. Hôm nay chúng ta có thể thắng họ, họ hận thù kiếp này, kiếp sau họ lại tiếp tục theo chúng ta.*

*Có một câu chuyện xảy ra ở Phật Giáo Trung Hoa thời nhà Đường. Có một vi Quốc sư tên là Ngộ Đạt – là một người rất giỏi. Đạo hạnh và trí tuệ của Ngài siêu vượt những vị tăng thời bấy giờ. Khi Ngài ngồi trên tòa thuyết pháp thì vua, chúa, quan lại, cho đến những thứ dân nghe thấy Ngài thuyết pháp đều hiểu theo cách của mình. Ông vua hiểu theo suy nghĩ của ông vua, quan, những người thương buôn, cho đến những người dân suốt ngày lam lũ ngoài đồng đều có thể hiểu được theo cách của họ. Những bài pháp thoại của ngài Ngộ Đạt Quốc sư thật là vi diệu vô cùng. Mỗi khi ngài thuyết pháp xong thì Đức vua đều cung kính, tôn trọng và khen ngợi Ngài – Ngài cũng rất hoan hỷ vì điều đó. Tuy tuổi còn trẻ mới ngoài hai mươi tuổi mà được Đức Vua cung kính, tôn trọng như vậy, Ngài cho rằng chỉ có người có trí tuệ và công đức lớn mới được vua ái kính như thế.*

*Một hôm, Ngài được vua tiếp tục mời vào hoàng cung thuyết pháp. Đức vua nghĩ rằng pháp sư là một bậc đạo hạnh cao viễn, đức trọng, ngài phải ngồi ở một tòa ngồi thật đẹp, sang trọng bậc nhất ở trong đất nước. Nên cho các thợ đi kiếm một loại gỗ quý là trầm hương. Trầm hương là một loại gỗ rất quý, bây giờ gần như không có cây nào nữa. Vua sai người đi kiếm loại gỗ đó để làm một tòa ngồi thuyết pháp cho Ngài Ngộ Đạt.*

*Ngài Ngộ Đạt thấy Đức Vua tôn trọng, cung kính, cúng dàng mình như vậy nên Ngài rất hoan hỷ và Ngài khởi lên tâm cống cao ngã mạn. Ngài mới chỉ khởi lên trong tâm rằng tất cả Chư tôn túc ở trong quốc gia chưa ai được đức Vua ái kính như mình, có thể mình là một vị sư bậc nhất trong quốc gia này và còn được phong là Quốc sư…*

*Do khởi tâm như thế, nên sau khi Ngài vừa thuyết bài pháp thoại xong, vừa bước từ tòa tháp xuống thì đầu gối chân trái của Ngài tự nhiên bị đau nhức vô cùng. Từ đó đi về, mấy hôm sau càng ngày càng đau, bị sưng tấy lên và thành mụn lên rất to, có hình mắt, mũi, miệng giống như mặt của người nổi lên ở đầu gối. Tin Ngài Ngộ Đạt bị đau đầu gối không đi được nhanh chóng lan khắp kinh thành, Đức vua biết được rất xót xa, ban cho ngự y giỏi nhất triều đình đến khám cho Quốc sư Ngộ Đạt nhưng không khỏi, ngày đêm đau đớn như vậy không thể nào chịu được.*

*Bỗng nhiên, Ngài bắt đầu nhớ lại trước đây, khoảng thời gian ẩn cư trong rừng. Các vị tăng ngày xưa thường hay đi sam học, một thời gian học được, cảm thấy có đủ kiến thức cơ bản rồi, khi có sự liễu giải nhất định thì các Ngài lên núi ẩn cư. Một mình làm chiếc am trên núi, ăn uống rất đạm bạc, gần như không tiếp xúc với thế giới bên ngoài lúc Ngài khoảng 18 – 29 tuổi thì ngài ẩn cư. Ở am bên cạnh, có một vị tăng già, vị tăng ấy đã cao tuổi rồi và không may măc bệnh cùi. Bệnh cùi hay còn gọi là bệnh hủi. Ngày xưa người ta sợ nhất là bệnh cùi, cũng giống như chúng ta bây giờ, có thời gian sợ nhất là bị HIV, giờ đây thì sợ nhất ung thư vậy. Một trăm người bị bệnh ung thư thì 80 – 90 người mắc vào án tử hình, không một vài tháng thì một vài năm, thậm chí có người chỉ một vài ngày đã đi rồi khi phát hiện ra bệnh nên ai cũng sợ.*

*Ngày xưa, bệnh hủi chưa chữa được và cũng có thể lây lan qua các đường tiếp xúc, nếu máu của họ không may dính vào máu mình, thì những con vi trùng trong máu của họ sẽ vào máu của chúng ta. Chỉ một thời gian nó sẽ lan ra và phát triển thành bệnh.*

*Bệnh cùi ngứa và đau vô cùng, nó cứ ăn dần dần vào da thịt, ngón tay, thậm chí ăn cụt cả bàn tay, bàn chân đến đầu gối. Khoa học bây giờ gọi đó là bệnh phong.*

*Bấy giờ, khi Ngài Ngộ Đạt là một vị tăng trẻ ẩn cư trên núi, nhìn thấy vị tăng già ở am ben cạnh bị bệnh cùi, không có vị cư sĩ, phật tử nào dám lên gần gũi để cúng dàng Ngài. Ngộ Đạt khởi lòng đồng cảm, khi nhận được sự cúng dàng thì Ngài lại chia cho vị tăng kia một nửa. Mỗi khi vị tăng ấy bị ốm, không tự nấu cơm và tắm giặt được, thì Ngộ Đạt lại sang nấu cơm, tắm giặt và dọn dẹp am cho Ngài.*

*Do hạnh chịu khó, chịu khổ, không sợ bẩn thỉu, không sợ bị bệnh của ông, nên một hôm vị tăng già ấy gọi Ngài Ngộ Đạt và bảo rằng: sau này, khi nào ông gặp một nạn đau đớn, nguy hiểm đến tính mạng mà các thầy thuốc chữa bệnh không khỏi thì tìm đến dãy núi Kê Túc, đến đó đi qua mấy con suối, mấy ngọn đồi, nhìn từ xa thấy một cây tùng bách cao trong một khu rừng đó, trên đó có một ngôi chùa nhỏ, đến đó sẽ có người chữa được căn bệnh cho ngài căn bệnh liên quan tới tính mạng vô cùng đau đớn đó. Sau đó thì vị tăng già đó thị hiện chết, vị tăng trẻ kia cũng làm tang theo nghi thức của chư tăng đi kiếm củi và làm lễ hỏa thiêu, lấy tro cốt cho vào, xây một ngôi tháp hương khói cho vị đó một thời gian. Vị tăng trẻ kia khi thấy sự ẩn cư của mình đã đến lúc chín muồi hạ sơn để thuyết pháp độ sinh. Trải qua thời gian một vài năm thuyết Pháp, tiếng tăm của ngài vang khắp gần xa, được “vua biết mặt,chúa biết tên” vậy.*

*Cho đến ngày được thọ nhận tòa ngồi bằng trầm hương để thuyết pháp thì Ngài bị một cái nhọt nổi lên trước đầu gối, có hình mặt người thậm chí cũng biết ăn. Các vị đã đọc kinh Thủy Sám bao giờ chưa? Trong phần giới thiệu của kinh Thủy Sám kể rõ về câu chuyện đó. Nhọt đó, cho cơm vào nó biết ăn. Đau đớn như vậy, Ngài nhớ lại lời dặn hơn mười năm trước của vị tăng cùi có dặn rằng: khi nào gặp bệnh nguy cơ đến tính mạng, mà thầy thuốc thế gian không ai chữa được thì hãy tìm đến núi Kê Túc.*

*Ngài bảo mấy đệ tử đưa Ngài đến đó, đi mấy ngày đường thì cũng tìm đến được chân núi Kê Túc, và Ngài bảo các đệ tử dừng lại ở đó, còn Ngài một mình đi tiếp bởi xưa kia vị tăng già ấy có bảo Ngài phải tự đi tìm và lên ngôi chùa trong núi đó một mình.*

*Đến chân núi, dù bị đau nhức, nhưng Ngài cũng vẫn cố bò, cố chống gậy tìm đường lên. Từ xa, Ngài trông thấy cây tùng bách cao nhất, nổi lên trên tất cả các cây khác trong rừng. Khi Ngài đến nơi thì nhìn thấy một vị Phạn Tăng – một vị tăng có hình dáng giống vị tăng ở Ấn Độ, khoác y áo giống như các vị taưng nguyên thủy Phật giáo – giống thời Đức Phật tại thế đó là quấn y quanh người và hở vai bên phải.*

*Vị Phạn Tăng ấy nhìn thấy Ngài Ngộ Đạt tươi cười và bảo: tôi chờ ông rất lâu, mà bây giờ ông mới đến. Ngài Ngộ Đạt, lần đầu tiên đến đây, lần đầu tiên gặp vị tăng ấy, nên Ngài cũng không hiểu vì duyên gì mà vị ấy lại biết và còn bảo là đợi Ngài từ lâu.*

*Sau khi đỉnh lễ và chào hỏi vị tăng, Ngài Ngộ Đạt Quốc sư mới trình bày về bệnh của mình, do nhớ lại lời dặn của vị Tăng năm xưa mà Ngài tìm được đến nơi này. Xin Ngài mở lòng từ bi cứu giúp cho con. Vị Phạn tăng bảo ta luôn chờ ông đến, và hôm nay thì ông cũng đã đến được đây rồi.*

*Chữa bệnh thì không khó, nhưng ông hãy đi xuống suối và múc một lu nước lên đây trước. Dù bị đau nhức ở đầu gối, nhưng Ngài vẫn cố lết xuống suối và mang lên một lu nước như lời vị tăng bảo. Vị Phạn tăng mang lu nước ấy để lên trước ban thờ Phật, Ngài làm lễ và trì chú. Sau đó, Ngài xin nước đó cho Ngài Ngộ Đạt uống và dùng nước đó để rửa nhọt trên đầu gối, vảy nước vào đến đâu thì tiếng kêu khóc từ u nhọt ở đầu gối Ngài phát ra tiếng kêu khóc đến đó.*

*Chúng ta thấy, một u nhọt bình thường thì không thể biết ăn, biết nói, biết kêu van như thế được. Vị Phạn Tăng ấy dùng thần chú để bắt cái nhọt đó nói ra nguyên nhân vì sao lại biết ăn, biết nói tiếng người như thế?*

*Có tiếng nói với vị Phạn Tăng kia rằng: thưa đại sĩ, con vì có hận với vị tăng này nên con theo để báo oán. Mười kiếp trước, con và vị ấy đều là đại quan trong triều, con là tướng quân cầm binh ra sa trường giết giặc, còn vị ấy ở nhà bên cạnh vua. Sau khi đất nước thống nhất, ông ấy được phong làm tể tướng, còn con thì được làm đại tướng quân.*

*Trong khi con cầm quân ra sa trường đánh giặc, bảo vệ biên cương của đất nước, thì ông ấy ở nhà, bên cạnh vua và sàm tấu, vu cho con tội tạo phản. Vua cho gọi con về, khi vừa đến cổng thành thì vua hạ chiếu chỉ được vào một mình, không được mang binh lính theo cùng. Con vừa bước qua cổng thành, thì cánh cửa đó được khép lại, vị tể tướng ấy liền sai người bắt và giết con, khép con vào tội tạo phản. Còn nói rằng đây là lệnh của vua nên không cho con được giải thích.*

*Do trước khi chết con sân hận quá nên mang oán thù, do mưu thâm độc của bạn mà kông rõ lý do mình phải chết. trước khi chết, con đã phát nguyện đời đời, kiếp kiếp theo để báo oán ông tể tướng này. Ông tể tướng đó tên là Viên Án, con khi đó tên là Triệu Thố. Hai người làm bạn với nhau từ bé, cùng đi đánh giặc và cùng được làm quan trong triều, nhưng vì danh vọng mà sẵn sàng làm hại nhau.*

*Triệu Thố là một người rất giỏi và có tài cầm binh. Viên Án là người giỏi về sách lược, cơ mưu. Sau khi đất nước được giải phóng, Viên Án được phong làm tể tướng, cai quản việc triều chính, chỉ dưới quyền của vua. Còn cầm binh đánh trận đứng đầu là Triệu Thố. Nhưng khi đất nước giải phóng thì các tướng võ thường không được trọng dụng nữa mà các tướng văn được trọng dụng hơn. Xưa nay, các quốc gia, các dân tộc trên thế giới thường đều như vậy. Viên Án và Triệu Thố cũng được vua đối xử theo như vậy. Cũng bởi lẽ do lòng tham, sân, si của con người thế gian nên Viên Án đã mưu đồ hại Triệu Thố. Vài năm sau, Viên Án cũng ân hận về những việc làm của mình. Ông nhận ra rằng của cải, danh vọng, vàng bạc, vợ đẹp, con ngoan ở thế gian cũng như bọt như bóng. Ông dần dần rút khỏi chốn quan trường và bắt đầu tìm hiểu, nghiên cứu Phật học.*

*Một thời gian sau, ông thấy giáo lý của Phật thâm sâu và rất huyền diệu, ông đã phát nguyện xuất gia vào những năm cuối đời. Ông trước là một vị quan, có trình độ học vấn và trí tuệ cao siêu, tuy tuổi đã già nhưng ông học giáo lý của Phật rất nhanh và giỏi. Vì thế mà ông đã trở thành một vị cao tăng.*

*Sau khi chết đi, ông tái sinh trở lại và tiếp tục làm cao tăng, cứ như thế trong chín kiếp liên tục, Ngài Ngộ Đạt là kiếp thứ mười. Chín kiếp trước Ngài đều là cao tăng tu hành, Triệu Thố cũng đã chín kiếp theo ngài báo oán nhưng không được. Vì những kiếp trước Ngài nổi tiếng đức hạnh, giữ giới thanh tịnh, không phạm bất cứ lỗi nào dù là nhỏ nhất nên Triệu Thố không có cách nào báo oán được.*

*Đến kiếp thứ mười, khi Ngài Ngộ Đạt vừa mới khởi lên suy nghĩ cống cao ngã mạn, khởi lòng tham nhận tòa trầm hương quý của vua để ngồi thuyết pháp, do đó mà bị tổn phước. Triệu Thố nhân đó mà nhập vào báo oán. Khi gặp Phạn tăng – chính là Ca Nặc Ca Bồ Tát, Ngài là một vị Bồ Tát đắc đạo ở Ấn Độ, đã nhập niết bàn nhưng Ngài vẫn thị hiện. Chúng sinh nào ở Sa Bà có duyên thì Ngài vẫn thị hiện thân người để độ cho họ.*

*Vị tăng ấy và vị tăng già bị bệnh cùi hơn mười năm trước mà Ngài Ngộ Đạt đã gần gũi, chăm sóc… đều là hóa thân của Bồ Tát Ca Nặc Ca vậy. Khi chết, thì chỉ chôn tấm thân cơm gạo của các Ngài thôi, còn thần thức các hóa thân ấy lại trở về núi Kê Túc vì đạo tràng của Ngài ở đó, luôn gần với đạo tràng của Ngài Đại Ca Diếp. Vậy nên, vị Phạn tăng ấy và vị tăng cùi kia cũng chỉ là hai hóa thân của Ca Nặc Ca Bồ Tát thời Đức Phật còn tại thế.*

*Nghe câu chuyện đó, Ngài Ngộ Đạt sám hối, đối trước Ca Nặc Ca Bồ Tát bạch rằng: Thưa Đại sư, xin Ngài dùng lòng từ bi, thương xót, vì chúng con mà giải oán thù đời kiếp này. Ngài cũng nói với Triệu Thố rằng: từ khi giết ông, tôi sống cũng không được yên vui, thân tôi còn sống mà cũng như đã chết. Bởi tôi ăn năn, hối hận nên chỉ một thời gian sau tôi đã từ quan, xuất gia sám hối những việc làm đó. Sau mỗi thời khóa tụng kinh, lễ Phật tôi đều hồi hướng cho oan gia trái chủ - nghĩa là hồi hướng cho ông. Nhưng vì sự hận thù trong ông quá lớn nên ông chưa bỏ được. Do hận thù mà ông phải ở trong kiếp sống của quỷ thần, tôi do giết ông, ân hận nên đã nhiều kiếp qua là nguời xuất gia đi tu. Noi gương từ bi của Đức Phật để cứu độ chúng sinh, truyền bá giáo pháp của Đức Phật rộng khắp thế gian. Nay cầu Bồ Tát Ca Nặc Ca vì chúng con mà tháo gỡ sự oán thù này.*

*Bồ Tát Ca Nặc Ca liền thoát một bài pháp về nhân quả cho cả hai nghe. Sau khi nghe xong Triệu Thố hoan hỷ, quy y Tam Bảo và hứa từ nay sẽ không theo báo oán Viên Án nữa, xin được theo Bồ Tát Ca Nặc Ca để học đạo, và được Ngài đồng ý. Ngài Ngộ Đạt cũng từ đó mà lành vết thương, vài ngày sau Ngài xuống núi và tiếp tục đi truyền đạo, thuyết pháp.*

*Bài kinh Thủy Sám là do Ngài Ngộ Đạt nương vào Tam Tạng thánh điển Kinh, Luật, Luận của Phật mà soạn ra bài Từ Bi Thủy Sám.*

Học Phật, càng học, càng tu, chúng ta càng thấy thế giới tâm linh trùng trùng, điệp điệp vô lượng, vô biên không thể dùng kiến thức của thế gian mà giải thích hết được. Cho nên nói rằng nhân quả xưa nay không hề sai khác, gieo nhân nào thì gặt quả đó.

Trong văn kinh, vị Đại A La Hán xưa, do lấy công đức để độ cho mẹ Quang Mục nên nay là Bồ Tát Vô Tận Ý, còn mẹ Quang Mục sau khi thoát địa ngục khổ, được sinh ra làm con người hầu gái. Sau mười ba năm, khi chết đi được sinh lại vào dòng Phạm Chí, thọ lâu cả trăm tuổi. Hết kiếp đó thì được sinh về cõi Phật Vô Ưu, gặp Đức Phật Bất Động và tiếp tục tu hành đến ngày thành tựu quả vị Bất Thoái Chuyển, tiến tới ngôi vị Bổ Xứ Bồ Tát, tiếp tục tu hành thành Phật ở cõi Vô Ưu, sau khi Đức Phật Bất Động thị hiện nhập niết bàn.

Bồ Tát Địa Tạng do công đức cứu độ vô lượng, vô biên chúng sinh nên nếu thành Phật thì chỉ một đời Ngài có thể được Thành Phật. Nhưng về phần sau, trong quyển hạ của kinh Bản Nguyện Của Bồ Tát Địa Tạng, Đức Phật khẳng định do lòng từ bi của Bồ Tát Địa Tạng đối với chúng sinh nên Ngài đã nguyện chưa thành Phật, mà trụ thế lâu dài để cứu độ cho chúng sinh, khiến cho chúng đó thoát khổ không còn sót một ai khi đó thì Ngài mới thành Phật.

Nay chúng ta đọc tụng thọ trì Kinh Bản Nguyện Của Bồ Tát Địa Tạng thì chúng ta nên học theo hạnh của Ngài. Đừng cầu giải thoát cho riêng mình còn mặc kệ chúng sinh. Chỉ lo cho nhà mình, cầu nguyện cho nhà mình được giàu có, sung túc, còn nhà hàng xóm thì không quan tâm. Như vậy thì chúng ta chưa phải thực sự là người học Phật và tu Phật, chưa phải là phát tâm Bồ Đề và không hiểu chút nào về Kinh Địa Tạng và không phải là nguời thọ trì kinh Địa Tạng.

Người đọc tụng, thọ trì kinh Bản Nguyện Của Bồ Tát Địa Tạng phải là người noi theo tấm gương hiếu hạnh của Bồ Tát Địa Tạng. Thế nào là noi theo gương của Bồ Tát Địa Tạng? Chúng ta là một hành giả tu theo Tịnh Độ, luôn luôn cầu nguyện sớm được vãng sinh một đời về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nhưng khi còn sống ngày nào, còn tu tập ngày nào, thì chúng ta phải nhớ rằng vì sao mà chúng ta có tấm thân này, vì nhờ có cha mẹ đã sinh ra chúng ta. Dẫu cho các cụ có nhiều tuổi đến 80 – 90 tuổi đi nữa thì cũng là người đã sinh thành ra chúng ta. Chúng ta đâu phải từ hòn đá, hòn đất mà nứt nẻ ra được? Mà cũng được sinh ra từ bào thai của mẹ, vì thế công ơn của cha mẹ đối với chúng ta là rất lớn.

Có câu:

*Công cha như núi Thái Sơn*

*Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.*

Công đức sinh thành, dưỡng dục của cha mẹ rộng lớn như đại dương, không thể nào nói hết ra được, lớn lao vô cùng.

Khi mà bố mẹ chúng ta chưa hiểu đạo, mà có đứa con trai, con gái xin bố mẹ đồng ý cho xuất gia, khi ấy họ đau lòng lắm, đau đến tột cùng, thậm chí còn đau hơn cả khi đứa con ấy bị chết một cách đột ngột. Đứa con bị chết đột ngột, thì họ chỉ đau lòng, thương nhớ trong một thời gian rồi thôi, thì sự thương tiếc ấy cũng sẽ qua đi. Nhưng khi có đứa con xuất gia, thì bố mẹ còn bị mang tiếng với xa hội, khiến cho mọi người nói rằng không nuôi được con hay sao mà để nó đi tu… rất nhiều lời thị phi, đàm tiếu của thế gian, khiến người cha, người mẹ của những người xuất gia rất đau khổ.

Nhưng vì thương con, vì đó là tâm nguyện của con, nên dù trăm nghìn lần không muốn, nhưng cha mẹ vẫn đặt bút kí vào tờ đơn chấp thuận cho con xuất gia cầu đạo.

Vậy nên, dù xuất gia hay tại gia chúng ta đều mang ân nghĩa rất lớn của cha mẹ. Cha mẹ chúng ta do ông bà sinh ra, ông bà chúng ta do các cụ sinh ra, các cụ chúng ta do các cụ còng sinh ra…

Trong chữ Hán gọi là cao tằng tổ khảo, cao tằng tổ tỉ, cao cao tằng tổ khảo, cao cao tằng tổ tỉ, bá, thúc, huynh đệ, cô, di, tỉ muội, á thân liệt thích, đẳng chư hương hồn. Cao tằng tổ khảo chỉ cho các cụ từ bảy đời trở lên, cao tằng tổ tỉ chỉ cho các cụ bảy đời trở xuống. Cao cao tằng tổ khảo chỉ cho các cụ ba đời, cao cao tằng tổ tỉ chỉ cho các cụ dưới ba đời. Bá là anh trai của bố, thúc là em trai của bố, huynh đệ là anh em… hồi hướng như vậy chúng ta mới gọi là người học Phật, là người học trò noi theo gương hiếu hạnh của Địa Tạng Bồ Tát.

Địa Tạng Bồ Tát không những Ngài chỉ độ cho mẹ của mình, mà còn rộng độ khắp tất cả chúng sinh trong các đường khổ não, đặc biệt là trong cảnh giới địa ngục. Khi Ngài cúng dàng Đức Phật nào, nhất tâm chiêm lễ Đức Phật nào thì Đức Phật đó liền cứu độ mẹ Ngài và vô lượng chúng sinh trong địa ngục đều được thoát khổ.

Nay chúng ta cung kính trì niệm danh hiệu của Bồ Tát Địa Tạng, cung kính cúng dàng tranh ảnh, tôn tượng của Bồ Tát Địa Tạng, tụng đọc thọ trì kinh Bản Nguyện Của Bồ Tát Địa Tạng, cầu nguyện Ngài giúp chúng ta làm vẹn toàn được chữ Hiếu với ông bà gia tiên, cửu huyền thất tổ nhiều đời, nhiều kiếp của chúng ta. Những có nhân duyên với chúng ta đều được cứu độ thoát khỏi ba đường địa ngục khổ, ngã quỷ khổ, súc sinh khổ, sớm được sinh lại làm người, hoặc có phúc hơn thì được sinh lên trời làm Chư Thiên ở các cõi Dục giới, Sắc giới và Vô Sắc giới. Rồi tu tập đến khi đủ phúc báo được sinh về cõi Phật khắp mười phương. Giống như mẹ Quang Mục, ở trong địa ngục, trải qua kiếp làm con người hầu gái, khi tăng công đức lên thì được sinh vào dòng Phạm Chí – dòng dõi danh gia vọng tộc hay bây giờ gọi là gia đình giàu có về của cải, địa vị trong xã hội được mọi người kính trọng. Khi hết kiếp sinh trong dòng Phạm Chí đó thì được sinh lên cõi Vô Ưu.

Chúng ta cũng như vậy, mỗi đời, kiếp chúng ta lại kết nhân duyên quyến thuộc với bố mẹ, ông bà khác nhau. Nên nhân duyên quyến thuộc không thể nào chúng ta biết hết được. Chúng ta nên tụng đọc, thọ trì Kinh Bản Nguyện Của Bồ Tát Địa Tạng, cầu nguyện cho lục thân, quyến thuộc nhiều đời, nhiều kiếp của chúng ta ở trong địa ngục khổ, ngã quỷ khổ, súc sinh khổ dần dần được thoát ly cảnh khổ đó. Sớm được sinh lại làm người, có phúc báo, sống thọ mạng, có trí tuệ của cải, đặc biệt có tín tâm với Phật Pháp. Có tín tâm với Phật Pháp, biết cung kính cúng dàng, tán dương khen ngợi, thậm chí còn biết đọc tụng kinh điển của Phật, cũng giống như mẹ của Quang Mục Bồ Tát vậy, ở một kiếp nào đó cũng được sinh về cõi Tịnh Độ của mười phương chư Phật. Nếu chúng ta nhất tâm cầu nguyện, cứ chọn cõi Tây Phương Cực Lạc cho lục thân quyến thuộc được sinh về đó. Sau này, ông bà, bố mẹ… đều được gặp nhau ở Tây Phương Cực Lạc, như vậy có phải là tốt hơn không?

Chúng ta thấy, tại sao lễ ở đầu kinh, tôi lại để lễ cửu bái mà không phải là lễ tam bái? Lễ tam bái là quy kính Tam Bảo, tam bái, nguyện hương, sám hối Tổng rồi vào Tán Lư Hương rồi vào tụng kinh. Còn lễ cửu bái là chín lễ, nếu là một hành giả Tịnh Độ thuần thành một lòng cầu sinh Tịnh Độ thì chúng ta lễ cửu bái, lễ từ cao đến thấp.

Đức Phật có ba thân đó là: Pháp Thân, Báo Thân, Ứng Thân.

Lễ đầu tiên đó là lễ PhápThân Phật: Dốc lòng kính lễ: ***“Cõi Tịnh Thường Tịch Quang, A Mi Đà Như Lai, pháp thân màu thanh tịnh, cùng khắp pháp giới chư Phật”.***

Lễ thứ hai là lễ Báo Thân Phật: ***“Dốc lòng kính lễ: Cõi Thực Báo Trang Nghiêm A Mi Đà Như Lai, thân vi trần tướng hảo, cùng khắp pháp giới chư Phật.”***

Lễ thứ ba là lễ Ứng Thân Phật: ***“Dốc lòng kính lễ: Cõi Phương Tiện Thánh Cư, A Mi Đà Như Lai, thân giải thoát trang nghiêm, cùng khắp pháp giới chư Phật.”***

Tiếp đến là lễ Thân Giới Căn Đại Thừa: ***“Dốc lòng kính lễ: Cõi An Lạc Phương Tây, A Mi Đà Như Lai, thân giới căn đại thừa, cùng khắp pháp giới chư Phật.”***

*Trong Tây Phương Du Lãng kí, có một vị thiền sư người Trung Quốc khi ngồi thiền được Ngài Quán Thế Âm cho đi xem cõi Tây Phương Cực Lạc. Ngài thấy một núi vàng cao vòi vọi, đứng dưới nhìn ngước lên quá tầm mắt cũng không thấy đỉnh, mới hỏi ngài Quán Âm đây là núi vàng nào? Bồ Tát Quán Thế Âm bảo rằng đó là ngón chân út của Đức Phật A Mi Đà. Ngón chân út của Ngài mà nhìn khuất tầm mắt cũng không thấy đỉnh, đấy chính là tấm thân giới căn đại thừa của Đức Phật*.

Lễ thứ năm: Dốc lòng kính lễ: ***“Cõi An Lạc Phương Tây, A Mi Đà Như Lai, thân biến khắp mười phương, cùng khắp pháp giới chư Phật.”***

 Nơi đâu có cầu thì sẽ có cảm và có ứng, giống như trăng ở dưới nước sông. Chỉ có một mặt trăng, nhưng chỗ nào nước trong thì trăng cũng sẽ hiện. Nước ở đây ví như tâm của chúng sinh, tâm của tín đồ Phật tử. Nước trong chỉ cho sự thanh tịnh, tâm thanh tịnh, sự cầu nguyện đến nhất tâm thì A Mi Đà Phật sẽ hiện ở trong tâm của chúng ta.

Bây giờ, tâm của chúng ta người có, sông có, nước có nghĩa là có tụng kinh, có cầu nguyện nhưng tâm của chúng ta tán loạn, tham, sân, si còn nhiều.Chưa tụng kinh đã mong cầu sự gia trì từ Phật, như thế gọi là tâm không thanh tịnh. Trăng chiếu vào, nhưng nước đục thì trăng cũng không hiện lên được, không phải là do không có trăng.

Mình là người học Phật, chúng ta không nên nói nhiều nữa, nói vừa đủ. Hãy dùng lời nói và hành động của mình khiến cho người thân của chúng ta thấy sự thay đổi tốt lên của chúng ta trước. Mình học Phật, mình phải là người thay đổi trước, sau đó mới cảm hóa được người thân thay đổi theo, đó chính là cách học Phật và tu Phật.

Khi hội tập bộ kinh này, tôi rất chú trọng kể cả từ phần nghi lễ, chúng ta hãy y theo lời dạy của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, chúng ta muốn trợ duyên cho chính pháp của Đức Phật nói chung. Đặc biệt là muốn tán dương, khen ngợi Bồ Tát Địa Tạng, cầu nguyện Bồ Tát Địa Tạng không quên bản nguyện độ sinh của mình, luôn luôn thị hiện ở trong ba đường ác để cứu độ chúng sinh nên chúng ta trì tụng kinh của Ngài.

Bồ Tát Địa Tạng, Ngài đã chứng được quả vị vô sinh bất thoái chuyển, thậm chí lên hàng Bổ Xứ Bồ Tát. Còn chúng ta là người phàm phu, ở thế gian này, đời này chúng ta được thân người, được tu hành, được gặp Ngài. Nhưng ai dám khẳng định chắc chắn, thân sau chúng ta lại được tu hành tiếp?

*Đời này tu hành, chúng con có được một chút phúc, đời sau sinh vào gia đình giàu có, danh gia vọng tộc, là một tiểu thư, một cậu chủ… thì con không đủ bản lĩnh để đi tu nữa. Vì sao? Vì con đã được sướng từ nhỏ, con sợ rằng lúc đó con không thể đi tu được nữa. Hoặc kiếp này con tạo phúc nhiều, kiếp sau được sinh ra làm người có trí tuệ và phước báo lớn. Con được trở thành người lãnh đạo cao nhất nhì trong đất nước… khi đó cũng rất khó để tu tiếp được.*

Những người như thế, đến chùa, họ rất hoan hỷ cúng dàng để xây chùa, tô tượng, đắp chuông… nhưng bảo họ tụng kinh như chúng ta được một ngày đã là rất khó, huống chi hai mốt ngày. Vì công việc quốc gia quá bận rộn nên họ không tu được.

Thâm ý của tôi trong cuốn kinh này là*: Kính lạy Bồ Tát Địa Tạng, chúng con xin y theo giáo huấn của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, chúng con xin cung kính, cúng dàng Ngài đến tột bậc, giống như cung kính, cúng dàng mười phương ba đời chư Phật. Nhưng chúng con cũng xin được lo cho chúng con một chút, chúng con không muốn tái sinh lại ở đời này nữa. Chúng con nguyện được sinh trong cõi Tây Phương nên ở phần nghi lễ ban đầu, chúng con lễ Tây Phương. Lúc kết thúc tụng kinh chúng con cũng niệm Tây Phương và phát nguyện được sinh về cõi đó.*

Nếu có còn ai bảo rằng: Thầy ấy bảo tu Tịnh Độ nhưng bây giờ lại đi truyền kinh Địa Tạng đó là sai với lời dạy của Hòa Thượng Tịnh Không. Hòa Thượng dạy phải nhất môn thâm nhập, trường kì chuyên tu, chỉ tụng đọc thọ trì một bộ kinh đó là Kinh Vô Lượng thọ… như thế mới là tu đúng Pháp môn Tịnh Độ.

Chúng ta phải hiểu rằng: nhất môn thâm nhập ở đây là lấy câu niệm Phật làm căn bản, còn tụng bộ kinh nào không quan trọng. Quan trọng là chúng ta hướng về Tây Phương Cực Lạc và phát nguyện sinh về Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Giống như Lục tổ Vĩnh Minh Diên Thọ Đại Sư là hóa thân của A Mi Đà Phật, Ngài không tụng kinh Vô Lượng Thọ, không tụng kinh A Mi Đà, Ngài cũng không tu quán theo thập lúc quán trong kinh Quán Vô Lượng Thọ, mà Ngài chuyên trì tụng bộ Kinh Diệu Pháp Liên Hoa và câu hồng danh A Mi Đà Phật.

Ngài Thiên Thai Trí Giả đại sư, Ngài cũng chuyên trì kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Ngài là tổ của Thiên Thai Tông – dạy các phương pháp tu tập thiền quán – là vị tổ sư nổi tiếng của Phật giáo Đông Độ. Ngài được coi là Tiểu Thích Ca Đông Độ - là hóa thân của Đức Phật Thích Ca thị hiện ở Trung Quốc để truyền đạo. Ngài cũng phát nguyện vãng sinh Tây Phương Cực Lạc, và Ngài cũng đã được sinh về thế giới Cực Lạc như nguyện.

Quý vị thấy, chỉ cần tâm chúng ta phát nguyện vãng sinh, còn tụng bộ kinh nào thì chỉ là phương tiện. Điều quan trọng là tin sâu, nguyện thiết, một lòng trì danh hiệu A Mi Đà Phật và phát nguyện vãng sinh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nếu chúng ta tu được như vậy, thì ông bà, tổ tiên, cửu huyền thất tổ của chúng ta phải đợi chúng ta vãng sinh rồi, đầy đủ thần thông thì khi đó mới cứu độ được người thân của chúng ta.

Người đang chịu khổ, chịu đói, chịu khát ở trong địa ngục, thêm một ngày là thêm một ngày trông ngóng. Ở trong đó một giây, phút nào thì thêm một giây, phút phải chịu đau khổ. Chúng ta là những người con, người cháu, không lẽ để cho tổ tiên nhà mình phải chịu khổ mấy chục năm nữa sao? Khi nào chúng ta vãng sinh chúng ta mới cứu họ được.

Bây giờ, chúng ta nghe lời Đức Như Lai, hãy nương vào uy thần và nguyện lực cả Bồ Tát Địa Tạng để chúng ta làm trọn được cả hai. Ngày nào chúng ta còn sống, thì ngày đó còn tụng kinh Địa Tạng. Ngày nào chúng ta còn đọc tụng, thọ trì kinh Địa Tạng thì ông bà, tổ tiên quá vãng không may bị đọa vào địa ngục do nghiệp báo ác tạo ra khi còn sống, sẽ sớm được thoát khổ ngày đó.

Làm tròn chữ hiếu ngay trong tấm thân này, chúng ta dùng tấm thân cha mẹ sinh ra này để báo đáp cha mẹ, ông bà, tổ tiên ngay trong đời này, đó chính là báo hiếu.

Xin nhắc lại vấn để tôi đã nhắc đến trong những bài giảng đầu tiên: *Kinh A Mi Đà, kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ là dành cho những người đã gieo trồng rất nhiều thiện căn, phúc đức và nhân duyên với Phật pháp thì mới tin được, mới độ được. Đối với những người có ít thiện căn, nhân duyên nếu chúng ta khuyên họ nguyện sinh về Tây Phương Cực Lạc, họ còn không biết Tây Phương Cực Lạc ở đâu? Cái cơ bản họ chưa biết được thì sao có thể dạy họ những giáo lý quá cao siêu được.*

Xét thấy căn cơ của người Việt Nam do tập quán, bản sắc văn hóa của dân tộc khi còn sống thích ăn thịt, uống rượu, thích tụ tập vui chơi, ăn uống…Trong kinh Địa Tạng, Ngài Chủ Mệnh Qủy Vương nói nếu không sát sinh, hại vật, không phạm vào trọng tội, thì sau khi chết Ngài sẽ dẫn dắt đến địa vị giải thoát.

Nhưng khi sinh con chúng ta có sát sinh không? Có ăn thịt chúng sinh không? Mười nhà thì cả mười nhà sát hại, trăm nhà thì cả trăm nhà sát hại. Vì sao? Vì khi sinh nở thì gia đình ăn mừng vì có một thành viên mới được ra đời, ông bà thì ăn mừng vì có đứa cháu nội, cháu ngoại. Người chồng thì mừng vì sự ra đời của đứa con, muốn cho vợ con được khỏe mạnh mà giết gà, chim, cá, rồi để phần ngon nhất cho vợ tẩm bổ.

Khi sinh đã vậy, rồi lại còn đến khi chết đi. Chết là việc đáng buồn, nỗi buồn của sự chia ly. Đáng ra nên làm việc phúc thiện, để hồi hướng, giúp đỡ nhau trong lúc khó khăn. Ngày xưa hiện tượng này thì rất phổ biến, nhưng bây giờ nhờ có chính sách lãnh đạo của Đảng Nhà nước nên đã giảm đi rất nhiều. Những người dân tộc thiểu số và ở miền núi thì vẫn chưa bỏ được tục lệ này – cứ có người mất đi, là bắt lợn, bắt trâu giết mổ. Gia đình vừa có người mất, không cần biết họ đã mua áo quan chưa, thậm chí người đó bị chết do tai nạn giao thông hay chết bất đắc kì tử. Gia đình họ đang rất đau buồn, nhưng họ hàng đến thì bàn ngay việc giết mổ lợn, gà làm cỗ như thế nào!!!

Chúng ta nhìn thấy mà đau xót. Trong nhà thì con cái cứ khóc lóc, xót thương, bởi nỗi đau chia lìa mãi mãi, bên ngoài thì ngồi ăn uống, rượu bia với nhau… vô cùng phản cảm. Vậy mà con người ta vẫn làm được, các vị nên biết việc tang lễ trong gia đình họ đau thương như vậy mà còn ăn uống với nhau, nhìn mà đau khổ vô cùng. Vậy nên, bỏ việc ăn uống ở đám ma đi không phải là tốt hơn sao?

Mấy hôm trước, có gia đình Phật tử, nhà nghèo quá không có điều kiện, phải vay nhà hàng xóm ba con lợn để làm ma cho chồng vì nhà không có lợn. Sau đám ma phải lấy tiền phúng viếng để trả. Chúng ta thấy rất bất cập.

Nhưng có sự chỉ đạo sát sao của các cấp lãnh đạo nên việc tang lễ bây giờ cũng được đơn giản hơn rất nhiều. Khi có sự thống nhất từ trên xuống dưới thì trong dân làng rất hoan hỷ. Nhưng nếu không có sự chỉ đạo của chính quyền và tục lệ của người dân thì sẽ bị nói nhiều điều nặng nề.

*Ông cụ nhà tôi ngày trước. Khi mất đi, thì ở bên nhà mình làm cỗ chay để cúng gia tiên, các Sư và Phật tử về viếng. Nhưng các chú tôi lại mượn nhà bên cạnh để thịt lợn, đãi họ hàng. Các chú bảo rằng: “ Nhập gia thì tùy tục. Khi chúng con ra chùa với Sư ông thì chúng con vẫn ăn chay, nhưng về nhà thì sư ông vẫn là con cháu trong gia đình”. Tự bản thân mình thì không thể một mình lo tang gia cho bố mình, không thể gọi, nhờ người ngoài lo cho mình được. Đất lề, quê thói, không thể nào làm khác được nên phải chịu cho các chú mang lợn, mang gà đi giết. Đau lòng lắm nhưng không làm gì được, nên bây giờ còn bà cụ, phải bảo bà cụ trước. Khi chết thì cụ làm gì cũng được, đến khi ốm thì mời bà cụ ra ngoài này. Dù mẹ có đồng ý hay không thì con cũng sẽ làm trọn trách nhiệm của đạo làm con. Đón mẹ ra chùa, đích thân con sẽ chăm sóc cho mẹ. Khi bà cụ mất thì cho mọi người niệm Phật khoảng 15 – 20 tiếng đồng hồ, sau đó mang đi hỏa táng và nhập tháp cho cụ. Bây giờ có thể cụ không đồng ý, nhưng đến lúc đó thì nhất định con sẽ làm như vậy.*

Qua đoạn văn kinh này, chúng ta thấy thời mạt pháp, muốn hành đạo, muốn tu nhân, tích đức khó vô cùng. Vì vậy, mà Bồ Tát Địa Tạng nói rằng về đời sau này, chúng sinh chẳng muốn làm việc thiện, chỉ ham làm việc ác, không tin nhân quả, thường báng phá Tam Bảo, giết hại các loại sinh linh, biếng lười thích trộm cắp. Phạm cả năm giới sát, đạo, dâm, vọng, rượu chè… si mê qua tháng ngày. Những chúng sinh như thế, Đức Phật nói sẽ phải chịu quả báo khổ, đọa vào trong ba đường ác tối tăm.

Sinh ra trên cuộc đời này, được tấm thân này, dù chúng ta có đi về Tây Phương thì cũng giống như đi một chuyến xe. Chúng ta đang đi trên một cỗ xe lớn, trên đường đi có người xin đi nhờ thì chúng ta hãy hoan hỷ cho họ đi, bỏ xe không một mình đi về làm gì? Như thế chúng ta cũng được tăng thêm công đức, phúc báo.

Ngài Đại Từ Bồ Tát trong kinh Đại Tập nói rằng*: “Nếu chúng ta giúp cho một người được vãng sinh thì công đức vô lượng, giúp cho mười người được vãng sinh thì chúng ta không phải là một phàm phu nữa. Giúp cho trăm người vãng sinh thì chúng ta chính là một vị đại Bồ Tát vậy.”*

Đối với các Phật tử tại gia, chúng ta chưa có đủ phước để xuất gia trong đời này, chúng ta chưa thể ngồi trên pháp tòa để khuyến hóa cho nhiều người. Thì ít nhất chúng ta cũng nên phát nguyện đọc tụng, thọ trì kinh Bản Nguyện Của Bồ Tát Địa Tạng để siêu độ cho gia tiên, cửu huyền thất tổ chúng ta sớm được thoát khổ. Dần dần đến được sinh về cõi Phật, nguyện cho họ được sinh về Tây Phương Cực Lạc với chúng ta sau này. Cuốn kinh Địa Tạng này thực sự rất thù thắng.

Chúng ta muốn họ về trước thì ngay bây giờ phải tụng đọc, thọ trì Kinh Bản Nguyện Của Bồ Tát Địa Tạng, cầu nguyện Địa Tạng Bồ Tát vào trong địa ngục cứu họ ra. Khi đó họ sẽ mang ơn chúng ta, thì chúng ta nói họ mới nghe. Nếu không mang ơn chúng ta, thì chúng ta nói họ sẽ rất khó để tin và làm theo. Độ người rất khó, phải có nhân duyên là như vậy.

**BÀI GIẢNG 36**

Hôm nay, chúng ta tiếp tục học và nghiên cứu Kinh Bản Nguyện Của Bồ Tát Địa Tạng.

 ***“Nếu gặp thiện tri thức, bảo cho biết quy y, với Bồ Tát Địa Tạng, dù chỉ trong phút giây, được công đức vô lượng, nhờ những công đức đó, liền thoát ba đường khổ. Nếu dốc lòng quy y, cung kính và lễ lạy, dùng những lời từ hòa, xưng dương cùng tán thán; đem hương hoa, y phục, trân châu các thứ báu, cùng đồ ăn thức uống, mà cúng dàng Bồ Tát, thì trăm nghìn vạn kiếp, thường được sinh cõi Trời, hưởng sự vui vô thượng, thật chẳng thể nghĩ bàn. Khi phúc Trời hưởng hết, được sinh xuống nhân gian, trải muôn nghìn ức kiếp, thường sinh làm vua chúa, và nhớ được nhân duyên, quả báo của đời trước”.***

Chúng ta thấy, cả cuộc đời làm ác, nhưng khi đến lúc sắp lâm chung, có nhân duyên được gặp bậc thiện tri thức chỉ bảo cho hồi tâm chuyển ý. Nếu bỏ ác làm lành, lánh dữ hành thiện thì trong lúc cuối đời vẫn sám trừ được nghiệp chướng và vẫn được giải thoát.

Qua đoạn văn kinh này, Đức Phật nói với Bồ Tát Định Tự Tại Vương rằng: nếu có chúng sinh nào, do có chút nhân duyên của đời trước, gặp bậc thiện tri thức, chỉ bảo cho biết quy y với Bồ Tát Địa Tạng thì được công đức vô lượng, nhờ đó mà được giải thoát khỏi đường ác khổ.

Thế nào là ***“bậc thiện tri thức”?***

Thiện là những điều tốt đẹp, trái ngược lại với ác. Tri thức là những người có sự hiểu biết. Thiện tri thức đó là những người có kiến thức về Phật học, những người đã thực tu, thực chứng và thực hành về các Pháp môn tu tập của Phật Đà. Người đó có thể giúp cho chúng ta “phản vọng quy chân”, “hồi đầu thị ngạn”, “bỏ ác làm lành”, “lánh dữ hành thiện”…Những người như vậy thì được Đức Phật Thích Ca Mâu Ni gọi là những bậc tri thức.

Còn thế nào là ***“quy y với Bồ Tát Địa Tạng”?***

 *“Quy y”* là quay trở về nương tựa. Trong văn kinh này, Đức Phật khuyên chúng ta nên nương tựa vào Địa Tạng Bồ Tát, học theo đức hạnh của Địa Tạng Bồ Tát và thực hành theo những việc làm của Bồ Tát. Địa Tạng Bồ Tát, Ngài đã viên mãn rồi, còn chúng ta thì chỉ là những kẻ phàm phu, vì vậy chúng ta cần phải noi theo gương những việc làm của Ngài để học và làm theo.

Ngài Địa Tạng đã phát nguyện, chúng sinh chưa độ hết thì sẽ không thành Phật, chúng ta cũng noi theo gương của Bồ Tát Địa Tạng, thấy chúng sinh khổ thì chúng ta tùy duyên, tùy nguyện cố gắng mà tế độ cho họ.

 *Ví như khi nhìn thấy con vật nào đó rơi xuống nước, chúng ta cố gắng cứu nó nếu chúng ta cảm thấy có thể cứu được, không được vô tình bỏ qua. Hoặc nhìn thấy một cành cây khô bị rớt xuống nước, trên cành cây khô ấy có rất nhiều con kiến đang chạy trên cành cây đó. Nếu không được cứu có thể đàn kiến ấy sẽ bị chết hết, hoặc có thể bị chết rất nhiều. Chúng ta có nhìn thấy có thể dừng lại, vớt cành khô đó lên nếu nước không sâu. Nếu nước sâu không vớt được, chúng ta có thể bẻ một cành cây dài gác từ cành dưới nước đó vào bờ cho đàn kiến bò vào bờ…*

 *Trong Sa Di Luật Giải có kể một câu chuyện đó. Có một vị Sa Di xuất gia, sư phụ của chú đó là một vị đã tu chứng rồi. Có thiên nhãn thông, quán xét được tiền kiếp và hậu mệnh của đệ tử mình. Thấy đệ tử của mình còn 7 ngày nữa là chết, là hết thọ mạng ở nhân gian này. Ngài dùng phương tiện bảo với vị Sa di rằng sư phụ cho con về thăm gia đình một, hai ngày. Từ khi con đi tu đến nay chưa về thăm gia đình lần nào. Vị học trò nghe như vậy, cũng liền vê thăm nhà. Trên đường về, hôm đó trời mưa to, lúc đó từ trên cây cao có một cành đa bị gãy và rơi xuống ao. Chú Sa di đi qua ao đó, nhìn thấy cành cây khô trên mặt ao có một đàn kiến, đang bò ra, bò vào trên cành cây đó. Liền lấy một cành cây dài gác từ bờ ao ra ngoài cành cây khô đó cho đàn kiến bò vào, rồi chú đi về. Nhờ việc làm ấy mà cả đoàn kiến đều thoát nạn, theo cành cây đó mà vào bờ được.*

*Mấy ngày sau, chú Sa di quay trở về chùa. Đến ngày thứ bảy, mà vẫn chưa chết. Sư phụ thấy lạ quá liền ngồi thiền, nhập định, dùng thần thông để xem lại thì thấy thọ mạng của đệ tử kéo dài là do cứu đàn kiến hôm trời mưa bão do đó có công đức mà được tăng thêm tuổi thọ. Câu chuyện này được ghi trong Sa di luật giải mà khi mới xuất gia chúng tôi đã được học.*

***Ở đây chúng ta thấy, nếu quy y với Bồ Tát Địa Tạng là tận độ chúng sinh.*** Nương tựa theo hạnh nguyện của Bồ Tát Địa Tạng thấy chúng sinh khổ, thì chúng ta phải tùy duyên, tùy nguyện, bằng tất cả sức lực và trí tuệ của mình để giúp đỡ mọi người, giúp đỡ chúng sinh. Đến con trùng, con kiến giúp đỡ được chúng ta cũng phải giúp đỡ. Đặc biệt chúng ta phải lập đại nguyện. Lập đại nguyện như thế nào? Lập đại nguyện giống như Bồ Tát Địa Tạng vậy. Nếu chúng ta chưa có đủ trí tuệ và công đức thì chúng ta hãy nguyện sau khi xả bỏ báo thân này, nguyện được vãng sinh về các thế giới Phật Tịnh độ ở mười phương, đặc biệt là Thế giới Tây Phương Cực Lạc.

 Chúng ta phát nguyện về đó để làm gì? Không phải phát nguyện về đó để an hưởng tuổi già, không phải phát nguyện về đó để hưởng lạc, cũng không phải chúng ta phát nguyện về đó để hưởng thụ quả báo sung sướng ở cảnh giới đó. Mà chúng ta phát nguyện được sinh về thế giới đó, để được thân cận bậc thiện tri thức, để đỉnh lễ và quy y với một vị thầy, thầy ấy chính là Vô Lượng Thọ Phật. Được Vô Lượng Thọ Phật khai thị cho chúng ta chứng được vô sinh pháp nhẫn, đăng Thập Địa Bồ Tát, Đẳng giác, Diệu giác, lúc đó thì nguyện phân thân khắp mười phương thế giới để phổ độ chúng sinh. Nơi nào chúng sinh có duyên cần hóa độ, nơi đó chúng ta sẽ thị hiện thân đến để hóa độ. Nơi nào có chúng sinh khổ, thì nơi đó có mặt chúng ta. Khi chúng ta chứng được quả vị Bất Thoái Chuyển, thì sẽ chắc chắn hơn.

 *Còn bây giờ,* *quy y noi gương theo Bồ Tát Địa Tạng đó chính là chúng ta hãy hành trì theo lời dạy của Đức Phật trong kinh Bản Nguyện Của Bồ Tát Địa Tạng này*. Ngài dạy chúng ta sau khi quy y rồi thì phải dứt ác, hành từ. Nghĩa là dứt bỏ tất cả các việc ác, làm tất cả các việc thiện có thể, bằng tâm sức và trí tuệ, điều kiện của chúng ta thì gọi là dứt ác hành từ. Đặc biệt, hàng ngày chúng ta đọc tụng thọ trì bộ kinh này bằng tất cả tâm thành kính của chúng ta để cầu nguyện Địa Tạng Bồ Tát phóng đại quang minh, phân thân vô số để tiếp dẫn chúng sinh. Chúng ta chưa vào địa ngục khổ để thuyết pháp, độ sinh được vì chúng ta còn vướng vào tấm thân ngũ uẩn này, hơn nữa là chúng ta chưa có đủ công đức, trí tuệ, chưa có thần thông nên chúng ta cũng chưa thể vào đó để thuyết pháp. Chúng ta hãy nương theo lời Phật, trì tụng bộ kinh này, mỗi ngày đủ ba thời, hết cả ba quyển Thượng, Trung, Hạ một ngày. Nếu chúng ta làm được thì chính là chúng ta đang làm tăng thêm sức mạnh, đồng thời cũng là để cầu thỉnh Bồ Tát Địa Tạng thay chúng ta để cứu độ chúng sinh đang chịu khổ ở trong địa ngục khổ. Làm được như thế thì nghiệp chướng của chúng ta dần dần sẽ được tiêu trừ, công đức sẽ được dần dần tăng trưởng. Tôi có niềm tin sát thực vào lời Đức Phật dạy là như thế. Chúng ta nếu trí tâm đọc tụng, cầu nguyện chư Phật, Bồ Tát đặc biệt là Địa Tạng Vương Bồ Tát gia hộ cho thì Ngài sẽ sắp xếp, chăm lo cho chúng ta.

 Xin kể ra đây một câu chuyện mới đây tôi có nằm mơ một giấc mơ, đó là trên thế giới xảy gia cuộc chiến tranh rất lớn, vũ khí sát hại hiện đại chưa từng thấy. Chúng ta biết ở trong các cuộc chiến tranh từ trước đến nay, có nhiều chuyện hi hữu xảy ra lắm. Muốn tránh được những tai nạn về nước, lửa, chiến tranh, thú dữ… trong kinh Bản Nguyện Của Bồ Tát Địa Tạng, Đức Phật dạy muốn tránh thì hãy nhất tâm trì tụng kinh này thì sẽ thoát được hết các tai nạn đó. Nếu chúng ta có niền tin sâu sắc như vậy, thì tôi tin rằng Chư Phật, Bồ Tát sẽ không bỏ rơi chúng ta. Một giấc mơ, đôi khi lại có thể trở thành hiện thực. Nếu nó thành hiện thực thì chúng ta rất khó để lay chuyển nó. Vậy nên bây giờ tôi mong rằng các Phật tử, chúng ta nếu ai có đủ nhân duyên, tới đây tán đàn rồi thì chúng ta phát nguyện tiếp tục trì tụng bộ kinh này. Đối với Phật tử tại gia thì ở tụng tại nhà, đúng giờ đó thì chúng ta tụng. Sau Pháp Hội thì thầy sẽ lên lịch, giờ chuẩn cho quý vị tụng kinh, nếu ai bận thì chúng ta có thể tụng vào thời gian khác cũng được. Trong các đạo tràng chuyên tu, cứ đến giờ đó thì chúng ta tập trung đọc với nhau. Được những giờ cùng tụng với nhau như vậy thì tạo ra sự cộng hưởng rất lớn. Giống như tạo ra một mạng lưới kết nối với nhau, thông tin được phủ khắp không bị gián đoạn ở nơi nào thì sẽ tạo ra từ trường rất lớn, có thể chấn động đến cả địa ngục A Tỳ vậy. Chúng ta cùng đem những công đức ấy mong rằng thế giới sẽ được hòa bình, chúng sinh an lạc.

***Quy y với Bồ Tát Địa Tạng là chúng ta y giáo phụng hành, nương theo lời dạy của Phật Tổ, thọ trì, đọc tụng kinh này*.** Bước đầu là đọc tụng, sau đó tiến lên là thọ trì. Thọ trì nghĩa là làm theo, trong kinh Đức Phật dạy như thế nào, Địa Tạng Bồ Tát dạy như thế nào, chư Đại Bồ Tát, Thiên Long, Qủy Thần trong kinh này dạy như thế nào thì chúng ta hành trì như thế. Đọc ở phạm vi nhỏ, tụng ở phạm vi vừa, còn thọ trì thì ở phạm vi cao nhất. Thọ trì là sự nghiên cứu, chúng ta đọc trong văn kinh Đức Phật dạy như thế nào thì chúng ta suy nghĩ, tư duy, việc nào làm được trước thì chúng ta nhất tâm làm theo. Ví dụ, trong văn kinh khuyên chúng ta ăn chay, một tháng mười ngày đối với Phật tử tại gia. Nếu chưa ăn chay trường được, thì Phật tử tại gia ăn chay được mười ngày cũng quý rồi, làm được như vậy thì đang ở giai đoạn thọ trì kinh. Tiếp đến, trong kinh Phật, Bồ Tát dạy chúng ta không ăn ngũ tân. Ngũ tân bao gồm: hành, hẹ, tỏi, kiệu cùng với hành tây – hành tây chính là hưng cừ, tiếng Ấn Độ ngày xưa dịch ra tiếng Hán là hưng cừ.

*Xưa các pháp sư ở Ấn Độ sang Trung Quốc, thì khi đó ở Trung Quốc chưa có loại hành đó nên dịch nguyên âm là hưng cừ, nhiều người không biết hưng cừ là gì. Nhưng trải qua hơn một trăm năm, khi thế giới có sự giao thương giữa phương đông và phương tây nên củ hành tây đó được xuất khẩu sang Châu Á chúng ta, Việt Nam, Trung Quốc cũng có sự xuất hiện của loại hành này. Dần dần, loại hành đó có thể trồng được ở trên đất Việt Nam, ở Trung Quốc cũng có thể trồng được. Bây giờ thì được sử dụng rộng rãi, củ hành tây ấy trong luật của nhà Phật thì chính là củ hưng cừ - một trong năm loại ngũ vị tân đó.*

*Vì sao không ăn những đồ đó? Vì Đức Phật xác định cái thứ nhất sẽ làm tăng thêm dục vọng, trong Luật Đức Phật giải thích rằng nếu ăn hành, hẹ, tỏi, kiệu và hành tây thì thế ở thế gian cho rằng sẽ chữa được một số bệnh. Ví dụ như ăn tỏi sẽ chữa được rất nhiều bệnh như bệnh phong hàn và nhiều bệnh khác, tuy nhiên nó làm tăng dục vọng, dục tâm ở trong con người ta. Làm con người ta nếu có dục tâm nhiều thì sẽ tăng trưởng tri kiến ác, đồng thời dễ bị sân hận và nổi nóng. Điều đặc biệt đó là ăn hành, hẹ, tỏi, kiệu, hành tây nghĩa là ngũ tân đó thì nó có mùi hôi, ăn vào thì hơi thở của chúng ta phát mùi hôi rất khó chịu. Khi chúng ta đọc tụng kinh điển của Phật thường có chư Thiên, Long, Bát Bộ thường đến để nghe kinh, hơn thế còn để hộ trì cho người trì kinh, cúng dàng người đọc tụng kinh điển.*

*Tôi kể cho quý vị nghe: Ngày xưa ở Trung Quốc có một vị luật sư nổi tiếng tên là Đạo Tuyên Luật sư. Có một hôm, Ngài Đạo Tuyên đi hoằng pháp, đi qua một khu vực, thấy cảnh già lam trong khu vực đó rất đẹp. Ngài do có công đức trì giới thanh tịnh nên Ngài đã chứng được sáu pháp thần thông, trong đó có thiên nhãn thông. Hôm đó, Ngài nhìn thấy ở trên hư không có hằng hà sa số chư thiên vân tập về đầy khắp hư không, nhìn xuống khu vực đó. Ngài nghĩ rằng ở đây có một vị Bồ Tát xuất thế hay sao? Hay có một bậc cao tăng nào đang thuyết pháp ở khu vực này chăng, mà chư Thiên đông thế? Ngài đi đến gần nơi, thì thấy một ngôi chùa rất trang nghiêm, cổ kính. Ngài thấy chư Thiên ở trên hư không hướng về phía ngôi chùa đó, nên Ngài đi vào. Vào trong chùa, Ngài không nhìn thấy bậc pháp sư nào đang thuyết pháp cả mà chỉ nhìn thấy ở trên chính điện có một vị Hòa Thượng đang tụng kinh Diệu Pháp Liên Hoa – đây có thể là một cao tăng nên mới có nhiều chư Thiên đến như thế. Ngài bước vào và đỉnh lễ Phật, sau đó chờ vị Hòa Thượng tụng kinh Pháp Hoa xong thì chào hỏi, chia sẻ bởi chư Thiên đến đông như vậy thì chắc hẳn cũng phải là một vị tu hành có đạo đức, cũng có sự hành trì, tu tập niêm mật ở đó.*

*Ngài hỏi về phương pháp tu tập của vị Hòa Thượng đó, thì Hòa Thượng nói rằng:*

* *Con đã xuất gia hơn bốn mươi năm nay và chỉ chuyên trì tụng kinh Diệu Pháp Liên Hoa và niệm câu hồng danh Đức Phật A Mi Đà, cầu nguyện một đời vãng sinh theo lời dạy của Tổ Thiên Thai Trí Giả.*

*Ngài Đạo Tuyên lại hỏi tiếp rằng:*

* *Ở trong chùa Chư Tăng hành trì giới luật như thế nào?*

 *Vị Hòa Thượng bạch rằng:*

* *Chúng con ở đây, vùng sâu, vùng xa nơi biên địa cho nên về sách vở đặc biệt là những tư liệu về Luật Tạng rất ít, nên gần như Tăng, Ni trong chúng nói về Luật thì sự hiểu biết còn bị hạn chế rất nhiều. Khi đi thọ giới, các Thầy ở chùa chúng con thọ giới dạy như thế nào thì chúng con hành trì như thế, còn cũng không biết nhiều.*
* *Lúc đi qua ở ngoài phía xa nhìn thấy chúng Thiên, Long, Bát Bộ ở trên hư không này rất đông nên con tìm đến đây. Tuy nhiên, con có một điều không hiểu tại sao chư Thiên vân tập về rất đông như thế, nhưng vị nào cũng lấy tay để che mũi, có mặt thì quay mặt đi, không biết lý do như thế nào?*

 *Vị Hòa Thượng nghĩ rằng có thể do đạo đức của mình còn yếu kém, nhân tu của mình còn yếu kém nên chư thiên đến mà không nhìn.*

*Ngài Đạo Tuyên hỏi:*

* *Ở đây ăn uống như thế nào?*
* *Khi xưa đi thọ giới, các HòaThượng, Đường chủ bảo ăn một bữa thì Tăng, Ni trong chùa cũng chỉ ăn một bữa chính ngọ, tu tập ngày sáu thời ngồi thiền, tụng kinh, niệm Phật. Chúng con ở nơi đây hành trì đúng như lời dạy của các Hòa Thượng, chúng con cũng không đi sam phương cầu đạo được, cũng không được học nhiều. Hơn bốn mươi năm nay, con vẫn hành trì như thế, đại chúng tu tập trong chùa cũng hành trì như thế.*

*Đến giờ thọ trai, có chú tiểu mang cơm lên thị giả thày và khách . Ngài Đạo Tuyên nhìn thấy trên mâm cơm, món nào cũng có hành, có tỏi, bởi xứ đó là xứ lạnh thường ăn hành, tỏi để tránh bệnh cảm lạnh.*

*Ngài Đạo Tuyên lại hỏi rằng:*

* *Ở đây Tăng chúng vẫn ăn ngũ tân sao?*
* *Vẫn sử dụng bình thường thưa Thầy, vì nó là thực vật. Khi đi thọ giới các thầy chỉ bảo không ăn thịt động vật, còn tất cả thực vật đều có thể ăn được. Người dân ở đây tất cả đều ăn như thế.*

*Bấy giờ Ngài Đạo Tuyên mới hiểu lý do mà chúng Chư Thiên ở trên hư không vị nào cũng lấy tay che mũi, vị thì quay mặt đi là do Hòa Thượng ăn hành, tỏi. Khi lên tụng kinh, chư Thiên thấy có mùi hôi, không chịu được nên các Ngài phải lấy tay che mũi hoặc quay mặt đi. Từ nhân đó mà Ngài Đạo Tuyên nói cho vị sư kia biết trong luật tạng, Đức Phật có cấm các đệ tử của Ngài ăn ngũ tân. Thứ nhất nó làm tăng trưởng dục vọng, những tri kiến ác, sự sân hận nhiều hơn, thứ hai là nó có mùi hôi trong hơi thở khiến cho chư Thiên không hoan hỷ, chư Phật, Bồ Tát cũng không hoan hỷ khi thấy các đệ tử nhất là người xuất gia ăn những đồ đó.*

*Từ câu chuyện đó, nên sau này Ngài Đạo Tuyên càng chuyên sâu về Luật tạng hơn và trở thành một vị Tổ Luật Tông của Trung Quốc. Trong Phật giáo Trung Quốc có mười tông phái lớn: Thiền tông, Mật tông, Tịnh tông, Thiên Thai tông, Tam Luận tông, Câu Xá tông… Trong đó có một tông gọi là Luật tông – chuyên nghiên cứu về luật, và nghiêm trì giới luật. Ngài giải thích rất rõ ràng các giới Phật đã chế cho những người xuất gia.*

Chúng ta quy y, nương theo Địa Tạng Bồ Tát, thọ trì, đọc tụng kinh của Ngài, thì những lúc đó không được ăn ngũ tân thì chư Thiên, Long, Bát Bộ, Hộ Pháp, Thiện Thần… mới hoan hỷ, Phật Bồ Tát cũng hoan hỷ. Công năng đọc tụng, thọ trì của chúng ta sẽ tốt hơn. Trong luật nói rằng người ăn tam tịnh nhục tụng kinh, còn tốt hơn người ăn ngũ vị tân để tụng kinh.

*Thế nào là tam tịnh nhục?* Đó là những thứ mà mắt chúng ta không nhìn thấy con vật đó chết, tai không nghe thấy con vật đó kêu khi chết và bản thân không bảo người khác giết chết cho mình. Các vị tỷ khiêu đi khất thực, họ cúng dàng đồ ăn như thế thì được ăn, còn hơn những người ăn chay mà ăn ngũ tân.

Khi chúng ta đọc kinh có chư Thiên, Long, Bát Bộ, các vị Bồ Tát đến để hộ trì, cúng dàng kinh điển và người thọ trì kinh điển. Nếu ăn ngũ vị tân thì các Ngài chỉ đứng từ xa, nếu không các Ngài sẽ đến gần hơn. Các Ngài đến gần thì chúng ta sẽ được gần quang minh công đức của Phật, của chư Thiên… thì chúng ta cũng sẽ được tiêu nghiệp chướng nhanh hơn, công đức tăng trưởng nhanh hơn. Vì thế chúng ta phải cố gắng mà từ bỏ không ăn ngũ vị tân nữa.

Có những Phật tử hỏi rằng:

* Bạch Thầy, tại sao ở nhiều nơi con thấy các sư cũng vẫn ăn?

 Đúng, nhiều nơi các sư vẫn ăn bình thường. Hôm trước, tôi có kể cho các Phật tử nghe câu chuyện của một vài Phật tử đi đến một ngôi chùa, cho ăn hành gọi là Pháp hành, ăn trứng gọi là Pháp vị, ngủ cầu tiêu gọi là tiêu nghiệp, nằm đắp chiếu gọi là quán chiếu… Tôi không hiểu nó học Phật kiểu gì, sư mà như vậy thì phải nói thật là thua các Phật tử chúng ta ở đây. Những bậc tri thức có kiến giải, kiến thức về Phật học dạy bảo chúng ta, chúng ta cũng không theo nữa. Thầy của tôi bảo ăn hành là pháp hành, ăn trứng là pháp vị, ngủ đắp chiếu là quán chiếu… không cần phải tu nữa, thế mà chúng ta cũng tin được. Trong kinh Đức Phật nói là “ kẻ mù gặp người dẫn đường mù vậy”. Mình đã mù, không biết đường để đi, gặp một người dẫn đường cũng bị mù, nó lao xuống hố thì mình cũng sẽ bị lao xuống đó. Kẻ ngu si gặp kẻ dốt nát là như vậy. Nói mà không nghe, chúng ta phải phân biệt được đâu là nói xấu người khác, đâu là phá mê khai ngộ cho chúng sinh.

Nếu vị sư kia là đúng chính pháp, mà mình lại đi nói rằng người ta làm sai chính pháp, làm xấu hổ để lấy uy tín về mình thì gọi là đi nói xấu người khác. Hoặc còn gọi là đi đọc lỗi người khác. Tự nhiên không bao giờ chúng ta đi đọc lỗi người khác, Đức Phật cũng vậy.

 Ngày xưa, khi Đức Phật thành đạo song song với Phật giáo thì khi đó còn có 96 ngoại đạo. Ấn Độ lúc bấy giờ còn có 96 tôn giáo khác được nhà nước công nhận cùng hoạt động với Phật giáo. Khi Đức Phật muốn đi truyền bá từ quốc gia này sang quốc gia khác gặp vô vàn khó khăn.

Một lần Đức Phật đến một quốc gia nọ, ông vua trong nước đó lấy tôn giáo khác làm quốc đạo. Khi Đức Phật đến truyền đạo thì những người theo tôn giáo kia không đồng ý, nói với Đức Vua rằng :

* Sa môn Cù Đàm - Đức Phật Thích Ca, tuổi còn trẻ, công đức và trí tuệ sao có thể so sánh được với các bậc trưởng lão, trưởng thượng trong tôn giáo của chúng tôi. Tôn giáo của chúng tôi đã tồi tại được mấy nghìn năm rồi, như Bà La Môn có trước Phật giáo đến chín nghìn năm. Còn Phật giáo thì ông Sa môn Cù Đàm thành Phật cách đây vài năm, tuổi mới ngoài ba mươi mà đã được xưng là thầy của Nhân, Thiên…

Vị vua nghe nói như vậy cũng thấy đúng, vì mới hơn ba mươi tuổi đã xưng là Phật, còn các bậc trưởng lão đã đi tu, ẩn tu ở trong rừng đã tu lâu hơn. Nhưng cũng có những vị cận thần, đã được gặp Phật và nghe Phật thuyết Pháp rồi nên tâu với vua :

* Xin bệ hạ thỉnh Đức Thế Tôn về một lần, được nhìn thấy kim thân của Đức Thế Tôn, được nghe Đức Thế Tôn thuyết pháp thì bệ hạ sẽ thấy lời đồn của nhân gian là hoàn toàn chính xác.

Đức vua nghe thế, liền thuận theo quần thần và ý nhân dân nên thỉnh Đức Thế Tôn đến thuyết pháp ở đất nước mình.

Tuy nhiên các tôn giáo khác cũng phản đối rất nhiều, họ xin vua cho lập một đàn tranh luận về giáo pháp, pháp môn tu tập để đi đến sự giải thoát giác ngộ, bên nào thắng thì sẽ được truyền giáo ở quốc gia này. Đức vua đồng ý yêu cầu đó. Có lần Đức Phật cho các đại đệ tử đến, có những lần thì Đức Phật phải trực tiếp đứng ra để đối diện giải quyết vấn đề biện luận giữa tôn giáo này và tôn giáo kia.

Chúng ta thấy, trong Phật giáo gọi đó là ***‘Tồi tà phụ chính’***.

***‘Tồi’*** nghĩa là đánh bạt, dùng lý luận chân chính của mình để xóa tan đi cái nhìn nhận thiên lệch của chúng sinh, của các tôn giáo đó, sự nhìn nhận tà kiến của ngoại đạo để hiển dương chính pháp.

Thời Đức Phật tại thế, Ngài cũng làm như vậy. Rồi các bậc Tổ sư, các Đại Đệ Tử của Đức Phật đi đến các nơi truyền giáo cũng mắc vào các trường hợp tương tự như thế. Thậm chí có những trường hợp cần phải sử dụng thần thông, Đức Phật cũng dùng phương tiện cho các đệ tử khai triển thần thông để giải quyết vấn đề đó. Bình thường Ngài cấm các đệ tử sử dụng thần thông để mê hoặc lòng người, nhưng khi cần để xiển dương chính pháp thì Ngài vẫn cho dùng.

*Một lần, toàn bộ nhân dân ở xứ làng chài ven biển ở đất nước Ấn Độ. Ở đó nhân dân rất quý kính Phật và quy y theo Phật, có một con Hắc Long – con rồng độc là thái tử của Long Vương nhưng lại có ác tâm. Thấy dân chúng ở nơi đó quy y theo Phật nên có hiềm khích, ghét Đức Phật. Nhưng nó không có khả năng hại Phật nên nó hại các đệ tử của Ngài. Cứ chiều tối, nó làm nên những trận cuồng phong làm đổ nhà cửa của dân chúng. Mỗi lần như thế, dân chúng đều rất sợ. Ở xứ đó cũng có một đền thờ của con Hắc Long đó. Khi mà Đức Phật đến giáo hóa vùng đó thì dân chúng quy y với Phật nên không đến lễ bái, cúng dàng ở ngôi đền thờ nữa. Nên nó sinh lòng sân hận cứ đêm về nó làm trận cuồng phong, phá hỏng nhà cửa thậm chí còn chết cả dân chúng nữa. Những người trông ngôi đền đó bị con Hắc Long nhập vào và bảo rằng đó là do nhân dân trong xứ này quay lưng lại với Long thần, thổ địa ở đó. Trước kia dân chúng hay đến cúng dàng thì được an lành, bây giờ không cúng nữa nên các vị Long thần ở ngôi đền đó nổi giận.*

*Người dân khu vực đó đem câu chuyện bạch lại với Đức Phật. Đại chúng đang nhóm họp, thì nghe người dân phản ánh như thế, các đệ tử như Xá Lợi Phất xin đi, Đức Phật lắc đầu không đồng ý. Tôn giả Kiều Trần Như cũng xin đi, Đức Phật không đồng ý. Tôn giả Tu Bồ Đề, Đức Phật cũng không đồng ý cho đi, Ngài La Hầu La cũng vậy. Đến Ngài Đại Ma Ha Ca Diếp xin đi cũng không được sự đồng ý của Phật. Tôn giả Mục Kiền Liên liền đứng lên, ra lễ Phật và xin Phật Ngài đi, Đức Phật gật đầu đồng ý cho Ngài đi. Trước khi đi, Đức Phật dặn Tôn giả Mục Kiền Liên đến đó thì hãy tùy duyên mà hành pháp. Tùy duyên thuyết pháp nghĩa là nếu cần dùng thần thông thì Đức Phật cho phép ông được khai triển thần thông để thu phục con độc long kia.*

*Nếu như Tôn giả Xá Lợi Phật – trí tuệ đệ nhất, đến đó dùng lời thuyết pháp thì chắc chắn con Độc Long không nghe. Tu Bồ Đề - là người chứng được giải không đệ nhất đến dạy pháp tu cho Độc Long thì cũng không theo. Ma Ha Ca Diếp – hành hạnh đầu đà đệ nhất, nếu dùng Đức của mình để cảm hóa Độc Long thì nó cũng không nghe vì nó đang ôm tâm hận thù trong đó nên nó không còn tâm nghe pháp. Vậy nên, Tôn giả Mục Kiền Liên – thần thông đệ nhất được Phật đồng ý cho đi. Tôn giả Mục Kiền Liên vừa đi đến nơi thì cơn đại cuồng phong từ ngoài biển kéo vào, bây giờ chúng ta gọi là bão. Cứ chiều là có một cơn bão qua, quét hết nhà cửa, ruộng vườn khiến cho cuộc sống người dân vô cùng cực khổ. Khi đó Mục Kiền Liên sử dụng thần thông bay lên hư không, cơn gió lốc cuốn đuổi theo để hại. Nhưng chúng ta biết rằng trong tất cả các đệ tử của Đức Phật thì Ngài Mục Kiền Liên có thần thông đệ nhất nên một lúc sau thì Độc Long phải hiện nguyên hình. Câu chuyện này được kể trong bộ kinh A Hàm. Độc long hiện ra nguyên hình là một con mãng xà lớn và đuổi theo Tôn giả Mục Kiền Liên, miệng thì phun lửa muốn giết Ngài. Ngày hôm sau, nó lại dùng phép biến hình thành một núi lớn ở giữa biển giống như một hòn đảo. Tôn giả Mục Kiền Liên biến thành các vị thần Kim Cương, dùng búa từ trên trời giáng xuống đỉnh núi. Như bị đánh vào đầu, quá đau nó liền biến thành các hình dạng khác. Nhưng dù biến thành gì thì Tôn giả cũng phá được. Cuối cùng thì Độc Long cũng chịu quy hàng Mục Kiền Liên, quy y với Ngài và xin được làm đệ tử tại gia. Ngài Mục Kiền Liên đồng ý, sau khi truyền pháp Tam Quy và Ngũ giới cho thì dạy cho cách tu hành thập thiện pháp, đưa trở về sám hối với cha mình là Long Vương vì đã bỏ đi làm rối loạn nhân gian.*

Đó được gọi là : ***“Tồi tà phụ chính”.*** Quý vị phải biết phân biệt rõ thế nào là nói xấu người khác, thế nào là tồi tà phụ chính trong Phật giáo. Phá mê khai ngộ khác với đi tìm lỗi của người khác. Chúng ta là người học Phật, chúng ta phải biết phân biệt đâu là chính, đâu là tà. Không đúng với kinh điển của Đức Phật đã dạy thì nghĩa là sai với chính pháp. Khi đi sai chính pháp rồi thì dù cho hình tướng có là Sư thì thực tế đó cũng không phải là Sư.

Thời mạt pháp này, ma là sư còn nhiều hơn cả sư thật, muốn phân biệt được thì hãy nhìn vào hành động của họ, lời nói của họ. Nếu như lời nói của họ hay mà hành động dở thì đó cũng là ma. Họ nói hay đến đâu, nhưng hành động mà sai với chính pháp thì đó đều là ma. Chúng ta không khéo mà vướng vào đó thì không biết ngày nào mới ra. Các Phật tử học đạo chúng ta cũng phải để ý, quy y với Bồ Tát Địa Tạng, nương tựa vào Bồ Tát Địa Tạng chính là nương tựa vào một đại thiện tri thức.

***Vì sao lại gọi Bồ Tát Địa Tạng là bậc đại thiện tri thức ?*** Vì bộ kinh này dạy cho chúng ta biết bỏ ác, làm lành, lánh dữ, hành thiện, hướng dẫn cho chúng ta đọc tụng, thọ trì kinh Bản Nguyện Của Bồ Tát Địa Tạng khiến cho trí tuệ khai mở, hiểu được nhân quả, hiểu giáo pháp của Phật. Các giáo pháp cơ bản của Đức Phật gần như đã được nói đến trong văn kinh, đó là : dạy về năm giới, thập thiện, thậm chí dạy chúng ta những pháp cao hơn để được sinh về cảnh giới của chư Phật mười phương. Về đó, chúng ta sẽ tu tập đúng chính pháp.

Quy y với Bồ Tát Địa Tạng là phải nương theo lời dạy của Ngài để tu tập, hành trì đúng theo lời dạy trong kinh, tu tập đúng chính pháp. Nếu muốn được giác ngộ, được vãng sinh trong một đời thì chúng ta chọn thầy mà học đạo, gần gũi chư Tăng nhưng phải là bậc tu hành đúng chính pháp. Thời mạt pháp này giữ giới thanh tịnh thì ít, nhưng phải là người hướng dẫn tu hành đúng chính pháp. Tu Thiền, Mật hay Tịnh cũng được nhưng phải đúng chính pháp. Nếu thấy chư Tăng, Ni ở đó mà ăn thịt, uống rượu, ăn Ngũ tân như trong kinh Địa Tạng nói thì chắc chắn đó không phải vị tu hành chân chính, chúng ta nên tránh. Nếu cứ bám vào đó thì họ đọa, ta cũng đọa. Chúng ta thân cận họ thì họ cũng giống như một người thầy mù dẫn đường cho chúng ta vậy. Chúng ta đã là người mù rồi, không biết thế nào là Phật Pháp chân chính, họ bảo ăn thịt, uống rượu, ăn năm thứ cay nồng – ngũ tân cũng không ảnh hưởng gì đến đạo giải thoát, đạo lực tu hành của chúng ta… Như thế là tà môn ngoại đạo, sau khi mất đi gần như là đọa trong địa ngục. Những người theo họ, nếu không gặp được bậc thiện tri thức, không quy y với Bồ Tát Địa Tạng hoặc chư Phật, Bồ Tát khác dẫn dắt cho khi còn sống để hồi tâm chuyển ý thì gần như chắc chắn họ đọa lạc thì quý vị cũng đọa lạc vậy.

Cho nên trong kinh Đức Phật dạy rằng ***: phải dốc lòng quy y, chiêm lễ Bồ Tát Địa Tạng, dùng những lời từ hòa, xưng dương cùng tán thán Bồ Tát Địa Tạng.***

 ***Từ hòa*** là những lời lẽ nhẹ nhàng, những lời tốt đẹp, nói đúng với sự thật để cung kính, cúng dàng, tán thán trì tụng kinh Địa Tạng. Khi hội tập bộ kinh này, chúng tôi cũng suy nghĩ rất nhiều, tìm cách đọc tụng như thế nào để cho những lời từ hòa trang nghiêm, thành kính. Vậy nên, tôi đã quyết định dùng cách đọc tụng này. Giọng đọc được thay đổi liên tục, hơn nữa lại gần giống với tiếng Phạm âm. Các vị xuất gia bên Nam tông tụng kinh cũng gần giống như thế này. Các sư bên Tây Tạng khi trì chú và cả Tịnh Tông Học Hội Thế Giới của Hòa Thượng Tịnh Không thì cũng có cách đọc tụng na ná như thế. Cách đọc tụng có âm điệu trầm bổng như thế tạo cho người đọc cảm thấy hoan hỷ và nhất tâm khi đọc tụng kinh.

Cách đọc tụng này thì nhiều quý Thầy, Hòa thượng, Thượng tọa ở miền Bắc không thích, bảo rằng tôi muốn thể hiện hơn các Tổ ngày xưa, để lôi kéo Phật tử về đạo tràng của mình. Nhưng các quý vị thấy, các vị đến chùa bao nhiêu ngày muốn gặp tôi còn khó. Vì sao ? Vì mục đích của tôi là hoằng pháp, truyền bá giáo Pháp đến với quý vị, chứ không phải mục đích của tôi là mời các quý vị về đây để cúng dàng tôi. Có những người cúng hàng trăm triệu, thậm chí ngày xưa khi xây chùa Tản Viên có người cúng dàng cả ba tỷ, nhưng tôi cũng chỉ có duy nhất một câu là : “A Mi Đà Phật, Phật Tổ chứng minh” cũng không có hơn. Quan điểm của tôi, Phật tử đến chùa tu điều quan trọng nhất là phải hòa đồng được với nhau, tôi cần người tu chứ không phải cần người có nhiều tiền. Họ thành tâm cúng dàng, thì đó là cúng dàng Tam Bảo, chúng ta dùng làm công việc Phật sự, xây dựng chùa, họ làm họ có phúc. Còn ai khi đến mà gây loạn là tôi cũng mời ra khỏi chúng, dù cho các vị gần tôi lâu năm hay cúng dàng tôi nhiều nếu làm sai tôi vẫn quở trách như thường.

Trong đoạn kinh này chúng ta thấy quy y, xưng tán Bồ Tát Địa Tạng nghĩa là chúng ta noi theo những việc làm của Bồ Tát Điạ Tạng để học và làm theo. Dùng những lời từ hòa tán dương khen ngợi Bồ Tát Địa Tạng để cho chúng sinh nghe được công đức của Bồ Tát Địa Tạng để họ tin, họ làm theo lời dạy của Bồ Tát Địa Tạng.

*Như khi giảng như thế này, quý vị nghe pháp, quý vị có niềm tin, thì đó chính là tôi đang dùng* ***những lời từ hòa diễn*** *giảng kinh Phật, Kinh Bồ Tát Địa Tạng khiến chúng ta nghe lọt vào tai, đọng lại trong tâm mình và thấy hoan hỷ khi được cùng đến đây nghe pháp, đọc tụng, thọ trì Kinh. Đó chính là dùng những lời từ hòa tán dương khen ngợi Bồ Tát Địa Tạng, tán dương khen ngợi bộ kinh này, khiến cho chúng ta có niềm tin tụng đọc, thọ trì để sinh trưởng công đức, tiêu nghiệp chướng, tăng thiện căn. Chúng ta cũng có thể noi theo những vậy, bằng cách khuyên những người thân, những người có duyên với chúng ta đọc tụng thọ trì kinh này. Phải khéo léo, điều phục và giáo hóa người thân của chúng ta. Phải thấy căn cơ của họ đến lúc chín muồi, lúc gia đình của họ có sự khổ là lúc dễ khuyên họ đọc tụng và nghiên cứu kinh Địa Tạng nhất. Gia đình họ có người ốm đau, hoặc có người mới chết, là lúc tốt nhất để khuyên họ quy y và đọc tụng kinh Bồ Tát Địa Tạng. Khi họ còn khỏe, còn có quyền cao, chức trọng, chúng ta khuyên họ thì ít người tin lắm. Nhưng trong khi gia đình họ có sự bất an, tâm lý của họ đang hoản loạn, chúng ta đem bộ kinh này nói cho họ nghe, họ khởi được chút tâm chính tín, rồi họ đọc tụng kinh. Dần dần họ nhận thấy được giáo lý của Đức Phật trong kinh, thấy rằng những tri kiến trước kia của mình là không đúng. Trước họ nghĩ chỉ có những ông già, bà già mới đến chùa tụng kinh, để có niềm vui khi về già. Không ngờ trong giáo lý của nhà Phật, một bộ kinh Địa Tạng thôi mà dạy con người ta nhiều điều như thế, rồi họ tin và làm theo.*

Làm được như vậy là chúng ta đang khéo léo dùng những lời từ hòa để tán dương, khen ngợi và truyền bá Kinh Địa Tạng đến với mọi người. Đó chính là quy y Bồ Tát Địa Tạng một cách chân chính, đó là tán thán, thọ trì kinh Địa Tạng chân chính, các quý vị hãy cố gắng thì chúng ta sẽ kết được đại thiện duyên với chúng sinh ở trong cuộc đời này.

**BÀI GIẢNG 37**

Hôm nay, chúng ta tiếp tục học và nghiên cứu chính văn Kinh Bản Nguyện Của Bồ Tát Địa Tạng.

***Lúc bấy giờ, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni liền bảo với Bồ Tát Định Tự Tại Vương rằng: “Ông và chúng hội đây, nay phải nên biết rõ, Bồ Tát Địa Tạng đây, có sức đại uy thần, thật chẳng thể suy lường, cũng chẳng thể nghĩ bàn, thường giáo hóa chúng sinh, độ thoát cho hết thảy.***

Đức Phật, bắt đầu khuyên các vị Đại Bồ Tát phải hộ trì kinh này, không chỉ là như thế mà Ngài còn khuyên các Thiên, Long, Qủy, Thần cũng phải hộ trì và truyền bá kinh này. Ngài khuyên các vị phải đọc tụng, thọ trì, biên chép, diễn giảng Kinh rộng ra để cho chúng sinh được biết. Vì bộ Kinh này rất lợi ích, phổ cập các căn cơ. Đối với hàng sơ học, đọc Kinh cũng thấy dễ hiểu và hoan hỷ, khi mà hiểu được thì mới hoan hỷ. Các Phật tử nếu đọc, tụng mà không hiểu cũng giống như nước đổ lá khoai.

Ví nhứ khi tụng Tâm Kinh Bát Nhã, quý vị có hiểu Đức Phật nói gì không? *“****Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc. Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc, Thụ, Tưởng, Hành, Thức diệc phục như thị”.***

Sắc tức là Không, Không tức là Sắc. Sắc nghĩa là sắc chất, ví dụ như cái đồng hồ gọi là sắc. Vì sao ? Vì nó có hình tướng, do con người ta tạo nên từ các loại vật liệu, linh kiện điện tử để sản xuất ra. Không là chỉ cho sự trống rỗng, mênh mông, bao la, của hư không. Hư không thì không có hình tướng. Nhưng trong Tâm Kinh, Đức Phật nói : **Sắc tức là Không, Không tức là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, diệc phục như thị.** *Thọ là những cảm thọ, thọ nhận của con người ; Tưởng là những suy nghĩ, những ý tưởng trong tâm thức. Hành là những hành động, việc làm của chúng ta. Thức chỉ cho Bát Thức Tâm Vương và 51thức tâm sở. Chúng ta đọc nhưng chúng ta không hiểu.* Vì giáo lý trong tâm kinh quá cao, dành cho các hàng căn tính đại thừa, các hàng Bồ Tát đã tu chứng hàng Thất Địa trở lên mới có thể hiểu được. Lên hàng Thập Địa, Đẳng giác, Diệu giác mới có thể tự do, tự tại ở trong tư tưởng của Bát Nhã được. Bát Nhã là trí tuệ - trí tuệ vô lậu, trí tuệ Ba La Mật, là mẹ sinh ra các Đức Phật. Các Đức Phật đều được sinh ra từ Bát Nhã Ba La Mật. Bát Nhã Ba La Mật là trí tuệ, là giác ngộ, là sự giải thoát viên mãn, đầy đủ không khuyết thiếu.

Chúng ta thấy : **Quán Tự Tại Bồ Tát** nếu nói vào một vị Bồ Tát có danh tướng chính là chỉ cho Bồ Tát Quán Thế Âm. Quán Âm thanh của chúng sinh khắp mười phương thế giới, chúng sinh cần cứu độ, Ngài liền hiện thân để cứu độ. Quán Thế Âm – Ngài dùng nhĩ căn viên thông để nghe. Quán Tự Tại thì Ngài dùng bằng tâm, chúng ta muốn dùng tâm được thì phải đạt đến niệm Phật tam muội, Thiền thì phải được chính định, vượt qua hàng tứ thiền, bát định của hàng tiểu thừa và ngoại đạo thì khi đó mới thâm nhập được vào Quán Tự Tại ở trong nội tâm của chúng ta. Cho nên tư tưởng của Bát Nhã, là tư tưởng và giáo lý dành cho các vị Bồ Tát, không phải dành cho những vị sơ phát tâm mà có thể thâm nhập trong tư tưởng của Bát Nhã.

Nhưng chúng ta thấy, trong các khóa lễ tụng niệm của Phật giáo Bắc Tông, sau khi tụng kinh xong đều tụng Bát Nhã Tâm Kinh.

Bộ Kinh Đại Bát Nhã có ba quyển, mỗi quyển dày bằng quyển Kinh Pháp Hoa, trong đó có rất nhiều phẩm. Tâm Kinh Bát Nhã là Ngài Trần Huyền Trang được Bồ Tát Quán Thế Âm dạy cho. Trong truyền ký nói rằng xưa kia khi Ngài Trần Huyền Trang đi qua sa mạc Gô Bi, khát nước. Khi đó Ngài đi một mình, không phải là có bốn, năm thầy trò Đường Tăng như trong phim. Tôn Ngộ Không, Chư Bát Giới, Sa Tăng là những hình ảnh được cường điệu hóa lên, còn Ngài đi một mình. Cũng không phải vua Đường làm tiệc đưa tiễn Ngài đi, mà Ngài vượt biên giới trốn sang Ấn Độ để cầu pháp. Qua sa mạc rộng lớn như vậy thì do hết thức ăn và đồ uống nên Ngài bị ngất trên hoang mạc. Trong lúc ngất lịm đi ấy, Ngài mơ thấy Quán Thế Âm Bồ Tát tới và dạy Ngài trì tụng Tâm Kinh Bát Nhã. Khi Ngài trì tụng thì bầu trời trên sa mạc bắt đầu đổ mưa, và Ngài có nước uống, có đủ sức để vượt qua sa mạc. Từ đó, Tâm Kinh Bát Nhã thường đi với Ngài Trần Huyền Trang. Sau này, khi sang tu học ở bên Tu Viện Na Lan Đà ở bên Ấn Độ, lúc đó Ngài Giới Hiền làm hiệu trưởng tu viện đó. Tu Viện Na Lan Đà là tu viện lớn nhất và đầu tiên giảng về trình độ Đại Học trên Thế giới. Trong lịch sử nói rằng, khi Ngài Huyền Trang sang đó thì Tu việc giáo dục được khoảng ba mươi ngàn tăng, ni, tín đồ cư sĩ Phật tử.

Ngài Trần Huyền Trang sang Ấn Độ vào khoảng thế kỉ VI – Sau Công Nguyên, lúc nào cũng có khoảng ba mươi nghìn người ăn, ở và học ở đó. Trên thế giới chưa có nơi nào dạy về chương trình Đại Học lớn như ở Tu Viện Na Lan Đà. Khi học ở đó một thời gian thì Ngài trở về Trung Quốc, về nước Ngài bắt đầu phiên dịch kinh điển. Bát Nhã Tâm Kinh là bộ Kinh mà Đức Phật nói là mẹ sinh ra các Chư Phật. Các Đức Phật quá khứ do Bát Nhã Ba La Mật mà thành Phật, các Đức Phật hiện tại, các Đức Phật vị lai cũng đều như thế. Nay do trình độ, căn cơ của chúng ta mới sơ tâm học đạo nên khó thâm nhập vào tâm kinh. Tụng Tâm Kinh không thể nào hiểu được. Đến chúng tôi, ngày xưa khi hành trì, đọc tụng rất nhiều bây giờ mới hiểu ra được một chút, nghe các Hòa Thượng, các bậc cao tăng, thạc đức giảng về Bát Nhã Tâm Kinh mới mở ra được một chút nữa.

Vậy nên những Bộ Kinh đó mà đưa cho chúng ta thì căn cơ của chúng ta chưa thể thâm nhập được. Nhưng đối với Bộ Kinh Bản Nguyện Của Bồ Tát Địa Tạng này, gọi là phổ cập các căn. Kinh A Mi Đà và Kinh Vô Lượng Thọ cũng dành cho các bậc có đầy đủ thiện, căn, phúc đức, nhân duyên mới có thể tin, thâm nhập và vãng sinh được. Kinh Địa Tạng, nhất là đối với hàng sơ tâm, đọc đến đâu chúng ta hiểu và hoan hỷ tới đó. Đặc biệt là Hòa Thượng Tịnh Không đã khẳng định rằng trong tất cả các Kinh điển của Phật, chúng sinh dưới cõi âm họ thích nhất là Kinh Địa Tạng. Vì sao? Hòa Thượng nói rằng vì chúng sinh ở dưới cõi âm đau khổ, nóng bức, nhiệt não. Hôm trước, chúng ta cũng đã được học sơ qua về những tội khổ trong địa ngục. Ở trong địa ngục chúng sinh khổ đau vô cùng, suốt ngày bị tra tấn hàng trăm lần do nghiệp cảm mà tạo nên. Ở đường ngã quỷ thì đói khát do kiếp trước keo kiệt, bủn sỉn nên sinh vào đường ngã quỷ. Ngã qủy thì bụng to như trống mà cổ nhỏ như cổ tay nên ăn mãi cũng không no. Do nghiệp cảm không có mà ăn nên lúc nào cũng đói, mong đến bữa để ăn.

*Ngày tôi mới đi tu vào chùa Hương, ngày chỉ ăn một bữa, nhưng làm thì quý vị có biết không, chúng tôi phải dậy từ 3 giờ. Tôi với sư ông Minh Đồng khi đó mới là chú tiểu thôi, hai anh em ở dưới bếp cùng với khoảng 3 – 5 bà vãi nhưng ngày nào cũng làm ít nhất 200 – 300 mâm cơm khách. Ngày nào cũng thế, từ 3h – 23h mới được nghỉ, vì khi đó mới hết khách. Công việc của tôi là nấu nướng uống, sắp bát và rửa bát. Thầy Minh Đồng khi đó vào trước nên thầy quen rồi nên thầy nấu cơm, nấu canh cùng với hai bà vãi. Cứ như vậy đến khoảng 10h đêm mới hết người ăn cơm, năm, sáu tháng cứ lặp đi, lặp lại như vậy.*

Trở lại đoạn kinh này, chúng ta thấy Đức Phật khuyến hóa, dạy bảo các vị Đại Bồ Tát, nhất là Bồ Tát Định Tự Tại Vương và chúng Thiên, Long, Qủy, Thần là phải hộ trì Kinh này, vì Kinh này giúp đời thoát khổ. Khiến cho chúng sinh được lợi ích rộng lớn, nhất là thời mạt pháp. Khi nào chúng sinh càng đau khổ, thì càng cần đến bộ kinh này, cần được truyền bá rộng rãi. Nếu chúng ta đọc những bộ Kinh giáo lý thâm sâu, huyền diệu thì chúng sinh không nghe thấy, không cảm được. Ví dụ như bây giờ, tôi giảng Bát Nhã Tâm Kinh xem, quý vị nghe có thể thấy vui tai, nhưng nó cũng giống như nước đổ lá khoai, không đọng được gì trong tâm quý vị cả. Chúng tôi ngày xưa còn mất hai năm chuyên tụng Bát Nhã, rồi nghe các Hòa Thượng, cao tăng thạc đức giảng giải trong luận tạng. Đọc tụng, nghiên cứu, thậm chí còn ngồi thiền để quán chiếu thì mới mở mang được một chút. Bây giờ, nếu giảng cho quý vị thì 10 người có 9 người như vịt nghe sấm.

Vậy nên Hòa Thượng mới bảo ở cõi âm người ta thích nhất là Kinh Địa Tạng. Bởi ở dưới đó, chúng sinh đang đau khổ, giống như người đói cần được ăn, ngươi khát cần được uống… Cái họ cần là cần ngay thực tế. Đói mà bắt ngồi nghe pháp thì các vị có nghe được không ? Nghe được cho các vị ngồi thông cả qua 12h trưa nay, chiều lễ tạ luôn. Tôi giảng đến khoảng hơn 10h là có người đã tự ý đứng lên rồi, mà không muốn vào nữa. Vì sao? Vì ngồi lâu mỏi và đói rồi nên không muốn nghe nữa. Vậy nên, người lên giảng cũng phải xem vẻ mặt và sự lắng nghe của tín đồ Phật tử bên dưới như thế nào. Nếu thấy họ ngồi nói chuyện riêng, thì hôm đó họ không hoan hỷ rồi, tốt nhất là cho hồi hướng. Còn trăm người như một, mắt vẫn nhìn lên thì biết rằng mọi người đang chăm chú lắng nghe, cố một chút cũng không sao.

*Ngày xưa, chúng tôi đi học giảng, cố Hòa Thượng chùa Hương Ngài truyền nhiều những kinh nghiệm lắm. Lớp chúng tôi có hơn 100 tăng, ni, nhưng chỉ có 10 vị tăng thôi. Đức Pháp Chủ và Cố Hòa Thượng Viện Chủ Chùa Hương khi đó là hiệu trưởng, hiệu phó nói rằng ở khu vực Sơn Tây, Ni thì nhiều, Tăng thì ít. Ni hoằng pháp thì ít, trách nhiệm hoằng pháp thì các vị tăng phải là người tiên phong. Sơn Tây chùa thì nhiều, tăng, ni cũng nhiều nhưng người hoằng pháp thì không có nhiều. Bình quân cứ 12 vị ni mới có 1 vị tăng xuất gia vì vậy mà cố Hòa Thượng Chùa Hương, Ngài rất chú trọng đến việc đào tạo tăng tài. Đến năm thứ 2, Ngài bắt chúng tôi lên tập giảng cho các Phật tử rồi. Ban đầu có 10 người giảng, sau dần dần chọn ra được 4 người. Tôi là một trong bốn người đó. Tôi là người học rất kém, nhưng khi nghe Cố Hòa Thượng giảng về công đức giảng kinh, thuyết pháp, Ngài nói 100 năm ngồi tụng kinh một mình không bằng lên giảng kinh cho 100 người nghe 1 lần mà họ về hoan hỷ tụng kinh. Vì sao mà công đức nhiều? Vì 100 người kia họ hiểu được ý nghĩa và công đức của người tụng kinh, thì họ về cũng tụng kinh như mình. Nhưng không phải họ chỉ tụng một năm mà có thể đến cuối đời họ. Hòa Thượng nói 7 phần công đức, thì họ hồi hướng cho mình 1, khi đó chúng ta được công đức rất nhiều. Nên tôi rất thích được lên giảng cho quý vị nghe.*

*Mới đầu tập giảng, tôi thường đứng trước gương, coi cái gương là khán giả. Có những lúc thể hiện nét mặt và cử chỉ của tay để cho người nghe có thể cảm nhận được đó là đoạn pháp cao trào. Trước khi lên giảng, tôi phải tập cả một tuần trước gương, nhưng vẫn chưa đủ tự tin nên cứ đến mùng 1 hoặc ngày rằm chúng tôi hay làm lễ cho Phật tử buổi sáng. Có khoảng 20 – 30 người đến, khi làm lễ xong tôi bảo các cụ phải ngồi lại nghe tôi tập giảng. Ban đầu, người thì ngủ gật, cụ thì tựa cột, nhưng mình không biết cứ thế giảng từ 9h – 11h30 mới cho các cụ nghỉ. Nhưng phải tra tấn các cụ như thế thì bây giờ quý vị mới được nghe những kinh nghiệm như thế này.*

*Khi lên bục giảng, do có sự rèn luyện cẩn thận như thế nên ngày nào tôi lên giảng thì hội trường cũng chật. Đó cũng là cách mà các Hòa Thượng, Thượng Tọa dạy cho chúng tôi. Các đệ tử của tôi, hôm nay lên ngồi đây, không phải lên ngồi không, mà để xem phong cách giảng của thầy như thế nào. Một vài năm nữa, khi tôi già đi, tuổi sẽ yếu đi, công việc Phật sự cũng nhiều hơn. Nên những buổi giảng như thế này, có thể giao cho các đệ tử thay nhau giảng được để hoằng pháp. Nghe để học, chứ không phải chỉ nghe rồi để đó.*

Trở lại bài, Hòa Thượng Tịnh Không nói chúng sinh ở cõi âm họ thích nhất là nghe kinh Địa Tạng. Thực tế là từ kinh nghiệm 21 ngày vừa qua, qua cảm nhận của chúng tôi thì lời của Hòa Thượng nói không sai. Hòa Thượng hiểu rõ được tâm tính của chúng sinh. Theo như các Tổ ngày xưa, thì có thể nói rằng Ngài đã chứng được các phép thần thông. Qua một câu chuyện, tôi được nghe qua băng giảng của Ngài nói rằng khi Ngài đang ở bên Úc, có một gia đình Phật tử gốc Hoa nhưng Quốc tịch Mỹ. Gia đình đó cũng rất tín tâm với Phật pháp, nhất là cô con gái của cụ, tu theo Tịnh Tông Học Hội thế giới, một lòng niệm Phật cầu sinh Tây Phương. Một hôm bà cụ ấy yếu, nhờ ban trợ niệm đến trợ niệm. Qua 5 – 6 ngày trợ niệm bà cụ vẫn chưa đi, ban trợ niệm định ra về, khi nào cụ yếu thì đến. Nhưng bà cụ xin các quý liên hữu hãy vì cụ mà tiếp tục niệm Phật thêm 2 – 3 ngày nữa. Sang ngày thứ 3 thì bà cụ không niệm Phật được to nữa, chỉ mấp máy môi thôi. Cô con gái gọi điện bạch Hòa Thượng, mẹ con sắp đi rồi mà sao cụ vẫn chưa đi? Xin Hòa thượng khai thị cho. Ở tận bên Úc, Hòa Thượng nói tại sao bà không đi đi, hay còn điều gì luyến tiếc? A Mi Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí, các vị Bồ Tát đầy trên hư không đến đón rồi mà sao không đi. Nghe xong như vậy bà cụ nở nụ cười rồi ra đi mojt cách nhẹ nhàng. Nếu không có thần thông sao Ngài có thể biết được như thế.

Vậy nên, tôi tin hoàn toàn vào lời Hòa Thượng nói, ở dưới cõi âm, chúng sinh thích nhất là Kinh Địa Tạng. Đói thì cần phải cho ăn, khát cho uống… sau đó mới thuyết Pháp cho họ nghe. Tư tưởng trong Kinh Dược Sư, Đức Phật cũng nói, chúng sinh cho ăn no rồi thuyết pháp thì chắc chắn nó sẽ nghe, khi mang ơn mình thì họ sẽ nghe mình. Qua một tháng, từ khi hội tập xong cho tăng, ni, tín đồ Phật tử đọc tụng chúng tôi thấy sự vi diệu vô cùng. Hôm nay, tôi đã là tròn lời hứa với quý vị, mưa không quá lớn, Hà Nội không bị ngập lụt như dự báo. Nam Định ngập lụt, Hải Phòng ngập lụt, Quảng Ninh cũng thế. Tỉnh miền núi như Điện Biên cũng ngập lụt. Hà Nội, đài báo cũng bị ngập lụt. Nhưng tôi bảo quý vị cứ nhất tâm đọc kinh đi thì trong phạm vi 100 do tuần, trong phạm vi của Hà Nội, Hòa Bình, Phúc Thọ, Việt Trì… Lấy nơi đây là trung tâm, phạm vi khoảng 140km thì không sợ bị ngập lụt. Mặc dù đài, báo đăng tin rất nhiều, thậm chí có cả phương án di rời trên 20 nghìn dân ven sông hồng và khu vực trũng. Nhưng tôi bảo các cụ yên tâm, cho dù nhà có ở vùng sâu, ven biển cũng hãy yên tâm mà tụng kinh, không phải lo nhà bị ngập. Trời nắng cũng không quá 32°C, không cao đến hơn 40°C như mấy hôm trước nữa. Đó là do công đức, đọc tụng, thọ trì Kinh Địa Tạng, cảm được Thiên, Long, Bát Bộ và các vị thần linh. Nếu chúng ta nhất tâm, thì có cầu sẽ có cảm, và có ứng. Đây không phải là tôi hay quý vị có thần thông, mà là nhờ vào lòng chí thành của chúng ta nên cảm được chư Phật, Bồ Tát, đặc biệt là Địa Tạng Vương Bô Tát, các vị Thiên, Long, Bát Bộ.

Nói như vậy để thấy rằng, công đức đọc tụng, thọ trì và truyền bá Kinh Địa Tạng này là rất lớn. Trước đây chúng ta nghĩ rằng bộ Kinh này chỉ dành cho người chết. Nhưng không phải, bộ Kinh này nếu dành cho người chết thì tại sao Đức Phật không thuyết Kinh ở dưới Địa ngục? Bộ Kinh này phần lớn là dành cho chúng chư Thiên từ cung trời Đao Lợi trở lên, cõi trời Tứ Thiên Vương và nhân gian chúng ta chỉ được nương theo thôi. Bộ Kinh này, Ngài thuyết trên cung trời Đao Lợi với mục đích tri ân, báo ân, báo hiếu cho thân mẫu của mình đang ở trên cõi trời rồi mà còn có phúc báo để trở thành các vị Đại Bồ Tát. Đức Phật phó chúc cho Bồ Tát Địa Tạng, giao trọng trách cho Ngài khi Đức Như Lai nhập niết bàn. Chúng sinh ở cõi Nam Diêm Phù Đề này khổ lắm, nên ông phải dùng phương tiện cứu độ họ. Ai có duyên thì ông độ trước, đối với những người còn cang cường, ương ngạnh thì đợi khi nào nó khổ đến cùng cực. Xưa có câu: khổ tận cam lai nghĩa là khổ đến cùng cực thì niềm vui bắt đầu sẽ đến. Cam chỉ cho sự ngọt ngào, hạnh phúc. Khi khổ quá chúng ta mới nghĩ đến những điềm thiện, khi đó tâm chúng ta hướng thiện dần dần. Khi hướng thiện rồi thì phúc sẽ dần được sinh ra.

Vậy nên, tôi tha thiết khuyến khích các vị đọc tụng, thọ trì bộ Kinh Địa Tạng này, cùng với chúng tôi phát nguyện ba năm đọc tụng để cầu nguyện cho quốc thái, dân an, thế giới hòa bình, chúng sinh an lạc, tránh được cuộc đại chiến có thể sẽ xảy ra trong thời gian tới.

Bước đầu, có thể là sự tranh chấp nhỏ như biển đảo, biên giới. Nhưng bây giờ, chiến tranh không phải đơn giản chỉ xảy ra giữa hai quốc gia với nhau mà còn có liên quan đến các đồng minh, sự liên quan chằng chịt về lợi ích giữa các quốc gia, nhất là giữa các cường quốc trên thế giới. Họ muốn có vị thế của họ nên khi chiến tranh xảy ra giữa hai nước thì cũng tạo ra chiến tranh đồng minh, rồi chiến tranh thế giới. Các vũ khí, chế tài quân sự ngày càng phát triển, có sức hủy diệt lớn vô cùng, khi chiến tranh xảy ra, biết bao người vô tội cũng sẽ bị chết. Chỉ một tên lửa thôi, nhưng rơi đúng vào khu dân cư, nếu vào một xã thì cả một xã vị xóa sổ. Sức công phá của vũ khí hạt nhân kinh khủng không thể tưởng tượng được, khi chiến tranh đại chiến xảy ra thì biết bao mạng sống ở thế gian đều bị hủy diệt.

Vậy nên, chúng ta cố gắng đọc tụng, thọ trì bộ kinh này 3 năm, cầu nguyện chư Phật, Bồ Tát, đặc biệt là Địa Tạng Vương Bồ Tát và các vị thần linh sắp xếp để cho cuộc đại chiến đó không xảy ra.

*Ví như năm 1963, ở Việt Nam tổng thống Ngô Văn Thiệu là một người ác vô cùng, đàn áp Phật giáo, giết chư tăng, giết Phật tử, thậm chí ngày lễ Vu Lan cũng không cho treo cờ Phật giáo. Họ muốn xóa bỏ Phật giáo ra khỏi đời sống tâm linh của Việt Nam chúng ta. Khi đó, đất nước Việt Nam vẫn bị chia cắt. Đàng ngoài thì do Đảng, Bác Hồ lãnh đạo. Đàng trong thì do Ngô Văn Thiệu Lãnh đạo. Tư tưởng và chính sách cực đoan như thế, cho nên Phật giáo liên tiếp có nhiều cuộc biểu tình đứng ra phản đối. Mấy tháng sau, ông bị chính những người thân cận nhất cầm súng bắn chết ông ấy. Khi ông chết đi, những chính sách hà khắc với Phật giáo được thay đổi, đồng thời cũng mở ra một trang sử mới, một cơ hội mới để toàn dân, toàn quân ta mở cuộc tổng tiến công vào năm 1975 thì mới thắng được. Nếu không có loạn về chính trị, thì chúng ta không thể chiến thắng được. Ở đàng trong, thì được sự viện trợ của Mỹ, vũ khí hiện đại, còn đàng ngoài chúng ta thì vũ khí thô sơ, chỉ có lòng người đoàn kết. Ý chí giải phóng đất nước, thống nhất dân tộc về một mối là kiên cường là yếu tố quyết định thắng lợi của cuộc tổng tiến công.*

*Từ năm 1963, tổng thống Thiệu khi bị ám sát, thể chế chịnh trị đàng trong bị rối loạn. Tết Mậu Thân năm 1968, Đảng, Nhà nước mở một cuộc tiến công, tuy không giành thắng lợi nhưng cũng làm suy yếu quân địch khá nhiều. Đến năm 1975 thì mới chiến thắng được. Vậy nên, chúng ta thấy, yếu tố của người đứng đầu cho một thể chế chính trị quyết định vận mệnh của quốc gia đó hay vận mệnh của khu vực đó rất quan trọng. Vì vậy, những người hung hăng, háo chiến nếu để lại thì có thể xảy ra một cuộc đại chiến lớn. Các vị Thiên, Long, Bát Bộ và các vị Thần linh sử lý. Ví như qua đêm, bị trúng gió không đi lại được thì không quản lý đất nước được, người khác lên thay thì chế độ sẽ khác.*

*Ngày xưa, ở bên Trung Quốc Phật giáo có 4 tai nạn hủy diệt Phật giáo gọi là Tam Võ Nhất Chu – 3 đời vua họ Võ và một ông vua đời nhà Chu là hủy diệt Phật giáo, hủy diệt đến tận cùng luôn. Sư trẻ thì bắt về đi lính, tượng Phật, chuông đồng thì lấy đúc súng, vũ khí để mở rộng bờ cõi, chùa thì bị đốt phá. Sau khi ra lệnh hủy diệt Phật giáo thì ông vua sống lâu nhất là được 7 năm, có ông được 3 tháng. Nhưng đều bị chết một cách đau đớn, khổ cực, có ông thì tự nhiên bị bệnh hủy, không có cácg cứu chữa, một thời gian cũng chết. Con lên nối ngôi, liền thay đổi chính sách, cho khôi phục, xây dựng chùa, tăng ni được xuất gia trở lại, khi đó đất nước được bình yên.*

*Việt Nam cũng có ở thời Tiền Lê. Ông Vua Lê Long Đĩnh, là một ông vua cực ác, hoang dâm vô độ, không quan tâm tới việc triều chính. Ông vua này còn được gọi là Lê Ngọa Triều vì mỗi khi lên triều ông ta thường phải nằm do bị bệnh không ngồi được. Ông ta ác nhất trong lịch sử của đất nước ta từ khi du nhập đến bây giờ. Kinh thành lúc bấy giờ vẫn ở dưới Hoa Lư – Ninh Bình, bấy giờ có một vị sư Ni rất xinh, tướng hảo. Trong lòng ông vua rất muốn vị sư Ni đó hoàn tục để làm thê, thiếp của mình. Nhưng vị sư Ni đó nhất định không, đi tu nương nhờ cửa Phật, một lòng cầu giải thoát rồi nên quyền cao, chức trọng kể cả được là Hoàng Hậu cũng không màng đến. Thà chết chứ không hoàn tục, phá giới để về. Ông vua đó cho bắt vị sư Ni trói tay lại, và bắt quỳ dưới ngai vàng bảo là phạm tội chống thánh chỉ của vua. Ông lấy cây mía, gác lên đầu vị sư ấy rồi dóc mía. Thỉnh thoảng ông giả vờ trượt con dao vào đầu vị sư đó, máu chảy rất nhiều và lấy đó làm niềm vui.*

*Vậy nên, trong lịch sử Việt Nam các triều đại vua chúa từ trước tới nay thì ông vua Lê Long Đĩnh là ông vua ác nhất. Một thời gian sau, thì ông mắc những căn bệnh không thể chữa được, phải nằm để xử lý việc triều chính. Thiền sư Vạn Hạnh và các vị đai thần trong triều nói rằng một ông vua hoang dâm vô độ, suốt ngày rượu chè, không quan tâm triều chính mà lại ác độc như thế thì sao có thể làm cha lành cho muôn dân được. Vì thế tìm cách phế truất và đưa Lý Công Uẩn lên ngôi mà không mất một giọt máu nào, mà thay được cả một thể chế triều chính mới.*

Quý vị thấy, ở Việt Nam chúng ta cũng đã có rồi, xưa nay đều có. Vậy nên, chúng ta càng tin tưởng phát nguyện đọc tụng, thọ trì kinh Địa Tạng 3 năm, nếu nước nào khởi ác tâm gây chiến với Việt Nam thì nhờ sự gia trì của Thiên, Long, Bát Bộ, Phật, Bồ Tát can thiệp vấn đề này. Đức Phật là Ngài không can thiệp vấn đề này vì đây là nghiệp của chúng sinh. Nhưng các vị Thiên, Long, Bát Bộ, các vị Hộ Pháp các Ngài sẽ bảo vệ những người yếu thế hơn nhưng làm đúng với đạo đức luân thường đạo lý của xã hội.

Trong kinh này, các vị Qủy Thần cũng nói rằng ở đâu có người đọc tụng, thọ trì kinh này thì sẽ dùng hết thần lực của chúng con để bảo hộ người đó. Chúng ta không cầu các vị bảo hộ cho bản thân một mình chúng ta là những người tu, mà chúng ta cầu các vị thần linh, quỷ thần dùng thần lực của mình, đồng thời cũng cầu nguyện bốn vị Thiên Vương để gia trì cho quốc thái, dân an, chúng sinh an lành, hạnh phúc.

***“Các ông Đại Bồ Tát, chúng Thiên, Long, Qủy, Thần, phải hộ trì******Kinh này, truyền bá cho rộng khắp. Ngay khi ấy, Bồ Tát Định Tự Tại Vương liền bạch với Đức Phật rằng:“Kính lạy Đức Thế Tôn, xin đừng quá bận tâm, chúng con trong hội đây, có trăm nghìn vạn ức, Bồ Tát Ma Ha Tát, thường vâng theo lời Phật, mà biên chép, diễn giảng, Kinh của Phật phó chúc, rộng ra khắp các nơi, cõi Nam Diêm Phù Đề, khiến cho các chúng sinh, thảy đều được lợi ích”.***

***Tác bạch vừa xong rồi, Bồ Tát Định Tự Tại Vương cung kính và chắp tay, đối trước Đức Thế Tôn đỉnh lễ mà thoái lui. ”.***

Ngay sau đoạn Đức Phật nói với Bồ Tát Định Tự Tại Vương Như Lai, thì Đức Phật cũng phó chúc cho bốn vị Thiên Vương, ở cõi Trời thấp nhất, ngay sát với cõi người, có trách nhiệm bảo vệ những người đọc tụng, thọ trì Kinh Bản Nguyện Của Bồ Tát Địa Tạng, thậm chí là cả Thiên Đế Thích Kiều Thi Ca - Ngọc Hoàng Thượng Đế cũng có trách nhiệm để an dân. Nơi nào có chúng sinh sống thuần tịnh, thuần thiện, chúng sinh hướng thiện, đọc tụng thọ trì bộ kinh này thì ông cũng có trách nhiệm hộ trì những người đọc tụng đó, những khu vực đó.

Chúng ta cứ nhất tâm đọc tụng, cùng với Tăng, ni trong Đạo Tràng Tịnh Tông Học Hội Việt Nam đọc tụng mỗi ngày 3 thời trong vòng 3 năm, gia đình chúng ta sẽ được tiêu trừ nghiệp chướng. Đất khu ở sẽ được màu mỡ, tốt tươi. Nếu có các vong linh, quỷ thần trước kia ở đó, thì nay đều được Bồ Tát Địa Tạng hóa độ, các vị đại quỷ thần đều hộ trì cho, bảo các vị tiểu quỷ phải cung kính người đọc tụng, thọ trì Kinh Địa Tạng, cũng như cung kính, đỉnh lễ Đức Phật vậy. Từ một người gặp Qủy Thần sợ run người, bây giờ do công đức tụng kinh Địa Tạng, do lệnh của chúa Qủy, các tiểu quỷ nhìn thấy chúng ta cũng phải chào từ xa.

Trước kia chúng ta không biết, nhưng nay đã được học, nghiên cứu mà công đức chúng ta cũng đã được chiêm nghiệm rõ ràng. Xong Pháp Hội nếu mà chúng ta không đọc tụng nữa thì mọi thứ cũng sẽ khác ngay, kể cả thời tiết cũng thế. Nếu chúng ta nhất tâm đọc tụng với nhau thì sẽ được giảm đi rất nhiều. Đặc biệt là cầu nguyện cho đất nước và thế giới của chúng ta được hòa bình.

Vấn đề biển đông bây giờ đang rất nóng, và ảnh hưởng trực tiếp đến Việt Nam chúng ta. Một vài vị tướng của Trung Quốc tuyên bố loạt đạn đầu tiên sẽ san bằng các cơ sở quân sự của chúng ta. Với dã tâm độc ác như thế, nếu để xảy ra chiến tranh thì cả quốc gia đều lâm nguy. Người đệ tử Phật chúng ta, có niềm tin chân chính vào Phật, Bồ Tát, vào các vị Thiện Thần hộ trì Phật Pháp, đặc biệt là Bộ Kinh Địa Tạng này. **Nơi nào có người đọc tụng Kinh này 21 ngày trở lên nơi đó tránh được các tai nạn về giặc, ác quỷ, ma vương.** Vì sao? Vì khi đọc tụng thì chư Phật, Bồ Tát, Qủy thần đều vân tập để tán dương, khen ngợi cho nên ma vương không thể lọt vào được. Chúng ta làm việc chân chính, chúng ta có nhiều người thì họ cũng không thể làm được gì chúng ta.

Dẫu cho Thiên Ma, Qủy thần có sai người đến cũng không phá được vì có Thiên, Long, Hộ Pháp, các vị chính thần hộ về cho chúng ta, bảo vệ chúng ta. Tôi tha thiết mong các Phật tử trong đạo tràng chúng ta cố gắng đọc tụng bộ kinh này một ngày đủ ba thời. Nếu cầu nguyện cho gia đình nhà mình nữa thì cứ lấy 7 bảy chén nước lên trên ban thờ, sáng sớm hôm sau đầy đủ oai nghi lên thay nước, dùng chén ơ giữa vảy khắp khu đất ở, trong nhà Phật gọi là khai quang, tẩy uế. Trên tay của Bồ Tát Quán Thế Âm còn có một bình tịnh thủy đựng nước bát công đức. Nước chúng ta cúng dàng ngài Địa Tạng rồi xin xuống đó thì cũng gọi là nước bát công đức – có tám loại công đức. Trong Nhị phái hợp giải nói rằng: uống vào mát mẻ, trừ bệnh, trừ não, tiêu nghiệp, tăng trưởng công đức, tăng trưởng tuổi thọ, lòng được hoan hỷ, dễ phát đại bồ đề tâm. Nay chúng ta dùng nước đó để rưới quanh khu đất ở để cho các cô hồn phảng phất, ngày xưa họ chết ở khu đất chúng ta ở họ chưa được giải thoát nên thần thức của họ vẫn ở trong đống xương khô đã mục hòa chung với đất ở trong khu đất nhà chúng ta xây nên.

Có những vị là người bị chết nên sinh ra thần thức đó, có những vị là chính những con thú: chuột, ếch, rắn, cóc nó đã thành tinh đã chết mà thần thức không siêu thoát được. Khi chúng ta vảy nước bát công đức thủy do công đức trì tụng kinh Địa Tạng, chúng ta vảy vào họ, khi họ đang bị đau đớn thì sẽ đỡ đau. Giống như người bị bỏng mà được bôi thuốc, giống như người đứt tay mà được khâu vá lại. Công đức của nước bát công đức nó có sự hàn gắn dần dần như thế. Họ sẽ tiếp nhận được năng lượng của nước bát công đức thủy do sự trì tụng kinh Địa Tạng mà sinh ra, đất khu ở sẽ được mát mẻ, các vong hồn ở đó dần dần được giải thoát.

Vậy nên, chúng ta cần phải nhất tâm thọ trì Bộ Kinh Địa Tạng này. Càng nhiều người đọc tụng thì sức càng mạnh, sự cộng hưởng vô cùng lớn quý vị không thể biết hết được. Không chỉ cung Trời Đao Lợi nghe thấy mà lên đến tận các cõi Trời Dục giới, Sắc giới và Vô Sắc giới. Không dừng lại ở đó mà còn sâu như địa ngục A Tỳ cũng bị rung động. Với cách đọc tụng như thế này thì từ 100 người trở lên cùng đọc tụng bộ Kinh Địa Tạng này thì thấu đến tận Địa Ngục A Tỳ. Khi đọc với nhịp điệu như thế, tạo ra một làn sóng âm lan truyền làm rung động cả A Tỳ.

Chúng ta tuy không trực tiếp xuống đó để cứu người, nhưng chúng ta tác động cầu nguyện Địa Tạng Bồ Tát và Địa Tạng Bồ Tát thay chúng ta làm việc đó, đấy chính là cứu người chính là độ sinh vậy. Bồ Tát Địa Tạng Ngài sẵn sàng dành trọn công đức đó cho chúng ta, nhưng chúng ta bạch với Bồ Tát chúng con xin học theo hạnh của Ngài, công đức có được con xin hồi hướng hết cho chúng sinh, mong cho chúng đó sớm thoát khổ, được sinh về các cõi lành, cõi Phật Tịnh Độ khắp mười phương. Làm được như vậy thì chúng ta cũng chính là Bồ Tát thực sự. Nếu chúng ta còn cầu 50% cho mình, cho gia đình tức là chúng ta còn là phàm phu hướng thiện, còn thấy có tướng để cầu, tướng để nguyện. Khi thấy tất cả nỗi khổ của chúng sinh là nỗi khổ của mình, lấy niềm vui của chúng sinh là niềm vui của mình, lấy nỗi đau của chúng sinh là nỗi đau của mình.

 Bạch với Bồ Tát Địa Tạng rằng: Con xin học theo Ngài, Ngài đã từ hằng hà sa số kiếp vì tất cả chúng sinh, trong đó có chúng con, nhiều kiếp trước chúng con cũng đã từng ở đó, được Ngài cứu đưa ra. Nay được gặp Phật pháp, được Ngài chỉ dạy, chúng con được biết đến Kinh Địa Tạng, được tin vào Kinh Địa Tạng để thọ trì, đọc tụng. Nhớ đến công đức của Ngài và thương chúng sinh khổ nên chúng con không cầu phúc báo cho bản thân mình mà nguyện cùng với Ngài đem tất cả công đức có được hồi hướng khắp chúng sinh, địa ngục sớm được trống rỗng, ngã quỷ sớm siêu thoát và súc sinh thì sớm được thoát khổ. Nhân gian này biết yêu thương, biết trân trọng mạng sống của đồng loại, nhẫn đến tất cả các loài nhỏ bé. Nhân gian này dần dần sẽ trở thành một cõi thuần tịnh, thuần thiện giống như một cõi Tịnh Độ của chư Phật.

Làm được như vậy thì Di Lặc Bồ Tát Ngài cũng rất hoan hỷ. Vì sao? Vì Ngài thấy chúng ta cũng đang góp phần làm cho thế giới này được trang nghiêm, thanh tịnh. Đến hơn 56 vạn năm nữa thì Ngài giáng sinh xuống nhân gian, khi đó cõi nhân gian này có sự thay đổi hoàn toàn. Trong kinh Phật, Đức Phật nói lúc đó tuổi thọ bình quân của con người là 8 vạn 4 nghìn tuổi. Các vị muốn thọ 8 vạn 4 nghìn tuổi thì hãy hồi hướng, tu tập làm sao để sinh lên các cõi trời. Khi Bồ Tát Di Lặc hạ sinh thì chúng ta đến nội viện cung trời Đâu Suất, xin Bồ Tát cho con thị giả Ngài, Ngài thành Phật thì con làm đệ tử, con trợ duyên giáo Pháp cho Ngài. Trước khi nhập Niết bàn thì Ngài thuyết kinh Pháp Hoa độ cho con thành Phật. Ai muốn thì phát nguyện như thế.

« Tôi thì tôi phát nguyện về Tây Phương, về gặp Sư Phụ. Xa sư phụ A Mi Đà lâu rồi nên phải về gặp Ngài đã. Các Phật tử cũng nên phát nguyện về đó. Tôi cũng mong rằng những chúng sinh được tụng Kinh Địa Tạng, được Địa Tạng cho lên học và nghe kinh, đến đời sau cũng lại được vãng sinh Tây Phương.

Bất cứ một đời nào tôi còn quay lại nhân gian này thì tất cả những chúng sinh đó đều là đệ tử của tôi, đều đến tìm học với tôi, và tôi đều hướng dẫn cho họ vãng sinh Tây Phương được về với A Mi Đà Phật. »

-*Hết Quyển Thượng-*